

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN VĂN HỌC

KIỂM KÊ
2011

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

TẤM GƯƠNG YÊU NƯỚC
VÀ LAO ĐỘNG NGHỆ THUẬT

KỶ NIỆM LẦN THỨ 150 NGÀY SINH
CỦA NHÀ THƠ (1822 — 1972)

THƯ VIỆN
KHOA HỌC
- XÃ HỘI
MIỀN NAM

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ NỘI — 1973

LỜI NÓI ĐẦU

NGUỖN ĐÌNH CHIẾU (1822-1888) là một nhà thơ lớn, tiêu biểu của dòng văn học yêu nước chống đê quốc xâm lược của nước ta ở cuối thế kỷ thứ XIX. Cuộc đời đầy nghị lực và khí tiết cùng những tác phẩm chứa chan nhiệt tình yêu nước và đậm đà bản sắc nhân dân của nhà thơ, từ trước đến nay, đã và đang góp phần cổ vũ mạnh mẽ sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm giành độc lập và thống nhất của đất nước ta.

Trong thời gian qua, sự nghiệp sáng tác Nguyễn Đình Chiểu đã được giới nghiên cứu văn học nước ta, đặc biệt là ở miền Bắc, quan tâm sưu tập và nghiên cứu với một môi cảm tình nồng hậu và một thái độ trân trọng. Theo chủ trương của Đảng Lao động Việt - nam và Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, lễ kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của nhà thơ, đã được tổ chức trọng thể vào tháng 7-1972. Nhân dịp đó, việc thảo luận, nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu càng được đẩy mạnh. Nhiều đồng chí lãnh đạo, nhiều nhà nghiên cứu về văn học, sử học, triết học... đã phát biểu ý kiến và viết luận văn nghiên cứu sâu sắc về Nguyễn Đình Chiểu.

Đê đánh dấu lễ kỷ niệm đó, đồng thời đê tập hợp và hệ thống hóa lại một số thành tựu chính trong việc nghiên cứu về nhà thơ yêu nước này ở trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa của Tô quốc yêu quý, nhằm phục vụ công việc nghiên cứu,

Viện Văn học cho xuất bản cuốn *Nguyễn Đình Chiểu, tâm gương yêu nước và lao động nghệ thuật* này.

Cuốn sách gồm có hai phần.

— Phần thứ nhất, nhan đề là *Kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, đăng chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa về việc kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, diễn văn đọc trong lễ kỷ niệm và bài tường thuật các hoạt động kỷ niệm trong tháng 7-1972.

Chúng tôi cũng trân trọng in lại trong phần này bài *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* của đồng chí Phạm Văn Đồng, Ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam, Thủ tướng Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, viết cho *Tạp chí văn học* của Viện Văn học, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất Nguyễn Đình Chiểu vào tháng 7-1963.

— Phần thứ hai, nhan đề là *Nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu*, chọn lọc và in lại một số tiểu luận nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trong thời gian 10 năm qua, kể từ năm 1963, kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất đến năm 1972, kỷ niệm lần thứ 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu.

Phương hướng lựa chọn là cố gắng sưu tập tương đối đầy đủ những bài viết về các khía cạnh khác nhau và về các tác phẩm chính của Nguyễn Đình Chiểu. Phần lớn các bài ở đây đã được in trên các báo. Ở một số bài, các tác giả có sửa chữa, nhuận sắc lại. Mặt khác, để hạn chế bớt sự trùng lặp, người biên tập cũng xin phép được lược đi một đôi đoạn cần thiết. Trong trường hợp đó, sẽ cước chú xuống cuối trang, đặt trong vòng đơn hai chữ B.T. (cước chú của người biên tập). Do chỗ đây là một cuốn sách tập hợp bài viết của nhiều người, nên không tránh khỏi hiện tượng có một số ý kiến, nhận định chưa được nhất trí với nhau. Chúng tôi nghĩ rằng tình hình đó sẽ tạo ra một cơ sở thuận lợi, kích thích việc tiếp tục thảo luận và nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu. Nhằm mục đích

chuẩn bị cho công việc đó, chúng tôi đã in vào trong tập sách này những bài kiểm điểm và đặt vấn đề mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu, Niên biểu và Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu.

Cũng cần trình bày thêm là do chỗ văn bản các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu còn nhiều vấn đề phức tạp nên chúng tôi tạm giữ nguyên tài liệu trích dẫn của từng người viết.

Công việc sưu tập, lựa chọn và sắp xếp bài vở trong cuốn sách này do đồng chí Nguyễn Văn Hoàn (Ban Văn học Việt-nam, Viện Văn học) phụ trách. Trước khi đưa in, hai đồng chí Vũ Đức Phúc và Nguyễn Huệ Chi đã đọc và soát lại bản thảo. Ngoài ra đồng chí Trần Nghĩa và một vài đồng chí khác cũng đã giúp vào việc hoàn chỉnh bản thảo.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách này, Viện Văn học xin trân trọng cảm ơn các vị và các đồng chí đã vui lòng cho phép in lại công trình nghiên cứu của các vị và các đồng chí.

Hà-nội, ngày 1 tháng 8 năm 1972

VIỆN VĂN HỌC

PHẦN THỨ NHẤT

KỶ NIỆM NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
VỀ VIỆC KỶ NIỆM LẦN THỨ 150
NGÀY SINH NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Nguyễn Đình Chiểu (1822 — 1888) là một nhà thơ yêu nước tiêu biểu của dân tộc Việt-nam. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là một tấm gương sáng ngời về tinh thần bất khuất chống ngoại xâm, về lòng yêu nước, thương dân. Những tác phẩm của ông đã nêu cao lòng căm thù giặc Pháp và bọn phong kiến tay sai, kêu gọi mọi người đứng lên kháng chiến chống xâm lược, ca ngợi những thành tích anh hùng của dân tộc và nhân dân lao động trong công cuộc chống ngoại xâm.

Lễ kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu đến vào lúc cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã bước vào giai đoạn mới, lại càng có ý nghĩa quan trọng. Thông qua kỷ niệm lần này, cần động viên mọi người học tập và phát huy tinh thần yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, củng cố lòng tin sắt đá vào tiền đồ của Tổ quốc, nâng cao ý chí chiến đấu, bảo vệ và tăng cường miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ra sức chi viện tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Văn hóa phối hợp với Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam, Ủy ban Thống nhất, Hội liên hiệp Văn học — nghệ thuật, Hội nhà văn, Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài, các cơ quan thông tấn, báo chí... tổ chức trong tháng 7-1972 lễ kỷ niệm này một cách trang trọng, thiết thực và thích hợp với hoàn cảnh thời chiến.

Tháng 6-1972

TIÊU SỬ

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU (1822—1888) *

NHÀ thơ Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm ngọ, tức ngày 1 tháng 7 năm 1822 tại Gia-định (nay thuộc phạm vi thành phố Sài-gòn), trong một gia đình nhà Nho nghèo.

Thân sinh của nhà thơ là Nguyễn Đình Huy (sinh năm 1793), người Thừa-thiên (1), khoảng năm 1820 vào Gia-định làm thư lại (2) trong dinh Tổng trấn Gia định của Tả quân Lê văn Duyệt. Ở Thừa-thiên, Nguyễn Đình Huy đã có vợ và hai con, nhưng khi vào Gia-định, lại lấy thêm một

* Nguyễn Văn Hoàn biên soạn.

(1) Chưa rõ ở xã nào, huyện nào. Mai Huỳnh Hoa chép là xã Phước-diên, huyện Bồ-diễn. Nguyễn Bá Thế chỉ chép là xã Bồ-diễn. Phan Văn Hùm chép là xã Thượng-au, xứ Trung-kỳ. Vũ Đình Liên chép là xã Bồ-diễn, huyện Phước-diễn, tỉnh Thừa-thiên.

(2) Theo Nguyễn Đình Chiêm và Mai Huỳnh Hoa thì khi ở Huế, Nguyễn Đình Huy đã làm Đốc bộ, vào Gia-định được thăng Án sát, nhưng theo sự tra cứu của Phan Văn Hùm thì làm án sát lúc Lê Văn Khôi nổi dậy là « Nguyễn Chương Đạt,

người vợ thứ, tên là Trương Thị Thiệt (sinh năm 1800), người làng Tân-thới (1). Cuộc hôn nhân này đã sinh ra nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Năm Quý tị (1833) Lê Văn Duyệt chết. Minh Mệnh vốn căm ghét Lê Văn Duyệt vì Duyệt chủ trương tăng cường quyền hành địa phương của dinh Tổng trấn, nhưng vì Duyệt vốn thuộc hàng « khai quốc công thần » của Gia Long, lại nắm toàn bộ binh quyền một địa phương, uy thế rất lớn, nên Minh Mệnh chưa tiện trừng trị. Khi Lê Văn Duyệt đã chết, bọn quan lại đến thay Duyệt là Tổng đốc Nguyễn Văn Quế và Bố chánh Bạch Xuân Nguyên lợi dụng việc đó, liền dựng lên vụ án Lê Văn Duyệt có âm mưu chuẩn bị khởi loạn. Thế là mộ Lê Văn Duyệt liền

người xã Hưng-đình, huyện Bồ-diên, phủ Thừa-thiên»; hơn nữa, dưới bài tựa cuốn *Nguyễn chi thể phổ* do chính Nguyễn Đình Huy soạn năm Quý sửu (1853) thì vẫn ký là « Nguyên Tả quân Văn hàn ty thơ lại Dương Minh Phủ ». Dương Minh Phủ là tên tự của Nguyễn Đình Huy.

(1) Mai Huỳnh Hoa chép là làng Tân-khánh, huyện Bình-dương, hạt Gia-định. Georges Cordier trong *Littérature annamite, Extraits des prosateurs et poètes* cũng chép theo như thế. Nhưng Phan Văn Hùm lại chép là Tân-thới và chú rằng: « Thôn Tân-thới đích xác ở nơi nào thì hiện nay chưa khảo ra được. Duy biết Sài-gòn xưa gồm những 40 thôn, kể từ rạch Thị-ughè vô tới Chợ-lớn. Trong những thôn ấy nhiều thôn lấy tên có chữ Tân đứng đầu như Tân-khai, Tân-an, Tân-lộc, Tân-vĩnh, Tân-thạnh, Tân-kiêng, Tân-châu. Xem như thế thì thôn Tân-thới chắc là một thôn ở tại Sài-gòn ». « Theo gia phả chép khi bà Thiệt mất, chôn tại phường Tân-triêm. Mà Tân-triêm là ở vùng Cầu-kho bây giờ ». » Nay có thể tạm nhận Nguyễn Đình Chiểu là người thôn Tân-thới như mẹ của tiên sinh. Còn thôn Tân-thới thì ở trong vòng Sài-gòn, thuộc huyện Bình-dương, phủ Tân-bình, tỉnh Gia-định » (*Nỗi lòng Đồ Chiểu*, 1938, tr. 12—13).

bị san bằng, trên mộ dựng bia đá, khắc 8 chữ: *Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ* (nơi tên lộng quyền Lê Văn Duyệt chịu tội). Toàn bộ gia nhân của Lê Văn Duyệt đều bị hạ ngục. Được các tù nhân và nhân dân địa phương hưởng ứng, con nuôi Lê Văn Duyệt là Lê Văn Khôi liền nổi dậy, chiếm thành Phan-an (Sài-gòn), bắt trời Nguyễn Văn Quế và Bạch Xuân Nguyên, tẩm dầu vào người làm cây đuốc sống, tế trước mộ Lê Văn Duyệt. Năm 1835, cuộc nổi dậy đó bị đàn áp rất dã man. Hàng nghìn đồ đảng của Lê Văn Khôi và nhân dân bị giết và chôn chung vào một huyệt lớn mà triều Nguyễn gọi là « Mả ngựa ». Lê Văn Cù, con trai của Lê Văn Khôi, mới lên 8 tuổi, cùng các tướng tá của Khôi như Mạch Tấn Trai, Nguyễn Văn Hoànb, Nguyễn Văn Trầm, Nguyễn Văn Bột, giáo sĩ Mácsăng (Marchand, thường gọi là Cố Du) đều bị bắt, đưa về Huế xử tử.

Theo *Dại Nam chinh biên liệt truyện* thì Lê Văn Khôi vốn dòng họ Bế, quê ở Cao-bằng. Khi cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi bùng nổ ở Phan-an, triều Nguyễn liền hạ lệnh trục nã, bắt bớ họ hàng Khôi. Mồ mả ông nội và bố của Lê Văn Khôi liền bị quật, hài cốt bị đốt ra tro. Anh vợ Lê Văn Khôi là Nùng Văn Vàn, bấy giờ đang làm tri châu Bảo lạc, liền lãnh đạo họ hàng thân thích và đồng bào các dân tộc thiểu số, vốn chứa chất sẵn lòng căm thù đối với bọn quan lại tham nhũng và chính sách áp bức bóc lột hà khắc của triều Nguyễn, khởi nghĩa ở Tuyên-quang, rồi đánh lan ra Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-sơn.

Khi cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi bùng nổ, thân sinh Nguyễn Đình Chiểu, bỏ nhiệm sở, chạy trốn về Huế nên

bị triều Nguyễn cách chức. Sau đó Nguyễn Đình Chiểu được đưa ra Huế, ở nhờ nhà một người bạn của bố để học.

Khoảng năm Canh ti (1840), Nguyễn Đình Chiểu trở về Gia-định, và đến năm Qui mao (1843) thi đỗ tú tài ở trường thi Hương Gia-định. Lúc này ông 21 tuổi. Đỗ cử nhân cùng khoa có Đỗ Trinh Thoại, người Gò-công, sau làm tri huyện (tài liệu của Pháp thường ghi là « Huyện Thoại ») rồi khởi nghĩa chống Pháp và bị giết. Trong số hàng chục cử nhân, tú tài của khoa thi này, cuối cùng chỉ có hai người — Nguyễn Đình Chiểu và Đỗ Trinh Thoại — là còn lưu tên lại trong sử sách.

Năm Kỷ dậu (1849), Nguyễn Đình Chiểu đang ở Huế chờ khoa thi thì được tin mẹ mất (1). Ông liền trở về quê chịu tang, dục đờng vì khóc thương quá nên bị mù mắt. Lúc này ông mới 27 tuổi. Nguyễn Đình Chiểu liền đến trú tạm ở nhà thầy lang Trung để nhờ chữa bệnh. Bệnh không chữa được, nhưng ở đây ông bắt đầu học được nghề thuốc.

Bị tật nguyên mù lòa ngay giữa tuổi thanh niên, Nguyễn Đình Chiểu hết sức đau đớn về cảnh ngộ của mình :

*Dã cam chút phận dở dang,
Tri quân hai chữ mơ màng năm canh.
Dã cam lỗi với thương sanh,
Trách dân hai chữ lưỡng doanh ở lòng.*

(Ngư Tiểu văn đáp)

Tuy vậy Nguyễn Đình Chiểu không nản chí. Không thể « lập thân » bằng con đường khoa cử, ông quyết tâm đi

(1) Thân mẫu của Nguyễn Đình Chiểu mất ngày 15 tháng 11 năm Mậu thân, tức ngày 10-12-1842, thọ 48 tuổi. H. X. H. M. N.

vào con đường lập đức hành đạo và đem vốn sở học của mình làm những việc hữu ích cho nhân dân. Sau khi mất tang mẹ, ông mở trường dạy học ở Bình-vi (Gia-định), tiếp tục theo đuổi, học hỏi, nghiên cứu về nghề thuốc và bắt đầu sáng tác thơ văn. Học trò theo học ông rất đông. Hồi trước ông đã lấy hiệu là Mạch Trạch Phủ hay Trọng Phủ, nay bị mù ông lấy thêm biệt hiệu là Hối Trai (cái nhà tối). Có tài liệu cho biết: khi Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài, một nhà phú hộ trong vùng đã hứa gả con gái cho ông, nhưng đến nay thấy ông bị tàn tật mù lòa thì liền bội ước. Nguyễn Đình Chiểu đã ngoài ba mươi tuổi mà vẫn chưa lập được gia đình. Cảm thương tình cảnh đau khổ của thầy, một người học trò tên là Lê Tăng Quýnh, người làng Thanh-ba, quận Cần-giוע (1) đã xin cha mẹ đem em gái là Lê Thị Điền gả cho thầy học. Cũng trong thời gian này Nguyễn Đình Chiểu hoàn thành việc sáng tác truyện *Lục Vân Tiên* nổi tiếng, một cuốn truyện rõ ràng ít nhiều mang tinh chất tự truyện của tác giả (2).

Trong lúc Nguyễn Đình Chiểu mắc hết tai biến này đến tai biến khác (mẹ mất, thi cử dở dang, mù mắt, bị vợ chưa cưới bội ước, v.v...) thì tình hình đất nước cũng ngày một rối ren. Từ 1856, thực dân Pháp chính thức bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Năm Mậu ngọ (1858), thủy quân Pháp và Tây-ban-nha, gồm 14 chiến thuyền và 2.300 quân do đô đốc thủy quân Rigôn đờ Giouviy (Rigault de Genouilly) chỉ huy, sau khi bắn

(1) Mai Huỳnh Hoa ghi làng Thanh-ba, thuộc huyện Phước-lộc, Cần-giוע. Phan Văn Hùm cho là thuộc huyện Mỹ-lộc, tỉnh Gia-định và có chỗ lại chép thuộc tỉnh Chợ-lớn.

(2) Có nhiều ý kiến khác nhau trong việc đoán định thời gian sáng tác *Lục Vân Tiên*. Chúng tôi cho rằng *Lục Vân Tiên* được viết ra không sớm hơn năm bị mù (1849) và không muộn hơn năm Gia định thất thủ (1859).

phá Sơn-trà, đã đồ bộ lên chiếm cửa Hàn (Đà-nẵng), cửa ngõ của kinh đô Huế.

Thế là mở đầu một giai đoạn mới trong lịch sử nước ta và một giai đoạn mới trong cuộc đời sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

Năm 1859, vì vấp phải sự kháng cự của quân ta và vì có nạn dịch lớn, quân Pháp do Rigôn đờ Giơnuix chỉ huy, liền bỏ dở việc tấn công Đà-nẵng, đem chiến thuyền vào Nam, theo cửa biển Cần-giờ vào sông Bến-nghé, đánh chiếm thành Gia-định (18-2-1859), quê hương của Nguyễn Đình Chiểu. Trước kia nhà thơ chỉ mới biết cảnh khổ của nhân dân vì sưu cao thuế nặng, vì tệ những lạm hà hiếp của bọn quan lại triều Nguyễn, thì từ nay trở đi, nhà thơ lại được chứng kiến thêm nỗi khổ của « dân đen » trước cảnh nước mất nhà tan :

*Bỏ nhà lữ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dạt bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.*

Gia-định đã bị giặc chiếm. Nguyễn Đình Chiểu chạy về quê vợ và ở làng Thanh-ba, quận Cần-giוע. Nhưng đến ngày 14-12-1861, quân Pháp đánh chiếm luôn Cần-giוע, Tân-an, Gò-công ; mấy hôm sau nghĩa quân ta tập kích quân Pháp ở Gò công. Đỗ Trích Thoại, bạn đồng khoa với Nguyễn Đình Chiểu, cùng nhiều nghĩa binh bị hy sinh. Nguyễn Đình Chiểu viết bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע* nổi tiếng, thống thiết ca ngợi tinh thần anh dũng hy sinh vì Tổ quốc của những người nông dân bình thường :

*Đoài sông Cần-giוע, cỏ cây mấy dặm sầu giàng ;
Nhìn chợ Trường-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.*

Cũng trong thời gian ở Cần-giuộc, Nguyễn Đình Chiểu hoàn thành việc sáng tác truyện *Dương Từ — Hà Mậu*, trong đó ông chỉ trích đạo Phật và đạo Thiên chúa, đồng thời đề cao đạo Nho (1).

Thời gian này tình hình đất nước ngày một đen tối. Triều đình Huế sau một thời gian ngăn tổ chức việc kháng chiến một cách bị động và yếu ớt, đã đi từ sự nhượng bộ này đến hành động đầu hàng khác. Năm 1862, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, thay mặt triều đình Huế, ký hòa ước nhượng ba tỉnh miền Đông Nam-bộ — Gia-định, Biên-hòa, Định-tường — cho Pháp, thừa nhận quyền tự do thông thương, tự do truyền đạo và bồi thường binh phí 20 triệu phờ-răng trong 10 năm. Chống lại lệnh buộc phải giải binh của triều đình, Trương Định và nhiều lãnh tụ nghĩa quân khác vẫn tiếp tục duy trì cuộc kháng chiến ở vùng Gia-định, Gò-công dưới ngọn cờ *Phan Lâm mãi quốc, triều đình khù dân* (Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp bán nước, triều đình bỏ dân). Nguyễn Đình Chiểu hoàn toàn tán đồng hành động chống lại « thiên tử chiếu » của Trương Định và các sĩ phu kháng chiến. Người ta kể lại rằng trong thời kỳ ở Cần-giуộc, ông vẫn liên lạc thư từ với Đốc binh Lê và Trương Định. Năm 1863, tại Cần-giуộc, người em út của ông là Nguyễn Đình Huân đã tử trận trong hàng ngũ nghĩa binh chống Pháp của Đốc binh Lê. Không cam chịu ở lại trong vùng chiếm đóng của giặc, Nguyễn Đình Chiểu, cũng như Nguyễn Thông, Phan Văn Trị đã đi « tị địa » nơi khác. Nguyễn Đình Chiểu dời về Ba-tri (2), Bến-tre. Trong bài thơ

(1) *Dương Từ — Hà Mậu*, theo chúng tôi, đã được sáng tác trong khoảng thời gian từ khi thực dân Pháp bắt đầu gây hấn ở Nam-bộ (1856) cho đến khi Cần-giуộc thất thủ (1861).

(2) Theo Trương Vĩnh Ký thì đến năm 1877 Nguyễn Đình Chiểu mới dời xuống Bến-tre.

lưu giản làm khi từ biệt nhà ra đi, nhà thơ viết những lời hết sức cảm kích :

*Vì câu danh nghĩa phải đi ra,
Day mũi thuyền nam dạ xót xa.*

Trong thời gian ở Ba-tri, ông đã cùng Phan Văn Trị và Huỳnh Mẫn Đạt làm nhiều thơ sách họa, vạch mặt bọn nhà nho phản quốc, ra làm tay sai cho giặc như Tôn Thọ Tường.

Nhưng rồi trái với hy vọng và mong ước của ông, phong trào tự động kháng chiến của nhân dân, mặc dầu oanh liệt có thừa, nhưng rút cục đều lần lượt thất bại một cách đau đớn. Năm 1864, trong một trận đánh, Trương Định bị tử thương rồi tử sát. Năm 1867, ba tỉnh miền Tây Nam-bộ mất nốt vào tay giặc. Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử. Năm 1868, Phan Tông tử trận ở Bến-tre, Thủ khoa Huân bị giết ở Cù lao Ròng, Năm 1873, thành Hà-nội thất thủ lần thứ nhất, Nguyễn Tri Phương tuyệt thực chết. Năm 1882, Hà-nội thất thủ lần thứ hai, Hoàng Diệu tuân tiết. Năm 1885, giặc Pháp chiếm kinh đô Huế, vua Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng trị hạ chiếu Cần vương. Nhưng đến năm 1888, Hàm Nghi bị bắt và bị đày đi Angiêri. Tia hy vọng cuối cùng trong tâm khảm Nguyễn Đình Chiểu thế là cũng bị tắt nốt.

Những ngày sống ở Ba-tri là những ngày buồn thảm nhất trong cuộc đời của nhà thơ. Các bạn bè chí sĩ đã bị đày ra Bình-thuận, còn nhà thơ thì dời về An-bình-đông, cách chợ Ba-tri 2 cây số. Đây là thời gian ông sáng tác những bài văn tế, bài thơ điếu bi tráng, thương khóc bạn bè, đồng chí, đồng bào tuân tiết hoặc tử chiến và truyện *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, trong đó nổi bật lên ý chí kiên trung bất khuất, vì nước, vì dân :

Thà cho trước mắt mù mù,
 Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.
 Thà cho trước mắt vô nhân,
 Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.

(Ngư Tiểu văn đáp)

Đây cũng là thời gian nhà thơ sống nghèo nàn, thanh bạch, nhưng kiên quyết bất hợp tác với giặc, và dứt khoát cự tuyệt mọi sự mua chuộc. Nhà thơ đã lạnh lùng trả lời tên chủ tỉnh Bến-tre Misen Pongsông, ngỏ ý muốn trả lại ruộng đất cho nhà thơ: « Đất vua còn phải bỏ, đất của tôi có sá gì!». Đối với việc chính quyền thực dân muốn tỏ thái độ « tưởng lệ văn sĩ » bằng cách tư cấp tiền dưỡng lão cho ông, nhà thơ trả lời rằng ông sống đầy đủ giữa mòn dệ và đồng bào của mình. Người ta còn kể lại rằng nhà thơ không thích cả việc cho con học chữ quốc ngữ và không chịu dùng xà phòng.

Ngày 24 tháng 5 năm Mậu tý, tức ngày 3 tháng 7 năm 1888, Nguyễn Đình Chiểu thở hơi cuối cùng. Nhân dân Ba-tri cùng với bạn bè, học trò con cháu đi đưa đám ma ông rất đông. Hiện nay mộ nhà thơ ở làng An-đức (trước gọi là An-bình-dòng), tổng Bão-an, hạt Bến-tre, cách chợ Ba-tri khoảng hai cây số.

Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với vận mệnh của đất nước và của nhân dân ta trong cả một giai đoạn lịch sử bi tráng. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu phản ánh trung thành một thời đại và tiêu biểu cho tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của nhân dân ta trong cuối thế kỷ XIX.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

PHẠM VĂN ĐỒNG

*Bài viết cho Tạp chí Văn học
nhân kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất
của Nguyễn Đình Chiểu, 7-1963*

NGÔI sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này.

Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Có người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Lục Vân Tiên*, và hiểu *Lục Vân Tiên* khá thiên lệch về nội dung và về văn, còn rất ít biết thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống bọn xâm lược Pháp lúc chúng đến bờ cõi nước ta cách đây một trăm năm!

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước mà tác phẩm là những trang bất hủ ca ngợi cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay buổi đầu lúc chúng đặt chân lên đất nước chúng ta.

Nguyễn Đình Chiểu vốn là một nhà nho, nhưng sinh trưởng ở đất Đồng-nai hào phóng, lại sống giữa lúc nước nhà lâm nguy, vua nhà Nguyễn cam tâm bán nước để giữ ngai vàng, nhưng khắp nơi, nhân dân và sĩ phu anh dũng đứng lên đánh giặc cứu nước. Vì mù cả hai mắt, hoạt động của người chiến sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu là thơ văn. Và những tác phẩm đó, ngoài giá trị văn nghệ, còn quý giá ở chỗ nó soi sáng tâm hồn trong sáng và cao quý lạ thường của tác giả, và ghi lại lịch sử của một thời khổ nhục nhưng vĩ đại!

« Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã! » (1). Đời sống và hoạt động của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương anh dũng. Cảnh đất nước cũng như cảnh riêng càng long đong, đen tối, thì khi tiết của người chí sĩ yêu nước càng cao cả, rạng rỡ :

*Sự đời thà khuất đời trông thật,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương!*

Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ hy sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào giặc ngoại xâm và tội tó của chúng.

*Học theo ngòi bút chí công
Trong thi cho ngụ tấm lòng Xuân thu! (2)*

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!*

(1) Thấy việc nghĩa mà không làm là thiếu dũng cảm (B.T.).

(2) Ngụ ý khen chê như kình Xuân thu của Khổng Tử (B.T.).

Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức. Và Nguyễn Đình Chiểu quý trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng nấy :

*Thấy nay cũng nhóm văn chương,
Vóc dè, da cọp khôn lường thực hư !*

. . .

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam-bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời. Quân của triều đình dưới sự chỉ huy của một danh tướng lúc bấy giờ, Nguyễn Tri Phương đã đánh thua ở Sài-gòn. Tự Đức vội vã đầu hàng, năm 1862 cắt ba tỉnh miền Đông, năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc. Mặc dầu nước nhà gặp cảnh hiểm nghèo và khổ nhục như vậy, các tầng lớp nhân dân Nam-bộ lúc bấy giờ, nhân dân lao động và các bậc sĩ phu, đều kiên quyết vùng dậy đánh giặc cứu nước. « Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh ! ». Phong trào bắt đầu lên ở miền Đông, sau lan rộng khắp nơi ở Lục tỉnh, biến thành cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn, nhiều nơi, nhiều lúc sôi nổi và mạnh mẽ lạ thường, khiến cả kẻ thù cũng không tiếc lời tỏ lòng khâm phục (theo nhiều sách của người Pháp trong khi viết về cuộc chiến tranh xâm lược Nam-bộ) : Khởi nghĩa của Trương Định ở Gò-công, Thủ khoa Huân ở Mỹ-tho, Phan Liêm và Phan Tôn ở Bến-tre, Nguyễn Trung Trực ở Rạch-giá, Đỗ Thừa Lương và Đỗ Thừa Tự ở Cần-thơ, Nguyễn Văn Bường và Quản Hớn ở Hóc-môn, Bà-điêm, v.v... Làm sao sưu tầm tài liệu về những trang sử oanh liệt này, về biết bao cuộc chiến đấu anh dũng ở khắp nơi, về biết bao chiến

công của biết bao anh hùng liệt sĩ, để đánh giá đúng tầm rộng lớn và sức mạnh của phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ, một phong trào bắt nguồn từ lòng căm thù vô hạn của quần chúng nhân dân đối với giặc ngoại xâm, nguyện hy sinh tất cả và chiến đấu đến cùng để cứu nước, cứu dân. Chúng ta hãy nghe một đôi đoạn trong một bài hịch phổ biến lúc bấy giờ :

*Bớ các quan ơi, chớ thấy chín trùng (1) hòa nghị mà
tấm lòng địch khái nữ phòỉ pha, chớ rằng ba
tỉnh giao hòa mà cái việc cứu thù đành lơ lửng!*

*Bớ các làng ơi, chớ thấy đòn lũy dưới Gò-công thất
-thủ mà trở mặt hại nhau, chớ nghe trên Bến-
nghe (2) phân cử mà đành lòng theo mọi!*

*Hỡi ơi, oán nhường ấy, hận nhường ấy, cứu thù
nhường ấy, làm sao trả đặng mới can!*

*Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, nay
đành nữ bỏ qua sao phải?...*

Hồi tưởng cuộc chiến đấu anh dũng và song của dân tộc Việt-nam ta ở Nam-bộ lúc bấy giờ, ruột gan chúng ta đau như cắt xé. Giả như triều đình lúc bấy giờ không phải ở trong tay bọn vua chúa nhà Nguyễn phản bội và đầu hàng mà ở trong tay những người kế tục sự nghiệp của cuộc khởi nghĩa Tây-sơn, kế tục sự nghiệp yêu nước và anh dũng của Nguyễn Huệ, thì phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ ở Nam-bộ chắc còn mạnh mẽ hơn nhiều, nhất là đã được lãnh đạo thống nhất và kiên trì đấu tranh cho đến thắng lợi, đồng thời phong trào ấy chắc được sự ủng hộ kiên quyết của cả nước, như vậy đất Đồng-nai anh dũng từ đó đã trở nên bức thành

(1) Nhà vua (B.T.).

(2) Một địa điểm trên sông Bến-nghe đổ ra sông Sài-gòn (B.T.).

đồng ngăn chặn bọn cướp nước phương Tây xâm phạm đất nước chúng ta ở Nam-bộ, và do đó, đã bảo vệ vẹn toàn độc lập và thống nhất của Tổ quốc!

Cho nên không phải ngẫu nhiên mà thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, một phần lớn là những bài văn tế, ca ngợi những người anh hùng suốt đời tận trung với nước, và than khóc những người liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân. Ngôi bút, nghĩa là tâm hồn trung, của Nguyễn Đình Chiểu đã diễn tả, thật là sinh động và náo nùng, cảm tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân, vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cuốc, bồng chèo trở thành người anh hùng cứu nước.

Chúng ta hãy đọc lại nhiều đoạn trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע* :

Hỡi ôi!

Súng giặc đất rền,

Lòng dân trời lở.

*Mười năm công võ ruợng, chưa ắt còn danh nổi
như phao :*

*Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang
như mõ.*

Nhớ linh xưa :

Còt cút làm ăn,

Toan lo nghèo khó,

Chưa quen cung, ngựa, đầu lời trượng; nhưng (1),

Chỉ biết ruợng, trâu, ở theo làng bộ :

*Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn
quen làm ;*

(1) Nơi chiến trận (B.T.)

Tập khiên (1), tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa
từng ngó.

.....
Bữa thấy bông bông giăng trắng lớp, muốn tới
ăn gan ;
Ngày xem ống khói chạy đen sì (2), muốn ra căn cỏ.

.....
Ngoài cột có một manh áo vải, nào đợi mang bao
tấu, bầu ngồi (3) ;
Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chỉ nài sắm
dao tu, nón gõ.

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong
nhà dạy đạo kia (4) ;
Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém
rớt đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quân gióng trống kỳ, trống giục,
đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không ;

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa
xóng vào, liễu mình như chắt có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà,
ma ni (5) hồn kinh ;

Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng
súng nổ.

.....
Ồi !

Một trận khói tan ;

(1) Cái dùng để che đỡ mũi tên, mũi giáo lúc đánh trận (B.T.).

(2) Tàu thủy (B.T.).

(3) Túi đựng ngồi thuốc nổ (B.T.).

(4) Nơi giảng đạo Thiên chúa (B.T.).

(5) Mã tà: linh cảnh sát — Ma ni: linh mộ ở Phi-luật-tân
bấy giờ còn là thuộc địa của Tây-ban-nha (B.T.).

Nghìn năm tiết rỡ.

*Bình tướng nó hũy đóng sông Bến-nghé, ai làm
nền bốn phía mây đen !*

*Ông cha ta còn ở đất Đồng-nai, ai cứu đặng
một phương con đỏ !*

*Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu
tỉnh chúng đều khen ;*

*Thác mà ưng đình miếu đễ thờ, tiếng hay trái
muôn đời ai cũng mộ...*

Bài văn của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài *Bin*: Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi. Hai bài văn: hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Hịch của Nguyễn Trãi là khúc ca khải hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giуộc* là khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang: « *Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện được trả thù kia...* »

Có lẽ dưới tuổi vàng, linh hồn của Nguyễn Đình Chiểu và những nghĩa quân lúc bấy giờ, ngày nay phần nào đã được hả dạ !

Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đóa hoa, những hòn ngọc rất đẹp, như bài *Xúc cảnh* :

*Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông.
Chúa xuân đâu hỏi có hay không ?
Mây giăng ửi Bắc trông tin hạn,
Nguyệt xế non Nam bật tiếng hồng.
Bờ cõi xưa đã chia đất khác,
Nắng sương nay há đợi trời chung !*

Phong trào kháng Pháp khắp nơi sôi nổi và mạnh mẽ lúc bấy giờ ở Nam-bộ, làm nảy nở nhiều nhà văn, nhà

thơ tài năng xuất chúng, bản lĩnh phi thường, mà tác phẩm là những bông hoa của một thời buổi oanh liệt và đau thương: Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mãn Đạt, Nguyễn Văn Lạc, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp, v.v... Thật rất khó chọn một bài để thí dụ trong rất nhiều bài đều hay, đều có ý nghĩa và hương vị. Xin trích mấy câu trong bài thơ của Nguyễn Tư Giản tiền Nguyễn Thông về Bình-thuận (nguyên văn chữ Hán, dưới đây là văn dịch) :

*Bao giờ Bến-nghé lại trong,
Cho dòng sông Nhị vang lừng khải ca ?
Cưỡi thuyền lên tận Ngân-hà,
Biển xanh ra ngắm, trăng gà sáng soi.
Cảnh tình nghĩ lại chưa vui,
Núi sông còn gánh hai vai nặng nề.*

...

Bây giờ xin nói về *Lục Vân Tiên*, một tác phẩm lớn của Nguyễn Đình Chiểu, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam. Phải hiểu đúng *Lục Vân Tiên* thì mới thấy hết giá trị của bản trường ca này. Đúng, đây là một bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những người trung nghĩa ! Tất nhiên những giá trị Luân lý mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu cũng như nhiều bậc hiền triết ngày xưa ở phương Đông hoặc phương Tây, vẫn để lại cho đời sau những điều giáo huấn đáng quý trọng. Lại thêm Nguyễn Đình Chiểu suốt đời sống trong lòng của quần chúng nhân dân, giữa lúc nhân tình thế thái là sự mỉa mai đối với triết lý Khổng Mạnh. Chính Nguyễn Đình Chiểu phải

viết câu : *Trượng phu có chí ngang tàng !*, không thể tự trối mình trong khuôn khổ của đạo lý cổ truyền. Cho nên các nhân vật của *Lục Vân Tiên* : Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga, Tiểu đồng... là những người đáng quý, đáng yêu, trọng nghĩa, khinh tài, trước sau một lòng, mặc dầu khổ cực, gian nguy, quyết phấn đấu vì nghĩa lớn. Họ là những nhân vật của một thuở đã qua, điều đó không cần phải nói. Nhưng họ là những con người có ruột gan, xương thịt. Họ sống trong một xã hội cũng như biết bao xã hội từ xưa đến nay — có người tốt kẻ xấu, người ngay kẻ gian, có nhiều đau khổ, bất công. — họ đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi gian dối, bất công và họ đã thắng. Họ là những tấm gương dũng cảm. Vì những lẽ đó họ gần gũi chúng ta và câu chuyện của họ làm chúng ta cảm xúc và thích thú.

Về văn chương của *Lục Vân Tiên*, phải đề ý đây là một truyện « kể », truyện « nói ». Tác giả cố ý viết một lối văn « nôm na » dễ hiểu, dễ nhớ, có thể truyền bá rộng rãi trong dân gian. Có người hay hạch những chỗ lời văn không hay lắm ; ở đây phải nhớ rằng Nguyễn Đình Chiểu vì mù nên chỉ có thể đọc cho người khác viết, và như vậy, thật khó sửa chữa và duyệt lại nguyên bản ; lại thêm, đến nay chẳng ai biết nguyên bản ấy là bản nào ! Và hiện nay mấy bản sao mà người ta có thể căn cứ đều có chỗ khác nhau ! Dầu sao đòi chỗ sơ sót về văn chương không thể làm giảm giá trị văn nghệ của bản trường ca thật là hấp dẫn từ đầu đến cuối. Tôi không còn nhớ tôi đọc *Lục Vân Tiên* lúc nào, song đến nay tôi còn thuộc lòng nhiều vần thơ rất hay :

Kim Liên, ơi hỡi Kim Liên

Đầy xe cho chị qua miền Hà-khê.

.



*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ó.*

Trong dân gian miền Nam, người ta thích *Lục Vân Tiên*, người ta say sưa nghe « kể » *Lục Vân Tiên*, không chỉ vì nội dung câu chuyện, còn vì văn hay của *Lục Vân Tiên*.

Tóm lại Nguyễn Đình Chiểu là một người chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta. Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa và tư tưởng,

Nhân kỷ niệm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (3-7-1888), trong lòng chúng ta, chúng ta hãy đốt một nén hương để tưởng nhớ người con vinh quang của dân tộc !

**BÀI HỌC SỐNG, CHIẾN ĐẤU VÀ SÁNG TẠO
NGHỆ THUẬT CỦA NHÀ THƠ LỚN
NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU**

*Diễn văn do đồng chí HÀ HUY GIÁP,
Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ
Văn hóa, đọc tại cuộc mít tinh trọng thể kỷ
niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình
Chiều, tổ chức tại Hà-nội, tháng 7-1972.*

GIỮA lúc quân và dân hai miền Nam Bắc nước ta đang kiên trì và đầy mạnh cuộc chiến đấu vì độc lập và tự do của Tổ quốc, nhằm quét sạch bọn xâm lược Mỹ ra khỏi đất nước, đánh đổ bộ máy nguy quyền tay sai bán nước, đập tan bước leo thang giã vụn của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, chúng ta họp mặt ở thủ đô Hà-nội để kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh nhà thơ lớn của miền Nam, của Việt-nam — Nguyễn Đình Chiểu, nhà yêu nước, người nghệ sĩ tiêu biểu của văn thơ yêu nước cuối thế kỷ XIX.

Đã hơn 100 năm trôi qua ; từ bấy đến nay đã có nhiều thế hệ kế tiếp nhau tiến hành cuộc trường kỳ kháng chiến chống xâm lược rất vẻ vang của dân tộc. Đất nước Việt-nam cũng đã trải qua nhiều biến đổi sâu sắc. Xã hội Việt-nam ngày nay khác xa xã hội Việt-nam thời Nguyễn Đình Chiểu, vậy mà giữa chúng ta, những con người đang chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội giữa thế kỷ XX, với nhà thơ yêu nước cuối thế kỷ XIX vẫn có những cảm linh vô cùng thân thiết và gần gũi. Chúng ta tưởng như ở đâu đây — tại đồng bằng sông Cửu-long, hay nơi quê hương đồng khởi Bến-tre, nhà thơ vẫn sống, vẫn viết những bài văn ngợi ca người chiến sĩ chân đất, người nông dân bình thường đang làm nên những sự nghiệp long trời lở đất mà một thế kỷ trước đây ông hằng mơ ước.

Bởi vì, vấn đề đặt ra ở thời đại Nguyễn Đình Chiểu thì chính thế hệ chúng ta ngày nay đang giải quyết. Vấn đề mà ở Nguyễn Đình Chiểu là bị kịch thì, với thời đại chúng ta, đang trở thành anh hùng ca. Chúng ta với ông có một kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, có chung một niềm khát vọng thiết tha là độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, hạnh phúc cho nhân dân và một cuộc sống tình nghĩa, nhân hậu giữa con người.

Cho nên chúng ta căm ghét điều mà Nguyễn Đình Chiểu căm ghét, chúng ta yêu thương điều mà Nguyễn Đình Chiểu yêu thương, Nguyễn Đình Chiểu rất cổ điển mà cũng rất hiện đại. Cuộc đời ông, thơ văn ông vẫn là niềm kích động, cổ vũ cho sự nghiệp của chúng ta. Mỗi chúng ta có thể rút ra bài học cho mình từ cuộc đời và sự nghiệp của ông.: *bài học sống, chiến đấu và sáng tạo nghệ thuật.*

Tấm gương đạo đức, nhân nghĩa (1).

Trước khi bàn đến những cống hiến của Nguyễn Đình Chiểu trong sự nghiệp thơ, văn và cuộc sống, chúng tôi muốn nói về con người và cuộc đời riêng của ông. Bởi vì ở Nguyễn Đình Chiểu, cuộc đời riêng và sự nghiệp hầu như chỉ là một, nó hài hòa cùng nhau và xây dựng trên một nguyên tắc đạo lý. Ở ông, cuộc đời cũng là một tấm gương sáng như sự nghiệp : tấm gương về đạo đức, nhân nghĩa.

Đời ông là một cuộc đấu tranh gay go gian khổ để chống lại hoàn cảnh. Những bất hạnh của cuộc đời riêng, những bất hạnh của dân tộc là những thử thách vô cùng lớn lao đối với ông. Đấu tranh để không bị gục ngã trước số phận khắc nghiệt và tàn bạo, đấu tranh để chống lại những lười bầy của kẻ thù, những thành kiến lỗi thời của xã hội... Đấu tranh với bên ngoài, đấu tranh với cả bản thân trước những ảnh hưởng tiêu cực của Nho giáo để gia nhập vào hàng ngũ nhân dân cách mạng và trở thành người nghệ sĩ của nhân dân. Đấu tranh không phải chỉ để giữ mình mà để khẳng định vị trí chiến đấu của bản thân mình trong cuộc đời với tư cách người công dân, người trí thức, người nghệ sĩ.

Nguyễn Đình Chiểu sinh ra và lớn lên trong lúc chế độ phong kiến quan liêu nhà Nguyễn được khôi phục — một chế độ đã hoàn toàn lỗi thời và mục nát, đại biểu cho một giai cấp thống trị đã hết vai trò lịch sử, trở thành phản động, trở thành kẻ thù của nhân dân, phản lại quyền lợi của dân tộc.

Thời thanh niên, Nguyễn Đình Chiểu đã phải chứng kiến tình trạng sâu mọt, thối nát của chế độ phong kiến

(1) Những đầu đề nhỏ trong bài này là do báo *Nhà Văn* số 5-7-1972 thêm vào (B.T.).

ấy. Ông đã từng nuôi khát vọng thiết tha — khát vọng muốn đời không tưởng của người nông dân về một xã hội phong kiến tốt đẹp bao gồm những minh quân, lương tướng, xây dựng trên nguyên lý công bằng, bác ái... Nhưng trong thực tế ông chỉ được chứng kiến những cảnh phân uất đau lòng. Bọn vua chúa thì bắt tài tàn ác, sát hại công thần, giết hại lẫn nhau để tranh ngôi. Bọn quan lại thì tham ô, tàn bạo, đổi trắng thay đen như một lũ chuột độc hại, bần thiêu. Ông đã phải lên tiếng, vạch mặt chúng, đóng dinh chúng trên đài dư luận trong bài *Hịch đánh chuột* nổi tiếng.

Cứra lúc chế độ phong kiến đã đi đến chỗ thối nát phân động như vậy thì, thực dân Pháp bắt đầu xâm lấn bờ cõi nước ta, tiếng súng xâm lược đã nổ trên đất nước, tai họa lớn đã đến với dân tộc. Ông đã phải chứng kiến cảnh nước mất nhà tan, nhân dân khổ cực. Như :

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đờng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây .*

hay

Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thân của quay treo ; tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật,

Kẻ mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo, bị tù, bị đày, bị giết, trẻ già nào xiết đếm họ tên ; đem ba tấc hơi mỗn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

Triều đình phong kiến khiếp nhược, phần vì sợ dân, phần vì sợ giặc, đã mau chóng nhượng bộ, đầu hàng hết bước này đến bước khác. Năm 1862, Tự Đức cắt ba tỉnh miền Tây. Thế là nhân dân phải đảm đương lấy sự nghiệp kháng chiến, cứu nước và tự cứu mình.

Không có người lãnh đạo để thống nhất tổ chức và lực lượng, triều đình lại ngăn cản công cuộc kháng chiến

của nhân dân, các cuộc khởi nghĩa dũng cảm và kiên cường của nhân dân lần lượt thất bại. Các lãnh tụ nghĩa quân cùng là bè bạn của ông như Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực, v. v..., đều lần lượt bị hy sinh. Nguyễn Đình Chiểu ngày càng u uất, đau buồn. Trong nỗi đau của đất nước, ông còn có một nỗi đau riêng. Hầu như bao nhiêu bất hạnh cứ theo nhau kéo đến bao vây ông, đè nặng lên cuộc đời ông, hòng làm cho ông ngã quỵ: cha bị cách chức, ông phải xa gia đình đi ở nhờ người bạn của cha để ăn học, sắp đi thi thì mẹ chết, trên đường về chịu tang mẹ, ông ốm nặng, bị mù cả hai mắt, trở về nhà, người vợ chưa cưới bội ước từ hôn.

Ở hoàn cảnh chung và riêng ấy, bi quan, chán nản, nhắm mắt xuôi tay, là điều khó tránh khỏi. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không phải là con người yếu ớt ấy. Vốn mang trong mình truyền thống anh hùng của dân tộc mà ông từng ca ngợi, lại sống với nhân dân, được nhân dân tiếp sức, trái tim Nguyễn Đình Chiểu rực cháy ngọn lửa bất diệt của lòng yêu nước thương dân — ông lao động và chiến đấu không biết mệt mỏi — chiến đấu chống kẻ thù của Tổ quốc, của nhân dân, chiến đấu cho cái *chân*, cái *thiện*, cái *mỹ*.

Ông dạy học, chữa bệnh và sáng tác như một người khai hóa với ý thức giúp đời làm giảm nhẹ nỗi đau khổ về thể chất lẫn tâm hồn của nhân dân.

Ông sống cuộc đời nghèo khổ, thanh bạch và khước từ mọi quyến rũ phú quý, vinh hoa lúc nào cũng bủa vây ông. Ông không chịu nhận nhà cửa, ruộng vườn mà đế quốc muốn trao trả cho ông, hòng mua chuộc ông. Ông không thể sống tách số phận của mình ra khỏi số phận của nhân dân. Ông sống như một nhà hiền triết, biểu lộ thái độ bất hợp tác, bất phục tùng đối với kẻ thù.

Ông kêu gọi những trang nghĩa hiệp, những kẻ thức thời đem tài năng ra cứu nước, cứu dân, làm thay đổi cuộc sống nhục nhã trước mắt. Nếu không được thế thì cũng phải giữ mình cho trong sạch, đừng tham danh lợi mà trở thành kẻ bán nước hại dân hoặc kẻ cầu an hưởng lạc, không thể nhân danh một thứ triết lý xu thời nào để vinh thân phi gia. Ở hoàn cảnh này, theo ông, nếu không làm được một Trương Định, một Lục Văn Tiên, một Hòn Minh thì hãy là một ông Tiều, một Nhân Sư. Không chống lại được cái xấu, cái ác thì cũng đừng nên góp phần làm tăng thêm cái ác, cái xấu.

Triết lý làm cốt lõi cho thế giới quan và nhân sinh quan của Nguyễn Đình Chiểu, quán triệt toàn bộ thơ văn cũng như hành động của ông — đó là *tư tưởng nhân nghĩa truyền thống*. Tư tưởng nhân nghĩa với Nguyễn Đình Chiểu là một thứ chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu vì dân, vì nước, vì phẩm giá con người, chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn gần gũi với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và xa lạ với tình thương trừu tượng khước từ đấu tranh.

Nguyễn Trãi nói: «Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân», muốn yên dân thì «quản diều phạt trước lo trừ bạo».

Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy:

*Thấy câu kiến ngãi bất vì,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.*

Thấy việc nghĩa thì phải hành động, đó là thái độ của người anh hùng như Lục Văn Tiên, Hòn Minh, Tử Trục:

Giữa đường thấy sự bất bằng chẳng tha.

Nhân nghĩa là một thái độ sống và chiến đấu, bởi vậy nó không thể chỉ biết yêu thương mà còn phải biết căm thù. Khi yêu thì cũng yêu rất mực mà ghét thì cũng phải «ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm». Lập

trường «bởi chung hay ghét cũng là hay thương» ấy là lập trường nhân dân. Ghét áp bức bóc lột, ghét bất nhân bất nghĩa, bạo tàn như Kiệt Trụ, U Lệ làm nhân dân lầm than, khổ cực và yêu thương nhân dân, yêu thương những người có tài vi dân, vi nước.

Tư tưởng nhân nghĩa ấy thể hiện trong thời bình là chống lại bọn vua quan tham nhũng, bảo vệ cơm áo và hạnh phúc của nhân dân. Khi đất nước bị xâm lăng, nhân nghĩa là kiên quyết chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc, sẵn sàng xả thân vì nước, không khiếp nhược đầu hàng, phản bội. Cuối cùng, nhân nghĩa cũng là biết cách cư xử có tình nghĩa, trung hậu, biết giữ phẩm chất trong sạch.

Nguyễn Đình Chiểu đã sống và xây dựng sự nghiệp văn thơ của ông trên lập trường nhân nghĩa ấy.

Toàn bộ thơ văn ông là một khúc ca hùng tráng, thống thiết về lòng yêu nước, thương dân, về đạo lý làm người. Đó là sức mạnh và sức sống của sự nghiệp văn thơ của ông.

Nhà thơ chiến đấu của nhân dân.

Nghệ sĩ lớn là người phản ánh được vào tác phẩm của mình những khía cạnh của vấn đề mà thời đại đặt ra phải giải quyết.

Trước Pháp xâm lược, vấn đề chủ yếu của thời đại lúc bấy giờ là cuộc đấu tranh của nông dân chống giai cấp phong kiến thống trị. Khi Pháp xâm lược, nổi bật lên cuộc đấu tranh của dân tộc Việt-nam, chủ yếu là nông dân chống bọn xâm lược và bọn đầu hàng, tay sai. Đồng thời nông dân cũng bắt đầu phản ứng với mặt trái, mặt dã man tàn bạo, đổi trắng thay đen với thế lực đồng tiền.

Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã phản ánh những nhân tố cơ bản ấy của thời đại ông. Tư tưởng và hành

động Nguyễn Đình Chiểu đại biểu cho giai cấp nông dân yêu nước Việt-nam, tuy ông còn vướng vẩn tư tưởng Nho giáo của phong kiến trong sự diễn đạt yêu cầu, nguyện vọng của mình.

Những tư tưởng chủ yếu như yêu nước, thương dân, ghét áp bức, tàn bạo, ghét phi nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu là tiêu biểu cho tư tưởng của nông dân Việt-nam trước khi có giai cấp vô sản.

Nguyễn Đình Chiểu là người nghệ sĩ đầu tiên của Việt-nam đã xác định vị trí chiến đấu của nhà thơ trên mặt trận đấu tranh cách mạng. Với ông, văn chương không phải chỉ để tự tu dưỡng mà là một vũ khí chiến đấu sắc bén :

*Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà.*

Ông đã gọi bọn vua quan hèn hạ, bọn tay sai bán nước, những bọn hèn nhát, cơ hội, đục nước béo cò là những lũ chó ngòi «lồm xồm giương cao», là những «gống bèo vô dụng»; ông đã khinh bỉ gọi chúng là lũ «chuột thối», «nhát quá mẹ cheo», «liền hơn cha khi», vạch mặt bọn chúng là một lũ chui rúc, phá phách ăn hại và kêu gọi nhân dân «hàng hàng bổ liệt thương thương» đập chết bầy «lục tặc» ấy.

Ông đã vẽ nên một bức tranh biếm họa sắc sảo, sinh động về bọn vua quan «hèn nhát», bất lực ấy. Không có lòng căm thù và khinh bỉ cái xấu xa, tàn bạo đến mức «cay đắng», tận gan ruột thì không thể có được ngòi bút sắc bén như Nguyễn Đình Chiểu. Suốt đời, ông đấu tranh chống cái xấu, cái phi nghĩa không mệt mỏi và luôn luôn ngợi ca nhân dân lao động, ngợi ca cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân và ngợi ca cái đẹp tình nghĩa. Về phương diện này, Nguyễn Đình Chiểu đã vượt lên trên nhiều nhà văn khác.

Trong văn thơ yêu nước trước Nguyễn Đình Chiểu, hình tượng nhân dân chiến đấu, hiếm thấy xuất hiện trong văn học. Cả cuộc trường kỳ kháng chiến mười năm gian khổ chống quân Minh mà chỉ có một câu nói về nhân dân của Nguyễn Trãi: «Sĩ tốt ra oai li hồ». Điều ấy cũng dễ hiểu, vì cuộc chiến tranh yêu nước lúc bấy giờ là do giai cấp phong kiến lãnh đạo và văn thơ ấy cũng do người trí thức của giai cấp phong kiến viết.

Thời Nguyễn Đình Chiểu đã khác, giai cấp phong kiến đã đầu hàng, phản bội, sự nghiệp chống giặc cứu nước là do nhân dân tự mình đảm nhiệm, do đây vai trò nhân dân trở nên nổi bật. Nguyễn Đình Chiểu phản ánh trung thực hiện thực ấy vào tác phẩm của mình. Hình tượng người nông dân trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm là hình tượng nổi bật, là nét độc đáo, đặc sắc trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

→ Nhân dân mà ông nói đến trong văn thơ là người nông dân lao động «*việc cuốc, việc cấy, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm*», «*Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó*». Khi giặc đến, họ trông đợi lệnh của triều đình để góp sức mình vào cuộc chiến đấu. Nhưng khi thấy «*trông tin vua như trời hạn trông mưa*» mà triều đình vẫn ước hèn bỏ mặc, thì họ tự mình nổi dậy chiến đấu một cách dũng cảm, khác hẳn với những người đi lính xưa nay: «*nào ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kinh; chẳng thềm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hồ*». Họ chiến đấu trong một hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn, gian khổ, nhưng với một tinh thần dũng cảm vô song: «*Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ. Hỏa mai đánh bằng rom con cúi,*

cũng đối xong nhà dạy đạo kia ; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ ».

Nguyễn Đình Chiểu cũng hết lời ca ngợi những lãnh tụ nghĩa quân đã chiến đấu kiên cường và hy sinh dũng cảm chống bọn xâm lược. Ông đã viết một bài điệu và mười hai bài thơ về Trương Định với tất cả tình cảm chân thành quý mến, với lòng cảm phục sâu sắc, bằng những lời lẽ thống thiết :

*Khóc là khóc nước nhà cơn biến loạn, hòm
mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nhòe ;
than là than bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng
trông vua, ngỡ ngần một phương tở đại.*

*Tướng quân còn đó, các nơi đạo tặc thầy
kiêng dè ; tướng quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa
binh thêm bãi xài.*

Đây không phải là tình cảm đối với người anh hùng đã khuất mà còn là nỗi khắc khoải lo âu về sự nghiệp cứu nước dở dang còn thiếu người gánh vác :

*Mấy dặm non sông đều xứng vừng
Nạn dân, ách nước đẽ ai toan ?*

Thương tiếc, ngợi ca những anh hùng vì nước hy sinh, Nguyễn Đình Chiểu cũng phê phán, đả kích thái độ «sống nhục» của những kẻ đầu hàng khiếp nhược. Ông đã xác định thái độ sống chết của người anh hùng rất rõ ràng :

*...Sống làm chi theo quân tả đạo, quảng
vừa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn, sống
làm chi ở linh mã tà, chia rượu lạt, gặm
bánh mì, nghe càng thêm hổ.*

*Thà thác mà đặng cầu địch khái, về theo tồ
phụ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây,
ở với man di rất khổ...*

*... Thác mà trả nước non rồi nợ, danh
thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác mà
ưng đình miếu đề thờ, tiếng hay trả muôn đời
ai cũng mộ!*

(Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục)

Trái tim của Nguyễn Đình Chiểu như một ngọn đuốc sáng rực không bao giờ tắt. Nhiệt tình của ông đối với Tổ quốc, với nhân dân, với chính nghĩa lúc nào cũng sôi nổi. Ông không bao giờ biết mệt mỏi, từ tuổi thanh niên tràn đầy khát vọng, trải qua bao nhiêu thử thách, gian truân của cuộc đời cho đến tuổi già nua, Nguyễn Đình Chiểu vẫn giữ được nhiệt tình sôi nổi ấy.

Ở trong một hoàn cảnh đen tối của đất nước cũng như của bản thân, Nguyễn Đình Chiểu có lo lắng băn khoăn cho vận mệnh của Tổ quốc, nhưng ông luôn luôn giữ được niềm lạc quan, luôn luôn tin tưởng ở tương lai của Tổ quốc. Ông tin rằng cái xấu xa đen tối đang diễn ra trên đất nước này rồi trước sau cũng được quét sạch:

Một trận bão rồi bờ cõi sạch.

... Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

Một người mù, lại sống trong một thời kỳ lịch sử đen tối, bế tắc, mà vẫn có được cái nhìn trong sáng, có được niềm tin tưởng lạc quan như vậy thật là hiếm có.

Nguyễn Đình Chiểu là một bài học, sống, chiến đấu vì nước vì dân, Nguyễn Đình Chiểu cũng là một bài học về sự sáng tạo nghệ thuật.

Lục Vân Tiên và những bài văn tế bất hủ trải qua thử thách hơn một thế kỷ vẫn tồn tại bền vững trong lòng nhân dân, điều đó tự nó đã khẳng định được vị trí và tài năng của tác giả.

Như nay một tác phẩm vĩ đại được quần chúng ưa thích, đi vào cuộc sống một cách sâu rộng, thường không phải chỉ do hình thức mới mẻ, trau chuốt, mà trước hết là ở nội dung của nó có nói lên được những mong muốn, những khát vọng lớn của thời đại hay không và hình thức có phổ cập, hợp với đại chúng hay không.

Chẳng hạn như những câu trong *Lục Vân Tiên* :

Xin đừng tham đó, bỏ dưng

Chơi lê quên lựu, chơi trắng quên đèn

Hoặc :

Chẳng may mà gặp lúc nghèo

Xuống sông cũng vãng, lên đèo cũng an.

Mức độ phổ biến và ảnh hưởng vang dội của tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu là ở chỗ đó.

Sức lôi cuốn, hấp dẫn của văn thơ Nguyễn Đình Chiểu chính là ở lý tưởng đạo đức, lý tưởng thẩm mỹ mà tác giả thể hiện trong tác phẩm của mình. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên được những mong muốn thiết tha của quần chúng nhân dân bằng những lời nói thông thường của nhân dân, vì thế nó trở thành người bạn tâm phúc của nhân dân.

Bí quyết thành công, bài học sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu chính là ở cuộc đời gắn bó với Tổ quốc, với nhân dân, ở chỗ đứng của tác giả, ở lòng yêu ghét dứt khoát, mạnh mẽ, ở ý thức dùng thơ văn làm vũ khí đấu tranh xã hội.

Chúng ta quyết thực hiện những ước mơ của Nguyễn Đình Chiểu.

Thế hệ chúng ta đang thực hiện những ước mơ thiết tha nhất của nhà thơ, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, đó cũng là nguyện vọng lớn nhất của nhân dân Việt-nam : ước mơ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Thời đại chúng ta cũng đang đấu tranh để thực hiện một xã hội trong đó lòng nhân ái chi phối mọi quan hệ giữa con người với con người.

Muốn thực hiện được nguyện vọng của nhà thơ, thế hệ chúng ta còn phải tiếp tục đấu tranh quyết liệt chống những kẻ thù của dân tộc và của nhân loại ngày nay là bọn Mỹ — Thiệu, chúng còn tàn bạo gấp trăm nghìn lần bọn thực dân Pháp và vua quan bán nước thời Nguyễn Đình Chiểu.

Ý chí sắt đá đánh giặc đến cùng của Nguyễn Đình Chiểu và các nghĩa sĩ cùng thời với ông cũng là ý chí của chúng ta.

Khi phách hiên ngang, bất khuất trước quân thù, lòng kiên trì chiến đấu chống xâm lược của Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn là tấm gương sáng cho con người ngày nay, còn cổ vũ sự nghiệp chúng ta. Về phương diện này phải nói rằng Nguyễn Đình Chiểu rất mới, rất cách mạng.

Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi vì Việt-nam nửa sau thế kỷ XX không còn là Việt-nam cuối thế kỷ thứ XIX.

Thời Nguyễn Đình Chiểu, nông dân, lực lượng chủ yếu chống ngoại xâm không được tổ chức, không thống nhất được lực lượng cho nên lần lượt thất bại. Giai cấp nông dân không có người lãnh đạo, vì giai cấp lãnh đạo chưa ra đời. Đây là chỗ bi kịch, bế tắc của lịch sử: cái cũ — giai cấp phong kiến — thì đã mục ruỗng, thối nát mà cái mới thì chưa nảy sinh.

Nhà thơ lên tiếng kêu gọi những anh hùng cứu nước :

Hỡi trang dẹp loạn rày đâu vắng?

Nỡ để dân đen mắc nạn này.

Nhưng tiếng kêu ấy vẫn không được đáp lại. Còn ngày nay, nông dân đã có giai cấp công nhân, người bạn đồng minh đáng tin cậy nhất, đồng thời là người lãnh đạo

chân chính và từng trải của mình, đang cùng mình tiến hành cuộc cách mạng bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước.

Ngày nay chính nông dân, công nhân, những người « dân đen mắc nạn », cùng với trí thức và cả dân tộc có đầy đủ khả năng đề tự tổ chức chiến đấu cứu nước, cứu mình.

Thời đại Nguyễn Đình Chiểu, người nông dân chiến đấu dũng cảm chỉ có gậy làm vòng với trái tim ngàn ngút căm thù. Họ quyết chiến nhưng không thắng lợi được. Nhân dân Việt-nam ngày nay tiến hành cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước không những có chông tre mà còn có vũ khí hiện đại, không những chúng ta có lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc cao độ, mà chúng ta còn có sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ toàn thế giới, cho nên chúng ta càng quyết chiến và nhất định giành thắng lợi hoàn toàn.

Thời đại Nguyễn Đình Chiểu là thời đại bắt đầu hành trình của chủ nghĩa tư bản, thời đại bắt đầu chủ nghĩa thực dân, thời đại hình thành hệ thống thuộc địa trên toàn thế giới. Thời đại chúng ta là thời đại kết thúc và tan rã của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới, thời đại sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc, thời đại của nhân dân lao động tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Mặc cho lũ dơi hốt hoảng trong cơn hoảng hôn giã chết của chủ nghĩa đế quốc ! Mặc cho tên bạo chúa điên dại ở Nhà trắng—Nixon, trút bom đạn xuống hải cảng, đê điều, trường học, bệnh viện, nhà thờ... gây thêm nhiều tội ác man rợ. Chúng ta không hề nao núng, không bao giờ lùi bước. « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ! ».

Chúng ta chiến đấu ngày nay không phải chỉ vì độc lập của Tổ quốc, tự do của dân tộc mà còn vì những giá trị và phẩm giá của con người, vì những điều mà Nguyễn

Đình Chiểu và bao nhiêu nghệ sĩ khai sáng trước đây ước mơ mà không thực hiện được.

Càng nhớ Nguyễn Đình Chiểu chúng ta lại càng nhớ đến Bác Hồ, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt-nam, Người đã kế tục và phát huy cao độ tư tưởng nhân nghĩa và nhân ái của tổ tiên chúng ta. Người nói: « *Dân tộc Việt-nam ta đang tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử của mình. Vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì lợi ích của phe xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc bị áp bức và của cả loài người tiến bộ, chúng ta đang chiến đấu và chiến thắng một kẻ thù hung ác nhất thế giới. Trên đất nước ta đang diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa văn minh và bạo tàn* ».

Đứng trước nhiệm vụ lịch sử, hơn bao giờ hết nhân dân ta, dân tộc ta quyết đem hết tâm trí, khả năng và sức lực của mình, đánh bại kẻ thù xâm lược là đế quốc Mỹ.

Nhân dịp kỷ niệm trọng thể lần thứ 150 ngày sinh nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, hướng về đồng bào miền Nam ruột thịt, chúng ta nhiệt liệt hoan hô những chiến công vang dội ở Trị — Thiên, Tây-nguyên, đồng bằng Khu 5, miền Đông Nam-bộ, đồng bằng sông Cửu-long, trong cuộc tiến công và nổi dậy vô cùng oanh liệt từ hơn ba tháng nay, chúng ta tỏ lòng khâm phục sâu sắc những người đi trước về sau, thủy chung son sắt, không hề biết lay chuyển trước bạo lực, dám đánh, dám thắng, dám hy sinh, dám giành thắng lợi trong cuộc độ sức phi thường với quân thù. Học tập gương yêu nước của người xưa, học tập tinh thần tiến công của quân và dân miền Nam anh hùng ngày nay, chúng ta quyết tăng cường miền Bắc xã hội chủ nghĩa, toàn dân đoàn kết một lòng đánh bại cuộc leo thang phiêu lưu đầy tội

ác của Nixon, đồng thời ra sức chi viện mọi mặt cho tiền tuyến lớn, góp phần quan trọng trong sự nghiệp vĩ đại: đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Chúng ta tin tưởng sắt đá như Di chúc Bác Hồ để lại cho toàn dân: *«Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam – Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà».*

**NHỮNG HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM
LẦN THỨ 150 NGÀY SINH
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
(1972)**

NGUYỄN VĂN HOÀN

NHÀ thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, với một nghị lực phấn đấu phi thường, đã khắc phục hoàn cảnh tật nguyền mù lòa, sáng tạo nên những hình tượng nhân vật nghệ thuật sinh động, phản ánh chân thật cốt cách con người miền Nam, con người Việt-nam, trung thực, dũng cảm, trọng chính nghĩa, chuộng đạo lý, thủy chung với gia đình, bạn hữu. Chính vì vậy, những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã sớm được phổ biến rộng rãi và được các tầng lớp nhân dân dòng đảo say mê thưởng thức, ngay từ thời Nguyễn Đình Chiểu còn sống, và trải qua các giai đoạn biến thiên của lịch sử, chúng vẫn mang tính thời sự sâu sắc. *Lục Vân Tiên* được sáng tác từ trước khi thực dân Pháp xâm lược Nam-bộ (1862-1867), nhưng đến khi sự kiện này xảy ra, người đọc lại có cảm tưởng như tác giả đang ám chỉ thời sự trước mắt. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), bọn tay chân Pháp ghét cay ghét đắng *Dương Tử - Hà Mậu* vì những đoạn kịch liệt lên án bọn « sâu dân một nước » và bọn « bất trung, bất hiếu » trong tác phẩm đó hình như chĩa

thắng vào chúng. Còn toàn bộ thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu mãi mãi đã thành lời cảm khái ngợi ca những con người chói ngời trung nghĩa, trước hết đó là những người « dân ấp dân lân » « trong tay cầm một ngọn tầm vông », đã không ngần ngại xả thân cứu nước. Và cũng chính vì vậy, ngày nay, trong khói lửa dày đặc của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, gian khổ và anh dũng tuyệt vời, người ta lại thấy chàng Văn Tiên nghĩa khí gần gũi với những dũng sĩ diệt Mỹ « trung với nước, hiếu với dân, khó khăn nào cũng vượt qua, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, kẻ thù nào cũng đánh thắng » và nàng Nguyệt Nga chung thủy, kiên trinh gần gũi với những phụ nữ « anh dũng, bất khuất, trung hậu, đảm đang » của miền Nam, « thành đồng của Tổ quốc ». Trong khói lửa chiến đấu, các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vẫn sống, vẫn gần gũi với quần chúng, vẫn được quần chúng đọc và thưởng thức. Một bà má Long-châu-sa trước giờ phút đứng vào hàng ngũ « đội quân tóc dài » và trong cuộc giằng co vật lộn quyết liệt đó với quân thù, có thể đổ máu, có thể suốt đời mang thương tật, hoặc bị hy sinh, vẫn bình thân « nằm trên vông xem thơ *Lục Văn Tiên* » (1). Không hiểu bà má đã đọc đoạn thơ nào và nghĩ những gì về đoạn thơ đó ? Một người vợ trẻ Phú-yên viết thư cho chồng đi tập kết ở miền Bắc : « Anh à ! chúng ta xa nhau đã 9 năm rồi, lâu hơn Văn Tiên — Nguyệt Nga chỉ xa nhau có 6 năm, gần bằng Thoại Khanh và Châu Tuấn xa nhau 10 năm, chỉ thua Thúy Kiều — Kim Trọng lưu lạc những 15 năm » (2). Bức

(1) Thư của chị Hiền ở Long-châu-sa, 25-5-1962, trong *Từ điển đầu Tổ quốc*, H., Văn học, 1964.

(2) Thư của K.D. ở Phú-yên, 19-8-1963, sách đã dẫn.

thư đó viết năm 1963, đến nay thì cặp vợ chồng trẻ đó xa nhau lâu hơn cả Thúy Kiều — Kim Trọng rồi !

Chào mừng những đại biểu của miền Nam anh hùng, một đồng chí lãnh đạo ngành văn học nghệ thuật ở miền Bắc nói : « Chúng ta tin tưởng chờ đợi ngày thắng lợi của chúng ta, ngày mà những bà mẹ già ở miền Nam có thể chùi nước mắt nóng trên đôi má thân yêu của những người con đi tập kết đã trở về, khôn lớn lên, rắn rỏi lên hơn bao giờ hết, ngày mà những chàng Văn Tiên anh hùng trên công trường lao động miền Bắc được gặp lại những nàng Nguyệt Nga chung thủy ở miền Nam, ngày mà trán các em bé lại trở lại thơ ngây, trong sáng trong cảnh sum họp đông đủ với bố, với mẹ, với anh em, bà con, bạn bè » (1).

Một vài bằng chứng đó đã tỏ rõ rằng : những nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu thực sự đã rời trang sách để bước vào cuộc đời, đã hiện diện trong cuộc chiến đấu hiện nay của dân tộc.

Nghiên cứu về những thành tựu nghệ thuật kỳ diệu đó, là một hạnh phúc, một vinh dự, đồng thời là một trách nhiệm, một nghĩa vụ của tất cả những người nghiên cứu văn học có lương tri và nhiệt tình yêu nước, đặc biệt là của giới văn học nghệ thuật miền Bắc.

Trong việc phổ biến các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, trả lại cho Nguyễn Đình Chiểu vinh dự xứng đáng với nhà thơ, trước hết phải kể đến vai trò của nhà trường. Ngay từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã được giảng dạy trong các chương trình học ở các các cấp, đặc biệt từ sau lần hòa bình

(1) Đặng Thai Mai, Viện trưởng Viện Văn học, Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt-nam, *Diễn văn chào mừng Đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam đến thăm Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật*, 1962, in trong *Trên đường học tập và nghiên cứu*, tập II, H., Văn học, 1965.

được lập lại năm 1954, công việc đó càng được thực hiện một cách đầy đủ và có hệ thống. Chính vì đáp ứng nhu cầu của nhiệm vụ này mà ở Ban Tu thư của Bộ Giáo dục, cụ Lê Thước và nhà thơ Vũ Đình Liên, đã chú trọng đến việc nghiên cứu thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Cùng với nhà trường, sân khấu cải lương cũng đã góp phần lớn lao vào việc làm cho đông đảo công chúng quen biết Nguyễn Đình Chiểu. Đặc biệt lễ kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất Nguyễn Đình Chiểu vào năm 1963 và lễ kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh nhà thơ đã đánh dấu những cái mốc quan trọng trong việc phổ biến và tìm hiểu thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Thật là ngẫu nhiên nhưng rất có ý nghĩa, khi lễ kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của nhà thơ yêu nước chống Pháp Nguyễn Đình Chiểu, mà tác phẩm là lời ngợi ca cuộc kháng chiến oanh liệt của nhân dân ta từ cuối thế kỷ trước, lại đúng vào năm 1972, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta đang chuyển mạnh sang giai đoạn mới, đầy triển vọng thắng lợi, quân và dân miền Nam đang liên tục tiến công « đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào », quân và dân miền Bắc đang từng bước đập tan cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân, điên cuồng trong cơn giãy chết của đế quốc Mỹ.

∴

Hội nghị ban việc kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu.

Đầu tháng 6 năm 1972, Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam, đã triệu tập hội nghị bàn về việc kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu. Đại diện các Viện Văn học, Ngôn ngữ học, Triết học, Sử học, Ban Hán - Nôm, Thư viện Khoa học và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã đến dự. Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã

hội Việt-nam chủ trì cuộc họp. Đồng chí Vũ Đức Phúc, Viện phó Viện Văn học, đã trình bày bản dự án kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm. Tiếp đó, các đồng chí Phạm Thiều, Trưởng ban Hán-Nôm, Vũ Khiêu, Viện phó Viện Triết học, Văn Tạo, thay mặt Viện Sử học, và nhiều đồng chí khác đã lần lượt phát biểu ý kiến. Hội nghị đã thảo luận một kế hoạch tổ chức cụ thể và phân công thực hiện, đặc biệt là phương hướng tư tưởng chỉ đạo việc tổ chức lễ kỷ niệm. Hội nghị nhất trí nhận định rằng :

— Nguyễn Đình Chiểu vốn là một nhà nho nhưng là một nhà nho nghèo, sống gần gũi nhân dân, giữa một thời nước mất nhà tan, « một thời khổ nhục nhưng vĩ đại » (Phạm Văn Đồng), nên ông đã sớm gắn bó tình cảm, vận mệnh của mình với tình cảm và vận mệnh của nhân dân, của dân tộc. Tư tưởng yêu nước và ý chí bất khuất của ông là đại biểu cho ý thức của nhân dân ta, là kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là tiêu biểu cho những tư tưởng tiến bộ nhất của thời đại, chứ không phải chỉ là tiết tháo cá nhân của nhà nho. Những điểm nổi bật ở Nguyễn Đình Chiểu là lòng yêu nước thương dân, là tinh thần đấu tranh đến cùng chống bọn đế quốc cướp nước và bọn phong kiến bán nước, là nghệ thuật bình dân, giản dị, gắn bó chặt chẽ với văn học dân gian. Còn những hạn chế ở Nguyễn Đình Chiểu, chủ yếu là do thời đại và hoàn cảnh mù lòa tạo nên.

Hội nghị nhất trí cần tổ chức kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu một cách xứng đáng và có nội dung thiết thực, phù hợp với hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh.

Các hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu.

Ngày 22-6-1972, Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu, do Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam tổ chức, đã khai mạc. Nhiều nhà nghiên cứu trong các Viện Văn học,

Sử học, Triết học, Ngôn ngữ học đã đến dự và đọc báo cáo khoa học.

Mở đầu cuộc họp, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn đã phát biểu ý kiến nêu rõ phương hướng nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu hiện nay. Theo đồng chí, Nguyễn Đình Chiểu cần được quan sát từ nhiều khía cạnh, nhưng trước hết, phải thấy đây là một nhà yêu nước chống xâm lăng kiệt xuất, một tấm gương chiến đấu kiên cường, một hình mẫu rất đẹp về người trí thức sống gần gũi nhân dân, yêu mến nhân dân và được nhân dân yêu mến. Nguyễn Đình Chiểu do đó là một dấu nổi quan trọng trong truyền thống anh hùng bất khuất của trí thức Việt-nam.

Việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu hiện nay, theo đồng chí, cần được đẩy mạnh hơn nữa và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Viện. Tùy theo nhiệm vụ và chức năng của mình, mỗi viện nghiên cứu có thể đi sâu vào một số mặt nào đó. Nhưng các đề tài cần nhằm vào một mục tiêu chung: phục vụ cho sự nghiệp chiến đấu chống Mỹ, cứu nước trước mắt. Có như vậy, việc nghiên cứu mới sâu sắc, toàn diện và thiết thực.

Tiếp đó, đồng chí Vũ Đức Phúc đọc tham luận, kiểm điểm xem việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu từ trước tới nay đã đạt được kết quả như thế nào, và hiện nay còn những vấn đề gì tồn tại và cần phải mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu theo những phương hướng mới như thế nào (1).

Giáo sư Phạm Thiều mở đầu bản tham luận của mình bằng câu: Người xưa thường nói « thông tam tài vị chi Nho », nghĩa là thấu hiểu lẽ trời, đất và người thì mới gọi là nhà nho, để dẫn dắt Hội nghị đi vào chỗ thấm sâu nhất, bản chất nhất trong cái « sở học » và « sở dụng » của Nguyễn Đình Chiểu. Giáo sư nói: Cụ Đồ Chiểu tôn sùng

(1) Xem phần thứ hai của tập sách này.

đạo Nho như chúng ta đều biết, nhưng chẳng hay cụ có « thông tam tài » hay không? Điều chắc chắn là cụ học rất rộng, chỉ riêng cái khối lượng điển cổ mà cụ đã sử dụng trong các tác phẩm của mình cũng đủ chứng minh cái uyên bác của cụ rồi. Còn nói chi đến nhiều « phương kỹ » cụ rất tinh thông, đặc biệt là về y học thì cụ lại có nhiều tâm đắc. Nhưng người trí thức không phải chỉ được đánh giá qua những kiến thức rộng rãi của mình, mà chủ yếu là ở chỗ kiến thức ấy có tác dụng góp phần xây dựng xã hội đương thời và mai sau hay không. Theo quan niệm đó, chúng ta có thể khẳng định rằng Nguyễn Đình Chiểu là một nhà trí thức chân chính, một trí thức yêu nước, yêu dân. Đối với cụ, thì hai mặt này phải kết hợp khăng khít với nhau một cách hữu cơ và đó là thước đo, là tiêu chuẩn để đánh giá một người trí thức. Đứng về phương diện văn học, Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ nhân dân, một nhà thơ miền Nam, một nhà thơ Việt-nam.

Tiếp đó Hội nghị lại theo dõi một bản tham luận quan trọng khác do Giáo sư Ca Văn Thỉnh trình bày dưới nhan đề *Bà mẹ Việt-nam và truyền thống dân tộc ở Nguyễn Đình Chiểu*. Xuất phát từ hiểu biết sâu sắc lịch sử quê hương và con người Nam-bộ, Giáo sư Ca Văn Thỉnh đã dẫn nhiều cứ liệu để chứng minh rằng bà mẹ Việt-nam chính là người bảo vệ và ươm trồng những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Giáo sư Ca Văn Thỉnh đặc biệt nêu bật những ảnh hưởng tốt đẹp của bà mẹ đối với cụ Đồ.

Tiếp sau Giáo sư Ca Văn Thỉnh, đồng chí Cao Huy Đĩnh đã tóm tắt suy nghĩ của mình về Nguyễn Đình Chiểu — nhà văn hóa. Theo đồng chí, nên mở rộng đề tài nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu như là một hiện tượng phục hưng văn hóa dân tộc Việt-nam, trên lập trường triệt để vì dân vì nước, trong bối cảnh lịch sử châu Á ở thế kỷ XIX. Chỉ có đánh giá Nguyễn Đình Chiểu như là một

cải tiến sĩ văn hóa dân tộc đầu tiên chống văn hóa nô dịch của chủ nghĩa tư bản phương Tây mới thấy hết chiều sâu rộng và cái chất mới mẻ, sinh động nhất ở trong tác phẩm của cụ (1).

Tiếp sau đó, còn nhiều bản tham luận và ý kiến phát biểu khác nữa với nội dung không kém phần phong phú, như bản tham luận của đồng chí Bùi Thanh Ba, từ lĩnh vực văn bản học khẳng định bài *Xe ngựa lao xao giữa cõi trần* là của Nguyễn Đình Chiểu; bản phát biểu của đồng chí Nguyễn Quang Vinh nói lên mối quan hệ khăng khít giữa truyện thơ *Lục Vân Tiên* với văn hóa dân gian (2); bản thông báo của đồng chí Nguyễn Liệu về tình hình kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu trong vùng tạm bị địch kiểm soát ở miền Nam (3); bản tham luận của đồng chí Trần Nghĩa nêu một số nhận xét xung quanh việc tái bản các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu trên miền Bắc nước ta trong những năm gần đây, v.v...

Tổng kết cuộc tọa đàm, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn nêu lên sự thành công tốt đẹp của Hội nghị, nhận định rằng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu đã được bắt đầu tiến hành với một phương pháp thực sự khoa học. Đồng chí cũng vạch ra phương hướng cho công tác « Nguyễn Đình Chiểu học » trong thời gian tới (4).

∴

Cũng trong thời gian này, tại Trường Đại học Tổng hợp và nhiều trường đại học sư phạm, vấn đề Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành một trọng tâm trong chương trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cả năm học.

(1) (2) (3) Xem phần thứ hai của tập sách này.

(4) Về hội nghị khoa học này, dựa theo bản tường thuật đã đăng *Tạp chí văn học* số 4, tháng 7 và 8-1972.

Tại Trường Đại học Sư phạm Hà-nội, hơn 100 cán bộ giảng dạy và một số đại biểu sinh viên đã tham dự hội nghị khoa học do khoa Văn tổ chức. Thay mặt tổ bộ môn Văn học Việt-nam cận đại và hiện đại, đồng chí Nguyễn Trác đã nêu lên ý nghĩa quan trọng của việc kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của nhà thơ yêu nước lớn Nguyễn Đình Chiểu, tiếp đó nhiều cán bộ giảng dạy của Khoa đã lần lượt lên đọc báo cáo, hoặc thông báo khoa học về Nguyễn Đình Chiểu.

Đồng chí Nguyễn Đình Chú đã phác lại *Con đường văn chương của Đồ Chiểu* với dụng ý miêu tả con đường phát triển của sự nghiệp sáng tác của nhà thơ trong mối quan hệ biện chứng giữa tư tưởng và nghệ thuật, một phương diện, mà theo ý đồng chí, «đường như bấy lâu chưa được chú ý đầy đủ» (1). Tiếp đó, nữ đồng chí Trịnh Thị Thu Tiết, dựa trên kết quả nghiên cứu của những người đi trước, cộng thêm sự tìm tòi, phát hiện của cá nhân, đã giới thiệu một cách có hệ thống tình hình phát triển và đặc điểm của văn học Nam-bộ, đề từ đó xác định vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong văn học Nam-bộ thời cận đại. Trong bản báo cáo *Tư tưởng triết học của Nguyễn Đình Chiểu*, đồng chí Đào Nguyên Tú khẳng định: Tư tưởng triết học của cụ Đồ, tuy chịu ảnh hưởng sâu sắc tinh chất siêu hình của triết học Nho gia, nhưng vẫn chứa đựng nhiều nhân tố tích cực, đặc biệt, về mặt triết lý nhân sinh thì dù chưa đoạn tuyệt với các khái niệm phong kiến, nhưng xét về bản chất thì không còn thuộc hệ thống tư tưởng Nho gia mà chính là thể hiện truyền thống đạo đức và anh hùng của dân tộc. Đồng chí Nguyễn Tiệp giới thiệu *Một số sáng tác lấy đề tài từ Lục Vân Tiên*. Theo đồng chí, thì trong số sáng

(1) Xem phần thứ hai của tập sách này.

tác này, có văn học viết, nhưng đáng chú ý nhất là văn học dân gian. Không riêng gì văn học dân gian ở Nam-bộ mà có cả văn học dân gian miền Trung và miền Bắc, ngay ở vùng miền núi Lạng-sơn, truyện *Lục Vân Tiên* đã thành truyện kể theo lối dân tộc ít người. Ở một số địa phương khác ở miền Bắc, truyện *Lục Vân Tiên* cũng đã được đưa vào nghệ thuật múa rối. Trong bản thông báo *Tri thức Sài-gòn với vấn đề Nguyễn Đình Chiểu*, đồng chí Trần Hữu Tá trình bày những cố gắng ủng hộ công của bọn bồi bút « tâm lý chiến » trong việc xuyên tạc các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, hòng đánh lạc hướng tinh thần dân tộc của nhân dân ta, đồng thời đồng chí cũng giới thiệu một số bài viết của những cây bút có lương tâm ở miền Nam đang trên đường « tìm về dân tộc » (1).

**Mit tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 150
ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu.**

Ngày 4-7-1972, tại thủ đô Hà-nội, theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Bộ Văn hóa và Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam, phối hợp với Ủy ban Thống nhất và Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt-nam, đã tổ chức mit tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu.

Hội trường cuộc mit tinh được trang hoàng rực rỡ. Trên nền vải xanh nhạt, nổi bật hàng chữ vàng chói lọi: « *Kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu: 1-7-1822—1-7-1972* ».

Đại diện các cơ quan đoàn thể, các nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, phóng viên các báo và Đài phát

(1) Theo tài liệu của Nguyễn Đình Chú, Trường Đại học Sư phạm Hà-nội.

thanh... đã đến dự. Đoàn chủ tịch cuộc mít tinh có các đồng chí Trường-Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tố Hữu, Bí thư Trung ương Đảng; Hoàng Minh Giám, Bộ trưởng Bộ Văn hóa; Nguyễn Khánh Toàn, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam; Nguyễn Thọ Chân, Phó trưởng ban Thống nhất trung ương; Nguyễn Đình Thi, Phó chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt-nam và các nhà văn, nhà thơ: Huy Cận, Tế Hanh, Bảo Định Giang, Xuân Diệu, Hoàng Trung Thông, Thép Mới...

Ông Nguyễn Phú Soại, quyền trưởng đoàn đại diện đặc biệt Cộng hòa miền Nam Việt-nam tại Việt-nam đấu chủ cộng hòa, đã tham gia Đoàn chủ tịch cuộc mít tinh.

Đồng chí Hà Huy Giáp, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, một người từng hoạt động cách mạng nhiều năm ở miền Nam, đã đọc diễn văn, nêu bật bài học sống, chiến đấu và sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ yêu nước lớn Nguyễn Đình Chiểu. Đồng chí nói: «*Bí quyết thành công, bài học sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu chính là ở cuộc đời gắn bó với Tổ quốc, với nhân dân, ở chỗ đứng của tác giả, ở lòng yêu, ghét dứt khoát, mạnh mẽ, ở ý thức dùng thơ văn làm vũ khí đấu tranh xã hội*». Nội dung bài diễn văn đã được những người dự mít tinh nhiều lần cất ngang bằng những tràng vỗ tay vang dội. Buổi mít tinh kết thúc trong không khí phấn khởi, lạc quan, tự hào về truyền thống quá khứ và tin tưởng ở tiền đồ cực kỳ xan lạn của dân tộc.

**Báo chí và Đài phát thanh với việc
kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu.**

Trong thời gian kỷ niệm, Đài phát thanh Tiếng nói Việt-nam đã dành nhiều buổi để truyền thanh lại bài diễn

văn của đồng chí Hà Huy Giáp và giới thiệu văn thơ Nguyễn Đình Chiểu. Các báo hằng ngày như *Nhân dân*, cơ quan trung ương của Đảng Lao động Việt-nam, *Quân đội nhân dân*, cơ quan của các lực lượng vũ trang, v.v... và các tạp chí *Học tập*, tạp chí lý luận chính trị của Đảng Lao động Việt-nam, *Nghiên cứu lịch sử*, *Văn nghệ quân đội*, v.v... đã đăng bài tường thuật lễ kỷ niệm và các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu.

Tạp chí *Tác phẩm mới* của Hội nhà văn Việt-nam đã đăng bài *Đọc lại thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* của nhà thơ Xuân Diệu (1). Trong mục « Sở tay người thơ yêu thơ » của tuần báo *Văn nghệ*, nhà phê bình văn học Hoài Thanh khẳng định rằng: *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע* là một trong những bài văn hay nhất của văn học Việt-nam.

Chuyên san *Thông báo triết học* của Viện Triết học cũng đã dành một sự quan tâm đặc biệt đến Nguyễn Đình Chiểu. Vũ Khiêu, Bùi Đăng Duy, Nguyễn Đức Sự đã nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu từ góc độ triết học, tư tưởng và đạo đức (2).

Tạp chí văn học, cơ quan nghiên cứu lý luận văn học của Viện Văn học, ra một số đặc biệt về Nguyễn Đình Chiểu với nội dung nghiên cứu công phu. Số tạp chí này đã tập hợp được nhiều bài viết của nhiều nhà nghiên cứu văn học, từ các đồng chí lãnh đạo các ngành văn hóa và khoa học xã hội như Hà Huy Giáp, Nguyễn Khánh Toàn đến những người am hiểu nhiều về quê hương, về địa bàn sống và sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu như Ca Văn Thỉnh, cho đến phần lớn những nhà nghiên cứu quan tâm nhiều đến vấn đề Nguyễn Đình Chiểu.

Với nỗ lực chung của các nhà nghiên cứu đứng trên quan điểm văn học mác-xít, với sự tìm tòi phát hiện của trí tuệ tập thể, những thành tựu nghiên cứu trong

(1) (2) Xem phần thứ hai tập sách này.

lần kỷ niệm này cùng với những thành tựu đã đạt được trong lần kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu vào năm 1963, đã giúp cho độc giả đông đảo có một hiểu biết, một cách nhìn ngày càng đầy đủ hơn, chính xác hơn về nhà thơ yêu nước vĩ đại. Phải chăng đó chính là hoạt động có ý nghĩa nhất, có ảnh hưởng lâu dài nhất trong mọi hoạt động kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu? Chúng ta kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu không phải chỉ vì Nguyễn Đình Chiểu mà chính là để trả Nguyễn Đình Chiểu về cho nhân dân, lực lượng mà sinh thời Nguyễn Đình Chiểu mến yêu và ca ngợi. Việc làm của chúng ta hoàn toàn khác với thái độ của thực dân Pháp, sau khi đã giày xéo lên quê hương đất nước của nhà thơ, đày đọa đồng bào yêu quý của nhà thơ — và đó là nguồn gốc nỗi đau lớn nhất của nhà thơ — lại giả nhân giả nghĩa làm ra vẻ tỏ tình ưu ái đối với nhà thơ. Việc làm của chúng ta cũng hoàn toàn khác với hoạt động của một bọn người nào đó trong vùng đế quốc Mỹ tạm chiếm ở miền Nam, những hoạt động đã bị chính dư luận ở miền Nam lên án. Trên báo *Dân chủ mới* xuất bản ở Sài-gòn, Thiều Sơn viết: « Cụ Đồ Chiểu trong *Ngư Tiều vấn đáp* có những vần thơ *Thà đui* hay lắm:

*Dù đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình!*

Hiện ta có nhiều kẻ ăn dơ nhưng vẫn làm màu, làm mè thương nước yêu dân và thỉnh thoảng lại còn bày đặt những trò kỷ niệm này nọ để người ta tưởng lầm rằng họ cũng trong sáng như tiền hơn » (1).

Chúng ta kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu trước hết là để phát huy phần tích cực trong các tác phẩm của Nguyễn

(1) Thiều Sơn: *Bài học Đồ Chiểu*, báo *Dân chủ mới* (Sài-gòn) số 371, 19-7-1971.

Đình Chiểu, làm cho các tác phẩm đó càng có sức sống mãnh liệt, càng được phổ biến sâu rộng và đóng góp lớn nhất vào sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, độc lập, thống nhất của Tổ quốc và điều đó chính là thực hiện niềm tin tưởng và mơ ước của Nguyễn Đình Chiểu :

*Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng,
Bốn biển âu ca hiệp một nhà.*

(Ngư Tiều vãn đáp)

Trên tinh thần đó, chúng ta kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu không phải là để quay về với quá khứ mà là để hướng tới tương lai : tương lai của dân tộc, tương lai của văn học nghệ thuật.

PHẦN THỨ HAI

NGHIÊN CỨU VỀ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU, NHÀ THƠ LỚN YÊU NƯỚC,
CHỐNG XÂM LĂNG, MỘT TÂM HỒN VÀNG VẠC
NHÂN NGHĨA, MỘT TẤM GƯƠNG
KIÊN TRUNG VÀ BẤT KHUẤT**

HÀ HUY GIÁP

NGUỖN ĐÌNH CHIỀU là nhà thơ lớn, tiêu biểu nhất cho dòng văn học yêu nước, chống Pháp của nước ta cuối thế kỷ XIX, mà tên tuổi gắn liền với phong trào đấu tranh oanh liệt của nhân dân miền Nam ngay từ những buổi đầu giặc Pháp đặt chân lên đất nước ta.

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu (1822 — 1888), về phương diện chủ quan cũng như khách quan, đều có những điểm hết sức đặc biệt. Ông sống trong một giai đoạn nước nhà có những cơn nguy biến lớn, ở vào một bước gay go của lịch sử. Nhân dân ta đã tiến hành một cuộc chiến đấu quyết liệt chống kẻ thù, nhưng giai cấp phong kiến mục nát nhà Nguyễn từng bước đầu hàng thực dân Pháp. Tự Đức năm 1862 cắt ba tỉnh miền Đông Nam-bộ, và năm 1867 cắt luôn ba tỉnh miền Tây cho

giặc Pháp, mở đầu cho một thời kỳ đen tối của nước ta dưới ách đô hộ của quân xâm lược trong gần một thế kỷ.

Trước kia, trước nạn ngoại xâm, mỗi khi giai cấp phong kiến đứng ra lãnh đạo cuộc kháng chiến, nhân dân hào kiệt anh hùng bốn phương tụ họp lại và làm được những cuộc chiến tranh nhân dân, và đó chính là sức mạnh của các cuộc kháng chiến đời Lý, đời Trần, của Lê Lợi, Nguyễn Trãi hay của Nguyễn Huệ. Nhưng đến cuối thế kỷ XIX, chế độ phong kiến phản động nhà Nguyễn đã trở thành kẻ phản bội, đầu hàng và trong nhân dân, nhất là ở Nam-bộ, vua quan đã bị lên án nghiêm khắc:

Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khi dân...

Lúc bấy giờ những nhà nho yêu nước thà chịu mang tiếng nghịch thần đã đứng hẳn vào hàng ngũ của nhân dân để tiếp tục kháng chiến.

Đó là Trương Định:

*Giúp đời dốc trọn ơn nam tử;
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần.*

Đó là Phan Tông:

*Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.*

Và đó là những con người anh hùng khác như Đốc binh Là, Đốc binh Kiều, Nguyễn Hữu Huân, v.v... Nguyễn Đình Chiểu cũng ở trong hoàn cảnh và tâm trạng của các bậc sĩ phu ấy. Ông được mọi người kính phục, Trương Định đã xem ông như vị quân sư, thường bàn với ông về mưu cơ, chiến lược.

Vì mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu không thể dùng gươm; ông đã dùng bút để chống giặc. Với ngòi bút, nhà thơ mù đã trực tiếp đánh giặc suốt đời mình.

Có thể nói trong cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu, bao nhiêu đau khổ của con người đã dồn vào một con người, trong một hoàn cảnh đau khổ nhất của đất nước.

Ông đã phải khổ cực lênh đênh từ bé thơ, cha là quan bị cách chức ở Gia-định, ông chạy về quê nội ở Huế, học nhờ một người bạn cũ của cha, cũng là một viên quan nhỏ bị giáng chức. Ông đã bỏ thi về Nam để tang mẹ, nhưng trên đường về, bị ốm nặng, mù cả hai mắt. Gia đình nhà giàu đã hứa gả con gái cho ông, bội ước. Thế là bao nhiêu mơ ước của một tài năng nhiệt huyết đành không thực hiện được. Giặc Pháp giày xéo lên đất nước, bạn bè như Trương Định, Phan Tôn, Đốc binh Là lần lượt hy sinh, ông đồ nghèo mù lòa ấy, lúc ở Cần-giוע, khi ở Bến-tre, vừa dạy học và làm thuốc, sống trong cảnh nghèo nàn thanh bạch, nêu cao khí tiết của nhà chiến sĩ kiên trung.

Ở vào địa vị của ông, nếu không có một tinh thần kiên nghị rất mực, một tình yêu nước vô song, một niềm tin sắt đá vào tương lai của đất nước, thì khó tìm được một lối thoát cho cái bi kịch của mình, để trở thành một con người hữu ích.

Không phải ngẫu nhiên mà trong tác phẩm của ông đã có đến hai nhân vật chính bị mù, hai nhân vật đó cũng là hiện thân của tác giả. Ở trường hợp Lục Vân Tiên, bệnh mù chỉ là một tai nạn tạm thời. Lục Vân Tiên, nhớ lời thầy dạy, tin rằng sẽ thoát nạn và lập được công danh. Quả nhiên Lục Vân Tiên đã được thuốc tiên cứu khỏi bệnh. Câu chuyện thuốc tiên ấy chỉ là một sự mơ ước, nhưng cái mơ ước đó nói lên tinh thần lạc quan tin tưởng, yêu đời của Nguyễn Đình Chiểu. Ông lại xây dựng nhân vật mù khác ở tác phẩm *Ngư Tiên* vẫn

đáp(1). Kỳ Nhân Sư không còn là chàng trai trẻ tài hoa, mới bước chân vào cuộc đời, người yêu của một Nguyệt Nga chung thủy: đây là một con người từng trải, không chỉ là một thầy thuốc giỏi mà còn là một triết nhân hiểu sâu biết rộng, được mọi người trọng vọng vào bậc tôn sư. Nước nhà bị bọn Tây-liêu xâm lược, Tây-liêu nghe danh Nhân Sư, muốn mời ra làm quan, nhưng Nhân Sư xòng mắt cho mù:

*Thầy ta chẳng khùng sĩ Liêu (2)
Xòng hai con mắt bỏ liều cho đui...*

*Gặp cơn trời tối thà đui,
Khỏi gai con mắt, lại nuôi đặng lòng...*

Giờ đây bệnh mù không còn là do tai họa thiên nhiên mà chính là do một hành động phản kháng, quyết không chịu theo địch:

*Sự đời thà khuất đời trông thẹn,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.*

Và chính đây là một nguyên tắc trong cuộc sống của Nguyễn Đình Chiểu. Cũng như tất cả các nhà văn thơ chống Pháp đương thời như Cử Trị, Thủ khoa Huân, Hồ Huân nghiệp, Nguyễn Duy Cung..., Nguyễn Đình Chiểu căm ghét bọn Pháp xâm lược đến cực độ. Ông khước từ mọi sự mời mọc của bọn Pháp muốn thu phục ông.

Đối với tất cả những việc trái tai gai mắt, những sự kiện đảo điên hèn hạ, mà những kẻ có tài, có nhiệt huyết như Y Doãn, Phó Duyệt có sống lại cũng phải bất lực

(1) Theo Phan Văn Hùm thì tên tác phẩm này là *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, theo Hán ngữ thì phải nói là *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Ở đây chúng tôi tôn trọng và đề nguyên cách gọi của từng tác giả có bài in lại trong tập sách này (B.T.).

(2) *Sĩ Liêu*: ra làm quan với nhà Liêu (B.T.).

khoanh tay. Kỳ nhân Sư chủ trương tốt hơn hết là giữ vững khí tiết trong một sự chịu đựng thầm lặng, giữ lại cái chính khí của đất trời.

Kỳ Nhân Sư nói :

*Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.
Thà cho trước mắt vắng hiu,
Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm.
Thà cho trước mắt tối hăm,
Chẳng thà thấy đất lục tràn can qua.
Dù đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
Dù đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.*

Mù như vậy là một sự bảo vệ đạo đức, lý tưởng, một biểu hiện căm thù, bất hợp tác với địch, một sự phê phán gay gắt bọn cơ hội dầu hàng. Mù nhưng vẫn hơn sáng mà làm điều sai đạo lý, mất nhân phẩm, hại dân hại nước như lũ Tôn Thọ Tường, lũ cơ hội theo giặc, hay như lũ Nguyễn Văn Thiệu ngày nay đang liếm gót giày Mỹ :

*Sáng chỉ theo thói chiêm cầu,
Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai.
Sáng chỉ đắm sắc tham tài,
Lung lòng nhân đức, chuốc tai họa trời.
Sáng chỉ đua nịnh theo đời,
Nay vinh mai nhục, mang lời thị phi
Sáng chỉ nhân nghĩa bỏ đi,
Thảo ngay chẳng biết, lỗi nghi thiên luân.*

Chúng ta thông cảm và trân trọng đối với tâm trạng của Kỳ Nhân Sư. Đó là những suy nghĩ cao thượng của một triết nhân phần uất trước cuộc đời mà mình đành bất lực.

Nguyễn Đình Chiểu đã dùng hình tượng Kỳ Nhân Sư để nói một phần những suy nghĩ của mình, một mặt nhìn thẳng vào bệnh hoạn để có một thái độ hiện thực, mặt khác để giáo dục con người đương thời theo chính nghĩa và thù ghét phi nghĩa. Hơn nữa, cái mù của Kỳ Nhân Sư có một ý nghĩa triết học: đó là tượng trưng cho cảnh đen tối của đất nước, là điển hình cho cái đau khổ của đất nước, nhưng trong cái đen tối đó, Nhân Sư mù vẫn là điểm sáng, là ngôi sao giữ niềm chính khí, ông tin tưởng rằng ngày mai đất nước sẽ hết đen tối, trời sẽ sáng ra và mắt ông cũng sáng ra.

*Sau trời Thúc Quý tan mây,
Sông trong biển lặng, mắt thầy sáng ra.*

Nhưng ở đây chưa phải là tất cả tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu, vì thực ra, trong cuộc đời, Nguyễn Đình Chiểu đã đứng cao hơn Kỳ Nhân Sư; ông không là người chỉ có ghét, chỉ có bất hợp tác, chỉ có nhắm mắt bảo vệ mình, bảo vệ đạo; mặc dù mù, ông đã nhìn rất rõ mọi việc bằng tất cả mọi mối liên quan với nhân dân quần chúng; ông không ở ẩn. Ông đã trực diện dùng ngòi bút của mình để không ngừng đấu tranh với địch, với bọn đầu hàng:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm;
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

Hai câu thơ hùng hực khí phách chiến đấu trên làm ta liên tưởng đến những câu thơ của Hồ Chủ tịch:

*Nay ở trong thơ nên có thép;
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Nguyễn Đình Chiểu có một niềm lạc quan tin tưởng vô hạn ở tương lai, làm cho ông ngay những lúc khó khăn nhất cũng thấy ngày mai rực rỡ. Niềm lạc quan đó có một sức mạnh phi thường nâng đỡ ông, động viên ông; nhưng ông không chỉ lạc quan ngồi chờ mà ông đã *hành động*, đã thực sự giúp ích cho đời, cho đất nước bằng sự nghiệp văn thơ vĩ đại, phục vụ kịp thời và giàu tính chiến đấu của mình.

. . .

Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu toát lên một tư tưởng nhân nghĩa lớn, bao trùm quan hệ xã hội, nhưng cốt lõi là tình yêu nước thương dân sâu sắc.

Khó mà nói hết được lòng hâm mộ của bà con miền Nam đối với tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Hầu hết bà con nông dân đều thuộc và kể *Lục Vân Tiên*. Mỗi em bé miền Nam được mẹ, bà ru kể chuyện *Lục Vân Tiên*, *Nguyệt Nga*. Cái gì cất nghĩa được sự ham thích say mê của quần chúng miền Nam đối với tác phẩm bất hủ ấy? Theo tôi, chưa nói đến tinh binh dị, trong sáng của ngôn ngữ, tinh dân tộc và đại chúng trong các hình tượng nghệ thuật, cái chủ yếu là tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã đáp ứng được tinh thần dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài, ghét gian ác, « kiến nghĩa bất vi vô đồng dã » của người nông dân miền Nam mà cũng là của mọi người dân Việt-nam.

Chúng ta ai mà chẳng yêu, chẳng kính những con người như *Lục Vân Tiên*, *Nguyệt Nga*, *Hơn Minh*, *Tử Trục*, ông *Quán*, ông *Tiền*, ông *Ngư*, *Tiểu đồng*. Và ai mà chẳng ghét những con người gian ác như *Trịnh Hàm*, *Bùi Kiệm*, cha con *Võ Thê Loan*.

Những con người tốt trong *Lục Vân Tiên* kể tục những truyền thống cao quý nhất của dân tộc về nhân nghĩa; đó là những con người trong sạch, bình dị, làm việc nghĩa như một nhu cầu mà không hề nghĩ đến tiền tài, ơn huệ.

Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài...

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng...

Lục Vân Tiên là nhân vật lý tưởng của nhà thơ. Lục Vân Tiên mang đầy đủ những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người mà Nguyễn Đình Chiểu mơ ước. Chàng cứu Nguyệt Nga vì thấy chuyện bất bình và hết lòng giúp đỡ nàng một cách vô tư. Chàng rất có hiếu với mẹ và vì quá thương khóc mẹ mà bị mù. Cho nên cái mù của chàng còn biểu hiện cho đạo đức và làm xúc động lòng người.

Từ Trục là một tấm gương tốt về tình bè bạn thủy chung, về tình công bằng chính trực. Hớn Minh là người không chịu được chuyện bất công, nên khi thấy con tên quan huyện Đặng Sinh làm càn thì nổi nóng quát ngay, đúng là một chàng trai Nam-bộ:

Tôi bèn nổi giận một khi,

Vật chàng xuống đó bề đi một giờ!

Tiểu đồng nêu lên một tấm gương vô cùng xúc động về tình nghĩa thầy trò, hết lòng hết sức giúp đỡ Vân Tiên khi ốm đau, và khi tưởng Vân Tiên chết, ngày đêm ở lại bên năm mồ để tưởng nhớ.

Nguyệt Nga là người con gái điển hình cho lòng chung thủy kiên trinh Việt-nam, nhưng trong tình yêu của nàng với Vân Tiên còn có nghĩa nặng đó là tấm lòng biết ơn, muốn báo đền ơn chàng đã cứu nàng thoát bọn giặc cướp. Nguyệt Nga không phải là một người con gái chỉ biết trung hậu một cách thụ động, nàng đã đấu tranh

chống lại sự áp bức của triều đình, không thể nghe theo lời vua, khi vua làm việc không hợp chính nghĩa. Nàng can đảm chống lại số phận và nàng đã thắng. Nguyệt Nga thực là người phụ nữ đảm đang bất khuất, biết làm chủ lấy cuộc sống của mình, xứng đáng là dòng dõi của Bà Trưng, Bà Triệu.

Có người cho rằng lòng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu trong *Lục Vân Tiên* còn có tính chất chung chung; chúng ta chỉ cần nghe ông Quán nói thì đủ thấy nhận xét trên là không có căn cứ:

*Quán rằng ghét việc tầm phào,
Ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm.
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
Đề dân đến nỗi sa hầm sây hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân lương chịu làm than muôn phần.
Ghét đời Ngû bá phân vân,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
Ghét đời Thúc, Quý phân băng,
Sớm đầu, tối đánh lừng những rối dân.*

Trong tất cả các thứ ghét, ông Quán đã đứng hẳn trên lập trường vì dân, vì nhân dân lao động, vì dân nghèo để kết tội bọn vua chúa hung bạo, bất công, bất lực. Cái đó rất rõ ràng. Còn về cái thương, thì ông Quán nhắc đến các nhà hiền triết, những người tài giỏi mà không thực hiện được mộng bình sinh vì dân vì nước như Gia Cát, Nguyên Lượng, Hàn Dũ, v.v... Những cái gì hại đến dân, Nguyễn Đình Chiểu đều lên án. Trong những trang phê phán có tính chất sinh động hài hước, nhà thơ đã mô tả những tệ nạn do mê tin gây ra, các hoạt động dối trá lừa gạt của bọn thầy bói, thầy cúng đã làm cho nhân dân khổ sở,

tiền mất tật còn. Mọi hành động của bọn con quan nhà giàu hà hiếp dân nghèo, phụ nữ, đều bị nhà thơ tố cáo và đòi phải trừng trị.

Như vậy là lập trường yêu ghét ở đây đã có một giới hạn rõ ràng, ta thấy rõ đâu là chính là tà, đâu là tốt là xấu. Có thể nói tóm lại lập trường của nhà thơ là cái gì hại đến dân là xấu, là tà, và cái gì ích nước lợi dân là tốt, là chính.

Đọc Nguyễn Đình Chiểu, ta không thể không nhớ lại Nguyễn Trãi, nhà chính trị và cũng là nhà thơ lớn thế kỷ XV với câu nói bất hủ:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân ;
Quản diều phạt trước lo trừ bạo.*

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu là một thứ chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu vì dân, vì nước, vì phẩm giá con người, chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn, gần gũi với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và xa lạ với tình thương trừu tượng khước từ đấu tranh.

Đến thời kỳ Pháp xâm lược Nam-bộ, trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, tinh chất nhân dân của lòng yêu ghét, của lòng nhân nghĩa của ông lại càng cụ thể và rõ ràng hơn.

Nguyễn Đình Chiểu đã lớn tiếng lên án vua đầu hàng cắt đất cho giặc, đẩy non sông vào cảnh lầm than:

*Kể từ Thạch Tấn ở ngôi,
U, Yên mấy quận cắt bởi Khiết-đan,
Sinh dân nào xiết bìn than,
U, Yên trọn cũng giao bàn về Liêu.*

Tình trạng bóc lột áp bức nhân dân, sự thối nát của triều đình đã bị ông thẳng tay vạch mặt:

*Muòn dân ép ráo mỡ dầu,
Ngày trau khi giới, tháng xâu điện, đài.
Thêm bày gian nịnh chen vai,
Gây nên mọi rợ từ ngoài lẫn trong.*

Vì vậy mà người chính trực chẳng những không nên có thái độ ngu trung, nghe theo mệnh lệnh đầu hàng của vua, mà phải chống lại, và phải nhiệt liệt cổ vũ thái độ nghịch thần của những nhà khởi nghĩa đã biết nghe nhân dân đứng lên chống bọn Pháp xâm lăng :

*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngăn
mấy dặm mã tiền ; theo bụng dân phải chịu tướng quân
phủ, gánh vác một vai khôn ngoại.*

(*Văn tế Trương Định*)

Nguyễn Đình Chiểu căm thù không đội trời chung bọn giặc cướp nước, ông vạch trần tội ác của chúng đã dìm toàn dân ta vào máu lửa :

*Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo, bị tù, bị đày,
bị giết, trẻ già nào xiết đếm tên ; đem ba tấc hơi mỏng
bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen
lạ thấy đều rơi nước mắt.*

Chúng đã : « *Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của
quay treo ; tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật* ».

(*Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*)

Lòng căm thù lên cao đến mức : « *Bĩ : thấy bóng bong
che trắng lớp, muốn tới ăn gan ; ngày xem ống khói chạy
đến sì, muốn ra cắn cổ* ».

(*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*)

Cũng như Nguyễn Đình Chiểu căm ghét bọn tay sai theo giặc, trong bài *Hịch kêu gọi nghĩa sĩ đánh Tây*, một nhà yêu nước thời ấy đã danh thếp cảnh cáo :

*Xin chớ phân bì kẻ sĩ,
Hoặc ra làm phu, hoặc ra làm huyên.*

Ấy là đồ hư, đồ bỏ, đồ thúi, đồ nhờn.

*Chớ thác chước thẳng dân,
Hoặc theo mướn, hoặc theo thuê.*

Ấy những đũa dại, đũa hoang, đũa cùng, đũa quái.

Nhưng qua những lời cảnh cáo ở trên, nhà thơ không liệt bọn tay sai ngang hàng với bọn giặc xâm lược, và có thái độ phân biệt đối xử đối với từng loại đối tượng. Trong khi kết tội nặng bọn xâm lược và tay sai ngoan cố tự giác hợp tác với địch, đối với những người lầm đường, Nguyễn Đình Chiểu tìm cách khuyên răn, phân tích điều hơn lẽ thiệt :

*Dầu vình cũng tiếng nhân thân;
Trầu cay ngựa cưỡi cái thân ra gì!*

*Chớ ăn lộc nước đời suy,
Bầy chim lười thỏ e khi mắc nài.*

*Trối ai ra sức muông săn,
Một mai hết thỏ cọp ăn đến mình.*

Đau lòng trước cảnh nước nhà bị chia cắt, ông viết nên những câu rất thống thiết xót xa, thể hiện lòng người dân nước mơ nước nhà được giải phóng và thống nhất :

*Sự thể hãy bèn Hồ, bèn Hán, bao giờ về một mối xa thư;
Phong cương còn nửa Tống, nửa Liêu, đâu nữ hại
một tay tướng soái.*

*Vi ai khiến đũa chia, khăn xé, nhìn giang sơn
ba tỉnh luống thêm buồn ;*

*Biết thuở nào cờ phất, chống rung, hỡi nhật nguyệt
hai vầng sao chẳng đơii.*

(Văn tế Trương Định)

Tuy « bờ cõi xưa đã chia đất khác », nhưng đất nước vẫn là đất nước Việt-nam « nắng sương nay há đợi trời chung ».

Trước tình cảnh đau thương chia cắt ấy, nhân dân miền Nam đã đứng dậy đấu tranh. Nguyễn Đình Chiểu đã dành những lời thơ và câu văn sôi nổi nhất, nhiệt tình nhất để ca tụng họ. Hình ảnh nhân dân quần chúng trong thơ văn Việt-nam thực ra không phải là từ trước chưa hề có. Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi đã có nói đến dân trong những bài hịch, bài cáo lưu truyền muôn thuở. Trong các truyện Nôm khuyết danh, đã có những Tiểu đồng, những Thị tỳ, ông Tiều, ông Ngư. Nhưng đó là những nhân vật phụ chưa tham gia vào những vấn đề lớn trong xã hội. Với Nguyễn Đình Chiểu, hình tượng nhân dân lao động, nghèo khổ, được miêu tả rất rõ nét qua những cuộc chiến đấu chống Pháp ở Nam-bộ, giữ vị trí những nhân vật chính. Có thể nói Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ Việt-nam đầu tiên đã đề cao người nông dân, người du kích chống Pháp, lần đầu tiên đã nói đến chiến tranh nhân dân chống Pháp và chiếc gậy tầm vông như một thứ vũ khí tiêu biểu. Người nông dân ở tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu rõ ràng được mô tả với tư thế của những người anh hùng, dũng cảm và giản dị. Dưới chế độ phong kiến, họ có cuộc sống hẩm hiu, « côi cút làm ăn, toan lo nghèo khó ». Họ « chỉ biết ruộng trâu ; ở theo làng bộ ; việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm », còn chuyện đánh giặc : « tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ » mắt chưa từng thấy. Nhưng giặc đến

họ không thể ngồi yên và đã tự nguyện tự giác đứng lên, « miễn nghĩa làm quân chiêu mộ ». Rõ ràng là họ đã có ý thức về nhiệm vụ và quyền lợi của mình, họ cần chiến đấu để bảo vệ « tấc đất, ngọn rau, bát cơm, manh áo », để bảo vệ chủ quyền đất nước thiêng liêng.

Người nông dân đó quả thật là « mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn ; chín chục trận binh thư, không chờ bày bố ». Trang bị của họ rất đơn sơ : « Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu bầu ngòi ; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ ».

Tuy vậy, họ chiến đấu cực kỳ anh dũng, đạt được nhiều chiến công trong một cuộc chiến tranh nhân dân, một cuộc chiến tranh du kích rất linh hoạt : « Hỏa mai đánh bằng côm con cùi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia ; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ ». Không sợ hy sinh, họ xông vào cuộc đánh với thế làm chủ rất cao : « Chi nhọc quan quân giống trống kị trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không ; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có. Kê đàm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà, ma ni hồn kinh ; bọn hè trước, lũ ó sau, trời kệ tâu thiếc, tâu đồng súng nổ ».

Với bút pháp tả thực sắc sảo, bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục* xứng đáng là một áng văn học lớn của lịch sử văn học Việt-nam. Từ áng văn tuyệt diệu ấy, chúng ta có thể nghiên cứu sâu hơn về quan niệm anh hùng, về lẽ sống và chết, về tinh thần độc lập tự do, về tâm lý của người nông dân Việt-nam.

Đối với các lãnh tụ nghĩa binh như Trương Định, Phan Tôn..., Nguyễn Đình Chiểu đã dành những lời thơ hết sức thiết tha, đạt đến một nghệ thuật lớn về tình trữ tình và tình anh hùng ca. Trong *Văn tế Trương*

Định, ông viết : « Vì nước tám thân đã gửi, còn mắt cũng cam ; giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào ngại... Núi đất nửa năm ngăn giặc, nào thành đồng lũy sắt các nơi ; giáo tre nghìn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe nhưng mấy cái ».

Hình ảnh Phan Tông cũng uy nghi đẹp đẽ như một thần tượng :

*Làm người trung nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa cần khôn tiếng chẳng mòn...*

*Tinh thần hai chữ phao sương tuyết,
Khí phách ngàn thu rõ núi non...*

(Thơ diên Phan Tông)

Trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Pháp thời bấy giờ, bên cạnh những người nông dân lao động nghèo khổ, còn có những sĩ phu tri thức sống rất gần gũi với nông dân, có thể nói là những tri thức nông dân. Đối với tầng lớp tri thức này (trong đó có cả bản thân Nguyễn Đình Chiểu), nhà thơ đã xác định rõ nhiệm vụ giúp dân cứu nước, đứng hẳn về phía nhân dân mà quyết chiến với giặc. Trong sự đoàn kết đó, người tri thức yêu nước hoàn toàn được nông dân ủng hộ, giúp đỡ, thương mến. Và khi người tri thức đó lại là đại biểu cho nhân dân, trở thành lãnh tụ của họ, thì nhân dân có mối quan hệ đặc biệt với họ :

*Tranh lòng tướng sĩ thương quan tướng, nhắc quan
tướng, chịu chết như gà...*

*Thương ôi, người ngọc ở Bình-dòng,
Lớn nhỏ trong làng thủy mến trông.*

Nguyễn Đình Chiểu đã thấy được mối quan hệ giữa lãnh tụ nghĩa quân và quần chúng, tình thương của quần sĩ đối với lãnh tụ cũng như lòng tru ái của lãnh tụ đối

với quan sĩ, đó là quan niệm rất mới về anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu, rất khác với các quan niệm phong kiến về trung quân, ái quốc.

Dưới ngòi bút vừa hiện thực, vừa trữ tình của Nguyễn Đình Chiểu, những người nông dân và các lãnh tụ của họ trước mắt tuy có chịu nhiều hy sinh và thất bại, nhưng « nghìn năm tiết rỡ » và đã nêu những tấm gương lạc quan không gì lay chuyển nổi, làm cho nhân dân tin tưởng cuộc chiến đấu của họ sẽ được nối tiếp, và nhất định có ngày sự nghiệp chính nghĩa sẽ thắng lợi :

*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo
giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia.*

Qua việc nghiên cứu các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta cần nhấn mạnh một điểm là tình nhân dân, tư tưởng nhân nghĩa, tư tưởng yêu nước, yêu dân của nhà thơ quán xuyên toàn bộ tác phẩm của ông.

Cái vĩ đại của cuộc đời và của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu cần bản là ở chỗ đó. Vì ít có nhà nghệ sĩ mà cuộc đời và tác phẩm gắn chặt và hòa hợp với nhau như vậy. Tác giả đã phân thân trong các nhân vật chính diện, mọi tác phẩm đều nói lên một cách chân thành tâm sự, ước mơ và suy nghĩ của mình. Sự thành công của tác phẩm ông chính là sự chân thành rất mực của một tâm hồn cao đẹp tuyệt vời, yêu thương rất mực mà cũng căm thù rất mực.

Nghiên cứu thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, còn nhiều vấn đề khác mà ở đây chưa có điều kiện đề cập đến. Chẳng hạn như vấn đề ngôn ngữ. Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng ngôn ngữ dân gian rất mạnh dạn, tài tình, nhiều từ ngữ rất bạo làm cho các câu thơ vừa có tính chất quần chúng cao, vừa mang đặc điểm tâm lý dân tộc

sâu sắc. Cái « nôm na » của Nguyễn Đình Chiểu không phải là sự cầu thả trong ngôn từ (mặc dù chúng ta phải thấy sự hạn chế của việc sáng tác của một thi sĩ mù, phải có người ghi hộ và sau đó bị mất mát, được nhân dân nhớ lại), mà chính là sử dụng ý có tính chất thẩm mỹ cao, một nguyên nhân làm cho thơ ông được mọi người ưa thích, dễ thuộc, dễ truyền tụng.

Trong bài này, chúng tôi chỉ nêu lên một số điểm cần bản về nội dung sáng tác của ông, nhưng qua đây có thể có sự đánh giá cơ bản về con người và một nhà thơ lớn.

Bài học lớn của Nguyễn Đình Chiểu là bài học của một con người vĩ đại, ở vào một thế bị kịch, mà ý chí và đạo đức của mình đã có thể giúp ích cho đời ở mức tối đa.

Nhưng cũng vì thế mà không sao tránh khỏi một số hạn chế nhất định trong tư tưởng của nhà thơ, chẳng hạn như những rơi rớt của một số quan niệm Khổng giáo. Đó là điều không thể tránh khỏi. Nhưng thực ra ở Nguyễn Đình Chiểu, những quan niệm Khổng giáo phong kiến còn tồn tại đều chịu ảnh hưởng lớn của những quan niệm đạo đức của nhân dân và của cuộc đấu tranh trước mắt, do đó mà nó mang nhiều yếu tố nhân dân. Cái vĩ đại là trong những hoàn cảnh hết sức không thuận lợi, Nguyễn Đình Chiểu đã khắc phục được mọi hạn chế, mọi khó khăn để làm ngọn hải đăng soi sáng cho nhân dân hàng thế kỷ về tư tưởng yêu nước và đấu tranh bất khuất đối với kẻ thù xâm lược.

Với tất cả những sự hạn chế, ở vào thời đại ông, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu là tư tưởng tiến bộ nhất, cách mạng nhất, đại diện cho những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc, cho ý thức kiên cường và tự giác của nhân dân, trong một thời kỳ mà tư tưởng Việt-nam chưa được tiếp xúc với những tư tưởng cách

mạng lớn của thế giới và nhất là với tư tưởng của giai cấp vô sản.

Thời kỳ đánh Mỹ của chúng ta ngày nay hoàn toàn không giống như những ngày đầu đánh Pháp của Nguyễn Đình Chiểu. Thời kỳ của Nguyễn Đình Chiểu là lúc mà giặc Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta, chia cắt nước ta, còn chúng ta ngày nay đang đánh Mỹ thắng lợi, tuy cuộc đấu tranh còn gian khổ, nhưng nhất định sẽ hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất nước nhà.

Có thể nói là thời bấy giờ Nguyễn Đình Chiểu đang ở trong một thế bị kịch, còn thời đại chúng ta ngày nay là một anh hùng ca, sắp hát khúc khải hoàn. Lúc bấy giờ tuy nông dân đã nổi dậy, nhưng cuộc chiến đấu của họ chưa có một giai cấp tiên phong lãnh đạo sáng suốt.

Ngày nay cuộc chiến đấu thần thánh của toàn dân tộc chúng ta, dưới ánh sáng lãnh đạo của chủ nghĩa Mác—Lênin, của Đảng của giai cấp công nhân, từng trải và và nhiều kinh nghiệm sau hàng chục năm chiến đấu, trong sự lớn mạnh của ba dòng thác cách mạng thế giới, đang quật cho giặc Mỹ hung hãn những đòn trí mạng. Những người nông dân ngày nay, con cháu của các nghĩa binh Cần-giוע, không chỉ có dao phay, gậy tầm vông và một lòng căm thù giặc sâu sắc; họ đã đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân, đoàn kết với toàn thể dân tộc, và được vũ trang bằng tư tưởng tiên tiến nhất, họ đã phát huy những truyền thống đánh giặc của dân tộc kết hợp với khoa học quân sự hiện đại, họ đã kết hợp ngọn tầm vông, cây chông tre với những vũ khí hiện đại. Giặc Mỹ ngày nay muốn vùn tùn ác và hùng mạnh hơn giặc Pháp cuối thế kỷ thứ XIX, nhưng chúng đã hết thời và đang trên đà thua to, còn ta thì ở trên thế thắng lớn. Chúng ta đang thực hiện những điều mà Nguyễn Đình Chiểu suốt đời mơ ước:

*Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng
Bốn biển âu ca hiệp một nhà.*

Lời thơ của Nguyễn Đình Chiểu là niềm tin tưởng ở ngày mai, nhưng cũng đồng thời là sự ám ảnh triền miên của mọi người dân mất nước, luôn nhắc nhở chúng ta cái nhục mà bọn vua quan nhà Nguyễn đã cắt đất Nam-bộ dâng cho Pháp. Gần một trăm năm nay, nghe theo lời kêu gọi thiết tha của Nguyễn Đình Chiểu, nhân dân Việt-nam luôn luôn đấu tranh để chấm dứt tình trạng « bên Hồ, bên Hán », « nửa Tống, nửa Liêu ». Miền Nam luôn luôn là đất của Việt-nam. Bọn Pháp bị đuổi khỏi nước ta sau Cách mạng tháng Tám và chiến thắng Điện-biên-phủ, Nam-bộ trở về với đại gia đình dân tộc Việt-nam, nhưng bọn Mỹ trở lại xâm chiếm miền Nam. Lời Nguyễn Đình Chiểu gọi ta nhớ lại lời của Bác Hồ kính yêu nói về miền Nam với những tình cảm thiết tha nhất: « *Đồng bào Nam - bộ là dân nước Việt - nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi* » (Thư gửi đồng bào Nam-bộ năm 1946)

Ý chí thống nhất nước nhà của toàn dân cũng được thể hiện ở một câu nói thống thiết khác của Người: « Nam — Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được ».

Năm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu đúng vào lúc cuộc chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta tiến lên một giai đoạn mới, ở miền Nam đang vang dội chiến công, Quân giải phóng đang liên tiếp chiến thắng trên khắp các mặt trận. Trước những thắng lợi lớn của nhân dân Việt-nam, Níchxơn tên đầu sỏ phản động quốc tế và bè lũ tay sai, đã điên cuồng lừng cừng leo thang chiến tranh ở Việt-nam. Chúng thả mìn ở các hải

cảng và sông rạch Việt-nam, dùng cả máy bay chiến lược B.52 đánh phá miền Bắc, bắn phá giao thông, đê điều, các nơi dân cư đông đúc và cả những nhà thương, nhà thờ, trường học. Đồng thời chúng cũng không từ bỏ mọi hành động dã man nào đối với đồng bào miền Nam ta. Không thể bắt dân ta làm nô lệ, chúng muốn hủy diệt dân tộc ta, hủy diệt sự sống, hủy diệt tinh thần, văn hóa của dân tộc ta. Chúng rải thảm trên đất nước ta trên chục triệu tấn bom, chúng tung vào miền Nam những sản phẩm văn hóa đồi trụy Mỹ, biến con người thành thú vật, hồng biến thanh niên ta thành tay sai cho chúng.

Nhưng mọi âm mưu của chúng đều thất bại. « Dân tộc Việt-nam ta đang tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử của mình. Vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì lợi ích của phe xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc bị áp bức và của cả loài người liến bộ, chúng ta đang chiến đấu và chiến thắng một kẻ thù hung ác nhất thế giới. Trên đất nước ta đang diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa văn minh và bạo tàn » (Hồ Chủ tịch).

Cho nên cuộc chiến đấu của chúng ta được tất cả những Lục Văn Tiên, Tử Trục, Hồn Minh, Nguyệt Nga, ông Quán, ông Tiều trên thế giới nhiệt liệt ủng hộ ta, đoàn kết với chúng ta đánh bại quân gian tà Ních-xơn — Thiệu khát máu còn gian ác gấp trăm nghìn lần bọn Trịnh Hàm, Bùi Kiệm, Võ Thê Loan thời Nguyễn Đình Chiểu.

Nhân dân ta, dân tộc ta quyết tâm lừng cường miền Bắc xã hội chủ nghĩa đánh bại cuộc leo thang của Ních-xơn và ra sức chi viện mọi mặt cho tiền tuyến lớn quyết đánh thắng Mỹ xâm lược.

Chúng ta tin tưởng sắt đá như *Di chúc* Bác Hồ đã viết: « Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam – Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà ».

Càng nhớ đến Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta lại càng nhớ đến Bác Hồ vĩ đại, người lãnh tụ dân tộc của thế kỷ thứ XX, Người đã kế tục và phát huy những tư tưởng nhân nghĩa, nhân ái của tổ tiên trong đó có nhà thơ yêu nước lớn của dân tộc ở thế kỷ XIX.

Từ cái trung hiếu, nhân nghĩa mang tính nhân dân của các nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta đã đi đến cái trung hiếu vô sản của Hồ Chủ tịch, trung với nước hiếu với dân. Từ cái chính khí của Kỳ Nhân Sư, ta đã đi đến đạo đức tuyệt vời nhân, tri, dũng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Bác. Và cái đáng tự hào nhất của chúng ta ngày nay là với cái vũ khí tuyệt vời về đạo đức nhân ái Việt-nam ở mức độ cao nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta đánh tan mọi học thuyết phản động, mọi thứ bom đạn sắt thép của lũ hung tàn.

Hơn một trăm năm nay, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu càng ngày càng được phát huy. Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu đã trở nên muôn lần sáng hơn trong ngôi sao Hồ Chí Minh, không phải là hai ngôi sao ở hai bầu trời lịch sử cố định, mà chính là sự lớn lên của những ngôi sao trong lịch sử để trở thành một tập thể ngôi sao, nổi bật nhất là ngôi sao Hồ Chí Minh, tượng trưng cho tinh thần, tư tưởng, đạo đức, chí khí Việt-nam.

Đề kết luận bài này, tôi xin nhắc lại mấy câu thơ của Bác Hồ nói lên mong ước của Người, và cũng là mong ước của Nguyễn Đình Chiểu một thế kỷ trước, mà chúng ta quyết tâm thực hiện, và sẽ thực hiện được:

*Nam Bắc như cội với cành
Anh em ruột thịt đấu tranh một lòng.
Rồi đây thống nhất thành công
Bắc Nam ta lại vui chung một nhà.*

7-1972

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU,
NHÀ TRÍ THỨC MIỀN NAM YÊU NƯỚC

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

CHÚNG ta kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, mà chúng ta có thể gọi là một nhà thơ chiến sĩ, trong khi tiếng súng diệt thù đang ngày đêm vang rền trên cả hai miền Nam, Bắc nước ta, giữa những tin chiến thắng dồn dập từ miền Nam rục rịch cháy lửa tiến công và nổi dậy chống giặc Mỹ và tay sai.

Nguyễn Đình Chiểu sinh ở Sài-gòn vào nửa đầu thế kỷ XIX. Cụ là một nhà thơ, một nhà giáo dục, một thầy thuốc, một nhà bác học. Kiến thức của cụ rất rộng.

Nhưng, giá trị chân chính của một nhà trí thức tiêu biểu không phải chỉ ở cái học vấn thâm uyên, mà chủ yếu là ở chỗ học thức của mình có tác dụng góp phần xây dựng một xã hội công bằng và một ngày mai tươi sáng cho dân, cho nước hay không. Trên quan niệm đó, chúng ta có thể khẳng định rằng Nguyễn Đình Chiểu là một nhà trí thức chân chính, một nhà trí thức rất xưa

mà cũng rất nay. Nói cách khác, một nhà tri thức tiêu biểu cho ý chí và khí phách của dân tộc Việt-nam.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà tri thức yêu nước.

Sinh ra và lớn lên giữa lúc chủ nghĩa tư bản phương Tây đang ở vào giai đoạn bành trướng, thực dân Pháp lần lượt chiếm đoạt ba tỉnh miền Đông rồi ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ, cụ Đồ Chiểu không thể ngồi yên trước cảnh nhà tan nước mất. Nếu không mù thì cụ đã xông pha dưới mũi tên làn đạn để giết giặc cứu nước dưới trướng Đốc binh Là như Nguyễn Đình Huân, người em út của Cụ. Nhưng không được! Cụ đành dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu chống thù, đền nợ nước.

Cụ ca tụng những lãnh tụ kháng chiến như Trương Định được dân cử ra và vì dân mà đã hy sinh anh dũng. Cụ biểu dương những nghĩa sĩ trận vong, nghĩa sĩ Cần-giוע, nghĩa sĩ Lục tỉnh, xuất thân từ nông dân và chủ lực quân của kháng chiến.

Cụ tố cáo những thủ đoạn hung tàn của lũ quý trắng xâm lăng và căm thù chúng đến muốn « ăn gan cắn cổ ». Cụ vạch tội bọn Việt gian bán nước như Tôn Thọ Tường, và nêu cao gương của một số bạn tri giao không thêm hợp tác với giặc. Tiếng nói của Cụ là tiếng nói của truyền thống bất khuất của dân tộc ta. Cũng là tiếng nói của tinh thần tiết tháo của người tri thức Việt-nam chân chính.

Ở Nguyễn Đình Chiểu tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức bảo vệ chính nghĩa. Từ lâu, một đức tính nổi bật của con người Việt-nam nói chung, con người miền Nam nói riêng, là trọng nghĩa khinh tài mà Văn Tiên, Hớn Minh trong truyện *Lục Văn Tiên* là những nhân vật điển hình. Cụ Đồ Chiểu đã minh họa đức tính ấy trong câu:

*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi.
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.*

Về quan niệm, đã là nghĩa thì chính đối lập với tà, phải đối lập với quấy. Trong đối nhân xử thế mà có thủy có chung như Tiều đòng, Tử Trục, nhất là Kiều Nguyệt Nga, đó là nghĩa. Khi quốc gia hữu sự, giặc ngoại xâm giày xéo đất nước, mà kiên quyết vùng lên đánh chúng, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, đó lại là đại nghĩa. Không thể « kiến nghĩa » mà « bất vi », trái lại, phải biến lòng báo nghĩa, tức là chuộng lẽ phải, thành hành động dũng cảm. Nghĩa là điểm xuất phát mà cũng là điểm kết tinh của lương tri nhân dân, nó tác động trực tiếp đến tâm tư cụ Đồ Chiểu, chính nó bồi đắp và uốn nắn, chỉnh lý lại quan điểm trung quân đơn thuần của nhà nho Văn Thiên Tường mà bài *Chinh khi ca* đã được bầu như sao nguyên văn vào tập *Ngũ Tiều vấn đáp*.

**Nguyễn Đình Chiểu là một
nhà trí thức thương dân.**

Là con một viên thư lại, cụ Đồ Chiểu thuộc gia đình sĩ phu lớp dưới. Mù lúc 26 tuổi, Cụ đã dốc hai phần ba cuộc đời mình vào nghề dạy học và làm thuốc. Sống giữa nhân dân lao động, thông cảm với cảnh cơ cực của họ, Cụ không thể không thương dân, không thể không thông cảm với những đau khổ của nhân dân. « Thương dân » là một từ ngữ chính Cụ đã khai sinh :

*Thương dân sao chẳng lập thân,
Đề khi nắng hạ toan phần làm mưa.*

Lòng thương dân đó chưa bao hàm nội dung phục vụ nhân dân, nhưng nó khác hẳn với « trạch dân » (1) (ban ơn cho dân), một quan niệm của nhà nho phong kiến.

Khi bọn thực dân thống trị và bọn bù nhìn của chúng ra tay áp bức bóc lột dân nghèo, thì mượn lời nói của ông chủ quán, cụ mắng lũ Kiệt. Trụ tân thời là « *để dân sa hầm* » « *kiến dân làm than* » « *làm dân nhọc nhằn* » và « *lãng nhằng đối dân* ». Mặt khác, Cụ đề cao đức tính tốt của những người lao động bình thường như Kim Liên, Tiều đồng, ông Ngr, ông Tiều vừa là ẩn sĩ vừa là người lao động. Thương và ghét, nơi Cụ, thật là đúng đắn, rõ ràng.

Hơn nữa, theo Cụ, lòng thương dân còn phải thể hiện bằng hành động. Cụ hết lòng chữa bệnh « *thấy người đau giống mình đau* », coi y dân (chữa bệnh cho dân) cũng cao quý như là y quốc (chữa bệnh của nước). Đó là một biểu hiện của tinh nhân ái cổ truyền của nhân dân ta: « *Thương người như thể thương thân* ». Cụ cho rằng người lương y phải thể hiện đức hiếu sinh của trời đất, Cụ bài xích mê tin dị đoan, đời phong bại tục, đả kích bọn lang băm, phản đối việc cầu thầy sãi, cầu thầy pháp, cầu thần quỷ và cầu đồng bóng. Ngoài giờ hành nghề, cụ tập trung vào sáng tác. Cụ cung cấp cho nông dân một món ăn linh-thần thích hợp với khẩu vị của họ: truyện *Lục Vân Tiên*.

∴

Lục Vân Tiên phỏng theo kiểu tiểu thuyết chương, hồi, nhưng không phải thuộc loại tiểu thuyết tài tử mà là loại tiểu thuyết trung hiếu tiết nghĩa. Nội dung nhằm rèn

(1) Thương trị quân, hạ trạch dân (*Tam tự kinh*) nghĩa là: trên thì đưa vua lên bằng Nghiêu Thuấn, dưới thì ban ơn cho dân.

luyện con người trải qua nhiều gian nguy thử thách và cuối cùng phải được hưởng hạnh phúc, nghĩa là chính nghĩa phải thắng phi nghĩa, nhân nghĩa nhất định thắng bạo tàn. Nó cũng nhằm đề cao người ngay bằng cách đối lập với kẻ gian. Hai khái niệm này đi vào tâm khảm của người nông dân.

Văn phong thi ít tả cảnh, tả người mà chú trọng kể chuyện. Ngay đến việc tả tình thì cũng chần phượng, ngay thẳng, không màu mè đẽo gọt, như trái tim để trên lòng bàn tay. Người nông dân chất phác biểu thị tâm tư tình cảm bằng hành động hơn là lời nói, cho nên trong mỗi tình đầu của Văn Tiên và Nguyệt Nga chẳng hạn, người đọc có suy nghĩ về tâm lý và hoàn cảnh của họ thì mới xúc động trước những lời đối thoại mộc mạc của hai người.

Ngôn ngữ thì sinh động, bình dị, từ cách xưng hô cho đến những biệt ngữ. Bên cạnh những ca dao tục ngữ, những đề tài dân gian, tác giả còn sử dụng một cách hào phóng những từ ngữ rất quen thuộc của nông dân, càng làm giàu cho ngôn ngữ văn học.

Về nghệ thuật, *Lục Văn Tiên* có chỗ mạnh, chỗ yếu. Có một điều là nó rất được đông đảo quần chúng thưởng thức. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp, đêm đêm trên bờ kênh xa xăm, dưới ngọn đèn leo lét, cuộc « nói thơ Văn Tiên » rất phổ biến trong nhân dân và chiến sĩ vùng giải phóng. Sau truyện *Song Tinh*, *Lục Văn Tiên* là tập truyện thứ hai trong văn học miền Nam, và có lẽ không quá đáng nếu nhận định rằng đó là loại *liát* và *ôđixê* của miền Nam.

∴

Với Nguyễn Đình Chiểu, yêu nước và thương dân gắn liền với nhau và là thước đo lường phẩm chất của

người trí thức. Bên cạnh hai tư tưởng cơ bản ấy, toàn bộ tác phẩm của cụ Đồ Chiểu cũng chứa đựng những khía cạnh độc đáo, sáng tạo về nhiều mặt mà các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, trong khi tìm tòi, có thể khám phá ra những cái mới. Cũng cần nói thêm rằng ý thức hệ Nho giáo đóng một dấu ấn khá sâu vào tư duy của Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng nó được quan niệm lại do truyền thống của dân tộc ta, do thực tế của xã hội đương thời và cũng do môi trường sinh sống của bản thân cụ.

*Nghe trong Kinh, biết đứng tình,
Chỗ hay nương lấy ý mình suy ra.*

150 năm đã trôi qua kể từ khi Nguyễn Đình Chiểu ra đời. Những cái gì lỗi thời như ảnh hưởng tiêu cực của đạo Nho dần dần bị vùi dưới lớp bụi của thời gian. Trái lại, những ý nghĩ cao đẹp của Cụ như: tinh thần bất khuất, vai trò của nông dân, đức linh dũng cảm, đảm đang của người phụ nữ, sự mạng của người trí thức kiên quyết chống giặc kẻ cả việc bất hợp tác với chúng, nhiệm vụ bài trừ văn hóa đồi trụy, những cái đó còn mang tính chất thời sự nóng hổi. Dưới ánh sáng của tư tưởng cách mạng ngày nay, những ý nghĩ cao đẹp ấy được bồi đắp và phát huy trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân ta.

∴

Từ khi đặt chân lên miền Nam nước ta, đế quốc Mỹ đã phạm bao nhiêu tội ác cực kỳ dã man để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới trên mọi lãnh vực mà chiến lược « Việt-nam hóa » chiến tranh là sự biểu hiện thâm độc và man rợ nhất. Chúng gọi hàng chục triệu tấn bom đạn, thả chất độc hóa học, gây nên những tội ác trời không dung, đất không tha trên cả hai miền Nam, Bắc với ý đồ diệt sinh, diệt chủng. Mĩa mai thay! bọn Việt gian

Nguyễn Văn Thiệu cũng bày ra kỷ niệm những danh nhân của đất nước, kể cả Nguyễn Đình Chiểu, trong khi ngày đêm chúng chỉ tính trăm phương ngàn kế phục vụ chính sách « Việt-nam hóa » chiến tranh của Mỹ.

Thấm nhuần tư tưởng « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », nhân dân ta đang bước vào giai đoạn quyết liệt chống Mỹ, cứu nước. Đề hỗ trợ chúng ta, tiếng nói chính nghĩa, tiếng nói căm thù của cụ Đồ Chiểu từ một thế kỷ trước như đang thét vào mặt quân cướp nước và bán nước đã và đang gây ra bao nhiêu thống khổ, tai họa cho nhân dân miền Nam trong chiến tranh hủy diệt đầy tội ác của chúng.

*Thử coi trong cuộc nước non,
Bốn chia, năm xé thon von đường nào.
Nhảy vòng phú quý lao xao,
Sớm tối, tối chúa, ra vào gờm nhau!
Muôn dân ép ráo mỡ dầu,
Ngày trau khi giới, tháng xâu điện, đài.
Thêm bầy gian nịnh chen vai,
Gây nên mọi rợ từ ngoài lẫn trong!
Đánh nhau thầy bỏ thầy đồng,
Máu trời đọng vũng, non sông như hình!...*

(Ngư Tiểu văn đáp)

Tất cả tinh cảm quý trọng, iòn cao của Nguyễn Đình Chiểu từ khi giặc Pháp xâm lược, là dành cho các anh hùng dân tộc và cho đông đảo nhân dân lao động anh dũng, kiên cường chống giặc đến cùng. Đó cũng là đề tài của những áng văn thơ hiện thực nhất, xúc động nhất, hay nhất của Nguyễn Đình Chiểu: *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע, Thơ điếu Trương Định, Văn tế Trương Định, Thơ điếu Phan Tòng, Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh...*

Những áng văn ấy bi mà rất hùng, ảo não nhưng không bi quan, gây cho ta một nỗi căm hờn tột độ bọn đế quốc xâm lược chứ tuyệt đối không làm cho chúng ta sợ chúng. Những áng văn ấy thể hiện tương đối đầy đủ bản chất anh hùng của dân tộc ta đương thời. Tác giả là người giàu tinh thần chiến đấu chống đế quốc xâm lược. Và trong hoàn cảnh khó khăn nhất, tác giả giữ niềm tin tưởng rằng sẽ có ngày bọn đế quốc phải rút, nước sẽ độc lập, thống nhất, nhân dân sẽ được tự do :

*Một trận bão rồi bờ cõi sạch
Trời thu như cũ mãi không hao.*

(Trời bão)

Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

(Xúc cảnh)

*Ngày khác xa thư về một mối
Danh thơm người tới cõi hoàng đô.*

(Thơ điều Phan Tông)

*Sau trời Thúc, Quý tan mây
Sóng trong biển lặng, mắt thầy sáng ra...*

*Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng
Bốn biển âu ca hiệp một nhà.*

(Ngư Tiểu văn đáp)

Nguyễn Đình Chiểu đang sống với chúng ta, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thần thánh của nhân dân ta ngày nay.

Tiếng nói chính nghĩa của cụ Hồ Chiểu là lời đáp lại tiếng gọi vang dậy núi sông của Hồ Chủ tịch trong bản Di chúc thiêng liêng của Người :

« Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà » !

7-1972

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU, NHÀ THƠ YÊU NƯỚC LỚN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

ĐẶNG THAI MAI

THÁNG 7 năm nay (1) nhân dân toàn quốc Việt-nam long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước lớn nhất ở miền Nam Việt-nam, người mở đầu nền thơ ca yêu nước chống đế quốc của Việt-nam.

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng chói về tinh thần làm việc kiên cường và khí tiết yêu nước bất khuất. Bất chấp mọi sự thiếu thốn, gian khổ, tật bệnh, Nguyễn Đình Chiểu đã đem cả thân thể cống hiến vào sự nghiệp dạy học, làm thuốc và viết văn. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là « khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống bọn xâm lược Pháp » ngay từ những ngày đầu chúng mới đặt chân lên xâm lược đất nước Việt-nam. Ngoài giá trị văn nghệ, nó còn quý

(1) Năm 1963 (B.T.).

giá ở chỗ phản ánh « tâm hồn trong sáng và cao quý lạ thường của tác giả và ghi lại lịch sử của một thời khổ nhục nhưng vĩ đại ! » (1). Chính vì vậy mà trong suốt một thế kỷ đấu tranh chống thực dân Pháp vừa qua, cũng như trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bọn bù nhìn tay sai Ngô Đình Diệm hiện nay, toàn thể nhân dân Việt-nam, đặc biệt là nhân dân miền Nam Việt-nam, luôn luôn nhìn thấy ở Nguyễn Đình Chiểu một nguồn cổ vũ tinh thần mạnh mẽ (2).

∴

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là cuộc đời của một người yêu nước chân chính. Sự nghiệp văn chương của ông chia làm hai giai đoạn liên hệ khá mật thiết với hai giai đoạn trong đời sống riêng của ông và trong vận mệnh chung của cả dân tộc : giai đoạn trước và giai đoạn sau khi đế quốc Pháp đánh chiếm Việt-nam.

Tác phẩm tiêu biểu cho giai đoạn đầu là *Lục Vân Tiên*. Lục Vân Tiên, nhân vật chính của cuốn truyện, là một người học trò nghèo, có đức, có tài, văn võ kiêm toàn. Một hôm trên đường lên kinh đô đi thi, chàng gặp bọn cướp bắt nàng Kiều Nguyệt Nga. Chàng đánh tan lũ cướp, cứu thoát Kiều Nguyệt Nga. Cuộc gặp gỡ tình cờ này, như mọi người đều thấy, đã làm cho hai bên gắn bó với nhau. Tuy vậy, liền sau đó hai bên đành phải xa nhau. Nguyệt Nga đi về lý sở theo cha, và Lục Vân Tiên tiếp tục lên kinh đi thi. Thế rồi, hôm sắp vào trường thi thì Vân Tiên nhận được tin mẹ chết, chàng vội vã bỏ thi trở về chịu tang. Dọc đường về, vì đau buồn nên ốm nặng và bị mù

(1) Phạm Văn Đồng: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*. Tạp chí *Văn học*, tháng 7-1963.

(2) Chúng tôi lược bớt phần trình bày tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu (B. T.).

cả hai mắt. Trước cơn nguy biến, chàng gặp anh bạn xấu Trịnh Hàm lập mưu đẩy xuống sông. Vân Tiên may được vợ chồng một ngư ông cứu sống. Vân Tiên liền tìm đến nhà người vợ đính ước trước khi đi thi là Võ Thái Loan mong có chỗ nương nhờ cho qua cơn hoạn nạn. Nhưng cha con Võ Thái Loan nhẫn tâm bội ước, đem chàng vớt vào hang núi. Một lần nữa, Vân Tiên lại được một ông tiên cứu thoát và đến ở nhờ một ngôi chùa giữa rừng.

Kiều Nguyệt Nga từ khi gặp Vân Tiên không lúc nào quên được người ân nhân khôi ngô đã cứu mình thoát nạn. Trong khi cảm xúc vì tình yêu nồng nàn, nàng đã có thể vẽ một bức chân dung của Vân Tiên đeo luôn bên mình, tự hẹn với lòng là ngoài Vân Tiên ra, quyết sẽ không yêu một người nào khác. Nhưng rồi một hôm nghe tin Vân Tiên bị nạn chết, nàng quyết tâm thủ tiết với người chồng mà mình đã tự ý lựa chọn. Trong khi đó, tên thái sư trong triều muốn hỏi nàng cho con hấn. Nàng từ chối. Bấy giờ đương có giặc Ô-quạ. Hấn bèn trả thù, tâu vua xin đưa nàng đi cống Ô-quạ. Trên đường đi, nàng nhảy xuống sông tự vẫn, quyết giữ trọn lòng chung thủy với Lục Vân Tiên. Nhưng nàng được Phật Quan Âm cứu sống và cho trôi dạt vào vườn nhà Bùi Kiệm. Bùi Kiệm thấy Nguyệt Nga xinh đẹp, muốn quyến rũ nàng làm vợ. Nguyệt Nga lại bỏ trốn vào rừng, ở nhờ nhà một bà lão.

Lục Vân Tiên về sau được thuốc tiên chữa cho sáng mắt, đi thi, đỗ trạng nguyên và được vua cử đi đánh giặc Ô-quạ. Trên đường thắng trận trở về, chàng gặp Nguyệt Nga. Từ đây hai người sum họp hạnh phúc. Còn những bọn gian ác đều phải đền tội.

Dưới hình thức một câu chuyện cổ Trung-quốc, *Lục Vân Tiên* một phần nào có tính cách một cuốn tiểu thuyết

tự truyện. Chàng thư sinh Lục Vân Tiên có hiếu rất mực, bỏ thi về chùi tang mẹ, khóc đến nổi mù mắt, rồi bị vợ chưa cưới bội ước... đó cũng là một đoạn cuộc đời của tác giả. Cả đến nhân vật Kiều Nguyệt Nga, với tình son sắt chung thủy, cũng không phải là không có liên hệ gì với bà vợ hiền, đằm đằm sau này của Nguyễn Đình Chiểu. Trong truyện, Lục Vân Tiên, cuối cùng mắt lại sáng, để đi thi, đỗ trạng nguyên, dẹp giặc trừ gian, cứu dân độ thế... Phải chăng đó là niềm ước mong tha thiết, là chút hy vọng của một nhà nho lạc quan, tuy đã mù lòa, những vẫn ước ao có ngày tai qua nạn khỏi và lại có dịp « tri quân, trạch dân » ?

Nhưng với *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu không phải chỉ nhằm giải quyết một bi kịch cá nhân, hoặc giải tỏa một tâm sự riêng tây. Thời đại Nguyễn Đình Chiểu là thời đại suy đồi của chế độ phong kiến nhà Nguyễn. Thời đại đạo đức lễ giáo bị khinh rẻ. Với *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu muốn nêu cao ngọn cờ đạo đức nhằm mục đích cứu vãn lấy thể đạo nhân tâm. Cố nhiên, trong hoàn cảnh lịch sử hồi đó, ngọn cờ mà Nguyễn Đình Chiểu giương lên không thể có cái gì khác là ngọn cờ của đạo lý Khổng — Mạnh :

Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.

Tuy vậy, cái đạo lý Nguyễn Đình Chiểu nêu lên trong *Lục Vân Tiên* vẫn có tính chất chính nghĩa, tính chất nhân đạo sâu sắc và do đó phù hợp với truyền thống đạo đức của nhân dân và vẫn được nhân dân thừa nhận. *Lục Vân Tiên* phản ánh cuộc giao tranh giữa cái thiện với cái ác, giữa chính nghĩa với phi nghĩa và khẳng định dứt khoát rằng: cái thiện, cái chính nghĩa, dù có phải trải qua muôn vàn khó khăn, thì rồi cuối cùng nhất định cũng thắng lợi; và cái ác, cái phi nghĩa cuối cùng tất yếu sẽ thất bại và

bị trừng phạt. Những nhân vật như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga... đã từ trang sách bước vào cuộc đời, chiếm lĩnh lòng tim khối óc của người đọc, và trở thành những tấm gương chói lọi đối với nhiều thế hệ : Lục Vân Tiên là một điển hình anh hùng nghĩa hiệp, hiếu với cha mẹ, trung với vua, và hết lòng cứu giúp nhân dân. Hình tượng Kiều Nguyệt Nga tượng trưng cho tình yêu chung thủy, cho tiết hạnh son sắt. Cho đến ngày nay, trên một lý tưởng và nhân sinh quan mới, những chiến sĩ du kích đang anh dũng chiến đấu tự vệ để giải phóng miền Nam, những người công nhân, nông dân đang lao động quên mình trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, những cặp người yêu và vợ chồng tạm thời phải lìa xa nhau vì âm mưu chia cắt đất nước của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, vẫn tìm thấy ở Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga một tấm gương trong sáng.

Ngoài ra, một số nhân vật thứ yếu khác trong *Lục Vân Tiên* vẫn có giá trị điển hình sinh động : Hòn Minh, Tử Trục là những người bạn tốt, hiền vinh, hoạn nạn đều có nhau ; Trịnh Hâm điển hình cho người bạn xấu, nham hiểm, tráo trở ; Bùi Kiệm điển hình cho thói dâm ô ; cả đến những nhân vật ông Quán, ông Ngự, ông Tiều sẵn lòng giúp đỡ người hoạn nạn, nhân vật Hỷ đồng trung nghĩa..., cũng phần nào nói lên được bản chất tốt đẹp của quần chúng lao động.

Nhưng phần thành công nhất, phần có giá trị nhất trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là phần thơ văn yêu nước chống Pháp. Cuộc xâm lược của đế quốc Pháp và cuộc kháng chiến quyết liệt của nhân dân đã mở đầu giai đoạn thứ hai trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu phản ánh cuộc chiến đấu chống Pháp đầu tiên ở Nam-bộ, tố cáo tội ác của giặc và ca ngợi tình

thần chiến đấu dũng cảm hy sinh oanh liệt của nhân dân. Trong tình thế khàn cấp của cuộc chiến đấu một còn một mất của dân tộc, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã phát triển lên một bước mới, cao hơn giai đoạn trước về tư tưởng và nghệ thuật.

Hình ảnh lãnh tụ nghĩa quân Trương Định, vì thể theo lòng dân, không chịu đi nhận chức mới của triều đình mà ở lại cùng nhân dân tổ chức kháng chiến, được Nguyễn Đình Chiểu vẽ lên một cách đẹp đẽ và cảm động:

... Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón
ngăn mấy dặm mã tiền...

Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác
một vai khờn ngoại!

Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, còn hiện lên hình ảnh những người lính nghĩa quân, trang bị thô sơ:

Ngoài cát có một manh áo vải...

Trong tay cầm một ngọn làm vông.

nhưng tinh thần chiến đấu thì vô cùng anh dũng:

Chi nhọc quan quân gióng trống, phát kỳ, đập rào
lướt tới, coi giặc cũng như không;

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông
vào, liều mình như chẳng có (1).

Những người lính nghĩa quân đó hôm qua còn là những người nông dân hiền lành, chất phác, chỉ biết:

Coi cút làm ăn, toan lo nghèo khó...

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn
quen làm;

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa
từng ngó...

(1) Vế này đối với vế trên chưa thật chỉnh, chắc rằng vẫn bản ghi lại chưa được đúng với nguyên tác.

Nhưng vì quyết bảo vệ xóm làng, bảo vệ Tổ quốc, nên họ dám quyết tâm đương đầu với quân giặc có vũ khí tối tân. Họ đã thất bại, nhưng tinh thần yêu nước bất khuất của họ vĩnh viễn sống mãi trong lòng thương tiếc của nhân dân :

*Đoái sông Cần-giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ;
Nhìn chợ Trường-đình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.*

Chính con cháu những người lính nghĩa quân đó, ngót một trăm năm sau, năm 1945, cũng với « gậy tầm vông » trong tay, đã anh dũng tiến vào cuộc kháng chiến lâu dài và đã chiến thắng vẻ vang. Ngày nay, ở miền Nam Việt-nam, cuộc chiến đấu vũ trang chống bọn đế quốc xâm lược và bọn tay sai bán nước vẫn còn đang tiếp tục, và lần này, kẻ thù là một tên đế quốc hung ác nhất trên thế giới. Mặc dầu vậy, thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân Việt-nam. Trong cuộc đấu tranh sinh tử đó, tên tuổi và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là một bài học sâu sắc về tinh thần yêu nước, về ý chí sắt đá của nhân dân miền Nam quyết tâm đánh bại bọn đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước của chúng.

∴

Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có giá trị và ý nghĩa lớn lao. Hai năm sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam-bộ, một viên sĩ quan hải quân Pháp đã dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp và đăng trên một tờ báo ở Pari (1). Bọn thực dân đã sớm chú ý đến Nguyễn Đình Chiểu. Qua việc xuất bản, phiên dịch thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, một mặt chúng muốn tỏ thái độ trân trọng với di sản văn

(1) Aubaret, *Journal asiatique*, 1864, Aubaret sau làm lãnh sự Pháp ở Băng-cốc (Thái-lan).

hóa của « dân thuộc địa », mặt khác chúng muốn tìm hiểu ở đây cái tinh thần dân tộc Việt-nam để tiện bề cai trị. Ngay trong thời gian Nguyễn Đình Chiểu còn sống, có tên thực dân, với một vẻ mặt nhân hậu và cung kính, đã đến thăm hỏi, mua chuộc Nguyễn Đình Chiểu. Sau khi Nguyễn Đình Chiểu mất, có tên thực dân đã đến đọc diếu văn và nhỏ những giọt nước mắt cá sấu trước mộ Nguyễn Đình Chiểu! Cả đến Ngô Đình Diệm hiện nay vẫn không quên học tập kinh nghiệm của quan thầy cũ để làm ra vẻ tôn trọng di sản thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng bọn cướp nước và bán nước làm sao lại có thể thực sự tôn trọng thơ văn một nhà ái quốc? Suốt trong thời kỳ Pháp thuộc, toàn bộ thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu không hề được phép công bố. Bọn thực dân chỉ cho các trường trung học giảng dạy *Lục Vân Tiên* và giải thích *Lục Vân Tiên* theo quan điểm đạo đức phong kiến lạc hậu để mong nó dịch tinh thần nhân dân Việt-nam. Chỉ có từ khi Cách mạng tháng Tám ở Việt-nam thành công, và nhân dân đã làm chủ đất nước và vận mệnh của mình, thì dần dần Nguyễn Đình Chiểu mới có một địa vị xứng đáng trên văn đàn. Việc Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa và Mặt trận giải phóng miền Nam Việt-nam long trọng kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu có cả một ý nghĩa sâu sắc. Trước hết, nó có ý nghĩa biểu dương một nhân cách vĩ đại, tiêu biểu cho nghị lực và lòng yêu nước. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng danh hiệu người *Thi sĩ của nhân dân*, đã suốt đời gắn bó cuộc đời mình với vận mệnh của Tổ quốc, của nhân dân, đã suốt đời đem nghệ thuật của mình phục vụ sự nghiệp chiến đấu của nhân dân. Nguyễn Đình Chiểu đã không có cái may mắn chứng kiến sự thắng lợi vẻ vang của dân tộc, sự thất bại nhục nhã của bọn thực dân cướp

nước và bộn tay sai bán nước. Nhưng hơn nửa thế kỷ sau khi Nguyễn Đình Chiểu thở hơi cuối cùng, một nửa đất nước Việt-nam đã hoàn toàn giải phóng, và nhân dân miền Nam Việt-nam hiện nay, nhân dân vùng quê hương yều dẫu của Nguyễn Đình Chiểu đương tiếp tục cuộc chiến đấu thần thánh để giải phóng nửa đất nước còn lại, với một niềm tin tưởng tất thắng và với một tinh thần anh dũng tuyệt vời.

Tháng 9-1963

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU, MỘT NHÀ THƠ LỚN,
MỘT TẤM CƯƠNG CHÓI NGỜI TINH THẦN
BẤT KHUẤT CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM (1)

HOÀI THANH

ĐỐI với bao nhiêu cảnh ngang trái ông đã từng chứng kiến, bao nhiêu cảnh ngang trái đang tiếp diễn chung quanh ông, Nguyễn Đình Chiều không thể nào đứng đưng. Ông phải lên tiếng. *Lục Vân Tiên* trước hết là một tiếng chửi. Chúng ta đều biết những lời ông Quán nói với đám học trò thi. Ông nói toàn những chuyện trong kinh sử. Nhưng có thật chỉ là chuyện kinh sử không? Nếu chỉ là những chuyện đã xảy ra ở đâu đâu và từ mấy nghìn năm trước thì khó mà có cái giọng cay đắng, hằn học đến thế.

*Quán rằng: ghét việc tầm phào,
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.*

(1) Trích diễn văn đọc trong lễ kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiều, tổ chức tại Hà-nội, tháng 7 - 1963.

Không, trong cái căm ghét ấy có cái căm ghét của Nguyễn Đình Chiểu đối với tất cả những thói gian tà đang lộng hành trong xã hội.

Lục Vân Tiên không chỉ là một tiếng chửi chung vào thói đời gian ác. Ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu còn chĩa vào từng loại người cụ thể. Bộ ba Võ công, Quỳnh Trang và Võ Thê Loan là một loại. Khi Vân Tiên mới đến lần đầu, cả nhà hết sức sẵn đón. Thê Loan tiến đưa chàng bằng những lời tình từ ngọt ngào.

*Thưa rằng: quân tử phó công,
Xin thương bỏ liễu chữ «tòng» ngày thơ,
Tấm lòng thương gió nhớ mưa,
Đường xa nghìn dặm xin đưa một lời.*

Nhưng đến khi Vân Tiên mang tật trở về thì Thê Loan giở giọng:

*Thà không chịu trót một bề,
Nữ đem mình ngọc dựa kê thất phu.
Đốc lòng chờ đợi danh nhu.
Rề đâu có rề đui mù thế nay!*

Có thể nói giọng lần trước chỉ là giọng văn chương. Giọng lần này mới là giọng thật. Cả nhà tìm cách hại Vân Tiên và tính chuyện cầu thân với bạn Vân Tiên là Tử Trục. Tử Trục thì đỡ về, đến thăm, Võ công gạ luôn:

*Tới đây thì ở lại đây,
Cùng con gái lão sum vầy thất gia,
Phòng khi hóm sớm vào ra,
Thấy Vương Tử Trục cũng là thấy Tiên.*

Nghĩa là chính vì nhớ Vân Tiên, thương Vân Tiên mà muốn gả con cho bạn Vân Tiên là Tử Trục. Kề nói năng như vậy cũng khôn khéo đấy, nhưng khôn khéo mà vẫn không hết trơ tráo. Sau này khi Vân Tiên công thành danh toại, hai mẹ con lại trơ tráo đến nỗi kéo nhau ra đón:

*Trang rằng : con có hồng nhan,
Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa,
Vi dầu có nhớ tích xưa,
Mẹ con ta lại để thừa Võ công.*

Ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu đã vạch trần tâm địa bỉ ổi của loại người bội bạc.

Một loại nữa là loại Bùi Kiệm. Nguyễn Đình Chiểu đã thông qua nhân vật này mà lên án thói dâm ô, hưởng lạc. Bùi Kiệm khuyên Nguyệt Nga tội gì mà thủ tiết với Văn Tiên vì đời người ngắn ngủi :

Ba xuân dầu hết, ngàn vàng khôn mua.

Cha hấn cũng rập theo một giọng đề đồ dành Nguyệt Nga lấy con mình :

*Tôi đây duyên đã bén duyên,
Trăng thanh gió mát cảm thuyền đơi ai,
Nhớ câu xuân bất tái lai,
Ngày nay hoa nở, e mai hoa tàn.*

Tôi nghĩ những câu này đáng cho ta giật mình vì cái triết lý của cha con Bùi Kiệm, chúng ta đều biết, sau này còn phát triển dưới nhiều vẻ khác nhau trong văn thơ và trong đời sống, và cuối cùng đã biến thành cái triết lý « sống gấp » theo lối Mỹ ở Hà-nội thời bị chiếm (1) và hiện đang tác quái ở miền Nam.

Tuy vậy Bùi Kiệm chưa phải là người nham hiểm lắm. Trịnh Hàm mới thật là người nham hiểm. Trên đường đi thi, Hàm, Kiệm với Tiên, Trục cùng uống rượu làm thơ. Hàm, Kiệm làm thơ kém, bị ông quán chê cười. Hàm ức quá buột thốt ra những lời hằn học, khinh người mà vô nghĩa :

(1) Hồi ấy có tờ tạp chí Mỹ lấy tên là *Sống* đã rất phổ biến ở Hà-nội.

*Hàm rằng: «Lão quán nói những,
 Dầu cho trái việc cũng thừng bán cơm,
 Gối rom theo phận gối rom,
 Có đầu ở thấp mà chòm lên cao».*

Nhưng đến khi Văn Tiên được tin mẹ mất thì Hàm lại ngỏ lời an ủi và gạt nước mắt tiễn đưa. Cũng tưởng câu chuyện như thế là đã qua vì Văn Tiên không đi thi nữa thì tài văn thơ của Văn Tiên đâu còn là một mối nguy đối với Trịnh Hàm. Không ngờ sau khi thi xong trở về, Hàm còn đang tâm làm một việc dã man vô ích là lập mưu giết Tiểu đồng và xô Văn Tiên xuống biển. Thi ra hán vẫn không quên được cái nhục ngày nào ở trong quán. Mối oán thù nhân một câu chuyện gọi bằng văn chương trong tâm địa của một tiểu nhân đã dẫn đến những chuyện không ngờ.

Nguyễn Đình Chiểu cũng không tha cái bọn lang băm, bói toán, phù phép chuyên nghề lừa bịp. Đặc biệt có ý vị là đoạn Tiểu đồng nhờ tên thầy phép chữa bệnh cho Văn Tiên. Hần khoe có đủ phép thần thông:

*Phép hay sai đậu thành bình,
 Bện hình làm tướng phá thành Diêm vương.*

Hần bảo Tiểu đồng nằm xuống cho hần chữa. Tiểu đồng ngạc nhiên vì người bệnh một nơi sao lại chữa bệnh một nơi.

*Phép rằng: ta biết kinh quyền,
 Đau nam chữa bắc mà thuyên mới tài.*

Rồi hần cất tiếng hát lên:

*Thỉnh ông Đại Thánh Tề Thiên,
 Thỉnh bà Võ hậu đều liền đến đây,
 Thỉnh ông nguyên soái chinh Tây,
 Cùng bà Vương Mẫu sum vầy một khi.*

Hắn còn thỉnh rất nhiều vị khác nữa :

*Thỉnh trong khắp hết quỷ thần,
Cùng đều xuống chốn dương trần vui chơi.*

Và làm náo động cả thiên cung lên như vậy chung quy cũng chỉ nhằm nuốt cho trôi mấy lạng bạc, còn bệnh tật thì cố nhiên đâu vẫn hoàn đó.

Nhưng trong *Lục Vân Tiên* không phải chỉ có tiếng chửi. *Lục Vân Tiên* là một lời ca, ca ngợi những con người hay thương người, biết quên mình vì nghĩa. Tiểu đồng bị trói vào gốc cây giữa rừng hoang chưa biết sống chết ra sao mà vẫn chỉ lo Vân Tiên một mình bơ vơ dưới suối vàng không người diu dắt. Vân Tiên bị Trịnh Hàm xô xuống biển được ông Ngư vớt lên bờ rồi :

*Hỏi con vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.*

Vân Tiên kể lại tình cảnh của mình. Ông liền mời Tiên ở lại :

*Ngư rằng : Người ở cùng ta,
Hôm mai hằm hút một nhà cho vui.*

Sau này Vân Tiên bị nhà họ Võ bắt đi mấy ngày liền trong hang đến khi gặp lão Tiểu thì chân tay rã rời không sao lết đi nổi. Lão Tiểu mở gói cơm cho ăn rồi :

Lão ra sức lão công Tiên về nhà.

Thật là những cử chỉ, những hình ảnh tuyệt đẹp. Một hình ảnh cũng rất đẹp là hình ảnh Nguyệt Nga. Người xem truyện nhớ mãi cái phút băng khuâng hồi hộp của nàng sau lần đầu gặp gỡ Vân Tiên :

*Thôi thôi em hỡi Kim Liên,
Đầy xe cho chị qua miền Hà-khé.*

nhớ mãi cái đêm nàng một mình mang « bức tượng » Vân.

Tiên trốn khỏi nhà Bùi Kiệm để giữ cho tròn tiết sạch giá trong:

*Qua truông rồi lại lên đèo,
Để kêu giãng giỏi, sương gieo lạnh lùng,
Giày sành đập sỏi thẳng xông.*

Giữa cuộc đời đầy những cạm bẫy chông gai, bước đi của nàng lúc nào cũng là bước đi dứt khoát. Đến khi tình cờ nàng gặp lại Vân Tiên:

*Nguyệt Nga bẳng lẳng bơ lơ,
Nửa tin rằng bạn, nửa ngờ rằng ai!*

thì mọi người đều thấy hả hê sung sướng.

Nguyệt Nga là hình ảnh của những người vợ Việt-nam đảm đang, chung thủy. Một lời ca và một ước mơ. Người thanh niên bị phụ tình đã ước mơ một mối tình chung thủy. Chàng cũng mơ ước những cử chỉ anh hùng, mơ trả nợ nước non và tâm sự ấy chàng đã gửi vào Tử Trục, vào Hồn Minh, nhất là vào Vân Tiên. Vân Tiên cũng bị mù nhưng sẽ có thuốc tiên chữa cho sáng ra. Vân Tiên sẽ thực hiện cái chí bình sinh của Nguyễn Đình Chiểu. Giữa đường gặp lũ cướp ức hiếp dân lành, Vân Tiên sẽ bẻ cây làm gậy xông vào đánh cướp:

*Vân Tiên tả đột hữu xung
Khắc nào Triệu Tử mở vòng Đương-dương (1).*

Gặp khi có giặc ngoại xâm, Vân Tiên sẽ mang quân đi đánh giặc:

*Vân Tiên đầu đội kim khôi
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ó.
Một mình nhắm trận xông vô.*

và Vân Tiên phá tan quân giặc. Nhờ thế mà một ước mơ khác cũng sẽ trở thành sự thực, ước mơ ơn đền oán báo.

(1) Đương-dương: Lấy tích ở Tam quốc Triệu Vân bẻ A Đầu (con Lưu Bị) thoát vòng vây của quân Tào Tháo (B.T.).

Cố nhiên đó chỉ là chuyện ước mơ. Còn sự đời thì không phải lúc nào cũng như vậy. Cho nên lời thơ Nguyễn Đình Chiểu có khi buồn man mác qua những câu bàn về nhân tình, về thế sự, nhất là của ông Ngư. Do đó mà song song với ước mơ phò đời giúp nước còn có cái ước mơ tìm một nơi non xanh nước biếc, thong thả làm ăn, thoát hẳn mình ra ngoài vòng danh lợi. Nhưng ẩn dật ở đây không có nghĩa là vô tâm. Trong cảnh ẩn dật vẫn không ngớt lo đời, vẫn tìm cách giúp người trong cơn hoạn nạn.

Lục Vân Tiên là một loại truyện kể. Về lời thì còn có chỗ vung, về tình tiết có chỗ không chặt, về nhân vật có khi chưa thực sự có một đời sống riêng. Mặc dầu vậy, những nhân vật ấy đã trở nên rất sống trong lòng quần chúng. Ấy là vì bao nhiêu căm ghét, yêu thương, mơ ước trong *Lục Vân Tiên* đều đúng là những căm ghét, yêu thương, mơ ước của quần chúng. Nguyễn Đình Chiểu đã mượn lá cờ của đạo Nho, nhưng thực ra là để bảo vệ tình cha con, đạo vợ chồng, tình bạn bè, lòng khinh tài trọng nghĩa, tinh thần cứu nạn phò nguy, những đạo lý thông thường mà cao quý trong đời sống của quần chúng, những truyền thống thuần phong mỹ tục lâu đời của nhân dân ta. Cho nên trí tưởng tượng của nhân dân từ đời này qua đời nọ đã sáng tạo thêm vào phần sáng tạo của nhà thơ. Nhưng nhân dân ta yêu *Lục Vân Tiên* không phải chỉ vì nội dung mà còn yêu vì nghệ thuật, yêu ngòi bút rất sắc của Nguyễn Đình Chiểu những khi đâm thẳng vào các hạng người phản phúc, lừa bịp. Yêu những hình ảnh nhân nghĩa sáng ngời đã xuất hiện dưới ngòi bút của nhà thơ. Những nhân vật của *Lục Vân Tiên* lại chẳng phải là người nước Sở nào xa xôi mà đều rất quen thuộc với quần chúng trong

Nam, quen thuộc từ cách nói năng cho đến tác phong, tinh nết. Hãy lấy ví dụ **Hón Minh**, một con người :

*Xa xem mặt mũi đen sì,
Minh cao sò sộ dị kỳ rất hung.*

Con người ấy trên đường đi thì gặp một tên con quan ỷ thế làm càn, thế là bắt chấp công danh đang chờ mình :

*Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.*

Nếu ta so sánh với Từ Hải thì có khác. Nhưng không nên vì khác nhau mà ta đối lập họ với nhau. Trong tâm trí của ta cần có Từ Hải và cũng cần có Hón Minh. Cũng không nên đối lập Thúy Kiều với Nguyệt Nga, một điển hình đau khổ vô biên với một tấm gương liệt nữ. Họ đều chị em với nhau cả. Đất nước ta có nhân Hưng-yên và có sàu riêng Nam-bộ. Tốt nhất là biết quý, biết thích cả nhân lẫn sàu riêng. Viết về Nguyễn Đình Chiểu, Xuân Diệu có nói : « Chúng ta nhận món quà mà Nam-bộ đã cho Tổ quốc hơn một trăm năm nay : đó là của quý của Việt-nam, do miền Nam sản xuất, có một hương vị rất là miền Nam, mà vì vậy nên rất Việt-nam » (1). Chính vì cái hương vị rất miền Nam và rất Việt-nam ấy mà *Lục Vân Tiên* đã đi sâu vào lòng nhân dân ta trong hơn một trăm năm nay suốt từ Nam ra Bắc.

∴

Cùng một thời với *Lục Vân Tiên*, còn có thể xếp một bức *Thư gửi cho em*, một bài *Hịch đánh chuột* và một số bài thơ. *Lục Vân Tiên* ra đời chưa được bao lâu thì xảy ra cái biến cố lớn nhất trong lịch sử Việt-nam từ mấy trăm năm : sự xâm lăng của đế quốc Pháp

(1) Báo Văn nghệ, 4-8-1955.

Ngày 11-2-1859, quân Pháp đánh chiếm Cần-giờ và tám ngày sau thành Gia-định bị hạ. Một phong trào chống Pháp nổi lên mạnh mẽ. Tuy mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu vẫn có liên hệ mật thiết với nghĩa quân, nhất là với Trương Định, người đã chiến đấu bốn năm liền (1860—1864) và đã gây cho địch nhiều tổn thất lớn. Đồng thời, Nguyễn Đình Chiểu đã lấy ngòi bút làm vũ khí, sáng tác ra một loại văn thơ gắn liền với thời sự : *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע, Thơ và văn tế điệu Trương Định, Thơ điệu Phan Tông, Văn tế nghĩa sĩ Lục tỉnh*. Theo Ca Văn Thỉnh, truyện *Dương Tử — Hà Mậu* vốn viết ra từ trước đề dạy đạo Khổng, lúc này cũng được chữa lại cho hợp với tình hình mới. Nhưng thế của giặc ngày càng mạnh : 1862, mất ba tỉnh miền Đông ; 1867, mất ba tỉnh miền Tây ; 1872, giặc đánh Hà - nội lần thứ nhất ; 1882, giặc đánh Hà-nội lần thứ hai ; 1883, chúng chiếm Thuận-an ; 1885, kinh đô thất thủ. *Ngư Tiên văn đáp*, tác phẩm cuối cùng của Nguyễn Đình Chiểu, đã được viết ra trong loạn cảnh đất nước ngày càng chìm đắm dưới ách thực dân.

Cuộc chiến tranh xâm lược xảy ra giữa lúc chế độ phong kiến nhà Nguyễn đang đi vào con đường gãy chết, đã gây ra biết bao nhiêu đau khổ cho cha ông chúng ta hồi đó. Trong cảnh loạn lạc ấy, một người mù lòa và đông con nhỏ như Nguyễn Đình Chiểu — bầy con — chắc chắn lại càng khổ. Từ Gia-định, Nguyễn Đình Chiểu đã chạy về Cần-giוע rồi lại chạy đi nhiều nơi khác nữa trước khi về ở hẳn tại Ba-tri, thuộc Bến-tre. Nhưng văn thơ Nguyễn Đình Chiểu suốt trong thời kỳ này tuyệt đối không một lần nào nói đến những nỗi khổ riêng. Khi bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע* truyền ra đến Huế, Tùng Thiện vương trong một bài thơ cảm đề có hai câu :

*Chi cánh thư sinh không bút trận
Báo quân chi thử diệt bi tai !*

Cụ Lê Thước dịch :

*Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút
Báo nước ngàn này cũng đáng thương !*

Tùng Thiện vương ái ngại cho Nguyễn Đình Chiểu đã không thể tự mình cầm gươm giết giặc ; có thể nói phần nào Tùng Thiện vương cũng đã hiểu được cái khổ tâm của Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng cái khổ tâm chính, cái băn khoăn lớn của Nguyễn Đình Chiểu không ở chỗ riêng mình đã góp sức như thế nào vào cuộc chiến đấu chung. Nguyễn Đình Chiểu không hề nói đến một nỗi khổ riêng nào, kể cả những chuyện khổ tâm có vẻ là cao thượng. Nguyễn Đình Chiểu chỉ nói đi nói lại một cái khổ chung cho tất cả mọi người : cái khổ của người dân mất nước. Từ ngày đất nước bị xâm lăng, toàn bộ văn thơ Nguyễn Đình Chiểu chỉ xoay quanh một vấn đề là vấn đề mất nước. Từ tiếng chửi, lời ca, tiếng khóc đến lời ước mơ đều hướng về một mục tiêu duy nhất. Nội sự chuyển hướng về đề tài ấy cũng đã là một bài học.

Tiếng chửi giờ đây không còn là chửi vào những chuyện bội bạc, phản phúc hay hướng lạc dâm ô, chửi vào các loại Võ Thê Loan, Trịnh Hàm, Bùi Kiệm. Chỉ còn một tiếng chửi Tây và những đũa theo Tây. Nhà thơ kể tội ác của giặc và bóc trần những thủ đoạn gian trá gọi rằng « khai hóa », gọi rằng đưa lại « văn minh » :

*Từ thuở Tây qua cướp đất,
Xưng tàn trào gày nợ oán cứu.*

(Văn tế nghĩa sĩ Lục tỉnh)

Cái bọn cướp của giết người đội lốt văn minh ấy, theo ông, chỉ là một bọn « treo dê bán chó » ; chúng không thể

có một chỗ đứng nào dưới ánh sáng rực trời của chính nghĩa :

*Hai vầng nhật nguyệt chói lòa,
Đâu dung lũ treo dê bán chó.*

(*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*)

Và mặc dầu chúng đội lốt văn minh, Nguyễn Đình Chiểu vẫn dứt khoát xem chúng nó là man rợ. Nói đến chúng nó, ông không một chút kiêng dè, ông chửi thẳng :

*Bát cơm manh áo nợ đời,
Mắc mớ chi ông cha nó.*

(*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*)

Lũ chúng nó là một bọn tanh hôi, người nông dân Cần-giục không thể nào chịu được, Nguyễn Đình Chiểu cũng không thể nào chịu được :

*Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm,
Ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.*

(*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*)

Đến khi cuộc kháng chiến tạm thời thất bại, bọn giặc hoành hành, ông đã lấy mù lòa làm một chuyện may và đã nói lên tâm sự của mình qua nhân vật Nhân Sư trong *Ngư Tiều vãn đáp* :

*Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thần.*

*Dù dui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.*

« Ăn dơ tanh rình » tức là theo Tây. Trong một bài bịch kêu gọi đánh Tây tuy chưa biết đích là của ai

nhưng giọng văn rất giống giọng văn Nguyễn Đình Chiểu, ta thấy có những câu :

*Xin chớ phân bì kẻ sĩ,
Hoặc ra làm phủ, hoặc ra làm huyện,
Ấy là đồ hư, đồ bỏ, đồ thúì, đồ nhờ!
Chớ nên thác chước thẳng dân,
Hoặc theo đi mượn, hoặc theo đi thuê,
Ấy những đũa đại, đũa hoang, đũa cùng, đũa
quái!*

Nếu chú ý, ta sẽ thấy tuy cũng là mạt sát nhưng ít nhiều không phải không có sự phân biệt giữa bọn phủ, huyện làm tay sai cho giặc và những người đi làm mượn làm thuê.

Đối với những người lầm đường theo giặc, Nguyễn Đình Chiểu vừa giận lại vừa thương, ông khuyên răn nhiều hơn là chửi bới. Ông muốn nói sao cho mọi người thấy rõ sống với Tây, sống theo Tây là một cuộc sống cực kỳ thảm hại :

*Sống làm chi theo quân tả đạo,
Quảng vừa hương, xò bàn độc, thấy lại thêm
buồn,
Sống làm chi ở linh mã tà,
Chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hồ.*

(Văn tế nghĩa sĩ Cần-giועc)

Không những nhục nhằn, thảm hại mà có khi còn mang vạ vào thân vì quân cướp nước vẫn là quân vô đạo :

*Trối ai ra sức muồng sắn
Một mai hết thổ, cạp ăn tới mình.*

(Dương Từ — Hà Mậu)

Nhưng nền thống trị của thực dân ngày một vững. Bọn Tôn Thọ Tường ngày một nhiều. Đến Ngự Tiều vấn đáp thì thời thế đã suy lắm rồi :

*Hỡi chính ngàn năm về cụm núi,
Thối tả bốn biển động vừng mây.*

Trong tình hình ấy, mỗi khi gặp lại một người bạn cũ, lo nhất là lo bạn lại theo giặc mất rồi. Cho nên khi Ngự, Tiều và Nhập Môn gặp nhau sau mấy năm loạn lạc, họ vui mừng khôn xiết, mừng nhất là được thấy trong ba anh em không một ai theo giặc.

...

Trước cảnh đất nước bị xâm lăng, ngòi bút đánh địch thay đổi mục tiêu thì lời ca cũng chuyển theo hướng khác, từ chỗ ca ngợi tình bạn bè, tình chung thủy chuyển sang chủ yếu ca ngợi những người hy sinh cứu nước. Khi giặc mới đánh vào Bến - nghé, Nguyễn Đình Chiểu có lời kêu gọi :

*Hỡi trang đẹp loạn rày đâu vắng?
Nỡ để dân đen mắc nạn này!*

(*Thơ*)

Nhưng rồi chính những người « dân đen » đã tự mình vùng dậy và họ lại là những người đầu tiên được Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi trong một bài văn hay vào bậc nhất trong văn học Việt-nam : bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt-nam chúng ta được nghe một lời ca như vậy, một lời ca chứa chan tình anh em ruột thịt và lòng kính phục vô biên đối với những người nông dân nghèo khổ. Ngay đến mấy mươi năm về sau cũng chưa có được một lời ca nào như thế :

*Nhớ linh xưa,
Còi cút làm ăn,
Toan lo nghèo khó...*

Bao nhiêu yêu thương trong một chữ « còi cút ». Những con người hiền lành và có gì như tội nghiệp ấy, Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên rất đúng tấm lòng yêu nước của họ, một tấm lòng yêu nước với những sắc thái riêng, rất cụ thể, rất sâu sắc, một sự gắn bó có thể nói là máu thịt của từng tấc đất ngọn rau, từng vùa hương, bát nước. Một khi giặc động đến là những con người rất hiền lành ấy bỗng thay đổi hẳn. Họ sẵn sàng xông tới ăn gan, cắn cổ. Và mặc dầu chẳng ai đòi ai bắt, mặc dầu không biết võ nghệ, không đọc binh thư, trang bị lại hết sức sơ sài :

*Ngoài cật có một mảnh áo vải, nìo đơi mang
bao tấu, bầu ngòi ;*

*Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sẵn
dao tu, nón gõ.*

họ đã lăn xả vào đồn địch, bắt chấp các thứ súng đạn, và đã chiến đấu anh dũng tuyệt vời :

*Chi nhọc quan quân gióng trống kỳ, trống giục,
đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không ;*

*Nào sợ thẳng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa
xông vào, liều mình như chẳng có.*

*Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã
tà, ma ni hồn kinh ;*

*Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu
đồng súng nổ.*

Chiến đấu trong khi sống và có thể nói chiến đấu cả sau khi chết : « Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh

hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia»... Nhiều người Pháp viết về các trận đánh hồi bấy giờ cũng thừa nhận nghĩa quân của ta can đảm phi thường, nhưng họ lại cho là một thứ can đảm mù quáng. Kể hồi bấy giờ chẳng phải chỉ người Pháp mới nghĩ thế. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không nghĩ thế. Ông nhận thấy :

*Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong
nhà dạy đạo kia ;
Girom đeo dùi bằng lưỡi dao phay, cũng chém
rót đầu quan hai nọ.*

Rõ ràng không phải là hi sinh vô ích.

Bên cạnh hình ảnh nghĩa quân là hình ảnh những người cầm đầu các cuộc khởi nghĩa. Nguyễn Đình Chiểu hết lời ca ngợi họ, đặc biệt nêu bật mối quan hệ khăng khít giữa họ với quần chúng. Trương Định không đi nhận chức ở nơi khác, kiên quyết ở lại cầm quân đánh giặc là vì thuận theo lòng dân :

*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón
ngăn mấy dặm mã tiền ;
Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh
vác một vai khốn ngoại.*
(Văn tế Trương Định)

Đến khi Trương Định mất, lòng xót thương của quần chúng được ghi lại bằng những nét đơn sơ mà cảm động :

*Chạnh lòng tướng sĩ thương quan tướng, nhắc
quan tướng, chịu chết như gà...*
(Văn tế Trương Định)

Đối với một lãnh tụ khác của nghĩa quân là Phan Tông cũng như vậy :

*Thương ôi! người ngọc ở Bình-đông,
Lớn nhỏ trong làng thủy mấn trông.*

(*Thơ*)

Có thể nói hình ảnh người anh hùng dưới ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu đã mang những nét cơ bản của người anh hùng theo quan niệm của chúng ta. Họ trở nên anh hùng là do lòng tin yêu của quần chúng và chính dựa vào sức tin yêu ấy mà họ dám đương trường gánh lấy những công việc hết sức khó khăn. Giặc Tây có chỗ khác với các loại giặc ngoại xâm ngày trước là chúng có những vũ khí hoàn toàn mới đối với nhân dân ta. Dựa vào đó, Tôn Thọ Tường lên giọng dọa nạt :

*Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,
Máy tuôn đen kịt khói, tàu bay.*

.

*Miệng cộp hàm rồng chưa để chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay.*

Ngay Phan Thanh Giản cũng hết lời đề cao tài trí của Tây :

*Bá ban xảo kế tề thiên địa,
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền.*

(Trăm môn khéo ngang trời đất, duy có chuyện sống chết là thuộc quyền tạo hóa).

Trương Định và các lãnh tụ nghĩa quân không phải không biết súng đạn của giặc là nguy hiểm. Nhưng súng đạn đã không uy hiếp được tinh thần của họ. Có thể nói họ đã chửi lại bọn Tôn Thọ Tường qua lời thơ

của Phan Văn Trị, người bạn chí thân của Nguyễn Đình Chiểu :

*Đừng mượn hơi hùm rung nhát khi,
Lòng ta sắt đá há lung lay.*

*Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ,
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*

Nguyễn Đình Chiểu cũng đã nêu rất cao tấm gương bất khuất. Tấm gương ấy giờ đây vẫn có ích, vì giờ đây lại có những thù vũ khí mới đang muốn uy hiếp tinh thần người ta. Và cũng không thiếu những người vì lẽ này hay lẽ khác đang ra sức bảo vệ cho lập luận của Tôn Thọ Tường ngày trước. Tạp chí *Bách khoa* xuất bản ở Sài-gòn trong số ra ngày 1-9-1958 cho Tôn Thọ Tường là «theo phái ôn hòa thấy rõ sự yếu của nước mình nên bằng lòng ra hợp tác với chính phủ bảo hộ để tùy cơ năng cao dần trí và tranh thủ cho nền độc lập bằng đường lối ngoại giao». Nghĩa là Tôn Thọ Tường được tô diêm thành một người yêu nước.

Với Nguyễn Đình Chiểu thì không thể có một sự nhập nhằng nào giữa con đường của những «đồ hư, đồ bỏ, đồ thú, đồ nơ», với con đường đánh Tây cứu nước. Từ nhỏ, sách vở của thánh hiền đã dạy cho Nguyễn Đình Chiểu rằng cái lẽ lớn ở đời là lẽ thờ vua. Khi quê hương bị giặc chiếm, Nguyễn Đình Chiểu không chịu sống với giặc cũng là vì cái lẽ thờ vua :

*Người dễ muốn chi nường đất khách,
Trời đã khiến vậy mền vua ta.*

(*Thơ*)

Nhưng khi có chiếu chỉ của nhà vua buộc Trương Định giải giáp và Trương Định cương lại thì Nguyễn Đình

Chiều đã dứt khoát tán thánh Trương Định, không tán thành chiếu chỉ của nhà vua. Đây là một tấn bi kịch lớn trong tâm trí của nhà nho Nguyễn Đình Chiểu. Tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu chưa thể nào thoát ra khỏi cái lẽ thờ vua nói chung, nhưng lòng tin tưởng đối với nhà vua cụ thể của triều Nguyễn hồi bấy giờ thì ngày một mất dần cho đến lúc chẳng còn gì nữa:

*Xe ngựa lao xao giữa cõi trần,
Biết ai thiên tử, biết ai thần?*

Ngay từ trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã nói rất rõ vì ai mà thương, mà ghét:

*Ghét đời Kiệt Trụ mê dâm,
Đề dân đến nỗi sa hầm sầy hang...*

Giờ đây, lòng căm thù giặc, lòng mến phục người hi sinh giết giặc cũng bắt nguồn từ một tấm lòng thương dân vô hạn:

*Khá thương thay!
Dân sa nước lửa bấy chầy,
Giấp ép mỡ dầu hết sức*

(Văn tế nghĩa sĩ Lục tỉnh)

Hàng trăm năm sau, chúng ta đọc Nguyễn Đình Chiểu có lúc như vẫn còn thấy ngòi bút nhà thơ nức nở trên từng trang giấy:

*Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya
leo lét trong lều;
Nào nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế
dật dờ trước ngõ.*

(Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục)

Người sống đã đáng thương, người chết lại càng đáng thương. Tri tưởng tượng của Nguyễn Đình Chiểu đã đi sâu vào thế giới những oan hồn y như Nguyễn Du ngày trước :

*Trời Gia-định ngày chiều rạng rắng, âm hồn theo
con bóng ác dật dờ ;*

*Đất Biên-hòa đêm vắng trắng lơ, oan quỷ nhóm ngọn
đèn thần hiu hắt.*

(Văn tế nghĩa sĩ Lục tỉnh)

Thế giới những oan hồn ấy chính là tiêu biểu cho nỗi đau khổ mệnh mông của dân tộc ta trong cảnh nhà tan nước mất.

Nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã không chịu bó tay. Tình thế không còn cho phép kêu gọi đánh Tây, ông kêu gọi không cộng tác với Tây, ông truyền bá y thuật, truyền bá đạo lý ở đời. Ông nói : « ... kẻ làm thuốc lành nghề tức là viên tướng có tài, mà phép dùng thuốc chữa bệnh tức là phép dùng binh đánh giặc... Binh có khi đánh thắng, có khi đánh meo ; thuốc có khi chữa gốc bệnh, có khi chữa biến tướng ». Viết Ngự Tiều vẫn đáp ầu cũng là một cách đánh meo, một cách chữa biến tướng. Nhưng chữa biến tướng, Nguyễn Đình Chiểu vẫn không quên bệnh gốc là cái ách ngoại xâm :

*Trời Đòng mà gió Tây qua,
Hai hơi ẩm, mát, chẳng hòa đau dãn.*

Gió Tây đó mới đúng là bệnh gốc.

Chen vào giữa những đoạn thuần túy chuyên môn, những câu, những chữ nói lên tinh thần bất khuất, tâm tư đau xót của nhà thơ, có một sức xúc cảm lạ thường. Cho đến cây cỏ cũng điêu đứng vì Tây. Trên con đường Ngự, Tiều đi tìm thầy học thuốc :

*Trăm hoa nửa khóc nửa cười,
 Như từng xiêu lạc, gặp người cổ hương!
 Cổ cây đũa, nhánh đón đường,
 Như từng níu hỏi: Đòng hoàng ở đâu?*

Cùng một nỗi đau xót ấy trong một bài thơ của Nhập Môn, bạn cũ của Ngự, Tiều :

*Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió Đòng,
 Chua xuân đâu hỏi, có hay không?
 Máy giăng ải Bắc trông tin nhận,
 Ngày xế non Nam bật tiếng hồng.
 Bờ cõi xưa đã chia đất khác,
 Nắng sương nay há đợi trời chung!*

Ngày xưa trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu từng có lúc mơ ước được làm một ông Ngự, một ông Tiều sống thanh thoi giữa non xanh, nước biếc. Giờ đây qua khói lửa của chiến tranh, ước mơ ấy đã tiêu tan. Cuộc đời lúc này càng đau xót, tối tăm hơn lúc nào hết. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không muốn trốn đời, không thừa nhận chuyện trốn đời. Ngự, Tiều đều chuyên qua nghề làm thuốc, người chuyên về nhi khoa, người chuyên về phụ khoa :

*Đặng theo sâm quế mùi thơm,
 Dấu cho bữa cháo bữa cơm cũng dành.*

Sau bao nhiêu thử thách và thất bại, Nguyễn Đình Chiểu càng hướng về cuộc sống thực, càng đứng vững chân trên mảnh đất của cuộc sống thực. Ngay trong khi gọi lên thế giới những oan hồn, Nguyễn Đình Chiểu cũng không hình dung ra một con đường giải oan nào ở thế giới bên kia. Ước mơ tha thiết nhất của Nguyễn Đình Chiểu vẫn hướng về phía bên này :

Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng,
Bốn biển âu ca hiệp một nhà.

.....
Ngày nào trời đất an ngôi cũ,
Mình thấy non sông bất gió Tây.

(Ngư Tiểu văn đáp)

Ngày ấy chẳng những hoa cỏ sẽ không còn cảnh nửa khóc nửa cười, người sống sẽ được sống yên vui, mà cả trong thế giới những oan hồn, người chết cũng được nhẹ niềm oan khuất. Cũng không phải chỉ có ước mơ mà còn là tin tưởng :

Sau trời Thúc Quý tan mây,
Sông trong bể lặng mắt thầy sáng ra.

(Ngư Tiểu văn đáp)

Cố nhiên chưa chắc phải là một niềm tin có căn cứ khoa học như sau này chủ nghĩa Mác — Lênin sẽ mang đến cho chúng ta, nhưng trong hoàn cảnh thất bại liên tiếp của các cuộc khởi nghĩa, một niềm tin như vậy thật là đáng quý.

Nguyễn Đình Chiểu đã đi vào văn thơ với cái chí ngang tàng của một người trượng phu không chịu để cho các thứ khuôn sáo văn chương ràng buộc :

Nào phải trường thi
Ra đề hạn vận một khi buộc ràng
Trượng phu có chí ngang tàng.

(Ngư Tiểu văn đáp)

Ông ghét cay ghét đắng các thứ văn thơ giả dối mà ông gọi là văn thơ « *vóc dè da cộp* ». Trong văn thơ, theo ông, phải có thái độ khen chê dứt khoát, phải « *ngụ tâm lòng*

Xuân Thu». Tức cũng như Hồ Chủ tịch sẽ nói sau này « trong thơ nên có chất thép ». Chất thép ấy trong văn Nguyễn Đình Chiểu quả thật là rất cứng:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!*

(*Thơ*)

Nhưng không phải chỉ có văn thơ. Cả cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một cuộc đời chiến đấu. Ngót bốn mươi năm trời sống trong cảnh mù lòa và trong một thời thế hết sức khó khăn, Nguyễn Đình Chiểu đã không một lúc nào lùi bước. Khi Nguyễn Đình Chiểu lớn lên thì chế độ phong kiến đã cực kỳ mục nát. Một nhà nho vốn rất lạc quan là Nguyễn Công trứ lúc này cũng buông xuôi tay, chán ngán: « *Kiếp sau xin chớ làm người* ». Giữa lúc đó thì tiếng nói của Nguyễn Đình Chiểu trong quyển truyện *Lục Vân Tiên* vẫn là một tiếng nói chiến đấu, một tiếng nói lạc quan.

Kể đó giặc Pháp tràn đến. Giặc đánh tới tấp, tưởng như không có sức gì ngăn nổi. Giữa bao nhiêu tiếng nói yêu nước của Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp và nhiều nhà văn nhà thơ khác nữa của đất Đồng-nai bất khuất, tiếng nói của Nguyễn Đình Chiểu lại vút lên, chửi thẳng vào các loại kẻ thù của dân tộc, dứ khoát ca ngợi những người kháng chiến, vô cùng đau xót trước những cảnh tang tóc đày đoạ nhưng vẫn cương cứng bất khuất, vẫn bền gan chiến đấu, vững tin có ngày chiến thắng. Qua cơn thử lửa gian nan, chí lớn của Nguyễn Đình Chiểu chẳng những không lung lay mà càng thêm vững, tâm tri của Nguyễn Đình Chiểu càng thêm sáng suốt, văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng tiến vượt lên về cả hai mặt hình thức và nội dung.

Ta hãy nghĩ giờ đây, sau Cách mạng tháng Tám và chiến thắng Điện-biên, chân lý về khả năng quật khởi của các dân tộc bị áp bức đã rực sáng như ánh mặt trời mà vẫn còn có người chưa nhìn ra chân lý. Nguyễn Đình Chiểu không có cái may mắn của chúng ta, Nguyễn Đình Chiểu sống giữa vòng vây dày đặc của thực dân phong kiến, làm sao mà Nguyễn Đình Chiểu lại có thể nhìn đúng những nét cơ bản của hiện thực đương thời, nhìn đúng hướng đi của lịch sử và giữ trọn tấm lòng son sắt sáng ngời?

Niềm tin ấy cùng với tấm lòng son sắt ấy phần nào Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp thu được từ trong kinh sử. Nhưng từ trong kinh sử mỗi nhà nho vẫn có thể tùy theo xu hướng của mình rút lấy những bài học riêng. Sở dĩ Nguyễn Đình Chiểu — cũng như những người bạn chí thiết của ông — đã rút được đúng bài học ấy và tự rèn luyện cho mình một phẩm chất rất cao, chủ yếu là do nhà nho nghèo ấy đã sống cuộc sống của quần chúng, thông cảm sâu sắc với quần chúng, và đã cùng với quần chúng phấn đấu gian nan. Chính quần chúng cần cù dũng cảm đã tiếp sức cho Nguyễn Đình Chiểu, cho trí tuệ, cho linh cảm, cho lòng tin và cả cho nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu. Nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu rất gần với văn học dân gian. Ngôn ngữ Nguyễn Đình Chiểu trong văn thơ yêu nước cũng như trong *Lục Vân Tiên* là ngôn ngữ của quần chúng, chữ dùng thường rất táo bạo và đầy cảm xúc, có khi như còn nóng hổi hơi thở của cuộc sống và chất chứa bao nhiều đau xót, buồn giận, mừng vui. Khi *Vân Tiên* chiến thắng trở về, cái đám Trịnh Hàm, Bùi Kiệm, Quỳnh Trang và Thẻ Loan thật là é trệ. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã nói rõ mỗi đứa é trệ một cách. Riêng về Bùi Kiệm, ông viết: « Còn người Bùi Kiệm máu dè; Ngồi chề

bè, mặt như sè thịt trâu», thật chữ dùng khó mà táo bạo hơn và cũng khó mà đúng hơn. Những câu như thế nghe chưa quen thì có thể chưa thấy hay. Nhưng càng đọc càng thấy quý.

Hai câu :

*Sự đời thà khuất đời trông thịt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.*

(Ngư Tiểu văn đáp)

Có chỗ tôi thấy chép là *đời trông mắt*. Có lẽ vì người ta sợ nói *trông thịt* thì hình như không được thanh nhã. Nhưng chỉ đổi đi một chữ như vậy là cả cái phần đau xót, phần buồn bình trong câu thơ đã mất đi quá nửa.

Chúng ta đều biết trong những năm về già, Nguyễn Đình Chiểu đã sống trong tình kính yêu đằm thắm của đồng bào. Bọn Pháp định trả lại ruộng đất cho ông, ông từ chối; định trợ cấp cho ông, ông cũng từ chối; ông nói ông vẫn sống đầy đủ trong tình yêu mến của đồng bào. Ông mất ngày 3-7-1888, thọ 66 tuổi. Ngày đưa đám ông, cả một cánh đồng Ba-tri roperties trắng khăn tang. Mộ của Nguyễn Đình Chiểu hiện ở cách chợ Ba-tri hai cây số thuộc tỉnh Bến-tre, tỉnh thi diềm ấp chiến lược, thi diềm chất độc hóa học của Mỹ—Diệm, một trong những nơi chịu nhiều đau thương tang tóc nhất và cũng là một trong những nơi phong trào đấu tranh mạnh nhất ở miền Nam.

Sự gắn bó sâu xa với quần chúng là diềm nổi bật trong cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu, là nhân tố chủ yếu đã tạo nên con người và sự nghiệp văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu. Và cũng chính quần chúng đã hiểu Nguyễn Đình Chiểu hơn ai hết, đã bảo vệ văn thơ Nguyễn Đình Chiểu cho đến ngày nay. Thực dân Pháp từng làm ra vẻ kính trọng Nguyễn Đình Chiểu, trăn

trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu. Thái độ ấy không có gì xa lạ. Xưa nay các loại kẻ thù của chính nghĩa vẫn thường có thái độ như vậy đối với các bậc vĩ nhân đề phỉnh phờ và xuyên tạc. Chỉ cần xem qua bài diễn văn tên thống đốc Hephren (Hoëffel) đã thân đến đọc trên mồ Nguyễn Đình Chiểu năm 1943 cũng đủ rõ Hephren định lấy *Lục Vân Tiên* làm một tảng đá trụ cột trong chương trình phục hưng Pháp—Việt của Pétain (Pétain). Cái trớ tráo của bọn thực dân thật không còn chỗ nói. Sự thật thì chúng nó đã cố bưng bít phần quý nhất trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu, phần văn thơ yêu nước. Chúng chỉ cho giới thiệu cái phần chúng xem là ít nguy hiểm nhất. Đó là chưa nói với thứ quan điểm nghệ thuật thoát ly chính trị, tách rời quần chúng vẫn ngự trị dưới chế độ thực dân thì ngay phần văn thơ được giới thiệu cũng bị hiểu sai. Viết về Nguyễn Đình Chiểu, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có nói: « Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy ».

Cái nhìn của Nguyễn Đình Chiểu là một cái nhìn dứt khoát chính tà, tấm lòng của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm lòng sôi sục căm thù và dạt dào tin tưởng; trên căn bản nó là cái nhìn của quần chúng, tấm lòng của quần chúng. Không có cái nhìn ấy, tấm lòng ấy, hay chưa có cái nhìn ấy, tấm lòng ấy đến một mức nhất định, khó mà hiểu được Nguyễn Đình Chiểu.

Nhưng cách mạng càng tiến tới, vai trò của quần chúng càng nổi lên thì lại càng đưa ta về gần với Nguyễn Đình Chiểu và qua văn thơ Nguyễn Đình Chiểu chúng ta càng về gần với quần chúng. Bài học rút ra từ cuộc đời và văn thơ Nguyễn Đình Chiểu là bài học

chiến đấu đến cùng vì một cái lẽ lớn, đồng thời cũng là bài học tin yêu sâu sắc, gắn bó thiết tha với quần chúng, nhất là với quần chúng nông dân. Tôi nghĩ đó cũng là những bài học lớn Đảng đã dạy cho chúng ta. Những gì chúng ta làm được tốt, kể cả trong văn học nghệ thuật, đều là nhờ có những bài học ấy; và những nơi nào, những lúc nào chúng ta làm hỏng, làm sai, hầu hết đều là do chúng ta đã ít nhiều quên mất những bài học ấy. Mong rằng việc kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu sẽ là một dịp để chúng ta ôn lại những bài học ấy cho thêm sâu.

Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương chói ngời tinh thần bất khuất. Tinh thần ấy trải qua hơn một thế kỷ chống ách thực dân đã đứng vững giữa tất cả mọi thứ phong ba bão táp. Tinh thần ấy giờ đây càng kiên cường, càng rực sáng hơn bao giờ hết. Miền Nam anh dũng tuyệt vời đang từng bước thực hiện ước mơ tha thiết nhất của nhà thơ yêu dân, yêu nước vĩ đại của miền Nam và của dân tộc Việt-nam (1).

7-1963

(1) Những tài liệu dùng trong bài này phần lớn dựa vào quyền *Nguyễn Đình Chiểu* của Vũ Đình Liên, Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1958; và quyền *Thơ văn yêu nước Nam-bộ cuối thế kỷ XIX* của Bảo Định Giang và Ca Văn Thỉnh, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1962.

TRUYỀN THỐNG QUẬT CƯỜNG CỦA NAM-BỘ VÀ VIỆT-NAM VỚI TINH THẦN ĐẤU TRANH CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

CA VĂN THỈNH

NGÀY 1 tháng 7 năm nay đúng 150 năm ngày sinh của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (1822—1888).

Kỷ niệm ngày ra đời của nhà thơ, lòng chúng tôi hướng về miền Nam hòa với lòng đồng bào đang sôi nổi đánh thắng giặc Mỹ và tay sai, nhằm tìm hiểu thêm, vì sao nhà thơ « trọn đời một tấm lòng son » sống mãi trong lòng nhân dân miền Nam và cả nước, đồng thời rút ra kinh nghiệm nghiên cứu tư tưởng của một nhà văn quan hệ đến truyền thống dân tộc. Nhân dân miền Nam, nhân dân cả nước vẫn nhớ mãi Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm của Người. Lý do chủ yếu là nhà thơ vừa là nhà giáo, là thầy thuốc sống gần gũi đồng bào, yêu mến đồng bào và được đồng bào kính mến. Tâm tư tình cảm về căn bản của đồng bào Nam-bộ, nhất là ở Sài-gòn, Cần-giוע và Ba-tri, nơi Nguyễn Đình Chiểu đã sống, luôn luôn cảm thông với tâm tư tình cảm của

Đồ Chiểu. Truyền thống của nhân dân Nam-bộ xuyên qua người mẹ hiền Việt-nam Trương Thị Thiết thấm nhuần vào tâm não của Đồ Chiểu. Truyền thống của Nam-bộ có mang sắc thái địa phương vốn là truyền thống của dân tộc Việt-nam.

Trước khi xét đến con người và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với nhân dân Nam-bộ, cần ôn lại truyền thống Nam-bộ, truyền thống văn học Nam-bộ, bắt nguồn từ truyền thống dân tộc và truyền thống văn học Việt-nam.

**Truyền thống Nam-bộ vốn là
truyền thống Việt-nam.**

Lẽ thường địa phương nào trong một nước cũng có sắc thái riêng; nhưng truyền thống của Nam-bộ vốn là truyền thống chung của dân tộc Việt-nam.

Hồ Chủ tịch đã nói: « Nước Việt-nam là một, dân tộc Việt-nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi ». Chân lý sáng ngời ấy xưa tan mưu đồ đen tối của đế quốc Mỹ hiện nay cũng như thực dân Pháp trước kia, đã cố tình cắt đứt cơ thể Việt-nam làm đôi, ba khúc.

Với truyền thống đấu tranh kiên cường, ở vùng châu thổ sông Đồng-nai, sông Cửu-long, ở vị trí cửa ngõ phía nam của Tổ quốc, nhân dân Nam-bộ đứng đầu sóng ngọn gió đã và đang chiến thắng các cuộc xâm lăng của quân Xiêm trước kia và quân Pháp, quân Mỹ sau này.

Người dân Nam-bộ kế thừa xứng đáng truyền thống bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc. Mỗi khi giặc ngoài đưa quân giày xéo non sông đất nước thì, bất cứ trong tình huống nào, nhân dân đều nhất tề đứng lên tích cực ủng hộ quân ta chống quân cướp nước. Từ năm 1674 đến nay, quân dân ta đã chiến đấu bốn phen: chống quân Xiêm trước kia và quân Pháp, quân Mỹ sau này.

Quân ta, năm 1671, do Nguyễn Dương Lâm chỉ huy và năm 1705, do Nguyễn Cửu Vân chỉ huy, được nhân dân Việt-nam và Kơ-me tích cực ủng hộ, đã đánh thắng quân xâm lược Xiêm ở vùng Mỹ-tho. Trong hai cuộc chiến thắng chống ngoại xâm ấy, nhân dân ta nêu cao hai gương hy sinh vì nước: Nguyễn Diêm Phái, hy sinh năm 1674, đã được lập đền thờ ở cửa biển Mỹ-tho, và Mai Hương tử tiết năm 1705 ở sông Bao-ngược, nơi gặp nhau của hai sông Vàm-cỏ, đã được thờ tại miếu ở bờ sông Bao-ngược. Tinh cảm sâu sắc của nhân dân đối với hai gương tiết nghĩa chống ngoại xâm đã thể hiện rõ ở lòng tôn kính, bảo vệ, làm đền, miếu thờ hai vị anh hùng ấy.

Năm 1784, nhà chiến lược thiên tài Nguyễn Huệ đại phá năm vạn quân Xiêm ở Xoài-mút, Rạch-gầm, 5 năm trước trận Đống-da lịch sử. Trận Rạch-gầm đã nêu cao tinh thần sáng tạo của vị anh hùng Nguyễn Huệ từng kết hợp chặt chẽ hai mặt quân sự và chính trị. Chiến công rực rỡ Rạch-gầm đã nêu lên truyền thống gắn liền binh vận với tác chiến của ông cha ta quyết thắng ngoại xâm.

Cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1832—1835) được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân Lục tỉnh đã nhanh chóng thắng lợi lúc đầu. Nhưng sau đó, người lãnh đạo phong trào, dao động trước sức đàn áp của quân triều đình, đã phạm sai lầm lớn là đi cầu viện quân Xiêm. Trước việc quân nước ngoài ồ ạt xâm phạm đất nước, thì lòng dân Lục tỉnh thay đổi hẳn, không những không theo Lê Văn Khôi nữa, mà còn nhất tề đứng lên ủng hộ quân đội triều đình đánh đuổi quân Xiêm ra khỏi bờ biển Hà-tiên.

Là tiền đồn phía nam của Tổ quốc, Nam-kỳ, từ năm 1859, đã đứng mũi chịu sào, lúc đầu cùng với quân triều đình, sau chống lệnh bãi binh của Tự Đức, quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp giành độc lập tự do. Giai đoạn đầu kháng Pháp oanh liệt ấy, lịch sử đã ghi

công những anh hùng không tên và có tên, từ Trương Định đến Phạm Văn Hớn. Sau đó, phong trào đấu tranh không ngừng phát triển và lan rộng.

Khi có Đảng tiên phong ra đời lãnh đạo cách mạng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, truyền thống đấu tranh vì độc lập tự do càng được phát huy lên cao hơn nữa. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, chín năm kháng Pháp thắng lợi, quân và dân Nam-bộ, trong phong trào vĩ đại kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đã tỏ rõ là những người con xứng đáng của «Thành đồng Tổ quốc», xứng đáng với lời kết luận trong bản tổng kết 10 năm phong trào vĩ đại miền Nam: «Lớp lớp anh hùng, truyền thống quang vinh».

Truyền thống chống ngoại xâm, truyền thống vẻ vang chung của một dân tộc đã thể hiện rõ ràng ở người dân Nam-bộ.

Ở đây cần đặc biệt nói tới vai trò to lớn của người mẹ Việt-nam ở trong gia đình, trong làng xóm Nam-bộ. Đó là vai trò bảo vệ truyền thống gia đình, truyền thống dân tộc. Với đứa con nằm trong nôi, bồng bế trên tay, khi bập bẹ tiếng mẹ đẻ, bà mẹ nào mà chẳng tập cho con nói, uốn nắn từng lời. Những thành ngữ, tục ngữ, cổ ngữ, những câu ca dao, câu hát ru con, truyện cổ tích đều do bà mẹ truyền dần vào tâm, vào trí trẻ con từ trong nôi. Khi con lớn dần lên, mẹ vẫn ở bên cạnh con hơn cha, dạy con từng ly từng tí việc phải, việc trái, chuyện lành, chuyện dữ, gương hiếu đễ, tiết hạnh, gương cần kiệm liêm chính, chuyện trung nịnh, họa phúc...

Trong *Gia-định thông chí*, Trịnh Hoài Đức nhận xét về tinh thần người dân Gia-định, đã viết: «Có nhiều người trung dũng, khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, và có nhiều phụ nữ có chí lớn». Một người mẹ có chí lớn sẽ

có ảnh hưởng sâu xa dường nào! Nhìn thực tế miền Nam và Nam-bộ, lời nhận xét trên về người phụ nữ đã được chứng minh hiện nay trong phong trào chống Mỹ, cứu nước, đó là những « bà mẹ cầm súng », những « đội quân tóc dài », những « bà má chiến sĩ ». Và vừa rồi, nhà văn Nguyễn Sáng có dịp nêu cao gương trung kiên của người phụ nữ miền Nam, đã kết luận đại khái rằng: trong số người bị « chiêu hồi » trong quá trình đấu tranh cách mạng, thì trong nam giới, người phản bội không ít, mà người trong nữ giới hầu như không có. Truyền thống dân tộc Bà Trưng, Bà Triệu, Nguyễn Thị Minh Khai đã được phát huy. Đức tính kiên trinh ấy, cũng bắt nguồn và phát huy từ truyền thống địa phương Nam-bộ, từ những tấm gương phụ nữ.

**Truyền thống văn học Nam-bộ vốn là
truyền thống văn học Việt-nam.**

Văn học truyền miệng hay thành văn của một dân tộc, thường phản ánh tâm hồn của dân tộc ấy. Văn học địa phương Nam-bộ phản ánh tâm hồn Nam-bộ, tâm hồn ấy vốn là tâm hồn Việt-nam. Vậy truyền thống văn học Nam-bộ vốn là truyền thống văn học Việt-nam, nó phản ánh truyền thống cả dân tộc Việt-nam, dĩ nhiên vẫn mang sắc thái của địa phương Nam-bộ.

Văn học thành văn Việt-nam từ xưa mượn chữ Hán làm công cụ diễn đạt. Nhưng do yêu cầu phản ánh sâu, sát tâm hồn của mình, của đồng bào mình, nhà văn ta dùng tiếng mẹ đẻ làm văn truyền miệng, nên truyền thống văn học Việt-nam rất giàu văn học dân gian. Dần dần bên cạnh văn học chữ Hán có văn học chữ Nôm. Văn học chữ Nôm phát triển ngày càng mạnh, tiến dần đến chiếm lĩnh trận địa văn học ta...

Văn học Nam-bộ vốn mang truyền thống văn học của cả dân tộc. Văn học dân gian vẫn dồi dào, bắt nguồn từ văn học dân gian chung. Văn học chữ Nôm phát triển mạnh, vì một lẽ dễ hiểu là đội ngũ người tiến vào Nam trước kia là nông dân lao động, ít học chữ Hán. Dầu vậy, vẫn có văn học chữ Hán theo truyền thống văn học chung, vì trong số người Việt vào sống ở miền Nam vẫn có nhà nho lớp dưới, có quan lại phong kiến và có số di thần nhà Minh giỏi Hán học.

Về văn học dân gian, những truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao chung cả nước đã được những người nông dân, những bà mẹ mang từ miền Bắc vào Nam: những truyện Phù Đổng, Sơn Tinh, Thủy Tinh, sự tích Trầu Cau đã được kể trong những gia đình ở Nam-bộ. Nhiều tục ngữ, ca dao cũng từ miền Bắc truyền vào Nam. Đồng bào thường truyền miệng với nhau những câu như « ăn một đọi, nói một lời », mà có khi không hiểu chữ « đọi » nghĩa là gì. Ngoài ra rất nhiều tục ngữ ca dao khác phổ biến từ Bắc đến Nam, như : « Thuận vợ thuận chồng, biển Đông tát cạn », « Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh », « Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi », « Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng », v.v...

Dĩ nhiên là có những câu ca dao đặc biệt thuộc địa phương Nam-bộ, như : « Nhà-bè nước chảy phân hai, ai về Gia-định, Đồng-nai thì về », « Bàn-gie đóm đậu sáng ngời, Rạch-gầm soi dấu muôn đời oai danh », « Đừng tham đồng bạc con cò, bỏ cha bỏ mẹ theo phò Lang-sa », v.v...

Dân gian lưu truyền sự tích « Miếu Ông bần quý » ở bờ sông Bao-ngược (Tấn-an) tỏ lòng tôn kính vị anh

hùng chống ngoại xâm Mai Hương đã tự đục thuyền lương tử tiết, làm cho lương khô lọt vào tay giặc, trong cuộc chiến tranh chống quân Xiêm xâm lược đầu thế kỷ XVIII (1705). Nhân dân đặt tên miếu thờ Mai Hương là miếu Ông bần quý, vì nhân dân tôn kính ông, cho là hàng cây bần cỏ thụ gieo ra nước sông Bao-ngược cũng tôn kính như người, quý trước anh linh của vị anh hùng hy sinh vì nước.

Câu chuyện « Già Ba-tri », là xuất phát từ cuộc đấu tranh đến cùng chống sự áp bức, bất công của bọn cường hào được các cấp quan lại bao che. Đó là chuyện một ông già Ba-tri (tỉnh Bến-tre ngày nay), không cam chịu để cho tên cường hào chà đạp lên lệ làng, cưỡng bức nhân dân đến nhóm chợ ở một nơi do hắn vừa lập ra và ngăn chặn dân làng mua bán ở chợ cũ, đã bất chấp nguy hiểm gian lao, áp đi ra tận Huế, nổi trống ở cửa ngõ mòn, dâng cáo trạng tố cáo kẻ áp bức.

Câu chuyện tương tự về bà Nguyễn Thị Tồn, vợ Thủ khoa Nghĩa, đi ra Huế, minh oan cho chồng cũng được truyền tụng trong dân gian.

Đến thời thực dân Pháp thống trị, khi xảy ra việc « Thầy thông Chánh » và « Sáu Trọng » giết Tây, liền có người vô danh sáng tác thơ lục bát, và trong dân gian, nhiều người nói thơ « Thầy Thông Chánh » và thơ « Sáu Trọng », bất chấp lệnh cấm của thực dân.

Sống gần người Khơ-me, đồng bào ta, với tinh hào hiệp vốn có, thích thú chuyện dân gian Khơ-me, kể cho nhau nghe mẩu chuyện cô gái tiết nghĩa núi Bà-den, chuyện anh hùng Thạch Sanh. Đặc biệt truyện Thạch Sanh rất phổ biến trong dân gian Khơ-me, thường diễn trên sân khấu « hát rằm ». Có người Việt vô danh diễn

những truyện ấy ra thơ Nôm. Thế là chuyện cô gái núi Bà-đen đã Việt-nam hóa, diễn thành thơ Nôm Lý Thiên Hương, một cô thanh nữ đi hành hương bị bọn cướp bắt, được người thanh niên hào hiệp cứu thoát. Và chuyện anh hùng Thạch Sanh cũng được Việt-nam hóa thành thơ Thạch Sanh — Lý Thông.

Trước khi nói đến văn học thành văn, thiết tưởng nên phác qua mấy nét về việc dạy học chữ Hán ở Nam-bộ. Trường công tổ chức rất muộn, mặc dầu tổ chức hành chính đã thành hình từ năm 1698. Mãi đến năm 1794 mới thấy tài liệu nói đến việc trùng tu Văn miếu ở Trấn-biên (xây dựng đầu tiên năm 1715) có định kỳ hành lễ và quan chức phụ trách tế tụng là quan Trấn thủ và Đốc học. Về thi cử thi năm 1791 ở Gia-định có mở « khoa thủ sĩ » để tuyển chọn người sử dụng quan chức, và năm 1796 mới mở khoa thi hương đầu tiên ở trường Gia-định. Nhưng đồng bào ta vốn có truyền thống hiếu học. Những người nông dân sống trên miền đất này đa số bị thất học, rất mong muốn « con hơn cha ». Những nhà Nho nghèo từ các miền Trung, Bắc vào đây là những thầy đồ dạy những lớp học gia đình, hoặc mở một số trường tư. Một đặc điểm đáng nêu là trong các lớp học gia đình, ở trường tư, phụ huynh đều yêu cầu thầy dạy đầu tiên cho con em mình sách *Minh tâm bảo giám*. Tập sách ấy trở thành sách giáo khoa phổ biến, nên thầy đồ Nghệ, thầy đồ Quảng (nhất là Quảng-nam) trước khi vào đất Gia-định dạy học đều tìm hiểu sách *Minh tâm bảo giám*. Tập sách luân lý gồm những cách ngôn chọn lọc trong các sách Khổng, Mạnh, Phật, Lão, Trang, nhằm rèn luyện tâm tính, bồi dưỡng hiếu hạnh, nhân nghĩa, khuyên người làm điều lành được phước, răn kẻ làm điều dữ khó tránh tai họa. Ở nông thôn Lục tỉnh trước kia, nhiều người, tuy ít học chữ Hán, trong lúc chuyện

trò, thường trích câu đã học thuộc lòng trong sách *Mệnh tâm bảo giám*.

Sử liệu có ghi một điều đáng chú ý là bên cạnh lớp học gia đình và trường tư hiếm hoi, ở một ít nông thôn, có mở ra, một thời gian dưới thời Gia Long, ở nhiều xã thuộc một số trấn, loại trường công, gọi là « hương học », do Tổng trấn Gia-định Nguyễn Văn Nhân, và Hiệp trấn Trịnh Hoài Đức đề nghị tổ chức. Nguyễn Văn Nhân, người Sa-đéc, một quân nhân, xuất thân bần nông, trước bị thất học, tỏ ra rất thiết tha và thông cảm đối với việc học tập của thiếu niên ở xã. Tiếc rằng lễ chức hương học không được tiếp tục thực hiện sau khi Nguyễn Văn Nhân mất.

Trong số những trường tư đã lập ra, nhiều cổ lão Nam-bộ thường nhắc đến một trường tư nổi tiếng khắp đất Gia-định hồi cuối thế kỷ XVIII. Trường lập ra ở thôn Hòa-hưng (gần ga Chí-hòa ngày nay), đã đào tạo được một số nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, có thực học như Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh Mục đích của trường không phải để đào tạo học sinh đi thi hương, vì nhà giáo mất năm 1792, bốn năm trước khi Gia-định mở khoa thi hương đầu tiên. Đó là trường tư của nhà giáo dục Võ Trường Toản. Thầy đồ họ Võ vốn là một nhà nho uyên bác ở ẩn dạy học, mặc dầu Nguyễn Ánh đã nhiên phen yêu cầu Võ tiên sinh ra làm quan. Sở học, đức nghiệp, uy tín của Võ Trường Toản được sĩ phu yêu nước Nam-kỳ đánh giá rất cao và tôn kính như bậc thầy của cả Lục tỉnh. Nền khi ba tỉnh phía Đông bị giặc Pháp chiếm đóng, các sĩ phu đau xót thấy phần mộ của thầy bị bọn « quỷ trắng » làm ô uế, đã quyết định di táng thi hài của thầy về đất độc lập, ở làng Bảo-thạnh (tỉnh Bến-tre). Trước mộ có dựng bia

nêu cao tư tưởng, sự nghiệp giáo dục và ảnh hưởng của Võ tiên sinh đối với nền văn hóa dân tộc.

Văn học thành văn trước Nguyễn Đình Chiểu, đáng chú ý nhất là hai nhóm « Chiêu Anh Các » và « Gia-định tam gia thi xã ». Trong nhóm Chiêu Anh Các ra đời khoảng năm 1739 ở Hà-tiên, có hai nhà thơ tiêu biểu là Mạc Thiên Tích (1710—1780) và Nguyễn Cư Trinh (1716—1767) cùng nhau xướng họa bằng chữ Hán: *Hà-tiên thập vịnh*. Mạc còn có tác phẩm khác như: chữ Hán có *Minh bột di ngư*, *Châu thị trinh liệt tặng ngôn*, *Thi truyện tặng Lưu tiết phụ*, v.v... Chữ Nôm có *Hà-tiên thập vịnh*. Tác phẩm khác của Nguyễn Cư Trinh, chữ Nôm có *Sãi vãi*, *Quảng-ngãi thập nhị cảnh*, chữ Hán có *Dạ Am thi tập*. Ngoài hai nhà thơ tiêu biểu trên, trong Chiêu Anh Các còn lưu truyền tác phẩm chữ Nôm *Lư Khê vãn*, không rõ tác giả.

Nhóm Gia-định tam gia thi xã ra đời khoảng hơn 40 năm sau nhóm văn học trên. Trong nhóm Gia-định, đáng nêu trước tiên là Võ Trường Toản (?—1792), người có nhiều ảnh hưởng tư tưởng đối với nhiều thế hệ nhà văn, nhà thơ đất Gia-định. Chỉ biết được một bài chữ Nôm duy nhất *Hoài cổ phú* của Võ tiên sinh còn lưu lại đến nay. Ba nhà thơ trong nhóm Gia-định thi xã cũng gọi là « Bình-dương thi xã » (1) là Trịnh, Lê, Ngô:

Trịnh Hoài Đức (1765—1825) đã sáng tác: 18 bài thơ chữ Nôm đi sứ Trung-quốc, thơ chữ Hán có *Cấn Trai thi tập*; về sử địa bằng chữ Hán có *Gia-định thông chí*.

Lê Quang Định (1761—1813): thơ chữ Hán có *Hoa nguyên thi thi thảo*; về địa lý có *Nhất thống dư địa chí*.

Ngô Nhân Tĩnh (1761—1813), phú chữ Nôm có *Cổ Gia-định vịnh*; thơ chữ Hán có *Thập anh đường thi tập*.

(1) Bình-dương, tên huyện ở Sài-gòn.

Một tác phẩm tạo mối quan hệ mật thiết giữa hai nhóm văn học Hà-tiên và Gia-dịnh là tập thơ *Minh bột di ngư*. Tập này bị thất lạc nhiều năm, cũng như bao nhiêu tác phẩm của Chiêu Anh Các bị giặc Xiêm xâm lược thiêu hủy, được Trịnh Hoài Đức ra sức sưu tầm tái bản và đề tựa (1).

Nhìn chung các tác phẩm chữ Nôm, chữ Hán của hai nhóm văn học Nam-bộ đáng chú ý là có những điểm tương đồng ở địa phương và thống nhất với truyền thống văn học Việt-nam. Chúng phản ánh tâm hồn của người Nam-bộ, vốn là tâm hồn dân tộc Việt-nam. Chủ yếu là tâm hồn thiết tha yêu đất nước quê hương, thương đồng bào như thương thân mình, tinh thần kiên cường bất khuất của dân tộc. Một tâm hồn nồng thắm, rục máu hồng điều như bức « nhiều điều phủ lấy giá gương ». Tâm hồn hồng điều của con người Nam-bộ tuy chỉ trải qua 300 năm ngắn ngủi, nhưng màu sắc đã ăn sâu cả 4.000 năm truyền thống, ai cố tình tẩy cũng không hề phai, cố tình đưa bất cứ màu sắc học thuyết nào từ nước ngoài đến cũng đều luống công vô ích, mà rốt cục chỉ bị hồng điều hóa mà thôi. Chỉ khi màu sắc tinh hoa thời đại thấm nhuần vào thì càng tươi thắm gấp bội màu hồng điều, đồng thời tẩy rửa các dấu vết hoen ố từ lâu.

Nhiều nhà văn Bắc-hà nổi tiếng như Lê Quý Đôn, Phạm Nguyễn Du trong *Phủ biên tạp lục* và *Nam hành ký đắc tập* đã sưu tập, lần thưởng tác phẩm của

(1) Trần Trọng Kim trong *Việt-nam sử lược*, đã gọi lầm tập thơ này là *Minh bột di hoán*, tên sách in ở bla bằng chữ triện, chữ « ngư » nhận lầm ra chữ « hoán », nhưng tờ trong in rõ chữ « ngư », đồng thời lầm tác giả tập thơ là Trịnh Hoài Đức, không đọc bài « tự » của Trịnh Hoài Đức, trong đó nói rõ tác giả là Mạc Thiên Tích. Dương Quảng Hàm và Trần Trung Việt dựa vào tài liệu của Trần Trọng Kim nên cũng phạm sai lầm tr

Mạc Thiên Tích, Nguyễn Cư Trinh. Sau đó nhiều nhà văn nổi tiếng khác như Nguyễn Du, Ngô Thi Vị, Bùi Dương Lịch... đã đánh giá cao tác phẩm của ba nhà thơ Gia-định: Trịnh, Lê, Ngô. Điều đó chứng tỏ thêm rằng những tác gia người Việt khi sáng tác, dù phải sống xa chiếc nôi của dân tộc, vẫn thể hiện mỗi cảm xúc, nếp suy nghĩ từ một nguồn chung.

Tuy các tác phẩm Nam-bộ phản ánh tâm hồn chung của dân tộc, nhưng khi diễn tả sự thực tình cảm con người địa phương, cảnh vật địa phương, dĩ nhiên chúng mang sắc thái địa phương rõ rệt. Về tinh thần bất khuất của con người Việt-nam, thơ văn Nam-bộ nhấn mạnh chí khí của người bảo vệ đất đai tiền đồn cực Nam của Tổ quốc. Mạc Thiên Tích khi tả hòn Kim-dự hoặc «trống đêm Giang-thành» nhằm bảo vệ lãnh thổ Hà-tiên, Trịnh Hoài Đức khi tả thành Gia-định, hoặc tiếng còi đờn Quang-hóa, đều hàm ý bảo vệ quê hương đất nước. Đề đề cao gương anh hùng vì nước, Võ Trường Toản trong *Hoài cổ phú* nhấn mạnh tinh thần «xả thân thủ nghĩa» của Văn Thiên Tường. Tả từ thư, Nguyễn Cư Trinh nêu cao chí khí người cày ruộng mong muốn đánh đổ những bất công vì hạnh phúc nhân dân. Đề nêu cao gương tiết nghĩa của người «phụ nữ có chí lớn», Mạc Thiên Tích đã sáng tác *Châu thị trinh liệt tặg ngôn* và *Thi truyện tặg Lưu tiết phụ*.

Đọc văn thơ nhóm Chiêu Anh Các và nhóm Gia-định tam gia thi, người ta nhận thấy không phải những đầu đề chung chung với những câu sáo mượn trong sách vở Trung-quốc, không thích hợp với khí hậu Việt-nam như tả phong, hoa, tuyết, nguyệt, mà tả những phong cảnh cụ thể: 10 cảnh Hà-liên, 30 cảnh Gia-định như cảnh Đông-hồ, thôn Lộc-trĩ, rạch Vược...(Mạc Thiên Tích),

hoặc cảnh sông Nhà-bè, núi Châu-thời, thành Gia-định, cánh buồm sông Bình-thủy, bãi Ngao-châu, v.v...(Trịnh Hoài Đức), hoặc phú Nôm *Cổ Gia-định* (Ngô Nhân Tĩnh). Về sản vật, chúng ta cũng được thưởng thức thơ Trịnh Hoài Đức về đầu đề cụ thể địa phương như : cây bầu (thủy liễu), cây mù u (nam mai), quả xoài (mông quã), cá rô (quá sơn ngư), v.v...

Thế hệ nhà văn sau Bình-dương thi xã, trước và gần Nguyễn Đình Chiểu, đáng chú ý nhất là Bùi Hữu Nghĩa (1807—1872), người đã kế thừa tư tưởng, đạo đức của Võ Trường Toản và ba nhà thơ Gia-định. Lúc thiếu thời, Thủ khoa Nghĩa đã theo học với học trò của Võ Trường Toản là « Nghè Chiểu », người học rộng, được nhân dân Chợ-lớn tôn là bậc « nghề » mặc dầu không thi cử gì. Ngoài một số văn thơ, Bùi Hữu Nghĩa được đời sau nhắc nhở nhất là vở tuồng *Kim Thạch kỳ duyên*.

. . .

Truyền thống văn học Nam-bộ ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu. Văn học dân gian, phương thức giáo dục với sách luận lý *Minh tâm bảo giám*, một số tác phẩm văn học chữ Hán, chữ Nôm của Mạc Thiên Tích, Nguyễn Cư Trinh, Võ Trường Toản, Bùi Hữu Nghĩa có nhiều ảnh hưởng đến tâm hồn của Nguyễn Đình Chiểu. Dân gian lưu truyền câu « Giặc Hà-tiên người ta còn đánh ». Câu ấy nói lên một thực tế là từ xưa giặc Xiêm nhiều phen quấy nhiễu đất đai Nam-bộ, nhất là Hà-tiên bị liên tiếp tàn phá. Trước khi giặc Pháp xâm lược, tác giả *Lục Vân Tiên* nói việc đánh giặc Phiên, chính là giặc Xiêm. Chuyện Thạch Sanh bị chôn lấp dưới hang đá gần gần với chuyện Vân Tiên bị đưa vào hang đá Thương-tòng.

Những gương trình liệt của Châu thị, gương tiết phụ của Lưu thị mà Mạc Thiên Tích đề cao, thế nào cũng góp phần vào việc xây dựng nhân vật Kiều Nguyệt Nga trình liệt.

Tư tưởng thương dân của Nguyễn Cư Trinh được nhân dân Gia-định ca tụng, đã thể hiện trong *Sãi vãi*, đặc biệt là lập trường thương ghét phân minh đối với chính tà, trong tác phẩm ấy, ảnh hưởng rõ rệt vào thái độ thương ghét của ông Quán trong *Lục Vân Tiên*.

Cùng nghề dạy học, Võ Trường Toản ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu. Võ sống gần nhân dân, thông cảm với tính hào hiệp, khí khái của người đất Gia-định. Đề phát huy tinh truyền thống ấy, Võ dựa vào thuyết « dưỡng khí » của Mạnh Tử mà đề ra trọng tâm giáo dục nâng cao dưỡng khí thanh niên, nhằm đào luyện môn sinh mình hành động vì nghĩa cả. Trong bài phú *Hoài cổ* nổi tiếng (1), Võ Trường Toản đặc biệt nhấn mạnh: « Cho hay đời đời ấy lẽ thường; mới biết thảo ngay là nghĩa cả ».

Chịu ảnh hưởng ông thầy chung của đất Lục tỉnh, trong *Lục Vân Tiên*, tác giả đã nêu cao trong đoạn đầu tập thơ : « Trai thời trung hiếu làm đầu ».

Sự suy tàn ngày càng sâu của giai cấp phong kiến thống trị với hệ tư tưởng Khổng học ngày càng chiếm vị trí độc tôn lẫn át truyền thống quật cường của nhân dân, của dân tộc, nảy ra sự kiện lịch sử thứ nhất ở

(1) Culé (G. Coulet) người Pháp nghiên cứu về hội kín « Thiên địa hội » ở Nam-kỳ xác nhận rằng bài phú *Hoài cổ* là tài liệu đề huấn luyện hội viên, do đó Sở Mật thám tịch thu.

nước ta là Nguyễn — Trịnh phân tranh, gây chia rẽ Đảng trong, Đảng ngoài, tuy một thời gian ngắn truyền thống quật cường đã nổi dậy trong phong trào Tây Sơn rộng lớn, nhưng không duy trì được lâu ; và sự kiện thứ hai là triều đình nhà Nguyễn thối nát càng bám chặt Khổng học lỗi thời, dẫn đến kết cục mất nước, tên Việt-nam bị xóa bỏ, cơ thể dân tộc bị chặt làm ba khúc, mang tên khác nhau. Những sự kiện lịch sử ấy, với một số sử liệu hình thức, hoặc xuyên tạc sự thực, cộng với sự tuyên truyền của thực dân, khiến cho một số người nhìn lịch sử miền Nam và Nam-bộ, dễ thấy hiện tượng mà không thấy bản chất sức sống mãnh liệt, truyền thống quật cường của nhân dân ta chính là cơ sở vững chắc của sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt-nam. Chính bản chất truyền thống quật cường ấy đã được các bà mẹ Việt-nam kiên gan bảo vệ. Bản chất truyền thống ấy đã được nói lên trong văn học dân gian, đã làm khuôn mẫu cho việc dạy học chữ Hán (Đồng-nai hóa thuyết « dưỡng khí » của Mạnh Tử, đúc ra hào khí của mình), và truyền thống ấy đã được phản ánh một phần trong những tác phẩm chữ Hán, chữ Nôm của hai nhóm văn học Chiêu Anh Các và Gia-định tam gia. Truyền thống giáo dục, văn học dân gian và thành văn tạo thành một dấu ấn rõ nét trong tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu.

Khi vào Sài-gòn dự đám tang Phan Chu Trinh (1926), cụ Huỳnh Thúc Kháng, trong một bài thơ cảm tác về người dân Gia-định, sau khi nhắc nhân vật lịch sử Gia-định « tam hùng » và « tam gia », Cụ Huỳnh nêu câu hỏi : « Hỏi nay con cháu có ai không ? ».

Thời thực dân Pháp xâm lược, trong quá trình chiến đấu và sáng tác, Trương Định (1) và Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa xứng đáng truyền thống Gia-định và Việt-nam. Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע có chất chiến đấu và hiện thực khác hơn phù Hoai cổ. Đến nay Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam lãnh đạo phong trào vĩ đại chống Mỹ, cứu nước, phát huy cao độ truyền thống quật cường của Nam-bộ và Việt-nam, đã trả lời câu hỏi của Cụ Huỳnh rằng : « Thừa có, và có con hơn cha là khác ».

**Nguyễn Đình Chiểu,
nhà thơ chiến đấu vì nghĩa cả.**

Giữa lúc quân và dân miền Nam đang ra sức đấu tranh chống chiến tranh cục bộ của Mỹ, Hội Văn nghệ Giải phóng đã mở hội nghị anh hùng, nêu giải thưởng động viên lực lượng sáng tác văn nghệ phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lại chọn nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đặt tên giải thưởng. Việc đặt ra giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu có nhiều ý nghĩa đáng chú ý. Chúng tôi thiết tưởng một trong những ý nghĩa đặt tên giải thưởng văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu là muốn nêu lên tinh chiến đấu trong tác phẩm của nhà thơ.

(1) Về truyền thống quật cường, Trương Định là một anh hùng có tinh thần quyết vì nhân dân, vì Tổ quốc mà hy sinh chiến đấu đến cùng, mặc dù triều đình Huế ra lệnh bãi binh. Trương Định hơn hẳn «tam hùng Gia-định»: Đỗ Thanh Nhân, Chu Văn Tiếp, Võ Tánh, không tiến kịp truyền thống quật cường của nhân dân, đem tài năng phục vụ phong trào Tây Sơn vĩ đại, mà mù quáng theo thuyết chính thống, ủng hộ Nguyễn Ánh đến thiệt mạng, đặc biệt Đỗ Thanh Nhân còn bị Nguyễn Ánh sát hại nữa.

Về Nguyễn Đình Chiểu, ở đây chúng tôi không định nghiên cứu đủ các mặt, mà chỉ tìm hiểu về tinh thần đấu tranh của nhà thơ bắt nguồn từ truyền thống quật cường của dân tộc, với sắc thái địa phương Nam-bộ.

Con người Nguyễn Đình Chiểu, từ một thời gian ngắn học tập ở Thừa-thiên, vẫn sống giữa khung cảnh lịch sử, xã hội, truyền thống dân tộc ở Sài-gòn, Nam-kỳ lục tỉnh như trên đã nói. Về thân thế Nguyễn Đình Chiểu, nhiều người đã viết. Ở đây, muốn biết rõ nhà thơ đã thấm nhuần truyền thống dân tộc, bắt đầu từ giáo dục trong gia đình như thế nào, chúng ta cần tìm hiểu thêm nhà thơ hồi niên thiếu ở gia đình, vì điều gì gieo trong tâm trí trẻ thơ thường vẫn ghi một dấu ấn rất sâu.

Việc tìm hiểu này không phải dễ. Trước đây ở Bến-tre, chúng tôi đã có dịp hỏi chuyện ông Nguyễn Đình Chiêm, tục gọi là « thầy Bảy Chiêm », con của Đồ Chiểu. Hỏi về Nguyễn Đình Huy và Trương Thị Thiệt là cha mẹ của Đồ Chiểu, thầy Bảy Chiêm kể chuyện đại khái có mấy nét chính sau đây: Khi thầy lớn lên thì ông nội, bà nội, đã mất rồi. Ông đồ, cha thầy, rất chú ý việc dạy con hằng ngày; thường hay nhắc đến ông nội, bà nội, nhất là truyền lại lời dạy xưa kia của ông bà. Ông nội là người ngay thẳng, liêm khiết, luôn luôn cự tuyệt mọi lễ vật người ta mang đến lo lót với ông. Ông đã từng nhắc gương chính trực của « ông Thượng » (Tả quân Lê Văn Duyệt), như việc xử tội Huỳnh Công Lý đã hà lạm tiền của công, xén bớt tiền công dân xây đào kênh An-thông-hà, mặc dù hẳn là cha vợ của vua Minh Mạng. Bà nội là người rất hiền từ, rất giàu tình cảm, chăm nuôi dạy con trai, con gái rất tỉ mỉ, hay kể chuyện đời xưa cho con nghe, nhắc lại gương trung, nịnh trong các tuồng hát bộ. Bà

thích xem tuồng ở rạp hát « Vườn ông Thượng » (1), thường dắt con cùng xem. Vào các ngày rằm lớn, bà hay đi cúng chùa. Bà nhắc luôn với con cái gương báo ứng về thiện ác, ngay gian. Kể sự tích ngã ba Nhà-bè, bà nhắc chuyện Thủ Huồng (2) rất ác độc, làm giàu to, nên không tránh khỏi trừng phạt, mặc dù thủ phạm tìm cách lập ra « Nhà-bè » gọi là « làm phúc » để chuộc tội. Bà cũng nhắc vì chuyện quả báo mà « Ngụy Khôi » mắc phải bệnh nặng đến chết, đó là chuyện Khôi đền tội vì đã gây tang tóc, rước giặc Xiêm vào tàn sát dân lành.

Theo lời thầy Bầy Chiêm kể, Nguyễn Đình Chiểu sinh trưởng trong một gia đình hiền đức, quan tâm giáo dục con cái theo thuần phong, mỹ tục cổ truyền của xã hội Nam-bộ và Việt-nam. Bà Trương Thị Thiệt, kể ra cũng không có gì đặc biệt. Bà vốn là người phụ nữ bình thường, một bà mẹ hiền Việt-nam như bao nhiêu bà mẹ hiền khác từ Bắc chí Nam. Chính tinh phổ biến của bà mẹ Việt-nam thuở ấy là sức mạnh của đội ngũ người bảo vệ truyền thống vẻ vang của xã hội Việt-nam. Truyền thống dân tộc xa xưa ấy là một hệ tinh cảm đối với thiện, ác, chính, tà phân minh đồng thời

(1) Lê Văn Duyệt thích hát tuồng, đã lập ra một rạp hát ở ngoài thành Gia-định, nơi ngày nay vẫn gọi là « Vườn ông Thượng ».

(2) Võ Thủ Huồng, một tên địa chủ làm chánh tổng, đã bóc lột dân áp nong dân thậm tệ, tạo nên gia tài to lớn. Chuyện kể rằng khi tên cự phú gian ác ấy bị bệnh nặng, chết đi, sống lại, hẩn biết ở địa ngục đã dành sẵn một cái gông to cho hẩn. Từ đó hẩn xuất tiền lập ở ngã ba sông Đổng-nai một nhà bè, trữ sẵn gạo, mắm, muối, để các thuyền đậu ở ngã ba có phương tiện uầu ăn, gọi là « làm phúc » để chuộc tội phạm từ nhiều năm trước. Trong truyền rằng nhờ nhiều năm làm phúc như vậy, mà cái gông ở địa ngục đã teo dần đi, cho đến khi không còn nữa.

đối với cái đẹp, cái xấu phân minh, và mối liên quan giữa thiện và đẹp : cái đẹp làm điều thiện, điều chính nghĩa đi liền với điều phúc ; cái xấu làm điều ác, điều gian tà đi liền với tai ương, tội vạ. Đó là mặt tích cực, tính quật cường của truyền thống Việt-nam. Nhưng mặt tích cực của truyền thống xa xưa vẫn biểu hiện và vẫn tồn tại đến ngày nay, khi mà truyền thống dân tộc chưa phát huy được đầy đủ, chưa gắn liền « Nhân », « Dũng » với « Trí », chưa gắn liền « Thiện », « Mỹ » với « Chân ». Hệ tinh cảm trước kia thiếu đức tin vào chân lý khách quan khoa học. Đức tin về lý luận khoa học, một khi thâm nhập vào quần chúng nhân dân, thì sẽ tạo sức mạnh làm ra lịch sử, cải tạo thế giới. Hệ tinh cảm ấy bị vướng lâu đời, sâu xa ; đức tin vào lẽ huyền diệu trong sự báo ứng của Tiên, Thánh, Phật, Trời, làm hạn chế sức mạnh của truyền thống quật cường của dân tộc. Đó là mặt tiêu cực tồn tại trong truyền thống, cần phải khắc phục. Khắc phục được mặt tiêu cực ấy trong hệ tinh cảm của bà mẹ bảo vệ truyền thống dân tộc, là vấn đề quan trọng cần giải quyết để phát huy toàn diện, cao độ truyền thống quật cường của dân tộc. Trong dân vận, phụ vận, không tính đến thực tế ấy, không tính đến hệ thống tinh cảm về thế giới quan ấy, thì sẽ là chủ quan, là thiếu sót. Còn khắc phục mặt tiêu cực ấy có kế hoạch thế nào là cả vấn đề tuyên truyền giáo dục cho sát đúng thực tế khách quan ấy.

Bà mẹ Nguyễn Đình Chiều có đức tính tốt như nhiều bà mẹ hiền Việt-nam khác, vẫn bảo vệ truyền thống dân tộc trong gia đình, nhưng cũng có mặt tiêu cực trong hệ tinh cảm xa xưa. Có phần nào khác hơn các bà mẹ khác là ở mức độ của mặt tiêu cực nói trên. Về trường hợp Lê Văn Khôi, tuy bà vẫn nói đến quả báo nhằm lên án

Lê, nhưng lòng yêu nước chống quân Xiêm xâm lược của bà là nổi bật ; đối với tội ác của Thủ Huồng làm giầu trên mồ hôi, nước mắt của nông dân nghèo, bà tin rằng kẻ có tội hay việc lập Nhà-bè « làm phúc », nhưng không hề giảm bớt tội ác của nó. Một bà mẹ đạo đức như bà Trương Thị Thiết thiết tha yêu nước, yêu đồng bào — đẻ ra, nuôi dạy con, gieo mầm tốt đẹp vào tâm hồn một nhà thơ như Nguyễn Đình Chiểu là điều dễ hiểu.

Theo lời thầy Bảy Chiêm, trước khi nhà thơ lên mười một, theo cha ra Thừa-thiên học tập, thì đã học vỡ lòng ở quê nhà. Về việc học trong mấy năm nhà thơ còn bé, không thấy tài liệu nào nói đến, chỉ theo lời của thầy Bảy Chiêm, thì Đồ Chiểu đã nhắc rằng lúc bé đã học sách *Minh tâm bảo giám*. Điều ấy xác minh một thực tế về việc dạy và học thời ấy ở Nam-kỳ lục tỉnh. Một ít câu tiêu biểu trong sách *Minh tâm thể* nào cũng thấm vào tâm não trong trắng của tuổi trẻ Nguyễn Đình Chiểu. Tỉ như câu : « Chứa lành gặp lành, chứa dữ gặp dữ » (Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác) ; « Lành, dữ chung quy rồi có trả, cao bay xa chạy vẫn không trốn tránh được » (Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, cao phi viễn tâu dã nan tàng).

Nguyễn Đình Chiểu sinh trưởng trong một gia đình có nền nếp, cha mẹ hết sức quan tâm cho con học hành, ước mong con hiền đạt qua đường khoa cử. Bản thân Nguyễn Đình Chiểu cũng đã ra sức học tập, hy vọng lập thân trong xã hội, « trước là báo hổ sau là hiền vang ». Từ gia đình, người thanh niên họ Nguyễn lớn khôn trong xã hội, trên con đường học tập, theo học thầy, tiếp xúc với bạn, quan hệ với nhân dân, nhìn cuộc đời « nhân tình éo le », giặc ngoài đánh phá, đe dọa, dân lành sinh sống không yên, nuôi chí hướng thi đỗ, ra phò vua, giúp nước, báo ơn nhà ; nhưng đường công danh, theo xã hội

đương thời, không đạt được, lại mang bệnh tật đui mù, về nhà dạy học, làm thuốc. Bao nhiêu thử thách trước mắt và sau này đã tôi luyện tâm hồn một con người tràn đầy hoài bão, tạo thành một nhà thơ lớn của Nam-bộ và Việt-nam. Chính tinh thần đấu tranh trước những thử thách ấy mà chúng tôi muốn nhắc lại và nhấn mạnh các điểm sau đây :

— Tinh thần kiên quyết đấu tranh xuất phát từ hào khí đất Đồng-nai vốn là truyền thống quật cường của dân tộc ;

— Đấu tranh cho trung hiếu, tiết hạnh được thán, cho gian tà phải thua ;

— Đấu tranh cho nước nhà được bảo vệ; cho quân cướp nước và tay sai phải thua !

Không phải ngẫu nhiên mà Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhớ câu thơ sau đây trong *Lục Vân Tiên* :

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngời ngựa ó.*

Vân Tiên cầm siêu chém giặc xâm lược Ô-qua, hoặc Hớn Minh bê gãy giò con tên tri huyện ý thể hiệp gái lương thiện, cũng như người sáng tạo ra nhân vật ấy, đều có tinh thần vì nghĩa, anh dũng đấu tranh theo truyền thống quật cường của dân tộc.

Quả tim lớn của nhà thơ chứa chan tình yêu mẹ, cha, anh em, đồng bào, quê hương đất nước, yêu người trung can, nghĩa khí, căm ghét thói gian tà, kẻ sàu dân một nước, lũ xu nịnh, nổi giáo cho giặc, đúc thành ý chí nhà thơ muốn vẫy vùng oanh liệt, thỏa chí từ phương, vung kiếm « đánh Phiên dẹp loạn », nhưng bỗng nhiên phải mù lòa ! Trong hoàn cảnh ấy, thói thường người ta hay nói « thời oanh liệt còn đâu ? ! ». Nhưng tim nào nhà thơ vốn to

và sáng, nay không thể thúc đẩy người hoạt động mạnh bốn phương, tình cảm dồi dào đọng lại càng gia tăng, óc sáng tập trung hơn càng sáng tỏ, trí nhớ thêm bền, óc phán đoán thêm nhạy, trí tưởng tượng thêm phong phú. Thời gian, đối với người mù, ngày không khác gì đêm, dễ được tận dụng, việc đào sâu suy nghĩ hoạt động tư duy, diễn đạt tình cảm để sáng tác dễ có điều kiện tiến hành. Người mù khi mất thị giác, thường tận dụng sự bền chí để luyện các giác quan khác; nhà thơ mù vốn gần gũi đồng bào, nay có đồng đảo học sinh và phụ huynh, có bệnh nhân cầu thầy khám bệnh, chữa bệnh, được điều thuận lợi, nghe nhiều, hỏi nhiều, dễ tìm hiểu suy nghĩ. Thế là do hoàn cảnh đui mù, tâm hồn cao quý của nhà thơ hòa với những tâm tư, những nỗi bất bình của đồng bào, trong một xã hội suy tàn đầy bất công, lại bị giặc ngoài tàn phá, một tâm hồn thấm nhuần truyền thống quật cường của dân tộc, mà không phát tiết ra được trên mũi gươm, lưỡi siêu bạc, dững cảm chiến đấu, thì nhà thơ không cam chịu bó tay, không lùi bước trước khó khăn bệnh tật, mà trái lại chọn lựa phương thức chiến đấu và quyết tâm chiến đấu có hiệu quả, biến khó khăn thành thuận lợi, tận dụng mọi điều kiện của người mù lòa kể trên, để phát tiết toàn thể tâm hồn cao quý của mình vào sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp y học, nhất là sự nghiệp sáng tác văn học, bằng ngòi bút không kém sắc bén hơn mũi kiếm, lưỡi siêu, với tất cả tinh thần chiến đấu kiên cường:

*Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà.*

Một tâm hồn có tầm vóc lớn, bao nhiêu « đạo » cũng chứa được hết; nhưng đạo, dù cho nhà thơ tự xưng là đạo Nho, vốn là đạo lý Việt-nam, là truyền thống quật cường chống ngoại xâm giành độc lập, tự chủ của

dân tộc, là truyền thống nhân nghĩa, thảo ngay, tiết hạnh, thương đồng bào như thể thương thân, vì nghĩa cả quên mình. Tâm hồn Việt-nam rộng lớn ấy dốc lên ngòi bút kiên trì đâm vào bao nhiêu kẻ gian ác, vẫn sắc bén như ngọn giáo mũi gươm.

Tâm hồn rộng lớn của Nguyễn Đình Chiểu đã tích lũy từ thuở bé do lời dạy của bà mẹ hiền, đến những năm học hành, tiếp xúc với xã hội, tích lũy những tục ngữ, ca dao, những truyện dân gian Việt và Khơ-me, những vở tuồng như *Sơn hậu*, *Kim Thạch kỳ duyên*, chuyện *Tiết phụ* của Mạc Thiên Tích, Hoạn kè đối thoại *Sãi vãi* của Nguyễn Cư Trinh, phú *Hoài cổ* của Võ Trường Toản, sách *Minh tâm bảo giám*, thơ *Nhị độ mai*, *Kim Vân Kiều*, v.v... Đặc biệt nhà thơ gần gũi với đồng bào, thông cảm với tâm lý quần chúng xem tuồng hát bội, nhất là tâm lý phổ biến khi xem trên sân khấu lớp tuồng mà kẻ gian nịnh bị trừng phạt, người trung nghĩa, sau bao nhiêu hoạn nạn, được vinh quang, hạnh phúc, thì khán giả thở phào, khoan khoái, xôn xao, hoặc có tiếng hô «đáng kiếp gian nịnh», «quả báo nhãn tiền». Tâm lý ấy cũng được thấy rõ ở người nói thơ và những người nghe nói thơ.

Người nói thơ Vân Tiên và người nghe nói thơ, cho đến nay, vẫn còn thích thú những đoạn anh hùng Vân Tiên đánh kẻ cướp, cứu Nguyệt Nga, đánh giặc Phiên xâm lược, Hớn Minh đánh kẻ ỷ thế hiếp gái lành; và tỏ ra sung sướng thấy Trịnh Hàm, Thề Loan bị trừng trị, Vân Tiên, Nguyệt Nga sum vầy hạnh phúc. Hiện nay, tuy có người phê phán lối quả báo máy móc đối với Trịnh Hàm và Võ Thề Loan, cách giải quyết vấn đề tai nạn của Vân Tiên, Nguyệt Nga bằng dị đoan mê tín, nhưng vẫn khen lối kể chuyện *Lục Vân Tiên* có thứ lớp là giỏi.

Thơ *Lục Vân Tiên* mang tinh chất dân gian rất rõ rệt. Ca dao, dân ca, thơ dân gian thường dễ biểu diễn; hoặc hát ru con, hò, lý, hát; hoặc nói thơ, người nói thơ thường có đàn bầu đệm. Tác giả *Lục Vân Tiên* dụng ý trong kể chuyện chia ra làm 6 thứ như thứ đầu «Truyện chàng xin kể thứ đầu chép ra», thứ ba. câu 1267: «Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga», danh từ «thứ» ở đây tương đương với danh từ «lớp» trong tuồng, có tinh chất biểu diễn như tuồng. Tác giả *Lục Vân Tiên* có dụng ý xây dựng nhân vật và cơ cấu câu chuyện, tuy có phần kể chuyện mình và ước mơ của mình, nhưng cố gắng đáp ứng cho sát tâm lý của đồng bào Nam-bộ: tâm lý giản đơn của người nông dân, trọng anh hùng, trọng phụ nữ trinh liệt, phân minh thiện, ác, tin lẽ báo ứng của Trời, Phật, nên nhà thơ đã nêu gương Vân Tiên, Hồn Minh chiến thắng kẻ cướp, kẻ ỷ thế hiếp cò, chiến thắng giặc Phiền. cứu nước; đã nêu bật báo ứng nhân tiên: anh hùng, tiết phu mắc nạn rồi đắc thắng, kẻ gian ác bị trừng phạt. Tội ác gây nơi nào báo ứng ngay nơi ấy: mẹ con Thẻ Loan bị đưa lại hang Thương-tòng. Trịnh Hàm bị cá nuốt ở Hàn-giang, nơi nó xô Vân Tiên xuống biển. Do đó mà cốt truyện, nhân vật truyện đáp ứng hệ tình cảm của đa số nông dân Nam-bộ và Việt-nam. Tinh chất dân gian của truyện làm cho người đọc thích thú, truyện rất được phổ biến vì lẽ đó. Trước hoặc đồng thời với thơ *Lục Vân Tiên* đã ra đời không ít thơ Nôm. Trừ *Kim Vân Kiều* với những đặc sắc mà chúng ta đã rõ, các thơ Nôm khác được đọc ở Nam-bộ như *Phạm Công — Cúc Hoa*, *Làm Sanh — Xuân Nương*, *Thọai Khanh — Châu Tuấn*, *Thạch Sanh — Lý Thông*, *Thủ Huồng*, v.v..., đều không được người ta đọc một cách thích thú và phổ biến như *Lục Vân Tiên*. Có những nguyên nhân về sự phổ biến đặc biệt của thơ *Lục Vân*

Tiên khác với nhiều thơ Nôm khác, nhưng nguyên nhân chính là tinh chất dân gian của thơ *Lục Vân Tiên*, với nhân vật bình thường, lời thơ bình dân ; với tinh thần chiến đấu và chiến thắng của người hào hiệp vì nghĩa cả, kẻ gian ác bị tội vạ, với lối kể chuyện có tính biểu diễn, nói thơ, rất thích hợp với tâm lý nông dân ta.

Thế là qua thơ *Lục Vân Tiên*, chúng tôi thấy nổi lên tinh thần chiến đấu của nhân vật chính diện và sự trừng phạt đối với nhân vật phản diện, đồng thời cũng là tinh thần chiến đấu của tác giả.

Chúng tôi cũng nhận thấy nổi lên thành tựu rõ rệt của Nguyễn Đình Chiểu : nhà thơ rất nhân dân, sát tâm lý nhân dân, sáng tác ra truyện thơ gây được truyền cảm thấm thía vào người nói thơ và nghe nói thơ. *Lục Vân Tiên* đã được phổ biến sâu rộng khác thường. Yêu cầu giáo dục của nhà thơ đã đạt được. Nhà thơ đã thành công.

∴

Một biến cố lịch sử xảy đến từ năm 1859. Trước sức mạnh xâm lược tàn bạo của thực dân Pháp, truyền thống quật cường của nhân dân nổi dậy. Lúc ấy, thơ *Lục Vân Tiên* đã được phổ biến phần nào, càng được phổ biến hơn nữa trước thời cuộc. Chi khi quyết tâm của Văn Tiên và Hớn Minh vì nghĩa cả đứng lên « đánh Phỉen dẹp loạn » càng được ca tụng.

Tâm hồn tâm vóc lớn của Nguyễn Đình Chiểu chứa đầy truyền thống quật cường của quân dân Gia-định, Hà-tiên đã chiến thắng nhiều phen quân Xiêm xâm lược, truyền thống của dân tộc ta mấy nghìn năm quyết chiến, quyết thắng ngoại xâm, tâm hồn ấy đang sôi sục cảm

thù lũ « quỷ trắng » giày xéo đất Tổ, thúc giục mạnh nhà thơ phải chiến đấu và chiến thắng. Nhà thơ vô cùng ân hận không được ngồi lưng ngựa « hươi siêu bạc » chém giặc Pháp, càng ân hận khi nghe bạn đồng khoa Đỗ Trình Thoại đã hy sinh chống giặc Pháp ở Tân-hòa, và nhiều sĩ phu khác như Phan Văn Đạt, Trần Tử Mẫn, Trương Định, Thủ khoa Huân, Nguyễn Thông... chiêu mộ nghĩa binh giết giặc. Vừa rất ân hận, lòng vừa bùng bùng tự bảo dù bệnh tật thế nào vẫn quyết chiến bằng mọi cách, ngoài việc xông pha ra chiến địa.

Nguyễn Đình Chiểu rời quê nhà đến ở Cần-giuộc. Trước tiên, trong gia đình, nhà thơ vui mừng thấy người em út mình là Đình Huân cầm gươm ra chiến trường đánh giặc. Sau đó tự hào được bắt mối liên lạc với Trương Định và góp phần mưu lược với người chỉ huy cuộc kháng chiến ở vùng Gò-công. Từ đây, một thời gian ngắn, ở Cần-giуộc, sau về Ba-tri (Bến-lẻ), nhà thơ dốc tất cả bầu nhiệt huyết của mình vào cuộc chiến đấu bằng ngòi bút, nhằm cổ động, tuyên truyền cho phong trào kháng chiến cứu nước. Thời gian chiến đấu sôi nổi này đưa nhà thơ hòa mình vào phong trào nghĩa binh anh dũng kháng chiến. Điều kiện hoạt động tư duy tập trung của nhà thơ mù được phát huy cao độ, tạo thành một tâm hồn lớn thắm nhuần được truyền thống quật cường của dân tộc, tâm hồn ấy trút tất cả vào sáng tác. Giai đoạn sáng tác đầy tinh thần chiến đấu này của Nguyễn Đình Chiểu đã lưu lại cho kho tàng văn học Việt-nam một số tác phẩm xuất sắc mở đầu cho những văn thơ yêu nước chống Pháp của cả nước.

Khi về đến Cần-giуộc, nhà thơ thấy ở đây giáo dân bị tên linh mục lợi dụng làm tay trong cho giặc, và ở Tân-an, tên Việt gian khét tiếng Lê Phát Đạt, người

công giáo, được quân Pháp phong cho chức tri huyện, thường gọi là huyện Sĩ («nhất Sĩ, nhì Phương (Đỗ Hữu Phương)...») dựa thể quân Pháp, vừa làm tay sai đắc lực cho chúng, vừa cướp của, cướp ruộng vườn của đồng bào ta làm giàu. Nguyễn Đình Chiểu dốc sức chỉnh đốn lại tập thơ *Dương Tử — Hà Mậu* đã viết từ trước, nhằm dấu tranh chống người theo công giáo (không phân biệt rõ kẻ đội lốt thầy tu làm tay sai cho giặc với đồng bào giáo dân) (1), và vạch rõ con đường công danh qua khoa cử bị bế tắc, khi quân Pháp xâm chiếm đất nước. Vạch trước cảnh mất nước, nhà tan, dân làm trâu ngựa, thanh niên muốn cứu nước và tự cứu thân danh mình, nhất thiết phải đánh đuổi giặc xâm lăng. Về âm mưu của giặc, trong *Dương Tử — Hà Mậu* có đoạn viết :

*Dân mà mê đạo Tây rồi,
Nước người muốn lấy mấy hòn phòng lo.
Dầu ai tránh khỏi mê đồ,
Lại thêm nha phiến trao cho hút liền.
Tối ngày òm những ống đèn,
Nào rồi toan việc đánh phiến dẹp loạn.*

Tuy thơ *Dương Tử — Hà Mậu* ngày nay không còn thích hợp, nhưng theo các cố lão, nhất là những người ở vùng Cần-giוע còn giấu kín bản sao cũ của tập thơ, thì thời đó cụ Đồ Chiểu đã tốn nhiều công sức chỉnh đốn tập thơ, và nó có nhiều tác dụng tuyên truyền, nên cố đạo và quân Pháp cố tìm cách tịch thu, thiêu hủy *Dương Tử — Hà Mậu*.

(1) Ngày nay vấn đề đã giải quyết dứt khoát: chúng ta đoàn kết với giáo dân, chỉ chống kẻ đội lốt thầy tu làm tay sai cho giặc.

Tác dụng tuyên truyền cổ động còn mạnh hơn ở một số văn tế nghĩa sĩ, văn tế và thơ ca ngợi những người cầm đầu nghĩa quân, trong đó tác phẩm nổi bật và phổ biến nhất là *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע*. Phải có một tâm hồn và tầm vóc lớn như thế nào đó, tác giả mới phản ánh được :

— Cả tình cảm nồng nhiệt, thiết thực đối với quê cha, đất Tổ, đối với « Tấc đất ngọn rau ân chúa, tấc bồi cho nước nhà ta; bát cơm manh áo nợ đời, mắc mớ chi ông cha nó » ;

— Cả mối thâm thù giặc, « Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ ». « Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ » ; thù không chỉ một đời, mà « muôn kiếp nguyện được trả thù kia » ;

— Cả ý thức tự nguyện vào đội ngũ nghĩa binh : « Nào ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kinh » ; « chuyển này dốc ra tay bộ hồ » ;

— Cả ý chí kiên cường quyết tử để khỏi làm nô lệ : « Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh ; hơn còn mà chịu chữ « đầu Tây », ở với man di rất khổ » ;

— Cả khí thế bừng bừng, lao mình vào lửa đạn, lớp lớp xung phong không đợi gióng trống kỳ, trống giục : « đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không ; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có ».

Nhà thơ phải được chứa đầy một khí xung thiên nuốt cả sao Ngưu mới có thể — trong cảnh mù lòa — cảm thông, qua trí tưởng tượng, tinh thần xung kích tả đột hữu xông, mới miêu tả được bằng lời văn hùng hồn đầy tráng khí như vậy.

Với lời văn có khả năng truyền cảm, động viên, thuyết phục ấy, bài văn tế người đã hy sinh có nhiều

tác dụng tuyên truyền đối với người còn sống, kích thích lòng yêu nước, yêu đồng bào, chi căm thù giặc, gây lòng tin vững chắc rằng người nông dân bình thường vì nghĩa cả vẫn giết được giặc, dù chúng có súng to, súng nhỏ, tàu đồng, răng nhất định giặc thua; ngay ở câu đầu đã nêu bật « lòng dân trời tỏ », vì lòng dân, dựa vào sức mạnh của dân mà đánh giặc. Tác dụng tuyên truyền còn thấy rõ ở những lời cuối của bài văn, lời biểu dương vinh dự của tinh thần hy sinh vì nước: « Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác mà ưng đình miếu đề thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ ».

Nguyễn Đình Chiểu đã điều Trương Định, Phan Tôn và những nghĩa sĩ đã bỏ mình vì nước ở đất Lục tỉnh.

Sau một thời gian, Nguyễn Đình Chiểu về ở Ba-tri, năm 1867 đánh dấu hai sự kiện quan trọng kích thích tinh thần đấu tranh của nhà thơ:

Một là đầu năm 1867, Đồ Chiểu cùng với môn sinh dự lễ di táng thi hài của Võ Trường Toản từ Hòa-hung (Sài-gòn) về Bảo-thanh (Ba-tri). Cuộc lễ theo nghi thức tế thầy long trọng làm cho nhà thơ rất xúc động, nhưng điều quan trọng hơn là nhân cuộc lễ ấy, một môn sinh của Nguyễn Đình Chiểu đã sao được hai bản văn bia do Phan Thanh Giản và Nguyễn Thông soạn ra đề nêu cao sự nghiệp giáo dục của Võ tiên sinh. Đồ Chiểu được nghe đọc đi đọc lại hai bài văn bia và rất thấm thía ý nghĩa « tri ngôn » « dưỡng khí » của nhà giáo họ Võ kính mến.

Từ lúc mở trường dạy học ở Tân-khánh (Sài-gòn), Đồ Chiểu đã từng nghe tiếng về đức nghiệp của « Võ phu tử » xưa kia, nay lại được nghe bài văn bia xác định thêm một cách chi tiết những nội dung giáo huấn

của con người đã gây ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều thế hệ trẻ đất Gia-dịnh ấy; nhà thơ đã suy nghĩ nhiều, giữa lúc đang soạn tập sách mới về y học.

Vận dụng bài học «tri ngôn», tác giả *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* đã tìm hiểu kỹ *Kinh Dịch*, làm cho cái biết của mình thật là biết, có khả năng viên kiến, biết về sự biến dịch trong trời, đất và con người, một mặt lấy đó làm cơ sở cho nghề y mình được tinh, mặt khác, với lẽ «vật tội thì phần», «hết cùng lại thông», dễ thấy rõ đạo lý thiện ác báo ứng, tội ác tội độ của giặc Pháp sẽ bị trừng phạt, và người làm nghĩa cả rồi sẽ đắc thắng :

Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

Về khí chính, khí tà trong trời, đất và con người, Đồ Chiểu vận dụng bài học «dưỡng khí» trong giáo dục, trong sáng tác của mình, nhằm phát huy tinh thần hào hiệp, trọng nghĩa vốn có của người dân Lục tỉnh, khuyến khích họ ngày ngày làm việc nghĩa, tích lũy mãi nhiều việc nghĩa, «tập nghĩa», làm điều kiện cốt yếu cho việc «dưỡng khí», nuôi dưỡng chí khí anh hùng của nghĩa binh.

Sự kiện thứ hai là mấy tháng sau khi ba tỉnh phía Tây bị mất, và Phan Thanh Giản tự tử, cuối năm 1867, nổ ra ở khắp tỉnh Bến-tre, lan ra đến Vĩnh-long, Trà-vinh, một cuộc nổi dậy «có tính chất quần chúng rộng rãi» như lời tên tỉnh trưởng Bến-tre lúc bấy giờ báo cáo với cấp trên của hắn, do Phan Liêm, Phan Tôn, con Phan Thanh Giản khởi xướng. Cuộc khởi nghĩa kéo dài qua năm 1868, Phan Tông tử tiết ở Giồng-gạch trong phong trào này, và trong đó nhiều môn sinh của Đồ Chiểu đã tham gia. Nhiều cổ lão Ba-tri còn nhắc lại rằng Nguyễn Đình Chiểu đã tham gia ý kiến với Phan Liêm, Phan Tôn, Phan

Tòng trong cuộc khởi nghĩa nay. Trong lời thơ điều thống thiết, nhà thơ nêu cao chí khí anh hùng của Phan Tòng, đề làm gương cho nhiều người yêu nước :

*Một trận trái gan trời đất thấy,
Sớ xưa nào thẹn tiếng anh hùng.*

Về bài Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh, các cố lão ở Bến-tre truyền rằng : khoảng năm 1883 (5 năm trước khi nhà thơ mất), sau khi tên tỉnh trưởng Bến-tre Pôngsông (Ponchon) đến thăm Nguyễn Đình Chiểu, thì nhà thơ làm lễ tế nghĩa sĩ Lục tỉnh tại chợ Ba-tri, trước đông đảo người dự (1). Lúc nghe đọc bài văn tế, nhiều người xúc động rơi nước mắt. Hai năm sau, năm 1885, xảy ra cuộc khởi nghĩa ở Hóc-môn, Phạm Văn Hớn giết vợ chồng Đốc phủ Trần Tử Ca; ở Gò-công, « Nguyễn soái Hiền » cùng với nghĩa binh giết một tên Pháp ở đồn Long-hựu. Toàn thể kế hoạch khởi nghĩa nhằm tập trung đánh Sài-gòn không thực hiện được vì lãnh tụ Nguyễn Văn Bường bị bắt trước. Có số cố lão ở Ba-tri cho rằng cuộc lễ tế nghĩa sĩ Lục tỉnh có ảnh hưởng đến cuộc khởi nghĩa ấy (2).

(1) Các cụ kể chuyện rằng : trong ba lần Pôngsông đến thăm cụ Đò, có lần hỏi cụ có ý muốn gì. Sau khi cụ tuyệt đề nghị của hắn trợ cấp tiền, trao trả đất, thì cụ đáp : muốn làm lễ tế nghĩa sĩ. Pôngsông nhận lời về nguyên tắc và hứa sẽ định ngày tế, trong buổi lễ sẽ có người ở tỉnh đến dự. Cụ Đò không đợi hắn trả lời chính thức, chủ động tổ chức lễ tế.

(2) Có những lý do khiến người ta tin lời suy đoán ấy, vì sau phong trào « Đạo lành » năm 1868, sau cuộc khởi nghĩa của anh em họ Đỗ (Thừa Luông, Thừa Tự) từ 1872 đến 1885, có một thời gian im tiếng khởi nghĩa khá lâu. Các cụ còn kể lại rằng trong cuộc nổi dậy ở Gò-công năm ấy, khi hạ đồn Long-hựu, có một số môn sinh của Đò Chiểu, trước đây từng dự lễ tế nghĩa sĩ, đã tham gia phong trào.

Nguyễn Đình Chiểu đến tuổi già yếu vẫn thủy chung một tinh thần đấu tranh vì nghĩa cả, mặc dù bao nhiêu cuộc khởi nghĩa trước sau bị thất bại, và thực dân Pháp bước đầu ổn định nền thống trị của chúng. Câu chuyện về lễ tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh là một biểu hiện của tinh thần thủy chung đấu tranh chống giặc Pháp của nhà thơ với những lời văn tế thống thiết động viên chí căm thù giặc :

« *Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo ;
tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật. Kể mười
mấy năm trời khổn khổ, bị khảo, bị tù, bị đày, bị giết,
trẻ già nào xiết đếm họ tên... ».*

Tinh thần đấu tranh gắn liền với truyền thống quật cường dân tộc của Nguyễn Đình Chiểu, biểu hiện trong tác phẩm của Người, gây nhiều ảnh hưởng sâu rộng trong đồng bào Nam-bộ qua nhiều thế hệ. Rõ ràng là Nguyễn Đình Chiểu sống mãi trong lòng nhân dân Nam-bộ và Việt-nam cho đến ngày nay. Để chứng minh sự thật trên đây và để mượn làm kết luận, chúng tôi xin ghi lại mấy nét lớn mầu chuyện chiến đấu kiên cường của « ông già Hóc-môn » mà một chiến sĩ diệt Mỹ đã kể trong một buổi họp mặt.

Một ông lão mù không ai biết tên, vì nghe nói ông ở Hóc-môn, nên có người gọi ông là « ông lão Hóc-môn ». Có người thấy ông mù, nói thơ *Ván Tiên*, đàn độc huyền, thì lại gọi là « ông Ván Tiên ». Người ta thường xúm lại nghe ông nói thơ *Ván Tiên*. Người nghe ông ở cạnh sân bay Tân-sơn-nhất, người nghe ông ở Bàn-cờ. ở Chi-hòa. Khi thì ông nói thơ ở Biên-hòa, lúc thì ở Bình-dương. Tết Mậu thân vừa rồi, chiến sĩ ta nghe ông nói thơ ở Hóc-môn. Ông đi tìm một anh bộ đội người Hóc-môn. Anh em chiến sĩ tìm anh bộ đội giúp cho ông. Gặp anh bộ đội, ông hỏi tử mĩ tên cha, mẹ, xóm nhà ở,

xong ông trao đờn, bảo đờn bài *Khốc hoàng thiên*. Nghe đờn xong, ông ôm chầm anh bộ đội: cha con đã nhận ra nhau mừng mừng tủi tủi! Anh em vây túm lại nghe cha con kể chuyện đã qua. Con rõ được tại sao cha mình mù, và đã đi nơi này nơi khác tập hợp tin tức địch cho ta. Con tự hào thấy cha mình vốn chịu nhiều ảnh hưởng thơ *Lục Vân Tiên* đã thủy chung theo Cách mạng. Mấy năm trước đây ông già đã bí mật nuôi cán bộ trong nhà, ở dưới hầm, thường dùng mật hiệu bằng đĩa hát: khi có địch đến, thì báo động bằng bài *Khốc hoàng thiên*, còn bài *Không Minh tọa lâu* là báo an. Mật thám theo dõi, nghi ngờ ông. Khi tên mật thám vào nhà ông, nghe bài hát *Khốc hoàng thiên*, nó lấy đĩa hát *Không Minh tọa lâu* bảo ông thay đĩa đang hát. Lanh trí, ông vờ tay lấy đĩa hát, vờ lơ tay đánh rơi xuống đất làm đĩa hát vỡ ra mấy mảnh. Tên mật thám cầm một mảnh đĩa hát vỡ nhọn và sắc, đe dọa ông phải khai báo « Việt cộng » giấu dưới hầm. Ông cự tuyệt không khai. Tên ác ôn lấy mũi đĩa hát đâm vào con mắt phải, tiếp tục đe dọa nữa. Ông vẫn nhất quyết không khai. Nó liền đâm vào con mắt trái. Vì kiên quyết bảo vệ cán bộ mà ông lão Hóc-môn bị mù. Dù mù, ông vẫn tiếp tục phục vụ Cách mạng. Tinh thần chung thủy đấu tranh kiên cường của ông lão Hóc-môn cũng như của Nguyễn Đình Chiểu biểu hiện của hào khí Đồng-nai, đều bắt nguồn từ truyền thống quật cường của dân tộc Việt-nam. Sở dĩ văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu đã gây được ảnh hưởng sâu rộng đến ngày nay, chính là vì truyền thống quật cường của Việt-nam, truyền thống vẻ vang của văn học Việt-nam đã hun đúc thành một tâm hồn có tầm vóc lớn, đã phát tiết ra những văn thơ « có thép ».

VÌ SAO

TÔI THÍCH ĐỌC NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU?

TRẦN VĂN GIÀU

CŨNG như số đông người Việt miền Nam nay tuổi độ bốn, năm mươi trở lên, tôi đã từng nghe mẹ, hay chị, hay người hàng xóm « nói Văn Tiên » trước khi tôi biết đọc, biết viết. Đi Pháp, tôi đem theo một quyển *Lục Văn Tiên* và không quên để lại cho vợ chưa cưới một quyển. Có những lúc nằm queo trong còng, tôi hay đọc thuộc nhiều đoạn thi ca của nhà văn mù xứ Đồng-nai cho tâm hồn được phóng khoáng, cho chí khí được tăng cường. Ngày nay, mỗi lần gặp dịp, tôi lại đọc Nguyễn Đình Chiểu với một lòng ngưỡng mộ như xưa, có lẽ còn hơn nữa, bởi vì càng hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin, càng dẫn thân vào cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng thì càng yêu mến Nguyễn Đình Chiểu— một con người gương mẫu, một thi sĩ yêu nước đặc sắc, một nhà tư tưởng uyên thâm.

I

Con người ta nếu có giáo dục khá thì thường được hướng dẫn trong sự xử thế bởi những nguyên tắc đạo đức nhất định. Nhưng, thường hơn hết là, trong sự xử thế, ta được hướng dẫn bởi những mẫu người mà ta chọn trong tâm trí của ta. Cụ Nguyễn Đình Chiểu là một trong những mẫu người đầu tiên mà tôi chọn đề trong tâm trí của tôi không biết từ hồi nào.

Học giỏi, thi đỗ, không có gì đáng phục. Đáng phục là, đã đui mù rồi mà không thối chí nản lòng, không cầu an tọa lạc, mà lại quyết tâm học thuộc thật giỏi, không phải để sinh sống mà để giúp đời, kiên trì viết sách, không phải để lấy tiếng mà để truyền bá nhân nghĩa và cổ động lòng ưu quốc vị dân. Chí ấy quý lắm.

Đáng phục hơn nữa là, đã mang tật đui mù rồi mà còn tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống kẻ xâm lăng. Chắc không ai nữ trách móc một người mù lòa hoặc ở tại nhà, hoặc tị địa rất xa, một khi giặc Pháp giẫm chân lên thành Phụng. Nhưng Đồ Chiểu của chúng ta đã không ở lại mà cũng không lánh xa; Đồ Chiểu về với Đốc binh Là cầm đầu nghĩa quân Cần-giוע và giúp sức Trương Định dựng cờ khởi nghĩa tại Tân-hòa. Cái dũng ấy của người mù là một tấm gương xử thế trong sáng khiến mỗi người trai máu nóng không thể nào điềm nhiên tọa thị trước cảnh ngựa mình người ta cưỡi, dân tộc mình lũ quỳ giầy xéo.

Thua cuộc rồi, Nguyễn Đình Chiểu lưng vẫn thẳng, đầu vẫn cao, ngay kẻ thù cũng phải kính nể. Pháp định trả lại đất nhà của cụ ở Gia-dịnh chẳng, cụ rằng nước chung đã mất nhà riêng còn đâu! Pháp toan kể đưa tiền cho cụ chẳng, lấy danh nghĩa lạc quyền giúp nhà thơ

con túng thiếu, hoặc lấy cơ trả tiền nhuận bút bản quyền, cụ rằng không cần thiết vì đã sống đầy đủ và vinh dự trong lòng thương của môn đệ và đồng bào !
Tiết ấy, ai hơn !

Suốt đời áo vải, tuy Gia-định, Ba-tri, là những xứ nuôi tằm dệt lụa. Nhưng mỗi lúc giăng kinh truyện thì khăn áo chỉnh tề. Trong nhà, thư sinh chen vai. Ngoài ngõ nổi nhau người đến nhờ xem mạch bốc thuốc. Đồ Chiểu là lương y của cả thê xác và tâm hồn. M' lòa, cụ không ngại đến tận nhà con bệnh. Nếu về sau có thầy thuốc giỏi nổi tiếng dân câu đối trước cửa : «Đau tiếc thân, lạnh tiếc của, thói đời là thế ; mắt lòng trước, dặng lòng sau, trả tiền mới hết (1) », thì trái lại, Nguyễn Đình Chiểu là người lấy âm đức làm mục đích, quên cái đau khổ riêng của mình để chữa cái đau chung của thiên hạ :

Đưa ăn mày cũng trời sinh

Bệnh còn cứu dặng thuốc dành cho không.

Vì vậy, cụ xem việc chữa bệnh như một cuộc chiến đấu :

Trận đồ tám quẻ còn roi dẫu,

Bình pháp năm mùi sẵn cỏ cây.

Quý thay lòng Đồ Chiểu ! Cho nên ngày đưa linh cụ, một cánh đồng Ba-tri lợp trắng những khăn tang : môn đệ, bệnh nhân, đồng bào vĩnh biệt một con người mà cuộc đời trọn vẹn là tấm gương chi công mài sắt, phục vụ không điều kiện, phò đời cứu dân, tấm gương tiết nghĩa, dũng cảm ! Tấm gương Đồ Chiểu, thời gian và gió bụi 75 năm chưa làm mờ đi một chút nào.

Biết bao văn sĩ, ta chỉ thích họ trong văn chương, mà chưa được phục họ trong đời sống. Còn với thầy Nguyễn Đình Chiểu, văn với đời là một, chỉ là một.

(1) Bốc.

II

Văn chương Nguyễn Đình Chiểu, có người chê. Chê rằng không điêu luyện, không đủ trữ tình. Ý này không phải hoàn toàn vô căn cứ. Tôi không dám lấy tình phổ biến trong dân gian của truyện *Lục Vân Tiên* để cãi lại rằng văn chương Đồ Chiểu là tuyệt diệu. Không. Phổ biến và tuyệt tác không phải lúc nào cũng ăn khớp với nhau. Tuyệt tác thì phổ biến, còn lắm khi phổ biến mà không tuyệt tác.

Nhưng, tôi rất đồng ý với nhiều người đã cho rằng, một thời — thời kỳ lịch sử từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX — Nguyễn Đình Chiểu chiếm đỉnh cao nhất trong lãnh vực văn chương yêu nước, một loại văn chương cao quý mà chính Nguyễn Đình Chiểu là vị khai sáng. Văn chương yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu được tiêu biểu rạch ròi bởi các bài văn tế và hịch.

So sánh thì dễ lệch lạc ; nhưng các bạn đọc cho phép tôi tự hỏi : số tú tài, cử nhân, tiến sĩ trong nửa phần thứ hai thế kỷ XIX này đông biết mấy, giỏi biết mấy ; và khắp non sông, nơi nào lại không có nhiều nghĩa sĩ chết vì nước một cách anh hùng ? Vậy mà có văn tế, hịch nào so sánh được với văn tế, hịch của nhà thi sĩ mù Bến-nghé về mặt hình thức nghệ thuật cũng như mặt nội dung tư tưởng ? Dĩ nhiên, phong trào kháng Pháp của toàn dân Lục tỉnh là ngọn sóng thần đưa văn chương yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu lên cao theo bề cao của sóng ; tuy vậy, không thể không thấy con người Nguyễn Đình Chiểu phải được cấu thành bởi những chất đạo đức nào, phải được tôi luyện bằng công phu nào thì mới vươn lên nổi trên đầu sóng chứ không bị trôi dạt một bèn hay chìm sâu dưới đáy vực.

Không đủ trĩu tình hay sao :

*Đoái sông Cần-giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ;
Nhìn chợ Trưông-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.*

Hoặc là :

*Đau đớn bảy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya
leo lét trong lều ;
Nào nung thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế
đật dờ trước ngõ.*

Hay là :

*Sống đã chịu tuyết sương trời một góc, khó đem
sừng ngựa hẹn quy kỳ ;
Thác rồi theo mưa ngút bể muôn trùng, khôn mượn
thư nhân đem tin tức.
Thấp thoáng hồn hoa bóng quế, lòng cổ hương gửi
lại bóng trăng thu ;
Bơ vơ nước quỳ non ma, hơi ẩm sát về theo luồng
gió bắc.*

Gamma thực như thế này là hay, hay là dở :

*Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao
tấu, bầu ngòi ;
Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chỉ nài sắm dao
tu, nón gô.*

Hoặc :

*Chi nhọc quan quân giống trống kỳ, trống giục, đập
rào lướt tới, coi giặc cũng như không ;
Nào sợ thành Tây bản đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông
vào, liều mình như chẳng có.*

Một họa sĩ ngày nay đọc Nguyễn Đình Chiểu vừa có đủ sự kích thích về tinh thần, vừa có đủ chi tiết tiêu biểu để vẽ thành một bức tranh công đồn rất hiện thực của nghĩa binh Cần-giuộc.

Còn nói đến nội dung tư tưởng, nói đến nhân vật điển hình thì ở đây nhà văn Nguyễn Đình Chiểu chẳng những

hơn mọi người đương thời mà còn hơn cả mọi người sống vào khoảng vài mươi năm đầu của thế kỷ sau. Cu là văn sĩ đầu tiên ca ngợi lòng yêu nước chí quật cường của bần nông, một trình độ và tính chất yêu nước quật cường đặc biệt cao quý của những người « dân lập, dân ấp », những người đang « côi cút làm ăn, toan lo nghèo khó », bỗng gặp lúc đất nước lâm nguy, vì mệnh nghĩa mà làm quân chiến mộ. Thật suốt hàng ngàn năm sáng tác, cho đến đây và còn lâu về sau nữa, chưa có một thi nhân nào rung cảm chân thành và sâu sắc với dân cày như thầy Nguyễn Đình Chiểu của chúng ta. Ngay khi ca ngợi vị anh hùng Trương Định, thì Đồ Chiểu không quên chú ý rằng Trương Định sở dĩ anh hùng chẳng những vì « binh pháp trăm trận thuộc lòng, võ nghệ mấy ban cũng trải » mà trước hết là vì thuận theo lòng quần chúng nhân dân :

*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngàn
mấy dặm mã tiền;*

*Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác
một vai khôn ngoại.*

Tôi thâm nghĩ rằng, vì như chỉ còn lưu lại mấy bài văn tế và lịch thời, thì Đồ Chiểu cũng đã xứng đáng được suy tôn như một nhà văn cổ điển lớn.

∴

Nói đến Nguyễn Đình Chiểu, không thể không nói đến quyển *Lục Vân Tiên*. *Lục Vân Tiên* được viết trước khi quân Pháp đánh chiếm thành Gia-định, cho nên, nó không thuộc vào loại văn chương yêu nước như văn tế. Nhiều người cho rằng ở đó văn phong còn nhiều phần kém. Vậy tại sao trong Nam, các tầng lớp nhân dân thích đọc *Lục Vân Tiên*, tại sao trước Cách mạng tháng

Tám năm 1945, ít có tập truyện văn vần nào được in đi in lại hàng mấy chục lần như *Lục Vân Tiên*?

Nói thật tình : tôi phục các bài văn tế, tôi lại mê *Lục Vân Tiên*. Tôi tin rằng có rất nhiều người miền Nam đồng ý với tôi ở chỗ đó. Mà không phải chỉ riêng người miền Nam, tôi chắc đồng bào miền Bắc cũng nhất trí với tôi ở chỗ đó. Vì sao? — Xin đề ra ba lý do chính :

Thứ nhất :

Lục Vân Tiên mô tả tác giả Đờ Chiêu, mà trong khi mô tả Đờ Chiêu thì *Lục Vân Tiên* cũng mô tả con người miền Nam nước Việt-nam, chủ yếu là con người ở Nam-kỳ Lục tỉnh. Đương nhiên, không thể có con người Lục tỉnh riêng lẻ, mà chỉ có con người miền Nam Lục tỉnh của dân tộc Việt-nam. Đọc truyện *Lục Vân Tiên*, người dân miền Nam, người dân Lục tỉnh thấy mình trong đó. Càng thấy mình trong đó thì càng thích Đờ Chiêu và *Lục Vân Tiên*.

Về tâm lý dân tộc thì người Việt ở Bắc hay ở Nam, đầu đầu cũng đều giống nhau về căn bản. Nhưng tâm lý dân tộc ở mỗi miền lại có những nét đặc sắc riêng được tạo thành bởi một số điều kiện lịch sử và cả thiên nhiên nữa. Người Việt-nam Lục tỉnh do đâu mà ra? — Chủ yếu do số người dân nghèo khổ bất mãn với sự phân tranh Trịnh — Nguyễn, tự mình vượt biển trôi non vào sinh cơ lập nghiệp trên đất Chàn-lạp miền biển sinh lầy và rừng rú ; do số người Minh không chịu hàng phục nhà Thanh, nhưng không đánh lại, phải kéo bầu đoàn thể tử, thả bỏ nơi cắt rốn chờ nhau hơn là hàng phục kẻ xâm lăng, xuống biển Nam, lập nghiệp tại Biên-hòa, Định-tường và Hà-tiên rồi sau này Việt hóa ; do số dân lưu tán đông đảo mà chúa Nguyễn và vua Nguyễn tập hợp lại, đưa vào lưu vực Đồng-nai, Cửu-long, lập trại ấp, mở đồn điền ; do số người phạm tội, chủ yếu là tội phạm có tinh chất chính

trị như dân chúng « làm giặc » nơi này nơi khác khắp Bắc, Trung, bị dày từng người, từng nhóm hay hàng loạt vào Nam là nơi xa xăm nhất lúc bấy giờ. Dĩ nhiên, còn có binh lính, quan lại, thương gia... Dân Lục tỉnh không then chút nào khi nghe kể lại mấy diềm trên về nguồn gốc của mình. Có gì đáng then đâu mà !

Có thể nói rằng, trải sóng gió, vượt núi đèo, người Việt cực Nam dường như đã bỏ lại đằng sau mình những cái gì quá nặng nề, quá ràng buộc của Nho giáo. Tinh tình người dân đơn giản, thẳng thắn, có khi « nguyên thủy ». Thời nọ cả Lục tỉnh Nam-kỳ, số người đỗ đạt chưa chắc đã bằng một huyện của Nghệ-an, Nam-định, Hải-dương. Chữ Nho và sách thánh hiền thì ít ai biết cho đến nơi, nhưng truyện « Tàu » thì lại nhiều và phổ biến, chiếm một góc khá rộng trong tâm trí của thường dân. Nên danh như La Thành, không ai phục ; chịu chết như Đon Hùng Tin, nhiều người ca ngợi ; giá Nhạc Phi không biết trước sẽ bị giết mà về kinh thì chỉ là một nhân vật tầm thường trong mắt người Lục tỉnh ; Uất Tri Cung được mến bởi vì là một ông soái « i-tò » và ngay thẳng. Những truyện ấy, người ấy « thắm » lắm và có sẵn đất để mà thắm.

Các nhân vật tích cực trong *Lục Vân Tiên* đều là những người Lục tỉnh, trong tinh tình, tiếng nói và xử thế của họ. Người Lục tỉnh, nếu trai thì thấy họ ở Vân Tiên, Tử Trục, nhất là Hớn Minh và Tiều đồng, nếu là gái thì ở ông Quán, ông Tiều, ông Chài, nếu gái thì ở Kiều Nguyệt Nga và Kim Liên ; tất cả các nhân vật này đã tròn thì ra tròn, đã vuông thì ra vuông, dứt khoát, rõ ràng, như rựa chém đất, không lắt léo khó hiểu, có thể nói là không suy nghĩ lâu, không tính toán kỹ.

Ông tôi, cha tôi, anh tôi, và tôi thích nghe « nói Vân Tiên » vì thế.

Thứ hai :

Đọc *Lục Vân Tiên*, nghe nói Vân Tiên, hiểu liền, cảm liền, chẳng thấy chút khó khăn trắc trở nào hết, trên cả hai mặt, mặt chữ nghĩa và mặt ý nghĩa. Đồ Chiểu dùng những tiếng địa phương vào văn chương của ông ; về nguyên tắc, điều đó tự bảo vệ được. Hẳn là văn phong trong *Lục Vân Tiên* lắm chỗ thiếu điêu luyện, ta có thể cắt nghĩa bằng những điều kiện chủ quan của tác giả là một người mù, và có lẽ người mù ấy để thi giờ cho việc học thuốc, làm thuốc nhiều hơn là cho việc làm thơ viết văn. Tuy vậy, không thể không công nhận rằng có những đoạn sách rất hay trên cả hai mặt nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật : lời ông Quán, ông Chài, lời người tốt mắng kẻ xấu. v.v..., thanh niên học sinh nên học thuộc lòng.

Ý nghĩa tập truyện *Lục Vân Tiên*, rõ ràng, sáng sủa như ban ngày. Lát nữa chúng ta sẽ trở lại. Bây giờ chỉ cần nói rằng một số tác phẩm cổ điển lớn, mãi đến gần đây, sau khi học hiểu những nguyên lý mỹ học của chủ nghĩa Mác — Lênin thì tôi mới tiếp cận với ý nghĩa của chúng, như *Truyện Kiều*, như *Cung oán ngâm khúc*. Còn *Lục Vân Tiên* thì trước và nay, cái hiểu của tôi không khác gì về cơ bản. Điều này hoàn toàn không có nghĩa rằng tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là nông cạn. Trái lại mới đúng. Chúng ta sẽ chứng minh. Điều chắc chắn là, người đọc thường dễ ưa thích sách nào mình hiểu rõ hơn là những sách cần được giải thích lâu dài mới hiểu nổi một phần.

Thứ ba :

Truyện *Lục Vân Tiên* được viết trước khi Nam-kỳ bị Pháp xâm chiếm. Vậy mà, lạ thay, đọc *Lục Vân Tiên*, nghe « nói Vân Tiên » người ta có cảm tưởng như là

nó mới được viết sau ngày Nam-kỳ lọt về tay giặc Pháp. Thi hãy xem : ông Quán, ông Tiều, ông Chài giống hệt các nhà Nho yêu nước không chịu ra làm quan với kẻ xâm lăng, quyết ăn dật cho tròn tiết nghĩa. Nguyệt Nga chính là vợ chung thủy của các cụ bị « bán mọi bòn bợn » (1), bị đày đi những đảo xa xăm ở tận tây bộ Ấn-độ-dương, là vợ chung thủy của biết bao người chí sĩ khác thân không còn mà bức tượng cũng không còn. Vân Tiên, Hồn Minh đuổi giặc ngoại xâm, giữ gìn đất nước, nhờ đó mà vợ chồng, cha con, bè bạn lại trùng phùng, còn những kẻ trở trái làm mặt thi bị công luận và lương tâm lên án nghiêm khắc, chính đó là kỳ vọng của dân ta đang bị mất nước, tan nhà và đang tranh đấu để giành lại quyền độc lập.

Dưới thời Pháp thuộc, các văn tế và hịch của Nguyễn Đình Chiểu không được phổ biến. Tất nhiên. Song *Lục Vân Tiên* thì được phát hành mấy chục lần. Pháp ngữ, với *Lục Vân Tiên*, phần lạc hậu của Nho giáo được truyền bá rộng ; chúng không dè rằng dưới mắt của rất đông những người đọc *Lục Vân Tiên* thì Cốt Đột « mắt thau, tóc đỏ » là thằng Tây cướp nước, mà Vân Tiên, Hồn Minh là người Việt-nam yêu nước. Nguyễn Đình Chiểu tiên tri chẳng ? — Không phải. Tình cờ chẳng ? — Cũng không. Chẳng qua vì tác giả đã lấy nhân nghĩa, trung hiếu, tiết hạnh làm chủ đề tư tưởng thì việc chống xâm lăng dễ đến ở ngòi bút. Và lại, chống xâm lăng là đặc điểm nổi bật trong lịch sử lâu dài của dân tộc Việt-nam ta. Huống chi, vào giữa thế kỷ XIX, các cường quốc tư bản Âu Mỹ đã nổ súng đồng trước Viễn-đông, riêng Đà-nẵng của Việt-nam cũng đã có lần bị quân Pháp bắn

(1) Bị bắt đi làm phu vườn mía ở đảo Bourbon (Bourbon).

phá rồi bỏ đi. Cho nên sự biểu hiện của nhân nghĩa, trung hiếu, tiết hạnh được Đồ Chiểu gắn liền với nghĩa vụ đánh giặc cứu nước. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* được phát hành rộng ở Nam-kỳ thuộc Pháp, về thời gian thì thật đã quá thời, nhưng về ý nghĩa, kỳ vọng thì có ít nhiều đáp ứng với nhu cầu của tâm lý dân tộc, vì đó một phần mà *Lục Vân Tiên* được phổ biến khắp dân gian.

III

Nội dung tư tưởng là hòn ngọc trong sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Trong văn chương của Nguyễn Đình Chiểu, hình thức nghệ thuật — nhiều chỗ còn thô sơ — luôn luôn chứa đựng một hệ thống triết lý nhân sinh sâu sắc, gần như nhất quán. Người thế hệ trước cũng như người thế hệ bây giờ, chúng ta đều mến phục Nguyễn Đình Chiểu trước hết bởi vì tư tưởng tiến bộ toát ra từ mỗi tác phẩm, từ cả cuộc đời của cụ.

— Triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu lấy nhân nghĩa làm gốc; dường như nó tóm tắt trong tám câu này:

*Đạo trời nào phải ở đâu xa?
Gọi tấm lòng người có giải ra.
Mến nghĩa bao đành làm phản nước.
Có nhân nào nỡ phụ tình nhà.
Xưa nay đều chọn đường trung hiếu,
Sách vở còn ghi lẽ chánh tà.
Năm phẩm rưng Nhu sẵn sóc lấy,
Ấy là đạo vị ở lòng ta.*

Có người bẻ : nhân nghĩa, thì xưa nay, nhà Nho nào, ông quan nào, ông vua nào lại không nói đến? Vậy, nếu nói rằng nhân nghĩa là đặc điểm của tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu thì cũng như không nói gì hết, cũng như nói rằng tư tưởng cụ chẳng có gì đặc sắc.

— Thực ra, không phải như vậy. Chịu khó suy nghĩ về nội dung khái niệm « nhân nghĩa » của Nguyễn Đình Chiểu, ta sẽ thấy rằng nhân nghĩa của cụ khác xa nhân nghĩa của hầu hết nhà Nho đương thời và trước đó. Chúng ta biết : Xưa kia, Khổng Tử và Mặc Tử đều nói nhân nghĩa ; song nhân nghĩa ở Khổng học có nội dung khác nhân nghĩa ở Mặc học ; ngày nay Hồ Chủ tịch nói cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, song có thể nào lẫn lộn đạo đức cách mạng hiện đại với những khái niệm ấy trong thời phong kiến.

Xét kỹ *Lục Vân Tiên*, chủ yếu không phải là chuyện trung hiếu tiết hạnh, mà chủ yếu là chuyện nhân nghĩa, còn trung hiếu tiết hạnh ở đây lại phụ thuộc vào nhân nghĩa, làm sáng thêm nhân nghĩa : nhân nghĩa của Vân Tiên, Nguyệt Nga ; nhân nghĩa của Tử Trục, Hòn Minh, Tiều đồng ; nhân nghĩa của các ông Quán, ông Tiều, ông Chài, bà Sư... Vân Tiên vì nghĩa mà đánh Phong Lai, Nguyệt Nga chinh là cũng vì nghĩa mà một lòng thờ bức tượng. Hòn Minh dám bẻ giò con quan huyện nhưng sụp lạy ông Tiều đã cứu bạn mình. « Mặc dầu bữa đói bữa no », ông Tiều không nhận hai lạng bạc đền ơn. Tiều đồng bị Trịnh Hàm trói vào gốc cây rừng, khóc la, nhưng nghĩ đến Vân Tiên bợ vợ hơn là nghĩ đến mình sắp bị cọt xé :

*Phận mình còn mắt chẳng than,
Thương thay họ Lục sức vàng bợ vợ,
Xiết bao những nỗi dật dờ,*

*Bề sông nào biết, bụi bờ nào hay.
 Vạn Tiên hồn có thiêng thay,
 Dem tôi theo với đờ tay chân cùng.*

Toàn là nhân nghĩa có ý thức, có suy nghĩ, mà không tính toán thiệt hơn. Chính vì vậy mà nó cao quý. Càng cao quý, vì đó là nhân nghĩa của những người dân thường, và nhân nghĩa với những người thường dân. Tinh ban thiêng liêng, tính chất keo sơn của sự kết nghĩa là một điểm quan trọng trong đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi. Chúng ta lại đặc biệt chú ý đến điều này: trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu kể bất nhân, phi nghĩa đều bị công luận, pháp luật và lương tâm trừng trị gắt gao, xứng đáng: không có nhân nghĩa với kẻ bất nhân phi nghĩa. Như vậy, nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu rất là dứt khoát.

Tư tưởng triết lý nhân sinh trong các vấn đề, trong các bài thơ Đường luật, cũng là nhân nghĩa. Ở đây, có một tiến bộ mới so với *Lục Vạn Tiên*. Đại biểu cho nhân nghĩa chân chính là anh dân ấp dân lân vì « *mến nghĩa mà làm quân chiêu mộ* », chứ không phải đã sẵn tập tành quân sự, không phải đã có trang bị của triều đình; vậy mà họ anh dũng vô song! Trương Định cương lại chiêu vua là vì nghĩa với dân, dân cần đầu ngựa tướng quân là vì nghĩa với nước. Nhân nghĩa với yêu nước là một.

Tư tưởng triết lý nhân sinh trong *Ngư Tiều vấn đáp* cũng là nhân nghĩa, cũng là cái chất nhân nghĩa vừa kẻ bèn trên được phát triển trên một lãnh vực mới, lãnh vực chữa bệnh tật. *Lục Vạn Tiên* nặng về nghĩa, *Ngư Tiều vấn đáp* nặng về nhân:

*Thế theo trời đất một lòng hiếu sinh.
 Giúp người chẳng vụ tiếng danh,
 Chẳng màng của lợi, chẳng ganh ghét tài.*

*Biết không không biết mặc ai,
Chuyện nghề làm phải chẳng nài thiệt hơn.
Trợn mình noi nghĩa ở nhơn.*

Theo ý thầy Nguyễn Đình Chiểu thì tấm lòng của y sư là thấy người đau giống mình đau, nhiệm vụ của y sư là giúp công hóa đức, giúp bầy dân đen. Thầy dạy phải ân cần và tận tụy với người dân, với « dân đen », « dân nghèo » bao nhiêu thì phải lên án nghiêm khắc những kẻ làm nghề lừa bịp hại người bấy nhiêu :

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!*

Đạo là đạo làm người trong thế gian, đạo làm dân trong nước. Gian là kẻ gian dối với nước, kẻ dối đối với dân, với đồng loại.

Có thể khẳng định rằng trừ phi phát hiện những văn kiện mới, thì từ sau Nguyễn Trãi cho đến trước Nguyễn Đình Chiểu chưa có ai chủ trương một thứ nhân nghĩa tiến bộ và nhất quán như nhà thơ mù đất Lục tỉnh. Nhân nghĩa của cụ như sợi tơ điều xuyên qua văn chương, xử thế, tình tình ; đó là nhân nghĩa của dân trước hết.

Nhân nghĩa cho người nghèo khó trước hết, cho người bị lép trong xã hội phong kiến đang suy vong.

∴

Một tư tưởng nữa toát ra từ phần lớn các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước trong văn chương thời kỳ lịch sử cận và hiện đại bắt đầu với Nguyễn Đình Chiểu.

Có người bảo : đúng Nguyễn Đình Chiểu khai sáng văn chương yêu nước ; nhưng sau cụ còn biết bao

nhiều nhà văn yêu nước khác thì chủ nghĩa yêu nước của cụ có những nét riêng biệt nào?

Ở Nguyễn Đình Chiểu, yêu nước trước hết là thương dân. Nguyễn Đình Chiểu nói nhiều đến nhân dân, ít khi nói đến xã tắc. Ông Quán nói về thương ghét thì bao giờ cũng đối lập vua ác với dân lành :

*Ghét đời Kiệt, Trụ đa dâm,
Đề dân đến nổi sa hầm sây hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân lũng chịu làm than muôn phần.
Ghét đời Ngũ bá phân vân,
Chuộng bề dối trá, làm dân nhọc nhằn.*

Tử Trục khen rằng «*chùa đất Phật vàng*», và hỏi ông Quán «*thương dân sao chẳng lập thân?*». Nói một cách khác, việc lập thân của Tử Trục, Văn Tiên, Hớn Minh đều vì lẽ «*thương dân*» vậy. Trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, «*dân*» chiếm một miếng đất khá lớn. Mà «*dân*» thì đáng chú ý nhất là dân đen, dân nghèo, dân xóm, dân lân. Ta chưa hề thấy ở đâu trong văn chương Việt-nam trước Nguyễn Đình Chiểu nói đến người dân, người dân nghèo với một lòng yêu mến, khâm phục như trong văn chương của Nguyễn Đình Chiểu; ta chưa hề thấy ai như Nguyễn Đình Chiểu xem dân xóm dân lân như là những người tiêu biểu nhất cho tinh thần yêu nước, cho ý chí quật cường của đất nước trong cơn khói lửa.

Đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa yêu nước trong văn chương Nguyễn Đình Chiểu là ở đó.

Mấy ai vượt khỏi điều kiện lịch sử? Cho nên Nguyễn Đình Chiểu vẫn nói đến chúa, mong ở vua. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu dường như có đặt điều kiện cho việc trung quân : phải là vua hiền, vua kháng chiến thì

mới được cụ tôn kính. Hãy nhớ những cái ghét của ông Quán. Hãy nhớ rằng, thuở ấy, hết lời ca tụng một vị tướng không nghe chiếu thiên tử mà thuận theo bụng nhân dân, là một thái độ can đảm phi thường.

Tấm lòng yêu nước thiết tha của Nguyễn Đình Chiểu, hề có dịp thi bộc lộ rất cảm động. Ngư, Tiều vừa gặp nhau đã than thở vì nước nhà bị xâm lăng, chia cắt :

U, Yên mấy quận cắt bồi Khiết-dan.

Ngư, Tiều, Đường, Chu, bốn người bạn gặp nhau vui mừng là vì thấy cả bốn đều trong sạch, không chịu phò quân cướp nước. Câu chuyện này hẳn là không nhất thiết phải có đề mở đầu cho việc trình bày y thuật, nhưng tác giả *Ngư Tiều vấn đáp* là người chiến sĩ yêu nước cho nên không tách rời, đầu một phút, « chuyên môn » ra khỏi « chính trị ». Mà làm như thế, có gượng gạo gì đâu? Trái lại, hết sức tự nhiên như thuyền chui trên nước.

Lục Vân Tiên là Nguyễn Đình Chiểu trước 1859. Nhân Sư là Nguyễn Đình Chiểu sau 1867, Vân Tiên mù vì khóc mẹ. Nhân Sư mù vì quyết giữ tiết thảo với non sông, để cho lòng đạo tròn gương :

*Thầy ta chẳng khùng sĩ Liêu,
Xông hai con mắt bỏ liều cho đui.*

*Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thần.*

*Thà đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông chu không thờ.*

Đọc *Ngư Tiều vấn đáp*, không thể không xúc cảm với nỗi lòng yêu nước hết sức thiết tha của tác giả, một mức độ thiết tha và truyền cảm « mây sàu gió thảm, nói

ra thì nước mắt trào» ; bầy gian nịnh lên mặt ; đầu đuôi mù «*há đội trời chung*» ! Những đoạn văn luận về mù và sáng, về chính và tà, à những đoạn văn tuyệt tác về phương diện đạo lý cũng như về phương diện nghệ thuật, có sức cảnh tỉnh người còn mê muội, có sức củng cố người đã giác ngộ, đó là những ngọn bút thép đâm thẳng vào mặt lũ bán nước buôn dân.

Ngư Tiều vấn đáp là một bài ca ca ngợi lòng yêu nước thương dân, ca ngợi tiết tháo, chính nghĩa.

∴

Có bạn đem Nguyễn Trung Trực đối lập với Nguyễn Đình Chiểu. Tôi xin phép hoài nghi tính hữu lý của sự so sánh ấy. Nếu người anh hùng Nhật-tảo, Kiên-giang tin chắc rằng «Thập-mười còn cỏ, nước Nam còn người đánh Tây», thì tác giả *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giuộc*, *Ngư Tiều vấn đáp* cũng tin chắc rằng :

*Sau trời Thúc Quý tan mây,
Sóng trong biển lặng mắt thầy sáng ra.*

*Ngày nào trời đất an ngôi cũ,
Mừng thấy non sông bật gió Tây.*

Cả hai vị anh hùng, người văn, người võ, là đại biểu xứng đáng cho nhân dân Lục tỉnh, cho miền Nam anh dũng. Hôm nay, ngày giỗ cụ Hối Trai Nguyễn Đình Chiểu, thay hương trầm, xin có mấy hàng.

CÁC THỂ HỆ TRƯỚC VỚI NHÀ THƠ DÂN TỘC NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

LÊ THUỜƠ

CÓ thể nói ngày nay khắp nước ta, ai ai cũng biết rõ tiểu sử và văn thơ Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng thời xưa, lớp người thuộc các thể hệ trước ở Trung cũng như ở Bắc, ngoài những nghệ sĩ dân gian làm nghề hát rong, rất ít người hiểu biết rõ các tác phẩm của nhà thơ lớn đất Nam-kỳ ấy. Theo ý kiến của các nhà nghiên cứu thì *Lục Vân Tiên* được sáng tác trước ngày thực dân Pháp xâm lược nước ta và đã được phổ biến rộng rãi trong nhân dân miền Nam nhiều năm trước khi tác giả từ trần (1888). Nhưng tại miền Bắc thì *Lục Vân Tiên* chỉ mới được phổ biến vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIX.

Là một nhà giáo bước chân vào nghề dạy học từ 1911, tôi đã tìm đọc *Lục Vân Tiên*, tác phẩm nổi tiếng của ông để có đủ tài liệu trong việc giảng dạy. Từ trước, tôi thường thích đọc lối văn trang nhã của *Kim Vân Kiều*, *Cung oán ngâm khúc*. đến khi đọc *Lục Vân Tiên*

lượt đầu, tôi cho là lời văn của Nguyễn Đình Chiểu quá chất phác, mộc mạc, không có vẻ chải chuốt điêu luyện bằng lời văn của Nguyễn Du hay của Ôn Như hầu. Mặc dầu vậy, tôi cảm thấy lời văn trong *Lục Vân Tiên* có phần giản dị bình dân hơn hai tác phẩm kia. Về nội dung cốt truyện, tôi cũng nhận thấy tác giả truyện này vẫn đề cao tiết, nghĩa, trung, hiếu, là những đạo lý nói chung vẫn được người thời bấy giờ coi trọng. Hình ảnh chàng thanh niên họ Lục được nhiều người ca ngợi, xem như một nhân vật tượng trưng cho những đạo đức cao cả : trung thành với đất nước, hiếu thảo với cha mẹ, trọn đạo với vợ, trọn nghĩa với ân nhân và với bạn bè, tôi tớ. Hồi ấy, Nho học còn thịnh, nhiều người học thông chữ Hán, nên có nhiều độc giả rất thông cảm với nỗi lòng *thương, ghét* của ông Quán, qua các nhân vật lịch sử mà ông đã nhắc tới. Ngoài ra, nhiều người cũng thích nghe những đoạn tác giả nói về những mưu mẹo *xảo trá*, *bỉ đả* của bọn lang băm và bọn thầy bói, thầy cúng, chuyên môn làm điều lừa phỉnh những kẻ nhẹ dạ tin người nên bị lâm vào cảnh « tiền mất tật còn » như lời Tiều đồng trong truyện.

Nói chung, độc giả thuộc các thế hệ trước phần nhiều đều tán thành những tư tưởng và sự việc mà Nguyễn Đình Chiểu diễn tả trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Riêng có một điểm không được sự tán đồng của mọi người, nhất là những cụ già có tinh chất bảo thủ về mặt đạo lý theo quan niệm Nho học, đó là việc Kiều Nguyệt Nga, ngay trong buổi mới gặp Lục Vân Tiên, đã tặng chàng chiếc trâm để làm tin. Các cụ cho rằng : chịu ơn phải trả ơn là lẽ thường. Nhưng lấy cơ đó để gán cả cuộc đời mình cho một người mà mình chưa hề quen biết và chưa được phép cha mẹ, là quá vội vàng không hợp tư cách của một thiếu nữ con nhà khước

các. Lục Vân Tiên là một trang thanh niên hào hiệp « làm ơn há dễ trông người trả ơn ». Chàng không nhận trăm lễ tỏ ý không muốn nhận vật trả ơn, đồng thời cũng dễ nói rõ ý chàng không muốn nhận của tin của một thiếu nữ chưa được cha mẹ lựa chọn, hoặc cho phép mình lựa chọn. Kiều Nguyệt Nga đã không thấy được ý nghĩ ấy của ân nhân lại còn :

*Kiên than : trăm hồi là trăm,
Vô duyên chi bậy, ai cùm mà mơ !*

Thật rõ cô thiếu nữ Kiều Nguyệt Nga đã vượt ra ngoài phạm vi lễ giáo của đạo Nho ! Hoặc là Nguyễn Đình Chiểu cũng cho là cử chỉ của cô là không đúng, nên ông đã cố tạo ra một nhân vật có vẻ quá lãng mạn như vậy để làm gương răn dạy các khách hồng quần khác cần phải « gin vàng giữ ngọc » để khỏi mắc phải khuyết điểm của nhân vật đó chăng ?

Sau ngày hòa bình lập lại, tôi được phân công cùng nhà thơ Vũ Đình Liên nghiên cứu thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Chúng tôi được biên soạn cuốn *Ngư Tiều vấn đáp* và văn thơ yêu nước khác của Nguyễn Đình Chiểu. Cuốn sách ấy được xuất bản năm 1957. Được soi sáng bởi những quan niệm mới, chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu tư tưởng của tác giả một cách thận trọng chu đáo hơn và do đó đã phát hiện ra nhiều phương diện giá trị khác của Nguyễn Đình Chiểu mà trước kia bản thân tôi chưa thấy. *Ngư Tiều vấn đáp* thời trước ít người biết đến, mà có biết cũng ít người thích đọc vì phần lớn nội dung cuốn sách ấy nói về « y thuật », tức là nghề làm thuốc chữa bệnh. Nhưng nếu chịu khó đọc kỹ toàn bộ cuốn truyện thì chúng ta thấy rõ bên trong cái vỏ « y thuật » đó, tác giả có gửi gắm một tấm lòng yêu nước, thương dân rất nồng nàn tha thiết. Trong tác

phẩm, ông đã mượn Thạch Kinh Dương nhà Tần ở Trung-quốc cắt đất hai châu U, Yên dâng cho quân xâm lược Khiết-dan để ngầm bộc lộ nỗi phẫn uất của mình đối với việc bọn vua quan bán nước triều Nguyễn cắt đất Nam-kỳ nhượng cho thực dân Pháp xâm lược. Chúng tôi đã giới thiệu *Ngư Tiều vấn đáp* theo phương hướng nhận định đó và đã kết thúc công trình nghiên cứu của chúng tôi bằng ý kiến sau đây : « Hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, nhân dân đau khổ, tâm sự đau xót của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện tất cả trong *Ngư Tiều vấn đáp* và trong những thơ văn khác của ông. Đọc những tác phẩm này của Nguyễn Đình Chiểu chúng ta thấy như ông đang sống với chúng ta và cùng chúng ta đấu tranh cho đất nước thống nhất và độc lập hoàn toàn ».

Tóm lại, Nguyễn Đình Chiểu là một bậc « đại Nho » có tinh thần yêu nước, thương dân rất cao.

7-1972

MỘT NGÒI BÚT LỚN, MỘT TẤM GƯƠNG LỚN

BẢO ĐỊNH GIANG

NGUỖN ĐÌNH CHIỂU ra đời dưới chế độ phong kiến mục nát, suy tàn triều Nguyễn. Cuộc đời riêng của Nguyễn Đình Chiểu cũng lắm tai ương (1).

Nạn nước. Nạn mình. Bao nhiêu mong ước tuổi thanh xuân tan vỡ. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu là một người có cốt cách và có bản lĩnh. Tư tưởng trọng đạo nghĩa, yêu nước, thương dân đã giúp ông vượt lên bi kịch cá nhân mà cống hiến hết mình cho đời. Trên đường đại nghĩa, nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành ngọn cờ đầu trong phong trào văn học yêu nước ở nửa cuối thế kỷ thứ XIX, và cho đến ngày nay, nhất là trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước quyết

(1) Chúng tôi lược bỏ đoạn phân tích tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu (B.T.).

liệt lúc này, tên tuổi và sự nghiệp của ông vẫn luôn luôn là một nguồn cổ vũ lớn đối với nhân dân miền Nam, đối với nhân dân cả nước.

Xuất thân từ một gia đình phong kiến lớp dưới, lại đi nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều loại người, đặc biệt là với những tầng lớp nghèo trong xã hội, Nguyễn Đình Chiểu có được một sự hiểu biết về « nhân tình » rất sớm.

Bấy giờ, đất nước Việt-nam đang ở một thời kỳ rung chuyển dữ dội. Mâu thuẫn hết sức gay gắt giữa nông dân và phong kiến đã dẫn đến thắng lợi huy hoàng của người anh hùng áo vải Tây-sơn. Nhưng sau khi Nguyễn Quang Trung mất, tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn đã ngóc đầu dậy và lợi ích riêng của chúng đã thúc đẩy chúng mở đường cho chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược Việt-nam.

Không đợi đến lúc Tự Đức ký hiệp ước dâng hết phần đất này đến phần đất khác của Việt-nam cho thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn mới lộ mặt ươn hèn thối nát. Trước đó khá lâu, nhiều sĩ phu ngay thẳng cũng đã trả ấn từ quan tỏ thái độ phản ứng đối với triều Nguyễn.

Giữa đám văn thân với triều Nguyễn nảy sinh dần chủ trương « bất hợp tác ». Sau khi xong cử nghiệp, nhiều người rút lui, cam suốt đời « ôm tài, giấu tiếng », nhất là ở Nam-kỳ, như trường hợp Thủ khoa Huân, Hồ Huân Nghiệp, Huỳnh Mẫn Đạt, Cử Trị, Học Lạc, v.v... Khi Cử Trị làm thơ đùa là ông nghĩ thật :

*Phú quý Trường-an rong vắn cỏ,
Phong lưu kinh địa chấu đầy đầu.*

Ông coi khinh những người ra làm quan với triều Nguyễn, và giáng đòn nặng nề hơn vào vua nhà Nguyễn :

Đứng lại làm chi cho mắt còng.

Vừa đi vừa đái vễ nên ròng.

Tất cả sự thổi nát của chế độ phong kiến nói chung, của triều Nguyễn nói riêng, Nguyễn Đình Chiểu trong thời kỳ còn trai trẻ, chưa bị mù đã nhìn thấy, nghe biết. Cho nên ông đã có thể viết trong tác phẩm *Dương Từ – Hà Mậu*:

Dầu vình cũng tiêng nhọn thân.

Trầu cay, ngựa cười cái thân ra gi.

Chờ ăn lộc nước đời suy,

Bầy chim, lưới thỏ e khi mắc nạn.

Ông thấy cuộc đời qua số phận của ông: « Có thân phải khổ vì thân. Thân ôi! Thân biết mấy lần chẳng may ». Ông còn thấy qua số phận của nhiều người khác. Nạn nhân của xã hội trong thời kỳ ông không ai khác ngoài « dân đen » tốt bụng, nhưng bị khinh rẻ, và người có tài đức bị lãng quên, vùi dập. Bản chất của ông gần gũi hiện thực xã hội và hiện thực xã hội đã giúp ông sáng tỏ nhiều vấn đề. Ông « ngầm cười » mặt xấu xa, đời bại của « nhân tình » diễn ra trong giai cấp phong kiến thống trị, trong bọn « cửa uyển », bọn « giàu sang ý thế dọc ngang », bọn phè phỡn trên mồ hôi, nước mắt của dân nghèo. Ông lên án gay gắt bọn chúng. Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, ông chỉ trích bọn vua chúa một cách gián tiếp qua kinh sử:

Ghét đời Kiệt, Trụ mở dâm...

Ghét đời U, Lệ đa đoan...

Mỗi vế phê phán tội lỗi vua, đều kèm theo một vế khác nói về số phận của người dân. Kể bị ông « ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm » chính là vua. Ông dành trọn lòng thương của ông cho những người dân « sa hầm, sầy hang », những người dân « chịu lầm than

muôn phần», cho những bậc hiền tài gặp vận không may, những anh hùng trong cơn hoạn nạn. Ông Quán, nhân vật trọng trung trong truyện *Lục Vân Tiên*, khi « xem qua kính sử mấy lần » nói toạc « nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương » của chính lòng mình, bộc lộ thái độ của Nguyễn Đình Chiểu đối với hiện tình của đất nước trong những mối quan hệ mà ông gọi là « nhân tình ».

Căm ghét vua chúa bạo tàn, ngu xuẩn, những loại người như Thái sư, cha con Võ Thề Loan, Đặng Sinh, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm bao nhiêu, thì Nguyễn Đình Chiểu, trong một loại hình tượng văn học, đã làm nổi rõ cái đẹp của những sự việc và con người luôn luôn giữ vững đạo nghĩa ở đời bấy nhiêu. Một Vân Tiên giữa đường « bẻ cây làm gậy » cứu Nguyệt Nga khỏi tay tướng cướp Đỗ Dự: « Nhớ câu kiến nghĩa bất vi, làm người thế ấy cũng phi anh hùng »; một Nguyệt Nga thủy chung chờ đợi, không lúc nào rời bút tranh vẽ chân dung người yêu: « Sống sao thác vậy một chồng mà thôi »; một Hớn Minh bắt chấp tai vạ, bẻ gãy giò con quan huyện giàu sang ỷ thế dọc ngang hiếp người; một Tử Trục cự tuyệt đề nghị của Võ công, không ưng lấy Võ Thề Loan — người đã hứa hôn với bạn mình — làm vợ, mắng vào mặt bọn thay lòng đổi dạ: « Người ta há phải là cầm thú sao »; một Tiểu đồng ngỗ Vân Tiên đã chết thật rồi, mấy năm ròng canh giữ nấm mộ hoang, chờ ngày đưa hài cốt về quê, v.v..., đó đều là những tấm gương đạo nghĩa ở đời.

∴

Nguyễn Đình Chiểu đi vào đường văn học bằng tác phẩm đầu tay: *Lục Vân Tiên*. Xuất phát từ ý nghĩ

« răn » đời, ông kêu gọi người đọc, chân tình và khiêm tốn : « Ai ai lắng lắng mà nghe ».

Nhưng thời cuộc chuyển rất nhanh. Triều đình nhà Nguyễn ngày càng rệu rã. Chủ nghĩa thực dân Pháp dẫn một bước mới trong âm mưu xâm lược Việt-nam, tích cực truyền đạo Thiên chúa, chuẩn bị cho đội quân xâm lược kéo vào. Sau truyện thơ *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục cho ra đời truyện thơ *Dương Từ—Hà Mậu* vạch rõ những âm mưu quỷ quyệt của giặc Tây :

*Dân mà mê đạo Tây rồi,
Nước người muốn lấy, mấy hồi phòng lo.
Đầu ai tránh khỏi mê đồ,
Lại đem nha phiến trao cho hút liền.
Tối ngày óm những ống đèn
Nào rồi toan việc đánh Phiến dẹp loạn.*

Dù hai mắt bị mù, Nguyễn Đình Chiểu vẫn thấy được thảm họa sắp tới của đất nước. Ông nghĩ thấy mùi « hoa lạ » theo ngọn « gió Tây » bay tới quê hương mình :

*Khắp nơi bờ cõi ngậm ngùi,
Gió Tây diu dặt mấy mùi kỳ hoa.
Lá cây vàng rụng trơ chà,
Chim kêu réo rắt người xa thêm sầu.*

(*Dương Từ—Hà Mậu*)

Ông vẫn thấy được bọn thống trị phản động cứ đứng đưng trước tai họa của đất nước và nỗi khổ cực của nhân dân :

*Người nay có khác xưa nào
Đất dày thăm thăm, trời cao mù mù.*

*Bốn mùa thành quách làm râu
Dân gầy nước ốm, mờ dầu cũng khó.*

(Dương Từ—Hà Mậu)

Sự bất mãn ngày càng tăng của sĩ phu, văn thân đối với triều đình nhà Nguyễn bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa nông dân và phong kiến đang diễn ra gay gắt. Chính sách khinh bạc, xử tệ đối với một bộ phận tri thức cũng là một nguyên nhân thúc đẩy quá trình phân hóa nội bộ giai cấp phong kiến, tác động mạnh mẽ đến những tri thức xuất thân từ phong kiến lớp dưới. Xa triều đình, bỏ « Trường-an xa mã » sống giữa nhà tranh, vách đất, ruộng lúa, bờ tre chỉ có nghĩa là bỏ dòng đục, tắm dòng trong, vứt đi những « rong vẩn cỏ ». Phẩm chất trong sạch, tư tưởng trọng đạo nghĩa và tinh thần gấn bó ngày càng mật thiết với quần chúng lầm than đã giúp Nguyễn Đình Chiểu và bạn bè cùng chí hướng với ông tiến những bước dài trên đường phục vụ Tổ quốc. Chính Nguyễn Đình Chiểu vì bị mù không trực tiếp đánh giặc được cũng thường bàn bạc với Đốc binh Là, trao đổi thư từ với Trương Định, về việc chống Pháp, nhằm thực hiện lý tưởng của những ông Ngu, ông Tiều trong các tác phẩm của ông:

*Núi non đầy, nhiều cây nghênh ngang,
Dọn trống đường, nhờ cán búa ta.*

Nhưng nếu chưa kể đến những hành động trực tiếp đánh giặc cứu nước cụ thể của từng người, mỗi người một vẻ, chỉ riêng sự có mặt dòng đủ các cây bút nổi tiếng ở Nam-kỳ như Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Hữu Huân, Huỳnh Mãn Đạt, Cử Trị v.v.... trong mặt trận văn học yêu nước, đem tác dạ trung thành đánh địch bằng những lời thơ đầy

tâm huyết, nóng bỏng, há chẳng phải đã là một việc làm có ý nghĩa lớn hay sao?

Từ trọng đạo nghĩa đến chỗ nêu cao tinh thần yêu nước, Nguyễn Đình Chiểu đã đi vào một cuộc chiến đấu mới chống bọn cướp nước và bán nước. Nhưng ông không hề bối ngỡ. Bởi vì đạo nghĩa lớn nhất của dân tộc ta là căm thù giặc, chống xâm lược, cứu nước, cứu dân. Ông đã nuôi sẵn lòng « thương, ghét » lớn. Phong trào yêu nước sôi nổi của nhân dân và thái độ hèn nhát đầu hàng bán nước của triều Nguyễn càng nâng cao tư tưởng, tình cảm của ông, làm sáng tỏ thêm cái lẽ « thương, ghét » của ông. Từ đó mà ông có được những cống hiến lớn, làm nên sự nghiệp văn chương sáng chói.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam-kỳ thời kỳ đầu được Nguyễn Đình Chiểu phản ánh qua hàng loạt thơ, văn, trong đó nội dung chống vua bán nước chiếm một vị trí rất quan trọng, và do yêu cầu của tình hình, nó trở thành một vấn đề có tính chất cấp bách. Vua chẳng những là lá chắn che chở giặc mà còn là lưỡi dao nhọn đâm sau lưng nhân dân kháng chiến. Không chống vua thì không chống được giặc.

Bọn triều đình nhà Nguyễn đầu hàng giặc từng bước. Thấy được hành vi ám muội của chúng từ đầu đã khó. Công khai chống lại chúng càng khó. Về mặt này, chúng ta đánh giá cao các văn thân yêu nước ở miền Nam, trong thời kỳ đầu, khi bộ mặt bán nước của Tự Đức chưa bị phơi bày, đã dũng cảm chọi lại vua, dù dưới hình thức kín đáo, tế nhị.

Vốn là người của « cửa Khổng sân Trình », nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã thoát ra khỏi những ràng buộc của tư tưởng tôn quân mà cương lĩnh đạo Nho đặt thành một thứ quan hệ cao nhất. Việc làm này hẳn

không phải dễ. Đối với nhà nho, mài mực lên án kẻ thù xâm lược thuận hơn nhiều, dễ làm hơn nhiều, so với việc hạ bút lông nguyên rửa nhà vua.

Qua việc nông dân Gò-công cản đầu ngựa Trương Định, không thuận để ông đi An-giang theo lệnh triều đình mà phong Trương Định làm Bình Tây nguyên soái, cờ đề tám chữ (1) lên án vua quan, ta thấy việc chống lại giai cấp phong kiến thống trị trong nước không phải là việc làm của một người, một nhóm, mà đã trở thành phong trào rộng rãi của quần chúng yêu nước.

Không có tiền lệ, nông dân phong soái cho một vị tướng quân của triều đình là một hiện tượng đặc biệt. Nó chứng tỏ tinh thần yêu nước của nông dân rất cao, có sức lôi cuốn những người ở tầng lớp trên theo mình. Mặt khác, ở phía Trương Định, ông tỏ ra là một người rất sáng suốt trong hành động cao cả của ông. Chỉ riêng với hành động này, ông cũng đáng được coi là một anh hùng.

Hành động của nông dân Nam-kỳ chống bọn vua quan nhà Nguyễn đầu hàng, bán nước phù hợp với ý nghĩ và tình cảm của tầng lớp trí thức yêu nước lúc đó. Gạt bỏ vua chúa, những người văn thân yêu nước trên thực tế đã giương cao ngọn cờ kháng chiến mà động lực chính là đông đảo nông dân « toan lo nghèo khó », « côi cút làm ăn ».

Từ ngăn chặn kháng chiến đến thỏa hiệp, đầu hàng, Tự Đức đã đi quá sâu vào tội lỗi. Ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ bị vua quan triều Nguyễn cắt dâng cho giặc giữa lúc cuộc kháng chiến đang diễn ra sôi nổi, gây nên một sự phản ứng dữ dội chưa từng có trong các tầng

(1) « Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khí dân » (B.T.).

lóp nhân dân. Căm giận, đau buồn, thương xót, Nguyễn Đình Chiểu hòa lòng mình trong muôn lòng yêu nước:

*Vì ai khiến đũa chia khăn xé, nhìn giang sơn ba tỉnh
luống thêm buồn;*

*Biết thuở nào cờ phất trống rung, hỡi nhật nguyệt
hai vầng sao chẳng đoái?*

(Văn tế Trương Định)

Dù cho phong kiến triều Nguyễn có giở những đòn ác độc, lên án những người đang cầm vũ khí đánh giặc cũng không lật ngược lại được sự thật quá rõ ràng. Về mặt này, Nguyễn Đình Chiểu chẳng những tỏ ra kiên quyết đứng về phía chính nghĩa, mà ông còn vạch rõ những mưu toan lật lọng, những điều vu cáo bỉ ổi của triều đình:

*Giúp đời dốc trọn ơn nam tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần*

(Thơ điều Trương Định)

*Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây,
Một giấc sa trường phận rủi may.
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay...*

(Thơ điều Phan Tôn)

Vạch mặt bọn vua quan bán nước, dù là vấn đề rất quan trọng, nhưng mới là một mặt. Ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu luôn luôn dành cho những lực lượng kháng chiến, đặc biệt là quần chúng nông dân, anh hùng, liệt sĩ cứu nước, những dòng thơ văn sôi nổi, thiết tha, triu mến nhất. Viết về những người hy sinh vì Tổ quốc, hữu danh và vô danh, ông không dừng lại ở những câu chung chung mà hết sức chú ý đến những tính cách cụ thể, những tình huống riêng biệt và cảnh ngộ của từng người, từng đối tượng.

Tả cuộc chiến đấu của nông dân ở mặt trận Cần-giộc, Nguyễn Đình Chiểu viết :

*Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang
bao tấu, bầu ngòi ;
Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm
dao tu, nón gõ ;
Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong
nhà dạy đạo kia ;
Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém
rót đầu quan hai nọ ;*

Khóc tưởng quân Trương Định :

*Trên trại đồn điền hoa khóc chủ,
Dưới vòm Bao-ngược sóng kêu quan.
Mây giăng Trường-cốc đường quân vắng
Tràng xế Gò-rùa tiếng dàu tan...*

Bài văn tế chung những nghĩa sĩ chết trận ở sáu tỉnh Nam-kỳ, có đoạn :

*Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng tàn trào
gậy nợ oán cừu ;
Chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cừu chưa
mang lời phản trắc.
Các bậc sĩ nông công cõ, liền mang tai với súng
song tằm ;
Mấy nơi tổng lý xã thôn, đều mắc hại cùng cờ
tam sắc.*

Phần quý báu nhất, đẹp nhất, có sức lôi cuốn nhất trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu không phải ở hình thức văn mà chính ở hồn văn, ở tình cảm chân thành của tác giả.

Dưới ngòi bút của ông, quê hương, Tổ quốc, đồng bào, bao giờ cũng hiện lên lung linh, đậm đà, có sức lay động lòng người, qua những bước thăng trầm của thời cuộc :

Đoài sông Càn-giuộc, cỏ cây mấy dặm sâu giòng ;
Nhìn chợ Trường-bình, già trẻ hai hàng lỵ nhỏ.

... Bình tường nó hãy đóng sông Bến-nghé,
 làm cho bốn phía mây đen ;
Ông cha ta còn ở đất Đồng-nai, ai cứu đặng một
 phương con đở.

(Văn tề nghĩa sĩ Càn-giuộc)

Hoặc : Trăm hoa nửa khóc nửa cười,
Nư từng xiêu lạc gặp người cổ hương.
 Cỏ cây đưa nhánh đón đường
Nư từng níu hỏi : Đông hoàng ở đâu ?
 Bén non đá cụm củi đầu,
Nư từng oan khúc lỵ cầu cứu sinh.
 Liú lo chim hót trên cành,
Nư từng kể mách tình hình dân đen.

(Ngư Tiểu y thuật văn đáp)

Tả cảnh giặc đến đốt phá làng mạc :

... Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.
Bến-nghé cửa tiền tan bọt nước,
Đồng-nai tranh ngôi nhuộm màu mây...

(Chạy giặc)

Và khi sáu tỉnh Nam-kỳ lọt vào tay giặc, nước nhà
tạm bị cắt chia :

Mây giăng ải Bắc trông tin nhận,
Ngày xế non Nam bắt tiếng hồng.
Bờ cõi nay đã chia đất khác,
Nắng sương nay há đợi trời chung...

(Ngư Tiểu y thuật văn đáp)

Sự thử thách đến với Nguyễn Đình Chiểu hầu như liên tục, trọn một đời người. Nhưng cũng hầu như liên tục, trọn một đời người, Nguyễn Đình Chiểu phấn đấu cho nước, cho dân, cho công bằng, cho đạo nghĩa. Người đọc Nguyễn Đình Chiểu rất yêu mến nhân vật Nguyệt Nga thủy chung hiếm có. Trải bao khổ nạn gian truân, Nguyệt Nga vẫn ôm theo bên mình và giữ chặt trong lòng hình ảnh Lục Vân Tiên, người yêu buổi đầu gặp gỡ và tâm niệm « sống sao thác vậy... ». Nguyễn Đình Chiểu là một Nguyệt Nga trong cuộc sống thực. Dù chính nghĩa chưa toàn thắng, nhân dân còn bị lầm than, nước nhà bị giặc chiếm, ông vẫn chiến đấu không mệt mỏi, thực hiện đạo lý của mình cho đến hơi thở cuối cùng.

Khi miền Đông Nam-bộ lọt vào tay giặc, ông bị rịt lưu luyến người xưa chốn cũ; lưu luyến bị rịt nhưng vẫn phải ra đi:

*Một phương thà tránh đường gai góc,
Trăm tuổi cho tròn phận tóc da.
Chén rượu đổ lòng xin cạn chén,
Nhớ nhau ngày khác biết chăng mà!*

(Từ biệt cô nhân)

Quê cha đất tổ đối với ông bao giờ cũng là hình ảnh đầm thắm nhất. Con vật còn quay đầu nhớ về nước cũ, huống nữa con người:

*Giậm vá chẳng màng ăn cỏ Tống,
Quay đầu lại hí nhờ tàu Lương
Ngựa nghĩa còn cưu nhà nước cũ,
Làm người bao nữ phụ quê hương!*

(Ngựa Tiêu Sương)

Về cuối đời, Nguyễn Đình Chiểu thường vẫn còn bị bọn thực dân cáo già phái người đến tận nhà ve vãn,

mua chuộc. Trước sau ông đều một mực chối từ. Lần cuối cùng, ông giả điếc không tiếp. Đối với bọn thực dân xâm lược, ông luôn giữ thái độ lạnh lùng. Đối với đồng bào, Tổ quốc, quả tim ông bao giờ cũng nóng hổi. Ông luôn luôn lắng nghe thời cuộc và mong đợi những tin vui của đất nước. Nhưng thực tế không chiều lòng ông. Do chính sách đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn mà dần dần toàn bộ lãnh thổ Việt-nam rơi vào tay giặc Pháp. Ông băng khuâng, ngậm ngùi, đau xót. Trước đây ông khóc nghẹn cả hồn, anh hùng Lục tỉnh. Giờ đây ông khóc đất nước :

*Nói ra thì nước mắt trào,
Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.*

(Ngư Tiểu y thuật văn đáp)

Đôi mắt mù lòa từ lâu làm khổ nhà thơ. Nhưng tới khi có thể soát lại cả cuộc đời mình, tất nạn đó lại trở thành niềm an ủi, tự hào đối với ông. Ông biến cái điều bất hạnh của mình thành vũ khí — đáng là một vũ khí — đánh thẳng vào bọn bán nước, vô lương, bọn xấu xa, như bản trong xã hội :

*Dù đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.*

*Dù đui mà khỏi danh nơ,
Còn hơn có mắt an đơ tanh rình.*

*Dù đui mà đặng trọn mình,
Còn hơn có mắt đời hình tóc râu...*

(Ngư Tiểu y thuật văn đáp)

Tuy mắt bị mù, cái nhìn của Nguyễn Đình Chiểu bao giờ cũng sáng. Sáng một cách khác thường, muôn ngàn con mắt sáng của nhân dân cộng với tấm lòng sáng của ông tạo cho ông cái nhìn sáng suốt khác thường ấy.

Những gì Nguyễn Đình Chiểu viết đều dựa vào kiến thức và sự quan sát của nhân dân, thấm sâu tinh của nhân dân. Vì vậy, tác phẩm của ông bao giờ cũng gần gũi với nhân dân, thành người bạn đường tâm đắc của họ, trong suốt cuộc hành trình gian khổ giành độc lập, tự do.

Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương lớn cho toàn dân ta soi chung.

Là một con người Việt-nam, Nguyễn Đình Chiểu đã treo một *tấm gương trọng đạo nghĩa*. Quan niệm và nội dung đạo nghĩa dĩ nhiên là có biến đổi. Nhưng tinh thần trọng đạo nghĩa mà Nguyễn Đình Chiểu nêu cao vẫn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Ghét áp bức, bất công, quên mình vì việc nghĩa, hiếu thảo với cha mẹ, chung thủy trong tình yêu, tình bạn, giữ cho tâm hồn trong sáng, thanh cao, bảo vệ phẩm chất và khí tiết của con người, v. v..., vẫn là những gì góp phần làm nên thuần phong mỹ tục lâu đời của nhân dân ta. Chúng ta hãy nêu cao truyền thống tốt đẹp ấy, vun đắp thêm cho những thuần phong mỹ tục ấy để xây dựng một xã hội mới, một đạo đức mới, chống lại những đồi phong bại tục của xã hội nhố nhăng, vô luân, phi đạo đức của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam nước ta.

Là một người dân Việt-nam, Nguyễn Đình Chiểu đã treo một *tấm gương sáng yêu nước*. Trong hoàn cảnh của mình, ông đã làm tất cả những gì có thể làm được để cứu nước, Nguyễn Đình Chiểu mãi mãi là một ngôi sao sáng trên bầu trời văn học yêu nước của miền Nam, của Việt-nam. Tác phẩm của ông từ hàng trăm năm nay vẫn nung nấu thêm chí căm thù giặc nước, bẻ lũ tay sai đến cao độ của nhân dân ta, kích thích và động viên tinh thần chiến đấu bất khuất của dân

tộc ta. Giờ đây, nó là một vũ khí sắc bén trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại này. Và mãi mãi, ngọn lửa hừng hực yêu nước, căm thù giặc nước và tay sai ấy vẫn cháy trong lòng chúng ta.

Là một người trí thức Việt-nam, Nguyễn Đình Chiểu đã treo *một tấm gương lớn gắn bó với nhân dân*. Trong văn học viết của ta, ông là nhà văn đầu tiên nói đến người nông dân Việt-nam một cách chân thật, dành cho người nông dân Việt-nam những tình cảm nồng nàn nhất. Đó là bởi ông sống với nhân dân — bấy giờ chủ yếu là nông dân — chìm nổi với nhân dân, gắn bó với con người và sự nghiệp của nhân dân; từ đó mà thấy được sức mạnh và phẩm chất của nhân dân, nêu cao được khí tiết, bồi dưỡng được ý chí chiến đấu, mài sắc thêm ngòi bút của mình.

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

Hai câu thơ ngắn ấy của Nguyễn Đình Chiểu đã khái quát một cách cô đọng nhất phẩm chất con người của ông, nhà thơ lớn của chúng ta. Đó cũng là «nguyên lý» về cách sống, cách làm người, về «thiên chức» của người cầm bút, của nhà văn chân chính trong đời sống xã hội, trong sự nghiệp của nhân dân, của dân tộc.

NGƯỜI TRI THỨC VIỆT NAM TRƯỚC VẬN MỆNH CỦA DÂN TỘC

VŨ KHIÊU

« Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng » (Phạm Văn Đồng).

I

NGUỖYÊN ĐÌNH CHIỂU, ngôi sao càng nhìn càng thấy sáng ấy là một người tri thức chân chính của dân tộc ta. Tôi muốn nhìn ông từ khía cạnh ấy, khía cạnh người tri thức.

Ở con người ấy, chúng ta thấy rực lên ánh sáng cao đẹp của những người tri thức Việt-nam, đã từ bao đời góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Suốt thời kỳ phong kiến, ánh sáng ấy đã rực rỡ trên bầu trời của chúng ta với Nguyễn Trãi và

Chu Văn An, với Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương, với Ngô Thi Nhậm và Cao Bá Quát... Trong thời kỳ giặc Pháp xâm chiếm nước ta, khi vua quan nhà Nguyễn cam tâm bán nước thì Nguyễn Đình Chiểu lại là ngôi sao sáng nhất, tiêu biểu cho những ý nghĩ, những tình cảm, những hành vi cao đẹp của người trí thức Việt-nam, trước vận mệnh của dân tộc.

Trong xã hội phong kiến Việt-nam, người trí thức có một vị trí đặc biệt, họ tiếp thu hệ tư tưởng phong kiến, tiếp thu những kiến thức đương thời do chế độ phong kiến đem lại, và sử dụng những kiến thức ấy như phương tiện suy nghĩ và hành động. Do kết cấu đặc thù của hoàn cảnh xã hội Việt-nam, người trí thức ở đây không nhất thiết là sản phẩm đặc quyền của giai cấp phong kiến. Những trường học đầu tiên trên đất nước ta — những Quốc tử giám, những trường Quốc học — mới đầu đã được mở cho con em quý tộc. Vì nhu cầu xây dựng và củng cố một hệ thống quan liêu từ trên xuống dưới, nhà nước phong kiến đã mở mang và khuyến khích việc học tập và thi cử để tuyển lựa « nhân tài ». Nhân tài đây là những người tinh thông kinh sử, nắm vững được học thuyết Khổng Tử và trung thành với trật tự phong kiến. Trong hoàn cảnh đó, bên cạnh những trí thức xuất thân từ giai cấp quý tộc còn có rất nhiều trí thức xuất thân từ trong nhân dân. Việc học được quý trọng. Học để hiểu biết nghĩa lý, học để thi đỗ làm quan, học để có một địa vị đáng kính trong xã hội. Người trí thức được xếp ở địa vị hàng đầu trong trật tự « sĩ, nông, công, thương ».

Trong hoàn cảnh xã hội như thế, người trí thức Việt-nam ở vào một vị trí luôn di động giữa hai phía đối lập: phía giai cấp phong kiến thống trị và phía nhân dân nghèo khổ. Trong thời gian còn dùi mài

kinh sử, người trí thức đã thường dự kiến cho mình hai số phận may rủi: hoặc thi đỗ làm quan, gia nhập vào hàng ngũ thống trị, hoặc suốt đời làm một ông đồ dạy học và sống nghèo khổ giữa nhân dân.

Lịch sử chứng minh rằng thực tế đã có nhiều người xuất thân từ nghèo khổ và do con đường học lập thi cử mà giành được quyền cao, chức trọng trong bộ máy phong kiến. Từ đó, họ dễ dàng đi vào con đường vinh thân phì gia, sống mỗi ngày một xa cách nhân dân. Họ trở thành phong kiến, suy nghĩ và hành động trên lập trường bảo vệ chế độ phong kiến. Trong hàng ngũ này cũng có một số người vì sống lâu ngày trong nhân dân, nên có tình cảm sâu sắc với nhân dân và trong khi làm quan họ thường giữ được một lối sống thanh bạch, thường xuyên chăm lo đến đời sống của nhân dân. Những người này khi gặp vận nước nguy biến thì cùng chiến đấu với nhân dân; khi gặp phải hoàn cảnh vua quan thối nát, lại không thể hòa theo chúng, thì thường họ hay cáo quan lui về ở ẩn dạy học hay làm thuốc, sống cuộc đời thanh đạm kiểu Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Thiếp, Lê Hữu Trác... Còn trong những trường hợp đi thi mãi không đỗ thì những người trí thức ấy tiếp tục gắn bó với nhân dân, suy nghĩ và hành động trên cơ sở vì lợi ích của những người nghèo khổ. Địa vị xã hội rất khác nhau như thế giữa những người trí thức Việt-nam thường dẫn tới những xu hướng, những tính cách và những hành động rất khác nhau ở họ. Cùng học một trường, một thầy, mà Phạm Đình Trọng thì đánh đòng dẹp bắc để bảo vệ ngôi vua, còn Nguyễn Hữu Cầu lại chiến đấu đến cùng vì lợi ích của những người đói rét.

Cùng xuất thân từ cửa Khổng, sân Trình nhưng Hồ Huân Nghiệp, Thủ khoa Huân, Phan Văn Trị, Phan Đình Phùng thì chống Pháp còn Tôn Thọ Tường, Hoàng Cao Khải lại làm tay sai cho giặc.

Chúng tôi phân biệt những người trí thức chân chính của dân tộc ta với những kẻ đem học vấn của mình làm tay sai cho nước ngoài chống lại Tổ quốc, hoặc phục vụ giai cấp bóc lột để đàn áp nhân dân. Chúng ta gọi là trí thức chân chính những người sống gần nhân dân, cùng chia sẻ với nhân dân những nỗi vui buồn, những điều lo lắng, những niềm hy vọng... Họ đem trí tuệ và tài năng phục vụ nhân dân và trong điều kiện đó, họ tiếp thu được từ phía nhân dân những tinh tinh trong sáng, những phẩm chất cao đẹp.

Nguyễn Đình Chiểu đã là người trí thức như thế. Trong suốt cuộc đời, ông đã nghĩ, đã nói, đã làm với những tình cảm sâu sắc nhất dành cho Tổ quốc và nhân dân. Cho đến những ngày cuối của đời mình ông vẫn giữ vẹn một tấm lòng trong trắng, không có điều gì đáng tủi thẹn đối với nhân dân và trời đất, quý thần Cả cuộc đời ấy, chúng ta nhìn lại và càng nhìn càng thấy sáng.

II

Nguyễn Đình Chiểu ra đời và lớn lên trong một hoàn cảnh xã hội mà chế độ phong kiến phản động của nhà Nguyễn đang phơi bày bộ mặt mục nát nhất của nó.

Ông sinh vào lúc mà nhân dân ta đang chịu sự thống trị cực kỳ phản động của nhà nước phong kiến do Gia Long thiết lập được 20 năm trên đất nước ta.

Gia Long và Minh Mệnh, đề củng cố chế độ phong kiến, đã khôi phục Khổng giáo, cố sức dùng Khổng

giáo làm chỗ dựa tư tưởng cho mọi chính sách và đường lối thống trị của chúng. Khổng giáo đem lại nguồn kiến thức chính thống của xã hội. Khổng giáo là phương tiện duy nhất để cho người trí thức Việt-nam « tiến vi quau, đạt vi sư ». Khổng giáo phải được vận dụng để chứng minh và giải thích cho mọi chính sách: hành chính, pháp luật, lễ nghi, đạo đức do triều đình nhà Nguyễn ban ra. Khổng giáo phải góp phần ngợi ca uy quyền và ân đức của nhà vua, giáo dục một tinh thần bị động và niềm tin mù quáng vào mọi sắc chỉ và hành động của triều đình.

Khổng giáo vốn mang một nội dung phong kiến rất lạc hậu, rất bảo thủ và phi nhân đạo. Nhưng với biện pháp tinh vi, nó đã khiến nhiều người tin theo nó một cách thành thực như tin theo một lối sống trong lành, một đạo lý cao đẹp. Dựa vào niềm tin ấy, Khổng giáo đã khích động cao nhất năng động chủ quan ở mỗi người, rèn luyện ý chí kiên cường, tinh thần quả cảm, thái độ không sợ khổ, không sợ chết để thực hiện những điều đã được coi là đúng. Những phẩm chất tinh thần mà Khổng giáo cổ vũ như thế có thể phục vụ cho hai mục đích khác nhau. Những phẩm chất ấy có thể là thái độ ngu xuẩn của những người trung thành một cách mù quáng với vua chúa và chế độ phong kiến, nhưng cũng có thể là sức mạnh tinh thần to lớn ở những người biết lấy Tổ quốc và nhân dân làm tình sâu, nghĩa lớn.

Nguyễn Đình Chiểu xuất thân từ một gia đình nhà Nho. Cũng như mọi người trí thức khác trong xã hội lúc bấy giờ, từ nhỏ ông đã được nuôi dưỡng bằng những câu chữ của thánh hiền. Có thể nói Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp thu sâu sắc toàn bộ hệ thống kiến thức của Khổng giáo. Qua tác phẩm của ông để lại,

Chúng ta thấy ông không những tinh thông những nguyên tắc cơ bản của Khổng giáo như tam cương, ngũ thường mà ông còn vận dụng rất nhiều lần theo cách hiểu của mình, những tư tưởng của Chu Dịch và Lý học. Ông đã không chỉ dừng lại trong kiến thức Nho giáo, mà còn đọc rất rộng các sách về Phật, về Lão Trang và đặc biệt là các sách về Y học. Về mặt kiến thức, ông đạt tới trình độ cao nhất mà người trí thức có thể đạt được ở thời đại ông và trong hoàn cảnh xã hội của ông. Trong thời kỳ ấy, ông là một người trí thức có tính chất toàn diện, thông bác về mọi mặt của *nho, y, lý, số*.

Cố nhiên người trí thức ở thời đại nào cũng không thể vượt qua được những phương tiện trí thức mà thời đại ấy cho phép. Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu sẽ chứng minh rằng ông toàn tâm, toàn ý gắn mình vào cuộc sống của nhân dân và vận mệnh của Tổ quốc. Tư tưởng ông rất nhiều lúc đối lập căn bản với triều đình Huế và với nhiều người trí thức đương thời trong bộ máy quan liêu. Nhưng tư tưởng của ông vẫn không thể vượt hẳn ra ngoài hệ tư tưởng phong kiến để đối lập với nó. Tư tưởng ấy vận động trong phạm vi vốn hiểu biết của ông, nghĩa là vận động qua những phương tiện trí thức mà ông đã tiếp thu của thời đại. Cho nên, muốn hiểu sâu về ông, muốn nhìn kỹ về ngôi sao ấy, không thể dừng lại ở những khái niệm Khổng giáo đã được xã hội Đông phương dùng mòn từ 2.000 năm nay, mà phải tìm được ý ông, lòng ông, từ đằng sau những khái niệm ấy.

Nguyễn Đình Chiểu di vào Nho giáo với tấm lòng chân thành và tin tưởng thực sự. Ông có một thái độ rất thành kính đối với Khổng Tử:

*Ba vua năm đế dẫu vừa qua,
Nổi đạo trời rao đức Thành ta.
Hai chữ cương thường dẫn cả nước,
Một câu trung hiếu dựng muôn nhà.*

Trong *Dương Tử - Hà Mậu*, Nguyễn Đình Chiểu đã tưởng tượng một cách thích thú đến cảnh Khổng Tử đi châu Ngọc hoàng Thượng đế, rất uy nghi đẹp đẽ :

*Ngồi trong kiệu ngọc tàn vàng,
Một ông Khổng Tử dung nhan tốt lành.
Theo sau biết mấy thần linh,
Coi trong thẻ bạc đề danh đại hiền.*

Ông tin rằng, chính nhờ Khổng Tử mà cuộc đời có trật tự, có đạo đức. Trong năm bài thơ *Ngũ luận tuyệt cú* ông tỏ lòng biết ơn Khổng Tử đã đem lại cho con người cái đạo của vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu bạn. Ông mong mỗi cuộc đời sẽ phát huy được cái đạo ấy trong một xã hội tốt đẹp. Chúng ta không thể đòi hỏi chàng thanh niên Nguyễn Đình Chiểu vượt ra khỏi cái khuôn khổ phong kiến ấy. Chúng ta biết rằng cũng trong khuôn khổ ấy mà nhà trí thức vĩ đại Nguyễn Trãi đã cùng Lê Lợi đánh đuổi ngoại xâm, mà vị anh hùng áo vải Quang Trung đã giúp dân dựng nước. Chưa từng có nhà trí thức nào trong xã hội phong kiến Việt-nam lại có thể tưởng tượng tới một xã hội không còn vua nữa. Người trí thức tiến bộ nhất cũng chỉ dám xác định một thái độ kiên quyết đấu tranh cho một xã hội có « vua ra vua, tôi ra tôi » để nhân dân được sống an lạc mà thôi. Những nhà trí thức anh hùng và lỗi lạc khác như Ngô Thì Nhậm và Cao Bá Quát cũng chỉ dám mơ ước rằng mình sẽ trở thành những vị tôi hiền trong một thời thánh đế. Ngô Thì Nhậm lấy tên là Hy Doãn, Cao Bá Quát lấy tên là Chu Thần, đều muốn nói lên hoài bão của mình, muốn trở thành bề tôi giỏi

như Y Doãn, Chu Công đề phò vua, giúp nước. Niềm tin tưởng của Nguyễn Đình Chiểu đối với Khổng giáo là một lẽ tất yếu đối với người trí thức như ông. Điều đáng quý là ông đã xuất phát từ lợi ích của nhân dân mà vận dụng Khổng giáo. Ông muốn cổ vũ cho một đạo lý làm người đúng đắn trong một xã hội mà vua phải ra vua, tôi phải ra tôi. Cái xã hội ấy rất là hiểm cò, nhưng ông luôn luôn mơ ước và tin tưởng: « Nghìn năm có một hội minh lương, vua thánh tôi hiền vững bốn phương ».

Với niềm tin tưởng ấy, ông đã ra sức học tập với tinh thần :

*Thành xưa hiền trước đề lời,
Phò vua, giúp nước, sửa đời, dạy dân
Học cho biết lẽ quân thần,
Biết phần phu tử, biết phần hiếu trung.*

Ông xác định thái độ « đi học phải toàn tâm cội gốc » và phải tranh thủ học chăm khi còn ít tuổi :

*Gặp thuở mày xanh siêng đọc sách,
Mỗi câu đều hưởng phúc trời cho.*

Đến lúc trưởng thành, ông đã lên đường đi thi với một tinh thần rất hào hứng. Nhưng không may cho ông. Số phận ông đã giống như số phận Lục Vân Tiên vậy. Ông đã không thi được vì nghe tin mẹ qua đời. Sau đó vì thương khóc mẹ, ông đã mù đôi mắt. Trong thơ văn của ông, Nguyễn Đình Chiểu ít nói đến bản thân mình, nhưng nỗi buồn của Lục Vân Tiên mà ông miêu tả trong giai đoạn này cũng chính là cái buồn của ông, cái buồn của người chưa thực hiện được con đường công danh đề phò vua giúp nước. Cái buồn ấy còn được nhắc lại trong *Dương Tử — Hà Mậu*: « Ba năm

một hội lỗ làng công phu; Ta về đương lúc sơ thu; Ven đường thấy cảnh dạ sầu nào nguôi».

Nguyễn Đình Chiểu mơ ước về một xã hội phong kiến tốt đẹp. Nhưng mơ ước ấy cứ ngày càng xa lạ với cái hiện thực đang bày ra trước mắt ông từ lúc ra đời đến khi khôn lớn. Từ ngày còn bé ông đã từng chứng kiến uy phong của tả quân Lê Văn Duyệt, người chủ tướng của cha mình. Nhưng khi mới 12 tuổi ông đã thấy sự trả thù của Minh Mạng đối với Lê Văn Duyệt, tiếp tục hành động bội nghĩa của Gia Long trước đây là sát hại công thần. Ông đã sống dưới triều đại của tên vua Thiệu Trị bất tài. Ông cũng đã biết chuyện Tự Đức giết anh để lên ngôi. Tất cả những tên vua đó không đem lại được một điều gì tốt đẹp cho nhân dân. Chúng thực tế là những tên vua không ra vua nữa rồi. Không phải ngẫu nhiên mà trong *Lục Vân Tiên*, ông đã đề cập tới vai ông Quán, ông Ngự, ông Tiều, những người xa lánh cuộc đời, chỉ vì cuộc đời đã đầy đầy những bọn vua quan hủ bại. Trong *Lục Vân Tiên*, ngay trong đoạn miêu tả một đoàn thanh niên trí thức hăm hở đi thi, ông đã nêu lên nhân vật ông Quán. Ông Quán đã nói lên niềm yêu nôi ghét của mình.

*Quán rằng: ghét việc tầm phào
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm*

Ông Quán ghét cái gì mà ghét đắng, ghét sâu sắc như thế? Ông Quán chỉ có bốn cái ghét, nhưng bốn cái ghét ấy đều tập trung vào bọn vua chúa. Ông Quán ghét tất cả bọn Kiệt, Trụ, U, Lệ đã không quan tâm đến đời sống của nhân dân, đã «đổi trá làm dân nhọc nhằn», đã «đề dân đến nỗi sa hầm, sầy hang», và «khiến dân lương chịu lằm than muôn phần».

Cảnh tượng đau khổ của nhân dân mà ông Quán nói đây chính là những cảnh tượng mà Nguyễn Đình Chiểu đã thấy khắp trên đất nước mà kẻ có trách nhiệm, kẻ đáng ghét nhất, không ai khác ngoài bọn Kiệt, Trụ, U, Lệ của nhà Nguyễn. Thái độ của Nguyễn Đình Chiểu trong những trang phần đầu ấy của *Lục Vân Tiên* chính là thái độ yêu ghét đúng đắn của người trí thức chân chính đứng hẳn về phía nhân dân mà phê phán bọn vua chúa. Thái độ ấy hoàn toàn xa lạ với chữ *trung, hiếu*, hiểu một cách mù quáng.

Tinh thần yêu ghét ấy, thái độ phân biệt dứt khoát giữa chính và tà, giữa trung và nịnh, giữa nhân nghĩa và bội bạc là tư tưởng sáng ngời, là một sợi chỉ đỏ rực rỡ quán triệt suốt trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Nguyễn Đình Chiểu đã viết *Lục Vân Tiên* trong hoàn cảnh mẹ chết, con đường thi cử đã hoàn toàn bị cắt đứt, người hứa hôn xưa đã bội bạc mình và trong hoàn cảnh ông rất khó khăn, vì đôi mắt đã mù. Nhưng tâm hồn ông trong sáng xiết bao khi viết lên những lời mạnh mẽ nhường ấy, với những hình tượng sinh động nhường ấy! Tôi không so sánh văn chương của Nguyễn Đình Chiểu với Nguyễn Du để đi đến kết luận không phải bàn cãi rằng văn chương Nguyễn Du thì chải chuốt bóng bẩy, còn văn chương Nguyễn Đình Chiểu thì nôm na, mộc mạc. Tôi chỉ muốn nói rằng đi sâu vào cuộc đời và toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta hiểu rằng cái nôm na, mộc mạc ấy là một điều đáng quý. Nhà thơ vĩ đại ấy đã sống hằng ngày với những niềm thao thức của nhân dân, trò chuyện với nhân dân, suy nghĩ về những nỗi đau khổ và khát vọng của nhân dân. *Lục Vân Tiên* vì thế là tiếng nói chân thành từ đáy lòng Nguyễn Đình Chiểu đến thẳng với nhân dân. Sự thành

công và giá trị nghệ thuật của nó là ở chỗ nó lập tức lôi cuốn ý nghĩ và tình cảm của nhân dân, được phổ biến rất nhanh chóng, sâu sắc và rộng rãi trong quảng đại nhân dân miền Nam.

Nhưng đây chưa phải dịp bàn sâu về tinh chất nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Ở đây tôi chỉ muốn thông qua tác phẩm *Lục Vân Tiên* để nói lên thái độ của người trí thức chân chính Việt-nam đối với chế độ phong kiến và hệ tư tưởng của nó là Khổng giáo. Cái đáng quý của Nguyễn Đình Chiểu là với tấm lòng chân thành vì nước vì dân, ông đã vượt qua những câu chữ của Khổng giáo, xác định cho mình một thái độ sống đúng đắn, một đạo lý làm người phù hợp với truyền thống lâu đời của dân tộc.

Làm con trai, hãy sống như Lục Vân Tiên, Hớn Minh, Vương Tử Trực! Làm con gái, hãy sống như Nguyệt Nga, Kim Liên! — Đó là những người quang minh chính đại, lòng dạ sáng ngời, tình nghĩa thủy chung! Vân Tiên đánh chết tên Phong Lai; Hớn Minh đã «bê đi một giò» của tên con trai quan huyện. Đó là những con người thấy việc nghĩa là làm, những «con người anh hùng... giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!»

Nguyễn Đình Chiểu cũng nêu lên những bộ mặt gian ác của những kẻ vong ân, bội nghĩa, bạc tình, ích kỷ hại nhân như bọn Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, bố con Thái sư, mẹ con Võ Thê Loan v.v..

Ông lên án những bọn nhà giàu bất nhân, cho vay lấy lãi, người ta không trả được thì gông cùm trắng trời, bắt về làm đầy tớ. Ông vạch mặt những bọn tham quan ô lại, đổi trắng thay đen để bóc lột nhân dân. Ông vì bọn chúng như những con chuột làm hại dân, phải đánh chết chúng.

Nghe tin em ruột lấy vợ hai, ông đã viết thư cho em với lời lẽ gay gắt. Trong xã hội phong kiến, một người đàn ông có năm thê bảy thiếp còn được, huống hồ em ông mới lấy một người vợ hai. Cái mà lễ giáo phong kiến và đạo đức Khổng Tử cho phép ấy, ông lại không tán thành. Ông khuyên em: «Theo đạo học phải dẫn lòng nhân dục». Theo ông thì «sung sướng chi mà chồng một vợ hai!». Ông muốn cho em trau dồi đạo đức hơn nữa. «Nghe nhiều kẻ tiếng đời như bọn, muốn cho em mùi đạo thơm tho!».

Những lời lẽ bàn về đạo đức như thế đã chứa đầy ngay trong những tác phẩm đầu tiên của ông, thể hiện một tâm hồn rất trong sáng, khảng khái và cao đẹp. Ông đi học và vào đời với tâm hồn ấy. Ông tiếp thu Khổng giáo cũng với tâm hồn ấy.

III

Trong lúc bọn vua quan phong kiến nhà Nguyễn ngày một hủ bại, gieo rắc muôn vàn nỗi thống khổ cho nhân dân thì giặc Pháp đã từ lâu dòm ngó và tiến hành âm mưu xâm lược. Đã từ lâu, bọn gián điệp đội lốt thầy tu đi sâu tìm hiểu tình hình mọi mặt của đất nước, luôn luôn báo cáo về nước Pháp và thúc giục chính phủ Pháp tiến hành cuộc xâm lược. Năm 1847, chiến thuyền Pháp đã bắn đắm thuyền quân ta ở Đà-nẵng và từ đó luôn luôn khiêu khích ở nơi này, nơi khác. Năm 1858, chiến thuyền Pháp lại bắn phá cửa biển Đà-nẵng và chính thức mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Ngày 10-2-1859, chúng

từ vũng tàu pháo kích vào Gia-dịnh và tám ngày sau chúng đã chiếm thành. Cách đây hơn một thế kỷ, âm mưu và hành động của giặc Pháp đã luôn luôn là mối đe dọa đối với nhân dân. Nhiều nhà trí thức Việt-nam đã thức tỉnh. Cao Bá Quát trong rất nhiều bài thơ của mình đã bộc lộ những băn khoăn lo lắng. Nhiều đêm không ngủ, nghĩ tới những chiến thuyền của giặc ngoài bờ biển, ông cảm thấy lòng sục sôi, lắm lúc muốn biến thành ngọn lửa của Chu Du, để đốt sạch những quân cướp nước. Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế và nhất là Nguyễn Trường Tộ, sau đó là Nguyễn Lộ Trạch, đã gửi lên triều đình rất nhiều bản điều trần, đề nghị tiến hành những cải cách nhằm làm cho nước mạnh, dân giàu.

Trong hoàn cảnh đó thì sự ngu muội của triều đình Huế và tinh thần bạc nhược của lớp trí thức trụ cột của triều đình đã tạo cho giặc Pháp những điều kiện thuận lợi nhất để xâm chiếm và nô dịch nước ta. Rất nhiều trí thức giữ trọng trách trong triều đình lúc bấy giờ đã chủ trương thế thủ. Không dám tấn công địch, họ bào chữa rằng nên kéo dài « tình trạng giằng co này để giặc Pháp mệt mỏi ». Cả bọn vua quan đều tự an ủi rằng mình là một nước văn hiến còn bọn Pháp chỉ là bọn Tây di, chúng xâm chiếm mình thế nào được. Thậm chí trong một bản sớ của các quan đại thần gửi lên Tự Đức đã có những câu ngớ ngẩn như sau : « Vì chúng ở xa nước ta, nên thực là trẻ con nếu tưởng chúng có ý định đánh chiếm nước ta làm thuộc địa ».

Trong khi bọn trí thức bạc nhược tìm mọi cách, chữ của thánh hiền để thuyết minh cho chủ trương đầu hàng của Tự Đức, thì những nhà trí thức chân chính của Việt-nam đã đứng hẳn về phía nhân dân và kiên quyết chống giặc. Nguy cơ mất nước bao giờ cũng là thử thách cao nhất đối với nhân phẩm của con người. Trong những

con thử thách ấy, Nguyễn Đình Chiểu đã từ lời nói đến việc làm, nêu lên một tấm gương rực rỡ.

Với truyền thống anh hùng của một dân tộc suốt bốn ngàn năm đổ máu và mồ hôi để xây dựng và bảo vệ đất nước, thái độ của người trí thức chân chính dứt khoát phải là một thái độ kiên cường, bất khuất.

Nguyễn Đình Chiểu đã nhiều lần nhắc câu : « *Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã* », nghĩa là thấy việc nghĩa không dám làm thì không phải là dũng cảm. Nhưng nghĩa ở Khổng Tử trước hết là nghĩa vua tôi, còn nghĩa ở Nguyễn Đình Chiểu phải là cái nghĩa đối với Tổ quốc, đối với nhân dân. Trong thơ văn của ông, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng những lời đầy hào khí để ngợi ca những anh hùng vì nghĩa lớn ấy. Khi giặc Ô-qua kéo quân vào xâm chiếm đất nước thì dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, Lục Vân Tiên đã nổi lên với những nét rực rỡ :

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc mình ngời ngựa ó.*

Không gì vẻ vang bằng những con người trung nghĩa ấy. Đó là Trương Định :

*Trong Nam tên họ nổi như cồn,
Mấy trận Gò - công nước tiếng đồn.*

Đó cũng là tư thế của Phan Tôn đứng giữa trời đất :

*Làm người trung nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.*

Đó cũng là uy danh bất diệt của nghĩa quân Cần-giוע: « Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất, tiếng vang như mõ ». Hãy xem cái khí phách anh dũng, hiên ngang, mãnh liệt ấy của nghĩa quân: « Chi nhọc quan quân giống trống kị, trống giục, đập rào lướt tới,

coi giặc cũng như không; Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà, ma ni, hồn kinh; Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ! »

Người trí thức không thể nào ngồi yên được, không thể cam tâm nhìn cảnh giặc ngoại xâm vào giày xéo đất nước, tàn phá nhà cửa, chém giết nhân dân. Trong bài thơ *Chạy giặc*, Nguyễn Đình Chiểu đã đau xót trước cảnh nhân dân tan tác trong lửa đạn của giặc, Trước cảnh « của tiền tan bọt nước, tranh ngói nhuộm màu mây », ông thốt lên: « *Hỡi trang đẹp loạn rày đâu vắng? Nỡ để dân đen mắc nạn này!* » Ông nói tới quân cướp nước với một giọng căm ghét nhất. Bọn chúng chính là một đàn dê đã xông vào phá phách ruộng vườn và nhà cửa chúng ta :

*Bờ cõi mấy năm từng dọn vén,
Râu ria một lũ đến xông pha.*

Ông hòa mình với quần chúng và bộc lộ nỗi căm thù sâu sắc đối với quân giặc đang cắm trại trên đồng ruộng của chúng ta. Ông muốn ăn gan và cắn cổ bọn chúng: « *Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ!* »

Theo Nguyễn Đình Chiểu, thái độ dứt khoát của người trí thức trước quân xâm lược là phải chiến đấu: « *Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây* ». Người trí thức cũng phải như con ngựa Tiều Sương khi bị bắt về nước Tống đã bỏ ăn mà chết. Người ấy bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng phải có một thái độ rất vững vàng, không hề dao động trước tình thế. « *Thế vậy răn mình đừng có vậy. Cờ mao chống chọi chớ cho xiêu!* »

Trong suốt những năm giặc Pháp đánh chiếm nước ta, người trí thức chân chính suốt từ Bắc vào Nam đã sống như thế. Khi Tự Đức nhượng bộ giặc Pháp cắt ba tỉnh Nam-bộ cho giặc thì nhân dân yêu nước miền Nam càng sục sôi chiến đấu. Đối với họ, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp là kẻ bán nước, còn triều đình đã bỏ dân (« *Phan Lâm mãi quốc, triều đình khi dân* »). Các nhà trí thức yêu nước miền Nam đứng về phía nhân dân, đồng tình với nhận định ấy của nhân dân. Tinh thần chiến đấu của nhân dân càng tác động sâu sắc đến người trí thức.

*Đừng tham đồng bạc con cò,
Bỏ cha, bỏ mẹ, đi phò Lang-sa...
... Trời xanh cây cứng lá dai,
Gió lay mặc gió chịu ai không chịu?*

Những câu ca dao đầy khí phách ấy được truyền tụng rất nhiều trong dân gian đã có sức mạnh thời thúc và cổ vũ rất lớn. Trong hoàn cảnh đó ở miền Nam những người trí thức cam tâm theo giặc kiểu Tôn Thọ Tường cũng rất ít. Trước sự khinh bỉ và căm ghét của nhân dân, Tôn Thọ Tường đã cố gắng tự bào chữa bằng rất nhiều thơ. Trong bài *Tôn phu nhân* với hai câu:

*Ai về nhân nử Chu Công Cẩn:
Thà mất lòng anh được bụng chồng!*

hắn đã trắng trợn nói rõ thái độ bỉ ổi của hắn: thà mất lòng nhân dân nhưng được lòng giặc Pháp. Trong bài *Từ Thư quy Tào*, hắn lại khéo léo thanh minh cho mình. Hắn tự ví mình như Từ Thư ví bắt buộc mà phải bỏ Lưu Bị về với Tào Tháo, nhưng lúc nào cũng nghĩ tới Lưu Bị và quyết không làm việc gì cho Tào Tháo cả. Bài thơ ấy được truyền đi, lập tức có hàng trăm bài thơ của những nhà trí thức yêu nước miền

Nam họa lại nguyên vận và vach mặt Tôn Thọ Tường. Nguyễn Đình Chiểu trong lúc đó hoàn toàn đồng tình với các nhà thơ yêu nước. Nguyễn Đình Chiểu rất thích 11 bài thơ của Cử Trị họa và đáp lại Tôn Thọ Tường. Đó là những câu: «*Đừng mượn hơi hùm rung nhất khí, Long ta sắt đá há lung lay*». Hoặc:

Hai vai tơ tóc bên trời đất

Một gánh cang thường nặng núi sông.

Người trí thức không phải chỉ có tình cảm yêu nước, thù giặc mà còn phải trực tiếp đi hẳn vào cuộc chiến đấu của nhân dân.

Ngay sau khi quân Pháp chiếm đóng Gia-định, nhân dân ở khắp nơi đã nổi dậy. Ngay ở Bình-dương đã có 5300 nông dân tham gia phong trào nghĩa binh. Những người trí thức như Trần Thiện Chánh, Nguyễn Thông, Nguyễn Thành Ý đã từ bỏ quan chức để gia nhập vào phong trào. Sau hòa ước 1862, chúng ta lại thấy nhiều trí thức gia nhập cuộc kháng chiến của Trương Định hoặc trên cương vị của mình tích cực ủng hộ nghĩa quân. Chúng ta chưa quên văn thơ và hành động của những người trí thức như Thủ khoa Nghĩa, Thủ khoa Huân, như Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Văn Lạc, Hồ Huân Nghiệp... Nhân dân ta còn mãi mãi xúc động trước tấm gương bất khuất của những người ấy. Người ta nhớ mãi câu thơ của Huân Nghiệp khi hiên ngang lên máy chém: «*Kiến nghĩa ninh cam bất đồng vi*». Người ta nhớ mãi Thủ khoa Huân, người chiến sĩ kiên cường ba lần khởi nghĩa, hai lần bị bắt, đã ngẩng cao đầu, khi bị đeo gông và giải đi trước mặt dân chúng:

Hai bên thiên hạ thấy hay không?

Một gánh cang thường há phải gông.

Nhà trí thức yêu nước Đỗ Quang đã ghi lại những lời khẳng khái của Phan Văn Đạt trước lúc bị hành hình:

« Chúng bay lấy mê đạo dụ người, nay đem xông vào đất nước ta, cướp bóc, hiếp dâm, làm điều vô đạo. Ta căm hận vì lúc sống không ăn thịt được bọn bay, lúc chết sẽ ngầm giúp mọi người ứng nghĩa giết hết lũ bay, mới toại nguyện ta ».

Trước những hành động anh hùng bất khuất ấy của nhân dân và trí thức yêu nước, Nguyễn Đình Chiểu càng nêu cao một tinh thần chiến đấu cao đẹp, kiên quyết và dứt khoát nhất của mình. Suốt thời kỳ nhân dân ta chống Pháp, Nguyễn Đình Chiểu đã đứng hẳn về phía nhân dân anh hùng và chống lại những mệnh lệnh của triều đình bán nước.

Với tinh thần và ý chí ấy, người trí thức yêu nước Nguyễn Đình Chiểu mặc dầu mù lòa vẫn theo sát cuộc đấu tranh của nhân dân. Ông thường liên hệ với Đốc binh Là, nhất là với Trương Định, người mà ông hết sức quý mến. Trương Định thường hay biên thư để hỏi ý kiến của Đồ Chiểu. Trên một số vấn đề quan trọng, Trương Định coi Đồ Chiểu như người tham mưu của mình.

Đứng hẳn về phía nhân dân, đi sát với nhân dân, ông đã viết những lời tràn đầy tình yêu thương sâu sắc. Ông hào hứng trước tinh thần chiến đấu của nhân dân, thông cảm với cảnh nghèo túng và gian khổ của nhân dân. Ông càng bộc lộ một tấm lòng kính yêu và thương cảm vô hạn với những người vì nước hy sinh. Ông hiểu những người chiến sĩ đang chiến đấu chống giặc Pháp vốn là những người « coi củ làm ăn, toan lo nghèo khó ». Đó là những người vốn quen với « việc cuốc, việc cày việc bừa, việc cấy ». Họ đã có dịp nào làm quen với việc « tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ » bao giờ đâu. Chỉ vì họ đứng trước nguy cơ mất nước mà nhà vua vẫn không chịu ra quân đánh giặc nên trong lòng họ « trông tin quan như trời hạn trông mưa, ghét thói mọi như nhà

nóng ghét cỏ». Khắc hẳn với những người đi lính xưa nay, họ đã nổi dậy với một tư thế rất anh hùng: «*Nào ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kinh, chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ*». Họ chiến đấu trong một hoàn cảnh rất gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt: «*Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ. Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ*».

Cố nhiên trong sự nghiệp chiến đấu phải có kẻ còn, người mất, có lúc bại, lúc thành. Nhưng thái độ của người yêu nước không phút nào được dao động trước tình hình đó. Viết về những anh hùng nghĩa sĩ hy sinh, Nguyễn Đình Chiểu đã có quan niệm rất rõ ràng về sống và chết, đúng như truyền thống «*thà chết vinh hơn sống nhục*» của dân tộc ta. Ông viết: «*Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh, chúng đều khen; thác mà ung đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ*»; «*Sống làm chi theo quan tả đạo, quẳng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ*». Đối với ông, những con người hy sinh cho nước ấy không bao giờ chết: «*Linh hồn nay đã tềch theo thần; Sáu tỉnh còn noi dấu tướng quân*». Đối với ông, bất cứ trong hoàn cảnh nào việc nghĩa thì phải làm, nợ nước thì phải trả. Cuộc đời hết bĩ rồi lại thái, thất bại rồi sẽ thành công. Không thể căn cứ vào việc mất, còn, việc nên, hư trước mắt mà đánh giá được: «*Vì nước tắm thân đã gửi, còn mắt cũng cam; Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào ngại*».

Trước sự tấn công của giặc, sự đầu hàng của triều đình và sự tổn thất của nhân dân bất khuất, ông không khỏi

thốt tự đáy lòng những lời đau xót nhất. Trong những văn tế Trương Định, Phan Tông và các nghĩa sĩ, ông luôn luôn nhắc lên những tiếng khóc: « Hỡi ơi ! giặc cỏ bò lan, tướng quân mắc hại !... Trên trại đồn điền hoa khóc chủ ; Dưới vòm Bao-ngược sóng kêu quan ! ». Ông nói lên tiếng nói đau lòng của quần chúng khóc người chủ tướng. « Trạnh lòng tướng sĩ, thương quan tướng, nhắc quan tướng chịu chết như gà ! ». Nỗi đau xót của ông và của nhân dân chính là mất một người chỉ huy trong hoàn cảnh đất nước lâm vào tình trạng nguy hiểm nhất. Tiếng khóc của ông thể hiện những nỗi lo âu và niềm mong mỏi lớn nhất của toàn thể nhân dân yêu nước: « Khóc là khóc nước nhà cơn biến loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nhôi ; than là than bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngọc ngần một phương tứ đại ». Hay : « Vì ai khiến đưa chia, khăn xé, nhìn giang sơn ba tỉnh luống thêm buồn ; biết thuở nào cờ phất, trống rung, hỡi nhật nguyệt hai vầng sao chẳng đoái ». Suốt trong thời kỳ nhân dân chống giặc, Nguyễn Đình Chiểu đã sống với những tình cảm nóng bỏng như lửa cháy trong lòng như thế. Đó là ngọn lửa yêu nước, thù giặc, ngọn lửa nhiệt tình với phong trào chiến đấu của nhân dân, ngọn lửa hy vọng về cái ngày « cờ phất, trống rung », cái ngày hoàn toàn giải phóng cho đất nước !

IV

Đất nước ngày một sa vào tay giặc. Nhân dân sống một tình trạng điêu đứng như trong « gió, mưa, bão lụt ».

*Trời mưa từng trận gió từng hồi
Bốn mặt giang sơn ngập cả rồi!*

Trong cái hoàn cảnh mà dân đen thì chìm đắm, còn lũ chó thì ngồi lồm ngồm ở giường cao, ai là người đến cứu vớt nhân dân? Nguyễn Đình Chiểu kêu lên: « Nay ông Hạ Vũ ở đâu ơi! »

Nguyễn Đình Chiểu cùng nhân dân trông đợi, « chờ từ ải Bắc đến non Nam ». Bao giờ thì nhà vua mới thực sự cùng nhân dân chiến đấu? Bài thơ *Xúc cảnh* của ông đã nói lên tâm trạng day dứt và chờ trông ấy:

*Hoà cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông,
Chùa Xuân đầu hồi, có hay không?
Mây giăng ải Bắc trông tin nhận.
Ngày xẻ non Nam bật tiếng hồng.
Bờ cõi xưa đà chia đất khác,
Nắng sương nay há đợi trời chung!
Chừng nào thánh đế àn soi thấu,
Một trận mưa thuận rửa núi sông!*

Mong mỏi của ông đã không thành sự thật bởi « thánh đế » đã trở thành một tên vua dè hèn, bán nước. Núi sông đã không những được rửa sạch mà vẫn ngày một ò ướ thêm dưới gót giày của giặc.

Sau khi giặc Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông, Nguyễn Đình Chiểu đã về Cần-giuộc sống trong phong trào sục sôi đánh Pháp. Nhưng Cần-giуộc lại mất nốt, ông đành phải về Ba-tri để tránh giặc. Ông từ biệt cố nhân với một tấm lòng đau xót:

*Vi càu danh nghĩa phải đi ra,
Day mũi thuyền Nam dạ xót xa.*

Ra đi, uống cùng bạn một « chén rượu đổ lòng », ông hẹn hò sẽ có một ngày khác... Nhưng trong đời ông, ngày ấy không bao giờ đến nữa! Cả sáu tỉnh Nam-bộ

đã thuộc về tay giặc. Trương Định chết năm 1864, Phan Tông tử trận năm 1868, quân Pháp đánh thành Hà-nội năm 1873 và mười năm sau đặt nền thống trị của chúng trên toàn bộ đất nước. Nguyễn Đình Chiểu đã sống suốt thời kỳ đen tối ấy của lịch sử. Giặc đi tới đâu thì nhân dân khốn khổ tới đấy. Chúng bắn giết nhân dân khởi nghĩa. Chúng phạt, chúng đánh, chúng đốt, chúng giết. Trong *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*, Nguyễn Đình Chiểu đã viết những lời thống thiết trước cảnh « dân sa nước lửa, giặc ép mỡ dầu » ấy: « Phật cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo; tội chẳng tha con nít, đàn bà, đốt nhà, bắt vật. Kể mười mấy năm trời khốn khổ, bị khảo, bị tù, bị đày, bị giết, trẻ già nào xiết đếm họ tên; đem ba tấc hơi mồn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thủy đều rơi nước mắt ». Trong hoàn cảnh ấy, lòng Nguyễn Đình Chiểu cứ rối như tơ không cách nào gỡ được. Những người trung nghĩa đều không tìm ra một sách kế chống giặc! Những người vốn kiên quyết chiến đấu chỉ có bàn tay không:

*Mỗi tơ ai gỡ lúc này xong,
 Một dải trời Nam biết mấy trùng!
 Kẻ ứa gan trung, trương mắt ngó,
 Người liều dạ sắt, múa tay không...*

Tiếng súng chống giặc ngày một thưa thớt. Quân Pháp với sự đầu hàng của triều đình Huế đã dần dần tổ chức được bộ máy cai trị của nó. Bọn quan lại phong kiến đã cam tâm hợp tác với giặc, trở thành tay sai của chúng. Giặc Pháp mở trường đề đào tạo một tầng lớp trí thức mới. Hàng hóa của Pháp tràn ngập cả thị trường. Cách thức ăn mặc cho đến cả phong tục tập quán cũng dần dần đổi thay. Trong những năm tháng ấy, lòng Nguyễn Đình Chiểu không một chút nào

ngươi. Người tri thức ấy kiên quyết không hợp tác với giặc. Không học chữ của giặc. Không dùng đồ hàng của giặc. Người ta nói rằng ông nhất định không cho con đi học trường của Pháp, không cho con được cắt búi tóc. Ông nhất định không dùng xà phòng mà chỉ dùng nước gio và bồ hòn để giặt quần áo. Có người chê ông là bảo thủ! Nếu trong hoàn cảnh bình thường, trong quan hệ bình đẳng với các nước Tây phương mà không biết tiếp thu những cái mới từ bên ngoài đưa vào thì quả là một tư tưởng bảo thủ. Nhưng trong hoàn cảnh của Nguyễn Đình Chiểu, khi tâm trạng ông còn đầy những uất hận với bọn cướp nước đến nỗi ăn không ngon, ngủ không yên thì ta lại hiểu nổi lòng ông, hiểu khi tiết của ông, khi ông có một thái độ căm ghét đối với tất cả cái gì mà giặc Pháp mang lại. Chúng ta còn nhớ trường hợp của Lê Quýnh khi bị vua tòi nhà Thanh bạc đãi, đã kiên quyết: «Đầu tòi có thể chặt nhưng tóc tòi không thể cắt được!» Lê Quýnh là một vong thân đi theo Lê Chiêu Thống. Ông đã có một thái độ ngu trung rất đáng chê trách. Nhưng riêng thái độ giữ được lòng tự tôn dân tộc trong hoàn cảnh bị vua quan nhà Thanh xỉ nhục thì cái khí tiết ấy không những được Cao Bá Quát ngợi khen mà ba nhà thơ lớn của Gia-dịnh cũng làm thơ ca ngợi. Không phải ca ngợi cuộc đời của Lê Quýnh mà ca ngợi cái tinh thần không chịu để người ta làm nhục tới quốc tục của mình.

Dưới sự thống trị của giặc Pháp và bọn vua quan tay sai, những cái gì là *nhân nghĩa*, là *đạo đức* tốt đẹp đã không còn nữa. Trong xã hội lúc bấy giờ cái *tà khi* của bọn cướp nước và bán nước đã lan tràn khắp nơi. Người tri thức như Nguyễn Đình Chiểu không thể chịu đựng được tình trạng ấy. Nguyễn Đình Chiểu đã phản ánh hoàn cảnh ấy trong *Ngư Tiều vấn đáp*:

... Đua tranh công lợi, lấp dòng nghĩa nhân.
 Ấy rằng quang nhạc khi phân,
 Thánh hiền dấu tôi, đi luàn rồi nuôi.
 Khiến nên mọi rợ dễ dui,
 Tôi loàn, con giặc, phanh phui sự đời.
 Hơi là giăng bủa khắp nơi ...

Trong hoàn cảnh xã hội đảo điên và tăm tối, trong hoàn cảnh : « dân gầy, nước ốm, mỡ dầu cũng khô » như thế thì thái độ người tri thức phải như thế nào? Nguyễn Đình Chiểu có cảm tình với những người tri thức lánh đời đi ở ẩn như kiểu « Hứa Do tức bực làm thẳng mục, Sào Phủ nghiêng tai giả chú tiêu ». Không phải chỉ trong *Ngư Tiều vấn đáp* hay *Dương Tử—Hà Mậu*, mà ngay trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã có thái độ rất trân trọng đối với những người như ông Quán, ông Ngư, ông Tiều ... Những người ấy là Bá Di, là Thúc Tề, là Y Doãn, Phó Duyệt, là Lã Vọng, Nghiêm Lăng, những người giữ tròn một tấm lòng trong sạch, không chạy theo danh lợi, không hợp tác với bọn vua chúa xấu xa. Trong hoàn cảnh mà « tiền quyền, dưới lợi đoán gì thiên luân » ấy, ông quý trọng những người biết xa lánh con đường bán nước hại dân, con đường theo đuổi một cuộc sống giàu có với « cửa rộng nhà cao, nghênh ngang mũ, lọng »...

Qua thái độ này của ông, có người muốn xếp ông vào những loại ẩn sĩ. Có người còn khen rằng thái độ cao đẹp nhất của Nguyễn Đình Chiểu là thái độ của ông thời *Ngư Tiều vấn đáp*, là tư tưởng trốn đời để tìm lấy một « cuộc sống thanh cao » cho bản thân. Đó là một sự xuyên tạc. Nguyễn Đình Chiểu rất quý trọng những người ẩn sĩ, nhưng thực ra ông không đi theo con đường của những người ấy. Ông đứng trên lập trường tích cực của những người vì nước vì dân, mà

luôn luôn chê trách thái độ tiêu cực đi tu Phật, tu Tiên, hoặc hoàn toàn thờ ơ với cuộc sống theo kiểu Lão Trang. Theo ông, làm người phải có tâm hồn và khí phách. Phải sống như Tăng Tử, chết như Chu Công, lúc thường như Văn Vương, lúc biến như Ngụ Thuấn!

Tác phẩm *Ngư Tiều vấn đáp* của ông không có ý nghĩa tiêu cực như người ta thường nói. Nếu tác phẩm *Lục Vân Tiên* nói lên thái độ của người trí thức trong đời thịnh thì *Ngư Tiều vấn đáp* lại nói lên thái độ của người trí thức trong đời suy. Hai thái độ ấy đều thể hiện một phẩm chất nhất quán của con người trí thức chân chính trước cuộc sống. Vào những năm cuối đời của ông, trong hoàn cảnh mà «tà khí giăng bủa khắp nơi» như thế này, ông đã dùng những lời hào hùng nhất đề cao chính khí. Trong những lời thơ ấy, người ta lại thấy hừng hực lên những cái gì giống như *Chính khí ca* của Văn Thiên Tường ngày trước. Nguyễn Đình Chiểu kêu gọi người ta hãy nêu cao chính khí giống như Nghiêm Nhan thà chịu chém cũng không hàng, giống như Kê Thiện mình đầy máu và thương tích vẫn kiên quyết cứu vua, giống như Cao Khánh và Trương Tuấn trở vào mặt giặc mà mắng chửi, dù chết cũng không sợ! Thái độ ông như thế đâu phải là một thái độ tiêu cực, trốn đời!

Trong hoàn cảnh không làm gì được cho Tổ quốc và nhân dân trong lúc lâm nguy, Nguyễn Đình Chiểu đã cố gắng làm một người hữu ích. Ông rất ái ngại trước cảnh nhân dân vì đói khổ, vì mê tín, vì thiếu học đã sinh đau ốm và mắc rất nhiều bệnh tật. Bao nhiêu người mắc bệnh tật đáng lẽ cứu khỏi nhờ vì uống lầm thuốc hoặc vì tin nhầm, nghe theo thầy bói, thầy pháp mà bị chết oan! Những tình trạng đau khổ này, Nguyễn Đình Chiểu đã mô tả ngay trong

Lục Văn Tiên, trong Dương Tử — Hà Mậu và nhất là trong *Ngư Tiều vấn đáp*. Chúng ta hiểu tinh thần kiên trì và công phu học hỏi của Nguyễn Đình Chiểu đến như thế nào khi, với hai con mắt mù, ông vẫn nhờ người đọc và viết hộ. Ông vẫn tiếp tục suy nghĩ trên cơ sở các sách về y học trong nước và ngoài nước. *Ngư Tiều vấn đáp* là một tác phẩm chủ yếu viết về y học. Ông đã vận dụng kiến thức đúng đắn nhất của y học lúc bấy giờ để viết một cuốn sách khá sâu sắc phân tích về cơ thể của con người, về quan hệ giữa người bệnh với môi trường chung quanh, về sự giảng buộc kháng khí giữa lục phủ ngũ tạng, về những bài thuốc đã được viết ra trên cơ sở của những hiểu biết và kinh nghiệm phong phú của ông. Cuốn sách này được ông viết một cách đóc đáo: vừa trình bày những kiến thức y học, vừa phê phán về đạo đức tư cách của người đời, lại vừa nói lên tâm trạng sâu kín của bản thân mình. Tôi để lại phần y học cho những người chuyên môn nghiên cứu. Tôi chỉ muốn nói lên tâm trạng của người trí thức yêu nước ấy trong hoàn cảnh nước mất nhà tan và nhân dân điêu đứng này.

Trong tác phẩm *Ngư Tiều vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu đã dựng nên nhân vật Kỳ Nhân Sư, không những là một y học sư lỗi lạc mà còn là một người thông kim bác cổ, một người có thái độ rất cao đẹp trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại bang thống trị. Khi vua Liêu, tên vua xâm lược đất nước của Kỳ Nhân Sư sai người đến mời ông ra làm việc thì Kỳ Nhân Sư đã xong mù đôi mắt để khỏi phải tiếp sứ giả và khỏi cộng tác với bọn cướp nước. Thái độ của Kỳ Nhân Sư là thái độ của chính Nguyễn Đình Chiểu trước sự du dỗ của giặc Pháp.* Tên Pôngsông, chủ tỉnh Bưởi-tre, đã mấy lần đến gặp Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng lần nào ông cũng

tỏ ra lạnh nhạt. Lần cuối Pongsông đặt vấn đề trả lại ruộng đất mà chúng đã cướp giật của ông, nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã dứt khoát từ chối : « Nước chung đã mất, đất riêng còn có được sao ? ». Pongsông lại nói đến việc cấp tiền dưỡng lão cho ông, nhưng ông cũng nhất định không nhận.

Đề khước từ mọi sự hợp tác với giặc, ông không cần bắt chước Kỳ Nhân Sư xòng mù đôi mắt nữa vì đôi mắt ông đã mù rồi. Cái mù của ông trước đây là một tai nạn đau khổ, nhưng cái mù ngày nay lại là một điều tự nguyện. Ông đã mù đôi mắt suốt trong thời gian quân Pháp đánh chiếm nước ta, nhưng ông đã nhìn thấy sự xâm lược của giặc, nhìn thấy nguy cơ đất nước, nhìn thấy trách nhiệm của bản thân mình sáng suốt biết chừng nào. Ông đã nhìn rõ những điều mà triều đình Huế và những tri thức của triều đình ấy không nhìn thấy. Ông không còn đôi mắt bình thường của con người nữa, nhưng ông đã có đôi mắt sáng suốt hơn, đôi mắt từ trong trái tim và khối óc của người yêu nước.

Những ngày cuối đời của ông là những ngày khổ đau nhất của đất nước. Năm 1885, vua Hàm Nghi đã rời kinh đô Huế lên Quảng-trị, ra chiếu Cần vương. Phong trào Cần vương lại sôi sục và lan rộng từ Nam ra Bắc, nhưng chẳng bao lâu Hàm Nghi bị bắt và phong trào ấy cũng tắt dần. Trong hoàn cảnh không có một sách lược nào để cứu nước nữa, thì đôi mắt ông, dù có sáng ra, cũng chẳng tìm được lối thoát mà chỉ khổ cho nó phải nhìn những cảnh kẻ thù ngang ngược, nhân dân khốn khổ, còn bọn theo giặc thì vẫn giương to đôi mắt không biết nhục nhã. Trong trường hợp ấy ông đã xác định một thái độ :

*Sự đời thà khuất đời trong mắt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.*

Theo ông thà mù đôi mắt mà giữ được thân, giữ được đạo còn đáng quý gấp trăm lần những kẻ sáng mắt mà theo giặc, mà bất nhân, bất nghĩa.

*Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.
Thà cho trước mắt vắng hiu,
Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm.
Thà cho trước mắt tối lờm,
Chẳng thà thấy đất lục trầm can qua.
Dù đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
Dù đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.
Dù đui mà dựng trọn mình,
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu.*

Nguyễn Đình Chiểu đã đánh dấu những năm tháng cuối cùng của ông bằng những lời danh thép ấy nói lên một thái độ dứt khoát, trước sau như một của người tri thức chân chính trước chính và tà, ngay và gian, nhân nghĩa và bất nhân bất nghĩa...

Năm 1888, ông vua kháng Pháp là Hàm Nghi đã bị bắt. Cái hy vọng trước mắt ấy của ông đặt vào Hàm Nghi đã tan vỡ và ông đã ốm đau rời từ trần với một niềm tin tưởng gửi lại đời sau:

*Đạo trời có thịnh, có suy
Hết còn bỉ bỉ, đến kỳ thái hanh.*

Trong *Lục Vân Tiên* ông đã cho nhân vật Vân Tiên mù rồi lại sáng. Ông cũng tin rằng đôi mắt mù của ông cũng sẽ có ngày sáng ra:

*Sau trời Thúc Quý tan mây
Sông trong biển lặng mắt thầy sáng ra.*

Sau khi ông qua đời, phong trào chống Pháp vẫn tiếp tục nổi dậy ở nơi này nơi khác, ở Phan Đình Phùng, ở Hoàng Hoa Thám. Nhân dân ta chiến đấu rất anh hùng, nhưng vẫn thất bại và chẳng thấy đường đi. Chỉ cho đến ngày Đảng Mác—Lênin và lãnh tụ Hồ Chí Minh xuất hiện, nhân dân ta như đôi mắt mù bỗng sáng, mới nhìn rõ được quy luật của lịch sử, nhìn rõ con đường tất thắng của mình, và giành được những thắng lợi to lớn, tiến tới giải phóng hoàn toàn cả dân tộc!

Chúng ta sung sướng vì đã rửa hận cho Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn thể nhân dân ta với khí thế anh hùng đang kiên quyết quét sạch bọn Ô-qua của thời đại là bọn xâm lược Mỹ để thực hiện trên đất nước chúng ta cái ngày «bạt gió Tây» và «sông trong biển lặng» mà ông từng mong ước.

NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

NGUYỄN ĐỒNG CHI

RA đời cách đây 150 năm, cuộc sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu còn để lại những âm hưởng lớn, dội đến thời đại của chúng ta một cách đầy ý nghĩa. Bị tật nguyên từ năm 27 tuổi, ông đã có những cố gắng liên tục, phi thường để khỏi trở nên vô dụng đối với xã hội. Và kết quả của sự phấn đấu phi thường ấy cuối cùng đã vượt lên trên mọi sức tưởng tượng. « Thụ sinh đánh giặc bằng ngòi bút », nhà thơ quý tộc sống đồng thời với ông là Tùng Thiện vương đã viết như thế về ông. Giữa lúc gót giày quân xâm lược Pháp bắt đầu nện trên đất nước, thì ngọn bút văn chương dạt dào tư tưởng tình cảm yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu cũng lập tức trở thành một thứ vũ khí chiến đấu sắc bén vô cùng. Chủ nghĩa yêu nước của ông đã được khẳng định từ rất sớm, và ngày càng được soi sáng bằng nhiều khía cạnh mới. Nhưng ngoài chủ nghĩa yêu nước, phải chăng sáng tác của ông còn chứa đựng những nhân tố của một chủ nghĩa anh hùng ?

Chúng tôi cho rằng tài sản quý nhất mà Nguyễn Đình Chiểu để lại cho dân tộc, cái còn đọng lại trong toàn bộ văn chương ông, là đạo lý làm người, đạo lý làm người Việt-nam — nhưng lại là đạo lý làm người Việt-nam trong giờ phút nước sôi lửa bỏng của cuộc chiến đấu chống ngoại tộc xâm lược. Chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu được xây dựng trong một tình hình như vậy. Điều đó cho phép ta nghĩ rằng trong đó ít nhất cũng lộn tạt một hạt nhân, là những quan niệm, có thể chưa thật hệ thống, về một chủ nghĩa anh hùng của thời đại ông. Không phải ngẫu nhiên mà đằng sau những dòng cảm thán cho nỗi gian truân của dân tộc, cho cảnh đắm chìm của đất nước, lại vang lên những lời ca ngợi và kêu gọi hành động anh hùng. Những câu như:

*Một trận trải gan trời đất thấy,
So xưa nào thẹn tiếng anh hùng.*

(Thơ điều Phan Tông, I)

*Hỡi trang dẹp loạn rày đầu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?*

(Chạy giặc)

*Phải dựng lưòi gương người Hira Chử,
Be be đầu dám giậm vườn ta!*

(Con dê)

*Mũi giáo Thi Toàn đưng đề sét (gi) (1)
Lưòi gương Dự Nhượng phải toan giồi.*

(Thơ điều Trương Định, XII)

1. Những đoạn thơ và văn của Nguyễn Đình Chiểu dẫn trong bài này đều rút từ sách *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (xuất bản lần thứ hai), NXB. Văn học, Hà-nội, 1971. Chúng tôi hoan nghênh việc

Nhưng chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn được xây dựng trong tình hình mà bọn thống trị phong kiến từng bước trở thành kẻ đồng lõa với bọn cướp nước, đồng thời cũng trong tình hình ít nhiều có sự thức tỉnh của quần chúng nhân dân. Điều đó sẽ cho ta cơ sở để nghĩ đến nội dung của quan niệm anh hùng của ông. Nguyễn Đình Chiểu là người bề ngoài tưởng chừng như tư tưởng « tam cương » lỗi thời của đạo Nho luôn luôn ám ảnh, nhưng kỹ thực, bên trong lại có sẵn một cái lõi thật khỏe mạnh, chính nó đã giúp ông dễ dàng hòa hợp được với thực tiễn sôi nổi chống giặc cứu nước của quần chúng nhân dân. Cho nên, muốn tìm hiểu quan niệm anh hùng của ông thì phải tìm hiểu mức độ dung hợp giữa chủ nghĩa yêu nước phong kiến với tinh thần yêu nước của nông dân, hay nói cách khác mức độ điều hòa giữa lý tưởng với hiện thực. Tiếc thay, văn chương của ông có nhiều tác phẩm hoặc chưa phát hiện được hay chưa phát hiện được đầy đủ (ví dụ *Văn tế nghĩa sĩ Giồng-gạch*), hoặc chưa xác minh được (ví dụ các bài hịch, có thể cả thư tin, viết thay cho nghĩa quân Trương Định), v.v.... do đó, việc tìm hiểu tư tưởng của ông phần nào cũng bị hạn chế.

tái bản và đánh giá công phu sưu tầm, chú thích, giới thiệu của các đồng chí biên soạn. Đáng tiếc là bộ sách vẫn còn chứa đựng nhiều sai sót; mặt khác lại thiếu một số những chú thích cần thiết để giúp bạn đọc hiểu văn ông, nhất là các bạn đọc miền Bắc. Chẳng hạn tiếng « sét » ở câu thơ trên trong này in là « xét ». Thực ra nó là « sét » (tức là gi, phương ngôn từ Khu IV trở vào, người Nghệ-Tĩnh gọi là « sét ») Cho nên cần phải ghi ngay chữ « gi » ở một bên cho bạn đọc miền Bắc khỏi phải mất công tìm hiểu. Ngoài quyển sách trên, chúng tôi còn tham khảo sách *Dương Tử-Hà Mậu*, Tân Việt, Sài-gòn, 1961.

Nhưng điều may mắn là chúng ta lại có thể biết được thời điểm xuất hiện các tác phẩm của ông mặc dầu cũng chỉ là tương đối, nhờ đó mà có thể nắm được phần nào quá trình phát triển lịch sử - cụ thể của tư tưởng ông về chủ nghĩa anh hùng. Căn cứ vào một số thơ văn còn lại, dưới đây chúng tôi xin bước đầu đề cập đến công việc khó khăn này. Những ý kiến của chúng tôi chỉ giới hạn trong phạm vi chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu, mà không trở lại những tư tưởng yêu nước, tư tưởng nhân nghĩa của ông, vì đã có nhiều nhà nghiên cứu bàn kỹ.

∴

Chủ nghĩa anh hùng yêu nước của bất kỳ một nhà tư tưởng nào cũng vậy, không phải chỉ là hiện thân của lý tưởng chủ quan mà còn là, và chủ yếu là, kết tinh của thực tiễn khách quan. Thực tiễn đó là lòng yêu chính ghét tà, là cái phẩm chất hiên ngang, khảng khái, dũng cảm, bất khuất không những của chính bản thân người đề xuất ra quan niệm, mà trước hết phải là của số đông quần chúng đương thời. Đó là một loạt những hành vi khó khăn, cao quý, nhưng đồng thời lại cũng khá phổ biến, phổ biến đến mức trở thành cái đẹp trong cuộc sống. Nói một cách cô đúc hơn, đó là lý tưởng được hiện thực xác nhận.

Lịch sử của bản thân Nguyễn Đình Chiểu là hiện thực thứ nhất đưa đến quan niệm chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu.

Trước hết, nhà thơ mù là một con người đầy nghị lực. Vốn gặp nhiều ngang trái trong cuộc đời, ông đã tự rèn luyện cho mình một tâm hồn cứng cỏi, một

bản lĩnh để vượt qua mọi thử thách. Và cũng nhờ gặp nhiều ngang trái, ông biết cách nhận ra lẽ chính tà, từ đó tự xác định cho mình một chỗ đứng thích hợp. Đang ôm mộng công danh, tự nhiên phải bỏ dở vì tang mẹ. Đang trai trẻ lạnh mạnh, tự nhiên mắc lấy tội nguyên. Đang sắp sửa xây dựng hạnh phúc lứa đôi, tự nhiên bị bội ước. Đây là những dịp để ông chiêm nghiệm về « nhân tình éo le », đồng thời cũng là những dịp để ông suy tưởng về đạo lý và quyết tâm phấn đấu để bảo vệ đạo lý. Nhưng cái ngang trái đè nặng lên cả cuộc đời không những của ông, của gia đình làng mạc ông, mà còn của cả dân tộc, làm cho « khói mây đen ngịt, nước non đeo sầu », ấy là đang làm dân có Tổ quốc, tự nhiên thành dân bị tách ra khỏi Tổ quốc, thành dân mất nước. Gần như, ông là một người sinh ra để « chứng kiến » — chứng kiến bằng bản năng nhạy cảm, chứ không phải bằng mắt — cái bi kịch của cả dân tộc, trong suốt một quá trình dài chống lại những bước xâm lăng tàn bạo xảo quyệt của thực dân Pháp, kể từ lúc chúng mới nổ tiếng súng ở Đà-nẵng cho đến lúc chúng quàng xong ách bảo hộ lên hai xứ Trung, Bắc-kỳ. Bao nhiêu là căm hờn, uất ức, tủ nhục ! Những cái đó dội vào đầu óc một con người đầy nhiệt huyết như ông, khiến ông đau xót đến cực độ. Nhưng vì mù lòa, con người đó không thể có cách nào để hả cơn giận lớn, hơn là dành trút vào những vần thơ ca ngợi, khuyến khích chính những người đang « rửa giận » thay mình. Cái ngang trái ấy còn kèm theo cái ngang trái khác chưa từng thấy trong đời ông là sự dờn hèn, nhu nhược đi đến đầu hàng, phản bội của bọn vua quan triều đình Huế mà xưa nay ông vẫn tôn thờ. Bao nhiêu là ngạc nhiên và thất vọng ! Phải là người có một sự tự chủ ghê gớm thì mới không để niềm tin của mình đổ sụp.

Nhưng chính trong khi bắt buộc phải nhận thức lại hiện thực thì nhà thơ cũng có dịp thể nghiệm những tình cảm Tổ quốc chân chính mà trước đây ông vẫn hiểu lơ mờ. Ông sẽ xiết bao sáng khoái, tự hào khi tìm thấy cái đẹp của một lớp người vẫn bị lãng quên, đang anh dũng đánh giặc cứu nước.

Thứ hai, Nguyễn Đình Chiểu là một con người có lý tưởng. Lý tưởng của ông chủ yếu dựa trên đạo Nho. Điều đó không có gì khó hiểu. Không những vì tư tưởng thống trị thời đại là tư tưởng của Nho giáo mà còn vì nội dung dạy học hằng ngày của ông chủ yếu là kinh sách của Khổng Mạnh.

Nhưng thực chất lý tưởng của ông là thế nào? Tại sao đạo Nho ở thế kỷ thứ XVIII nói chung đã đến lúc suy vi trên toàn quốc thì ở mảnh đất miền Nam vào lúc này lại được ông cõ vũ? Điều có thể nhìn thấy bao quát ở Nguyễn Đình Chiểu là tư tưởng tôn quân vẫn còn khá nặng. Con người ta, theo ông, luôn luôn phải có vua để mà tôn thờ (*« sống thờ vua thác cũng thờ vua »*), và mọi thứ sở hữu đều là của vua (*« tấc đất ngọn rau ơn chúa »*). Về chỗ này, Nguyễn Đình Chiểu giống với Nguyễn Công Trứ vì Nguyễn Công Trứ nói *« lọt lòng ra đã có quân thân »*; *« không quân thân phụ tử đêch ra người »*, tuy rằng về căn bản ông khác với Nguyễn Công Trứ. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu lại không giống với Lê Hữu Trác vì vào thời còn rất trẻ, Lê Hữu Trác đã tỏ ra nguội lạnh đối với vấn đề phục vụ cho vua chúa: *« Ta há chịu đem mình bán rao ư ? »*; *« Tìm đường về Hán chưa xong, sang Tần thì việc đã không nên rồi »*... Lê Hữu Trác đã dám ngang nhiên thổ lộ nỗi lòng như thế đấy. Tuy nhiên, Lê Hữu Trác sống vào giữa một xã hội nát bét *« ba vua bảy chúa »*, còn Nguyễn Đình Chiểu thì may mắn hơn Hải Thượng Lãn Ông, là thực

sự được hít thở không khí thống nhất từ Bắc chí Nam. Mà trong điều kiện một xã hội phong kiến thống nhất như xã hội Việt-nam trước thế kỷ XX, thì có lẽ tư tưởng « ôn quân » của đạo Nho là một trong những biện pháp để chống lại sức ly tâm, để làm cho người ta hướng về với Tổ quốc, nhất là ở một miếng đất mới khai thác và xa xôi như Nam-bộ. Không phải ngẫu nhiên mà khi điếu Phan Tông, Nguyễn Đình Chiểu viết : « *Danh thơm người (chỉ Phan Tông) tới cõi hoàng đô* », khi « xa thư về một mối », Nguyễn Hữu Huân tức Thủ khoa Huân—một nho sĩ nổi tiếng chống Pháp bền bỉ nhất lúc đó—trước khi bị giặc hành hình cũng cho rằng : « *Thác về đất Bắc danh còn rạng ; Sống ở thành Nam tiếng bỏ không* ». Trên mảnh đất bị giặc chiếm đoạt thì tư tưởng ôn quân lúc đó còn là tiêu chuẩn để gạt bỏ người cam tâm đầu hàng giặc ra khỏi những người yêu nước. Cho nên Nguyễn Đình Chiểu cũng nói... « *Cõi phạm hồ ngó lù vô quân* »... « *Lù vô quân* » là bọn người theo giặc, đồng thời cũng nhắc nhở chỉ những người theo đạo Thiên chúa.

Tuy có khác với Lê Hữu Trác, nhưng Nguyễn Đình Chiểu lại đi cùng một đường hướng với Lê Hữu Trác, về lý tưởng « tri quân trách dân », có nghĩa là đem tài kinh luân xoay chuyển cho đời loạn thành trị, nước nghèo yếu thành phú cường, vua xấu thành tốt, chủ yếu là làm những việc ích lợi cho nhân dân (1). Truyện *Lục Vân Tiên* là một dạng của bản thuyết minh lý tưởng ấy bằng những hình tượng văn học. Ở *Ngự Triều vấn đáp*

(1) *Tri quân* tức « tri quân ư Nghiêu Thuấn », nghĩa là làm cho vua trở thành tốt như vua Nghiêu vua Thuấn. *Trách dân* là làm ơn huệ cho dân. Có người dịch câu này là « giúp nước ích dân ».

y thuật, tác giả đã cho nhân vật Nhân Sư — nhà ẩn sĩ có danh vọng — tỏ bày rất gọn cái lý tưởng mà mình hằng ôm ấp trong mấy câu :

*Đã cam chút phận dở dang,
«Tri quân» hai chữ mơ màng năm canh;
Đã cam lỗi với thương sinh,
«Trạch dân» hai chữ lưỡng đoanh (quần quanh)
ở lòng.*

Quan tâm đến dân đến nước, hay «phù đời giúp nước», đó là cái cốt lõi của «tri quân trạch dân». Nguyễn Đình Chiểu đã nói tận đáy lòng mình qua những điều thương ghét thốt ra ở miệng nhân vật chủ quán. Những kẻ thống trị u mê, bạo ngược làm cho dân đau khổ sẽ là đối tượng căm thù của ông. Có làm được dân bớt khổ, nước khỏi nguy hay không, đó là tiêu chuẩn để đánh giá nhân tài.

Lại nữa, lý tưởng mà ông phụng sự từ đầu đến cuối chủ yếu là vì nước vì dân, chứ không chủ yếu vì vua. Tư tưởng tôn quân ở đây chỉ là *phương tiện*, không phải là cứu cánh.

Thứ ba, Nguyễn Đình Chiểu là con người chiến đấu không mệt mỏi. Ngót 40 năm phải sống trong cảnh mù loà, nhưng cái năng động tinh trong người ông không một phút nào chìm tắt. Văn chương của ông ngàn ngút lửa căm thù và chiến đấu, dù là khi chỉ nói về chuyện y thuật hay chuyện sinh hoạt thông thường. Không một bài nào mang tính cách du hí, thù tạc, xã giao. Đánh bạo với các nho sĩ yêu nước như Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt... và liên hệ với các nhà lãnh đạo kháng chiến như Trương Định, Đốc binh Là... ông đã đóng góp những gì mà mình có thể đóng góp được cho công cuộc cứu nước chống giặc. Những bài văn tế của ông được sao truyền đi các địa phương trong nước. Tùng Thiện

vương đã vi ông với Tả Khru Minh — một nhà viết sử mù đời Chiến-quốc — và nhận rằng, giọng văn thương nước của ông có sức rung động người đọc như giọng văn thương nước của Khuất Nguyên (1). «Đám mây thẳng gian bút chẳng tà», câu thơ ấy của Nguyễn Đình Chiểu vang lên ý thức và niềm tự hào về sứ mệnh của văn học, mặt khác cũng tỏ ra rất kiên trì trong sứ mệnh vẻ vang đó. Cái tinh thần chiến đấu ấy vẫn còn hưng hực ở ông trước khi ông nhắm mắt : « Đất vua còn phải bỏ thì đất tôi có sá gì! » Nếu không có câu nói bất hủ này phát biểu vào giai đoạn cuối của cuộc đời ông thì chúng ta có thể bất công đối với Nguyễn Đình Chiểu vì không đánh giá được hết tấm lòng trong trắng trọn vẹn, tinh thần kiên trì bất khuất của ông già mù ấy, ông già mù tưởng chừng như bị đời quên lãng ở chợ Ba-tri. Câu nói đó còn có giá trị như một cái tát giáng vào tên chủ tinh Pôngsông và phơi ra bộ mặt thâm hiểm của hắn trong cuộc « đối diện » giữa hắn với Nguyễn Đình Chiểu. Có thể nói cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một bức minh họa tuyệt đẹp câu nói của người xưa : « Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục ». Chính đó là một nguồn gốc chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu.

∴

Nói đến chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu phải nói đến cơ sở thực tiễn của nó là thế hệ anh hùng

(1)

*Quốc ngữ danh từ Mạnh Tử sử,
Quy hùng ca đảo Khuất Bình ai.*

chống Pháp cuối thế kỷ trước ở Nam-bộ. Trước cảnh đất nước bị xâm lăng, họ đã tự phát đứng dậy làm nhiệm vụ của mình một cách hết sức oanh liệt. Nhưng nói đến cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt của quần chúng Nam-bộ khoảng giữa thế kỷ thứ XIX thì trước hết cần phải nói đến truyền thống yêu nước đã được nhen lên ở đây vốn từ lâu đời.

Từ thế kỷ thứ XVIII, trên mảnh đất Hà-tiên nhỏ bé, xa xôi, qua văn học bác học, đã hiện ra một bức tranh tươi vui, đẹp đẽ và giàu có. Và cũng qua những vần thơ ấy, vấn đề bảo vệ mảnh đất cực Nam của Tổ quốc đã được đặt ra :

*Yêu nước nhà phải giữ then chốt,
Đề phòng khi nhậy nhót binh đao...*

(Hà-tiên thập cảnh vịnh) (1)

Tư tưởng yêu nước cũng như tư tưởng thống nhất đất nước cho đến lúc bước vào thời đại Tây Sơn đã trở thành một cái gì hiển nhiên. Chấm dứt nạn cát cứ, yêu cầu đó đã trở thành niềm thao thức của một nhà văn vô danh ở Đường-trong khi tác giả phê phán cuộc phân tranh Trịnh—Nguyễn :

*Thùy phân thùy hợp mặt chi hà,
Nam Bắc tông lai thị nhất gia... (2)*

(Ai chia ra và ai hợp lại không biết nguồn gốc như thế nào; Nam và Bắc từ lâu vẫn là một nhà)

Gia-định thông chi là một quyển địa phương chí, nhưng tác giả của nó — Trịnh Hoài Đức — đã tỏ ra

(1) Của Mạc Thiên Tích

(2) Lê Đản : *Nam hà tiếp lục*

có một tinh thần dân tộc và một lập trường thống nhất vững vàng trong khi biên soạn.

Nói chung, ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước của nhân dân Nam-bộ trong một thời kỳ lâu dài ngót mấy thế kỷ, được xây đắp ngày một cao. Không phải chỉ có nho sĩ mà quần chúng nông dân cũng thấm nhuần ý thức và tinh thần đó một cách sâu sắc.

Bên cạnh lòng yêu nước, nhân dân Nam-bộ còn mang trong mình dòng máu «trượng phu chi khí ngang tàng» và «giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha». Thật vậy, về mặt tâm lý, tính cách, người dân Nam-bộ so với các địa phương khác của Tổ quốc thường tỏ ra cứng cỏi, thẳng thắn, dám nói dám làm. *Đại Nam nhất thống chí* viết: « [Người Gia-dịnh] tục chuộng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài... dân nông thôn hầu như chất phác»; « [Người Vĩnh-long] quân tử tài trọng trung nghĩa danh tiết, tiều nhân... không biết kiêng sợ » (1). Vốn chất phác bình dị, họ không chịu được với mọi thứ kiểu cách, nhất là kiểu cách phong kiến. Người ta kể chuyện khi một công thần « khai quốc » người Nam-bộ lần đầu tìm ra thăm ông chúa bà chúa cũ của mình — những người mà mình từng thân mật xưng hô là « anh anh chị chị » — thì mới thấy rằng vợ chồng Nguyễn Ánh lúc lên ngôi với vợ chồng Nguyễn Ánh trong cơn « bỏ bả » khác nhau nhiều lắm. Ông đã tỏ ra bực bội khi buộc phải chào chực, buộc phải thực hiện những lễ nghi phiền phức và nhục nhã, đến nỗi lúc trở về, dọc đường treo qua đèo Hải-vân có để lại mấy vần thơ tả cảnh rất đẹp, nhưng trong đó vẫn còn đọng lại những cảm giác khó chịu:

(1) Bản dịch của Viện Sử học, Tập V, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1971.

Ủi chà cao ! Ủi chà cao !
 Trèo lên thử dường bao.
 Cảnh trời dào lộn hột,
 Rày mọi báp phơi mao.
 Suối gáy đờn thập ngộ,
 Chim nói chuyện tam phao.
 Mau chân lên lánh hé,
 Cho khỏi đờn tầm phào (1).

« Đờn tầm phào » chính là ám chỉ cái thần tượng chí tôn. Mai mĩa như thế đối với thời đại phong kiến cũng kể là bạo.

Một ví dụ khác để thấy cái cương trực « vốn sẵn tinh trời » của đồng đảo người Nam-bộ. Bui Hữu Nghĩa — tác giả *Kim Thạch kỳ duyên* — lấy tư cách là một viên tri huyện xử phạt roi người nhà của tên quan đầu tỉnh về tội xác láo. Đánh xong lại còn gửi về nhà cho gia trưởng mấy roi vì « phụ huynh bất năng cấm tráp tử đệ ». Hành động dũng cảm ít có ấy đã chạm nọc bọn quan đầu tỉnh, do đó dẫn đến vụ án rạch Láng-thê làm cho ông suýt mất đầu chỉ vì ông đã bênh vực cho dân nghèo chống lại bọn địa chủ dựa dẫm thế lực. May sao, bà vợ của ông cũng là một tấm gương dũng cảm ít có, đã ra tận Huế đánh trống « đảng văn », rồi tự mình làm thầy cãi, cãi trắng án cho chồng.

Cái dũng khí như đã dẫn ở trên, cộng với tinh thần yêu nước của người dân Nam-bộ càng được mài giũa và nâng cao kể từ tiếng súng xâm lăng của giặc Pháp. Sự xâm lăng của kẻ thù dĩ nhiên là tai họa lớn nhưng cũng là hòn đá thử vàng lớn đối với

(1) Theo tài liệu trong bài *Nước non nhà (Thực nghiệp Dân báo)*.

dân tộc nói chung và các tầng lớp nhân dân nói riêng. Trong khi quan lại và quân đội chính qui của triều đình Huế tỏ ra là một lũ ăn hại, chưa đánh đã chạy, chưa thua đã hàng, thì các tầng lớp nhân dân đã tự phát đứng dậy và tập hợp dần dần dưới lá cờ của Trương Định. Một tinh thần mới đang trỗi dậy. Một nhà văn đương thời đã ghi lại : « Mọi người đều đòi [Trương] Định giữ lấy binh quyền [...]. Liền đó mọi người cùng nhau đắp đân tế, tôn Định làm chủ soái. Định tự xưng là Bình Tây đại nguyên soái [...]. Làm xong, gửi thư cho các nghĩa hào nói rõ ý nghĩa tại sao phải ra sức chống giặc [...]. Các nghĩa hào đều vàng nhận mệnh lệnh. Lúc đó Định tự làm ra sắc chỉ nói là của triều đình đề đề động viên dân chúng... » (1). Rõ ràng đang có một sự chuyển biến về chất. Một tình trạng khởi nghĩa đang xuất hiện trong những đám « mộ binh » chống Pháp vốn trước đây thuộc quyền chỉ huy của Tự Đức. Chủ nghĩa anh hùng nông dân đang làm cho họ có xu thế đi chệch « đường ray ». Bọn giặc cũng đang đục đầu vào một bức tường đá. Chúng đã thú nhận : « Chính lúc dò đốc [Bô-na] tưởng đã chấm dứt cuộc chiến tranh đẫm máu một cách thắng lợi, lại là lúc vấp phải một cuộc kháng chiến mạnh mẽ và có lẽ đáng sợ hơn là một cuộc chiến tranh chống lại quân đội chính qui của nhà vua » (2).

Từ tổ chức kháng chiến của Trương Định, phong trào chống giặc lan xuống các nông thôn, thức tỉnh đến các tầng lớp thấp kém nhất. Không có súng, họ đã có

(1) Nguyễn Thông : *Kỳ Xuyên văn sao*.

(2) Paulin Vial : *Les premières années de la Cochinchine*, Challamé, Paris, 1874.

những ngọn tầm vông và bất cứ cái gì trong tay. Chiến thuật du kích và phục kích đang gây cho địch những tổn thất và những khó khăn mới. Chúng thấy ở đây là « một thứ chiến tranh liên miên, trong đó mỗi người dân là một chiến sĩ riêng lẻ. Trung tâm kháng chiến ở khắp mọi nơi, chia nhỏ ra vô cùng [...]. Phải nói rằng cần xem mỗi người dân cày đi gặt lúa là một trung tâm... » (1). Tinh thần nhân dân đang có khả năng thay đổi bộ mặt của cuộc chiến tranh nếu không vấp phải sự ngăn cản mà thực chất là phản bội của bọn triều đình bán nước. Trong thâm tâm, bọn chúng lo sợ phong trào quần chúng còn hơn cả nỗi lo sợ kẻ thù. Như vậy là kẻ thù đã được tiếp tay. Nghĩa quân bị tấn công từ hai phía, không nói cũng rõ, cái cơ thất bại là có thể tính được. Tóm lại, *cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của quần chúng Nam-bộ đã phát sinh phát triển ngoài ý muốn của giai cấp thống trị. Nó có thể phát triển mạnh hơn nữa nếu không có sự can thiệp nham hiểm của chúng. Mặc dù trong hoàn cảnh nghiệt ngã, cuộc kháng chiến mang tính chất khởi nghĩa ấy vẫn hiện ra với những đường nét rất đẹp.*

Hàng ngàn người ngã xuống, thì lại có hàng ngàn, hàng vạn người khác xông lên. Một chủ soái Trương Định mất đi, thì lại có nhiều chủ soái khác xuất hiện. Khi ba tỉnh miền Tây Nam-bộ bị chiếm (1867), thì phong trào quần chúng hồ điệp đi lại bùng lên khắp nơi. Phan Liêm và Phan Tôn, hai người con của Phan Thanh Giản, nổi lên ở Bến-tre. Thủ khoa Huân sau 7 năm bị đày ở châu Phi được thả về, lại khởi nghĩa ở Mỹ-tho. Nguyễn Trung Trực lại hoạt động ở Rạch-giá.

(1) L. Pallu de la Barrière : *Histoire de l'expédition de Cochinchine en 1861*, Paris, 1864.

Tiếp đó là phong trào Đổ Thừa Long, Đổ Thừa Tự ở Cần - thơ, Phan Tông ở Ba - tri, phong trào « Đạo lành » ở Châu-đốc, Long - xuyên, Sa-déc, Nguyễn văn Bường và Phạm Văn Hớn nổi dậy ở Bà-điêm, Hóc-môn, Mười tám thôn Vườn-trầu. Ở vùng Đồng tháp Mười, quần chúng lại tôn Trương Quyền — con Trương Định— làm Nhị lang quân cùng với Thiên hộ Võ Duy Dương tiếp tục kháng chiến phối hợp với phong trào nổi dậy của người Khơ-me, v. v... Bất chấp trọng quan lực lượng đã hết sức chênh lệch, quần chúng Nam-bộ vẫn giương cao ngọn cờ cứu nước, viết nốt những trang sử oanh liệt đẹp đẽ cho Tổ quốc.

Có thể nói truyền thống yêu nước của quần chúng Nam-bộ ngày ấy xứng đáng là một bản anh hùng ca tuyệt đẹp. Đó là một trong những lý do để mấy mươi năm về sau, nhà chí sĩ Phan Bội Châu khi bắt đầu bước vào công cuộc hoạt động cứu nước cũng như khi đã ở nước ngoài, đều luôn luôn nghĩ đến việc cử người vào Nam tập hợp lực lượng kháng chiến (1). Đó cũng là một trong những cơ sở để Hồ Chủ tịch ngay từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, đã khẳng định : « Nam-bộ là thành đồng của Tổ quốc ». Truyền thống anh hùng đó của người dân Nam-bộ cũng chính là một nguồn gốc của chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu.

...

Một câu hỏi đặt ra tưởng như khó trả lời, đó là quần chúng Nam-bộ ngày ấy nổi dậy chống kẻ thù cướp nước và bọn bán nước đã quan niệm như thế nào về

(1) Phan Bội Châu đã viết bài văn *Ai cáo Nam-kỳ phụ lão*.

chủ nghĩa anh hùng yêu nước, nói cách khác, họ đã suy nghĩ như thế nào về Tổ quốc, cụ thể là chiến đấu vì lợi ích của ai? và dựa vào ai?, v.v... Kể ra, nếu có nhiều tài liệu, chúng ta cũng không đến nỗi khó khăn tìm một lời giải đáp. Nhưng tiếc thay tài liệu lại không có nhiều. Mặc dầu vậy, cũng có thể dựa vào một ít lời nói, một ít văn chương hiện còn để tìm hiểu vấn đề trên những nét đại thể. Trừ văn chương của Nguyễn Đình Chiểu ra, chúng ta có các loại tài liệu sau đây :

1. Các bài hịch của nghĩa quân đều viết trong khoảng từ khi triều đình ký hòa ước nhục nhã 5-6-1862 (cắt ba tỉnh miền Đông Nam-bộ cho giặc) cho đến tháng 8-1864.

2. Thơ văn của các nho sĩ kháng chiến.

3. Lời nói của những người kháng chiến.

Về loại tài liệu thứ nhất, chúng ta biết được bốn bài: trong đó có hai bài được ghi chú rõ là « hịch của Quân Định ». Điều đáng đề ý là, tuy đều là hịch của nghĩa quân nhưng nội dung tư tưởng trong bốn bài hịch trên lại không thống nhất. Có thể do những nho sĩ khác nhau viết ra nên có tình trạng ấy. Cũng có thể do được viết ra trong những thời gian khác nhau, dành cho những đối tượng khác nhau, nên đường lối, sách lược cũng có khác nhau.

Bài thứ nhất — viết ngay sau khi ký hòa ước cắt đất — cốt để nói với địch, trong đó ngoài cái ý quyết tâm đánh đến cùng thì cái ý hy sinh vì quyền lợi nhà vua được trình bày rất cụ thể: « Phải mất vua, chúng tôi chẳng khác gì một đứa con mất cha mẹ [...]. Vì lòng biết ơn đối với đức vua, chúng tôi sẽ rửa nhục, chúng tôi sẽ liều chết vì vua [...]. Nếu các ông muốn yên, thì

hãy trả đất cho vua chúng tôi. Chúng tôi chiến đấu chỉ vì mục đích đó » (1).

Bài thứ hai có lẽ viết sau khi Trương Định đã được quân chúng suy tôn, nhưng vẫn đề «chiếu trung», «trưng thưởng» vẫn được nhắc đi nhắc lại nhiều lần để đặt cơ sở cho đạo lý yêu nước. Nhưng nếu như một mặt, tác giả xem việc đền đáp cho vua chúa là phận sự của kẻ làm tòi, thì mặt khác, vấn đề cứu nước để khỏi «muôn dân đồ thân» vì bàn tay tàn bạo của giặc cũng được nói đến :

*Cám thương kẻ nó hành nó hiệp,
Xóc tóc rứt đầu ;
Cám thương người nó móc nó treo,
Hoành thân hoại thể ;
Nghĩ thương khôn xiết kẻ ... (2)*

(Hịch Quân Định)

Khác với hai bài trên, bài thứ ba tuy cũng có câu đề cao vua, nhưng lại có những câu rõ ràng tỏ ý phê phán vua, cụ thể là tên vua đương thời đã cho ký hòa ước cắt đất, với lời lẽ khá chua chát và sôi nổi :

*Bớ các quân ơi, chớ thấy «chín trùng» hòa nghị
mà tám lòng địch khái nờ phôi pha ;
Đừng rằng ba tỉnh giao hòa mà cái việc cứu thù đành bỏ dở...
Bớ các làng ơi, chớ thấy đồn dưới Gò-công thất thủ
mà trở mặt hại nhau ;
Chớ nghe bảo trên Bến-nghé phản cơ mà đánh lòng theo «mọi»...*

(1) Năm 1862, giặc tìm được một mảnh ván treo trên cây bên bờ sông gần Gò-công — là căn cứ của Trương Định — trên mặt ván có viết bài trên (Dẫn theo Paul Mus : *Việt-nam. sociologie d'une guerre*, Paris, 1952, tr, 124).

(2) Trong *Trương Vĩnh Ký di chỉ*, tập III (bản viết tay), Thư viện khoa học xã hội, tr. 147

Hỡi ơi ! oán dường ấy, hận dường ấy, cừu thù dường ấy, làm sao trả đặng mới ưng; Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu gian khổ bấy lâu, bao đành bỏ qua sao phải...

(*Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây*) (1)

Như vậy là ở đây, việc kêu gọi mọi người chiến đấu dường như không còn phải vì vua. Nước ở đây được quan niệm như là một khối chủ yếu gồm có các nghĩa quân, thần hào và các dân xã. Tất cả cùng chung một mối thù trước mắt, cùng chung một lịch sử, một sự nghiệp lâu dài, v, v...

Bài thứ tư viết trước khi Trương Định chết một tháng (2), chủ yếu đề cao ý chí nhân dân, nhấn mạnh lòng thương yêu đùm bọc của nhân dân và kêu gọi sự « giúp sức, giúp mưu của mọi người. Chiến đấu ở đây là để cứu thân và dân đang rên xiết trước « nọc độc » của giặc v. v...

Bốn bài trên tam giả định là từ trung tâm kháng chiến của chủ soái Trương Định ban ra. Qua đó, có thể sơ bộ kết luận là trước mắt tập thể những người kháng chiến, tư tưởng tôn quân của đạo Nho từ chỗ được dùng làm cơ sở lý luận cho chủ nghĩa anh hùng, đến chỗ bị nghi ngờ và ít được nhắc đến. Ngược lại tư tưởng vì dân, dựa vào dân, từ chỗ không được nhắc, đến chỗ được nói đến it, rồi nói đến tương đối nhiều. Và như thế, về mặt quan niệm quả tình đang có một sự lung lay, một sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực, cái hạt nhân của chủ nghĩa

(1) Trong *Hợp tuyển thơ văn Việt-nam* (1858-1930), Nxb. Văn hóa, H 1963, tr. 120 — 121. Theo Đinh Xuân Lâm và Chương Thâu thì một độc giả miền Nam gửi bài này ra nói rằng tác giả của nó là Nguyễn Đình Chiểu (*Nghiên cứu văn học*, số 4-1961)

(2) Paulin Vial (sách đã dẫn) nói là hịch Quản Định, tr. 323-326.

anh hùng yêu nước. Tất nhiên tư tưởng « có nước phải có vua » chung quy vẫn chưa bị lật xác hẳn. Nhưng thực tiễn cuộc kháng chiến đã dần dần cho thấy giữa nước và dân đang có sự gắn bó với nhau.

Về loại tài liệu thứ hai, có thể nói hầu hết các nho sĩ tham gia kháng chiến trước cái chết đều tỏ ra hiên ngang, khảng khái và tự hào. Nhưng qua văn chương của họ, ta thấy hầu hết đều vẫn chưa vượt ra ngoài chỗ đứng của đạo Nho. Hồ Huân Nghiệp trước lúc chịu rơi đầu, đã xác định tiền đề tư tưởng của sự hy sinh là trung và hiếu :

*Kiến nghĩa ninh cam bất dũng vi,
Toàn bằng trung hiếu tác nam nhi (1).*

Thủ khoa Huân lúc bị giặc đóng gông bắt ngồi ở đầu mũi thuyền để đưa đi xử tử cũng nhấn mạnh hai chữ « cương thường ».

*Hai bên thiên hạ thấy hay không?
Một gánh « cương thường » há phải gông!*

(Mang gông)

Trước đây, lúc bị dày qua châu Phi, ông cũng đã nói : bảo vệ « cương thường » là nhiệm vụ làm trai :

*... Cương thường bởi biết nên mang nặng,
Hổ đáng làm trai chóc nợ đời.*

(Lưu biệt)

Loại tài liệu thứ ba thì ít hơn. Tuy ít nhưng qua những câu nói của những người kháng chiến còn được ghi lại, ta thấy chúng khác hẳn hai loại trên. Đằng sau cái quyết tâm sắt đá của các chiến sĩ, những câu nói đó toát lên

(1) Có người dịch là :

*Thấy nghĩa lòng đâu dám hững hờ.
Làm trai trung hiếu quyết tôn thờ...*

một quan niệm vì dân vì nước mà tuyệt nhiên không thấy vì vua. Trương Định, linh hồn của cuộc kháng chiến đã phát biểu : « Tôi thà chịu tội với triều đình, chứ không nỡ ngồi nhìn núi sông chìm đắm vào tay giặc » (1) hay là : « Nếu ngài [Phan Thanh Giản] còn duy trì những điều đã làm với giặc, chúng tôi sẽ chống lại mệnh lệnh của triều đình » (2). Phan Văn Đạt và Lê Cao Đồng, một nho sĩ và một hương thân, trước khi bị hành hình đã mắng vào kẻ thù : — « Chúng bay lấy việc đạo dụ người, nay dám xông vào đất nước ta, cướp bóc, hiếp dâm, làm điều vô đạo. Ta căm giận vì lúc sống không ăn thịt được bọn bay, lúc chết sẽ ngầm giúp mọi người ứng nghĩa giết hết lũ bay mới toại nguyện » (3). Còn câu nói nổi tiếng của người nông dân Nguyễn Trung Trực thì : « Bao giờ nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây ». Niềm quyết tâm phản ánh vào trong đó dĩ nhiên không phải chỉ là của riêng một nhóm, của riêng quần chúng Nam-bộ, mà là quyết tâm chung của cả dân tộc.

Tóm lại, trước giờ phút cấp bách của lịch sử, trước thực tiễn phong phú của cuộc chiến đấu chống ngoại xâm và sự đầu hàng của triều đình Tự Đức, nhân dân Nam-bộ đã dần dần nhận thức chính xác hơn khái niệm *đất nước* : nước không phải là của riêng của vua ; nước là của chung của mọi người. Điều đó phù hợp với một ý trong bài sớ của Phan Huân là người lấy tư cách là một quan ngự sử viết lên cho Tự Đức : « Thiên hạ là thiên hạ của thiên hạ, không phải là thiên hạ của hệ hạ, sao có thể một mình tự chuyên được ». Tuy nhiên, giới nho sĩ vốn trung thành với học thuyết Nho giáo, vốn

(1) Phan Trọng Mưu : *Bài ngoại liệt truyện*.

(2) Paulin Vial, sách đã dẫn, tr. 217.

(3) *Đại Nam thực lục*, đệ tứ kỷ.

quen sử dụng những hình tượng văn học liên quan đến luận lý phong kiến, vẫn tỏ ra chuyên biến chậm hơn. Nhưng mặc dầu chậm chạp, chủ nghĩa yêu nước phong kiến của họ vẫn đang có xu thế hòa dần vào với tinh thần yêu nước của nông dân. Chủ nghĩa anh hùng cá nhân phong kiến với những tin điều « xã thân thủ nghĩa », « sát thân thành nhân » vẫn đang mang thêm những ý nghĩa mới rất tích cực. Tất cả những cái đó hẳn ít nhiều đều có dội vào đầu óc của Nguyễn Đình Chiểu.

..

Quan niệm chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu hình thành từ bao giờ và phát triển như thế nào? Như chúng ta đều biết, văn chương của Nguyễn Đình Chiểu là (thứ) văn chương trình bày lý tưởng, nhưng cũng là (thứ) văn chương phản ánh thời sự, cho nên có thể dễ dàng phân định từng giai đoạn khác nhau trong tư tưởng yêu nước của ông, đồng thời cũng có khả năng phân định những giai đoạn tương ứng trong quan niệm anh hùng của ông.

Trước hết, với những kết quả nghiên cứu lâu nay, chúng ta đã có thể tạm xếp tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất, tiêu biểu là quyển truyện nôm *Lục Vân Tiên* sáng tác trước ngày giặc Pháp xâm lược Nam-bộ. Thời kỳ này những yếu tố của chủ nghĩa anh hùng đang được hình thành bên cạnh chủ nghĩa yêu nước. Thời kỳ thứ hai, là quá trình giặc Pháp xâm lược sáu tỉnh Nam-bộ và cũng là quá trình chiến đấu anh dũng của quần chúng nhân dân. Tiêu biểu cho thời kỳ này là những bài thơ, phú, văn tế. Thời kỳ này chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa

anh hùng của ông phát triển rực rỡ đến đỉnh cao nhất. Thời kỳ thứ ba, ngọn lửa kháng chiến ở Nam-bộ tạm thời bị dập tắt, và kẻ thù thì đang vươn bàn tay xâm lược đến những phần còn lại của đất nước. Tác phẩm của ông trong thời kỳ này chỉ có mỗi một quyển *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* là sách dạy nghề thuốc nhưng viết theo hình thức kể chuyện, và trong đó vẫn phản ánh thời sự và tâm sự của tác giả. Nói chung, chủ nghĩa anh hùng của ông đến đây đã dừng lại, nhưng chủ nghĩa yêu nước thì vẫn còn biểu hiện sâu sắc trong tác phẩm.

Chúng ta nói tới thời kỳ thứ nhất với quyển truyện *Lục Vân Tiên* nổi tiếng. Như nhiều người đã khẳng định, *Lục Vân Tiên* không phải là một truyện dịch, cũng không phải là một phóng tác, tuy rằng nó có nhắc đến một quyển *Tây minh* nào đó. Ở đây, tư tưởng yêu nước đã bộc lộ khá rõ, nhưng trên một số nét nhất định, quan niệm anh hùng yêu nước cũng đã hình thành. Tác giả đã dùng hình tượng văn học để thuyết minh đạo lý của ông: đạo lý làm người, lại có đạo lý làm người yêu nước. Ngôi bút của tác giả muốn xây dựng nên những nhân vật « nghĩa hiệp » trong khuôn khổ của một xã hội phong kiến thịnh trị, điều đó không nghi ngờ gì nữa. Chủ đề tư tưởng của truyện là vấn đề « trung hiếu tiết nghĩa », là vấn đề « tri quân trách dân ». Tất nhiên, cũng cần nhìn nhận có phân biệt: khi nói đến *đạo lý làm người* nói chung, tác giả đã đứng vững trên lập trường Nho giáo. Nguyệt Nga khi biết tin người yêu đã không còn thì thề suốt đời không lấy ai nữa và dùng bức tượng để thờ người yêu. Đó là cách thể hiện mối tình chung thủy cực đoan theo lý tưởng của xã hội phong kiến, lý tưởng « liệt nữ bất canh nhị phu ». Nhưng khi nói đến *đạo lý làm người yêu nước*

thì Nguyễn Đình Chiểu đã hướng tới phần tích cực của Nho giáo và cũng đã có những nét vượt ra ngoài đạo Nho.

Hãy nói về mục đích của người anh hùng. Có người cho rằng chủ nghĩa anh hùng phong kiến đã bao trùm lấy câu chuyện vì mục đích của nhân vật anh hùng Lục Vân Tiên rõ ràng là phục vụ cho vua, là vãn hồi lại cơ nghiệp cho tên Sở vương. Thực tế, tác giả đã vẽ ra một xã hội có một tên vua hôn ám, bị nịnh thần mê hoặc làm cho xã hội rối ren, dân chúng đau khổ, giặc ngoài xâm lược. Bằng tài năng và học vấn, nhân vật Lục Vân Tiên đã vạch cho tên vua đó thấy hậu quả của sự hôn mê của nó, và cuối cùng đã đưa lại thái bình thịnh trị. Lý tưởng của kẻ làm trai phong kiến như thế là đã đạt một cách trọn vẹn.

Tuy nhiên, qua những hình tượng cụ thể của truyện, nhân vật anh hùng gần như không có một giờ phút nào tiêu cực trước « nạn dân ách nước ». Nền biết trong tác phẩm, những nhân vật có lòng lo cho nước không phải hiếm (ông Quán, Vương Tử Trục, Kiều Nguyệt Nga, v.v...) nhưng biết vận dụng trí dũng của mình và vận dụng đúng lúc đúng chỗ thì chỉ có Hồn Minh và cao hơn là Lục Vân Tiên. Họ đã giúp những người dân gặp cơn khốn khó (Lục Vân Tiên cứu Nguyệt Nga, Hồn Minh bê giò đưa con quan huyện). Và không phải chỉ có giúp dân những việc lật vật, họ còn dốc lòng giúp nước :

Làm trai trong cõi thế gian,

Phù đời giúp nước phôi gan anh hào.

Giúp nước ở đây chủ yếu là đánh đuổi giặc ngoại xâm (Hồn Minh và Lục Vân Tiên đánh giặc Ô-quạ). Như vậy, cứu cánh của trí và dũng trước hết là vì dân,

vi nước, đồng thời là vì vua. Người anh hùng không thể nhắm mắt ngồi nhìn những tên cầm quyền gian nịnh đang làm cho nước nghiêng đổ. Nhiệm vụ của người anh hùng là phải *xoay chuyển lại cuộc cờ*. Đó là cái ý nghĩa sâu sắc mà Nguyễn Đình Chiểu muốn gởi vào tác phẩm. Ở đây, quan niệm của nhà thơ mù của chúng ta lại có những nét gần gũi với Cao Bá Quát, vì Cao Bá Quát cũng cho rằng: «Tài trai sinh ra ở đời [...] mà ngồi nhìn bọn cầm quyền sai lang đang kiêu rông, thì dù có sống đến đầu bạc, có mặc áo gấm về làng, cũng làm như nhớp cổ hương mà thôi!» (1).

Nói sang đối tượng của chủ nghĩa anh hùng. *Lục Vân Tiên* là truyện nặng về kể hơn là mô tả, cho nên nhân vật ít nhiều có tính cách tượng trưng. Nhất là tính chất giai cấp của các nhân vật có phần không được rạch ròi. Tuy vậy, việc tìm hiểu cũng không đến nỗi khó. Tác giả có lúc đã cho thấy ranh giới về đẳng cấp và giai cấp trong xã hội khá nghiêm :

*Gối rom theo phận gối rom,
Có đâu ở thấp mà chòm lên cao.*

Qua vấn đề thành phần, dụng ý của tác giả có mấy điểm đáng chú ý :

Một là, các nhân vật chính diện và các nhân vật tốt xuất thân ở tầng lớp cao, hoặc ở tầng lớp thấp. Nhưng

(1) Nguyên văn bài thơ này là :

*...Trượng phu sinh bất nãi phi can chiết hạm, vị
thể phù cương thường.*

Tọa thị dương đạo kiêu sai lang...

Bạch đầu trú cầm ô cổ hương...

(Tống Nguyễn Trúc Khê xuất lý
Thường-tín kiêm trí Lê Hy Vĩnh lão khế).

dù thành phần xã hội cao hay thấp, dù xuất hay xử, họ đều tỏ ra nắm vững nhân nghĩa, một lòng kiên trinh bất khuất. Tóm lại ai nấy đều biết đạo lý làm người; ở họ dường như không có cái gì phải chê bai.

Hai là, các nhân vật phản diện hầu hết đều thuộc thành phần cao hoặc khá trong xã hội (thái sư, cha con Võ Thê Loan, Bùi Kiệm, Trịnh Hâm...). Ít ra họ cũng là những người có được sự giáo dục phong kiến.

Ba là, các nhân vật anh hùng (Hơn Minh, Lục Vân Tiên) không thuộc hạng nghèo khổ, hèn hạ, cũng không thuộc hạng quý tộc, giàu có. Tác giả chỉ có ý đưa ra hai mẫu nhân vật xuất thân khác nhau: một là võ sĩ (Hơn Minh); một nữa là nho sĩ có tài « kinh luân » (Lục Vân Tiên), nhưng không nói rõ thuộc thành phần xã hội như thế nào. Mặc dầu vậy, chúng ta cũng thấy được đối tượng của chủ nghĩa anh hùng theo ý Nguyễn Đình Chiểu lúc này không phải thuộc quý tộc, cũng không thuộc tầng lớp nghèo khổ; đó là những người « bậc trung ». Ông muốn *nhiệm vụ cứu nước giúp dân chủ yếu phải nằm ở tay những nho sĩ trí thức và võ sĩ. Ông chưa hề tìm đối tượng ở người nông dân lao động.*

Cuối cùng nói về phẩm chất của người anh hùng. Ở *Lục Vân Tiên*, động cơ của người anh hùng được phân biệt rất rõ ở lòng vị tha cao, ở nhiệt tình « cứu khổn phò nguy » là một năng động tinh có sẵn. Cho nên khi hành động, họ không suy nghĩ thiệt hơn, không so đo nặng nhẹ, có nghĩa là không tính toán cá nhân. Chính vì vậy, khi Hơn Minh bẻ giò đưa con quan huyện thi tuyệt không nghĩ đến hậu quả tù tội đang chờ mình. Tinh thần « trọng nghĩa khinh tài »

không những là phẩm chất cơ bản của người anh hùng mà còn là đức tính hầu như phổ biến của người dân bình thường trong xã hội *Lục Vân Tiên*. (Ngư : « *dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn* ». Tiều : « *Làm ơn mà lại trông hồi sao đang* ». *Lục Vân Tiên* : « *Làm ơn há để trông người trả ơn* » v.v...). Tất nhiên trong khi phục vụ cho dân cho nước, phục vụ cho vua thì bản thân mình cũng sẽ được hưởng vinh hiển.

*Làm trai trong cõi người ta,
Trước lo báo bổ, sau là hiển vang (vinh).*

Ở đây chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu phân biệt rất rõ với chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Công Trứ vì Nguyễn Công Trứ quan niệm công danh là cứu cánh; ông cho rằng kẻ làm trai phải lập cho được sự nghiệp với triều đình, tên tuổi phải vang dội khắp mọi nơi :

*Không công danh thà nát với cỏ cây...
Chi những toan xẻ núi lấp sông,
Làm nên đấng anh hùng đầu đẩu tổ...*

Ở Nguyễn Đình Chiểu không những tinh thần vô tư quán xuyến ở mọi hành động mà người anh hùng còn tỏ ra không sợ cường quyền, không lùi bước trước những thế lực mạnh, nói tóm lại là không nề hiểm nguy, không sờn gian khổ. Hơn nữa, người anh hùng phải tỏ ra hào hiệp, rộng lượng. Một mặt không cầu báo đối với người chịu ơn, mặt khác tỏ ra khoan dung đối với kẻ thù đã quý gói, đó là một đặc điểm của tư tưởng nhân nghĩa nói chung, quan niệm anh hùng nói riêng của Nguyễn Đình Chiểu (Vương Tử Trực : « *Giết ruồi đầu xítng gươm vàng làm chi* », « *Trạng rằng : Hễ đấng anh hùng ; nào ai có giết đũa cùng làm chi !* »). Nên nhớ,

tư tưởng này vốn đã có truyền thống từ lâu đời trong lịch sử dân tộc với Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ v.v...

Người anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu còn phân biệt ở phẩm chất đường hoàng thẳng thắn, phân minh rạch ròi. Hớn Minh, sau khi đã « bẻ giò » đưa con quan huyện thi hiệu ngay trách nhiệm cá nhân, anh không để lụy cho người khác mà bỏ tay nộp mình cho quan trên. Sau đó, không để mình bị giam lâu, anh vượt ngục trốn đi. Văn Tiên vừa làm ơn cho Kiều Nguyệt Nga, đã không muốn có một cái gì làm mờ ám quan hệ giữa người làm ơn với người chịu ơn (cũng tức là quan hệ giữa nam và nữ) nên khoát tay ngăn cản sự tiếp xúc trái lễ:

*Khoan khoan ngồi đó chờ ra,
Nàng là phận gái ta là phận trai.*

Chúng ta ngày nay có thể mỉm cười nghĩ rằng nhà thơ đã hoài công buộc nhân vật của mình phải giữ « nam nữ thụ thụ bất tương thân » một cách cố chấp. Thực ra, đó là một hành động tượng trưng, thể hiện thái độ phân minh, không chút ám muội rất cần có của người anh hùng. Thái độ phân minh rạch ròi còn thể hiện ở chỗ chịu ơn ai phải biết nhớ ơn, trả ơn. Nguyễn Đình Chiểu muốn rằng người làm ơn không nên quan tâm đến sự trả ơn, nhưng ngược lại, người chịu ơn, nhất là người anh hùng thì không được quên ơn đối với người làm ơn. Chính vì vậy, Hớn Minh khi biết lão Tiều cứu bạn, bèn « quý gói lạy liền ». Cũng vậy, Lục Văn Tiên khi nghe người yêu kể lại nông nỗi gian truân từ lúc chia tay thì liền sụp xuống lạy ba lạy để đền ơn. Chắc hẳn Nguyễn Đình Chiểu không ngờ nghếch khi buộc nhân vật của mình phải làm như vậy. Hành động tượng trưng đó tuy có tính chất phong kiến nhưng cũng chính là bắt nguồn từ đạo đức truyền thống của nhân dân:

*Ôn ai một chút nên quên,
Phiền ai một chút để bên dạ này.*

(Ca dao)

Tóm lại, chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu trong thời kỳ này đã hình thành rõ nét bên cạnh chủ nghĩa yêu nước của ông, đặc biệt nó thiên về mặt giúp dân chống kẻ áp bức, cứu nước chống giặc ngoại xâm. Tuy mang *hình thức phong kiến*, chủ nghĩa anh hùng yêu nước của ông đã có ít nhiều *nội dung nhân dân*. Nội dung ấy là tích cực, tiến bộ, bởi vì nó khảng khái, vô tư.

•

Thời kỳ thứ hai như đã nói, là thời kỳ quan niệm về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu phát triển lên đỉnh cao. Sự phát triển này có lẽ tương ứng với những chuyển biến dữ dội về tinh cảm: niềm rạo rức, bông bột cũng như lo lắng chưa từng có trong cuộc đời của nhà trí thức yêu nước. Lần này, ông không có truyện chuyên đề nào như *Lục Vân Tiên*, nhưng may mắn là ông còn để lại một số thơ phú viết về cuộc kháng chiến của quần chúng Nam-bộ chống Pháp—cuộc kháng chiến để lại trong đầu ông những ấn tượng cực kỳ đẹp đẽ. Tuy phải mấy lần « ty địa », ông vẫn lắng nghe từng hơi thở của cuộc kháng chiến và liên hệ mật thiết với các bạn hữu cũng như với những nhà lãnh đạo mà ông rất ngưỡng mộ. Thời kỳ này, tư tưởng đạo Nho đối với ông vẫn là tư tưởng chủ đạo, nhưng thực tiễn chiến đấu sôi nổi của cả dân tộc đã làm cho ông quan niệm đạo lý yêu nước và cứu nước một cách sáng suốt, tập trung và cụ thể hơn.

Nói chung, chủ nghĩa anh hùng của ông lúc này đang có sự điều chỉnh và bổ sung.

* Trước hết, nói về mục đích của chủ nghĩa anh hùng. Theo Nguyễn Đình Chiểu, yêu nước lúc này chính là phải gấp rút cứu nước, phải đánh giặc trừ gian, phải tiêu diệt chúng cho đến đũa cuối cùng (*Chớ để con nào sơ ấu*). Cho nên, đánh giặc cứu nước, đó là mục đích duy nhất và cao cả của người anh hùng (*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... Chí đốc ra tay nằng vạc ngã... Nghĩ nổi anh hùng nạn nước*). Nói một cách khác, chí của người anh hùng là phải làm sao đưa được phần đất đã cắt cho giặc trở về với Tổ quốc (*Chí đốc đem về non nước cũ... Dàng hộ nước Nam về một mối... Bao giờ về một mối xa thư*). Mà muốn thực hiện được cái chí đó thì phải « lưỡi gươm địch khái nắm trong tay », không được phép buông lỏng.

Lúc này ông vẫn nói đến vua, và vẫn đề cao vua, đề cao « trung hiếu », « cương thường » :

Sống thờ vua, thác cũng thờ vua...

(*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giuộc*)

Trước sau cho trọn chữ quân thần.

(*Thơ điều Trương Định, III*)

Cơm áo đền bồi ơn đất nước,

Râu mày giữ vẹn phận tôi con.

(*Thơ điều Phan Tông, II*)

Đó là điều không thể tránh khỏi. Không phải là ông không biết đến hành động đón mặt của tên vua Tự Đức và bệ lũ triều thần ; ông đã từng nói :

Biết ai thiên tử, biết ai thần.

(*Tự thuật, I*)

Nhưng để có lý luận yêu nước, ông vẫn phải bám lấy học thuyết đạo Nho, vì đạo Nho dạy người ta «trung quân ái quốc»; yêu nước phải gắn liền với trung vua, hai vế ấy trong xã hội phong kiến thường đi cặp kè nhau như bóng với hình. Nhân và nghĩa là hai tiêu chuẩn hàng đầu của đạo đức theo ông quan niệm, mà nhân nghĩa đối với ông lúc này lại là yêu đất nước quê hương, trung thành với Tổ quốc (*Mến nghĩa bao đành làm phản nước, có nhân nào nữ phụ tình nhà... Vì nghĩa riêng đền nợ núi sông... Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ, làm người bao nữ phụ quê hương*).

Tuy nhắc đến vua, nhắc đến trung hiếu trong lý thuyết, nhưng khi nói đến thực tiễn, Nguyễn Đình Chiểu không quên phản ánh trung thành cái không khí chống lại chiếu chỉ nhà vua của những người kháng chiến — một việc xúc phạm đến điều «trung», đến ngôi thần tượng (*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu... Đã đành «tám giấy» lỵu phong*), và cũng không quên phản ánh thái độ thất vọng chờ đợi sự chi viện của triều đình (*Trọn mấy năm ngóng cò trông quan... Trông tin quan như trời hạn trông mưa... Mày giăng ải Bắc trông tin nhận, ngày xẻ non Nam bật tiếng hồng*). Ngược lại, ông thường nhắc đến nhân dân một cách trân trọng, triu mến và tự hào (*Tiểu non nước ấy, nhân dân dưng ấy... Dân su nước lửa bấy chày... lòng dân trời tổ... hồn phách mất, tiếng dân nào mất*). Đặc biệt là ông coi trọng dư luận, coi trọng ý kiến của dân chúng, coi đó là tiêu chuẩn tốt để đánh giá nhân phẩm, tài năng, đánh giá anh hùng (*Danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen... Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù... Trong Nam tên họ nổi như cồn*). Thái độ này phải coi là một nét mới đáng chú ý, vì nó chứng tỏ ít nhiều có một sự chuyển biến

trong quan niệm của ông: *hướng về phía dân chủ*. Đành rằng, trong văn chương tư tưởng cổ kim, việc lấy khen chê của nhân dân làm thước đo giá trị vốn đã là một truyền thống lâu đời, không phải mới lạ. Nhưng điều đáng để ý là lúc này điều đó được ông trân trọng nhắc đến nhiều lần. Dụng ý của nhà thơ hẳn không có gì khác hơn là muốn gắn bó sự nghiệp cứu nước với nhân dân, mặc dầu ông không nói ra một cách cụ thể.

Thứ hai, nói về đối tượng của chủ nghĩa anh hùng. Về điểm này, ông đã bắt đầu có những nhận thức mới. Không kể thời đại Tây Sơn, cho đến thế kỷ XIX, dù tiến bộ đến đâu nhà Nho vẫn không phải dễ dàng đi đến cái kết luận như Nguyễn Đình Chiểu, rằng những người nông dân trong làng xã (dân ấp, dân lân) cũng có khả năng trở thành anh hùng. Ngay cả sau Nguyễn Đình Chiểu khá lâu rồi, quan niệm đó cũng vẫn còn «xa lạ» đối với các nhà Nho yêu nước Việt-nam. Nguyễn Đình Chiểu có được cái nhìn đặc biệt kia chính là nhờ giây phút lịch sử phi thường mà ông đã sống, cái giây phút đã làm cho mọi chân lý đều sáng bừng lên và soi giúp ông nhìn thấy. Nếu trước kia theo ông, anh hùng là những bậc kinh luân gồm đủ, văn võ toàn tài như Lục Vân Tiên, hay võ nghệ hơn đời như Hồn Minh, thì giờ đây những người nông dân thuần túy (*Chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng bộ... Việc cuốc việc cấy, việc bừa việc cày, tay vốn quen làm*) và nghèo khổ (*Coi cút làm ăn, toan lo nghèo khó... Ngoài cật có một manh áo vải*), mặc dầu thiếu những tri thức quân sự (*Mười tám ban võ nghệ nào đời tập rèn... Tập khiên, tập mác, tập súng, tập cờ, mắt chưa từng ngó*) cũng có thể trở thành bậc anh hùng cứu nước. Nếu trước kia, anh hùng là những người mang học vị của triều đình (Lục Vân Tiên là quốc trạng) hay nhận chức tước của nhà vua

(Hơn Minh được sắc phong phó tướng) v.v... thì bây giờ anh hùng lại là những người đang làm công việc cứu nước nhưng không có mệnh lệnh, thậm chí chống lại mệnh lệnh nhà vua. Tuy họ có thể ôm tấm lòng trung hiếu nhưng nhất định không tuân theo những chiếu chỉ, những giấy «trụ phong» có hại đến công cuộc kháng chiến. Họ chỉ vâng theo mệnh lệnh của quần chúng nhân dân (*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền; Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khòn ngoại*) và được sự thương yêu đùm bọc của quần chúng (*Thương quan tướng, nhắc quan tướng chiu chít như gà... Lớn nhỏ trong làng thấy mến trông*). Quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu quả là có một bước chuyển rõ rệt. Không những thế, trước kia theo ông, muốn trở thành một anh hùng cứu nước thì phải có một hành tung hợp pháp. Một Hơn Minh đứng ở ngoài vòng pháp luật thì không bao giờ trở thành anh hùng dù có mang chí cả tài cao đến mấy. Cho nên phải đợi khi thông qua Sở vương, được tên vua này xóa hết tội lỗi và sắc phong phó tướng thì bấy giờ mới làm công việc cứu nước một cách danh chính ngôn thuận. Bây giờ đây muốn làm được việc đó, chỉ cần được sự tin nhiệm của quần chúng, của tập thể là đủ. Đó là điều đã xảy ra trong thực tế, nhưng nếu không được Nguyễn Đình Chiểu thừa nhận thì làm sao lại trở thành nguồn khoái cảm của văn chương ông:

*Gồm ba tỉnh dựng cờ phấn nghĩa, sĩ phu lắm kẻ vui theo;
Tóm muốn dân gày sở mộ binh,
luật lệ nào ai dám trái.*

(*Văn tế Trương Định*)

Bằng son ứng nghĩa thăm lòng dân.

(*Thơ điều Trương Định, II*)

Đặc biệt đáng chú ý là ông còn vì nhóm kháng chiến do Trương Định lãnh đạo với những tổ chức khởi nghĩa của nông dân Trung-quốc như Lục-lâm, Lương-sơn-bạc:

*Lục-lâm mấy chững hoa sầu bạn;
Thủy-hử vì đâu nhận rẽ bầy.*

(*Thơ điều Trương Định, X*)

Tôn trọng những anh hùng Lục-lâm, nhất là anh hùng Thủy-hử không có gì khác hơn là khẳng định hành động anh hùng nông dân, khẳng định hành động chống triều đình phong kiến. Có đồng chí cho rằng ở Hớn Minh có bóng dáng một Lỗ Tri Thâm, kẻ cũng là một so sánh có ý nghĩa. Với những người anh hùng như vậy, Nguyễn Đình Chiểu đúng là đang tiến gần đến quan niệm của phong trào quần chúng năm Giáp tuất (1874) về sau, vì họ chủ trương:

*Dập đu súng bắn cờ chiêu.
Trận này chỉ quyết đánh triều với Tây (1).*

Nhưng ông lại vươn lên trên Phạm Văn Nghị — một nho sĩ cùng thời — vì tuy ông có nói đến việc «chạy giặc Hoàng Sào» nhưng không hề có ý dè bĩu những cuộc khởi nghĩa nông dân kiểu Hoàng Sào, nhét họ vào cùng một bị với bọn ngoại tộc xâm lược như quan niệm Phạm Văn Nghị:

*Văn võ ấy và giang sơn ấy, dẫu hùng binh Ô-mã
có làm gì; Thành quách này lại giúp binh này,
dẫu cường lỗ Hoàng Sào coi chẳng sá.*

(*Phú giặc đánh Bắc-kỳ*) (2)

(1) Về «Cổ Bang đánh Tây» (bài thứ hai) trong *Vè Nghệ Tĩnh*, tập I, Nxb. Văn học, Hà-nội, tr. 304.

(2) Bài phú này do Lê Thước sưu tầm và phiên âm, *Hợp tuyển thơ văn Việt-nam*, đd.

Thứ ba, nói về phẩm chất của chủ nghĩa anh hùng. Theo Nguyễn Đình Chiểu, lúc này phẩm chất hàng đầu của người anh hùng là « lòng địch khái », tức là lòng căm thù giặc. Căm thù giặc, đó là đạo lý chung của những người yêu nước, nhưng đối với những người đang làm nhiệm vụ cứu nước, thì lòng địch khái phải được nâng lên rất cao, gần như trở thành bản năng (*Ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ*). Đó là tấm lòng không đội trời chung với giặc (*Nắng sương nay há đội trời chung*), thậm chí thấy cái gì của giặc cũng căm thấy sôi gan ngứa mắt (*Bữa thấy bông bong giăng trắng lớp, muốn tới ăn gan ; Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ*). Cần phải có một lòng căm thù như thế mới đưa tới hành động quyết liệt. Đúng như đồng chí Lê Duẩn nói: « Lòng căm thù, đó là cơ sở xây dựng cho mình nhiệt tình cách mạng sôi nổi như ngọn lửa luôn luôn rực cháy thúc giục chúng ta dũng cảm tiến lên gánh vác nhiệm vụ lịch sử của thế hệ ngày nay » (1). Cho nên, biểu hiện của lòng căm thù là tinh thần tự nguyện cứu nước, tự nguyện xung phong. Đó cũng là những phẩm chất của con người anh hùng. Những anh hùng Cần-giוע sớ dĩ dễ phân biệt với bọn linh triều đình là ở chỗ nhiệt tình cứu nước tỏa ra từ bản thân họ « mến nghĩa làm quân chiêu mộ », chứ « không đợi ai đòi ai bắt », « không thêm trốn ngược trốn xuôi ». Nhiệt tình này được hun đúc nên, không phải vì lý do thù nhà (*Đánh những kẻ cha thù anh oán, mà nhảy vòng báo ứng đã cam*), cũng không phải vì lý do « dãi tội lập công » (*Chẳng phải ăn cướp ăn giam đày tới, mà « vi binh »*

(1) Lê Duẩn: *Thanh niên và cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, H., 1965.

đánh giặc cho cam tâm : Vốn không giữ thành giữ lấy bỏ đi, mà « hiệu lực » theo quân cho đúng số), mà chinh vì thù nước.

Do nhiệt tình cứu nước mà tinh thần xung phong của người anh hùng cũng rất cao (*Đạp rào lướt tới coi giặc cũng như không... Chỉ nhọc quan quân giống trống kị trống giặc*). Anh dũng không sợ địch đó là tiêu chuẩn làm người anh hùng nói chung. Nhưng điểm độc đáo của Nguyễn Đình Chiểu cần phải nói ở đây là người anh hùng quyết không sợ kẻ địch có vũ khí tốt. Cần nhớ rằng hồi này, trong chiến dịch dùng súng ống đại bác tìm kiếm thị trường mà chủ nghĩa tư bản thực dân tiến hành ở châu Á, tư tưởng sợ vũ khí đã trở thành một thứ bệnh dịch rất hay lây (1) trong giai cấp thống trị nhiều nước phương Đông. Chính bọn triều đình Tự Đức là những kẻ ngã gục đầu tiên khi « địch » ấy vừa đến Việt-nam. Mấy tiếng « thuyền nhanh pháo lợi của Tây-dương » ám ảnh như một bóng ma, đưa lại một hậu quả hết sức xấu cho cuộc kháng chiến. Cho nên, lấy thô sơ chống với hiện đại, lấy yếu chống mạnh vốn là tư tưởng quân sự của nghĩa quân Trương Định. Muốn được như vậy thì nghĩa quân phải có một tinh thần kiên nhẫn vượt khó khăn. Là những kẻ tay không dựng cờ khởi nghĩa, lại bị triều đình bỏ rơi, phải tự mình giành lấy tất cả mọi thứ (*Gian truân kẻ xiết mấy nhiều lần*), tinh thần này đóng vai trò hết sức quan trọng. Nguyễn Đình Chiểu hết sức ca ngợi Trương Định ở chỗ ông dám vượt lên mọi khó khăn, vượt lên mọi điều tiếng (*Nhọc nhân vì*

(1) Khi bọn kẻ cướp thực dân phương Tây bắt đầu xuất hiện với những cây súng, dân địa phương ở các nước Phi-luật-tân, Indônêxia cho đó là thần linh xuất hiện, họ không dám đánh lại chúng và đã đầu hàng.

nước, nào hờn tiếng thị tiếng phi), nhất là trong cảnh huống « dè trứng nghìn càn », « treo mảnh một giải » mà vẫn hết sức kiên trì với sự nghiệp cứu nước (*Một góc có lũy chống hôm mai... Đắp lũy đồn binh giữ một góc bày lòng địch khai... Cắm nổi nhà nghiêng lăm chống cột*).

Bền cạnh thái độ kiên nhẫn vượt khó khăn là phẩm chất kiên cường anh dũng. Phẩm chất ấy không hiếm trong những người đang làm nhiệm vụ cứu nước. Bọn địch đã thú nhận: « Người An-nam tiến vào một cách can đảm [...] Những người đi đầu bị bắn chết, thầy nằm chập ngổ, nhưng họ liền được thay bằng những người khác » (1). Nguyễn Đình Chiểu đã quan tâm đến phẩm chất trên của người anh hùng khi ông nhấn mạnh: « Trong tay cầm một ngọn lăm vòng »... « Giáo tre nghìn dậm đánh Tây », và « Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào liều mình như chẳng có... » « Trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ »... « Girom đeo dùi bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ » v.v...

Tinh thần anh dũng không sợ địch còn thể hiện ở thái độ quyết tử không đầu hàng. Phải có một lòng căm thù sắt đá, một lý tưởng lúc nào cũng sáng rực trong lòng, thì mới không nghĩ đến chuyện hạ vũ khí trước kẻ địch mạnh hơn mình về nhiều phương diện (*Anh hùng thà chết chẳng đầu Tây*). Thà chết vinh hơn sống nhục, đó là khẩu hiệu của người anh hùng (*Thà thác mà đặng câu địch khai, về theo lò phụ cũng vinh; Hơn còn mà chịu tiếng đầu Tây, ở với man di rất khổ*). Quan niệm « da ngựa bọc thây » « sống gửi thác về » vốn đã có trong quá khứ, được Nguyễn Đình Chiểu đưa ra dùng lại với một sự cải tạo khéo léo, nhằm nói lên cái ý « quyết

(1) Prud'homme: *Souvenirs de l'expédition de Cochinchine 1862*, Paris, 1865.

tử», rằng người anh hùng cứu nước coi cái chết là chuyện thường (*Một giấc chốn sa trường, da ngựa bọc thây mới phải... thác rồi bỏ làm phân cho đất*).

Tuy nhiên, ngay trong những mặt tích cực, thái độ « quyết tử » của người anh hùng mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi ở đây cũng có mặt hạn chế. Dường như theo Nguyễn Đình Chiểu, bậc anh hùng thấy nghĩa lớn thì lao vào làm ngay mà ít quan tâm đến hiệu quả (*Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào ngại*). Trên thực tế, hầu hết các cuộc khởi nghĩa lúc bấy giờ tuy có thừa tinh thần quyết chiến nhưng tinh thần quyết thắng không mạnh. Chỗ hạn chế của Nguyễn Đình Chiểu do đó cũng là một điều tất nhiên. Chẳng riêng gì Nguyễn Đình Chiểu, nhiều nhà Nho cùng chiến đấu thời ấy cũng một tâm trạng như ông. Hồ Huân Nghiệp đã nói : « *Thử thân sinh tử hà tu luận* ». Và cả về đối của Thủ khoa Huân : « *...dầu không đạt được, cũng liều một chết đáp ơn vua* ».

Tóm lại, thực tiễn của cuộc chiến đấu của quần chúng chống Pháp đã là một dịp tốt để Nguyễn Đình Chiểu thể nghiệm và điều chỉnh những quan niệm cũ của ông về chủ nghĩa anh hùng. Nói chung, *hình thức phong kiến của nó đã phai nhạt dần dần tuy không mất hẳn, còn nội dung nhân dân thì đậm thêm lên nhiều*. Đặc biệt nó coi nóng dân là một đối tượng, nó hướng về chủ nghĩa anh hùng kiểu nóng dân. Tuy chưa được hoàn chỉnh, nó đã đáp ứng nhiệm vụ lịch sử của thời đại Nguyễn Đình Chiểu.

. . .

Chúng tôi sẽ không nói đến thời kỳ thứ ba, bởi vì qua quyền sách dạy làm thuốc *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, Nguyễn Đình Chiểu đã không còn đề cập đến chủ nghĩa

anh hùng của ông nữa. Vào giai đoạn cuối cùng này, ngọn lửa kháng chiến ở Nam-bộ đã tàn rụi, nhưng ngọn lửa trong lòng ông thì vẫn chưa tắt. Nói chung, về đạo lý làm người yêu nước, ông vẫn kiên trì chủ trương nuôi dưỡng căm thù và bất hợp tác với địch nhưng ông không có dịp bộc lộ lòng căm thù bằng cách như trước kia ông vẫn bộc lộ: bằng sự cổ vũ hành động anh hùng cứu nước, bằng đạo lý làm người cứu nước. Tuy thế, đó đây, Nguyễn Đình Chiểu vẫn gửi gắm lại cho đời những câu đầy ý nghĩa:

*Tiếc đời ôm đồm cứu tài,
Sĩ đều có chí khôn nài đó sao...*

*Dù cho Phật tổ lại ra,
Chấp tay ngồi đó, nước nhà ích chi...*

*Ngày nào trời đất an ngôi cũ,
Mừng thấy non sông bắt gió Tây...*

Đề kết luận, chúng tôi có mấy ý kiến sau đây:

1. Dân tộc Việt-nam trong một quá trình lâu dài dựng nước và giữ nước đã tích lũy được một truyền thống về chủ nghĩa anh hùng hết sức phong phú và rực rỡ. Tuy yêu cầu lịch sử, mỗi một thời đại lại xây dựng cho mình một quan niệm riêng, một kiểu mẫu người anh hùng riêng, thể hiện lý tưởng và hiện thực của từng thời. Với Nguyễn Đình Chiểu, chủ nghĩa anh hùng truyền thống đã có một bước phát triển tích cực, mặc dầu chưa rõ nét, và chưa được nhà thơ quan niệm một cách hoàn chỉnh. Chủ nghĩa anh hùng này ra đời vào lúc chế độ phong kiến Việt-nam già cỗi suy tàn đang chạm trán với chủ nghĩa tư bản phương Tây đã trở thành tên hung đồ khát máu, có nhiều kinh nghiệm xâm lược thuộc địa.

2. Là nho sĩ sinh vào một thời đại mà giai cấp phong kiến nói chung trở nên dón hèn, khiếp nhược, Nguyễn Đình Chiểu ôm ấp cái chí hành đạo. Ông muốn dùng đạo Nho để vực xã hội dậy. Người anh hùng trong quan niệm ban đầu của ông là những người xuất thân nho sĩ, võ sĩ đem tài trí ra phò dõng giúp nước, thực hiện khẩu hiệu «*trí quân trách dân*» một cách vô tư. Tuy mang hình thức phong kiến, chủ nghĩa anh hùng buổi đầu của ông đã ít nhiều có nội dung nhân dân.

3. Khi giặc Pháp nhẩy vào xâm lược Nam-bộ, trước thực tiễn chiến đấu cực kỳ anh dũng của quần chúng, và sự đau hăng, phản bội của triều đình phong kiến, Nguyễn Đình Chiểu đã đứng về phía nhân dân và nhìn thấy ở họ có cái đẹp mẫu mực, rất phù hợp với lý tưởng của ông. Lúc này ông tìm đối tượng cứu nước ở những người nông dân lao động, những người tuy đứng trước tương quan lực lượng chênh lệch rất đáng sợ, vẫn dũng cảm, hiên ngang, một lòng một dạ với Tổ quốc. Nói chung, trước yêu cầu cấp bách phải giải quyết nạn nước, Nguyễn Đình Chiểu đã thấy họ sẽ là những người thực hiện lý tưởng đánh giặc cứu nước.

4. Chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu chung quy có mấy đặc điểm như sau :

a) Quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về chủ nghĩa anh hùng tuy chưa được hoàn chỉnh nhưng phần nào đã có hệ thống. Nó được bổ sung và điều chỉnh kịp thời để đáp ứng với nhiệm vụ lịch sử. Ở đây hiện thực gặp gỡ lý tưởng và gắn bó với lý tưởng.

b) Phò dõng giúp nước hay giúp dân chống kẻ áp bức, cứu nước khỏi nạn ngoại xâm luôn luôn là nhiệm vụ của người anh hùng. Nhiệm vụ ấy không phải là lý thuyết suông mà phải là hành động thực sự.

c) Lòng vị tha vô tư, lòng kiên trinh bất khuất là nền tảng của phẩm chất người anh hùng. Càng luận là thước đo giá trị người anh hùng.

d) Từ chủ nghĩa anh hùng yêu nước phong kiến, Nguyễn Đình Chiểu đã dần dần chuyển sang chủ nghĩa anh hùng yêu nước kiểu nông dân, mặc dầu còn giữ ít nhiều hình thức phong kiến. Đó là dấu hiệu biến chuyển về chất trong quan niệm của ông.

6 - 1972

QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC TRONG Y HỌC VÀ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

NGUYỄN ĐỨC SỰ

NGUỖYỄN ĐÌNH CHIỀU đã để lại cho chúng ta một di sản tinh thần hết sức quí báu. Từ trong di sản ấy, chúng ta thấy bên cạnh những tình cảm, những suy tư chan chứa lòng thương dân yêu nước, còn có những kiến giải về y học. Và qua những kiến giải đó, ông đã thể hiện rõ ràng quan điểm triết học của mình. Ở đây, ông đã đề cập đến sự tồn tại và vận động của những hiện tượng tự nhiên có liên quan đến bệnh lý và xác định thái độ của con người trước những hiện tượng tự nhiên ấy. Có thể nói quan điểm triết học này là một bộ phận hợp thành trong thế giới quan của Nguyễn Đình Chiểu. Nó không tách rời những quan điểm khác, nhất là không tách rời chủ nghĩa yêu nước, một ánh lửa rực rỡ hào quang trong thơ văn của ông.

Chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn đình Chiểu khác nào như một dung dịch thẩm thấu trong toàn bộ sự

phát biểu của ông về y học. Riêng trong cuốn *Ngự Tiều vấn đáp*, những nhân vật mà ông sáng tạo ra đã quyết tâm bước vào y học với một tình thương dân yêu nước vô hạn. Họ trau dồi nghề y và những quan điểm triết lý của y học không tách rời những tình cảm qui báu ấy. Nhưng giữa chủ nghĩa yêu nước và những kiến thức y học của Nguyễn Đình Chiểu phải chăng chỉ có liên hệ với nhau về mặt tình cảm hay còn có những nét chung về mặt cơ sở triết lý, về mặt lập trường và quan điểm xem xét sự vật? Đó là vấn đề cần được giải đáp trên tiến trình đi sâu thêm vào việc nghiên cứu thể giới quan của Nguyễn Đình Chiểu.

Với bài viết nhỏ này, chúng tôi muốn đề cập tới vấn đề đó, thông qua việc trình bày nội dung quan điểm triết học trong y học và chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, chứ không có ý định chứng minh rằng đối với ông thì quan niệm y học qui định chủ nghĩa yêu nước hay ngược lại.

Mấy quan điểm triết học trong y học.

Những kiến giải về y học của Nguyễn Đình Chiểu được trình bày trong một số tác phẩm của ông tuy ngắn gọn và bao gồm phần nhiều là những kiến thức phổ thông nhưng lại chịu sự chi phối của một quan điểm triết học nhất định. Đó là điểm đặc sắc của Nguyễn Đình Chiểu trong lĩnh vực y học. Cho nên, không phải là ngẫu nhiên mà ông chú ý nêu bật những nét chính của quan điểm triết học đó từ chương «*Tìm tòi tinh túy*» và «*Trích yếu luận về âm dương*» là những chương đầu tiên của tác phẩm *Ngự Tiều vấn đáp*.

Ở các tác phẩm có nội dung y học của Nguyễn Đình Chiểu đã bộc lộ rõ những quan niệm biện chứng, nhất

là quan niệm về mối quan hệ thống nhất và đối lập của các hiện tượng tự nhiên có liên quan đến bệnh lý và sinh lý con người. Mối quan hệ ấy được diễn tả rõ ràng khi ông đề cập đến hai khái niệm âm dương. Ông viết:

« Nhưng âm dương thủy hỏa lại cùng từ một gốc mà ra. Bởi chúng cùng ra từ một gốc mà không lia nhau, cho nên âm dương lại đều làm gốc lẫn cho nhau.

Âm gốc ở dương;

Dương gốc ở âm;

Không dương thì âm không lấy gì mà sinh;

Không âm thì dương không lấy gì mà hóa;

Theo dương mà dẫn âm;

Theo âm mà dẫn dương;

Đều tìm loài nó mà xét cùng gốc nó vậy » (1).

Thế là Nguyễn Đình Chiểu khẳng định rằng âm và dương có quan hệ thống nhất với nhau, nương tựa lẫn nhau và làm gốc rễ cho nhau. Nhưng giữa âm và dương không chỉ có mặt thống nhất ấy. Ông còn nhấn mạnh một cách thích đáng vào sự đối lập của chúng:

Hỡi ơi! Đời lắm tục công,

Lẽ âm dương tốt chẳng thông ắt làm.

Âm phản dương, dương phản âm,

Cang cực thời biến, cổ cầm lẽ thường (2).

Theo Nguyễn Đình Chiểu, sự thống nhất và đối lập ấy không chỉ thể hiện trong quan hệ âm dương mà còn thể hiện cả trong sự « thắng phục » và sự tác động lẫn nhau giữa chính khí và tà khí. Biết được sự « thắng phục » giữa chính khí và tà khí là một

(1) *Ngư Tiểu văn đáp y thuật*, Phan Văn Hàm chú thích, Nxb. Tân Việt, Sài-gòn, 1952, tr. 74.

(2) *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Văn học, H., 1971, tr. 421.

điều kiện cần thiết để tiến hành trị bệnh. Ông quan niệm chính khí là « nguyên tinh nguyên khí » trong cơ thể làm cơ sở cho sự sống của con người. Đồng thời, trong tự nhiên, chính khí là cái khí trong lành hợp với thời vận và có ích cho sức khỏe. Cái khí ấy tồn tại trong khoảng không mà « dưới là ngũ nhạc trên là tam quang ». Trái lại, tà khí là những khí độc trái thường, « khí vận bất tề », là khí « lục dâm » ở trong trời đất, có tác dụng gây ra bệnh tật cho con người. Ông vẫn thường nói :

*Đến chừng biện các khí tà,
Bệnh người mới cảm gọi là trúng thương.
Sách nêu chữ « trúng » chữ « thương ».
Cho hay khí độc không thường người suông.
Lắm cơn mưa gió lòng tuồng,
Núi, dâm, khe suối, dọc đường hơi bay.
Bằng ai gặp ấy chẳng may,
Chứng nào thuốc nấy nhờ tay thầy điều (1).*

Có thể nói chính khí và tà khí đã phát sinh tác dụng hoàn toàn trái ngược nhau đối với sự tồn tại của sinh mệnh con người và của hết thảy mọi sinh vật. Hai thứ khí ấy không dung hòa với nhau mặc dù vẫn tồn tại bên nhau. Đứng trước sự đối lập đó, Nguyễn Đình Chiểu yêu cầu thái độ của người thầy thuốc chân chính là phải bồi bổ và phát huy chính khí, hạn chế và ngăn chặn tác hại của tà khí.

Quan niệm về tính mâu thuẫn của các hiện tượng bệnh lý và các hiện tượng tự nhiên của Nguyễn Đình Chiểu đã quán triệt cả trong sự lý giải của ông về ngũ hành. Ông nhận thấy các hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, và mối liên hệ sinh, khắc, thừa, chế của chúng có một

(1) Sách ấ dẫn, tr. 400.

nội dung phong phú đủ để thấu tóm hết thấy các sự vật và quan hệ của các sự vật trong trời đất. Cho nên :

Ai mà rõ lẽ ngũ hành,

Việc trong trời đất giữ lành trước hay (1).

Nhưng điều đáng chú ý là qua sự tác động phức tạp và nhiều mặt giữa các hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, Nguyễn Đình Chiểu đã quan tâm đầy đủ đến tính chất chống đối và lẫn át lẫn nhau của chúng. Điều đó được ông nói lên bằng các khái niệm « tương khắc », « tương thừa », tức những khái niệm thường dùng để diễn đạt tính mâu thuẫn trong quan hệ của ngũ hành.

Tính mâu thuẫn đó càng được Nguyễn Đình Chiểu coi trọng khi ông đề cập đến sự biến đổi của thời tiết, khí hậu và của các hiện tượng bệnh lý. Chính sự vận chuyển nối tiếp trong thời gian của âm dương, ngũ hành và của thời khí đã bộc lộ sự xung đột giữa cái đang tồn tại và làm chủ sự vật, đang thắng thế và thành công, với cái mới ra đời, cái sắp tới. Ông cho rằng cái đang tồn tại phát triển đến tột mức và đến chỗ thái quá gọi là « cang cực » thì nó sinh biến và nhường vị trí cho cái mới tiến lên. Cái mới này sẽ thừa tiếp cái đã qua và giành lấy địa vị tồn tại. Vì thế ông đã nói :

« Ngày đông chí, âm thịnh đến cực điểm thì dương sinh ra để tiếp nó. Âm thịnh ấy tức là « cang thì hại », dương tiếp nó mới dè nó đi.

Ngày hạ chí, dương thịnh đến cực điểm thì âm sinh ra để tiếp nó. Dương thịnh ấy tức là « cang thì hại », âm tiếp nó mới dè nó đi ». (2)

Để khẳng định thêm tính chất đó, ông đã nhắc lại lời của Triệu Quán : « Đó là chuyện cái sắp tới thì tiến lên,

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đđ., tr. 308.

2. *Ngữ Tiểu văn đáp y thuật*, đđ., tr. 71.

cái thành công rồi thì lui xuống». Như vậy là trên dòng suối của sự vận động, không một sự vật và một quá trình nào là cố định và bất biến cả. Bởi vì số phận và sự tồn tại của chúng đều bị chi phối bởi những nguyên tắc phổ biến như « vật tốt thời phản », « cang cực thời biến », « hết cùng lại thông ». Những nguyên tắc ấy đã được Nguyễn Đình Chiểu luôn luôn nhắc tới trong thơ ca của mình :

*Cho hay chỗ diệu hóa còng
Trong động có linh, hết cùng lại thông.
Suy ra lẽ ấy cả dòng,
Vật tốt thời phản, vốn không tốt hoại.
Lẽ đâu cang hại đặng dai,
Đến khi cang cực nghiêng vai chịu cầm (1).*

Đó là những nguyên tắc nói lên tính chất biện chứng của quá trình vận động và biến hóa của sự vật, một quá trình chứa đầy mâu thuẫn ở bên trong.

Với Nguyễn Đình Chiểu, mọi sự vật trước hết là những sự vật có liên quan đến bệnh lý không những ở trong trạng thái biến động như vậy mà còn tỏ ra muôn màu nghìn vẻ đúng như ông đã nói :

*Khi hậu Nam Bắc có phân biệt,
Thiên thời có rét, nắng đổi thay.
Phủ bầm có kẻ mỏng người dày,
Mắc bệnh có kẻ lâu người mới (2).*

Và nói riêng trong lĩnh vực bệnh lý thì điều đó lại càng thể hiện một cách rõ ràng đến nỗi ông phải kêu lên :

*Hỡi ôi ! Bệnh biến khôn lường
Dị thường trong lại dị thường biết bao (3).*

1. và 3. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*. đđ., tr. 419, 437.

2. *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, đđ., tr 44.

Sự vận động biến hóa và tinh muồn về của thế giới khách quan một khi đã phản ánh vào đầu óc con người thì ý thức và tư duy của con người không thể cứ cứng nhắc và rập khuôn mãi mãi được. Con người phải làm cho tư duy và mọi hoạt động nhận thức của mình trở nên linh hoạt và mềm dẻo thì mới có thể nắm được sự biến đổi của sự vật khách quan. Trong lĩnh vực y học, những hiện tượng tâm sinh lý và bệnh lý càng tỏ ra thiên biến vạn hóa và biểu hiện thành những chứng bệnh vô cùng phức tạp. Vì vậy hoạt động nhận thức của người thầy thuốc càng cần phải linh hoạt, nghĩa là phải biết « tòng quyền » thì mới mong phản ánh được bản chất của chứng bệnh. Cho nên, Nguyễn Đình Chiểu hết sức đề cao nguyên tắc thông biến trong chẩn đoán và điều trị. Ông đòi hỏi người thầy thuốc « muốn rộng chước y, bệnh thường bệnh biến phải suy cho tường»; và :

*Dùng thời thông biến làm trên,
Chẳng nên chấp nhất, chẳng nên hiểu kỳ (1).*

Quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về tính chất bệnh chứng trong quá trình vận động của sự vật cũng như về tính linh hoạt của tư duy con người như trên đã nói là có nguồn gốc xa xôi từ những tư trào triết học cổ đại Trung-quốc. Trong số những tư trào ấy, Nguyễn Đình Chiểu chịu ảnh hưởng nhiều nhất của lý thuyết biến dịch trong *Kinh dịch* (2), của thuyết âm dương ngũ hành và thuyết tinh khí. *Kinh dịch*, một bộ sách

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, tr. 480.

2. *Chu dịch* là một bộ sách gồm 2 phần: *Kinh dịch* và *Truyện dịch*. Phần *Kinh dịch* gồm các quẻ, quái từ, hào từ. Theo sử chép thì *Kinh dịch* gốc từ Ân, Chu. Còn *Truyện dịch* do người đời sau làm ra để giải thích *Kinh dịch*. *Kinh dịch* cũng được coi là một bộ sách trong Ngũ kinh của Nho học.

triết lý rất cổ của người Trung-quốc đã đề cập đến âm dương và những nguyên tắc về sự biến dịch của sự vật. Còn khái niệm ngũ hành có thể tìm thấy từ thiên *Hồng phạm* (1) của *Kinh thư*. Đến thời Chiến - quốc và Tần, Hán, thuyết âm dương ngũ hành đã phát triển tới mức cao. Sách *Kinh dịch* cũng được nhiều nhà tư tưởng thời này giải thích và phát huy. Đồng thời các nhà tư tưởng thời Chiến - quốc nhất là phái Tống Doãn(2) đã bàn nhiều đến thuyết tinh khí. Có thể nói vào thời này, những lý thuyết triết học ấy được ứng dụng một cách rộng rãi để giải thích các hiện tượng tự nhiên và hiện tượng xã hội. Riêng trong phạm vi sử dụng những lý thuyết triết học ấy để giải thích giới tự nhiên thì khuynh hướng biện chứng chất phác và duy vật thô sơ giữ vai trò chủ đạo. Chính khuynh hướng đó là cơ sở cho sự phát triển của tri thức khoa học tự nhiên và nhất là y học ở Trung-quốc lúc đương thời và mấy nghìn năm về sau. Sự ra đời của cuốn *Hoàng đế nội kinh* (3) và các tác phẩm y học khác của Trung-quốc không tách rời khuynh hướng đó mà còn làm cho khuynh hướng đó phát triển và phong phú thêm.

Nguyễn Đình Chiểu tiếp thu ảnh hưởng của *Kinh dịch*, của thuyết âm dương ngũ hành và thuyết tinh khí chủ yếu là thông qua việc nghiên cứu y học của mình. Đây

1. *Hồng phạm* là một thiên của *Kinh thư*. Theo Tư Mã Thiên nói trong *Sử ký Chu bản kỷ* thì Cơ Tử làm thiên này, nhưng theo sự khảo chứng của các học giả gần đây thì đó là tác phẩm của các nhà âm dương ngũ hành thời Chiến-quốc.

2. Học phái Tống Doãn là học phái duy vật thời Chiến-quốc do Tống Kiên và Doãn Văn làm đại biểu.

3. *Hoàng đế nội kinh* là một tác phẩm kinh điển tiêu biểu nhất của nền y học cổ đại Trung-quốc. Tác phẩm xuất hiện khoảng cuối thời Chiến-quốc đến Tần Hán.

là sự tiếp thu có gan lọc và được nhào nặn lại cho phù hợp với yêu cầu tư tưởng của ông. Chẳng hạn như nền y học Trung-quốc với các tác phẩm kinh điển của nó khi đề cập đến sự tác động qua lại của âm dương ngũ hành thì thường nhấn mạnh đến mặt hài hòa, cân đối, nương tựa lẫn nhau của chúng và coi đó như là nền tảng của sức khỏe và sinh mệnh con người. Trái lại, Nguyễn Đình Chiểu tuy có quan tâm đầy đủ đến mặt thống nhất đó của âm dương ngũ hành nhưng ông lại chú trọng khai thác mặt mâu thuẫn, xung khắc lẫn nhau của chúng. Riêng đối với *Kinh dịch*, ông chú ý nhiều nhất đến những nhân tố biến chứng với những nguyên tắc về sự biến dịch trong đó. Ông coi những nguyên tắc ấy là cơ sở của y học. Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà ông đã nói :

*Đạo y nửa ở « Dịch kinh »,
Chưa thông lẽ Dịch chớ bình chương y. (1)*

Nhưng dù Nguyễn Đình Chiểu có phát huy mặt tích cực của các lý thuyết triết học nói trên như thế nào đi nữa thì ông cũng không thể khắc phục được những hạn chế và thiếu sót của các lý thuyết đó. Ví dụ, khi đề cập đến mối liên hệ mâu thuẫn của các sự vật, ông mới nhìn thấy những đường nét bề ngoài của quy luật ấy, chứ chưa thực sự hiểu hết mọi tác động phức tạp của nó với tư cách là động lực của sự tự thân vận động. Do đó, ông xem vận động như là sự di chuyển đơn giản, tuy có lên, có xuống, có thịnh, có suy, có chuyển từ cái này sang cái khác nhưng cuối cùng vẫn quay trở lại theo luật tuần hoàn. Đó là sự giới hạn mà những điều kiện lịch sử đương thời ở nước ta chưa cho phép ông vượt qua.

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đd., tr. 373.

Tuy nhiên vào nửa cuối thế kỷ XIX, những nguyên tắc về sự vận động và biến hóa của *Kinh dịch*, những thuyết âm dương ngũ hành, vận khí không còn giữ vai trò tiến bộ ngay cả trong lĩnh vực giải thích các hiện tượng tự nhiên nữa. Và lại ở nước ta lúc này, Tự Đức và các triều thần càng làm cho nó trở nên thần bí. Trong khi đó, nền khoa học kỹ thuật và những quan điểm triết học mới mẻ của phương Tây đã bắt đầu thâm nhập vào các nước phương Đông cổ kính. Đứng trước những tri thức khoa học và triết học như vậy, nó càng trở nên lỗi thời. Song ở Nguyễn Đình Chiểu, thì những mặt lành mạnh tích cực của nó được làm sống lại trong một tâm hồn trong trẻo, đối lập hẳn với những khuynh hướng tư tưởng phản động của giai cấp phong kiến thống trị đang chìm ngập trong vũng bùn của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa định mệnh. Và chẳng lúc ấy, khoa học và triết học phương Tây chưa bèn rẽ trên đất nước ta, thì những quan điểm triết học mà ông phát biểu trong phạm vi y học còn tỏa ra được những ánh sáng trên vòm trời tư tưởng Việt-nam lúc đương thời.

Theo Nguyễn Đình Chiểu thì mọi hiện tượng và mọi quan hệ biện chứng của tự nhiên đều thể hiện trong cơ thể con người. Chính cơ thể con người là hình ảnh thu nhỏ lại của giới tự nhiên. Quan niệm đó không khỏi có liên hệ với một mệnh đề thường được nhắc tới trong nền y học Trung-quốc cổ đại là: « Con người là một trời đất nhỏ ». Ông đã nhiều lần khẳng định quan niệm đó trong thơ ca của mình :

— *Dạy rằng : Muốn thấy phép linh,
Coi chừng trời đất trong hình người ta* (1).

— *Thấy trời đất ở trong mình người ta.*

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đ.d., tr. 386.

*Cho hay máy tạo chẳng xa,
 Âm dương qua lại trở già trong thân (1).*

Nếu trong giới tự nhiên, mọi sự vật đều chuyển vận và biến hóa theo lẽ trời, theo những quy tắc của trời đất như « vật cực thời phản », « cang cực thời biến », « tương khắc tương sinh », v. v..., thì sự hoạt động của các bộ phận trong cơ thể con người cũng không ra ngoài những quy tắc ấy. Do đó con người khỏe mạnh hay ốm đau là tùy thuộc vào những quy tắc ấy. Vì đó là những quy tắc không những chi phối mọi hiện tượng của trời đất mà còn chi phối cả hoạt động sinh lý và bệnh lý của con người. Hơn nữa sự thọ yểu, sống chết của con người còn phục tùng những quy tắc về sự diễn biến nội tại của cơ thể. Ví dụ quy tắc về « thiên quý » nói rõ quá trình phát triển và suy sụp của hoạt động sinh lý con người phụ thuộc vào năm tháng. Sự phụ thuộc đó có tính tất yếu mà con người không thể cưỡng lại được. Rõ ràng là khi con người tuổi càng cao, « thiên quý » càng sút kém thì chỉ có già yếu đi và càng gần đến chỗ chết chứ không thể nào trở lại cường tráng như hồi niên thiếu được nữa. Chính vì thế mà Nguyễn Đình Chiểu phê phán sự « tu tiên » cầu trường sinh bất lão của Đạo giáo và ông chủ trương :

*Vậy thà theo lẽ an phần,
 Trăm năm chờ mạng trong thân có trời (2).*

Điều đó chứng tỏ sinh mệnh của con người bị chi phối bởi những quy tắc của tự nhiên chứ hoàn toàn không nhằm chứng minh cho đức tính cầu an cam chịu của con người trước thiên mệnh và trước những ngang

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đd., tr. 387.

2. *Sách đã dẫn*, tr. 371.

trái của cuộc đời như một số người nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu ở vùng tạm chiếm miền Nam Việt-nam đã giải thích. Cho nên Nguyễn Đình Chiểu cho rằng sứ mệnh của người thầy thuốc chính là tuân theo lẽ trời mà cứu người, là « thờ theo trời đất một lòng hiếu sinh » và « giúp sống dân là trọn lẽ trời ».

Như vậy « cái lẽ trời » đó tồn tại một cách thực sự chứ không phải là sản phẩm của một ý chí tuyệt đối, một ý niệm thượng đế nào và càng không phải là sản phẩm của thế giới nội tâm con người. Tinh khách quan của cái lẽ trời đó đã được Nguyễn Đình Chiểu vận dụng để trình bày sự vận động của khí hậu, thời tiết, sự thịnh suy của sức khỏe con người, đề cắt nghĩa mọi nguyên nhân gây bệnh và trên cơ sở đó, nêu ra những cách thức chữa bệnh phù hợp với quy tắc của thiên nhiên và sinh lý nhân thể.

Ông khẳng định rằng con người cần phải tìm hiểu cái lẽ của trời đất, cái quy tắc của tạo hóa đã chi phối bệnh lý con người. Muốn đi sâu vào y học thì không thể không nắm vững những quy tắc ấy, bởi vì ông đã nói :

*Xét trong tâm hướng âm dương,
Mây trời xây bủa bốn phương năm hành (1).*

Chính trên cơ sở những quy tắc phổ biến ấy mà ông đòi hỏi người thầy thuốc phải đi sâu tìm hiểu những hiện tượng tự nhiên có liên quan đến sức khỏe và bệnh tật con người :

— *Muốn làm thầy đặng chữ « lương »
Bệnh trong tạng phủ phải lường thật hư (2).*

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, dd., tr. 373.

2. *Sách đã dẫn*, tr. 307.

— Dẫn rằng : Trời bốn khi thường,
Xuân ôn, hạ nhiệt, thu lương, đông hàn.
Theo mùa dùng thuốc mới an,
Mùa nào khi ấy phải toan nhớ giờ (1).

Với Nguyễn Đình Chiểu, y học không những là một ngành hoạt động có ích cho loài người mà còn là một lĩnh vực sâu rộng của tri thức. Vì vậy bất cứ một người nào bước vào lĩnh vực này đều phải dày công tìm hiểu. Muốn thế phải khiêm tốn học hỏi mọi người, phải dựa vào kinh sách, phải kết hợp học với hành, đúng như ông đã nói :

— Gắng công học thuốc làm thầy cho tinh.
Đọc thư chẳng khá lênh chệnh,
Một phoi mười lạnh, đối mình biết chi.
Dùng phương gẫm lại xét đi,
Chẳng nên lảo đảo, một khi lấy rồi (2).

— Học rồi phải tinh đến hành,
Làm đừng nhứt nhát mà danh chẳng tròn (3).

— Chỗ nào sót ý, phân âu xét bản.
Miễn cho thấy đạo rõ ràng,
Chớ e hỏi dưới ngõ ngang hồ người (4).

Nhưng theo Nguyễn Đình Chiểu, sự tìm tòi học hỏi của người thầy thuốc, phải đi cho tới ngọn nguồn, tới chỗ huyền diệu u vi nhất của y học và phải biết nắm lấy những vấn đề cốt yếu, then chốt nhất trong lĩnh vực này. Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà ông đã nhắc lại câu nói nổi tiếng của sách *Nội kinh* :

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đd., tr. 330.

2. *Sách đã dẫn*, tr. 502.

3. *Sách đã dẫn*, tr. 482.

4. *Sách đã dẫn*, tr. 363.

*Biết được điều cốt yếu thì chỉ một lời là đủ ;
Không biết chỗ cốt yếu thì man mác vô cùng (1).*

Nguyễn Đình Chiểu quan niệm rằng người thầy thuốc muốn tinh thông trong lĩnh vực của mình và làm được đúng chức năng trị bệnh cứu người thì không những phải dày công học tập mà còn phải tu dưỡng đạo đức. Ông đã nêu ra một số khái niệm về sự tu dưỡng đạo đức như « đạo tâm », « vi thiện », « nêu ngay bóng thẳng », « mặt to lòng nhỏ, tri tròn nét vuông ». Mấy khái niệm đó được ông coi là những bó đuốc soi sáng nhận thức và hành vi của người thầy thuốc. Nhờ đó người thầy thuốc có thể đi đúng hướng và tìm tòi được « nguồn sạch dòng trong » của y học. Ông vạch ra rằng :

*Hỡi ơi ! nghề thuốc lắm khoa,
Kể ra hết sách nói ra bừa thùa.
Sách nhiều mà lý càng thưa,
Phương nhiều mà phép so xưa lỗi dòng.
Muốn cho « nguồn sạch dòng trong »
« Nêu ngay bóng thẳng » ghi lòng lời ta ! (2)*

Tuy nhiên, Nguyễn Đình Chiểu thường nhấn mạnh nhiều vào những phẩm chất xoay quanh quan điểm phục vụ nhân dân của người thầy thuốc. Ông đòi hỏi người thầy thuốc phải xa lánh sự cám dỗ của lợi dục và lấy việc cứu giúp người, trước hết là cứu giúp người nghèo làm mục đích. Muốn thế người thầy thuốc phải « vi thiện », phải làm cho « tâm hồn » trong sạch, phải :

*Trọn mình noi nghĩa ở nhân,
Bo bo giữ việc ra ân làm lành.
Bệnh nào cho thuốc chẳng lành,
Nhỏ lòng lo sợ, xét mình phải chẳng.*

1. *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, dd., tr. 40.

2. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, dd., tr. 334.

Vốn không theo thói tham nhàn,
 Nhân khi bệnh ngặt đòi ăn của nhiều.
 Cũng không ghé mắt coi dè,
 Chỗ giàu trân trọng, chỗ nghèo đảo điên.

Thấy người đau giống mình đau,
 Phương nào cứu đặng mau mau trị lành (1)

Có thể nói Nguyễn Đình Chiểu coi việc tu nhân tích đức, xác định lập trường phục vụ nhân dân làm gốc cho việc trau dồi nghề nghiệp và phát triển tài năng của người thầy thuốc. Gốc có vững thì cây mới chắc, cành lá mới tốt tươi. Người thầy thuốc có chăm lo điều gốc thì mới có ích cho xã hội. Đó là quan điểm y học « vị nhân sinh » đối lập hẳn với chủ nghĩa ích kỷ vị lợi hòng dùng y học làm công cụ phục vụ cho lợi ích cá nhân của một số thầy lang đương thời. Ông đã lấy quan điểm đó làm tiêu chuẩn để phê phán những thầy thuốc thầy pháp, thầy chùa vô lương tâm giả dối và tham lam.

Do đó, ở Nguyễn Đình Chiểu, những khái niệm đạo đức trên đây chỉ có ý nghĩa chỉ đạo những hoạt động chuyên môn về y học, chứ không hề phủ nhận đối tượng của nhận thức và xem cái tâm là bản nguyên của mọi sự vật. Bởi vì trong thực tế, ông luôn luôn khẳng định sự tồn tại khách quan của các hiện tượng tự nhiên trong trời đất, cả trong lĩnh vực bệnh lý và sinh lý con người. Những hiện tượng đó có nguồn gốc từ trạng thái khí, trước hết là hai khí âm dương và những yếu tố vật chất cơ bản trong trời đất như kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Ở đây, Nguyễn Đình Chiểu cũng chịu ảnh hưởng của những quan điểm triết học trong nền y học Trung-quốc

(1) Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, dd., tr. 361.

cổ truyền, ví dụ như quan điểm về sự thống nhất giữa tự nhiên và cơ thể con người, về vai trò của cái cốt yếu trong nhận thức y học. Thế nhưng, điều đáng chú ý hơn là về mặt này ông đã kế thừa những tinh hoa của truyền thống dân tộc trong lĩnh vực y học mà Hải Thượng Lãn Ông là một trong những người đại biểu cho truyền thống đó. Lãn Ông và nhiều nhà y học Việt-nam xưa kia đã nêu cao sự ứng biến linh hoạt, sự tập trung vào điểm cốt yếu của tư duy con người trong y học; đã khẳng định mối liên hệ khăng khít giữa cơ thể con người và giới tự nhiên xung quanh; đặc biệt đã coi « y đức » là nền tảng của nghề làm thuốc, là bài học vỡ lòng của bất cứ người nào bước vào nghề này. Chính Nguyễn Đình Chiểu trong khi phát biểu những quan điểm của mình về y học đã tiếp tục phát huy những giá trị tư tưởng đó của các thế hệ trước.

Như vậy là những quan điểm triết học nói trên của Nguyễn Đình Chiểu, nhất là quan điểm biện chứng về sự vận động mâu thuẫn của sự vật, về tính khách quan của những quy tắc tự nhiên, về những tiêu chuẩn đạo đức chỉ đạo hành vi của con người v.v... đã thể hiện thông qua các vấn đề và các khái niệm của y học. Ông chưa có dịp phát biểu quan điểm triết học đó một cách tổng quát. Thế nhưng tinh thần của những quan điểm triết học đó thì biểu hiện trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu ở bất cứ lĩnh vực nào kể cả trong chủ nghĩa yêu nước của ông.

Chủ nghĩa yêu nước và cơ sở triết lý của nó.

Chủ nghĩa yêu nước và sự hiểu biết về y học của Nguyễn Đình Chiểu là những hiện tượng tư tưởng gắn liền với cuộc đời nặng trĩu lòng thương dân yêu nước của ông. Những hiện tượng tư tưởng đó có liên hệ chặt

chẽ với nhau và là tấm gương phản ánh thời đại của Nguyễn Đình Chiểu, một thời đại mà vấn đề cứu nước và bảo vệ độc lập dân tộc nổi lên hàng đầu. Ở vào thời đại đó, trong lòng xã hội Việt-nam có những biến động sâu sắc và đã bộc lộ ra những mâu thuẫn rõ rệt. Mâu thuẫn giữa chính và tà đã thể hiện trong truyện *Lục Vân Tiên*, thì giờ đây không thể chỉ dừng lại ở sự phân biệt hai hạng người xấu tốt, mà đã đến lúc chứa đựng cả sự đối lập gay gắt giữa bọn thực dân cướp nước và dân tộc Việt-nam. Mâu thuẫn đó với những biến động mau lẹ của thời cuộc không thể không phản ánh vào tâm tư những người thiết tha với vận mệnh của Tổ quốc như Nguyễn Đình Chiểu và để lại dấu ấn trong quan niệm triết học về y học của ông. Do đó, cách xem xét sự vật theo quan điểm mâu thuẫn và biến động trong y học của ông cũng đã quán triệt ở mọi khía cạnh tư tưởng của ông, kể cả khi ông đề cập đến những quan hệ xã hội.

Trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về các vấn đề xã hội đã nổi bật lên sự xung khắc giữa thiện và ác. Và qua sự xung khắc này ông đã biểu thị thái độ yêu ghét của mình một cách hết sức rõ ràng dứt khoát. Ông ghét cay ghét đắng những thói gian tà, những con người độc ác đúng như lời nhân vật ông Quán đã nói trong *Lục Vân Tiên* :

*Quán rằng ghét việc tầm phào,
Ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm (1).*

Nhưng với Nguyễn Đình Chiểu, sự căm ghét đó luôn luôn đi đôi với một tình thương yêu không bờ bến. Ông thương yêu tha thiết những con người trong sạch, ngay thẳng và có tài năng. Đặc biệt tình thương yêu của ông

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đ.d., tr. 76

càng nghiêng về phía đông đảo những người dân lao động lương thiện mà vẫn nghèo khổ. Lòng thương dân ấy không chỉ đọng lại ở những lời cảm thán mà đã biến thành một nguyện vọng muốn thay đổi cuộc sống cơ cực của nhân dân. Cho nên ông đòi hỏi kẻ sĩ :

*Thương dân sao chẳng lập thân,
Đề khi nắng hạ toan phần làm mura (1).*

Lòng thương dân, yêu mến đồng bào, tha thiết với quê hương làng xóm chính là nền móng của chủ nghĩa yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Chủ nghĩa yêu nước đó đã bộc lộ một cách rõ ràng và đầy đủ khi bọn thực dân Pháp giày xéo lên mảnh đất thân yêu của Tổ quốc. Chính lúc này tiếng nói căm thù bọn xâm lược, tiếng nói yêu mến đất nước, yêu mến đồng bào của ông càng da diết sôi nổi hơn bao giờ hết. Trong quan niệm của ông không thể có sự chung sống yên ổn giữa bọn giặc nước và nhân dân ta đang lâm vào cảnh nước mất nhà tan. Ông nhấn mạnh rằng :

*Trời Đông mà gió Tây qua,
Hai hơi ấm, mát chẳng hòa, đau dân (2).*

Đứng trước mối mâu thuẫn gay gắt ấy, thái độ của Nguyễn Đình Chiểu là kiên quyết đứng về phía nhân dân, đứng trên lập trường bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc để chống lại bọn thực dân xâm lược. Ông đã vạch trần tội ác và những thủ đoạn gian trá hung bạo của chúng được trang điểm bằng cái vỏ văn minh khai hóa : « Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng tàn trào gây nợ oán cừu ». Trước mắt ông, bọn chúng chỉ là lũ mọi rợ, « lũ treo dê bán chó », là bọn tanh hôi chỉ gây ra những cảnh tang

1. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đd., tr. 79.

2. *Sách đã dẫn*, tr. 355.

tóc dau thương cho nhân dân. Vì thế ông đã căm ghét chúng « như nhà nòng ghét cỏ ».

Đối với bọn Việt gian bán nước, ông cũng phê phán bằng những lời văn đầy khinh bỉ. Ông coi chúng là « đồ hư, đồ bỏ, đồ thúi, đồ nhờn ». Chúng không những là kẻ hại dân, hại nước mà còn cam tâm sống một cuộc đời đáng xấu hổ :

*Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vĩa lương,
xó bàn độc, thấy lại thêm buồn :
Sống làm chi ở linh mã tà, chia rượu lạt gặm bánh
mì, nghe càng thêm hổ (1).*

Hơn nữa ông còn vạch rõ cái tương lai đen tối của thân phận cá sấu chim mồi của chúng và kêu gọi chúng cải tà quy chính.

Trong sự căm thù sòng sục của Nguyễn Đình Chiểu còn toát lên một sự suy nghĩ về cách thức dùng binh chiến đấu với kẻ thù. Lẽ dĩ nhiên không phải ông dựa vào sự phân tích cụ thể tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch để rút ra những biện pháp tác chiến thích hợp. Mà cái phương pháp nhận thức và giải quyết vấn đề một cách mềm dẻo không cứng nhắc đã được ông nhấn mạnh trong y học thì giờ đây lại xuất hiện khi ông đề cập đến cuộc chiến đấu chống xâm lược. Ông quan niệm rằng trị bệnh phải trị từ gốc thì chống giặc phải chống từ ngoài bờ cõi chứ không để cho chúng vào tận trong sân, trước ngõ mới đánh. Và ông đặc biệt quan tâm đến vai trò của người tướng chỉ huy. Ông thường nói,

*Tâm của lương y tức là lương tướng vậy.
Mà phép dùng thuốc tức là phép dùng binh đánh
giặc.*

1. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, đd., tr. 253.

Bình có khi đánh thắng có khi lừa mẹo,

Bình không luyện sẵn không thể biết cách đánh trận (1).

Với một quan niệm linh hoạt về phương thức tác chiến như vậy, Nguyễn Đình Chiểu đã coi trọng cuộc chiến đấu chống giặc của nhân dân nhiều hơn là những trận đánh Pháp do triều đình tổ chức.

Càng căm thù quân xâm lược và bọn tay sai của chúng bao nhiêu Nguyễn Đình Chiểu càng quý trọng những « anh hùng thà thác chẳng đầu Tây » như Trương Định, Phan Tônng bấy nhiêu. Đặc biệt ông rất thương yêu trân trọng những người dân nghèo đã đứng lên bảo vệ Tổ quốc. Nếu trong y học ông đã đề cao việc phục vụ nhân dân, trước hết là dân nghèo, thì trong cuộc kháng chiến chống xâm lược ông càng ca ngợi nhiệt liệt vai trò của những người dân « côi cút làm ăn, toan lo nghèo khó ». Đó là những con người chiến đấu dũng cảm. Dù họ có những hy sinh tổn thất, nhưng họ đã để lại một tấm gương chói lọi có tính chất anh hùng ca : « *Chi nhọc quan quân gióng trống kỳ trống giục, đập rào lướt tới coi giặc cũng như không ; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà, ma ní hồn kinh ; bọn hè trước lũ ó sau, trời kệ tâu thiếc, tàu đồng súng nổ » (2).*

Nguyễn Đình Chiểu thường gọi cái thời buổi mà quân xâm lược và bọn gian ác tham những hoành hành là

1. *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, đđ., tr.32.

2. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đđ., tr, 252.

thời buổi « hơi tà giăng bủa khắp nơi ». Còn nhân dân lương thiện nặng lòng yêu nước, những người ngay thẳng trung nghĩa được ông xem là dấu hiệu của chính khí. Mâu thuẫn giữa chính và tà ở đây là mâu thuẫn gay gắt quyết liệt. Tất cả cuộc đời và sự nghiệp của ông đều cống hiến cho việc cổ võ chính khí, ngăn chặn tà khí. Cho nên ông vô cùng đau buồn khi thấy cái cảnh :

*Hơi chính ngàn năm về cụm núi,
Thói tà bốn biển động vàng mây (1).*

Có thể nói, quan niệm về mâu thuẫn của sự vật với lập trường ủng hộ nhân dân, ủng hộ chính khí của Nguyễn Đình Chiểu đã quán triệt không những trong quan niệm y học mà cả trong chủ nghĩa yêu nước của ông.

Nói đến chính khí trong phạm vi chủ nghĩa yêu nước và trong khuôn khổ của các quan hệ xã hội, Nguyễn Đình Chiểu đã chịu ảnh hưởng của bài *Chính khí ca* của Văn Thiên Tường đời Tống (2). Cũng như Văn Thiên Tường, ông đã ca ngợi những anh hùng nghĩa sĩ giữ trọn được tiết tháo và làm nên những công tích phi thường. Và qua những tấm gương trung liệt đó ông đã khẳng định :

*Ấy đều hơi chính vấn vương,
Người làm oanh liệt một trường dấu ghi.
Đời suy người triết phù tri,
Nêu câu « thiên trụ địa duy » vững vàng (3).*

(1) *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đđ., tr. 291

(2) Văn Thiên Tường là vị anh hùng dân tộc của Trung-quốc cuối triều Tống. Sau khi nhà Tống mất, ông khởi binh, định khôi phục lại đất nước, nhưng ông bị quân Nguyên bắt được và đã chết một cách bất khuất.

(3) Sách đã dẫn, tr. 465.

Do những hạn chế của lịch sử, Nguyễn Đình Chiểu chưa thấy được thực chất của quan hệ giai cấp và quan hệ dân tộc, nên không thể tìm ra được con đường giải phóng đúng đắn như chúng ta ngày nay. Nhưng đứng trước mâu thuẫn giữa chính và tà, giữa bọn đế quốc xâm lược và dân tộc ta, ông đã có một quan niệm rạch ròi dứt khoát. Ông không hề có ý định hòa hoãn mâu thuẫn đó để cho những người lương thiện, những người dân mất nước phải sống cơ cực tủi hổ. Bao giờ ông cũng đề cao chính khí chống lại gian tà. Và ông đã khẳng định sự cần thiết phải trừ bỏ gian tà, phải đánh đuổi bọn xâm lược để giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu, điều đó sáng rực như ánh mặt trời. Song một số các nhà học giả ở vùng tạm chiếm miền Nam Việt-nam đã không thừa nhận điều đó. Họ giải thích tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu nhằm biến ông thành một nhà thi sĩ chỉ biết kêu gọi « lòng bác ái » giữa mọi người, bất kể là thiện hay ác, chính hay tà. Kỳ thực những kiến giải của họ chỉ có ích cho sự chứng minh rằng cái chế độ thực dân kiêu mới ở miền Nam Việt-nam cần được duy trì và trong đó « con người biết ở đúng chỗ, trật tự sẽ không đảo lộn » (1). Nhưng điều mà họ nghĩ không phù hợp với chiều hướng tiến lên của lịch sử. Bởi vì chế độ thực dân kiêu mới đó với sự xâm lược của đế quốc Mỹ đã đến lúc bị nhân dân Việt-nam anh hùng đánh bại.

Nguyễn Đình Chiểu đứng trong hàng ngũ của nhân dân yêu nước, luôn luôn chăm lo điều thiện, cho nên dù chưa nắm được qui luật phát triển khách quan của xã hội Việt-nam, nhưng vẫn có một niềm tin trong sáng

(1) Trong bài *Thông điệp của một thi nhân* của Phạm Đình Tân, tuần báo *Văn đàn* số 37 — 38, tháng 7-1962.

và chân thành vào tương lai của đất nước và sự thắng lợi của chính nghĩa. Ông khao khát trông đợi ngày giải phóng nhân dân khỏi nanh vuốt quân thù như « hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió Đông ». Và ngay trong những ngày đen tối nhất của lịch sử, khi mà quân thù đã chiếm cứ nhiều vùng đất đai của Tổ quốc, ông vẫn còn thiết tha hy vọng :

*Ngày nào trời dất an ngôi cũ,
Mình thấy non sông bật gió Tây (1).
Một trận bão rồi bờ cõi sạch
Trời thu như cũ mãi không hao (2).*

Niềm hy vọng đó trở thành hiện thực thi nhân dân sẽ được yên vui, những người hiền tài, trung nghĩa sẽ có dịp phò đời giúp nước, làm rạng rỡ tên tuổi của mình đúng như nhân vật Ngự ông đã nói :

*Ngự rằng : gặp thuở thái hanh,
Bọn ta cũng dựng rạng danh nước nhà (3).*

Niềm hy vọng ở ngày mai như một tia nắng ấm áp trong chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu. Nó làm cho ông thêm lạc quan yêu đời, yêu nước hơn. Nó đã từng nhen nhóm trong lòng ông những ước mơ thoát khỏi cảnh mù lòa. Ông đã thực hiện ước mơ ấy ở sự sáng mắt trở lại của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kỳ Nhân Sư. Nhưng ước mơ của ông không chỉ hạn chế ở sự giải thoát cho cá nhân mình mà còn bao gồm cả sự giải thoát cho cả mọi người. Chính vì thế mà ông đã nhấn mạnh :

-
- (1) *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đđ., tr. 291.
 (2) *Sách đã dẫn*, tr. 229.
 (3) *Sách đã dẫn*, tr. 355.

*Nhớ câu « vạn bệnh hồi xuân »,
Đời ngay lưỡng đợi Đòng quân cứu đời (1).*

Như vậy là sự tin tưởng và hy vọng đã thấm nhuần trong toàn bộ tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Nó không chỉ dừng lại ở những tình cảm thấm thiết của ông đối với quê hương đất nước mà còn ăn sâu trong quan niệm của ông về y học.

Lẽ dĩ nhiên, sự tin tưởng và hy vọng đó bắt nguồn từ quan điểm nhân dân và lập trường chính nghĩa của ông, nhưng nó cũng có mối liên hệ nội tại với những quan điểm triết học về y học của ông. Rõ ràng là quan niệm về tính chất biện chứng của quá trình vận động và biến hóa trong y học với các mệnh đề « vật cực thời phản », « cang cực thời biến », « hết cùng lại thông » v.v.. đã đặt cơ sở cho nhận thức của ông về tính chất tạm thời trong thế mạnh của kẻ thù và sự thắng lợi trong tương lai của dân tộc ta. Sự nhận thức ấy càng được củng cố khi quan niệm triết học trên đây được ông phát biểu với ý nghĩa phổ biến, vượt ra ngoài phạm vi của y học và bao trùm cả những vấn đề của đời sống xã hội, ví như :

*Đạo trời có thịnh có suy,
Hết cơn bĩ bề, đến kỳ thái hanh (2).*

Với cách nhìn sự vật theo quan điểm biến động như vậy, Nguyễn Đình Chiểu không thể thừa nhận cái hiện trạng đen tối của nước nhà lúc ấy là nhất thành bất biến. Và vì thế mà ông đòi hỏi nhận thức của mọi người phải hướng tới sự biến đổi cái hiện trạng này, một sự biến đổi đi tới thắng lợi, cũng giống như tư duy của người

(1) *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, đđ., tr. 355.

(2) *Sách đã dẫn*, tr. 335.

thầy thuốc phải linh hoạt để nắm lấy sự thiên biến vạn hóa của bệnh tật.

Những quan điểm triết học đó của Nguyễn Đình Chiểu mang nhiều ảnh hưởng của những yếu tố biện chứng tự phát trong *Kinh dịch*. Nó chưa có đầy đủ những căn cứ khoa học thật chắc chắn và không gắn liền với một giai cấp tiến bộ đang nắm vận mệnh lịch sử trong tay. Do những giới hạn ấy của thời đại, nó không thể sản sinh ra được một ý chí chiến đấu gang thép, một niềm tin sắt đá ở tương lai. Cho nên, trong chủ nghĩa yêu nước của ông còn thoáng có những nét buồn và những chỗ dao động. Nhưng dù sao thì nó vẫn có ý nghĩa tích cực vì nó cổ vũ tinh thần của nhân dân hướng về một tương lai đẹp đẽ, tuy còn mơ hồ và xa xôi.

Phát biểu những quan điểm triết học ấy, Nguyễn Đình Chiểu không chỉ tiếp thu *Kinh dịch* mà còn biểu thị sự kế thừa nghiêm túc di sản tư tưởng của dân tộc. Di sản đó là sự lạc quan tin tưởng ở thắng lợi có cơ sở lý luận rõ ràng của ông cha ta trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm trường kỳ gian khổ. Để khẳng định niềm tin quý báu của mình, ông cha ta cũng thường viện dẫn đến những khái niệm về sự biến động của *Kinh dịch* như Nguyễn Đình Chiểu đã làm. Chẳng hạn, trong bài *Bình Ngô đại cáo* nổi tiếng, Nguyễn Trãi cũng đã từng dùng những khái niệm của *Kinh dịch* để diễn tả sự chuyển biến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Minh :

Xã tắc do đó được yên,
Non sông do đó đổi mới.
Càn khôn đã bĩ mà lại thái,
Nhật nguyệt đã mờ mà lại trong (1).

(1) Nguyễn Trãi toàn tập, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, H., 1969, tr. 68.

Rồi mấy chục năm sau khi Nguyễn Đình Chiểu mất, các sĩ phu yêu nước Việt-nam cũng lại nói đến mệnh đề « cùng tắc biến, biến tắc thông » đã cũ kỹ của *Kinh dịch*, nhằm đề phát động trong nhân dân tinh thần chống Pháp và sự tin tưởng ở công cuộc giải phóng nước nhà. Bấy nhiêu sự thực đó chứng tỏ sự suy nghĩ của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với truyền thống tư tưởng của dân tộc ta.

Niềm tin và thái độ yêu ghét trong chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu không những có cơ sở lý luận rõ rệt như trên đã nói mà còn có liên hệ với những qui tắc dùng để bình giá sự việc và hành vi của con người. Nếu trong y học có cái lẽ trời, cái qui tắc tự nhiên mà con người phải dựa vào đó để phòng bệnh và chữa bệnh thì trong công cuộc kháng chiến cứu nước ông cũng thấy có cái lẽ thường tự nhiên như vậy. Cho nên ông đã lên án sự xâm lược của thực dân Pháp là trái với lẽ tự nhiên, cũng giống như « trời Đòng mà gió Tày qua ». Bởi vì theo lẽ tự nhiên thì trời Đòng phải có gió Đòng, mà đất nước Việt-nam phải do người Việt-nam làm chủ. Lẽ tự nhiên đó đã được Lý Thường Kiệt tuyên bố đồng dục trong cuộc kháng chiến chống Tống từ thế kỷ XI rằng: « Nam quốc sơn hà Nam đế cư ». Và một khi quyền độc lập và tự do của nhân dân Việt-nam đã trở thành một điều hiển nhiên như vậy thì rõ ràng những hành động cứu nước, cứu dân là hợp với lẽ phải, hợp với đạo làm người. Ngay cả đạo nhân nghĩa theo Nguyễn Đình Chiểu cũng nằm trong khuôn khổ của cái đạo làm người đó. Bởi vì con người thực sự có nhân có nghĩa biết ăn ở cho ra người thì không bao giờ phản nước hại dân cả. Ông đã vạch rõ :

— *Mến nghĩa bao đành làm phản nước.
Có nhân nào nỡ phụ tình nhà.*

— *Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ,
Làm người bao nữ phụ quê hương.*

Nguyễn Đình Chiểu đã xem cái lẽ tự nhiên, cái lẽ phải, cái đạo làm người đó như một chân lý sáng ngời của cuộc sống. Khi bàn đến nghề làm thuốc, ông đã từng nhấn mạnh sự cần thiết phải tìm hiểu cái lẽ tự nhiên của trời đất, cái lý của y học, thì ở đây ông lại càng đòi hỏi nhận thức của mọi người phải vươn tới chỗ quán triệt được chân lý ấy. Nhưng yêu nước, yêu dân không phải đơn thuần là vấn đề chân lý khách quan, chỉ cần sự nhận thức của con người là đủ. Mà nó còn mang ý nghĩa đạo đức có ích cho sự tu dưỡng phẩm chất của con người. Vì thế nên theo Nguyễn Đình Chiểu, một con người muốn có ích cho công cuộc cứu nước cũng cần phải rèn luyện cho ý chí mạnh mẽ, cho tâm hồn trong sạch giống như người thầy thuốc phải tu dưỡng đạo đức phục vụ nhân dân. Nhưng tiêu chuẩn để rèn luyện phẩm chất trong trường hợp này chủ yếu là yêu nước, yêu dân, dám hy sinh vì Tổ quốc. Ông ca ngợi công lao của Trương Định, Phan Tôn và những nghĩa sĩ thuộc tầng lớp dân nghèo chính là dựa vào tiêu chuẩn đó. Ngay cả quan niệm « trung quân » của ông cũng bị tiêu chuẩn đó qui định. Nó đòi hỏi một ông vua được tôn thờ phải là ông vua yêu nước thương dân; một vị tướng hiền tài phải là người chiến đấu vì nước, vì dân, chứ không chỉ nghe theo vua một cách mù quáng. Điều này đã nói lên một cách rõ ràng nội dung đạo đức của chủ nghĩa yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.

Tuy nhiên, Nguyễn Đình Chiểu đề cao sự tu dưỡng đạo đức và nhân phẩm ở bất cứ chỗ nào mà tư duy của ông có thể đạt tới chứ không phải chỉ riêng ở y

học và chủ nghĩa yêu nước. Và điều quan trọng hơn cả là sự tu dưỡng này đã thấm sâu vào mọi hành vi và cách xử thế của ông, làm cho cuộc đời ông càng thêm trong sáng và cao quý biết bao!

..

Đến đây chúng ta có thể thấy rõ mối liên hệ bền trong của chủ nghĩa yêu nước Nguyễn Đình Chiểu với những quan điểm triết học trong y học của ông. Từ các khía cạnh này của tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu đã bộc lộ ra những đường nét chung, những điểm nhất quán. Tinh nhất quán đó đã vượt ra khỏi giới hạn của những tình cảm chân thành rạo rục và thực sự vươn tới cái cơ sở triết lý sâu xa đã chi phối mọi sự nhìn nhận vấn đề của Nguyễn Đình Chiểu ở trong y học cũng như trong những ý nghĩ về quê hương đất nước. Vì vậy mà sự kiến giải về y học của ông càng có nhiều yếu tố tích cực, đặc biệt là có tinh thần dân và mang hơi thở nóng hổi của cuộc chiến đấu chống kẻ thù. Chính những quan điểm triết học trong y học của ông đã làm sáng tỏ ý thức và tình cảm của ông đối với Tổ quốc, với đồng bào. Nó đã góp phần nâng cao thêm tư tưởng của ông. Và qua những kiến giải về y học đó, Nguyễn Đình Chiểu đã chứng thực một cách hùng hồn rằng, đối với ông, bất kể một hoạt động nào, dù là hoạt động chuyên môn thuần túy như y học, cũng đều hướng tới một mục đích duy nhất là phục vụ cho nhân dân, cho Tổ quốc. Đó là một tấm gương sáng chói mà cho đến nay hãy còn nóng hổi ý nghĩa thời sự.

TU TƯỚNG CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN NAM-BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX

BUI ĐĂNG DUY

CUỘC kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam-bộ từ 1860 đã là bản anh hùng ca mở đầu một trang sử chói lọi của sự nghiệp chống xâm lược hơn một thế kỷ của nhân dân ta. Cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn và mạnh mẽ ấy được hun đúc bởi một tinh thần yêu nước, một chí căm thù giặc sâu sắc, kết tinh của truyền thống chống xâm lược của dân tộc. Đó quyết không phải là một « hành động mù quáng » như bọn thực dân thời ấy đã xuyên tạc. Chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc là vấn đề lớn của thời đại đang đặt ra. Vấn đề đó không thể không làm lay động tâm trí của những người yêu nước. Họ không thể không có những suy nghĩ về mục đích, về biện pháp của cuộc chiến đấu. Lo lắng tới việc « chính sự », việc « kinh bang » là điều không thể thiếu được bởi vì đối với họ « được trị dân

chớ khá học sơ sài» (1). Những suy nghĩ, những tư tưởng ấy không thể không là kết quả của một quá trình tư duy chân chính nhất định. Nếu trong chúng ta có ai dùng khái niệm « tự phát », « không tự giác » để chỉ tính chất của phong trào cách mạng này thì chỉ muốn nói rằng phong trào kháng Pháp ấy, do các sĩ phu và nhân dân tiến hành, đã chống lại đường lối đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn, phong trào đó so với các phong trào trong các giai đoạn lịch sử sau này chưa có được một đường lối hoàn chỉnh. Những ý kiến trên hoàn toàn khác biệt với ý đồ đen tối của bọn thực dân Pháp.

Nguyễn Đình Chiểu là một trong những nhà yêu nước lớn xuất hiện trong phong trào chống Pháp đó. Ông không những trực tiếp tham gia chiến đấu (trao đổi mưu lược với Đốc binh Là, với Trương Định) mà bằng văn học, ông đã phản ánh được những tư tưởng lớn của cả một thời kỳ lịch sử. Cùng với tất cả những văn kiện của các nhà yêu nước khác, chúng ta hoàn toàn có thể dựng lại tư tưởng do ông cha cách đây một trăm năm đã đề ra để chỉ đạo cho cuộc chiến đấu của dân tộc. Chúng ta đã nhìn thấy giá trị của những tư tưởng đó, thấy Nguyễn Đình Chiểu là một nhà tư tưởng của dân tộc (2). Tuy nhiên công việc ấy chỉ mới bắt đầu. Giờ đây, nhân dân Việt-nam, trước hết là nhân dân miền Nam

(1) Về các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi trích theo cuốn *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*. Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1971, và cuốn *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* do Phan Văn Hùm chú giải, Nhà xuất bản Tân Việt, Sài-gòn, 1952.

(2) Trần Văn Giàu trong bài *Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu* (*Tạp chí Văn học* số 1-1963); Gia Ninh trong bài *Nguyễn Đình Chiểu và truyền thống anh hùng của nhân dân miền Nam* (*Báo Nhân dân* 3-8-1963) và nhiều người khác đã coi Nguyễn Đình Chiểu như là một « nhà tư tưởng uyên thâm ».

còn đang tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh chống xâm lược, chống đế quốc Mỹ, kẻ thù tàn bạo nhất của loài người, thì hơn bao giờ hết những tư tưởng chống chủ nghĩa thực dân của ông cha ta trước kia lại cần được phát huy mạnh mẽ hơn nữa để tiếp tục trút xuống đầu bọn cướp nước và bán nước. Những tư tưởng cách mạng đó, ngoài những mặt hạn chế riêng biệt của lịch sử, đã tạo nên một truyền thống tinh thần bền vững của dân tộc. Nó đã đặt ra nhiều vấn đề mà ngày nay nhờ ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lênin, nhân dân ta đã tiến lên giải quyết một cách xuất sắc, đưa nó tới đỉnh cao của thời đại.

**Lý tưởng nhân nghĩa và mục tiêu
của cuộc kháng chiến cứu nước.**

*Mến nghĩa bao đành làm phản nước,
Cớ nhân nào nữ phụ tình nhà.*

Bảo vệ chủ quyền của đất nước, cứu giúp muôn dân, đó là *lý tưởng nhân nghĩa*, một tư tưởng truyền thống của dân tộc mà một lần nữa, trước họa xâm lăng, được Nguyễn Đình Chiểu và các nhà yêu nước nêu lên trên lá cờ chiến đấu của mình.

Từ một tư tưởng xa rời và đối lập với quần chúng, khi bắt rễ vào mảnh đất của nước ta, đạo nhân nghĩa đã được cải biến, mang nội dung thích hợp, phản ánh được hiện thực của dân tộc. Nó hoàn toàn là một thành quả về nhận thức mang tính dân tộc và lịch sử.

Trước khi thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, đạo nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu, ngoài nội dung đánh giặc, còn bao gồm những suy nghĩ về quan hệ vua tôi, vợ chồng, thầy trò, bè bạn, v.v... Những tư tưởng ấy mang một ý nghĩa phê phán đối với chế độ

xã hội đang đi tới bước đường suy vong. Nhưng khi giặc Pháp tới thì nội dung cốt tủy của đạo nhân nghĩa đó là đánh giặc bảo vệ chủ quyền của đất nước, cứu giúp muôn dân.

Trước hết nói về « nghĩa ». Đối với các nhà yêu nước đương thời thì nghĩa là nhiệm vụ cao cả nhất và không bao giờ thay đổi của bất cứ người dân yêu nước nào: « Trước làm nghĩa, sau làm nghĩa, trước sau cho trọn nghĩa vua tôi » (1).

Trong điều kiện đất nước còn nằm trong chế độ phong kiến thì việc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc không thể tách rời khỏi việc bảo vệ quyền lực của vua. Cho nên cái lý tưởng cứu nước, cái « chí dõc ra tay nung vạc ngã » của các nhà yêu nước không thể không là « trước sau cho trọn chữ quân thần ». Việc các người anh hùng dân tộc « xưng vương » và lòng quyết tâm của nhân dân ta bảo vệ « vương quyền » đó trong lịch sử dân tộc chính là sự khẳng định chủ quyền của đất nước, là lời tuyên bố như một tờ lịch thời đó rằng: « đầu đó vật còn có chủ ». Ngòi « Đông hoàng », « Đông quân » mà Nguyễn Đình Chiểu thường nhắc tới chính là để xác định chủ quyền của dân tộc, phủ nhận và chống lại quyền thống trị của bọn « di », bọn « rợ » do ngọn gió Tây đưa lại. Cho nên trong hệ tư tưởng phong kiến thì vua và nước không thể không đi đôi với nhau. Nếu ta đòi hỏi lý tưởng chiến đấu của những nhà yêu nước trong giai đoạn lịch sử này đã phải biết gắn dân với nước, chứ không phải vua với nước, thì e rằng ta đã đứng ngoài chân lý lịch sử. Phải đợi mấy chục năm sau, khi hệ tư tưởng phong kiến đã phá sản và hệ tư tưởng của một lực lượng xã hội mới đã ra đời, thì hiện thân

(1) Về một số bài lịch, chúng tôi trích theo *Chống xâm lăng*, quyển I, của Trần Văn Giàu, Nhà xuất bản Xây dựng, H., 1956.

của chủ quyền đất nước mới không còn phải là vua, nước không còn là một « vương thổ » mà « dân là dân nước, nước là nước dân » (Phan Bội Châu).

Vời lòng quyết tâm bảo vệ chủ quyền của đất nước như vậy, cho nên Nguyễn Đình Chiểu và tất cả các nhà yêu nước thời đó đều cho rằng chống xâm lược chính là thể hiện lòng trung nghĩa, trung với vua. Đã trung với vua thì không thể không chống lại giặc. Bản chất lòng trung đó, theo Nguyễn Đình Chiểu, là « đạo trời », mà :

*Đạo trời nào phải ở đâu xa?
Gọi tấm lòng người có giải ra.*

Lòng trung hiếu không những là cái « đạo vị ở mình ta » mà cả đến « loài ong kiến còn biết nghĩa quân thần », « loài hổ lang cũng niệm tình phụ tử ». Hệ tư tưởng phong kiến đề xuất cái nguồn gốc tiên thiên của đạo trung, chính là để nhằm khẳng định sự phục tùng, đề bẹp sức phản kháng của quần chúng. Và đương nhiên đó là một thứ nhân tính, một bản tính người trù tượng. Nhưng trái lại, bằng luận điểm đó, Nguyễn Đình Chiểu muốn đề cao cái nghĩa vụ không thể thay đổi của con người là phải chống giặc, cứu nước. Hơn nữa, ở đây ông còn muốn phê phán và bộc lộ một sự khinh miệt đối với những kẻ đầu hàng giặc: bọn chúng đã mất linh người, không còn cái đạo người ở trong lòng. Sau này ta lại thấy nhà yêu nước Phan Bội Châu sẽ trở lại luận điểm về tính người đó.

« Trung » trong hệ tư tưởng phong kiến bao giờ cũng yêu cầu con người ta phải tuyệt đối trung thành với vua, kể cả với bọn hôn quân bạo chúa. Nhưng một khi giai cấp thống trị giày xéo lên quyền lợi của dân tộc, của quần chúng thì cái thử thách lớn đối với những nhà tư

tướng tiền tiến là phải tìm ra được một con đường thoát không đi ngược lại với lợi ích của dân tộc, của nhân dân.

Bên cạnh tư tưởng «trung», hệ tư tưởng phong kiến còn nêu ra tư tưởng «diệt Kiệt, phạt Trụ». Thực chất tư tưởng «diệt phạt» đó cũng chỉ là một thủ đoạn thay đổi bộ mặt của giai cấp thống trị, xoa dịu cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột của quần chúng. Mạnh Tử nêu ra luận điểm này không có mục đích gì khác là nhằm điều hòa quyền lợi của những tập đoàn phong kiến và chủ yếu là nhằm đè bẹp sức phản kháng của những «người bị trị». Nhưng với những người đại biểu cho những lực lượng tiền tiến của xã hội thì trái lại, luận điểm đó của Mạnh Tử lại được sử dụng như một vũ khí tư tưởng nhằm chống lại một chế độ chính trị lỗi thời.

Năm 1862, giữa lúc cuộc kháng chiến đang phát triển mạnh mẽ, triều đình nhà Nguyễn đứng đầu là tên vua Tự Đức hèn nhát đã ký hòa ước với Pháp và ra lệnh bãi binh.

Nguyễn Đình Chiểu đã phát triển tư tưởng «diệt Kiệt, phạt Trụ», nêu lên một tấm gương «trung» đúng đắn phù hợp với quyền lợi của dân tộc.

Ngay từ khi thực dân Pháp chưa xâm chiếm nước ta, triều đình nhà Nguyễn đã bộc lộ khá rõ tất cả sự tàn bạo và thối nát của một tập đoàn giai cấp thống trị. Qua lời ông Quán, Nguyễn Đình Chiểu đã phát biểu thái độ của mình :

Quán rằng : «ghét việc tầm phào,
Ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm.
Ghét thời Kiệt, Trụ mê dâm,
Đề dân đến nỗi sa hầm sây hang.

*Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân luống chịu làm than muốn phần
Ghét đời Ngũ bà phân vắn,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
Ghét đời Phúc Quý phân băng,
Sớm đầu, tối đánh, lừng nhắng rồi dần...*

Lời của ông Quán chính là lời giải đáp câu hỏi mang đầy ý nghĩa hoài nghi và phê phán của thời đại: «biết ai thiên tử biết ai thần?». Kiệt Trụ đã dể dân «sa hầm sẩy hang» cho nên không còn vua ra vua nữa. Vua tòi nhà Nguyễn đã «khi dân», đã «mãi quốc» cho nên cũng không phải là vua, là thánh đế, là thiên tử nữa. Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi thái độ «nghịch chỉ» của Trương Định và cho rằng người anh hùng đất Gò-công không hề là «nghịch thần» mà vẫn là «ngay chúa»:

*Giúp đời dốc trọn ơn nam tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần.*

Chinh Trương Định đã chủ trương rằng cái lòng trung hiếu đó cũng phải có những điều kiện nhất định: «Trung hiếu cố nhiên là tốt đẹp, nhưng đều có giới hạn, không thể làm quá được, nếu làm quá trớn, thì cũng sai lầm như làm không đầy đủ».

Giờ đây trước mắt các nhà yêu nước, vua nhà Nguyễn không còn là một minh quân nữa mà là một hòn quân, cho nên ta sẽ thấy họ càng ngày càng tập trung ngọn đòn đả kích vào nó.

Nguyễn Đình Chiểu lên án vua đàn hàng, cắt đất cho giặc, đầy dặt nước vào cảnh làm than.

*Kê từ Thạch Tấn ở ngòi,
U, Yên mấy quận cắt bởi Kiệt-đan.
Sinh dân nào xiết bần than,
U, Yên trọn cũng giao bàn về Liêu.*

Nguyễn Đình Chiểu vạch ra tình trạng bóc lột áp bức nhân dân, sự thối nát của triều đình là nguyên nhân dẫn tới cảnh nước mất nhà tan :

*Muôn dân ép ráo mờ dầu.
Ngày trau khi giới, tháng xâu điện đài.
Thêm bầy gian nịnh chen vai,
Gây nên mọi rợ từ ngoài lẫn trong.*

Tất cả bọn hôn quân cần phải phê phán, cần phải chống lại chúng vì qua năm cái ghét của ông Quán, chúng đã phạm một tội lớn là **đê dân** «sa hãm, sầy hang», **đê** «dân luống chịu lầm than muôn phần», vì chúng «**đối trá làm dân nhọc nhằn**», vì chúng «**rối dân**», tóm lại vì chúng đi ngược lại quyền lợi của dân. Cho nên thái độ đối với dân trở thành cái tiêu chuẩn để xét ai là minh quân, ai là bạo chúa. Cũng vì vậy, chống giặc, bảo vệ Tổ quốc, nghịch chỉ triều đình thì «**lòng nghĩa dân**» vẫn là «**thảo với ngô quân**», vẫn là trung với vua. Cho nên trước thái độ bất tuân mệnh lệnh của triều đình thì không phải Nguyễn Đình Chiểu đã **đối lập**, mà chính là **niệt liệt cổ vũ**, là tích cực biểu dương lòng trung chân chính đó của người anh hùng: «*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đốn ngàn mấy dặm mã tiền; theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khôn ngoài*».

Giai cấp thống trị không phải không dành nhiều bút mực để bàn về cái đạo «**thân dân**». Hơn nữa họ còn cho rằng chỉ người quân tử tức là giai cấp thống trị mới có lòng «**nhân**» mà thôi. Nhưng sự khác biệt giữa giai cấp thống trị và những nhà tư tưởng tiến bộ là ở chỗ một bên **đứng trên lập trường** của kẻ bóc lột mà giành dân, **nhằm biến dân thành người phục vụ quyền**

lợi cho chúng, một bên đứng trên lập trường của nhân dân, chống lại những lực lượng thống trị. Đó là thực chất, là nội dung chân chính của khái niệm «nhân» của Nguyễn Đình Chiểu. «Nhân» và «nghĩa» phải luôn luôn đi đôi với nhau. Nếu «nghĩa» đòi hỏi người ta phải trung thành với nước, không thể «làm phản nước», thì «nhân» cũng đòi hỏi phải có «tình nhà», tình đối với dân, trước hết đối với những người dân cùng khổ nhất mà Nguyễn Đình Chiểu thường gọi là «dân đen».

Thái độ đối với dân, lòng «nhân» đối với dân của Nguyễn Đình Chiểu có thể sâu nặng như vậy, trước hết là vì ông đã thấy được vai trò lớn lao của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Đó là cống hiến to lớn nhất về mặt nhận thức chính trị của Nguyễn Đình Chiểu và các nhà yêu nước chống Pháp trong giai đoạn lịch sử này.

Khái niệm «dân» mà Nguyễn Đình Chiểu và các nhà yêu nước dùng ở đây rõ ràng là chỉ quần chúng lao động. Đó là những người «dân ấp», «dân lân».

Đương nhiên, trước khi có chủ nghĩa Mác — Lênin, các nhà tư tưởng chưa thể nào thấy được quần chúng nhân dân là lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử, chưa thể thấy được khả năng tự giải phóng của quần chúng. Họ đã tìm cái động lực đó ở những cá nhân lỗi lạc, ở vua chúa, tướng lĩnh, cho nên họ trông đợi :

*Chừng nào thánh đế án soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông,*

Tuy nhiên, trong những điều kiện lịch sử nhất định, họ có thể nhìn thấy trong chừng mực nào đó sức mạnh to lớn của quần chúng.

Nguyễn Đình Chiểu không những thấy dân là người trực tiếp cầm súng chống giặc, mà khi triều đình đã bỏ

roi cuộc kháng chiến thì dân còn là người cung cấp lương thực, khí giới cho nghĩa quân.

*Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước,
Thuốc đạn ghe buồm bốn bể ngoài.*

Và :

*Nào nhọc sức hộ tào biên sở, lương tiền nhà ruộng,
cho một câu háo nghĩa lạc quyền, nào nhọc quan
võ khổ binh cân, thuốc đạn ghe buồm, quyền
bốn chữ « gian thương đạo tải ».*

Mấy câu thơ ngắn cũng đủ cho ta thấy được cái không khí phấn chấn của quần chúng, thấy hiện ra trước mắt một nguồn nhân tài vật lực của quần chúng ùn ùn kéo về nuôi dưỡng cho sức chiến đấu của nghĩa quân.

Quần chúng chiến đấu chống giặc không mù quáng mà có một mục đích rõ ràng, không phải người quân tử, tức giai cấp thống trị, biết « nghĩa » mà chính những người nông dân áo vải đã « mến nghĩa làm quân chiêu mộ ». Nghĩa đó là đánh đuổi giặc, bảo vệ chủ quyền của đất nước.

*Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuôi hươu ;
hai vàng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ
treo dê bán chó.*

Họ có ý thức về quyền lợi của họ :

*Nhưng nghĩ rằng : tấc đất ngọn rau ân chúa, tài bồi
cho nước nhà ta ; bát cơm manh áo nợ đời,
mắc mớ chi ông cha nó ?*

Vì có một lý tưởng như vậy mà họ tham gia chiến đấu với một tinh thần tự giác rất cao :

*Nào ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kinh,
chẳng thèm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này
dốc ra tay bộ hổ.*

Nhận thức về sức mạnh của quần chúng không phải đến đây Nguyễn Đình Chiểu mới có. Trong nhiều giai

đoạn lịch sử nước nhà trước kia, khi quyền lợi của giai cấp phong kiến thống nhất với quyền lợi của quần chúng, những người trong giai cấp thống trị sáng suốt nhất đều đã thừa nhận sự thực lịch sử đó. Trần Nhân Tông đã khẳng định sự có mặt đầy đủ nhất của quần chúng khi nước nhà gặp hoạn nạn, Nguyễn Trãi đã chỉ ra sức mạnh « chở thuyền và lật thuyền » của dân.

Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không chỉ dừng ở chỗ nhìn nhận sức mạnh to lớn của quần chúng, thấy quần chúng là một đối tượng phải « chặn dắt », mà còn nhìn thấy những người dân ấp, dân lân đó là những người anh hùng chân chính. Dưới ngòi bút của nhà yêu nước, hình ảnh người nghĩa quân xuất hiện trong ánh sáng chói lòa của chính nghĩa. Họ xông pha ngoài chiến trường dưng cảm, hiên ngang, như chúng ta nói ngày nay, ở cái thế « đạp trên đầu thù ». Những người anh hùng đó không phải như một ánh chớp, một lực lượng siêu nhiên khắc biến khắc hiện, mà vẫn là những con người bình dị « cời cút làm ăn », « ngoài cật có một manh áo vải ». Rõ ràng là người anh hùng của quần chúng.

Nếu « kiến nghĩa bất vi, làm người thế ấy cũng phi anh hùng », thì trái lại, những nghĩa quân xuất thân từ quần chúng lao động không những thấy được nghĩa, mà hơn nữa, còn thấy được cái nghĩa lớn nhất, và chiến đấu đến giọt máu cuối cùng cho nó. Họ đã rất xứng đáng là người anh hùng của Tổ quốc. Một nhà yêu nước còn nằm trong hệ tư tưởng phong kiến đã đi tới một nhận thức như vậy quả thực là một trường hợp hiếm có.

Tóm lại, bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, cứu giúp muôn dân, chống lại ách thống trị của giặc ngoại xâm, đó là nội dung lý tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn lịch sử này. Mục tiêu cách mạng

đó đã biểu hiện một tinh thần quật khởi và một ý thức tự chủ của dân tộc. Nhưng cái lý tưởng nhân nghĩa ấy thực chất vẫn chỉ nhằm xây dựng lại một chế độ phong kiến đang bị lịch sử vượt qua, cho nên nó không thể trở thành ngọn cờ đưa cuộc đấu tranh của dân tộc tiến lên. Sức mạnh và sự hạn chế của nó tất nhiên sẽ gắn liền với những biện pháp đấu tranh mà chúng ta cần xem xét tiếp.

**Thuyết « chính khí » và những
biện pháp đấu tranh cách mạng.**

*Trời Đông mà gió Tây qua
Hai hơi ấm mát chẳng hòa, đau dân.*

Thực dân Pháp như một ngọn gió Tây trái mùa, như một tà khí quái gở tràn vào nước ta. Với một lòng căm thù sâu sắc, Nguyễn Đình Chiểu đã kịch liệt tố cáo bọn « rợ » như nhớp mùi « tinh chiên » đó. Chúng đã cướp mất chủ quyền, xâm chiếm đất đai của Tổ quốc, phá hoại nền văn hiến, « mối xa thư » của dân tộc. Thực dân Pháp đã chìm toàn dân vào một bể máu lửa ;

*Kề mười mấy năm giai khổn khó, bị khảo, bị tù,
bị đày, bị giết, trẻ già nào xiết đếm họ tên ; đem
ba tấc hơi môn bỏ liêu, hoặc sông, hoặc biển,
hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thủy đều rơi nước mắt.*

Không những chỉ có khủng bố, đàn áp, chúng còn bóc lột! đàn ta rất tàn bạo : « Giặc ép mỡ dầu hết sức ». Chúng đã :

*Phạt cho đến người nghèo kẻ khó, thâu của, quay
treo : tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vạt.*

Thủ đoạn bóc lột của giặc Pháp ngay từ buổi đầu đặt chân lên đất nước ta, qua những lời tố cáo tương tự của những nhà yêu nước, đã nói lên phần nào tính chất

tham tàn của chế độ thực dân. Tuy nhiên, những lời tố cáo đó chỉ mới dừng ở việc vạch ra những hậu quả của sự bóc lột. Đương nhiên, do hạn chế của lịch sử, các nhà yêu nước lúc đó chưa thể nào nhìn thấy được bản chất bóc lột của bọn tư bản thực dân trên con đường biến thành chủ nghĩa đế quốc. Nó là một kẻ thù hoàn toàn mới, nó là hiện thân quyền lực thống trị của một phương thức sản xuất mới, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Và cũng do chưa thấy được bản chất của chủ nghĩa thực dân, cho nên dưới con mắt của các sĩ phu, thực dân Pháp, cái ngọn gió Tây xa lạ ấy cũng không khác gì bọn xâm lược trước kia từ phương Bắc tới. Nhận thức đó tất nhiên không thể nào cho phép người ta có được một đường lối kháng chiến cứu nước đúng đắn được.

Tuy nhiên, khác với những phần tử đầu hàng, thỏa hiệp lúc đó, Nguyễn Đình Chiểu và các nhà yêu nước đã nhìn rất rõ, không một chút lầm lẫn, thực dân Pháp là kẻ thù số một của dân tộc. Mâu thuẫn giữa thực dân Pháp và nhân dân Việt-nam là mâu thuẫn không thể điều hòa. Đương nhiên chưa thể nhìn thấy bản chất mâu thuẫn dân tộc là một cuộc đấu tranh giai cấp, nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã cho rằng đó là cuộc đấu tranh giữa chính khí và tà khí. Tư tưởng triết học cổ đại trên đã được Văn Thiên Tường nêu lên trong bài *Chính khí ca* nổi tiếng.

Trong tác phẩm *Ngư Tiên y thuật vấn đáp*, qua lời Kỳ Nhân Sư, Nguyễn Đình Chiểu đã trình bày lại cái nội dung đặc sắc của bài thơ của nhà yêu nước đời Tống. Nhiều nhà yêu nước của ta lúc đương thời cũng trực tiếp kế thừa tư tưởng đó. Theo học thuyết trên thì trong vũ trụ, trời đất đã phát sinh và tồn tại hai nguyên tố là chính khí và tà khí.

*Thương thay tạo vật khuấy người ta
Nam đổi thành Tây, chính lại tà.*

Hai « hơi ấm mát », chính tà ấy đối lập nhau, « chẳng hòa » với nhau. Chính khí vận động sẽ tạo nên vạn vật. Còn tà khí là lực lượng đối lập với chính khí sẽ hủy hoại sự sinh trưởng của muôn loài. Những giai đoạn thịnh suy trong xã hội loài người cũng tùy thuộc vào sự chuyển động của hai khí chính tà. Một bài hịch chống Pháp đương thời cũng cho rằng :

*Đời trị loạn sách xưa còn chép, bàn lẽ chính tà
đời trước hãy treo gương.*

Đương nhiên, thay thế cái mâu thuẫn xã hội hiện thực bằng một mâu thuẫn trừu tượng, huyền bí, xét về ý nghĩa hình thức đơn thuần là một sai lầm, nhưng xét về mặt lịch sử thì nhận thức đó lại là một chân lý có ý nghĩa tích cực, vì nó khẳng định một mâu thuẫn không thể dung hòa được giữa nhân dân Việt-nam và thực dân Pháp.

Nguyễn Đình Chiểu cho rằng người dân Việt-nam yêu nước là người mang chính khí ở trong người, sẽ tiêu diệt thực dân Pháp là loại người mang tà khí. Do có chính khí cho nên ta phải chiến đấu tới cùng với quân cướp nước, « phải ăn gan, cắn cồ quân thù », phải « sống đánh giặc » mà « thác cũng đánh giặc » để « muôn kiếp được trả thù xưa ». Do có chính khí cho nên người dân Việt-nam sẽ không từ bỏ bất cứ hành động chống giặc nào, kể cả việc dùng gươm dùng súng tức là bằng con đường võ trang bạo lực. Cho nên, sức mạnh mà Nguyễn Đình Chiểu đề cao là sức mạnh của « cây thương phá lỗ », của « lưỡi gươm địch kái ». Ông nhìn thấy con đường chân chính mà người anh hùng Trương Định đã đi là con đường cùng với nghĩa quân nổi dậy võ trang chiến đấu :

*Lục lâm mấy chặng hoa sùu bạn,
Thủy hử vì đâu nhạn rẽ bày.*

Khác các nhà nho bảo thủ, Nguyễn Đình Chiểu không phải không thấy cái sức mạnh về kỹ thuật quân sự của giặc: « đạn to, đạn nhỏ, tàu thiếc, tàu đồng »... Nhưng tưởng vào cái nghĩa lớn của dân tộc, bất chấp cuộc chiến đấu không ngang sức, Nguyễn Đình Chiểu vẫn kiên trì biểu dương cuộc chiến đấu của những con người trong tay chỉ có một ngọn tầm vông, chỉ có « dao tu nón gổ ». Mặc dù chỉ được trang bị thô sơ, nghĩa quân cũng đã nhiều phen đánh thắng quân thù :

*Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong
nhà dạy đạo kia ; gươm đeo dùng bằng lưỡi
dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.*

Đường lối võ trang dựa vào dân nói trên đã làm cho quân giặc vô cùng khiếp sợ và lúng túng. Đường lối ấy phủ định cái mà Nguyễn Đình Chiểu gọi là « tân trào » của giặc Pháp, tức những cải cách lừa dối hòng tuyên truyền « sự phục tùng » quyền thống trị của chúng. Những tên tay sai đầu hàng làm tội mọi cho cái « tân trào » ấy đã ra sức công kích con đường võ trang bạo lực của những sĩ phu kháng chiến. Tên Việt gian Tôn Thọ Tường đã từng thóa mạ cuộc chiến đấu võ trang của nhân dân ta rằng: đó là việc « khoe tài trong rừng bụi », việc « múa gậy vườn hoang », « bắc cầu qua bề » v.v...

Cuộc đấu tranh tư tưởng trong thời kỳ đó giữa phái chủ chiến và phái chủ hòa thực chất là cuộc đấu tranh giữa con đường đấu tranh cách mạng và con đường thỏa hiệp đầu hàng. Bằng việc khẳng định con đường đấu tranh « đánh tới hoài », Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên tiếng nói đanh thép nhất, đã xứng đáng là người

chiến sĩ tiên phong đứng vững ở trận tuyến chính nghĩa của một cuộc đấu tranh tư tưởng rộng lớn của thời đại.

Đối với bọn « rợ » Tây thì phải dùng vũ khí quét sạch chúng ra khỏi bờ cõi. Còn đối với bọn « tam giáo cứu lưu », bọn Việt gian kiêu Tôn Thọ Tường, hạng người chừa chấp đầy là khí, những « đồ thú » « đồ nhơ », thì thái độ của Nguyễn Đình Chiểu là phải tiêu diệt chúng. Nhưng đối với những người dân thường lầm đường theo giặc thì nhà yêu nước tỏ ra rất độ lượng. Cách đối xử đó cũng giống như phương hướng trị liệu trong y học mà thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu đã viết :

Duổi bệnh tật cũng như đánh giặc cướp. trừ chừa trùm mà tha lũ hiệp theo (Khử tà do truy đạo tặc; triệt khôi nhi thứ hiệp tông).

« Nói câu : xuất tội hoạt hàng ». Đó là thái độ khoan dung cần thiết trong sách lược cách mạng. Tư tưởng đó đã được một bài hịch đương thời ghi lại rõ ràng :

Xin chớ phân bì kẻ sĩ,

Hoặc ra làm phủ, hoặc ra làm huyện,

Ấy là đồ hư, đồ bỏ, đồ thú, đồ nhơ ;

Chớ nên thác chước thẳng dân,

Hoặc theo đi mướn, hoặc theo đi thuê,

Ấy những đũa dại, đũa hoang, đũa cùng, đũa quái.

Lực lượng mà các nhà yêu nước dựa vào để tiến hành cuộc chiến đấu vũ trang là những con người có ý chí diệt thù cứu nước. Việc đề cao sức mạnh tinh thần của con người, coi đó là nhân tố quyết định sự nghiệp cứu nước, đã biểu hiện một cách sáng ngời một tinh thần xả thân cao cả của các nhà yêu nước đó. Tuy nhiên, tư tưởng của họ còn có mặt hạn chế vì họ

chưa hiểu rằng: động lực quyết định công cuộc giải phóng Tổ quốc không phụ thuộc vào những cá nhân, đâu là những cá nhân lỗi lạc, những « người triết » mang « hơi chính », không phụ thuộc vào những nhóm nghĩa quân ở « cõi biên », ở chốn « sơn lâm » mà là sự nổi dậy của quần chúng đồng đảo được giác ngộ về vai trò lịch sử của mình và được một giai cấp tiên tiến lãnh đạo. Các nhà nho yêu nước đòi hỏi tất cả những người mang « hơi chính » phải hy sinh không điều kiện, không một chút tính toán cho Tổ quốc, « thua được, được thua chẳng kể », « nèn hư nào nại ». Tư tưởng đó đã nói lên đầy đủ tinh thần quên mình cao cả cho sự nghiệp cứu nước của toàn dân. Nhưng cách xem xét theo quan điểm Nho giáo chỉ biết tới động cơ, không chú ý tới hiệu quả của hành động, đã làm cho các nhà yêu nước không thể vạch ra được những sách lược phù hợp với hiện thực của thực tiễn cách mạng nhằm đưa cuộc kháng chiến tới thành công.

Đi đôi với con đường đấu tranh võ trang, ta thấy các sĩ phu yêu nước đương thời, những người được đào tạo từ một nền Nho học, chưa thể thoát khỏi tư tưởng « đức hóa » của Khổng Tử mà thực chất là một thứ chủ nghĩa cải lương. Đọc các bài thơ *Đạo người*, *Trịnh tưởng Khổng Tử* hay *Than đạo* v.v... người ta đều thấy tư tưởng đó. Tuy vậy nó vẫn khác về căn bản với những luận điệu « giáo hóa » mà thực dân Pháp và tay sai lúc đó đã đưa ra, vì nó không nhằm thỏa hiệp với kẻ thù mà chính là để « đàm mấy thẳng gian », để « mọi nào dám tới cạo đầu dân ». Nó không bị tuyệt đối hóa mà việc thực hiện đạo đó phải đi đôi với hành động chiến đấu bằng gươm, bằng súng, cho nên cái « kinh bát loạn » phải đi liền với lưỡi dao của Quan Vũ.

Do những sự hạn chế đã nói trên, cuộc chiến đấu đã bị thất bại. Nhưng, do lòng yêu nước và ý chí căm thù địch của toàn dân, cuộc kháng chiến vẫn còn kéo dài hàng chục năm sau một cách vô cùng anh dũng. Triều đình nhà Nguyễn đầu hàng giặc, thực dân Pháp càng lấn tới và cuối cùng chúng đã xâm chiếm được cả Lục tỉnh. Nhưng tinh thần đấu tranh của nhân dân ta không vì thế mà bị tiêu diệt, một số cuộc nổi dậy vẫn tiếp tục nổ ra, những người yêu nước vẫn thể hiện một tinh thần đề kháng bằng cách bất hợp tác với giặc. Tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của Nguyễn Đình Chiểu đã phản ánh được những tư tưởng của các sĩ phu yêu nước trong tình trạng đau thương đó của đất nước.

Nguyễn Đình Chiểu đã dựa vào thuyết chính khí để lý giải cái bản chất của tình hình xã hội lúc này. Ông cho rằng giờ đây « hơi chính » đã tan dần, người mang « hơi chính » đã ít đi, còn « hơi tà » thì đã « giăng bủa khắp nơi ». Đó là cái « bản lẻ », là nguyên nhân đưa tới cuộc sống lầm than của đất nước, sự đàn áp dã man của giặc, sự thối nát của triều đình, tình trạng kỷ cương của xã hội « năm giềng ba mối rối đồn như tơ ». Nhưng cũng chính ở lúc « vận ách », « thời truan » này mà cái « chính khí » ở trong con người sẽ tạo thành một khí tiết mạnh mẽ, không một sức mạnh nào có thể lay chuyển được. Khí « hao nhiên » đó đã biểu hiện thành lòng trung trinh vô hạn với Tổ quốc, thành ý chí « quyết không làm tôi nước loạn ». Tư tưởng đó đã được thể hiện một cách sinh động bằng hình tượng của Kỳ Nhân Sư. Người chiến sĩ này đã tự xõng mắt cho mù để khỏi phải hợp tác với giặc, để khỏi phải nhìn thấy bao cảnh đau lòng của đất nước. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng tư tưởng này so với tư tưởng về con đường đấu tranh bạo lực đã nói ở trên không thể không mang ý nghĩa

tiêu cực. Cho nên ta không thể tán thành ý kiến cho rằng « tâm hồn của Nguyễn Đình Chiểu càng về già càng trong sáng lên mãi » vì cái đẹp, cái « sinh thú bất tuyệt » của con người không phải ở chỗ « chính tâm tu thân » (1) mà là ở chỗ phải cùng với quần chúng đông đảo đấu tranh với quân thù, giành lại hạnh phúc cho toàn dân. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng tư tưởng bất hợp tác với địch của nhà yêu nước vẫn tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh chống giặc của nhân dân ta, vì cái chủ nghĩa « bảo thân » của họ không thủ tiêu mà phải đi liền với « bảo đạo ». Đạo cần phải giữ ngoài nhiệm vụ « tri quân » còn là « trạch dân ». Nó khác về căn bản với cái chủ nghĩa « bảo thân » buôn dân bán nước của bọn tay sai. Tôn Thọ Tường chẳng đã viết một cách vô sỉ rằng :

*Còn người minh triết bảo thân,
Thì thối độn mà an sanh lạc nghiệp .*

Việc « bảo đạo mười phân vừng vàng » đòi hỏi những người yêu nước không thể xa lánh cuộc đấu tranh của toàn dân. Vì còn mang « hơi chính » cho nên phải tiếp tục chống giặc, tiếp tục tố cáo tội ác của giặc, và khi thời cơ đến thì phải theo con đường của Khổng Minh, của Tô Định, tức là con đường đấu tranh bằng gươm súng chống quân thù.

Mặc dù tư tưởng về con đường đấu tranh bất hợp tác với giặc có chứa đựng một tâm lý bi quan và tiêu cực, nhưng lòng tin tưởng ở tiền đồ của cuộc kháng chiến của dân tộc vẫn như một ngọn lửa không bao giờ tắt trong lòng những người yêu nước. Cho nên :

(1) Nguyễn Văn Thọ : *Mù đôi mắt, sáng tâm linh*, báo Văn đàn, Sài-gòn số 37 - 38, tháng 7-1962.

*Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng,
Bốn biển âu ca hiệp một nhà.*

và :

*Ngày nào trời đất an ngôi cũ
Mừng thấy non sông bắt gió Tây.*

Về mặt lý luận, Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng lòng tin tưởng đó trên cơ sở của học thuyết biến dịch của Kinh dịch. Tư tưởng triết học đó cho rằng âm dương « tương phản tương thành » là nguồn gốc biến hóa của vạn vật. Sự vật phát triển tới cực điểm sẽ biến thành mặt đối lập của nó, cho nên « hết cùng lại thông », « vật tốt thời phản, vốn không tốt hoài », cho nên « động » sẽ biến thành « tĩnh », « cương » sẽ biến thành « nhu ». Một hiện tượng dù « cương » như thế nào thì sinh mạng của nó không thể lâu dài, không thể « đặng giai », vì rằng đến khi « cương cực » thì sẽ « nghiêng vai chịu cằm ». Đó là quy luật phổ biến của thế giới mà Nguyễn Đình Chiểu gọi là « chỗ diệu hóa công ». Tình trạng thịnh suy của lịch sử xã hội cũng sẽ được giải thích bằng học thuyết biến dịch đó :

*Đời đời có thịnh có suy,
Hết cơ bĩ bế, đến kỳ thái hanh.*

Đương nhiên cái lý âm dương đó là một thứ quy luật huyền bí và trừu tượng. Nhưng nó đã khẳng định được con đường tất thắng của dân tộc, sự thất bại không thể tránh khỏi của thực dân Pháp, củng cố lòng tin tưởng cho những người yêu nước. Xét về mặt ý nghĩa lịch sử, nó cũng mang được những yếu tố tích cực và tiên tiến.

Tất cả những tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu về biện pháp đấu tranh chống giặc mặc dù có những mặt hạn chế nhất định, đều đã nói lên tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân ta trong một cuộc kháng chiến gian khổ và anh hùng. Tư tưởng về con đường đấu

tranh võ trang là biểu hiện tập trung truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc và đã đem lại một giá trị lịch sử cho những nhà yêu nước. Cho nên chúng ta thấy cần phải gạt bỏ ý kiến cho rằng cái lớn của Nguyễn Đình Chiểu là ở chỗ « văn khích lệ nhân tài hơn kiếm thép » (1). Ý kiến này không thể không che giấu ý đồ tuyên truyền cho một chủ nghĩa cải lương, cho sự thỏa hiệp đầu hàng giặc. Lịch sử dân tộc ta càng ngày càng tiến lên, cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng càng ngày càng mở rộng thì không phải con đường « văn » mà là con đường « kiếm thép » của Nguyễn Đình Chiểu sẽ càng sáng ngời trên trang sử cách mạng của đất nước.

Sức mạnh và sự hạn chế.

Nạn dân ách nước để ai toan ?

Đó là câu hỏi mà Nguyễn Đình Chiểu đã đặt ra không phải chỉ sau khi người anh hùng Trương Định hy sinh, mà có thể nói là cho toàn bộ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam-bộ, sau khi bị thực dân Pháp tạm thời dập tắt. Câu hỏi đó sẽ còn nguyên vẹn cho tới ngày giai cấp vô sản Việt-nam được vũ trang bằng một hệ tư tưởng mới xuất hiện trên vũ đài lịch sử của nước ta.

Nguyên nhân đưa cuộc kháng chiến lúc đó tới chỗ thất bại, làm « lỗ đở công trình » đương nhiên có nhiều. Nhưng ở đây, chúng ta chỉ bàn tới những nhân tố tư tưởng.

Như trên chúng ta đã thấy, trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu đã có nhiều yếu tố tích cực, vì như sự nhận thức về con đường đấu tranh võ trang, về sức mạnh

(1) Minh Đạo: *Mẫu chuyện văn thơ*, báo Văn đàn số đã dẫn.

của quần chúng, về việc bảo vệ chủ quyền đất nước, v. v... Vì vậy ý kiến cho rằng trong « phạm vi lý trí thuộc thể giới quau » các nhà yêu nước ở giai đoạn lịch sử này chỉ hoàn toàn có những nét tiêu cực, là một luận điểm không thể đứng vững được. Tư tưởng của những nhà yêu nước chân chính đó có được những yếu tố tiên tiến, vì trong một chừng mực nhất định, nó đã vượt ra khỏi cái hệ thống cứng nhắc, khô cứng của Nho giáo và đáp ứng được những yêu cầu nhất định của lịch sử.

Đi đôi với những tư tưởng trên, người ta còn thấy ở Nguyễn Đình Chiểu (ít nhất trong giai đoạn đầu) và các nhà yêu nước khác những *ting cảm* rộng lớn. Họ có một tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, một ý chí căm thù địch, ghét giặc « như nhà nông ghét cỏ ». Cái yêu, cái ghét của họ rất phân minh, rạch ròi. Tinh thần yêu nước đó đã là động lực dẫn dắt họ làm nên những chiến công oanh liệt biểu hiện một tinh thần hy sinh, dũng cảm tuyệt vời mà chính quân thù cũng phải thừa nhận. Cái khí thế anh hùng ấy có thể vút lên cao vì họ còn có được một tinh thần lạc quan, một niềm tin vào tiền đồ của đất nước. Lá cờ chống giặc mà họ dựng lên lúc đó, như Nguyễn Đình Chiểu nói, là lá cờ « phản nghĩa ». Những lời hô hào của họ kêu gọi nhân dân đứng dậy, chống giặc cứu nước vang động như một tiếng kèn chiến thắng, mà Nguyễn Đình Chiểu gọi là những « lời háo nghĩa ». Do đó, quần chúng từ bốn phương đã nhiệt liệt hưởng ứng, đã « lắm kẻ vui theo ».

Những nhà yêu nước đã có được những *ting cảm* ấy vì họ đã đứng trên quyền lợi của dân tộc, đồng thời trong lò lửa của cuộc đấu tranh cách mạng, họ đã tiếp nhận được những *ting cảm* của quần chúng, trước hết là của quần chúng nông dân.

Nhưng rồi cái khi thế lạc quan, phấn khởi, những nét đặc biệt, tích cực đó sang giai đoạn sau không còn được mạnh mẽ như trước nữa. Tình trạng đó được phản ánh khá rõ trong những tác phẩm sau cùng của Nguyễn Đình Chiểu. Nếu nhìn vào tư tưởng của các sĩ phu yêu nước sau này như Nguyễn Quang Bích, người ta càng thấy rõ hiện tượng đó. Vậy thì, một vấn đề đặt ra là nguyên nhân của sự chuyển biến từ thắng lợi ban đầu đi tới thất bại của cuộc kháng chiến và gắn liền với đó, từ một tâm trạng tích cực đi tới tiêu cực của các nhà nho yêu nước là ở đâu?

Dân tộc Việt-nam trong lịch sử trường kỳ giữ nước và dựng nước đã lần lượt đánh bại nhiều quân xâm lược, kể cả những đế chế hùng mạnh nhất, đồng thời đã xây dựng cho mình một nền văn hóa riêng. Tinh thần dân tộc đó, nền văn hóa ngàn năm đó đã tạo nên một truyền thống tinh thần bền vững. Truyền thống ấy đã là miếng đất nuôi dưỡng sức mạnh của dân tộc. Giờ đây, trước họa xâm lược mới, truyền thống ấy lại được kế tục và phát huy sức sống của nó. Có thể nói trong giai đoạn này, Nguyễn Đình Chiểu là người đã kết tinh được rõ ràng nhất cái tinh thần dân tộc, cái nền văn hóa lâu đời của dân tộc. Đó là nguồn gốc sức mạnh lớn nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam-bộ, của phong trào dân tộc lúc này.

Sức mạnh đó hoàn toàn không phải do sinh lực của chế độ phong kiến còn sót lại, dựa trên cơ sở tinh thần là hệ tư tưởng phong kiến.

Phong trào dân tộc ban đầu đã đẩy lên mạnh mẽ trong một tinh thế quyết tâm, phấn khởi. Nhưng cuối cùng nó đã không đi tới thành công. Một phong trào dân tộc thực sự chỉ có thể đi tới thắng lợi nếu nó

« ... chứa đựng một nội dung dân chủ nhất định, bởi vì bất cứ giai cấp nào muốn đấu tranh để giành lại chủ quyền dân tộc, hoặc muốn « tự mình trở thành dân tộc » thì không thể đồng thời thực hiện những yêu cầu dân chủ nào đó đối với quần chúng nông dân, lực lượng quyết định thành bại của phong trào dân tộc » (1).

Không ai có thể nghi ngờ lòng quyết tâm, nguyện vọng lớn lao nhất của các nhà yêu nước là đưa cuộc kháng chiến tới thắng lợi. Do lòng yêu nước, do gắn bó chặt chẽ với quần chúng, Nguyễn Đình Chiểu và các nhà yêu nước đã đứng cao hơn quyền lợi giai cấp hẹp hòi của họ cho nên đã có được những tư tưởng tích cực. Nhưng lịch sử giờ đây chưa tạo nên những tiền đề cho sự xuất hiện một hệ tư tưởng mới. Vì vậy, các nhà yêu nước của chúng ta chưa thể nào bước qua được hệ tư tưởng phong kiến. Và cũng vì vậy họ không thể nào nêu lên được một nội dung cơ bản nhất là yêu cầu dân chủ đáp ứng cho phong trào dân tộc. Họ không làm được điều đó, vì thỏa mãn những yêu cầu dân chủ của quần chúng lúc này chính là phải tiến tới thủ tiêu bản thân chế độ phong kiến.

Đó là hạn chế lớn nhất về hệ tư tưởng, và đó cũng là cái bi kịch lớn nhất mà Nguyễn Đình Chiểu và các nhà yêu nước đầy khí phách đối với quần thù, một lòng son sắt với dân với nước lúc bấy giờ đã gặp phải.

Nguyễn Đình Chiểu không phải không nêu lên trong tư tưởng của mình những quyền lợi của quần chúng. Người nghĩa quân, dân ấp, dân lân tức là người nông dân chiến đấu không phải hoàn toàn vì một lý tưởng

(1) Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới!* NXĐ. Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 16.

trừu tượng mà còn vì « lác đất, ngọn rau », « bát cơm manh áo ». Nếu có thể coi đó là những yêu cầu của quần chúng thì phải thấy rằng, nó không bao gồm được cái nội dung dân chủ cơ bản của phong trào dân tộc. Nhưng ta cũng không thể phủ nhận rằng, bằng nhận thức đó, trong một chừng mực nhất định, Nguyễn Đình Chiểu cũng đã xa rời tư tưởng của Khổng Tử, vì họ Khổng đã chẳng từng cho rằng chỉ có kẻ tiểu nhân mới mong ruộng đất, còn người quân tử thì chỉ mong đạo đức mà thôi.

Khổng hoàn toàn lệ thuộc vào tư tưởng của Khổng Tử, nhưng ông chưa thể vùng ra khỏi sự vây hãm của nó. Quyền lợi, yêu cầu dân chủ của quần chúng có được nêu lên nhưng quá thấp và không thích hợp, cho nên không có khả năng động viên được quần chúng. Cái mà các nhà yêu nước đề lên để kích lệ quần chúng đứng lên làm việc « nghĩa », theo tư tưởng Nho giáo, là cái « hồ » của con người (vì « sĩ » là đầu mối của « nghĩa »). Theo các nhà yêu nước, phải đứng lên chống giặc giữ nước, vì « hồ đứng giữa hai ngòi », làm tay sai cho giặc nay Kim mai Tống thì thực đáng « thẹn làm người », làm linh mã tà để « chia rượu lạt, gặm bánh mì » thì « nghe càng thêm hồ ». Cái « hồ » mơ hồ về đạo đức của người quân tử không thể nào đáp ứng được những nguyện vọng hiện thực và cơ bản của quần chúng.

Các nhà nho yêu nước không phải không phê phán bọn vua quan phong kiến. Nhưng họ cũng chỉ thấy chúng bỏ mất cái « hồ » cho nên đã làm tội tở cho giặc. Sự phê phán do đó cũng chỉ dừng lại ở sự phê phán giản đơn. Chưa thấy được sự câu kết giữa chủ nghĩa thực dân và giai cấp phong kiến là đặc trưng của chế độ thuộc địa, thì đương nhiên không thể thấy được cái nội dung dân chủ của phong trào dân tộc được.

Cương lĩnh chính trị của các nhà yêu nước đã thiếu một nội dung cơ bản là yêu cầu dân chủ của quần chúng, cho nên không tạo nên một sức mạnh nhằm động viên và duy trì sự ủng hộ của quần chúng. Thiếu sự ủng hộ đó, nó không thể không đi tới thất bại.

Về mặt y học, nếu không chữa tận gốc mà chỉ chữa ở ngọn thì có thể là phép trăm phần trăm chết. Nhưng trong công cuộc giữ nước thì không nhất thiết « không chống giặc ở ngoài bờ cõi mà chống giặc ở trong sân, trong ngõ. Ấy là lối một trăm phần trăm thua » như thiên *Sưu tinh* trong *Ngũ Tiếu y thuật vấn đáp* đã ghi. Trái lại, nếu một giai cấp tiên tiến có một cương lĩnh chính trị đáp ứng được những đòi hỏi của thời đại, tổ chức và động viên được quần chúng đứng lên thì, dẫu giặc đã ở trong sân trong ngõ, cũng có thể chuyển cái thế trăm phần trăm thua thành trăm phần trăm thắng.

Phong trào dân tộc do các sĩ phu yêu nước đứng đầu đã thiếu một nội dung dân chủ thích hợp. Đó là hạn chế lớn nhất trong tư tưởng của những nhà yêu nước. Hạn chế đó không phải do sự thấp kém về đức độ và tài năng của họ, mà chủ yếu do sự hạn chế ngặt nghèo của thời đại. Cho nên đối với chúng ta ngày nay, công lao lịch sử của những nhà yêu nước đó không phải là ở chỗ họ có thể giải đáp được những vấn đề của thời đại đang đặt ra, mà là ở chỗ trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lâu dài hơn một thế kỷ của nhân dân ta, họ là những người đầu tiên đã đặt ra nhiều vấn đề (ví như vai trò của người nông dân, biện pháp cách mạng v.v...) và từ đó đã thực đẩy các thế hệ sau tiếp tục đứng lên giải quyết. Giai cấp vô sản Việt-nam chính là người kế thừa truyền thống của dân tộc một cách chân chính nhất trên cơ sở một sự tiếp thu và phê phán triệt để nhất. Do đó những thành quả tư tưởng của

những nhà yêu nước như Nguyễn Đình Chiểu đã và sẽ được nhân dân ta muôn đời tôn trọng, dấu rằng nói như Lê-nin, « ngay trong trường hợp giữa mùa gieo mạ và mùa gặt có cách nhau hàng chục năm trời đi nữa » (1).

(1) *Lê-nin tuyển tập*, Quyển I, Phần II, Nxb. Sự thật, Hà-nội, 1957, tr. 269.

CÁI NGHĨA CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU VÀ TÂM LÒNG, Ý CHÍ VIỆT - NAM

NGUYỄN TRUNG HIỀU

CHƯA lúc nào bằng lúc này, ta cần biết rõ giá trị truyền thống của ta. Nguyễn Đình Chiểu là một đối tượng nghiên cứu rất có ý nghĩa cho yêu cầu này. Một trong những vấn đề còn lại, là tìm cho ra, về mặt lý luận, sự thống nhất giữa tinh Nho giáo và tinh Việt-nam, tinh đạo đức và tinh thẩm mỹ trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Thiếu sự thống nhất này, thì chưa phát hiện được chu đáo cái tinh Việt-nam sâu sắc trong cốt cách độc đáo của cụ. Cũng do đó không phát hiện được thật rõ cái cầu truyền thống mà Nguyễn Đình Chiểu đã bắc vào tương lai.

Sự thực, tinh thần Nguyễn Đình Chiểu đã kết tinh một giá trị truyền thống rất cơ bản, rất lớn của người Việt-nam và đã góp công nuôi dưỡng bao nhiêu thế hệ anh hùng của đất Đồng-nai. Thế thì cái nhân nghĩa kia thực chất là gì mà có tác dụng sắc, hèn làm vậy đối với con người Việt-nam suốt một thế kỷ? Mà sao cái nghĩa khí của những nghĩa tướng, nghĩa quân thời

Trương Định lại gán cái ý chí « Trung với **Đảng**, hiếu với dân, khó khăn nào cũng vượt qua, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, kẻ thù nào cũng đánh thắng » của quân và dân ta ngày nay làm vậy ?

Cái đẹp của Nguyễn Đình Chiểu là rất xưa, nhưng cũng rất hiện đại ; rất Đông - nai, nhưng cũng rất Việt - nam. Nó vừa là một lý tưởng đạo đức nhưng cũng vừa là cái cảm hứng chủ đạo, cái phong cách nghệ thuật trong sáng tác văn học của cụ. Từ lâu, các nhà nghiên cứu đã cảm thấy sự thật này, nhưng cũng cho mãi đến nay, cái nhìn của một số độc giả về cụ, lúc này hay lúc khác, còn có vẻ tách hai : tách hai giữa cái Nho và cái Việt, giữa cái đẹp và cái đạo, mà chưa tìm ra được, ít nhất về mặt lý luận, cái nguyên lý thống nhất ở đây. Một trong những nguyên nhân để ra tình trạng này là sự lúng túng trong cách nghiên cứu mà ta có thể rút ra mấy nét tiêu biểu như sau : một là chưa nhìn nhận đúng mức cái đặc trưng của ngôn ngữ văn học trong vai trò của nó đối với việc xác định nội dung tác phẩm và tư tưởng thẩm mỹ của tác giả ; hai là chưa lưu ý đúng mức tới quy luật chuyển dịch của nội dung các khái niệm đạo đức cũ trước sức tác động của truyền thống dân tộc và sự phát triển của cơ sở hạ tầng với những diễn biến trong cục diện đấu tranh giai cấp.

∴

Ở trường hợp Nguyễn Đình Chiểu, từ cái cảm hứng chủ đạo cho đến cái nội dung thực sự của khái niệm Nhân Nghĩa có mặt trong tác phẩm không nằm trong cách hiểu của Nho giáo về những khái niệm này, mà nằm ở tiếng nói chung của cái tin hiệu thẩm mỹ, nghĩa là trong, cấu trúc chung của tác phẩm, trong phong

cách bao trùm của sáng tác. Mặt khác, phải thận trọng trong khi định nghĩa các khái niệm Nho giáo trước khi dùng nó để tìm hiểu tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Mỗi khái niệm lớn của đạo Nho đều sinh ra trong một tình huống đấu tranh xã hội nhất định, với chức năng và mục tiêu nhất định của nó. Không thấy quy luật này thì không thấy được cái nghĩa của mỗi khái niệm và cũng do đó không thấy được chỗ khác nhau giữa tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu và các học thuyết Nho giáo xưa kia. Đồng thời, chính cũng do không lưu ý đúng mức quy luật này mà cũng không thấy được hết cái chỉ thị của thời đại Nguyễn Đình Chiểu gửi vào trong nhân nghĩa của cụ. Ở tác phẩm của cụ có một hiện tượng đặc biệt. Giữa lời tuyên ngôn nặng mùi Nho giáo và chiều hướng thẩm mỹ của tác phẩm lại có sự trái ngược nhau. Cụ nhấn mạnh trung, hiếu, tiết hạnh, nhưng truyện *Lục Vân Tiên* bỏ trung, tìm nghĩa. Cụ nhấn mạnh «Noi nghĩa ở nhân», theo kiểu Mạnh Tử, và cũng dựng những nhân vật «trắc ẩn» của đạo nhân Mạnh Tử, nhưng cách thương người của cụ lại vượt ra ngoài và có khi ngược lại với cách thương người của Khổng Mạnh, trong lúc các ông này cũng không làm như họ đã nói. Và mặc dầu hai chữ nhân nghĩa đã được đồ Chiểu ghép đôi và lặp lại nhiều lần trong tác phẩm một cách say sưa, xu thế tác phẩm lại rõ ràng nhấn mạnh cái nghĩa. Cuối cùng, ngay cái nghĩa nữa, tuy cách nói của cụ có vẻ giống hệt như của đạo Nho, nhưng thực chất cái nghĩa đó lại mang tinh thần dân và truyền thống dân tộc rõ rệt. Để nhấn gửi cái tâm sự này cho độc giả, truyền cái sứ điệp này cho người đương thời và mai sau, Nguyễn Đình Chiểu đã vừa dùng ngôn ngữ của nhân dân, vừa dùng khái niệm của Nho giáo, trên đó, cái tín hiệu mang lượng thông tin đầy đủ, chính

xác và sâu xa nhất là cái hệ thống hình ảnh mà cụ đã sáng tạo ra trong một thời điểm lịch sử khá phức tạp. Cái cảm hứng mạnh nhất, nổi nhất, tập trung nhất, trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là cái đẹp của chính nghĩa và của một quyết tâm không gì lay chuyển nổi, bênh vực chính nghĩa. Tin hiệu này trước hết là cái tinh huống căng thẳng của các nhân vật anh hùng trước một sự lựa chọn mà cái đẹp chỉ có thể là cái hành vi theo lý tưởng *Nghĩa* của cụ mà thôi. Toàn bộ sáng tác lớn của Hồ Chiểu tập trung vào những tinh huống lựa chọn tiêu biểu sau đây : tinh huống lựa chọn của Vương Tử Trục giữa Lục Vân Tiên, người bạn chí thiết vừa được coi là tử nạn, và cái nhan sắc đang quyến rũ mình và phản bội bạn ; lựa chọn quyết liệt của Hớn Minh giữa hành vi nghĩa hiệp cứu người phải trả bằng cái giá tù tội và cách sống xuôi chiều vô trách nhiệm ; lựa chọn đầy giằng xé nhưng dứt khoát và quyết liệt của Nguyệt Nga giữa tình chung thủy với người yêu nghĩa hiệp và uy lực của một triều đình ; lựa chọn của Ngư Tiều, Kỳ Nhân Sư — mò mẫm tìm nhau trong đêm tối lịch sử — giữa con đường danh lợi đầy phản bội như nước, và con đường thủy chung với nước với dân, gian khổ trăm bề ; lựa chọn của nghĩa dân « còi cút làm ăn » giữa sự yên vui của kẻ nô lệ và sự chiến đấu xả thân vì nghĩa lớn ; lựa chọn của Trương Định, Phan Tông giữa lòng dân lớp lớp « đón ngăn mấy dặm mã tiền » và cái uy lực của « thiên tử chiếu ». Dưới ngòi bút của Hồ Chiểu, sức hút của cái đẹp vì nghĩa cảm kích sâu xa đến rơi nước mắt, và sức đẩy của phi nghĩa gây một nỗi căm hận đến mức phải tuốt gươm ra mà hành nghĩa. Nỗi niềm sâu nhất, ý chí lớn nhất, mà Hồ Chiểu muốn nói, cụ đã nói lên mạnh mẽ ở đây. Hành vi lựa chọn quyết liệt

đầy một tinh thần tự giác, một tinh thần trách nhiệm rất cao đó chính là *Nghĩa* chứ không phải là *Nhân*. Cái *Nghĩa* của dám nghĩ, dám làm, của chiến đấu dũng cảm, chứ không phải cái *Nhân* tĩn tại, liêu cực. Đề tặng « thế áp » cho cái đẹp của *Nghĩa*, một mặt Đồ Chiểu khơi sâu cái mạch trữ tình của nguồn nhân đạo đầy chính nghĩa ; mặt khác cụ tặng kịch tính của cái đẹp « ngang tàng », bằng qua muôn trùng thử thách. Người nghĩa sĩ Cần-giוע được dựng lên dưới giác độ thẩm mỹ của *Nghĩa*, đã nổi cao lồng lộng trên vũ đài lịch sử, bằng cái phép đối lập—với chức năng bồi thêm thế áp của *Nghĩa* — giữa tình huống « còi cút » nghèo nàn, bị quên lãng đi trong lịch sử, tràn trui về trang bị đến mức tối đa, và sự vùng lên đột ngột của cái *Nghĩa* anh hùng với một tinh thần phụ trách lớn trước số phận dân tộc. Cái *Nghĩa* của Nguyễn Đình Chiểu đã tạo ra cái điển hình lớn của người dân Việt-nam yêu nước, vô cùng sinh động và chính xác. Đó là một pho tượng bất hủ sống mãi với cái truyền thống bất khuất của dân tộc này. Cũng trong tinh thần đó của phong cách *Nghĩa*, tác giả đã tận dụng một cách linh tế, sáng tạo, phép đối ứng (đối ý đối lời, đối âm thanh bằng trắc) của văn biên ngẫu mà tạo ra cái đẹp của *Nghĩa* xung phong vô điều kiện, tạo ra cái bi hợp lý, phức tạp, làm cơ sở cho cái hùng, đồng thời tạo ra « thế áp » cho cái hùng đối với cái bi, thế áp của cái « thà chết vinh còn hơn sống nhục », của cái nghĩa đối với cái phi nghĩa. Trên; điển cả của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע*, cái bi, cái hùng cái « còn », cái « mất » xen kẽ, đuổi nhau như lớp lớp sóng dồi để biểu hiện cái đau — gốc từ quý dân yêu nước — và cái khi phách kiên cường luôn luôn đứng ở nhịp mạnh. Cũng do tinh thần *Nghĩa* này, mà tác giả đã đem đến cho nhịp đi của văn tế muôn xưa một nét lạ: trong

lúc văn tế cổ điển thường đem sự vô cùng của cái chết, kết thúc cái hữu hạn của cuộc đời để gây đau xót (« ... Ô hô ; vãn tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết ») thì Đồ Chiểu, trái lại, đã từ khoảnh khắc của cái chết, mà mở ra cái vĩnh cửu của sinh thành (1) : « Ôi ! một trận khói tan, nghìn năm tiết rõ ». Ở cái thời mà « quan thì bán nước, vua thì bỏ dân » lại còn đem « tiếng muông rày » mà vu tội « bắt trung » cho những người yêu nước, thì cái Nghĩa Nguyễn Đình Chiểu còn hàm thêm một tình cảm oái oăm, làm cho cái đẹp của Nghĩa đầy tự hào vút lên cao lồng lộng, cái tự hào kiểu Khuất Nguyên : « Cả đời say, một mình ta tỉnh ». Người Nghĩa không những đứng giữa sóng gió « một tay chống chỏi mấy năm dài », trong cái thế « treo mảnh một dải, đè trướng ngàn cân » mà sống mái với quân thù mạnh gấp bội, mà còn băng qua cái bi kịch về tinh thần, tình cảm, do thái độ phản động của triều đình nhà Nguyễn gây ra. « Vì ai khiến dưa chia, khăn xé, nhìn non sông mấy tỉnh thêm buồn ; Biết ngày nào cờ phất trống rung, hỡi nhật nguyệt hai vừng sao chẳng đoái », vì ai « dân vì nước rú nhau chết ngật » cho bọn Tôn Thọ Tường vùng vẫy ; vì ai mà « viên đạn nghịch thần treo trước mắt » hòng kết án những tấm lòng trung nghĩa ? Vai trò của Trương Định được dựng lên đẹp như pho tượng Promêtê trước sự thử thách của một uy lực đã được Nguyễn Đình Chiểu truyền cho cái sức căng của tình cảm nói trên. Chính lý tưởng Nghĩa của cụ nhạy cảm với trạng huống tình cảm này biết phát hiện cái đẹp tự hào trong nó và gieo nó lên toàn bộ tác phẩm kháng chiến của cụ như một chất men chua chát trong quan

(1) « Sống đánh giặc, chết cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh » (Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục).

hệ đối với triều đình, và tăng thêm một tầm nữa cho cái khi thế vi *Nghĩa*. Cũng dưới ánh sáng của *Nghĩa*, những hành vi lựa chọn của nhân vật *Nghĩa* được xuất hiện lên trong những viên thị xa tấp, trải bóng lên tận trăng sao của thời Chiến-quốc... đem đến cho chất thơ của cụ một ngân vang xa thẳm. Từ cái ngân vang thẳm thẳm này với những « bia Dương Nghiệp », những « mồ Lý Lăng », những « mối xa thư đồ sộ », cho đến những hình ảnh ngôn ngữ rất gần, rất thực, rất đơn giản của nắng mưa, cỏ rả, của những « dao phay » và « rơm con cúi », rất khác nhau, xa nhau, chất thơ của Nguyễn Đình Chiểu vẫn quyện với nhau một mạch, không lộ ra cái gì là đối chọi cả. Cái gì đã tạo nên sự thống nhất này nếu không phải cái lý tưởng đẹp *Nghĩa*, cái phong cách *Nghĩa*.

Như vậy cái đẹp của hành vi *Nghĩa*, là một sự lựa chọn « ngang tàng » bất chấp mọi định kiến, bất chấp mọi quyền lực, lấy lẽ phải làm mục tiêu, lấy nhân dân làm cứu cánh. Dưới ngòi bút của cụ, đâu có tình huống éo le nhất, có hành vi cao đẹp nhất, có lựa chọn quyết liệt nhất, có cảm kích sâu xa, có sáng tạo độc đáo nhất trong sáng tác của cụ, là ở đây có vai trò chủ đạo của *Nghĩa*. *Nghĩa* là lẽ phải của quần chúng, của dân tộc, và là cái quyết tâm không khoan nhượng bảo vệ nó. Đó là cái mạch thứ nhất của *Nghĩa*.

Cái mạch thứ hai trong cảm hứng *Nghĩa* của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm lòng trung thực thủy chung vô hạn. Thành tố này bao giờ cũng gắn liền với thành tố cơ bản thứ nhất của *Nghĩa* như là cái gốc tình cảm của mọi hành vi hào hiệp. Chung thủy với bạn, chung thủy với ân nhân, người yêu, chung thủy với bố mẹ, tổ tiên, dân tộc. Từ tác phẩm đầu tay *Lục Vân Tiên* đến tác phẩm cuối đời của cụ, *Ngự Tiễn y thuật vấn đáp*, lịch sử

nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu là một quá trình liên tục đấu tranh cho chung thủy. Chính nó tạo ra cái xương sống cho nhân vật bi kịch, làm nổi tung mọi biến cố, tạo sức bền dai cho mọi mối tình, đưa nhân vật bước qua muôn trùng thử thách để hành *Nghĩa*. Nó chiếm ưu thế trong tình cảm của tác giả và át cả mọi phạm trù đạo đức của đạo Nho. Vì thủy chung với ân nhân, người yêu, mà Nguyệt Nga đã dám cật nhắc « Nếu theo lệnh chúa, thì quên ơn chồng » và đã phủ định « lệnh chúa » bằng một sự phản ứng ác liệt đầy bi kịch: tự tử; vì thủy chung với Tổ quốc và nhân dân, Trương Định và Phan Tông đã khai chiến với cả triều đình lẫn đế quốc xâm lược. Đồ Chiểu tôn thờ quyền cha nhưng đã cho Nguyệt Nga tự ý kết hôn, đặt Kiều công trước một sự đã rồi, đồng thời chuyển Kiều công vào một sự thống nhất tuyệt đối với con gái trước việc đền ơn trả nghĩa. Cái lỗi của tình cảm này là một tấm lòng nhân ái bền, sâu, cộng với một ý thức trách nhiệm mạnh mẽ. Từ ý thức trách nhiệm giữa mình với người, *Nghĩa* này đi vào ý thức trách nhiệm ưu tiên đối với dân tộc. Đến đây, cái *Nghĩa* của lễ phải và của dũng khí đã nhập thân với cái *Nghĩa* của thủy chung. Đạo *Hiếu* của Đồ Chiểu xuất phát từ ý thức trách nhiệm đối với ân nhân là kẻ đã tạo ra đời mình. Chính bằng cái mạch thủy chung này, tác giả đã đem cái *Nghĩa* của mình vượt khỏi cái *Nhân* của Khổng Mạnh vốn lấy *Hiếu* và *Trung* làm lõi, lấy sự ràng buộc của tông pháp hỗ trợ cho quyền vua. Nếu Nho giáo đã bằng con đường hiếu, đem « cương » thứ hai mà phục vụ « cương » thứ nhất, tức dùng *Hiếu* để đưa người dân vào *Lễ* đối với vua, thì Đồ Chiểu đã từ thủy chung của *Nghĩa* mà hướng người dân « về theo tổ phụ » đang « phò đời » « giúp nước ». *Nghĩa* ở đây là tình nghĩa, ân nghĩa chứ

không phải là lễ nghĩa, mặc dầu Đồ Chiểu hay nói ghép hai chữ này. Khi cụ nói «Trai thời trung biểu làm đầu...» «Noi gương lễ nghĩa giữ cầu cương thường» lại chính là lúc cụ tách chữ *Nghĩa* ra khỏi chữ *Trung*, chữ *Lễ* để chuyển nó vào *Nghĩa* trung thành với Tổ quốc. Chính nhờ cái *Nghĩa* thủy chung này đối với Tổ quốc, nhân dân, với giá trị ngàn xưa của dân tộc, mà Đồ Chiểu đã phát hiện được cái tiềm lực tinh thần, tinh cảm rất đẹp, rất phong phú của người dân cày Lạc tỉnh âm ỷ gắn số phận của dân tộc vào những tủ vui lo lắng hằng ngày trên ruộng đồng một nắng hai sương. Thủy chung và nhân đạo, đó là một đặc điểm lớn của tinh cảm Việt-nam ngày càng rõ qua những thử thách lịch sử.

Cái *Nghĩa*, với nghĩa thủy chung, trung thực này còn hàm một tinh cảm đầy ý nghĩa cách mạng: tinh hữu ái giai cấp. Một khi cái xã hội giàu sang, có thể lực kia đều là bọn bất nhân bất nghĩa, khi hàng ngũ phong kiến thống trị từ vua cho đến quan, đều bỏ dân theo giặc, thì những người dân lương thiện, những nhà nho tiết tháo phải đùm bọc lấy nhau trong tình thủy chung đồng ngũ, giữ vững lòng thành đối với Tổ quốc mà chiến đấu. Chính do phong cách của cái *Nghĩa* này mà Nguyễn Đình Chiểu rạch đôi hai tuyến bạn, thù trong tác phẩm và trong cuộc đời, truyền cho nhân vật một sức mạnh tinh cảm to lớn, bền bỉ (thủy chung) để có thể trườn qua muôn trùng tai ách mà tìm đến nhau trong nghĩa nước tinh dân, như cuộc gặp gỡ gỡ bụi ngùi đầy cảm kích giữa Ngư Tiều, Đạo Dân... trên đường đêm lịch sử. Giữa cảnh đời «ly loạn», tiếng ca của người đình trưởng đưa đò man mác trên ngã ba sông là tiếng gọi tha thiết của mối tình đò xưa bến cũ. Người đi không hẹn mà về. Chỗ hẹn này chan chứa chất

thơ của tấm lòng chung thủy với bạn, với Nghĩa, với non sông. Cho nên xúc động vô cùng. « Gặp nhau mà nước mắt đầy ». Chuyện *Lục Vân Tiên* là chuyện của một lời hẹn ước. Chuyện *Ngư Tiều...* cũng là một lời hẹn ước. Tình ăn ở với nhau cùng với tình chung thủy, với non sông là một. Có bao nhiêu chỗ hẹn là có bấy nhiêu chất thơ nồng cháy bằng khoáng. Nguyễn Đình Chiểu đã để trọn một đời cho tấm lòng chung thủy đó. Khát một tình chung thủy, khát một sự đấu cật chung lưng bèn bĩ với nhau, chẳng qua là khát một trận doanh bèn vững cho chiến đấu đó thôi. Vì thủy chung mà chiến đấu, vì cần chiến đấu nên phải thủy chung. Hai nghĩa của Nghĩa đến đây lại gặp nhau một lần nữa. Bởi thế, đằng sau những màn Nghĩa thủy chung của Hồ Chiểu, còn dư vang cái hào khí « Thượng Lương-sơn » (ở tình huống Hồn Minh bỏ công danh vào rừng mà tu người nghĩa khí), còn văng vẳng tiếng ca « cỏ bôn » của Trương Tử, còn thấp thoáng ánh đuốc sáng ngời của Quan Vân Trường đứng canh nhị tẩu dưới một trời đêm mưa tuyết để trọn nghĩa đào viên (trong màn Vương Tử Trục mắng nhiếc Thê Loan để trọn tình xưa với bạn).

Như vậy, cái nghĩa thứ hai của Nghĩa Hồ Chiểu, cái nguồn tình cảm làm nền cho mọi hành vi nghĩa khí, vốn đã gieo chất thơ rạo rắt nhất vào tác phẩm vừa là cái cảm hứng đầy sức sáng tạo, lại vừa là cái phương châm xử thế đã giúp Hồ Chiểu thoát khỏi cái bí kịch về tư tưởng lúc bấy giờ bằng cách thay thế cái Trung tiêu cực bế tắc, mà đưa cụ về với Tổ quốc, nhân dân.

Đến đây, ta đã có thể tổng/hợp cái tư tưởng chủ đạo của cụ Nguyễn Đình Chiểu trong sáng tác. Nội dung tác phẩm Hồ Chiểu là cái mâu thuẫn vô cùng căng thẳng giữa bọn phong kiến thống trị đồi bại, bạc ác và nhân

dân bị trị bị ức hiếp nhiều bề; giữa một bên là bọn xâm lược, bọn phong kiến phản bội và một bên là nhân dân với truyền thống kiên cường chung thủy. Đứng trước mâu thuẫn này, Nguyễn Đình Chiểu cho nhân vật tích cực của mình ghét yêu ranh mạch, thù bạn phản mình, chọn lấy chính nghĩa, quyết liệt đứng lên với bất cứ giá nào để giữ tròn chung thủy với dân, khi tiết với nước, mà bảo vệ chính nghĩa đó. Hành vi lựa chọn này đã hiện lên thành một lý tưởng thẩm mỹ nồng nhiệt say sưa dưới ngòi bút mạnh mẽ của cụ. Thủy chung với nước với dân, dũng cảm chiến đấu cho lẽ phải, bất chấp mọi điều kiện khó khăn. Đó là cái đẹp của *Nghĩa*.

Lý tưởng *Nghĩa* này không những được xác minh bằng tang chứng của một xu hướng thẩm mỹ mà còn được chứng minh bằng chỗ đứng « ngang tàng » nhưng tất yếu của Đồ Chiểu trong hoàn cảnh lịch sử đương thời. Cụ là một nhà nho yêu nước, thuộc loại đã thấm sâu truyền thống kiên cường của dân tộc, có một tinh thần phụ trách cao trước vận mệnh của Tổ quốc, trước số phận của nhân dân. Dù những nhà nho này có bị nhào nặn bao nhiêu đi nữa trong cái khuôn Khổng Mạnh Trình Chu — mà nhà Nho không có quyền lợi thống trị thường chỉ tiếp thu cái phần ảo tưởng có tính chất toàn dân của đạo lý —, thì lịch sử Việt-nam vẫn có tác dụng quyết định đối với tư tưởng của họ cùng với sự tác động của cuộc đấu tranh giai cấp mà họ bị cuốn vào — Nhân Nghĩa của Khổng Mạnh ra đời với quan điểm của một giai cấp nhất định ở một hoàn cảnh lịch sử nhất định, không thể nào được ứng dụng nguyên xi ở thời sau, huống gì ở các giai đoạn khác nhau của lịch sử Việt-nam... Nhất là dân tộc này, đề tồn tại và phát triển. Bên cạnh tham vọng^{tp} của

những nước đông hơn, đã phải trả một giá đấu tranh vô cùng to lớn. Một khát vọng riêng, một cách đánh giá, suy nghĩ riêng, một phong cách xử thế riêng của người Việt-nam đã sinh ra từ cái thực tiễn lớn lao và ác liệt đó. Những tôn giáo, học thuyết ngoại lai nói chung và Nho giáo nói riêng du nhập vào đây đều đã bị cái giá trị mạnh mẽ kia uốn nắn cải tạo hoặc phủ định, theo yêu cầu riêng của dân tộc. Nhân Nghĩa bao lần bị huy động vào công cuộc chống xâm lăng, đã mất nhiều cái chất Khổng Mạnh chính cống của nó. Khi Nguyễn Trãi « lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo » và nói « việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt trước lo trừ bạo », « lấy yếu thắng mạnh dùng nhân, lấy ít địch nhiều dùng nghĩa » là ông đã dựng lên một đạo Nhân Nghĩa riêng của Việt-nam. Ở hai đầu cực trái phải của nhân nghĩa đã không còn quý tộc và địa chủ, thiên tử và chư hầu nữa, mà chỉ còn mâu thuẫn sống mái giữa quyền lợi của nhân dân, dân tộc với bọn xâm lược. Đối tượng đã đổi, mục tiêu đã đổi, cứu cánh đã đổi, tất nội dung ý nghĩa của danh từ cũng đổi.

Cái Nghĩa của Nguyễn Trãi, phất lên trên ngọn cờ cứu nước, biểu hiện cái chính nghĩa của một dân tộc, cho nên ông phải đổi Nghĩa thành Đại Nghĩa. Cái Nhân mà xưa kia Khổng Mạnh dùng để đắp xây trật tự vua tôi thì chính nay được Nguyễn Trãi dùng cho quyền sống của dân và đổi thành Chí Nhân. Cái Hiếu mà Khổng Tử dùng làm phương tiện cho Trung, làm lời cho Nhân nằm trong khuôn khổ của Lễ nhằm bảo vệ trật tự phong kiến thì chính nay được Nguyễn Trãi hướng vào nghĩa vụ đối với Tổ quốc, và Hiếu được ông đổi làm Đại Hiếu. Hiếu với cha là phải cứu nước. Mặt khác, Nguyễn Trãi cũng đã chuyển Nghĩa lên thành cái ý chí bất khuất

của dân tộc trước sức mạnh của bọn xâm lăng tàn bạo. « Lấy ít địch nhiều dùng nghĩa ». *Nghĩa* đó cũng là một sự lựa chọn quyết liệt, đàng hoàng, của cái khí tiết Việt-nam vì nước vì dân.

Nguyễn Đình Chiểu, nhà nho yêu nước tiêu biểu của đất Đồng-nai vẫn đứng trên con đường lớn này của truyền thống và đã tiếp thu cái *Nghĩa* của Nguyễn Trãi. Hào khí Đồng-nai (với hai điển hình sắc sảo là Trương Định và Bùi Hữu Nghĩa) và tinh huống lịch sử thời Đồ Chiểu lại càng khiến cụ phát cao hơn nữa ngọn cờ *Nghĩa* trên cả hai trận địa : trận địa chống ngoại xâm và trận địa chống phong kiến phản động. Thế kỷ XIX là thời suy mạt của phong kiến nhà Nguyễn. Bởi luôn luôn ở trong thế mâu thuẫn gay gắt với dân, nhà Nguyễn từ đầu, đã cố đề cao Nho giáo đang dùng nó làm vũ khí cho quyền lợi ích kỷ của họ. Thời bình, họ cầm « Nhân Nghĩa » để đàn áp công thần, lũng đoạn trái phải. Tạo ra hàng loạt quan lại mà tài cán chỉ là văn chương « điều tròng », đạo đức chỉ là bóp, nặn dân chúng (xem Điều trần của Nguyễn Xuân Ôn). Khi Tổ quốc lâm nguy, họ nhân danh « Nhân Nghĩa » để bỏ dân, hàng giặc, lấy cớ rằng « Nhân » là phải để dân « yên nghĩ ». Khi đất nước bị họ cắt cho giặc, thì họ lại đưa « Nhân Nghĩa » ra mà kêu gọi sĩ phu, dân chúng phải « Trung » với hiệp ước hàng giặc, và dùng đạo Trung quân để xử tội người yêu nước. Đề biện họ cho cái « Nhân » đầu hàng, họ có cái « Mệnh » thất bại chủ nghĩa. Họ dựng thế lực của giặc lên thành một thế lực thần thánh. « Bá ban kỹ xảo tề thiên địa, Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền ». Câu thơ khiếp nhược này của Phan Thanh Giản đã tiêu biểu khá rõ cho cái Mệnh đó. Như vậy, Nho giáo trong tay nhà Nguyễn đã trở thành vũ khí của bọn phản động. Nhân Nghĩa đã nổi giáo cho giặc rồi. Đứng trước

ình huống này, nhân dân và nhà nho yêu nước đương đầu với hai kẻ thù một lúc, trước muôn trùng khó khăn, chỉ còn một cách là đứng lên với cái Nghĩa vì nước vì dân, cái Nghĩa dám nghĩ dám làm, tự lực cánh sinh đập bằng mọi trở lực mà đánh giặc; cái Nghĩa thủy chung với tổ tiên, chống bọn phong kiến « vong gia bội tổ ». Muốn Trung với nước, phải chống triều đình, muốn « yên dân » phải đánh giặc. Phải lấy Nghĩa mà đánh, vỡ cái Nhân đầu hàng, phải lấy Nghĩa mà đập tan cái Mệnh bạc nhược. Muốn Nhân, phải Nghĩa. Nghĩa là Nhân của dân tộc đang đứng lên chiến đấu, chứ không phải của Khổng Mạnh, của nhân dân chứ không phải của vua chúa (1). « Đó là cái sinh khí của truyền thống văn hóa ngàn năm của dân tộc chứ không phải của giai cấp phong kiến suy tàn » (Lê Duẩn).

Tóm lại, sự ăn khớp kỳ lạ của cái lý tưởng Nghĩa của Đồ Chiểu, phở vào một cách thấm thía, trọn vẹn, hệ thống, trong tác phẩm, dưới một phong cách nghệ thuật tập trung, với một bên là vũ trụ quan « âm dương », lịch sử quan « tà, chính khí » tương khắc, với một bên là cái hành vi lựa chọn dũng cảm cao cả của nhà nho trong một tình huống đấu tranh phức tạp và ác liệt của xã hội Việt-nam cuối thế kỷ XIX, tiêu biểu cho hào khí Đồng-nai, và truyền thống lớn của dân tộc, cho quy luật tồn tại cơ bản của nó, dù muốn hay không muốn đã xác minh sự có mặt của cái Nghĩa Nguyễn Đình Chiểu như là cái nguyên lý duy nhất làm nên vừa là cái phương châm xử thế vừa là cái cảm hứng chủ đạo trong sáng tác độc đáo của nhà thơ.

(1) Đây không còn là cái Nghĩa của Nho giáo trong tam cương, nhấn mạnh lòng trung của tôi đối với vua; cũng ngược hẳn với chữ Nghĩa dùng trong luật lệ phong kiến Việt-nam.

Nghĩa đó rất sinh động vì rất thời sự, nhưng cũng rất phổ cập và rất truyền thống. Nó đạt tính cơ bản nhất của truyền thống nên cũng rất hiện đại. Chính vì thế, Nguyễn Đình Chiểu đã vượt thời đại của cụ mà đang cùng đi với chúng ta trong cuộc trường chinh yêu nước của thế kỷ XX này.

7 - 1972

ĐỒ CHIỀU VỚI SỰ CHUYÊN MÌNH CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC

CAO HUY ĐÌNH

NGUỖN ĐÌNH CHIỂU luôn luôn bày tỏ nỗi lòng yêu nước, thương dân và nhân đạo. Thơ văn ông vừa hiện thực, vừa trữ tình lại có tính chất giáo huấn mãnh liệt. Qua các bài văn tế nghĩa sĩ và những bài thơ trực tiếp nói về đề tài kháng chiến, ca ngợi anh hùng chống Pháp xâm lược, ông đã đưa văn học di sản vào con đường chiến đấu chính trị. Đó là bước chuyển hướng quan trọng của văn học Việt-nam giữa thế kỷ XIX. Vì thực dân Pháp tàn bạo đàn áp nhân dân và thâm độc gieo rắc văn hóa nô dịch, giai cấp phong kiến qui tộc thì hèn nhát, bắt lực và phản bội, nên nghĩa quân phải hy sinh, dân tình cơ cực, và riêng ông lại lo âu nhiều và chóng già yếu. Hoàn cảnh chung, riêng càng hiềm nghèo thì Nguyễn Đình Chiểu càng hướng mạnh vào mục đích đấu tranh văn hóa và giáo dục đạo đức truyền thống dân tộc. Trí tuệ và ngòi bút ông nỗ lực thực hành và truyền thụ cái tinh thần *văn hóa vì dân, vì nước* mà ông hằng nuôi dưỡng và ấp ủ. Văn hóa đó, ông đã tóm tắt trong bài thơ *Đạo Ngươi* :

Đạo Trời nào phải ở đâu xa,
 Gọi tấm lòng người có giải ra.
 Mến nghĩa bao đành làm phản nước,
 Có nhân nào nữ phụ tinh nhà.
 Xưa nay đều chọn đường trung hiếu,
 Sách vở còn ghi lẽ chính tà.
 Năm phạm rừng Nhu sẵn sóc lầy,
 Ấy là đạo vị ở mình ta (1).

Lục Vân Tiên kết tinh Đạo Người vốn là của nhân dân, nên ngày càng bén rễ trong nhân dân và biến hóa ra nhiều hình thức sinh hoạt dân gian phong phú. Truyện thể hiện Đạo Người, giúp dân thực hành Đạo Người thật sự.

Bớ em ơi! Em đừng suy nghĩ thiệt hơn,
 Hãy ở như Nguyệt Nga ngày trước, lòng dạ
 keo sơn chẳng rời.

(Hò mái nhì Trị-Thiên)

Mịra đừng tham sắc mê tình,
 Hãy ngó Vân Tiên ăn ở chí tình thủy chung

(Hò chèo thuyền Nam-bộ)

Dương Tử — Hà Mậu là một bài ca phê phán nhân tình thế thái, duyệt lại các thứ tín ngưỡng tôn giáo và triết lý đề khẳng định Đạo Người theo quan niệm về Nho « gốc » của tác giả.

Ngự Tiều vấn đáp nhằm xây dựng hệ thống y lý vật chất và tinh thần trong khoa học thực hành Đạo Người của Nguyễn Đình Chiểu, sau khi đã kích không thương tiếc mọi sai lầm của các thứ phương thuật cổ truyền đã phá hoại sự phát triển tự nhiên của thể xác và tâm hồn con người.

(1) Những chữ không in nghiêng là do tác giả bài này nhấn mạnh.

Như vậy là *thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang nội dung văn hóa rõ rệt*. Điều này là chìa khóa để đánh giá đúng đắn và toàn diện sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu.

Nội dung văn hóa ấy bao gồm đạo đức học, triết học, tôn giáo học và khoa học được trình bày trong một dạng hỗn hợp dưới hình thức thơ ca vốn quen thuộc ở các nhà văn hóa cổ truyền phương Đông. Vì vậy, chúng ta cần xem lại sự vận động tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu trong cái khối thống nhất hữu cơ giữa nội dung và hình thức của nó — nghĩa là về phương diện loại hình lịch sử của nó, chứ không phải trong từng câu văn với ngữ nghĩa tĩnh tại và riêng lẻ.

Nguyễn Đình Chiểu không chỉ ca lên bài ca yêu nước, bài ca thương dân và bài ca nhân đạo hết sức thành thực làm xúc động mọi người Việt-nam chân chính. Ông còn muốn phổ biến văn hóa của ông cho quần chúng bằng hình thức thơ ca quen thuộc với quần chúng. Ông muốn mọi người thấm nhuần phương châm đạo đức làm người, quán triệt trong nội dung văn hóa ấy và thực hành nó triệt để. Ông không phải là người ham chuộng từ chương, mà là người chuyên tâm phê phán văn hóa cũ, đồng thời xây dựng, thực hành và phổ biến văn hóa mới, nhưng không vì thế mà không có sáng tạo trong thơ ca. *Chinh ý đồ cải cách văn hóa theo lập trường vì dân vì nước, theo tinh thần Đạo Người đã đưa ông đến sự sáng tạo đó.*

Ý đồ này, sáng tạo ấy toát ra từ toàn bộ tác phẩm ông, càng đọc càng rõ, và có thể được dẫn chứng bằng bất cứ một thể tài, một tác phẩm, hay một đoạn văn nào của ông.

Trước hết, Nguyễn Đình Chiểu nằm trong trào lưu phê phán chủ nghĩa hình thức hư danh của văn hóa giáo dục phong kiến suy đồi, chủ nghĩa trục lợi và mê

tin ngu dân hại nòi của các tôn giáo và y lý huyền bí có tinh chất phương thuật của các tôn giáo ấy. Tinh thần phê phán này đã manh nha từ thế kỷ XVI với Nguyễn Dữ, Nguyễn Bình Khiêm, với tác giả *Thánh Tông di thảo*, v.v... cho đến các nhà văn hóa thế kỷ XVIII như Lê Quý Đôn, Hải Thượng Lãn Ông, Nguyễn Cư Trinh, v.v..., gắn liền với dòng văn hóa thực tiễn dân gian đang ngày càng chống lại mãnh liệt văn hóa phong kiến suy đồi từ bên dưới. Với Nguyễn Đình Chiểu, văn hóa Việt-nam tiếp tục tinh thần đó, nhưng có ý thức hơn, toàn diện và công khai hơn, cấp bách và dứt khoát hơn. Nó kết hợp chặt chẽ hơn ba tinh chất dân tộc, nhân dân và nhân đạo. Nó quyết tâm và kiên trì phục vụ nhiệm vụ chính trị cứu nước cứu dân vô cùng trọng đại ở thế kỷ XIX. Đó là đặc điểm nổi bật của Nguyễn Đình Chiểu.

Ông đã duyệt lại những chỗ mạnh và chỗ yếu của văn hóa cổ truyền phương Đông (hạn chế trong Việt-nam và Trung-quốc). Ông phê phán, gạn lọc nó thành những bài học đạo đức thực tiễn, làm sao có ích tối đa cho việc cứu dân, cứu nước ra khỏi tình cảnh lầm than, nô lệ và ngu tối — tình cảnh này đã trầm trọng lại càng trầm trọng hơn dưới gót sắt của bọn « quỉ trắng ».

Ông phê phán đạo Tiên, đạo Phật không phải chủ yếu về phương diện giáo lý mà về phương diện thực tiễn. Nhưng cũng chính nhằm vào sự tố cáo, sự truy xét cái tác dụng vật chất rất nguy hại cho dân cho nước của lớp người thực hành những giáo lý ấy, mà ông đã vạch trần được những nhược điểm cơ bản của họ về phương diện giáo lý. Mê tín và phù phép của họ đã giết chết sinh mạng từng người dân từ cái mầm sơ sinh của giống nòi. Chủ nghĩa thoát tục ảo mộng siêu hình của họ dễ dàng để nước mất nhà tan (*Ngư Tiều*

vấn đáp). Nhưng mặt khác, ông vẫn duy trì những tình cảm vô tư và việc hành thiện không vụ danh vụ lợi của nó. Thậm chí ông sử dụng cả những uy lực linh thiêng sẵn sàng phù trợ hoặc cải tử hoàn sinh cho những người có chính nghĩa, hiện thân toàn vẹn của Đạo Ngời (như *Lục Vân Tiên*): Cao hơn nữa, bằng những hình tượng hài hước ẩn dụ, ông biểu thị thái độ trừng trị không thương tiếc bọn đầu cơ tôn giáo, hại dân hại nước (*Ngư Tiều vấn đáp*). Các phần tử thực hành đạo Gia-tô câu kết với bọn cướp nước, tất nhiên đã bị ông phủ định hoàn toàn (*Tà đạo trong Dương Tử — Hà Mậu*). Riêng đạo Nho, ông phê phán sự sa đọa, mất gốc của nó diễn ra ở các đời sau; nó kích thích mê dâm, cường quyền và bạo lực. Lời ông Quán trong *Lục Vân Tiên*, *Đại học chi đạo* và *Khổng Tử* trong *Dương Tử — Hà Mậu*, v.v...).

Ông thấy hết mặt tích cực của các thứ triết lý tôn giáo nói trên chưa? Ông hoàn toàn khách quan với mọi đối tượng phê phán của ông chưa? Mặt khác, ông đã phủ định được toàn bộ hệ ý thức phong kiến chưa? Xét về phương diện lịch sử tư tưởng văn hóa thì Nguyễn Đình Chiểu chưa thể vượt ra khỏi những thành kiến, những giới hạn hẹp hòi của thời đại ông. Nhưng trên con đường tất yếu phải chuyển mình của văn hóa Việt-nam trước cuộc đọ sức quyết liệt và không đội trời chung với cái thứ văn hóa tư sản Âu Tây xâm lược bằng «thuyền đồng và súng nhị tâm», nó dịch bằng «xà phòng thơm và rượu ngọt», ông Đồ Chiểu mù hai mắt nhưng sáng suốt, hiên ngang, cao lớn lạ thường. Và lê tè dưới gót ông là «bọn tam giáo quen theo đường cũ» và «bầy cứu lưu cứ giữ nghề xưa», còn nói chi đến «đứa dành lòng theo giặc»! Mục đích của ông là độc lập dân tộc, hạnh phúc nhân dân. Quan điểm

của ông là chính trị và thực tiễn. Phương pháp của ông là phê phán công khai và thẳng thắn. Ông đã « tra án » những kẻ ông thấy cần « tra án » : thứ nhất, « bọn quỷ trắng » và bọn phản bội ; thứ nhì, bọn hèn nhát và bảo thủ... ; thứ ba, bọn « đua tranh công lợi, lấp dòng nghĩa nhân » (*Ngư Tiều vấn đáp*). Ông đã thắng lợi từ trong ý chí và tư tưởng. Ông là một chiến sĩ văn hóa của thế kỷ XIX. Cái tinh thần chiến sĩ đó trong văn hóa Việt-nam, dường như đã chìm đi khá lâu sau Nguyễn Trãi. Và rất hiếm có những Ngô Thi Sĩ, Cao Bá Quát để tiến tới Nguyễn Đình Chiểu.

Vậy Nguyễn Đình Chiểu xây dựng cái gì ? Sau khi dung đến hầu như toàn bộ các triết lý tôn giáo cổ điển phương Đông, ông *trở lại thanh lọc đạo Nho*. Khó mà nói đạo Nho chỉ còn lại với ông như một cái *vỏ*, hay là *phương tiện diễn đạt*. Làm gì có cái khái niệm thuần túy (Nho giáo) mà lại không có nội dung (Nho giáo). Hưởng hồ ông vẫn coi « năm phẩm rừng Nhu » là « đạo vị » của mình và cho Ngọc Hoàng rọi hào quang lên hình hài Khổng Phu Tử. Dù thế nào, tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu cũng chưa thoát ra khỏi « rừng Nhu » được. Nhưng ở trong cái rừng già héo cỗi ấy đang vươn mạnh lên những cây đời xanh tốt hồng vượt ra khỏi bóng đen ảm thấp để đón gió lộng trời xanh. Cây đời ấy, là sự vận động mãnh liệt của tình cảm tự nhiên, của đạo đức thực tiễn bắt nguồn từ lao động, của nguyện vọng dân chủ và lòng yêu nước, đoàn kết dân tộc mà người nông dân Việt-nam đã tích lũy được qua mấy thế kỷ chống phong kiến, chống ngoại xâm. Sự vận động ấy đã từng làm nổ ra cuộc cách mạng Tây Sơn vĩ đại ở ngay trên con đường đi xây dựng quê hương mới của cha ông Nguyễn Đình Chiểu và đông đảo bà con cô bác Đồng-nai. Ở đây ngay từ đầu, những tinh cách hào

phóng cương trực không chịu khuất phục giai cấp phong kiến, từ mọi miền của đất nước đã tụ hội lại thành « dân ấp, dân lân ». Nên khi hữu sự, họ quyết đoàn kết chiến đấu, « ăn gan », « cắn cổ » quân thù đến đũa chót, để bảo vệ cuộc sống tập thể vừa mới ổn định được, tiếp tục xe thêm giường mỗi cũ của tổ tiên và giành lại nền độc lập cho cả nước.

« Nhà yên, nước trị, dân bình » là yêu cầu cấp bách của đồng bào, làng xóm quê hương ông. Chính từ thực tiễn sinh động ấy mà ông muốn trở lại cái gốc của đạo Khổng, đạo Ngu Thuấn thời cộng đồng xưa, lấy nó mà khuôn đạo Người của ông. Đó là phương thức suy nghĩ của các ông đồ bình dân hàng bạc trong truyện nôm, trong kịch bản chèo, tuồng, trong ca vè về anh hùng nông dân chống phong kiến đã phồn thịnh từ thế kỷ XVIII. Nhân sinh quan của họ là của người nông dân pha màu đạo đức Nho giáo. Cũng có thể nói, đó là quá trình vừa bình dân hóa Nho học, vừa hệ thống hóa những tình cảm của người lao động để chống đối lại chế độ phụ quyền và đẳng cấp quan liêu ngày càng nặng nề từ Lê đến Nguyễn.

Vì vậy mà ông Đồ Chiếu giỏi nhất trong các ông đồ, ở trong tác phẩm của mình, đã phá vỡ bức tường ngăn cách xã hội và tạo ra không những là một mối giao cảm dằm thắm mà còn là một sự giao hòa rộng rãi giữa các hạng người

[Người lao động..... văn nhân kiêm dũng sĩ]
[Tôn sư cao đạo..... minh quân]]

dưới ánh sáng của Đạo Người thực chất là lẽ sống cộng đồng và hạnh phúc tập thể của nhân dân.

Đây là phe thiện của Nguyễn Đình Chiếu, mà người nông cốt thực hiện là văn nhân — dũng sĩ có đủ trí,

nhân, dũng như Lục Văn Tiên mới hoàn thành nhiệm vụ của mình được. Anh trở về với người lao động để hiểu sự đời và mục đích sống, đi đến với tôn sư cao đạo để học cho tinh tường Đạo Ngươi, rồi lại trở ra thực hành đạo ấy, cùng với quần chúng chiến đấu và được quần chúng giúp đỡ tiêu diệt mọi lực lượng tàn ác, ngu muội, xấu xa, kẻ thù của đạo ấy. Và cuối cùng, anh thắng lợi rồi được chọn làm minh quân để trị đời trong an cư lạc nghiệp và thái bình thịnh vượng tuyệt đối. Dưới dạng cốt truyện hình tượng, Lục Văn Tiên đã thể hiện sinh động kiểu mẫu người tích cực và quá trình chiến đấu để thực hành lý tưởng ấy của Nguyễn Đình Chiểu.

Trong *Dương Tử — Hà Mậu*, con người văn nhân bế tắc đang « ngẩn ngơ nào biết đó đâu đưa mình » bỗng nghe theo tiếng « hát lồng dây vang » rất đổi tự hào lạc quan của ông Ngự, ông Tiều mà thoát nạn « lỡ làng công phu » và tìm ra đường đi tới chân lý :

*Núi non đầy nhiều cây nghênh ngang,
Độn trống đường, nhờ cán búa ta.*

Rõ ràng quần chúng lao động và đạo sĩ đều là tôn sư, đều là nguồn sống, sức mạnh và ánh sáng của người trí thức. Quần chúng lao động và đạo sĩ này lại khi tách, khi nhập với nhau, nhưng nói chung là đồng nhất với nhau đến độ tự nhiên nhất ở trong *Ông Quán*, *Ông Ngự*, *Ông Tiều*. Họ luôn luôn xuất hiện trên con đường đi của người trí thức, sẵn sàng đối thoại, giảng giải, chỉ vẽ và giúp đỡ đến cùng cho anh ta. Ba nhân vật ấy cũng chính là một Nguyễn Đình Chiểu tích cực, lạc quan đang tự khắc họa vậy. Phải nói rằng bức tranh về lý tưởng cứu đời, cứu dân, cứu nước như thế thật là hồn nhiên theo ước mơ và tưởng tượng lãng mạn của ông. Nó mang cái quan điểm xã hội dân chủ ngây thơ chất phác của người nho sĩ hòa mình với nông dân lao

động, nhưng vô cùng trong sáng và kiên trì của một chiến sĩ yêu nước tột độ.

*Sự đời thà khuất đời tròn thịt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.*

Cái thể vận động mãnh liệt của sự đời và lòng đạo ở nội tại tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu — chưa từng có trong văn học phong kiến công thức im lìm, trùng lặp từ lâu — đã làm cho loại hình và ngôn ngữ của ông cũng có nhiều biến chuyển bất ngờ trong cái vẻ cổ truyền bề ngoài dường như bất biến. Vẫn là truyện nôm ấy, bài văn tế ấy, bài thơ Đường luật ấy, v.v..., nhưng nghe sao khác lạ.

Nguyễn Đình Chiểu đã huy động một khối lượng chằng chịt, trùng điệp của văn học dân gian, văn học Hán, từ thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, biểu tượng tôn giáo tín ngưỡng, lịch sử, ngụ ngôn, truyện thơ và nhất là tục ngữ, ca vè để diễn đạt, đưa thơ ca và tiếng nói Việt-nam đến những lời văn trứ linh tha thiết và tự sự danh thép. Đáng chú ý nhất là những kiểu ẩn dụ châm biếm phê phán triết lý (1) rất độc đáo. Chất chính trị thời sự nóng hổi trong những yếu tố thần thoại lịch sử. Cách cảm nghĩ chất phác bộc trực của người lao động đi liền với nếp tư duy bằng điển cố của nhà Hán học. Nội dung văn hóa nhiều mặt được chuyển thành ca vè, thơ cổ điển, hoặc cả hai trộn lẫn, hoặc nhiều thứ hỗn thể bất ngờ khác. Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa ruyền thống văn hóa chung của dân tộc, trong cái vẻ riêng của miền Nam mà người báo hiệu đầu tiên chính là Nguyễn Cư Trinh. Bài *Sãi vãi* làm nở câu tục ngữ «sư nói sư phải, vãi nói vãi hay» thành một trường thiên ẩn dụ triết lý theo kiểu nói lối trong tuồng. *Kiều*

(1) *Allégorie-philosophique.*

đối thoại triết lý bằng thơ ca như thể đã phổ biến trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu. Ca hát đối đáp dân gian, giọng tuồng, ngâm nói, xưng họa thơ cổ điển, do đó đã được dùng thoải mái và có khả năng trở thành kịch thơ triết lý. Ông đã tạo ra những bố cục kỳ lạ diễn tả các cuộc tiếp xúc của *những nhân vật tượng trưng cho các ý niệm triết học tôn giáo* mà ông muốn đem ra để so sánh đối chiếu. Ông cho các nhân vật ấy gặp nhau, tranh luận với nhau, phê phán nhau để tìm kiếm, lựa chọn và khẳng định chân lý. Và cao hơn cả, vừa hài hước, vừa quyết liệt là những màn kịch « tra án » trong *Ngư Tiên vẫn đáp*. Nổi tiếng về lập trường yêu—ghét, mà các nhà phê bình nghiên cứu đã trích dẫn hàng trăm lần, là cuộc đấu lý giữa ông Quán, Lục Văn Tiên, Tử Trục một bên, —bên văn hóa chính nghĩa phục vụ quần chúng, với Trịnh Hàm, Bùi Kiệm một bên. —bên văn hóa phi nghĩa của bọn quý tộc. Cũng thật là thâm thúy khi Nguyễn Đình Chiểu đã vẽ ra *những cuộc hành trình đi tìm chân lý* của các văn nhân, đạo sĩ, lúc thì giữa phong cảnh non sông đất nước rất thực như làng quê Nam-bộ, lúc thì qua các thế giới ma quỷ thần tiên giống lối hư cấu của nhà văn hóa Phục hưng thế giới như Đăngtơ, Anđécxơn, Gơtơ ở châu Âu, trên hay Bharati, Tago, Lỗ Tấn ở phương Đông.

Như vậy là thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nhìn qua thì dễ tưởng là tĩnh, là cổ, mà hóa ra rất động, rất mới, cuộn cuộn sôi sục ở bên trong. Cái động, cái mới này suy đến cùng là của thế kỷ XIX Việt-nam mà cũng là của thế kỷ XIX phương Đông. Đây là thời kỳ phương Đông đang tự ý thức mạnh mẽ, đang tự phê phán sôi nổi trong cuộc « đối thoại » quyết liệt bằng súng đạn với kẻ thù xâm lược phương Tây.

— « Quyết diệt bọn quỷ trắng », « không đội trời chung với giặc trời ».

— « Dậy lên hỡi bão tố trời Đông, hãy áp đảo cơn gió Tây độc địa ».

— « Nhóm thổi luồng chính khí, quét sạch mọi tà khí ».

— v.v...

Những tiếng thét như thế hay cùng ý nghĩa như thế đã vang dậy từ Bengan đến Việt-nam, từ Việt-nam đến Thượng-hải trước sau « Chiến tranh Nha phiến » và từ những 40 năm của thế kỷ trước. Các dân tộc lần lượt suy tôn những anh hùng dân tộc đầu tiên của mình chống chủ nghĩa thực dân tư bản, và liền đó cũng chứng kiến những chiến sĩ phục hưng văn hóa dân tộc của mình chống văn hóa nô dịch, phản động và lai căng, đồng thời đặt vấn đề kế thừa có phê phán văn hóa cổ truyền. Nguyễn Đình Chiểu là chiến sĩ đầu tiên ấy ở Việt-nam, đã khơi thêm dòng cho truyền thống yêu nước thương dân chảy mạnh, chảy gấp hơn lên trong văn hóa Việt-nam.

Tinh thần dân tộc, tinh cảm dân chủ và lòng nhân đạo ấy thật là thấm thiết như lòng yêu mẹ của Lục Vân Tiên, dứt khoát như lời ông Quán, sắt đá như ý chí Nhân Sư. Nó tràn trề, chân chất như cuộc sống, làm nên sự giản dị—vĩ đại của Đồ Chiểu, của văn hóa dân tộc ở nửa sau thế kỷ XIX

Nhưng điều kiện lịch sử chưa đủ đề cho nội dung văn hóa Nguyễn Đình Chiểu đạt đến một *hệ ý thức* dân tộc — dân chủ. Mười bảy năm sau ngày mất Nguyễn Đình Chiểu mới xuất hiện Phan Chu Trinh. Ba mươi năm sau đó Bác Hồ mới gặp tư tưởng Lênin. Cuộc khủng hoảng về lãnh đạo của cách mạng Việt-nam ở cuối thế kỷ XIX còn kéo dài đến đầu thế kỷ XX. Tuy

vậy, tinh thần cách mạng chính trị đã bừng bừng trong niềm căm giận của dòng bào muốn « chém Tây như chuối » (*Về yêu nước*), tinh thần cách mạng văn hóa đã tiềm tàng trong thuyền đạo đầy không khảm và ngòi bút đậm gian chẳng là của nhà thơ mù sáng suốt nhất trong những nhà thơ đương thời. Tinh thần ấy đến những năm 30 của thế kỷ này sẽ được phát huy mạnh mẽ chưa từng có dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương.

Nguyễn Đình Chiểu là ý thức dân tộc chuyên mình, là lương tâm dân tộc trời dấy, đã đấu tranh kiên cường chống mọi kẻ thù chính trị và văn hóa đương thời của dân tộc, và gìn giữ cho tinh cách Việt-nam khỏe khoắn trong lành. Đồ Chiểu còn mãi với chúng ta.

5 - 1972

TỪ NHÂN SINH QUAN ĐẾN THẨM MỸ QUAN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

VŨ ĐÌNH LIÊN

Vị trí và giá trị thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học Việt-nam nói chung và trong dòng văn học yêu nước nói riêng lớn lao như thế nào, đó là một điều mà tất cả mọi người đều khẳng định. Nhưng có một vấn đề quan trọng mà nhiều người chưa nhất trí, đó là giá trị và tác dụng lớn lao của văn thơ Nguyễn Đình Chiểu có phải chủ yếu là ở nội dung tư tưởng thời, còn về nghệ thuật thì có thấp không; hay giá trị của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là toàn diện, cả về nội dung lẫn hình thức?

Chúng tôi muốn phát biểu một số ý kiến góp phần vào việc giải quyết sự chưa nhất trí này. Vấn đề cần tìm hiểu trước hết là đặc điểm của hình thức nghệ thuật, của phương pháp biểu hiện của Nguyễn Đình Chiểu, hay nói rộng ra là phương pháp nghệ thuật ấy xuất phát từ một quan niệm thẩm mỹ nào và quan niệm thẩm mỹ ấy bắt nguồn ở đâu, từ nguồn gốc tư tưởng nào, từ nhân sinh quan nào?

Trong bài thơ nhan đề *Sĩ*, trong số bốn bài thơ *Sĩ, Nông, Công, Thương*, Nguyễn Đình Chiểu đã viết :

*Cầm văn thêu dệt đời, đời chuộng,
Mùi đạo trau giồi bữa, bữa no.
Gặp thuở mây xanh siêng đọc sách,
Mỗi câu đều hưởng phúc trời cho...*

Trong *Lục Vân Tiên*, ngay ở đầu truyện, khi nói đến tài học của Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu cũng viết:

Vân đà khởi phụng đẳng giao...

nghĩa là văn đẹp như con phượng trời dậy, con rồng bay cao. Ở đoạn Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga trao thơ cho nhau, sau khi Vân Tiên đánh tan bọn cướp, cứu được Nguyệt Nga, Nguyễn Đình Chiểu lại viết :

*Nguyệt Nga ứng tiếng xin hầu,
Xướng tay liền đã tám câu năm vần.
Thơ rồi này thiếp xin dâng,
Ngửa trông lượng rộng văn nhân thế nào.
Vân Tiên xem thấy ngạt ngào,
Ai ngờ sức gái tài cao bực này !
Đủ mau mà lại thêm hay,
Chẳng phen Ta nữ cùng tày Tư phi.
Thơ ngám đủ xuất đủ kỳ,
Cho hay tài gái kém gì tài trai !*

Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, ở phần *Lung khởi*, đoạn *Ngư, Tiều* gặp nhau, cùng làm thơ, Nguyễn Đình Chiểu viết :

*Ngư rằng : Vốn thật thày nhu,
Lòng ciru gấm vóc, lại giàu lược thao.
Nói ra, vầng đá chẳng xao,
Văn ra : dấy phụng, rời giao tung bưng...*

Qua những dẫn chứng trên đây, chúng ta thấy Nguyễn Đình Chiểu rất chú trọng đến cái hay, cái đẹp trong

thơ văn; ông đã vi thơ văn như gấm thêu, vóc dệt, như rồng bay phượng múa, như vàng, như đá, càng viết càng hay, càng lạ.

Nhưng cái đẹp, cái hay trong thơ văn đối với Nguyễn Đình Chiểu không phải là cái đẹp, cái hay hình thức, mà cái đẹp, cái hay ấy phải bắt nguồn từ nội dung đạo đức, từ hương thơm ngọt ngào của thơ văn, cái đẹp là cái đẹp của vàng, cái rắn là cái rắn của đá.

Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, ở phần ba (*Nhập môn*) đoạn Nhập môn, Đạo Dẫn, Ngư, Tiều xưng họa, Nguyễn Đình Chiểu viết :

*Nói theo đạo cũ Kim Liên,
Cùng nhau xưng họa đoán thiên nói bài.
Mặc dầu hai chữ tả hoài,
Việc xưa, được, mất, bởi ai, có gì ?
Người xưa, sao có thị phi,
Đạo đời sao có thịnh suy chẳng đồng ?*

Chúng ta thấy cái nội dung rộng bao la và sâu thẳm của thơ văn trong quan niệm Nguyễn Đình Chiểu, cái nội dung ấy bao gồm cả một nhân sinh quan, một triết lý về cuộc đời, về con người, về lẽ phải trái, về quá trình lịch sử...

Chúng ta cũng thấy rằng, thơ văn, theo quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu, không phải là thứ phù phiếm ngâm hoa vịnh nguyệt, mà phải có tác dụng bổ ích cho con người, cho xã hội, qua việc biểu dương điều hay, phê phán việc dở, như linh thần « bao biếm » của Khổng Tử khi viết sách *Xuân thu* :

*Học theo ngôi bút chí công,
Trong thơ cho ngụ tấm lòng Xuân thu.*

Trong *Lục Vân Tiên* tác giả đã mở đầu với hai câu :

*Hỡi ai lảng lạng mà nghe,
Dĩ răn việc trước, lành dè thân sau.*

Tiếp đến, Nguyễn Đình Chiểu lại viết :

*Bấy lâu cửa thánh gần kề,
Đã tươi khi tượng, lại xuê tinh thần.*

Thơ văn của « thánh hiền » xưa là như vậy. Nói cách khác, thơ văn phải có tính chất chiến đấu, chiến đấu cho chính nghĩa, cho đạo đức, chống lại gian tà, như Hồ Chủ tịch đã nói « trong thơ nên có thép ». Trong bài *Than đạo*, Nguyễn Đình Chiểu viết :

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!*

Trong bài *Vịnh Không Tử*, Nguyễn Đình Chiểu cũng viết :

Nét mực tu kinh ngăn đũa loạn...

Như vậy, có thể nói là Nguyễn Đình Chiểu đã cho ta thấy rõ quan niệm thẩm mỹ của ông, đặc biệt là về mục đích và tác dụng của thơ văn.

Đối chiếu quan điểm này với cuộc đời và con người ông, ta sẽ thấy rõ sự nhất trí giữa nhân sinh quan và thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu.

Nhà thơ từng viết :

*Trọn đời một tấm lòng son,
Chi lắm trả nợ nước non cho rồi.*

Hai câu thơ này nói lên ý chí của Lục Vân Tiên, và cũng là của Nguyễn Đình Chiểu quyết đem cả cuộc đời, cả thơ văn để cứu nước, cứu dân. Nếu ta đi tìm lại toàn bộ thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta phải ngạc nhiên thấy không có một bài thơ nào, không có đến cả một câu thơ nào là không có ngụ ý giáo dục tư tưởng, xây dựng tình cảm, cải tạo con người, cải tạo xã hội, vì nước, vì dân. Ba tác phẩm dài của Nguyễn Đình Chiểu :

Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu và Ngự Tiều y thuật vẫn *đáp* có thể xếp vào loại các tiểu thuyết luận đề nhằm chứng minh, khẳng định một tư tưởng, một lý tưởng chủ đạo: trung hiếu, tiết nghĩa, yêu nước, thương dân.

Ta có thể nói đạo đức là thữc ăn tinh thần, là môi trường sống, là không khí của Nguyễn Đình Chiểu hít thở. Đạo đức nhân nghĩa là máu huyết, là thịt da con người Nguyễn Đình Chiểu. Cái nhu cầu đạo đức nhân nghĩa ấy lại càng mạnh hơn đối với Nguyễn Đình Chiểu, cái lý tưởng của Nguyễn Đình Chiểu càng mãnh liệt, càng sâu sắc hơn, khi thực tế xã hội mà Nguyễn Đình Chiểu trông thấy càng thối nát, càng nhơ bẩn. Khoảng nửa thế kỷ trước Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Du viết:

*Trải qua một cuộc bể dâu,
 Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Đến Nguyễn Đình Chiểu, ông viết:

*Trước đèn xem truyện Tây minh,
 Găm cười, hai chữ nhân tình éo le,*
 và trong *Ngự Tiều y thuật vẫn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu viết:

*Nói ra thì nước mắt trào,
 Tâm lòng ưu thế biết bao giờ rồi...*

*Đương thuở tinh chiến dặm bầy đường,
 Trăm nhà nấy trọn dấu thư hương...*

Nguyễn Đình Chiểu say mê đạo đức. Trong bài thơ Sĩ, Nguyễn Đình Chiểu đã viết:

Mùi đạo trau giời bữa, bữa no.

Trong *Thư gửi cho em*, Nguyễn Đình Chiểu cũng viết: « Nghe nhiều kẻ tiếng đời như bọn, muốn cho em mùi đạo thơm tho ».

*Mấy ngày theo đạo truán truán,
Như mình ở giữa gió xuàn mưa hòa.*

Nguyễn Đình Chiểu cũng đã viết :

*Vi dù trong đạo Nho ta,
Một ngày chẳng thấy như ba tháng rông.*

Thiết tha nhất, cao đẹp nhất là hai câu :

*Sự đời thà khuất đòi trông thịt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.*

Cái lý tưởng say mê đạo đức ấy xuất phát từ một lòng nhân đạo sâu sắc, bao gồm lòng yêu nước, thương nhà, yêu thương con người sâu sắc :

*Mến nghĩa bao đành làm phản nước,
Có nhân nào nữ phụ tình nhà.*

(Đạo người)

Cuộc sống gần gũi với nhân dân, hoàn cảnh đất nước bị xâm lược, nhân dân đau khổ nhưng anh dũng tuyệt vời trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tất cả những cái đó đã tạo cho Nguyễn Đình Chiểu cái nhân sinh quan ấy, cái phẩm chất cao đẹp ấy. Là một nhà thơ, Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện qua toàn bộ tác phẩm ông cái nhân sinh quan ấy. Nói ngược lại, thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, về nội dung cũng như về hình thức, trong tư tưởng cũng như trong phương pháp biểu hiện là phản ánh của cái nhân sinh ấy. Để chứng minh điều đó, chúng ta hãy phân tích những chủ đề chính của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu và các biện pháp mà ông đã sử dụng trong phương pháp biểu hiện về cấu tứ cũng như về hành văn.

Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu cố nhiên biểu hiện tâm sự, tình cảm của ông, nhưng không phải là tâm tư

riêng, cuộc đời riêng hoàn toàn cá biệt. Ta thường nói truyện *Lục Vân Tiên* phần nào có tính chất tự thuật, vì có những điểm tương tự giữa cuộc đời của Lục Vân Tiên và cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu. Tuy vậy, *Lục Vân Tiên* không phải là văn thơ nói về cuộc đời riêng, tâm sự cá biệt của một người. Cuốn truyện phản ánh một thực tế xã hội rộng lớn, thể hiện một chủ đề tư tưởng có tính chất xã hội; cố nhiên, tất cả đều phải được thông qua nhân sinh quan, lý tưởng và cách nhìn, cách cảm xúc của Nguyễn Đình Chiểu. Văn thơ yêu nước khác của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Ở đây có lòng thiết tha yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, nhưng đồng thời cũng là tấm lòng yêu nước, tinh thần bất khuất của cả nhân dân Việt-nam nói chung và đặc biệt là nhân dân Nam-bộ, mà Nguyễn Đình Chiểu là tiêu biểu.

Ở đây còn có vấn đề Nguyễn Đình Chiểu viết cho ai. Câu trả lời thật dễ dàng: ông viết cho nhân dân. Vì vậy cho nên hình thức nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu rất đơn giản, đặc biệt là ngôn ngữ. Có người trách Nguyễn Đình Chiểu là không trau dồi nghệ thuật; cũng có người bảo là vì Nguyễn Đình Chiểu mù nên gặp nhiều hạn chế về mặt này. Điều đó rất có thể như vậy, nhưng những hạn chế ấy, nếu có thực, vẫn không thay đổi tính chất nhân dân, tinh thần đại chúng của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, trước hết là về mặt ngôn ngữ. Nguyễn Đình Chiểu là một trong những người đầu tiên đem tiếng nói thông thường của dân, nhất là của nhân dân lao động vào trong thơ. Ngôn ngữ, hình tượng, đôi khi một vài hình thức cú pháp đảo ngược của nhân dân mà Nguyễn Đình Chiểu đã mạnh dạn sử dụng, vẫn không làm thay đổi ý nghĩa câu thơ, và người đọc vẫn hiểu một cách chính xác; chẳng hạn câu dưới đây trong *Lục Vân Tiên*:

Ván Tiên là Trục chi dầu...

hay :

Nói rồi bức tượng vai mang...

Ngược lại, có người thường trách Nguyễn Đình Chiểu dùng quá nhiều điển tích, và cho như thế là thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu không đại chúng. Điều đó có đúng không? Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* có dùng nhiều điển tích không? Ít nhất, chắc không kém Nguyễn Đình Chiểu. Chỉ có điều là một số đoạn trong *Lục Vân Tiên* hay trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* tập trung nhiều điển tích (đoạn « thương, ghét » của ông Quán trong *Lục Vân Tiên*, đoạn « chính, tà » và « đui, sáng » trong *Ngư Tiều vấn đáp*, v.v...). Điều này không tránh được, vì đây là những đoạn lập luận có tính chất hùng biện, đòi hỏi tập trung minh chứng. Về vấn đề điển tích, có một điểm nữa cần phân tích thêm, đó là ý nghĩa và sức mạnh biểu hiện của nó đối với những nhà thơ cổ điển nói chung và đối với Nguyễn Đình Chiểu nói riêng. Việc dùng điển tích, nhất là trong văn học cổ điển ở phương Tây cũng như ở phương Đông là rất phổ biến. Điển tích đối với những tác giả cũ có một giá trị hình tượng, có một sức mạnh gợi cảm sâu sắc, nghĩa là có một giá trị biểu hiện nghệ thuật cao, nói tóm lại là những hình tượng nghệ thuật súc tích. Đặc biệt, đối với Nguyễn Đình Chiểu, những hình tượng ấy là những biểu tượng sinh động của những đức tính cao quý, của những tình cảm nồng nhiệt mà mỗi lần nhắc đến, cả tâm hồn của nhà thơ rung động.

Điển tích, hay nói cách khác, chủ nghĩa nhân văn cổ đại phương Đông đã thấm sâu vào tâm hồn của Nguyễn Đình Chiểu, cho nên thơ văn của ông đã hòa hợp cái thực tế hiện đại của xã hội Việt-nam lúc bấy giờ đang đấu tranh chống ngoại xâm với cả cái tinh

hoa của nền văn minh cổ đại ấy; lòng thương ghét, tình cảm nồng nhiệt của Nguyễn Đình Chiểu bao trùm cả nhân dân đất nước và cả lịch sử của nhân loại. Ta cũng thấy trong văn thơ yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu sự phối hợp hài hòa các khái niệm, hình tượng, ngôn ngữ cổ kim, tạo nên những câu văn thiết tha nồng nàn trong những bài văn tế :

*Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu ;
hai vàng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ
treo dê bán chó...*

*Một chắc sa trường rặng chữ hạnh, nào hay da ngựa
bọc thây ; trăm năm âm phủ ấy chữ quy,
nào đợi gươm hùm treo mộ...*

(*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*)

*Vi ai khiến dứa chia khăn xé, nhìn giang sơn ba lĩnh
luống thêm buồn ; biết thuở nào cờ phất
trống rung, hỡi nhật nguyệt hai vàng sao
chẳng đoái...*

(*Văn tế Trương Định*)

Những câu thơ văn lâm ly thống thiết trên đây là kết quả của một sự phối hợp hài hòa điển xưa với việc mới, nó làm cho chúng ta thấy được tâm hồn nồng nhiệt, đạo đức cao cả của Nguyễn Đình Chiểu là kết tinh của tinh hoa cổ kim, của truyền thống nhân loại. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu đòi hỏi ở người đọc sự rung cảm sâu sắc, sự hiểu biết chủ nghĩa nhân văn cổ và sự cảm thụ mạnh mẽ với thực tế đương thời ; đòi hỏi cái mà người ta gọi là đã được « nhập môn ». Nếu chúng ta chưa hiểu hết cái hay, cái đẹp của văn thơ Nguyễn Đình Chiểu, vừa đại chúng, vừa bác học, là bởi tại ở chúng ta tri thức còn thiếu sót và tình cảm còn nông cạn hẹp hòi, hay bản thân ta chưa gần đại

chúng ngày nay và chưa hiểu người xưa. Chỉ có một điều đáng tiếc về mặt này là Nguyễn Đình Chiểu chưa khai thác hết cái truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt-nam, nói cách khác là chưa biết dùng lịch sử vẻ vang của dân tộc với những tấm gương của người xưa, làm dẫn dụ. Nhưng đó là khuyết điểm chung của phần lớn những nhà văn cổ điển của chúng ta,—tôi nói phần lớn, vì một đôi khi, chưa thành được hệ thống và có ý thức rõ rệt, một số nhà văn cổ cũng đã khai thác được những giá trị nhân đạo lớn lao, truyền thống yêu nước bất khuất trong lịch sử của dân tộc.

Sự phối hợp hài hòa giữa tính chất đại chúng, dân tộc và bác học, nhân văn, trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã bảo đảm giá trị phổ biến và lâu dài của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu và đưa thơ văn ông vào kho tàng quý báu của nền văn học Việt-nam.

Chúng tôi đã tìm hiểu trên đây đặc điểm của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu và cố gắng chứng minh rằng ý kiến của Nguyễn Đình Chiểu về thơ văn, hay như ta nói bây giờ, quan điểm thẩm mỹ của Nguyễn Đình Chiểu là hoàn toàn do nhân sinh quan của nhà thơ quyết định.

Vì Nguyễn Đình Chiểu có một lòng nhân nghĩa nồng nhiệt, say mê đạo đức, yêu nước, yêu dân, lo đời, thiết tha muốn cứu đời, vì có một nhân sinh quan như vậy, cho nên ta có thể nói sự nghiệp văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng như cuộc đời của ông, lý tưởng của ông là nhất trí. Và từ tác phẩm tuổi trẻ *Lục Vân Tiên* đến văn thơ kháng chiến và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của ông, ta thấy có một quá trình phát triển lô-gích. Thực tế cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của đồng bào Nam-bộ và đồng bào toàn quốc, sự trưởng thành về tư tưởng và tình cảm cũng như về

nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể ấy của dân tộc, đặc biệt của Nam-bộ, đã giải thích quá trình phát triển đó, nhưng không có một sự thay đổi chiều hướng hay thay đổi bản chất nào.

Từ Hớn Minh, Tử Trục đến các nghĩa dân Nam-bộ chống thực dân xâm lược Pháp; từ ông Quán, ông Ngư, ông Tiều trong *Lục Vân Tiên* đến các nhân vật trong *Ngư Tiều vãn đáp* là có một quá trình liên tục tiến lên như vậy, cũng như từ những lời thương ghét của ông Quán trong *Lục Vân Tiên* đến những lời luận về chính tà, về dui sáng trong *Ngư Tiều vãn đáp*, là có một quá trình phát triển từ thấp lên cao, cả về nội dung lẫn hình thức.

. . .

Manh dạn trình bày một số ý kiến về tính chất, đặc điểm và giá trị thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của nó chúng tôi rất mong được các bạn nghiên cứu và yêu thơ văn Nguyễn Đình Chiểu cùng trao đổi ý kiến để tiến tới làm sáng tỏ thêm vấn đề này.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU, LÁ CỜ ĐẦU CỦA NỀN THƠ VĂN YÊU NƯỚC THỜI KỶ CẬN ĐẠI

TRẦN THANH MẠI

NẾU trước 1858, với *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ cuối cùng của nền văn học cổ, thì sau 1858, với các văn tế, hịch của mình, với *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* (1), ông lại là nhà thơ đầu tiên của nền văn chương yêu nước thời kỳ cận đại.

(1) Nếu theo đúng Hán ngữ thì phải nói: *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Vũ Đình Liên (*Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Văn hóa, Hà-nội, 1958), Lê Trí Viễn (*Giáo trình lịch sử văn học Việt-nam*, tập IV, Nxb. Giáo dục, Hà-nội, 1962) đều dùng như vậy. Nhưng chúng tôi nghĩ, có lẽ nên đề *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* như Phan Văn Hùm đã làm khi ông giới thiệu lần đầu tiên tác phẩm này của Nguyễn Đình Chiểu. Làm việc này, Phan Văn Hùm đã đối chiếu nhiều bản chép tay, kể cả bản của Nguyễn Đình Chiêm, con ruột của nhà thơ (Xem *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* của Phan Văn Hùm, Tân Việt, Sài-gòn, 1952).

Về năm sáng tác của cuốn truyện, xin thử nêu một giả thuyết. Trong cuốn này, Nguyễn Đình Chiểu có kể chuyện hai người bạn đang cùng học với nhau thì xảy ra biến cố, “*U Yên cũng trợn giao bàn về Liễu*” (âm chỉ việc triều đình cắt toàn cõi Nam-

.....

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu gồm toàn những tai biến và thất bại. Tật mù đã đến với ông giữa tuổi thanh xuân cường tráng, đầy mộng đẹp, và ông phải sống bốn mươi năm trời trong cảnh tối tăm mờ mịt ấy. Nhưng chính trong đêm dài ảm đạm đó, đã bừng lên, sáng trong, rực rỡ ánh rạng đông của nền văn chương mới, nền văn chương yêu nước chống ngoại xâm thời kỳ cận đại mà bản thân ông là người dựng lá cờ đầu.

Trong khoảng đúng ba mươi năm, từ 1858 đến cuối đời mình, Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho chúng ta một khối lượng thơ văn khá phong phú, chứa chan tình thần yêu đất nước, yêu nhân dân và căm thù giặc. Có lẽ đây là phần thành công nhất, có tác dụng lớn lao nhất trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Chiểu. Và có lẽ đây cũng là phần đóng góp quan trọng nhất vào lịch sử thơ văn yêu nước chống xâm lăng của dân tộc trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX.

Những thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đã sưu tập được cho đến nay gồm có ba bài văn tế: *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giộc* (1862); *Văn tế Trương Định* (1864); *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh* (sau 1874?) (1); 12 bài thơ *Điếu Trương Định* (1864); 10 bài *Điếu Phan Tôn*

...
kỳ dâng cho giặc Pháp năm 1867), hai người phải «lành vòng loạn ly, kẻ Nam người Bắc phân di» và sau đó khá lâu:

*Cách nhau mười mấy năm nay,
Tình cờ lại gặp một ngày gặp đây.*

Mấy chi tiết nhỏ trên đây ít nhiều cho phép chúng ta nghĩ rằng có thể Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Ngũ Tiếu văn đẹp ý thuật* vào khoảng năm 1880.

(1) Bài văn tế này có thể được sáng tác trong hai trường hợp: một là sau 1867, sau khi Phan Thanh Giản giao nộp ba tỉnh

(1868), một ít bài thơ khác, và cuốn *Ngự Tiều vấn đáp* dài 3.644 câu (dài hơn *Truyện Kiều*) có lẽ được sáng tác vào những năm cuối đời ông. Ngoài ra còn có bài *Hịch đánh chuột* mà lâu nay các nhà làm công tác nghiên cứu đều xếp vào loại thơ văn yêu nước chống Pháp. Tôi muốn chờ có những cuộc thảo luận sâu kỹ hơn về bài này để xác định lại chủ đề tư tưởng của nó và từ đó đoán định thời gian sáng tác của nó (1).

.....

miền Tây Nam-bộ cho Pháp; hai là sau dịp triều đình Tự Đức và chính phủ Pháp ký hiệp ước 1874 phê chuẩn việc cắt nhượng toàn cõi Nam-bộ cho Pháp. Lúc này, triều đình có bày ra hình thức cúng tế vong hồn những người Nam-bộ vì nước bỏ mình. Chúng tôi ngờ rằng bài văn được viết trong trường hợp này. Và lại, trong bài văn còn có câu "*Kể mười mấy năm trời khổ khó, bị khảo, bị tù, bị dày, bị giết...*", nếu bài văn viết vào 1867, thì không thể đủ *mười mấy năm*, cho dầu kể từ năm đầu tiên Pháp đặt chân lên đất Nam-bộ là năm 1859.

(1) Hiện nay các tác phẩm *Ngự Tiều vấn đáp* (Vũ Đình Liên, Nxb. Nghiên cứu, Hà-nội, 1957); *Nguyễn Đình Chiểu* (Vũ Đình Liên, sách đã dẫn); *Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng*, tập I (Hoàng Ngọc Phách, Lê Trí Viễn, Nxb. Giáo dục, Hà-nội, 1959); *Thơ văn yêu nước Nam-bộ cuối thế kỷ XIX* (Bảo Định Giang, Ca Văn Thỉnh, Nxb. Văn hóa, Hà-nội, 1962), cho đến *Biểu nhất lãm văn học cận đại* (Thanh Lăng; Nxb. Tự do, Sài-gòn, 1958), đại để đều cho rằng bài *Hịch đánh chuột* nhằm đánh vào thực dân Pháp, vạch trần tội ác cướp nước hại dân của chúng. Tôi chỉ xin nêu ở đây vài ý kiến sơ lược về những nhận định này.

Tôi thấy từ Pháp xâm lược trở đi, dù trong cuốn truyện lớn có tính cách tượng trưng như *Ngự Tiều vấn đáp*, hoặc trong những bài thơ luật Đường nhỏ, không bao giờ Nguyễn Đình Chiểu bỏ qua mà không nói đến nỗi đau vì đất nước bị chia cắt, nhân dân bị giày xéo. Những hình tượng ông hay dùng, đại loại như: U Yên, Di Hạ, Tống Liễu, xa thư, châu

Gần đây, tập san *Nghiên cứu văn học* số 4 – 1961 có đăng bài *Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây*, của một bạn đọc từ trong Nam sưu tầm được gửi ra (hai bạn Đình Xuân Lâm

.

Tần mộ Sở, sớm Hán tối Hồ, qua phân, địch khái, v.v.. không có ở bài này thì có ở bài khác, nó đã vào trong xương máu, trong hơi thở, trong nếp cảm nghĩ của nhà thơ. Thế mà bài *Hịch đánh chuốt*, từ đầu đến cuối, không hề có một ý nào đả động đến việc chia cắt, việc thực dân cướp nước cả. Ba hình tượng: « lòng lá xòm xoàm », « râu mọc hai chia » và « ngồi trước tam tài » không đủ để chúng ta kết luận đó là Nguyễn Đình Chiểu ám chỉ thực dân. Trái lại toàn bài toát ra một nội dung châm biếm khá rõ, đã kích vào bọn tham quan ô lại, ở địa phương nào cũng có: tra quán chỉ; ở nhà ở ruộng; ở lạch, ở ngòi; bầu bạn non sông lấm lối... và chuyên tìm cách đục khoét tàn hại nhân dân để phè phỡn và làm giàu vào khoảng trước Pháp xâm lăng. Đọc kỹ bài văn chúng ta không thể lầm lẫn bọn này với kẻ thù đầu sỏ giai đoạn sau là bọn thực dân cướp nước được. Ví dụ khi Nguyễn Đình Chiểu nói: *loài nào dám xoi hao mạch nước* », hoặc nói: « *lẽ thì thiên tính linh tâm... cũng đáng cư nhân do nghĩa* » v.v... thì những tiếng ấy không thể dùng để chỉ xâm lược, vì đối với chúng, không phải chỉ có « xoi hao », mà chính chúng đã cướp trọn đất nước của ta; không phải chỉ có khuyên nên ăn ở hiền lành, theo đường nhân nghĩa, vì chính bản chất chúng là hung tàn, vô đạo rõ quá lắm rồi! Cũng như khi nói: « *Nền xã tắc là nơi báo hổ, can chi mi đào lỗ đào hang; Chốn miếu đường là chỗ thanh tân, can chi mi cắn màn cắn sáo?* » v.v... thì cũng chỉ là trách chúng đào lỗ đào hang, cắn màn cắn sáo thôi, chứ mặc nhiên ta hiểu xã tắc vẫn còn, miếu đường vẫn còn. Hai tiếng « báo hổ » còn nhắc lại nhiệm vụ khuông phò, giúp rập của người công dân, của sĩ phu, quan lại, càng chỉ rõ thành phần của hạng người bị đả kích trong bài văn: đó là bọn sĩ phu quan lại gian tham, quá ham làm giàu mà lãng quên nghĩa vụ « báo hổ ». Đến như những câu: « *Tinh hay ăn vật: Nghe hơi động, vội vàng chạy mất, nát quả mẹ cheo* ; *Chờ đêm khuya lên lút rủ nhau, liến*

.

và Chương Thâu giới thiệu), cũng nói là của Nguyễn Đình Chiểu. Qua nội dung của bài hịch, đặc biệt qua hình tượng, ngôn ngữ, các điển tích được dùng, thì bài này có khả năng là của Nguyễn Đình Chiểu thật. Nhưng vì hiện nay chúng ta chưa có bằng cứ nào khác ngoài lời khẳng định của người bạn đọc trong Nam, cho nên tốt hơn là chúng ta hãy tạm để bài đó khuyết danh.

Lại nữa, trong cuốn *Nguyễn Đình Chiểu* (1), Vũ Đình Liên có ghi rằng Nguyễn Đình Chiểu còn có bài *Văn tế nghĩa sĩ Giồng-gạch*. Nhưng trong tất cả các tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu có ở miền Bắc hiện nay, chúng tôi không thấy có bài đó, nên không biết nội dung và lời văn của nó như thế nào.

Cần nhắc thêm ở đây một điểm.

.....

hơn cha khi»..., hoặc: «*Ăn của người thù tôi biết bao nhiêu; Vắng mặt chủ hung hăng đã lắm lúc*» thì lại càng rõ hơn nữa. Thái độ ăn lén lút, trong bóng tối, vừa sợ vừa run, chỉ có thể là thái độ của bọn thừa hành, bọn trung gian, quan to, quan nhỏ không thể là thái độ bạo ngược trắng trợn, bất chấp đạo lý làm người của bọn cướp nước. Vả lại Pháp là chủ rồi, nếu ám chỉ chúng thì sao lại còn nói: *Vắng mặt chủ?* Cuối cùng, mấy câu: «*Sáu mươi giáp hoa đứng trước... mười hai chỉ tuế đứng đầu*», đàn b rằng là để nói đến chữ «*ti*» tức là con chuột, nhưng rõ ràng muốn chỉ người nho sĩ, trí thức, đứng trên thứ dân; và giọng mỉa mai đầy khiêu trong mấy câu «*Vậy cũng gọi mình hay ngữ kỹ; vậy cũng khoe ngồi trước tam tài*», cũng chỉ có thể nói với tầng lớp thường hay lên mặt tài giỏi là hạng nho sĩ mà thôi.

Vì mấy lý do tóm tắt ở trên, tôi ngờ rằng bài *Hịch đánh chuột* viết trước khi Pháp đến, và nhằm đả kích bọn quan lại gian tham, chuyên đục khoét nhân dân, bọn chúng là cái nạn lớn nhất trong thời kỳ nhà Nguyễn còn tự chủ.

(1) Sách đã dẫn.

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu chỉ mới được sưu tập lại từ sau 1945, dưới ánh sáng của Cách mạng tháng Tám thành công. Thời đồ hộ của thực dân, chúng nó giả nhân giả nghĩa đề cao Nguyễn Đình Chiểu với cuốn *Lục Vân Tiên*. Nhưng chúng ta thừa biết đó chỉ là một thủ đoạn giả dối. Chúng cố tình xuyên tạc ý nghĩa chính của truyện *Lục Vân Tiên*, vừa lờ đi cái giá trị nhân đạo chủ nghĩa của *Lục Vân Tiên*, vừa ra sức tuyên truyền khía cạnh trung, hiếu, tiết, nghĩa, đặc biệt cái « tinh nghĩa thầy trò » trong truyện, để bắt nhân dân ta liên hệ đến « công ơn khai hóa » của chúng. Còn thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu thì thường là bị chúng bưng bít, ngăn cấm (1). Nhưng dù cho âm mưu của bọn cướp nước thâm độc đến đâu, những di sản quý báu của nền văn học dân tộc vẫn được quần chúng nhân dân bảo vệ và lưu truyền. Bao giờ còn có đại biểu của hai ba thế hệ ngồi quây quần lại xung quanh ấm chè xanh nóng trên góc sân trắng rọi, thì thơ văn ấy vẫn còn được thưởng thức và trao truyền như một lá cờ. Đây kia, một vài chữ có thể bị nhớ sai, bị thay đổi, nhưng tinh thần bài thơ, bài văn, nội dung yêu nước của nó vẫn nguyên vẹn, sắc nhọn và ngời ánh như những thanh bảo kiếm.

. . .

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà trí thức kiên cường, một chiến sĩ xuất sắc của chủ nghĩa nhân nghĩa, một nhà thơ yêu nước lớn. Như ở phần trên đã nói, ngay

(1) Năm 1938, Phan Văn Hùm xuất bản cuốn sách nhỏ nhan đề: *Nỗi lòng Đồ Chiểu* (Nhà in Đông phương, Chợ-lớn), giới thiệu một ít thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng chẳng bao lâu, thực dân Pháp ký nghị định cấm lưu hành tàng trữ cuốn sách ấy.

từ đầu, con người ưu thời mãn thế là Nguyễn Đình Chiểu đã tư vạch cho mình một con đường đúng đắn: dùng thơ văn làm vũ khí đấu tranh cho đạo đức con người, cho chính nghĩa và hạnh phúc nhân dân.

Điều đáng chú trọng trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông là ông không hề viết một bài thơ, văn nào phù phiếm, kiêu ngạo trắng, vịnh gió, thù tạc, đón đưa. Không hề có thứ thơ nói lên những nỗi riêng tư vụn vặt, những tình cảm vay mượn giả tạo. Đến khi xảy ra biến cố đất nước bị xâm lăng thì Nguyễn Đình Chiểu viết ra cái gì, dù ngắn, dù dài, là cái đó có tính chất yêu nước, có tác dụng động viên diệt giặc cứu nước. Riêng một việc Nguyễn Đình Chiểu chuyên dùng tiếng Việt trong sáng tác của mình, trái với hầu hết các nhà thơ, nhà văn đương thời cũng đủ nói lên tư tưởng tiến bộ của ông (1). Nguyễn Đình Chiểu sáng tác có mục đích hẳn hoi, có đối tượng cụ thể. Ông hiểu rất rõ phải đấu tranh cho cái gì, đấu tranh cho ai và phải cùng đấu tranh với ai. Phải chăng quan điểm sáng tác của ông là:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!*

(Than đạo)

Thật là giản dị, mà cũng thật là vĩ đại!

Vì vậy, thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu có một tinh tư tưởng, một tinh chiến đấu rất cao. Như Vũ Đình Liễn đã nói: «Ta có thể nói Nguyễn Đình Chiểu đã theo

(1) Từ mấy bài thơ bằng chữ Hán trong *Ngư Tiều vấn đáp* mà đối tượng chủ yếu là nhà nho và thầy thuốc, trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu sưu tập được đến nay, chúng tôi chỉ còn thấy thêm một bài cũng viết bằng chữ Hán là bài *Điều Phan Thanh Giản* bắt đầu bằng câu: «*Lịch sử tam triều độc*...».

cái đường lối duy nhất đúng mà Đảng lãnh đạo ngay nay vạch ra cho văn nghệ sĩ: văn nghệ phục vụ nhân dân, văn nghệ đấu tranh cho cách mạng» (1).

Nhờ đâu mà Nguyễn Đình Chiểu có được một lập trường kiên định và sáng suốt như vậy? Học thuyết Khổng Mạnh có phần ảnh hưởng nào trong việc trau dồi tư tưởng của nhà thơ không? Cũng nên nhìn nhận là có. Nhưng phần ảnh hưởng này hết sức thứ yếu. Mặt khác, cần nhận chân rằng những nhân tố tích cực của đạo Nho chỉ có thể phát huy tác dụng được là nhờ ở Nguyễn Đình Chiểu đã sẵn có những điều kiện hấp thụ tốt đẹp. Cho nên cái chính vẫn là cuộc tiếp xúc lâu dài của nhà thơ đối với quần chúng nhân dân. Nhân dân đã mở rộng đôi cánh tay mẹ hiền đón lấy người thanh niên vừa mới mất mẹ lại mang thêm tật mù. Từ đó, nhân dân đã nuôi dưỡng, an ủi Nguyễn Đình Chiểu, nâng đỡ tâm hồn đau thương và đầy thiện chí ấy. Tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu lớn lên trong sự chan hòa với đời sống, với tâm tư, với cảm nghĩ, với ý chí nhân dân, trong sự đồng cảm thấu triệt của ông với nỗi cơ cực vô biên của người nông dân Việt-nam, cũng như trong sự khám phục những đức tính cần cù và anh dũng, những khả năng lớn lao của họ. Tư tưởng nhân đạo và yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu bắt nguồn từ tư tưởng rộng lớn của nhân dân. Về sau, giai cấp phong kiến nhà Nguyễn càng để lộ bộ mặt thối nát đầu hàng của nó thì Nguyễn Đình Chiểu lại càng thấm thía với tinh thần tuyệt vời của nhân dân và càng dứt khoát đứng về phía nhân dân.

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu chứng minh rõ rệt những điểm trên đây. Nếu bảo Nguyễn Đình Chiểu đã có quan điểm nhân dân hoàn toàn thì

(1) Xem *Nguyễn Đình Chiểu*, sách đã dẫn, tr. 115.

có lẽ chưa đúng. Nhưng rõ ràng ông là người có quan điểm gần nhất với quan điểm nhân dân thuở bấy giờ. Và cái lớn lao của nhà thơ là ở chỗ đó.

Thơ văn này mang nhiều giá trị hiện thực, tràn đầy tình nhân dân và tình dân tộc. Nó phản ánh khá chân thực khí thế quật cường bất khuất của dân tộc ta khoảng nửa sau thế kỷ XIX. Cả một thời đại đau thương và oanh liệt đã chuyển hơi thở nóng hổi của nó vào các hịch, các văn tế và thơ điệu của Nguyễn Đình Chiểu, tiếp cho những áng thơ văn này một sức sống sôi sục, nhờ đó nó có một tác dụng động viên, tuyên truyền mãnh liệt.

Nói chung, nội dung của nó là yêu nước, căm thù, vạch trần tội ác của giặc ngoại xâm, kịch liệt phê phán bọn tay sai bán nước, ca ngợi các anh hùng nghĩa sĩ hi sinh vì nước vì dân.

Nhưng điểm đặc sắc toát ra trước tiên từ thơ văn này, ấy là tinh thần chống chia cắt đất nước, tinh thần đấu tranh tiêu diệt ngoại xâm đưa lại thống nhất và hòa bình cho Tổ quốc, cho dân tộc.

Ngày 19-2-1859, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Nam-bộ bị tấn công bất ngờ, chạy loạn trước mũi súng kẻ thù:

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
 Một bàn cờ thế phút sa tay!
 Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
 Mất ổ bầy chim dáo dạt bay.
 Bến-Nghé cửa tiền tan bọt nước,
 Đồng-Nai tranh ngôi nhuộm màu mây.
 (Chạy Tây)*

Tất cả nỗi kinh ngạc, rồi đau thương, rồi căm thù, đều nằm trong mấy câu thất ngôn bình dị ấy. Người

dân Việt-nam, người dân miền Nam không khiếp nhược, không tham sống sợ chết, nhưng trong giờ phút đầu chạm trán với một lực lượng cơ giới hóa hung hãn, họ phải tạm thời lánh nạn, vừa đau xót cho quê hương bị giày xéo, vừa trông mong có người đứng tập hợp họ, lãnh đạo họ chống giặc :

*Mắt nhìn trong tiết thanh minh,
U, Yên đất cũ cảnh tịch trêu người :
Trăm hoa nửa khóc nửa cười,
Như từng xiêu lạc, gặp người cố hương !
Cỏ cây đưa, nhánh đón đường,
Như từng niu hỏi : Đông hoàng ở đâu ? (1)
Bên non đá cụm cui đầu,
Như từng oan khúc lay cầu cứu sinh !
Liu lo chim nói trên cành,
Như từng kể mách tình hình dân đau !
Gió tre hiu hắt theo sau,
Như từng xui giục đi mau tìm thầy !
Dưới non suối chảy kêu ngày,
Như từng nhắn hỏi sự này bởi ai ?*

Chim muông, cây cỏ, đá núi, nước khe, cảnh vật thiên nhiên vô tri vô giác mà cũng buồn đau da diết, chính vì lòng người đang buồn đau da diết, vì linh hồn đất nước đang quằn quại rên xiết dưới gót sắt của giặc xâm lăng. Ngòi bút của nhà thơ ở đây được lôi cuốn trong một dòng trữ tình mãnh liệt như một cơn nước lũ. Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu là một nhà thơ trữ tình !

Cảnh tản cư, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để ra đi đến những nơi xa lạ, sao khỏi xót xa, đau

(1) Đông hoàng : chúa mùa xuân, xem như vị cứu tinh đối với cây cỏ chim muông.

đơn, như xé từng khúc ruột? Nhưng cái nghĩa là phải đi. Đọc thơ chữ Hán của Nguyễn Thông, chúng ta cũng thấy rất rõ điều đó.

*Người sinh ở đời trọng nghĩa cả,
Há vì tình quê bỏ nghĩa chẳng? (1)*

Yêu nước, thương vua nữa, — vì vua với nước thưở ấy không thể tách rời — muốn giữ vững cái đạo làm người, tinh thần dân tộc, thì phải đi:

*Vì câu danh nghĩa phải đi ra,
Day mũi thuyền Nam dạ xót xa.
Người dễ muốn chi nường đất khách,
Trời đã khiến vậy, mển vua ta!
Một phương thà tránh đường gai góc,
Trăm tuổi cho tròn phận tóc da!*

(Tìr biệt cõ nhân)

Đi vì một lý do giản dị mà cũng chắc nịch: không thể nào chung sống với kẻ thù:

*Bờ cõi xưa đã chia đất khác,
Nặng sương nay há đội trời chung!*

(Xúc cảnh)

Đi thi xót xa, đau đớn, nhưng không hề mất tin tưởng. Có khi sốt ruột, buột mồm thốt ra câu hỏi:

*Chẳng hay người ở U Yên,
Thuở nào đặng thấy Trung-nguyên chúa mình?*

(Ngư Tiểu vấn đáp)

Nhưng rồi tinh thần lạc quan vẫn thắng, vì đó là bản chất của người yêu nước chân chính:

(1) *Nghĩa du sào thi tập*, bài «Thuật cảm». Xem: Nguyễn Thông và tình thương nhớ quê hương, tập san Nghiên cứu văn học, số 10-1961.

Một trận bão rồi bờ cõi sạch,
Trời thu như cũ mãi không hao!

(Trời bão)

Hoặc :

Chừng nào thánh đế ơn soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông!

(Xúc cảnh)

Hay là :

Ngày khác xa thư về một mối

(Thơ điều Phan Tông, X)

Mọi nào dám tới cạo đầu dân!

(Vịnh Không Tử)

...

Nghệ thuật trữ tình lại được vận dụng khi nhà thơ ca ngợi các lãnh tụ và nghĩa quân đã anh dũng hy sinh trong các chiến trận không ngang sức giữa ta và địch.

Đề cao tinh thần yêu nước, ý chí sắt son, bất khuất của Trương Định, Phan Tông, nhà thơ miền Nam viết :

Trần đóm mộ binh vầy lớn nhỏ,
Một gò cỏ lũy chống hôm mai.

(Điều Trương Định, IV)

Đầu tang ba tháng trời riêng đội,
Lòng giận nghìn thu đất nổi dày. (1)

(Điều Phan Tông, II)

Như chúng ta đã biết, một thể loại thơ văn rất thích hợp cho bút pháp trữ tình của ta thời trước là văn

(1) Khi Phan Tông khởi nghĩa ở Ba-tri với Phan Tôn, Phan Liêm (con trai Phan Thanh Giản) và bị tử trận (1868) thì Nguyễn Đình Chiểu đang đề tang mẹ mới được ba tháng.

biên ngẫu (văn tế, hịch), là loại văn trong đó có đòi hỏi đối đáp trắc bằng, nhưng chữ, vần, câu cú không bị gò bó, lại sử dụng được âm nhạc và nhịp điệu rộng rãi phóng khoáng. Và chúng ta có thể thấy ở đây một biểu hiện của nguyên lý nội dung quyết định hình thức: văn tế của Nguyễn Đình Chiểu (*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*, *Văn tế Trương Định*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*) là những bài thuộc loại bài thành công vào bậc nhất của văn học ta.

Sau đây là một đoạn trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục* :

*Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta ;
Bát cơm manh áo nợ đời, mắc mớ chi ông cha nó ?
Vi ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương ?
Vi ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió ?
Sống làm chi theo quân tả đạo, quàng vùa hương,
xó bản độc, thấy lại thêm buồn ;
Sống làm chi ở linh mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh
mì, nghe càng thêm hồ..*

. . . Ôi thời thời !

*Chùa Tân - thanh năm canh ửng đông lạnh, tắc lòng
son gửi lại bóng trăng rằm (1) :*

*Đồn Lang - sa một khắc đặng trả hồn, tủi phận bạc
trôi theo dòng nước đổ !*

*Đau đón bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya
leo lét trong lều ;*

*Nào nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế
dật dờ trước ngõ.*

Và sau đây là mấy câu trong *Văn tế Trương Định*, đoạn nói về nỗi thương xót đối với cái chết của người lãnh tụ nghĩa quân :

(1) Đêm hôm nghĩa quân Cần-giục khởi sự và hi sinh, đúng là đêm rằm tháng 11 năm Tân Dậu (14-12-1861).

Sự thế hầy bèn Hồ bèn Hán, bao giờ về một mối xa thư ?
Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu, đâu nữ hại
một tay tướng soái? . . .

. . . Vì ai khiến dứa chia khăn xé (1), nhìn giang
sơn ba tỉnh luống thêm buồn :

Biết thuở nào cờ phất trống rung, hỡi nhật nguyệt
hai vàng sao chẳng đoái ?

. . . Ôi !

Trời Bến-nghé mây mưa sùi sụt, thương đứng anh
hùng gập bước gian truân :

Đất Gò-công cây cỏ ủ ê, cảm niềm thần tử hết lòng
trung ái.

Sử có chép việc Trương Định nghe theo quân dân không chịu tuân lệnh Tự Đức thăng chức cho ông và thuyên chuyển ông đi nơi khác. Nhưng chắc các nhà sử học cũng sẽ đồng tình với tôi rằng dù sử có nói thêm mấy trang về sự kiện này chẳng nữa, cũng không sao bằng câu văn sau đây của Nguyễn Đình Chiểu :

Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngàn
mấy dặm mã tiền :

Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác
một vai khờn ngoại.

. . .

Điều cần được nêu bật, cần được đánh giá thỏa đáng : đó là cái nhìn rất mới, rất tiến bộ của nhà thơ mù đối với người nông dân trong thơ văn yêu nước của ông.

Lâu lắm rồi, trước Nguyễn Đình Chiểu, nhiều người đã thấy được nỗi cơ cực lầm than của người nông dân

(1) *Dứa chia khăn xé* : do chữ qua phân bực liệt : ý nói đất nước bị chia cắt như quả dứa bị chia, tấm lụa bị xé. Lúc này ba tỉnh miền Đông Nam-bộ đã bị cắt dâng cho Pháp.

Việt-nam. Khả nhiều người, bằng thơ văn mình — thơ văn chữ Hán — đã tỏ lòng thiện cảm với tình cảnh người dân cây, đã tỏ ý định bênh vực họ. Nhưng chỉ có Nguyễn Đình Chiểu mới thấy được cái khía cạnh kia, cái khía cạnh tích cực, lớn lao hơn biết bao nhiêu của người nông dân Việt-nam: đó là khả năng rộng lớn của họ, ý chí quật cường và tinh thần bất khuất của họ. Trước kia, Nguyễn Trãi đã có những nhận thức tài tình về khả năng, về lực lượng của người nông dân. Nhưng Nguyễn Trãi là đảng vĩ nhân có một không hai của lịch sử dân tộc thời xưa. Trong thời mình, có lẽ Nguyễn Đình Chiểu là người duy nhất nhìn thấy được một phần lòng yêu nước căm thù và sức trỗi dậy của người nông dân. Sau Nguyễn Đình Chiểu, trong một thời gian khá lâu, hầu như chưa mấy ai thấy được cái đó, kể cả Phan Bội Châu (1). Cho đến ngày Đảng ta ra đời! Đảng ta mới thật là người có cái nhìn sáng suốt, đúng đắn nhất, thấu triệt nhất về nông dân, để từ đó đề ra cương lĩnh lãnh đạo nhân dân Việt-nam đứng lên làm cách mạng thắng lợi.

Những nghĩa sĩ anh hùng mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi là ai? Đó là những nông dân nghèo khổ, suốt đời chỉ chăm một việc cuốc cày, chỉ lo sao có đủ bát cơm ăn no, manh áo mặc ấm. Họ là những người:

*Coi cút làm an,
Toan lo nghèo khó,*

(1) Trong số lượng thơ văn khá lớn Phan Bội Châu đã để lại, hầu như không có bài nào ông nói đến lực lượng nông dân. Đặc biệt bài *Hải ngoại huyết thư* (phần thứ hai) là dùng để kêu gọi tất cả các thành phần xã hội phải đoàn kết để mưu việc chống Pháp, ông cũng quên thành phần cơ bản là người dân cây. — Xem *Văn thơ Phan Bội Châu*, Đặng Thai Mai, Nhà xuất bản Văn hóa, in lần thứ hai, H., 1960.

*Chưa quen cung ngựa, đầu tôi tròng nhung,
Chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng bộ.
Việc cuốc, việc cấy, việc bừa, việc cấy, tay vốn
quen làm ;
Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa
từng ngó (1),*

Họ là những người bình dị đến mức kỳ diệu và họ làm những việc anh hùng một cách thanh thản, không suy tính đả đo, không hình thức kiêu cách:

*Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo vòng ở
linh diển binh ;
Chẳng qua là dân ấp, dân lân, miễn nghĩa làm
quân chiêu mộ.
Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn ;
Chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.
Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang
bao tấu, bầu ngòi ;
Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm
dao tu, nón gõ.*

Việc phải ở đầu là họ theo, chính nghĩa ở đầu là họ làm, với tinh thần tinh nguyện xung phong cao độ :

*Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức
đoạn kinh ;
Chẳng thềm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này
đốc ra tay bộ hổ.*

Và họ đã làm được những việc kinh thiên động địa, những việc mà lịch sử không thể không ghi :

*Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong
nhà dạy đạo kia ;*

(1) Các đoạn trích dẫn từ đây cho đến đoạn có ghi xuất xứ mới, đều là rút trong Văn tế nghĩa sĩ Cần-Giוע.

*Gióm đeo dùi báng lưỡi dao phay, cũng chêm
 rót dầu quan hai nọ.
 Chi nhọc quan quản gióng trống kỳ, trống giục,
 đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không;
 Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa
 xông vào, liều mình như chẳng có.
 Kẻ đàn ngang, người chêm ngược, làm cho mã tà,
 ma ni hồn kinh;
 Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng
 súng nổ.*

Tại sao họ làm được những việc như vậy? Câu trả lời tưởng cũng dễ dàng: tại vì họ yêu nước, căm thù giặc. Nhưng cái yêu nước căm thù giặc của họ qua ngọn bút của Nguyễn Đình Chiểu rất là cụ thể, sinh động; nó rất dân tộc và « rất nóng dạn », nếu có thể nói được như vậy. Cái nhìn của Nguyễn Đình Chiểu ở đây thật sâu sắc, linh vi, thật chân thực.

Họ đứng lên anh dũng chiến đấu là vì :

*Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng,
 trông tin quan như trời hạn trông mưa (1) ;
 Mùi tinh chiên vấy và đã ba năm, ghét thói mọi
 như nhà nông ghét cỏ.
 Bữa thấy bòng bong giăng trắng lớp, muốn tời
 ăn gan ;
 Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ*

Tinh chất yêu nước của người nông dân Việt-nam rất vững chãi. Có thể nói họ yêu nước từ trong xương trong

(1) Giặc chiếm đóng ở đây đã mười tháng, mỗi lần hành quân càn quét, quân đi rầm rập nghe như tiếng gió thổi hạc kêu, nông dân trông chờ quân triều đình đến đánh giặc mà không thấy.

máu của họ yêu ra, không phải vì những khái niệm sách vở nào, cũng không phải vì những thức đầy lãng mạn chủ nghĩa nào. Họ yêu nước là họ yêu tác đất, ngọn rau của họ, họ bảo vệ bát cơm, manh áo của họ. Họ bảo vệ cái bát hương, cái bàn thờ ông bà cha mẹ, cũng như cái thuần phong mỹ tục của xóm làng. Họ quyết tâm giữ những cái đó, dù chết cũng không buông!

Cái lớn lao của Nguyễn Đình Chiểu là ông đã để cho tâm hồn mình hòa nhịp được với tinh cảm của nhân dân. Những rung động, cảm xúc của nhân dân đã trở thành rung động, cảm xúc của ông. Khi ông dùng thơ văn để nói ra những rung cảm riêng của ông, lại hóa ra ông nói đúng những rung cảm của nhân dân lao động. Và bí quyết thành công của nghệ thuật trữ tình trong thơ ca xưa nay cũng chỉ là ở đó.

Từ thơ của Nguyễn Đình Chiểu vò cùng chân thật và sinh động. Nói đến yêu nước, ông nghĩ đến vừa hương, bàn độc, đến tác đất, ngọn rau; nói đến căm thù giặc, ông nói: muốn tới ăn gan; muốn ra cắn cổ, và ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ. Nói đến việc cảnh vật thiên nhiên cũng đau xót uất ức như người vì đất nước bị chia cắt, Nguyễn Đình Chiểu viết:

*Cỏ cây đưa, nhánh đón đường,
Như tường niu hỏi: Đòng hoàng ở đâu?*

*Liu lo chim nói trên cành,
Như tường kể mách tình hình dân đau.*

(Ngư Tiểu văn đáp)

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu khi thì hùng hồn, cảm khái, khi thì tha thiết làm lý, nhiều đoạn uyển chuyển du dương, nhiều đoạn lại sôi nổi, mạnh

mẽ. So với giai đoạn trước xám lẫm, rõ ràng Nguyễn Đình Chiểu có một bước tiến mới về nghệ thuật, điều này thể hiện bước tiến mới của nhà thơ về tư tưởng.

∴

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu cũng có ít nhiều hạn chế. Nguyễn Đình Chiểu trước sau vẫn là một người thuộc tầng lớp phong kiến, dù là người phong kiến tiến bộ vào bậc nhất. Trên kia đã nói nhà thơ lớn Nam-bộ đã nhìn thấy được khía cạnh tích cực của người nông dân. Nhưng ông cũng không thể hình dung được tất cả khả năng của họ; ông không thể nhận thức được rằng lực lượng nông dân là chủ yếu; rằng trong một hoàn cảnh chiến đấu như lúc bấy giờ, không dựa hẳn vào lực lượng nông dân thì nhất định thất bại.

Như tất cả các sĩ phu đương thời, trước cơn biến loạn qua phần, ông tha thiết trông chờ ở vua. Trông vua không được, ông đặt lòng tin tưởng ở các lãnh tụ nghĩa quân phần lớn vẫn là những đại biểu của giai cấp phong kiến hoặc xuất thân từ giai cấp phong kiến. Những người này thất bại thì ông hoang mang:

*Khóc là khóc nước nhà cơn biến loạn, hòm mai vắng
chứa, thua buồn nhiều nỗi khúc nhòe;*

*Than là than bờ cõi lúc qua phần, ngày tháng trông
vua, ngỡ ngần một phương tở đại.*

Tướng quân còn đó, các nơi đạo tặc thầy kiêu dè;

*Tướng quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa binh thêm bãi
xúi (1).*

Giữa khoảng cách mười mấy năm từ Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục đến Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh, giữa khoảng cách trên dưới vài chục năm từ bài Chạy Táy

(1) Bãi xúi : rối loạn, tan rã.

đến *Ngư Tiều vấn đáp*, lập trường kiên định của nhà thơ mù có phần nào yếu đi. Ông vẫn yêu nước thương dân tha thiết, đối với giặc ông vẫn mang mối thù không đội trời chung, đó là điều quý báu nhất, cao cả nhất đối với một người trí thức. Nhưng hình như trong lúc thoái trào cách mạng, nhân dân tạm ngừng hoạt động vũ trang đấu tranh, thì cái nhìn của nhà thơ đối với họ cũng có khác đi. Hình như tinh chất tiêu cực, bi quan nữa, nó là bản chất của tư tưởng phong kiến suy tàn, tinh chất ấy trong một chừng mực nào đấy có trở dậy. Nhà thơ ít nhiều đã thấy hầu như thời thế không thể cưỡng lại được nữa, tư tưởng định mệnh cố hữu trong con người cũ của ông hầu như chớm quay trở lại :

*Công danh chi nữa, ăn rồi ngủ,
Mặc lượng cao dày xử với dân !*

(*Tự thuật*) (1)

*Thôi thôi đã vậy thôi đành vậy,
Một túi tiền khôn mặc mở mang !*

(*Nhân Sư*) (2)

Ngay trong buổi đầu, trong giai đoạn tình cảm căm thù của ông đang còn sôi sục, Nguyễn Đình Chiểu đã có một vài thoáng nghĩ miên cưỡng :

*Vì nước tám thân đã nấy, còn mất cũng cam :
Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại !*

(*Văn tề Trương Định*)

Đây sẽ là tư tưởng phổ biến của các lãnh tụ Cần vương của giai đoạn 1885 — 1895, tư tưởng « ung dung tự nghĩa » với ít nhiều màu sắc thất bại chủ nghĩa hé nở ngay từ buổi lễ tế cờ !

(1) (2) Hai bài này đều có trong *Ngư Tiều vấn đáp*.

Cho nên, không nên lấy làm lạ mà thấy trong *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh* và *Ngư Tiều vãn đáp y thuật*, phảng phất một nỗi buồn đau âm ỉ, một mối u hoài bàng bạc không khuây. Đặc biệt, trong *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*, người ta cảm thấy nhà thơ thương xót cho những người nghĩa quân « bị chết oan » trong « những hoàn cảnh thảm khốc », hơn là đề cao ý nghĩa anh dũng tuyệt vời của họ khi họ tự nguyện vì tổ quốc hi sinh :

*Man mác trăm chiều tâm sự, sống những lo trả nợ
cho đời,
Phôi pha một mảnh hình hài, thác rồi bỏ làm phân
cho đất.*

Sự hạn chế trong nhận thức của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ rệt trong hai câu :

*Đành những kẻ cha thù anh oán, nhẩy vòng báo ứng
đã cam ;
Cực cho người vợ yếu con cô, gầy đoạn thảm sầu
không dứt.*

Hình như nhà thơ chỉ thương xót cho người dân bị thành cháy và lây, bị « lục triều can qua » như ông nói, còn những người lao mình vào sống mái với giặc thì đó là vì họ có động cơ riêng, vì cha anh họ bị giặc tàn sát.

Cho nên có một ý hay đi về trong các văn tế của Nguyễn Đình Chiểu, đó là « oan hồn » các nghĩa sĩ hi sinh tìm trở lại quê cũ. Đây có thể là những hình tượng nghệ thuật nhằm gợi sức rung cảm của người đọc, nhưng cũng có thể là những biểu hiện của một ý thức mê tín dị đoan.

Với những hình tượng này, người ta vẫn có thể kích thích lòng yêu nước căm thù, và như thế vẫn tốt ! Nhưng

nếu nó chỉ đơn thuần gọi lên sự thương xót cho « số phận rủi ro » của người bị chết, thì cái đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến giá trị tư tưởng của áng văn :

*Trời Gia-định ngày chiều ráng rạng, âm hồn theo cơn
bóng ác dật dờ ;*

*Đất Biên-hòa đêm vắng trăng lơ, oan quỷ nhóm ngọn
đèn thần hiu hắt.*

*An — Hà quận đang khi bạch trù, gió cây vụt thổi, cát
xoáy bay, con trốt (1) dậy bên thành ;*

*Long — Trường giang mỗi lúc hoàng hôn, khói nước xông
mù, lửa đóm nhang, binh ma chèo dưới vực.*

Hoặc nữa :

*Ngày gió thổi lao xao tinh dã mã, (2) thoát nhóm, thoát
tan, thoát lui, thoát tới, như tuồng rạng bóng
tinh binh ;*

*Đêm trăng mờ rêu rắt tiếng đờ quyên, dường hồn, dường
mẫu, dường khóc, dường than, đôi đoạn tổ tình
oan khuất.*

Tuy nhiên, điều chúng ta dễ dàng nhận thấy mà cũng là điều cần nhấn mạnh ở đây, là bất luận ở áng thơ văn nào của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn đất nước đã về tay kẻ thù, tấm lòng yêu nước căm thù giặc cũng vẫn rùng rục cháy. Đến cả trong *Ngư Tiều vấn đáp* là tác phẩm cuối cùng của ông, nhà thơ vẫn tỏ ra giữ vững một lòng tin sắt đá đối với đất nước, đối với cuộc đời :

(1) *Con trốt* : Cây cát nổi lên xoáy tròn ốc do những cơn gió lốc làm nên. Xưa cho đó là oan hồn người chết mất đầu hiện về tìm lại đầu. — *Binh ma* : lửa trời (lửa đóm nhang) chấp chờn trong sương mù trên sông, tục mê tin cho đó là đạo binh ma đang chèo thuyền.

(2) *Tinh dã mã* : tinh : hơi, khí ; dã mã : ngựa đồng. Ý nói hơi khí tỏa trên cánh đồng, xáo động, di chuyển như bóng ngựa chạy. Tục xưa cho đó là hồn người chết oan hiện về.

*Ngày nào trời đất an ngôi cũ.
Mình thấy non sông bật gió Tày.*

và :

*Sau trời Thúc Quý tan mây,
Sông trong bề lặng mắt thầy sáng ra.
Xin người lòng chớ sai ngoa!*

(Ngư Tiểu văn đáp)

Những bài học Nguyễn Đình Chiểu cho chúng ta về ý chí bất khuất, tinh thần bất hợp tác và cảnh giác cao độ của ông đối với kẻ thù đã chứng minh rạch ròi điều đó. Như chúng ta đã biết, Nguyễn Đình Chiểu càng về già, thực dân Pháp càng tìm cách mua chuộc. Nhà thơ đã từ chối mọi thứ « trợ cấp », mọi thứ « lạc quyền ». Kẻ thù dùng một âm mưu tinh vi hơn, thâm độc hơn. Chúng đánh vào tình cảm của ông : chúng đề nghị trả lại tất cả vườn nhà cũ của ông ở Gia-định, nơi chôn nhau cắt rốn của ông, nơi mà mỗi gốc cây, mỗi bờ giậu, mỗi rãnh nước, mỗi luống rau đều mang bao kỷ niệm của thời ông chưa mang tội! Kẻ lắm thường dễ có những lý do để lừa dối người và tự lừa dối mình, để nhận lời đề nghị nguy hiểm ấy. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã tỉnh táo bác bỏ ý kiến trao trả lại đất kia. Ông trả lời : « Đất vua không ai trả, đất tôi còn sá kể gì? »

∴

Cũng xin nói qua một chút về quan niệm « trung quân » của Nguyễn Đình Chiểu. Chúng ta thấy đây là một hạn chế tất yếu về lập trường giai cấp thời đại mà không một ai thuở bấy giờ có thể tránh khỏi. Cũng như nhiều nhà văn nhà thơ tiến bộ khác, Nguyễn Đình Chiểu chỉ chủ trương trung thành với một ông vua lý tưởng nào, một Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, mơ ước

nào. Riêng Nguyễn Đình Chiểu lại còn thấy được và đã nói ra được nỗi thất vọng của mình đối với Tự Đức, nỗi căm giận đối với triều đình nhà Nguyễn. Tôi nghĩ, chúng ta chỉ nên đòi hỏi ở người xưa đến cái mức ấy mà thôi.

Thực ra, quan niệm trung quân đối với Nguyễn Đình Chiểu lúc bấy giờ là cả một tấn bi kịch lớn. Hằng ngày, hằng giờ, con người yêu nước mù lòa này ngồi trông chờ tin xuất quân chống giặc cứu nước. Trong điều kiện xã hội phong kiến, vua vẫn được coi là linh hồn của mọi cuộc kháng chiến chống xâm lăng, vua vẫn là lá cờ chỉ huy chống giặc. Tinh thần lạc quan yêu nước một phần lớn phải đặt vào vua, vào triều đình :

*Mày giăng ải Bắc trông tin nhận,
Ngày xé non Nam bật tiếng hồng.*

Hoặc là :

*Cỏ cây đũa, nhánh đón đường,
Như từng núu hỏi : Đông hoàng ở đâu ?
Bên non đá cụm cúi đầu,
Như từng oan khóc lay cầu cứu sinh !*

Có lẽ không còn có sự chờ mong nào, lời kêu gọi nào thiết tha xoắn vó hơn nữa ! Nhưng vua và triều đình đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, cuối cùng là đầu hàng phản bội. Tự Đức chết năm (1883). Trong vòng bốn tháng, ba ông vua mới thay nhau trên ngai : Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc. Dục Đức bị giam đói chết trong ngục. Hiệp Hòa bị xử uống thuốc độc, và tám tháng sau, Kiến Phúc cũng chết nốt. Hàm Nghi lên ngôi vua, bấy giờ mới 14 tuổi. Chưa đầy một năm sau thì kinh thành Huế thất thủ (1885). Vua xuất môn, từ trong rừng sâu tung đi tờ chiếu Cần vương,

nhưng tình thế đã như chiếc trứng dưng, không còn cơ cứu vãn nữa. Đó là nỗi đau xót da diết nhất của nhà thơ mù, và ba năm sau thì ông mất.

∴

Chúng ta khó mà hình dung hết tác dụng to lớn của thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu thuở bấy giờ đối với tầng lớp sĩ phu và nhân dân cả nước. Mà cũng phải nói, ngày nay chúng ta cũng chưa làm được mấy để phát huy tác dụng của thơ văn ấy ở miền Bắc, ở miền Nam nước ta.

Không phải suy diễn xa xôi gì hết nếu chúng ta nói rằng bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giuộc* đã rung động mọi nhà Nho yêu nước của giai đoạn sau 1860 và đã góp phần thúc đẩy họ đứng lên cùng với nhân dân chống giặc cứu nước. Đã có những người trong hoàn cảnh sống cách biệt với đời sống nhân dân như hai anh em Tùng Thiện vương và Mai Am công chúa, mà cũng không cảm nổi xúc cảm, đã phải làm thơ nói lên mối cảm thông sâu sắc của mình đối với nhà thơ mù miền Nam, cũng như đối với cuộc vùng dậy oanh liệt của nghĩa quân Cần-giуộc (1)

(1) Bài của Tùng Thiện vương .

*Chiến trường hựu bả điều văn khai,
Tháp dạp biên thanh nhất nhất lai.
Quốc ngữ danh tể Mạnh Tả sừ, *
Quý hùng ca đảo Khuất Bình ai.
Yết can trăm mộc kham thiên cô,
Oán hạc để viên tinh ký hồi.*

Một điều đáng đề ý là Thanh Lăng, tác giả cuốn *Biểu nhất lãm văn học cận đại* (1) người rất mực đề cao kẻ

.....

*Chí cánh thư sinh không bút trận.
Báo quân chí thử diệp bi tai !*

(*Thương Sơn thi tập*)

* Tức Tả Khưu Minh, tác giả *Tả thị Xuân thu*, bị mù mắt nên gọi là Manh Tả.

Mai Trân tạm dịch :

*Văn điều chiến trường lại đọc lên,
Tiếng dẫu rầm rập tự ngoài biên.
Quốc ngữ lời hay ngang Tả thị,
Bi hùng giọng cảm tở Khuất Nguyên.
Cờ tre giáo gỗ từng muôn thuở,
Hạc oán vợ n sấu biệt mây phen !
Lũ ta đánh giặc có cây bút,
Ơn nước thương thay khó báo đền !*

Bài của Mai An :

*Điều văn tạm phục trọng ê hời,
Nghị phách từ phong tận khả ai !
Xích tử cần vương năng địch khái,
Thư sinh dụng võ tích phi tài !
Yên mô chiến lũy tây hung măn,
Nguyệt lãnh sa trường bạch cốt dôi !
Quốc ngữ nhất thiên truyền bất hủ !
Tuyết thăng quảng hán yếm khô hài*

(*Diệu Liên tập*)

Lê Thuộc dịch :

*Bồi hồi đọc mãi bản văn ai,
Phách cứng văn hùng cảm động thay !
Dân chúng cần vương vì ghét địch,
Nhà Nho lâm trận tiếc không tài.
Giặc dấy chiến lũy từng mây phủ,
Xương chắt sa trường bóng nguyệt soi !
Quốc ngữ một thiên truyền mãi mãi,
Còn hơn xây mộ cắt khô hài !*

(1) Sách đã dẫn.

đầu hàng Phan Thanh Giản, càng đề cao hơn nữa hai tên Việt gian đốn mặt Tôn Thọ Tường và Hoàng Cao Khải, lại có những nhận định về Nguyễn Đình Chiểu như sau : « Có lẽ trong số tất cả các nhà văn kháng chiến, không ai có cái giọng cứng rắn, hậm hực, tàn ác đối với thực dân cho bằng Nguyễn Đình Chiểu. Với một lối văn xuôi trong dõng là dễ dãi (?), các bài điều bài hịch của Nguyễn Đình Chiểu đã được truyền tụng rất xa và khơi dậy một phong trào kháng chiến mãnh liệt. Biết đâu chúng đã chẳng là hồi kèn tiến quân của phong trào Cần vương và văn thân sau này ».

Tôi chưa muốn nói ra ở đây — vì là chưa phải lúc — cái dụng tâm đen tối của Thanh Lăng là dành vờ khen những giá trị vốn đã lừng lẫy sáng rực không có cách gì bôi bác được, để hòng đỡ lộ chân tướng xấu xa khi phải tăng bốc, bênh vực bọn buôn dân bán nước như Tôn Thọ Tường, Hoàng Cao Khải, Phạm Quỳnh ngày trước và bọn Diệm ngày nay. Tôi chỉ muốn thêm : thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu không những là hồi kèn tiến quân của phong trào Cần vương cuối thế kỷ trước như Thanh Lăng phải nhìn nhận, mà nó còn là hồi kèn tiến quân của phong trào chống Mỹ — Diệm của toàn thể nhân dân miền Nam ngày nay nữa. Không những Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước lớn của thời đại ông, Nguyễn Đình Chiểu còn là nhà thơ yêu nước lớn của thời đại chúng ta. Tính chất thời sự, tính chất chính trị nóng bỏng trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đến ngày nay vẫn còn nguyên vẹn.

∴

Trong những đóng góp vô cùng lớn lao của nhân dân miền Nam và nhân dân Nam-bộ cho Tổ quốc Việt-nam, chúng ta phải kể đến điều này là miền Nam và Nam-bộ

đã cống hiến cho Tổ quốc ta những nghĩa quân đầu tiên chống đế quốc thực dân ; miền Nam và Nam-bộ lại cũng đã cống hiến cho Tổ quốc ta những nhà thơ yêu nước đầu tiên mà tiêu biểu nhất chính là Nguyễn Đình Chiểu.

Giương sáng của các nghĩa quân Cần-giוע, giương sáng của Nguyễn Đình Chiểu đối với chúng ta ngày nay không hề phai mờ đi chút nào. Vì đúng như Hoài Thanh đã nói trong bài tựa anh viết cho cuốn *Nguyễn Đình Chiểu* của Vũ Đình Liên, « cách mạng tiến lên, vai trò của quần chúng càng nổi bật, thì lại càng đưa ta về gần với Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta càng thêm gắn bó với những con người đã sáng tạo ra non nước này, đã chiến đấu để bảo vệ nó và giờ đây vẫn không ngừng phấn đấu hy sinh để xây dựng cuộc sống tự do, hạnh phúc trên toàn bộ lãnh thổ Việt-nam. Ngọn lửa yêu nước, ngọn lửa chính nghĩa hừng hực trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu, giờ đây vẫn là một sức cổ vũ lớn cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta ».

NHÀ THƠ THÂN YÊU CỦA MIỀN NAM VIỆT-NAM

N. NICULIN

NĂM 1965 Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam đã quyết định đặt giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước lớn của miền Nam mà đến tháng 7 năm nay vừa tròn 150 tuổi cho những thành tựu xuất sắc trong lãnh vực văn học và nghệ thuật. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đồng thời cũng là một nhà phê bình nổi tiếng đã viết: «Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này».

..

Câu chuyện sau đây xảy ra gần một thế kỷ về trước. Trong cái nóng nung người của vùng nhiệt đới, một viên quan chức có vai vế của bộ máy cai trị thuộc địa — thống đốc Pongsông miệng như lằm bằm chủi thẳm, đang rảo bước đi về phía ngôi nhà tồi tàn nằm trong một làng quê ở miền Nam Việt-nam. Nhưng y biết rằng muốn đạt được mục đích phải tốn nhiều công sức lằm. Bởi vì Nguyễn Đình Chiểu, người mà y quá bộ đến thăm

không chỉ đơn thuần là một ông già mù và diếc, mà còn có cái dáng oai nghiêm của một vị gia trưởng (những ông đồ biết làm thơ như vậy có thể gặp nhan nhản ở nước thuộc địa mới này, nhân dân ở đây được giáo dục bằng cái duyên dáng tinh tế của nền văn hóa lâu đời của mình nên từ lâu đã gắn bó với thơ ca). Uy tín lớn lao về đạo đức của Đồ Chiểu (mà ông đúng là một nhà giáo có rất nhiều học trò), thái độ bất hợp tác của ông đối với bọn thực dân, đã khiến cho nhà thơ trở thành một sức mạnh lớn lao, mặc dầu ông không có binh tướng trong tay. Về thực chất, Nguyễn Đình Chiểu là linh hồn của phong trào giải phóng, là người cổ vũ phong trào đó. Và văn thơ của ông đã tìm được con đường đi thẳng vào trái tim của nhân dân.

Ông già mù đó, như điều này thường thấy ở nước Việt-nam xưa, đã kết hợp được trong bản thân mình tài năng của nhà thơ, của thầy giáo và của người thầy thuốc; ông đã kiếm được miếng cơm bằng sức lao động khó nhọc hằng ngày. Hồng dụ dỗ Nguyễn Đình Chiểu theo mình, thống đốc Pôngsông đã hứa trả lại cho ông những ruộng đất bị tịch thu để đảm bảo cho nhà thơ một cuộc sống an nhàn khi tuổi già sức yếu và để con cháu được sống sung túc. Nhưng y đã được nghe một lời khước từ kiên hãnh mà mãi đến sau này người ta vẫn còn nhớ và truyền tụng cho nhau: « Nước chung đã mất, đất riêng còn có được sao ».

Pôngsông tất nhiên biết rằng truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu đã được dịch sang tiếng Pháp ngay từ năm 1864. Đó là bản dịch đầu tiên về một tác phẩm lớn của văn học Việt-nam ở châu Âu. Ở đây có một chuyện ngược đời: việc chọn lựa bản dịch lại rơi đúng vào tác phẩm của nhà thơ đã trở thành người sáng lập ra văn học của phong trào giải phóng thuộc địa. Chỉ

có một điều «thề tắt» cho người dịch là anh ta không hề biết tác giả lẫn tên tuổi của ông. Tuy nhiên, những chuyện ngược đời của lịch sử không những đáng ngạc nhiên mà còn cần được giải thích: bằng cách khuyến khích các bản dịch, bọn thực dân muốn tô son điểm phấn cho chính sách «khai hóa» của đế quốc thực dân. Song le, cùng một lúc với việc in lại qua những bản dịch khác nhau truyện thơ *Lục Vân Tiên* vốn được viết từ trước khi có cuộc xâm lăng của bọn thực dân (1858), những tác phẩm có nội dung yêu nước vẫn của một tác giả đó lại bị truy nã ráo riết. Chẳng hạn, vào năm 1938 tức là sau khi Nguyễn Đình Chiểu mất được nửa thế kỷ, một cuốn sách vừa in xong liền bị tịch thu bởi vì trong đó có dẫn một số bài thơ của Nguyễn Đình Chiểu.

Hộp tập thơ văn Nguyễn Đình Chiểu chỉ có thể xuất hiện trong thời đại chúng ta. Hà tất phải nói đến ảnh hưởng tai hại đối với việc bảo tồn di sản văn học của nhà thơ do những sự cấm đoán và truy nã gây ra. Lời nói đầu của tập sách đó đã phát biểu một cách dè dặt: «Tập sách này in tất cả những thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu mà chúng tôi đã sưu tầm được».

. . .

Truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tên của nhân vật chính, được sáng tác theo dòng truyền thống của truyện thơ cổ điển. Những truyền thống đó ở đây phần nào đã bị vi phạm, chỉ ít cũng bằng cách tác giả đã đưa vào những nét tiền sử của mình.

Đặc điểm của thiên truyện là sức mạnh cao cả của sự trong sạch đạo đức: cũng như Nguyễn Đình Chiểu, *Lục Vân Tiên* bị mù trong khi chịu tang mẹ. Điều đó

nói rõ lòng hiếu thảo của người con và nỗi đau xót về sự tồn thất rất lớn lao. Cũng như nhà thơ, nhân vật chính của thiên truyện bị bố mẹ của vị hôn thê khước từ, sau khi biết tin chàng gặp nỗi bất hạnh đó. Sự giống nhau chưa phải đến đây là hết. Chính hình tượng Lục Vân Tiên là nơi tập trung lại những nguyện vọng chủ quan của nhà thơ. Hình tượng này đã thể hiện những quan điểm và chính kiến của tác giả mà Đồ Chiểu suốt đời đã trung thành.

Nhà thơ dường như nói cùng với nhân vật của mình :

*Trọn đời một tấm lòng son,
Chỉ lăm trả nợ nước non cho rồi.*

Nhưng Lục Vân Tiên không phải là hình bóng của tác giả mà là hình tượng nghệ thuật do trí tưởng tượng của nhà thơ dựng lên. Đó là một vị văn nhân uyên bác, một nhà thơ, đồng thời là một trang tráng sĩ đã cứu nàng Kiều Nguyệt Nga xinh đẹp khỏi tay bọn lục lâm. Ở đây, rõ ràng Nguyễn Đình Chiểu đã quá thiên về tinh chất thái cực của đạo đức. Có những tình tiết vốn phản ánh những tiêu chuẩn đạo đức trong cách xử thế thời bấy giờ ngày nay được lĩnh hội một cách hơi khôi hài. Chẳng hạn khi Kiều Nguyệt Nga sắp từ trong xe bước ra để cảm tạ vị ân nhân của mình thì nàng liền nghe thấy những lời toát lên một sự hấp tấp vụng về :

*Khoan khoan ngồi đó chờ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai.*

Trường hợp nhân vật bị mù một cách đột ngột là một yếu tố quan trọng trong kết cấu của thiên truyện. Đó là sự thử thách đạo đức không những đối với Lục Vân Tiên mà còn đối với cả mọi người chung quanh nữa. Có những kẻ đã tuyệt giao với chàng, còn những đứa bần tiện thì bây giờ không bó lỡ cơ hội trả thù một

người mù lòa bất lực. Bút pháp của nhà nghệ sĩ không chút đơn điệu. Ông cũng đưa vào thiên truyện những cảnh có tính chất sinh hoạt và mang đậm màu sắc châm biếm. Vân Tiên sai tiểu đồng đến mời thầy pháp. Thầy pháp liền bảo tiểu đồng nắm xuống thay chủ cho y chữa. Và trước câu hỏi đầy ngạc nhiên của tiểu đồng, y bèn đáp: «Đau Nam chữa Bắc mà thuyền mới tài!».

Đoạn kết của truyện thơ là một cảnh tượng huy hoàng. Nó vừa mang tính chất anh hùng ca lại vừa mang tính chất lạc quan: mắt Lục Vân Tiên lại sáng ra (có thể hiểu điều đó theo nghĩa bóng vì bây giờ chàng đã hiểu thấu những cái mà trước kia được giấu kín trong lòng người), chàng lại lập công đánh tan giặc ngoại xâm:

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ó*

và tìm thấy hạnh phúc trong cảnh sum họp với nàng Kiều Nguyệt Nga, người từng được chàng bảo vệ danh dự và cứu mạng. Truyện thơ hướng tới lý tưởng nhưng lại gần gũi với truyền thuyết dân gian (không phải ngẫu nhiên mà Ôbarê, người đầu tiên dịch *Lục Vân Tiên*, đã xem truyện thơ này như một tác phẩm văn học dân gian). Truyện thơ đã được phổ biến rất sâu rộng, nhất là ở miền Nam Việt-nam. Mới cách đây không lâu hãy còn có những người chuyên đi kể chuyện *Lục Vân Tiên*. Những vở ca kịch dựng theo cốt truyện *Lục Vân Tiên* cho đến bây giờ vẫn được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh tại các nhà hát ở khắp nơi trong nước.

Sau khi thực dân Pháp bắt đầu mở cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài hàng chục năm, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên những nỗi thống khổ của nhân dân, đã kêu gọi nhân dân đứng lên đấu tranh chống bọn xâm lược:

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.*

Bài thơ bát cú được kết thúc bằng những lời mà tất cả những câu thơ trên đã dẫn tới một cách lò-gích :

*Hỡi trang đẹp loạn rày đâu vắng?
Nỡ để dân đen mắc nạn này!*

Sự kết hợp phức tạp giữa những cái bắt nguồn từ cuộc sống với những thủ pháp truyền thống là đặc điểm của nhiều áng văn vần của Nguyễn Đình Chiểu. Chẳng hạn đó là bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע* (1861). Với tác phẩm này, nhà thơ là người đầu tiên trong văn học Việt-nam đã tái tạo hình tượng tập thể về nghĩa quân — người chiến sĩ nhân dân vừa buông tay cày, cầm luôn vũ khí: « Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm ». Âm hưởng bi tráng của tác phẩm đó được gia tăng bởi vì nó nói tới các liệt sĩ. Người nông dân « tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó ». Song họ đâu sợ bọn thực dân có những « tàu thiết, tàu đồng súng nổ ».

Ngư Tiều y thuật vấn đáp — một bản luận văn y học hiếm có viết bằng thơ theo thể tự sự có cốt truyện — xứng đáng được xếp vào tập thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ kiêm thầy thuốc; cuốn sách đó đã mang lại lợi ích thiết thực cho những người nông dân Việt-nam thất học. Họ đã từng học thuộc lòng tác phẩm đó bởi vì thời bấy giờ họ không tìm đâu ra cách chữa bệnh cả. ❀

Ngư Tiều y thuật vấn đáp đã dạy cho những người nông dân không chỉ những khái niệm về thuật chữa bệnh mà còn cả lòng yêu nước nữa. Những bài thơ thấm đượm tinh thần yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu thường mang tính phúng dụ. Để thấy được nghệ thuật

độc đáo về mặt lý tính của những bài thơ đó, chỉ xin dẫn ra mấy câu mà không một bài viết nào về Nguyễn Đình Chiểu có thể bỏ qua :

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đàn mấy thằng gian bút chẳng tà !*

Những vần thơ đó được coi như có tính chất cương lĩnh đối với toàn bộ sáng tác của nhà thơ.

Nhà thơ kiêm nhà phê bình hiện đại Xuân Diệu đã viết rằng cánh bướm thơ ca của Hồ Chiểu chứa đầy bão táp của một thời đại giông tố, nó đã đem tới chúng ta bầu không khí của thời đại đó. Cánh bướm ấy đã vượt qua một thế kỷ, nhẹ nhàng lướt trên sóng thời gian và mạnh bạo tiến thẳng về phương trời xa tắp.

7- 1972
(LÊ SƠN dịch)

ĐỌC LẠI THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

XUÂN DIỆU

I

BAO nhiều lời khen ngợi đã được viết về Nguyễn Đình Chiểu. Tuy vậy, nói mãi vẫn không hết, vẫn còn cứ muốn nói, dù phải lặp lại. Tháng bảy là tháng đấu tranh thống nhất của chúng ta, đồng thời cũng là tháng ra đời (và tháng mất) của nhà thơ lớn đấu tranh thống nhất đã chống nhượng địa, chống thuộc địa, chống chia cắt đất nước từ ngày đầu quân xâm lược Pháp đặt chân lên Tổ quốc mình.

Dù phải lặp lại ít nhiều những điều mình đã nói, tại sao chúng ta vẫn thích hướng về ngôi sao Nam tào ấy của văn học nước ta, vẫn cứ cảm thấy mới, trong khi nói lại? Cái gì cất nghĩa hiện tượng sức hấp dẫn mạnh mẽ của Nguyễn Đình Chiểu? Phải chăng chữ *tâm* của ông? « Tâm như nhật nguyệt », trái tim vắng vặc như mặt trời mặt trăng; « trời đất có một vầng chính khi », cái *tâm* của Nguyễn Đình Chiểu thuộc về phạm trù rạng sáng đó, mà *tâm* ấy lại diễn đạt qua thơ văn, minh họa bằng cuộc đời của nhà thơ.

Trời còn hơi chính gửi đời mắt thầy

hơi chinh ấy đã một thưở gửi vào Nguyễn Đình Chiểu, thì hãy còn mãi mãi gửi vào Nguyễn Đình Chiểu như một tượng trưng, 150 năm sau ngày sinh, 84 năm sau ngày mất (3-7-1888), và lâu dài hơn nữa. Hơi chinh ấy dưới bút Nguyễn Đình Chiểu :

*Làm cây chùy Bắc-lãng-sa,
Trương Lương vì chúa đánh xa (1) Tần Hoàng...
... Hoặc làm cái hốt họ Đoàn,
Đánh đầu kẻ hoạn mưu gian thoán Đường*

Chúng ta nay tưởng tượng vẫn còn nghe tiếng chùy tiếng hốt ấy của Nguyễn Đình Chiểu đánh cho nảy lửa vào bọn nguy tà. Cái *tâm* của Nguyễn Đình Chiểu kết hợp với cái tài, cái tài thơ của Nguyễn Đình Chiểu là để phục vụ cho cái *tâm*. Chúng ta nay nhớ sâu sắc Nguyễn Đình Chiểu vì Nguyễn Đình Chiểu ở trong một thời kỳ điển hình. Hết rồi, hết rồi, nhưng lại bắt đầu, bắt đầu ! Mất ba tỉnh miền Đông Nam-bộ rồi, mất Nam kỳ Lục tỉnh rồi, rồi đến mất cả Nước rồi ! Nhưng đồng thời như một quy luật biện chứng, cũng là bắt đầu cuộc đấu tranh trường kỳ mới vô hạn anh dũng vì độc lập, tự do. Nguyễn Đình Chiểu ở cái chỗ cuối ấy và đầu ấy, và đã xin đem hai con mắt mù của mình hiến dâng cho sự sáng suốt diệu kỳ. *Bao giờ hết cỏ Tháp-mười ; thì dân ta mới hết người đánh Tây*, ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu tiếp nhận và kết tinh chi khí của hàng chục triệu người dân, của hàng trăm nghìn người sĩ phu yêu nước, thì mới được điển hình như vậy, tập trung cao độ như vậy. Kề ra thì lạ ; lịch sử đã muốn rằng những khi nhân dân ta chiến thắng xâm lược Nguyên-Mông, đuổi hết đô hộ phong kiến Minh, quét sạch bọn cướp phong kiến Thanh,

(1) Trương Lương khiến lực sĩ dùng chùy sắt đón đánh xe Tần Thủy hoàng tại Bắc-lãng-sa.

rực rỡ oanh liệt đến thế, nhưng thơ văn phản ánh thì để lại không nhiều; mà thời kỳ đau khổ đấu tranh vì Độc lập, Tự do, từ cuối thế kỷ XIX, thì thơ văn yêu nước luôn luôn có mặt, trong đó ở miền Nam, Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu. Tinh thần yêu nước không dung nạp được một chút nào quân cướp nước :

*Bữa thấy bông bong (2) che trắng lớp, muốn lời
ăn gan ;*

Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ...

Không thể quan niệm được có kẻ làm cho giặc: « chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ » ; có kẻ lại đi đầu hàng giặc : « hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ ». Cương quyết : « Sống đánh giặc, chết cũng đánh giặc » ; cương quyết : « giận thẳng tà, mừng thẳng tà ». Lòng yêu nước là của hàng trăm, hàng ngàn sĩ phu chân chính, nhưng văn ấy là văn riêng của Nguyễn Đình Chiểu, rạch ròi như rựa chém xuống đá, giản dị mà cứng cỏi lạ thường.

Về vang thay nhà thơ ấy ! Nước ta bắt đầu mất vì thực dân Pháp, là Nguyễn Đình Chiểu đã khẳng định ngay từ những ngày đau đớn đầu tiên, rằng chính không khuất phục tà, chính tấn công tà, và chính sẽ thắng tà. Từ cái giờ phút « tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây », là Nguyễn Đình Chiểu đã lập chí, nếu không có chức gì lấy lại Nước, thì cũng cứ :

Cờ mao chống chỏi chờ cho xiêu,

giữ vững tinh thần bất khuất ! Ngự Tiểu y thuật vấn đáp là một quyển sách thuốc, mà cũng là một quyển sách chính trị ; ở đây cụ Hồ Chiểu ngang nhiên tự tin, tin ở

(1) *Bông bong* : những vải, những dù tròn căng ra để che nắng cho linh Pháp, khi chúng dừng quân nghỉ, tròn và trắng như trái bông bong (ở Huế gọi là trái « nam trân »).

sức mạnh của chính nghĩa, tin ở điều mà hiện nay chúng ta gọi là « không có gì cầm tù được tư tưởng », không những thế, tư tưởng có sức hào quang tập hợp và khả năng tích trữ lực lượng để đánh thắng. « Thời cùng mới thấy tiết nêu phẩm đề », khi gặp phải « thời cùng », thời loạn, thời biến, chính là lúc hơi chính xuất hiện tập trung nhất để phản công :

*Chính làm đầu lão Nghiêm Nhan (1),
Thua thời chịu chém, chẳng hàng Trương Phi.
Chính làm máu nhuộm để y,
Như người Kê Thiệu (2) cứu nguy chúa mình.
Chính làm cái lưỡi Cảo Khanh (3),
Thương-son chửi giặc, chịu hình cũng ưng...*

Là một nhà nho chân chính, Nguyễn Đình Chiểu đã có kinh nghiệm của hàng trăm đời sĩ phu cương trực về trước trong lịch sử, Nguyễn Đình Chiểu không cò độc ; hướng chỉ ông lại dựa vào khí tiết anh hùng của các nghĩa sĩ Cần-giועc, các nghĩa sĩ Lục tỉnh, dựa vào nghĩa khí của hàng triệu quần chúng nhân dân. Cụ Đồ Chiểu rất vững vàng :

*Đạo ta lắm chước trừ tà,
Yêu tình quỷ quái khó qua thánh hiền.*

Nguyễn Đình Chiểu có một khái niệm rất cao về Đạo, về Nghĩa, về Chính, cho nên khái quát rất cao về Nhân Sư, về Thầy. Cũng như Nguyễn Trãi ngày xưa đã từng quan niệm : « Trường thiên định, hùm năm chực », hồ báo

(1) *Nghiêm Nhan* : đời Tam quốc, bị Trương Phi bắt, dụ hàng, Nghiêm Nhan nói : « Đây chỉ có hạng tướng mất đầu, chứ không nghe nói có hạng tướng hàng »

(2) *Kê Thiệu* : đời Tần, vua đi đánh giặc bị thua, một mình che chở cho vua, bị thương, máu vấy đỏ áo vua. ☞

(3) *Cảo Khanh* : đem quân đánh An Lộc Sơn, bị bắt, mắng giặc, bị cắt lưỡi.

cũng đến, qui phục khép nép trước sức tinh thần của nhà thiền định, thì Nguyễn Đình Chiểu cũng quan niệm cái lẫm liệt của tinh thần; một bức tượng của Thầy cũng tỏa ra sức sống, khiến cho « rờng châu, cộp nép » :

*Ngư Tiều vào giữa miếu từ,
Ngưỡng xem thần tượng nghiêm như sống ngồi.
Tốt thay tượng mạo khôi khôi,
Rờng châu, cộp nép, thêm gòi oai nghi.*

Tượng của Thầy còn như thế, thật người của Thầy càng tốt đẹp; bởi vì thầy « Tuy ngồi một chỗ, suốt thông trăm đời », bởi vì thầy « Nho, y, lý, bốc, đạo đời ; Mấy mươi pho sách đều nơi bụng thầy » ; cho nên những học trò như Đạo Dẫn, như Nhập môn đứng trước cửa Thầy trọn ngày không chán :

*Ta từng đứng cửa chày ngày,
Ngưỡng xem khi tượng so tày Thái-son.*

Nguyễn Đình Chiểu khái niệm như vậy, và đã cố gắng rèn luyện, học tập, ăn ở theo như lý tưởng của mình, và trong thực tế, cụ đã trở thành một Nhân Sư, cụ là Thầy trong lòng ngưỡng mộ của dân chúng. Đổ tú tài 21 tuổi, bị mù 27 tuổi, sống đến 68 tuổi, trong 41 năm « mang tật đui ngồi », cụ Đồ Chiểu đã phấn đấu như thế nào để tiếp tục học hỏi và sáng tác? Chúng ta không biết về thuốc đông y, nhưng đọc *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* cũng thấy sự tìm học, sự uyên bác của cụ Đồ Chiểu :

*... Như ông Biền Thước nhà ta,
Tám mươi một quyển gọi là Nam kinh.
Như ông Hoàng Phủ tài lành,
Dọn kinh Giáp Ất để danh thơm đời...*

*... Mạch kinh đọc sách họ Vương,
Sự thân đọc sách ông Trương Tử Hòa...*

Đây là quyển sách dạy truyền về thuốc, nên phải kê, dạy căn kê; không biết cụ Đồ Chiểu học từ bao giờ, chẳng lẽ mù rồi, vẫn nhờ người đọc cho mình học những sách chuyên môn?

Nho y bốn chục một ông...

Minh y chín chục tám người...

Thế y hai chục tám nhà...

Đức y có mười tám thầy...

Tiên y như bọn Trùng Tang

Có mười chín họ...

Và tác giả cộng đếm trước sau là « Hai trăm một chục năm (215) đầu tiên sư »! Thật ra sự kiện này ta chỉ nghĩ lướt qua thế thôi, nếu ta nghĩ kỹ sẽ thấy ở đây có một sự lạ lùng. Trong lịch sử văn học thế giới, đã có những nhà thơ mù như Minton (Milton, 1608 - 1671), nước Anh, đã từng là thư ký của nhà chinh khách lớn Cròmuen (Cromwell), về sau nghèo, bị quèn lãng, mù, ông đọc cho vợ, và hai con gái mình chép bản trường ca bất hủ *Thiên đường lạc mất* do mình sáng tác trong óc. Đó là thơ, làm lấy trong óc được. Chứ còn một quyển sách chuyên môn đầu có phải là sáng tác bằng tâm tình? Cụ Đồ Chiểu chắc phải tâm đắc lắm về thuốc, phải quan niệm một cách thật sâu sắc rằng « Y » cũng là « Đạo », và phải tổ chức sự học hỏi một cách chu đáo, kiên trì lắm kia, lại phải tin tưởng ở sức hiểu thuốc, sự biết thuốc của mình, thì mới dám viết *Ngư Tiều y thuật*. Mà đã tạo ra sách ấy, thì tạo trước lúc 27 tuổi, mù, hay chăng? Khó làm được sớm như thế. Thì là sau khi mù. Vậy thi thật kỳ lạ! Cụ Đồ Chiểu nói về châm, cứu về ngoại khoa (xẻ da, mổ bụng, rửa gan, cạo trường), về xem triệu chứng bệnh, sống, chết, về phép xem tóm ba bộ mạch, về các huyết kinh lạc, riêng về

người phụ nữ thì nói về dưỡng thai, kỵ thai, lộng thai, sản nan (đẻ khó), sản hậu, lại nói về khoa chữa bệnh trẻ con, v.v... Một sự học hỏi ôm trùm về chuyên môn như thế, đối với một người mù thì thật là đáng cho ta sửng sốt! — Cụ Hồ Chiêu học thuốc để mà trị bệnh, cứu người một cách thiết thực; làm được một việc gì dù nhỏ, mà có ích cụ thể, vẫn hơn là:

*Dù cho Phật tử lại ra,
Chấp tay ngồi đó, nước nhà nhờ chi?*

Nguyễn Đình Chiểu đứng trong văn học nước ta là người âu lo «*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm; Đám mấy thằng gian bút chẳng tà*», như là người ngợi ca trừng phạt, như là ông quán muôn đời vẫn còn sang sảng: «*Hối thời ta phải nói ra; Bối chừng hay ghét cũng là hay thương*». Nguyễn Đình Chiểu ngoài sự căm thù quân cướp nước và lũ bán nước, còn giận ghét bọn gian dối hại đời. Trong *Lục Vân Tiên*, cụ dả kích bọn thầy ngang, thầy bói, thầy pháp, trong *Ngư Tiều vấn đáp*, cụ mượn chuyện Ngư và Tiều đi lạc, gặp quan tra án, để kết tội một cách rạch ròi hơn nữa một lũ ngày ngày vẫn lợi dụng lòng tin và tình trạng thất học của người dân, mà tự xưng mình là thầy nọ thầy kia, lấy tiền và hại người.

Tác giả *Ngư Tiều vấn đáp* nói về thuốc, nói về sách thuốc, mà như nói về đạo lý, đạo nghĩa:

*Sách nhiều mà lý càng thưa, .
Phương nhiều mà pháp so xưa khác dòng.
Muốn cho «nguồn sạch dòng trong»,
Nên ngay, bóng thẳng, ghi lòng lời ta!*

Muốn cho nước trong, thì phải sạch tự trên nguồn mà sạch xuống, muốn cho bóng nên thẳng, thì bản thân cây nêu phải ngay. Nên ngay bóng thẳng, đó là Nguyễn

Đình Chiểu! Trong hệ thống Nho học, Nguyễn Đình Chiểu là một bậc trí tuệ của thời đại mình, một người cao sĩ, một vị thầy. Cái tấm lòng ưu quốc ái dân ấy, cái tâm huyền yêu nước khóc nước ấy, cái nỗi niềm lo đời ấy, Nguyễn Đình Chiểu có người bao giờ; đó là về *tâm*; nhưng mặt khác, đứng về *tri*, Nguyễn Đình Chiểu phải vươn mình đứng vượt lên mọi thứ gió mưa thay đổi, cắt ra khỏi mọi thứ ham muốn thềm thường, không để cho thân phải quý gối khom lưng, con ngựa Tiều sương không thể há mồm cho người ta khoác vào chiếc bàm thiếc. Cho nên mượn lời ông Quán trong *Lục Vân Tiên*, cụ Đồ Chiểu đã có những câu như bay vậy!

*Trần Đoàn chẳng chút lo âu,
Gió trắng một túi, công hầu chiêm bao.
Người nay có khác xưa nào,
Muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn.*

Trước hết trong văn chương, trong viết văn, Nguyễn Đình Chiểu cũng đã ngang tàng rồi:

*Dẫu rằng: — Nào phải trường thi,
Ra đề hạn vận một khi buộc ràng.*

Bởi vậy cho nên chỉ đỗ cái tú tài. Nếu chẳng mù, còn đi thi được nữa, thì tôi e rằng cũng chẳng đỗ cao hơn Tú Xương đâu. Nhưng cái ràng buộc hành văn chỉ là nhỏ thôi, cụ Đồ Chiểu nghĩ đến cái ràng buộc nguy hiểm hơn kia.

Trong *Dương Từ — Hà Mậu*:

*Trong vòng danh lợi, thôi thôi,
Huỳnh lương một gối, mấy hồi chiêm bao.
Sang giàu lòng chẳng ước ao,
Hoa tàn, mây nổi, nước xao, trăng lờ.*

Sự thanh thoát đối với những cái mồi danh lợi ấy, cụ Đồ Chiểu đã nhiều lần nhắc lại:

*Vòng danh xiềng lợi thả rong,
Vật ngoài gió bụi, người trong tiên thần.*

Tuy nhiên, cái tri tuệ của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ dừng sự thanh thoát của mình đến đó. Sự thanh thoát của người anh hùng ưu quốc ái dân số một là Nguyễn Trãi, đã lên cao đến mức: « *Núi láng giềng, chim bầu bạn, mây khách khứa, nguyệt anh tam* » (1), hòa mình với tạo vật, thì theo sau tiên liệt Úc Trai, Hối Trai tiên sinh (Nguyễn Đình Chiểu tự đặt cho mình tên hiệu ấy: « *Cái nhà tối* », mình đã mù) cũng đưa trí mình lên điểm chủ động, không bị chi phối; Kỳ Nhân Sư nói: Ta đã thấy rồi muôn việc ở cõi trần, ta chỉ còn giữ cái không thay đổi, đó là tâm thần của ta (luơng tâm của ta):

*Nguyễn cùng tạo hóa lại qua,
Làm xe, làm đạn, phận già thành thoi;
Kêu trâu kêu ngựa mặc người,
Cánh trùng, gan chuột, theo trời phú cho.*

Ý của Trang Tử được cụ Hồ Chiểu lồng làm thơ mình; dù làm xe hay làm đạn, dù làm cánh trùng hay làm gan chuột, dù miệng đời tròn hay méo, mình cũng không dời đổi cái tự giác của mình. Hai người bạn của Kỳ Nhân Sư lại là hai khái niệm cao thanh của trí tuệ Nguyễn Đình Chiểu: họ lấy tên là Hưởng Thanh Phong, là Ánh Minh Nguyệt:

*Thanh Phong cầm tiết chẳng day,
Bụi như chẳng chút so tày giá trong.
Lấy lòng tạo hóa làm lòng,
Vây cho người cũng khó mong thấy mình.
Thanh Phong vốn đã sạch mình,
Lại thêm Minh Nguyệt tài lành thú cao.*

(1) *Anh tam* (tiếng cổ): anh em.

Độ là hai con người, đó chính là hai khái niệm, cho nên còn mắt thường cũng khó mà nhìn thấy được. Trong xã hội phong kiến ngày xưa, các nho sĩ, những nhà trí thức thời trước, phải tùy thuộc vào ông vua, cho nên phải chuẩn bị cho mình hai thái độ hành và tàng: gặp vua sáng, thì ra làm quan mà hành động; phải vua mờ ám, thì tự cất giấu, ẩn mình! Nguyễn Đình Chiểu là người cúc cung tận tụy, tha thiết với nước với đời,

*Kén tờ kéo hết ra thân nhộng,
Hơi tiếng đầu còn nhọc sức ve*

nhưng cũng là cái tâm trí nhẹ nhõm lâng lâng thật là đẹp:

*Hỏi thì ta phải nói ra
Ba ngàn thế giới, ta là vô danh!*

(Câu lục bát này cùng chung sáu chữ đầu với câu lục bát « Bởi chung hay ghét cũng là hay thương » nổi tiếng; đây là lời người đạo sĩ trong *Dương Từ-Hà Mậu*). Riêng tôi, tôi rất thương thức cả hai câu lục bát sóng đôi này.

• II

Lục Vân Tiên! Bây giờ tôi xin phép nói một cách nôm na về truyện thơ nôm na trừ danh ấy.

Lục Vân Tiên là tác phẩm phổ biến nhất của Nguyễn Đình Chiểu, và là tác phẩm cổ điển phổ biến nhất từ Nam-bộ ra đến Liên khu Năm.

Có một hiện thực khách quan là trong hàng trăm năm nay, quần chúng ở miền Nam rất yêu truyện *Lục Vân Tiên*, kẻ sĩ ngâm nga, người mù mang đi hát dạo, người ta đem những nhân vật *Lục Vân Tiên* ứng vào cho những người thật trong cuộc đời, rồi diễn cải lương (ở Qui-nhon, tôi đã xem diễn thanh hát bội), rồi có nhiều

cốt truyện mô phỏng theo... Bản thân tôi chủ quan có thể yêu thích *Lục Vân Tiên* đến mức nào đó; nhưng tôi muốn khách quan phân tích tại sao đưa vào quần chúng miền Nam, *Lục Vân Tiên* cảm động lòng người đến cao độ như vậy. Theo tôi nghĩ, là vì *Lục Vân Tiên* mang tới cao độ tình quần chúng và tình miền Nam.

Lục Vân Tiên được viết vào khoảng trước khi mất ba tỉnh miền Đông, sau khi Nguyễn Đình Chiểu bị mù, vào tuổi thanh niên của Nguyễn Đình Chiểu. *Lục Vân Tiên* là hơi thở của quần chúng miền Nam, là ý tình và lời nói của quần chúng miền Nam. Nó là tác phẩm quý báu, bởi vì nó được quần chúng miền Nam yêu thương quý báu. Năm 1952, một cây bút trẻ của Nam-bộ, sau khi đi sâu vào nông dân, có nghĩ ra một cốt truyện, định viết bằng văn xuôi. Một đêm khuya, anh đi qua một cái nhà hẻo lánh, thấy đèn còn chong, nghe có tiếng nói thơ; đó là thơ *Lục Vân Tiên*. Anh vào thì thấy một nông dân đang nằm, gác hai chân lên cột nhà, tay không có sách vở chi cả, đang thuộc lòng « nói thơ » *Vân Tiên*! Hơn một trăm năm đã qua mà giữa kháng chiến Nam-bộ gian lao, truyện *Lục Vân Tiên* dân vẫn thuộc, vẫn đưa được sáng khoái đến cho người ta, di dưỡng được tâm tình quần chúng đánh giặc Pháp. Đêm hôm ấy đã cho anh văn nghệ trẻ — chính anh đã kể lại chuyện này với tôi — một bài học về tình quần chúng của văn nghệ, bài học cụ Hồ Chiểu. Trở về, anh đã đọc đi đọc lại *Lục Vân Tiên* năm lần, và sau đó anh cầm bút viết cốt truyện của anh theo cách *Lục Vân Tiên*...

Vì sao *Lục Vân Tiên*, viết từ khoảng 1850, đến cái năm 1952 ấy vẫn còn sống, còn trẻ như thế? Và năm 1972 này, mai sau nữa, vẫn còn sống trẻ như thế? Thế tất là nó có những đức tính gì quý báu lắm, hợp với quần chúng lắm, cho nên mặc dầu những chuyện vua, chuyện

quan, nhân dân không tán thành một chút nào nữa, mà chàng Vân Tiên, nàng Nguyệt Nga, ông chủ quán, chú Hỷ đồng, Hồn Minh, Tử Trục, ông Ngự, ông Tiều vẫn cứ sột dề, vẫn cứ đáng mến yêu!

Trong tác phẩm hàng đầu ấy của cụ Đồ Chiểu, có tình cương trực ngay thẳng của quần chúng, có thái độ dứt khoát như thái độ của quần chúng.

Vân Tiên là người trực tình. Hồn Minh là người trực tính. Vân Tiên thấy có bọn cướp núi, là đánh. Hồn Minh đi thi giữa đường gặp Đặng Sinh là con một quan huyện, ỷ thế cha, đang ép hãm con gái người ta :

*Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.*

Hồn Minh khỏe, to, thấy ngang trái bất công, là bẻ cẳng, không lười thối gì hết. Rồi bó tay tự nộp cho quan huyện, bị đi đày, vượt ngục, ẩn ở chùa, về sau theo Vân Tiên đi đánh giặc có công.

Tử Trục cũng xứng với tên của mình, khi Võ công định gả Thê Loan cho, bèn mắng ngay. Ông Quán cũng trực tính. Dĩ nhiên đây là ông Quán trong tư tưởng của cụ Đồ Chiểu, có ẩn tàng kinh luân, nhưng lại vẫn là ông quán bán cơm, kiếm chút ít lãi để sinh sống, thế mà thấy Tiên, Trục cùng với Hâm, Kiệm làm thơ, Tiên và Trục xong trước và hay, Hâm, Kiệm lại vu cho chép theo cô thi, thì ông Quán cười ngay vào mặt, chẳng giữ ý là sẽ mất khách hàng, mà khách hàng sộp (vì Hâm, Kiệm có nhiều tiền)

*Chẳng hay ông quán cười chi,
Võ tay xuống chiếu một khi cười dài.
Tiên rằng : — Ông quán cười ai?
Quán rằng : — Cười kẻ bắt tù đồ thơ*

Những ông Quán đề mắt khách hàng như vậy, thực tế không hay có ở trong đời, nhưng quần chúng rất quý yêu, vì thỏa mãn một đòi hỏi, một khát khao của quần chúng về lý tưởng.

Nguyễn Đình Chiểu viết đoạn thơ *thương ghét* trứ danh: thật ra từ ngàn đời trước, đó là tình cảm phổ biến của nhân dân, và nhiều thi sĩ trước kia đã có những vần thơ về tà, chính; nhưng viết ra tập trung thành mấy chục câu thơ giản dị phân minh, rõ ràng sắc nét, có nhạc điệu, có tâm tình, khiến ai cũng phải thuộc, thì ai đã viết một cách điển hình như vậy ngoài Nguyễn Đình Chiểu? Tử Trục mắng Võ công, mắng Thê Loan, khi ông này định gả con gái cho mình: «Vợ Tiên là Trục chị dâu...»; khi Vân Tiên đổ trạng, dẹp giặc xong, vinh qui, mẹ con mẹ Quỳnh Trang và Thê Loan còn tình với nhau đem sắc đẹp làm cho Vân Tiên đắm lòng:

*Trang rằng: Con có hồng nhan,
Cho chàng thấy mặt thì chàng ắt ưa.*

Đến khi gặp hai mẹ con, thì Hớn Minh và Tử Trục nói không nề nang chút nào hết:

*Hớn Minh, Tử Trục đứng coi,
Cười rằng: Hoa khéo làm mờ trêu ong;
Khen cho lòng chẳng then lòng,
Còn mang mặt đến đeo bông làm chi?
Ca ca sao chẳng chịu đi,
Về cho tàu tàu để khi xách giày!*

Cái lối nói «mang mặt đến, vác mặt đến», «chỉ đáng xách giày» là lối nói thẳng thừng của quần chúng trong Nam. Hớn Minh, Tử Trục phản ứng rất mạnh, như quần chúng.

Gần đây tôi lại đem ra đọc lại một lần nữa đoạn Vân Tiên, Nguyệt Nga gặp nhau. Có những khi ta đọc

thiếu ý tứ, ta thua tác giả. Vân Tiên về sau đỗ trạng nguyên, làm tướng soái, nhưng là con của một người thường dân ở quận Đông-thành, hai ông bà tu nhân tích đức, nghèo (về sau nhờ Nguyệt Nga đem tiền đến giúp trước khi đi cống Hồ, nên mới qua khỏi túng thiếu). Vân Tiên là một học trò văn hay võ giỏi, nhưng không mất tính cách quần chúng, trực tình như quần chúng. Chúng ta có thể thấy Lục Vân Tiên cũng hơi cứng nhắc, nhưng — đó chính là cá tính của Vân Tiên, đó là điểm đáng yêu của Vân Tiên. Chúng ta chớ nên lấy lễ lối giai nhân tài tử Á-đông, hay tập tục *galanterie* (1) ở Âu châu mà so chiếu vào chàng Lục Vân Tiên này; chàng là nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu, Nam-bộ, Việt-nam, chứ không của tác giả nào khác.

Vân Tiên là học trò nghèo. Nguyệt Nga là con gái quan phủ. Vân Tiên dè dặt là phải, và có hơi cộc lốc, đó có thể là cái giữ ý của giai cấp mình bình dân:

Vân Tiên nói lại rằng: «Ừ!»

Làm thơ cho kịp chừ chừ chớ lâu.

Nếu như ở ngoài Bắc thì ít nhất cũng «vâng» một tiếng, đằng này trong Nam, Vân Tiên «ừ». Cái cộc lốc đó rất đáng yêu. Vả lại Vân Tiên vốn «tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành», Tiểu đồng về sau cũng nói với thầy bói rằng Vân Tiên «tuổi vừa hai tám còn đang thơ ngây», là con trai mới lớn lên, có cái chưa thuần thục của con ngựa trẻ, như vậy càng lộ cái thiện chân, cái bản chất tốt lành của Vân Tiên. Ai tao nhã ở đâu, tôi cũng mến; Vân Tiên cộc lốc ở đây, tôi vừa buồn cười, vừa rất quý yêu. Đoạn văn «gặp gỡ»

(1) *Galanterie*: trước đây có người dịch là «nịnh đầm», lối chiều chuộng phụ nữ ở châu Âu.

này, cụ Đồ Chiểu viết có làng lớp, rất ý tứ. Nguyệt Nga, người con gái trinh liệt sau này, là con quan phủ nhưng rất nhỏ nhẹ khiêm tốn; được Văn Tiên đánh tên cướp núi Phong-lai, giải nguy cứu mình. Nguyệt Nga xiết bao cảm tạ; chúng ta tưởng như nghe thánh thốt bên tai giọng nói của một cô con gái Nam-bộ hiền hậu:

*...Trước xe quân tử tạm ngồi,
Mà cho tiện thiệp lay rồi sẽ thưa.
Chút tài liễu yếu đào thơ,
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.
Hà-khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiệp đến ăn cho chàng...*

« Văn Tiên nghe nói liền cười », cái cười đáng yêu, đáng kính sao! Một là cái cười của anh hùng quân tử, hai là cái cười của anh con trai, ba là cái cười của người quân chúng rộng lượng, đều ở trên môi Văn Tiên:

*...Nhớ câu kiến ngài bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng;
Đó mà biết chữ thủy chung,
Lựa là đây phải theo cùng làm chi.*

Tôi không theo cô dâu.

**Nguyệt Nga biết ý chàng đi,
bèn hỏi qua tên họ:**

*Thưa rằng tiện thiệp đi đường
Chẳng hay quân tử quê hương nơi nào?*

Tại sao đến đây bỗng nhiên:

*Phút nghe lời nói thanh tao,
Văn Tiên há nữ lòng nào phối pha*

bỗng nhiên tình cảm lại thắt kết một cái nút thứ nhất như thế?

Đông-thành vốn thiệt què ta,
 Họ là Lục thị, tên là Vân Tiên.
 Nguyệt Nga vốn đấng thuyền quỳên,
 Tai nghe lời nói, tay liền rút trâm.
 Thưa rằng : — Nay gặp tri âm,
 Xin đưa một vật để cầm làm tin.

Nguyễn Đình Chiểu hạ mấy chữ vốn đấng thuyền quỳên; vốn tức là từ bản chất, tức là có suy nghĩ trước, biết ý tức là tinh ý, đấng là đáng kính trọng :

Vân Tiên ngờ mặt chẳng nhìn

Không ngờ Vân Tiên quay mặt đi chẳng nhìn xem vật ấy là cái gì nữa :

Nguyệt Nga liếc thấy càng thin nết na.

Nguyệt Nga rất phụ nữ, rất tinh ý, rất chiều, thấy Vân Tiên như vậy, thì lại càng yêu hơn, càng thin nết na (chúng ta sung sướng thấy chữ thin từ trong thơ cụ Nguyễn Trãi : *Tinh quen khinh bạc, điệp chẳng thin* (1) lại truyền được đến vào thơ của cụ Nguyễn Đình Chiểu), càng gìn giữ nết na.

*Vật chi một chút gọi là,
 Thiếp thưa chưa dứt, chàng đà làm ngơ ;
 Cửa này là cửa vật vợ,
 Lòng chề cũng phải, mặt ngơ sao đành !*

Ở đây chúng ta bắt được tại sao quần chúng hàng trăm năm nay yêu truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu. Người con gái trách người con trai theo lối bình dân, theo lối nôm na không văn chương gì, mà thắm thía và có hiệu quả biết bao ! Anh chề của chứ sao anh lại chề em, quay mặt chẳng nhìn em.

(1) Tinh quen khinh bạc, con bướm chẳng giữ gìn gì cả (đối với hoa).

*Vân Tiên khó nổi làm thình,
Chữ ân đã buộc, chữ tình lầy dầy.*

Đường như Vân Tiên ngay từ đầu đã muốn gạt chữ tình ra cho khỏi bận vào mình ; nhưng Nguyệt Nga ăn nói như vậy thì cái dây tơ đã thắt một nút thứ hai nữa rồi.

*Than rằng đó khéo trêu đày,
Ơn kia đã mấy, của này rất sang.*

Rõ ràng Nguyễn Đình Chiểu đã nói giai cấp của Vân Tiên, của này rất sang, cái trâm bằng vàng ngọc này không phải là vật quen thuộc với tôi ; nhưng quý ngàn vàng là một lời nói :

*Gặp nhau đang lúc giữa đàng,
Một lời cũng nhớ, ngàn vàng chẳng phai.
Nhớ câu trong nghĩa khinh tài,
Nào ai chịu lầy của ai làm gì.*

Như thế là Vân Tiên không giữ một của tin nào của Nguyệt Nga và cũng không để vật tin lưu niệm nào lại cho nàng. Bởi vậy cho nên nàng phải thay thế bằng vẽ trượng. Ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu ở đây rất tinh tế, rất ý tứ. Nguyệt Nga rất ý tứ. Nàng chỉ tự trách nhược điểm của mình là chưa hiểu biết việc đời, cho nên có khi đã chạm tư ái của Vân Tiên, và chỉ riêng than thở với cái trâm xấu số của mình, trách nó vô duyên nên nó mới bị người ta từ chối.

*Thưa rằng chút phận nữ nhi,
Vốn chưa biết lẽ, có khi méch lòng.
Ai dè những đấng anh hùng,
Thấy trâm thôi những then cùng cây trâm.
(Riêng than : trâm hỡi là trâm !
Vô duyên chi bấy, ai cầm mà mơ).
Đưa trâm chàng đã làm ngo,*

Thiếp xin đưa một bài thơ gửi từ.

Vân Tiên ngó lại rằng: — «Ừ»!

Nghe nói tặng thơ, bây giờ Vân Tiên mới quay mặt lại, và tiếp theo là cái tiếng «ừ» vô song, tôi chưa thấy trong truyện thơ nào đã có nó; nó rất quý báu, nó là hơi tiếng của quần chúng miền Nam vào trong thơ truyện giai nhân tài tử của ta.

∴

Trong truyện *Lục Vân Tiên*, có cái trào phúng, cái đả kích của quần chúng, Nguyễn Đình Chiểu rất ghét bọn sâu mọt của xã hội, bọn lợi dụng, bọn gian trá. Trong *Lục Vân Tiên*, ông bước đầu đả kích chúng, về sau trong *Ngư Tiều vấn đáp*, ông lại viết bản án của chúng một cách gắt gao hơn và đưa chúng ra trước pháp luật của một xứ sở công minh mà ông mừng tưng. Trong *Dương Tử — Hà Mậu*, ông đã kể tội của bà mẹ dốt :

*Làm tuồng chộn rộn sợ hung,
Chủ nhà van vái từ tung linh tưng.*

Tác giả *Lục Vân Tiên* có những trang trào phúng, những trang hiện thực phê bình rất sinh động; cái truyện xảy ra ở nước «Tây-minh» nào đó, thực chất là hiện thực, hiện trạng của xã hội miền Nam Việt-nam trước đây một trăm năm (kéo dài mãi cho đến về sau); vì thế nên quần chúng tìm thấy trong *Lục Vân Tiên* một bức tranh xã hội của mình, có người **mắng** chửi họ cho mình, thì rất ưa thích. Vân Tiên đau **mắt**, Tiều đồng đi kiếm thầy thuốc, tìm được thầy **ngang**; y hỏi tiền trước khi hỏi bệnh, khoe **nhà** ba đời làm thuốc, học nhiều sách, **khoác** lác, **tán phét**, lấy hai lạng bạc còn cho là làm phước; **mười ngày bệnh** Lục Vân Tiên không bớt, lại còn đòi tiền thêm; thầy ngang bèn **đầy**

cho Tiểu đồng đi tìm thầy bói. Thầy bói bắt « Đặt tiền quan một bốn mươi ; Khay trầu chén nước cho tươi mới thành », bói rồi chỉ đồ cho ma quỷ, bảo phải tìm thầy pháp. Tội nghiệp cho Tiểu đồng, vì thương Vân Tiên mà « chạy bòn bòn », học tốc tất tả đi tìm, vào nhà thầy pháp, y đòi ngay ba lượng bạc ; Tiểu đồng nói : Tôi còn dành được hai lượng bạc ở nhà. Thầy pháp bảo : « Về lấy sang đây ! ».

Bây giờ tôi rất hiểu tại sao đại chúng rất ưa thích truyện *Lục Vân Tiên*. Nó sinh động, đa dạng. Tác giả tả được tình nết, thần thái, ngôn ngữ của nhiều hạng người có thật trong xã hội, người đọc, người nghe liền hệ được người trong truyện với kẻ trong đời, mà liền hệ một cách thiết thực, nôm na. Những Trinh Hâm, Bùi Kiệm người ta gặp hằng ngày trong xã hội miền Nam. Văn Nguyễn Đình Chiểu tả bọn thầy lang băm, thầy bói, thầy phù thủy thật là đáng tức cười, như thấy chúng đang quã tang hành sự. Thầy pháp thoát đầu trợ Tiểu đồng, khoe tài của mình : « Pháp hay hú gió kêu mưa » thì nghe oai lắm ; nhưng đến « Sai chim, khiến lợn, đuổi lừa, bắt trâu » thì thật là buồn cười. Rồi thầy pháp bảo Tiểu đồng nằm xuống đây cho y chữa, và Vân Tiên đang nằm ở nhà sẽ khỏi. « Đau Nam chữa Bắc mà thuyên mới tài » : Thế rồi,

Pháp bèn cất tiếng hét lên

và mời bao nhiêu thần thánh về chữa bệnh ; ngôn ngữ của hắn thật là ba lằng nhằng :

Thỉnh ông Đại thánh Tề thiên,

Thỉnh bà Vũ hậu đều liền đến đây ;

Thỉnh ông Nguyễn soái chinh tày,

Cùng bà Vương mẫu sum vầy một khi...

... Thỉnh trong thiên tướng thiên binh,

Cùng là tam phủ đồng đình xích lân -

thật là như quần chúng bảo: nói thiên binh thiên tướng, nói huyền thuyên xích đế. Cái hiện thực phê bình đó, ta nhìn thấy khi Nguyễn Đình Chiểu tả cha mẹ và con Thử Loan, tả Trịnh Hàm, Bùi Kiệm; Trịnh Hàm dốt nát khi nghe ông Quán cười cho thì nổi sung tự ái và mắng:

*Hàm rằng: — Lão quán nói những!
 Dầu cho trái việc cũng chẳng bán cơm,
 Gối rơm theo phận gối rơm,
 Có đầu ở thấp mà chồm lên cao.*

Thật rõ là miệng lưỡi của các giai cấp áp bức bóc lột. Đáp câu nói láo xược và lập trường ngu ngốc của Trịnh Hàm, ông Quán đứng trên vị trí cao cả của trí tuệ, mà nhìn lại Hàm, trả lời:

*Ừng thay đàn gảy tại trầu,
 Nước xao đầu vịt, nghĩ lâu nực cười.*

Những tên tiểu nhân đắc thế đó, bản chất của chúng rất hèn mạt. Trịnh Hàm trước đây lập kế trời Tiều đồng trong rừng, xò Văn Tiên xuống sông, nay Văn Tiên đổ trạng cầm binh, Hàm bị dẫn đến hồi tội, nó xoen xoét lon hót:

*Truyền quân dẫn Trịnh Hàm vào,
 Mắt nhìn khắp hết, miệng chào các anh.*

Hơn Minh bèn gạt đi:

Ai mượn kêu anh?

Đến lúc được tha, thì:

*Hàm rằng: « Khỏi chết rất vui »,
 Vội vàng cúi lạy, chân lui ra về.*

Thật không còn gì tư thế của một con người, nó thốt ra mồm mừng rỡ: « khỏi chết rất vui! » rồi ngoắt đuôi cảm ơn và cút thẳng!

Còn Bùi Kiệm thì:

*Còn người Bùi Kiệm máu dê,
Ngồi chờ bê, mặt như sè thịt trâu.*

nó đi vào trong thiên cổ với sự cách điệu hóa của quần chúng miền Nam, với cái mặt như một rỗ (sè) thịt trâu ôi đen xám lại! — Đền như tên thái sư đã hãm hại khiến Nguyệt Nga phải cống Hồ, thì:

*Có người sang cả ngòi cao,
Thái sư chức trọng trong trào sắc phong.*

Đó là tại trong trào đình phong bầy thế.

∴

Quần chúng yêu truyện *Lục Vân Tiên* bởi trong ấy có những nhân vật quần chúng rất đáng kính mến.

Ông bán quán, hai vợ chồng nhà chài, ông tiểu phu, anh hề đồng, Nguyễn Đình Chiểu nói đến họ rất là chăm chút trân trọng, mỗi câu, mỗi nét đều chú ý đề cao tư thế cho họ; họ là nhân dân lao động, họ có tấm lòng tốt vô giá, họ chăm lo làm ăn, họ trọng nghĩa khinh tài, họ là đại diện cho chính nghĩa, vì chính nghĩa mà cứu giúp Vân Tiên thoát nạn. Họ có cái tri thức của người lao động; với Đờ Chiểu, những người lao động ấy cũng là những người có tài, ghét đời ô trọc, mai danh ẩn tích; chính Đờ Chiểu là Vân Tiên, chính Đờ Chiểu là ông Ngư, ông Tiều.

Vân Tiên bị Trịnh Hàm xô xuống sông:

*May vờa trời đã rạng ngày,
Thuyền chài xem thấy vớt ngay lên bờ.*

*Khuyến con vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.*

Cả một gia đình nhà chài, cha, mẹ, con xúm xít cứu chữa cho người mắc nạn. Ông chài bảo Vân Tiên ở với ông

Sớm mai hằm hút một nhà cho vui.

Võ Công thấy Vân Tiên mù, đem bỏ vào hang cho rảnh khỏi một tên rề ràng tạt ; Vân Tiên được một vị thần cứu khỏi hang đem về ngoài đường lớn, được một người lấy củi cứu cho. Chúng ta thấy đáng điệu cần lao của ông lấy củi :

*Lão Tiều cơm gói sẵn sàng,
Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng.*

Gặp Vân Tiên, nghe kể chuyện lại, ông Tiều than một câu rất giận hờn và rất thương mến :

*Ít người trong tuyết đưa than,
Khó ngồi giữa chợ ai màng đoái thương.*

Ông Tiều nói với Vân Tiên như cha nói với con :

*Già hay thương kẻ thảo ngay,
Này thôi để lão dắt về nhà.*

Vân Tiên đói, sáu bữa nay không có hạt cơm nào vào bụng, tứ chi rũ liệt không bước được nữa,

*Lão tiều này ngỡ nực cười,
Mở cơm trong gói, miệng mời Vân Tiên
Gắng mà ăn uống cho yên,
Lão ra sức lão công Tiên về nhà.*

Chúng ta tưởng thấy cái lưng cụ tiều phu đã hơi còm ròi, nhưng chòm râu dưới cằm còn rất nhanh nhẹn, và người già ghé lưng công người trẻ, công đưa con mắc nạn về.

May sao ra khỏi rừng thì gặp Hớn Minh, Vân Tiên và Hớn Minh mừng rỡ kể chuyện với nhau ; chúng ta lại thấy ông Tiều,

*Tiều rằng : chẳng dám ngồi lâu,
Vào rừng đốn củi kéo hầu chợ phiên.*

Tác giả Đồ Chiểu thật đã quan sát kỹ người lao động, họ rất quý công việc. Trước ông Tiều cao cả như vậy,

Hón Minh quý gởi lạy liền. Hón Minh có hai lượng bạc xin đưa tạ ơn, ông Tiều cũng như ông Ngự, lại từ chối:

*Công hầu phú quý mặc ai,
Lộc rình gánh vác hai vai tháng ngày.*

Người tiểu đồng theo giúp Vân Tiên cũng là một tấm lòng cao quý. Ở đây ta không nói cái nghĩa tử thầy theo lối phong kiến, Nguyễn Đình Chiểu không thể vượt ra khỏi thời đại của mình; ta chỉ nhìn cái khía cạnh hy sinh của tiểu đồng, Vân Tiên và tiểu đồng dùm bọc nhau; khi Vân Tiên đau ốm, tiểu đồng tận tụy tả tả chạy tìm thầy tìm thuốc, tiểu đồng thực thà, dễ bị bọn thầy bói, thầy pháp lừa. Mấy năm trời tiểu đồng tưởng Vân Tiên chết; Vân Tiên cũng tưởng tiểu đồng chết, lúc được vinh hiển rồi, thì làm lễ tế tiểu đồng, nhìn bài vị mà khóc rờn rờn. Xây dấu tiểu đồng đi qua đó:

*Tiểu đồng ngấm ngửa nhìn nghiêng,
Ông này sao giống Vân Tiên cũng kỳ?
Ông nào mà xuống âm ty?
Ông nào còn sống nay thì làm quan?
Trạng nguyên khi ấy hỏi chàng:
— Phải người đồng tử mắc nạn chốn ni?*

Cái ưu ái đối với người lao động, sự kính mến họ là một đặc điểm của tâm hồn Đồ Chiểu. Sau này, khi những người ấy là nông dân tự nghĩa đánh quân cướp nước, thì cụ Đồ Chiểu lại càng kính trọng yêu mến vô ngần. Chính cái thái độ quý trọng người lao động ấy đã làm cho quần chúng thấy ở truyện *Lục Vân Tiên* một câu chuyện của mình, thấy tác giả là bạn của mình, là bà con của mình, là người nhà mình.

Quần chúng miền Nam yêu truyện *Lục Vân Tiên*, vì tác phẩm ấy trữ tình, diễn tả tình cảm nhiều đoạn đạt dào, cảm xúc được họ, tạo được cho họ những tình cảm lôi cuốn. Chúng ta thấy truyện *Lục Vân Tiên* sau khi mở đầu bằng một cảnh dân chạy giặc và người đánh lũ giặc núi, thì bắt đầu ngay bằng mối tình giữa Nguyệt Nga và Vân Tiên; cái chí tình của Nguyệt Nga, ngay những lúc đầu đã làm cho người đọc cảm động. Việc Nguyệt Nga nhớ Vân Tiên, vẽ thành một bức tượng hình Vân Tiên, và từ đó không rời bức tượng nữa, là một điển hình, một sáng tạo ai cũng nhớ. Từ đó về sau, hề có Nguyệt Nga là có bức tượng Vân Tiên, Nguyệt Nga tượng trưng cho sự chung tình, sự chung thủy. Người con gái đó thông minh, biết suy nghĩ, biết xử sự hợp nghĩa, hợp tình. Bức tượng Vân Tiên đã thành một điệp khúc trong tập thơ:

*Lâu lâu một tâm lòng thành,
Họa ra một bức tượng hình Vân Tiên.*

Cái tình yêu muòn thưở của con người, khi thì nó hóa ra dẹt găm, chức cảm hồi văn như nàng Tô Huệ, khi thì nó ẩn trong tiếng đàn như nàng Kiều, khi thì nó hóa thành những bài thơ như trong *Tình sử*, như trong *Sơ kinh tân trang*, khi thì nó hóa thành một bức chân dung hồi ức như là Nguyệt Nga.

Khi Lục Ông đến thăm Kiều Công cha của Nguyệt Nga, Lục Ông cho biết tin đồn vang là Vân Tiên đã chết. Nghe tin đó,

*Nguyệt Nga đứng dựa bên phòng,
Tay ôm bức tượng khóc ròng như mưa.*

Nguyệt Nga nhuộm bệnh, nhớ khi gặp Vân Tiên giữa đàng,

*Còng đũa chờ đợi bấy lâu
Thà không cho gặp buổi đầu thời thời*

*Biết nhau chưa dựng mấy hồi
Kẻ còn người mắt trời ôi là trời!*

Nguyệt Nga bị tên thái sư hãm hại, bị đem đi cống Hồ sang nước Ô-quá, trước khi đi, sang nhà Lục Ông làm chay bữa cho Văn Tiên :

*Ăn chay nằm đất cho chàng Văn Tiên,
Mở ra bức tượng treo lên.
Trong nhà cho tới lảng giếng đều thương.*

Nguyệt Nga chu đáo đề tiền lại nuôi dưỡng Lục Ông. Khi đi thuyền sang cống nước Ô-quá, Nguyệt Nga trầm mình. Đoạn này là một đoạn rất cảm động :

*Đêm nay chẳng biết đêm nào,
Bóng trăng vặc vặc, bóng sao mờ mờ.
Trên trời lặng lẽ như tờ,
Nguyệt Nga nhớ nổi tóc tơ chẳng tròn.
Than rằng : — « Nọ nước kia non,
Cảnh thời thấy đó, người còn về đâu ? »
Quản hầu đều ngủ đã lâu,
Lên ra mở bức rèm châu một mình.
— « Vắng người có bóng trăng thanh,
Trăm năm xin gửi chút tình lại đây.
Văn Tiên anh hỡi có hay
Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng ! »
Than rồi bức tượng vai mang,
Nhắm chừng nước chảy vội vàng nhảy ngay.*

(Đối với câu « nhảy ngay » này, một người bạn của tôi trước đây có nói đùa là : « Sao lại có thể nhảy ngay như thế được, khác nào như nhảy vào bể bơi ! », và tôi cũng đã cười tán thành ý ấy. Bây giờ tôi nghĩ lại : Trước khi nhảy xuống sông Tiên-đường, Kiều thật là man mác : « Cửa bông vội mở rèm châu — Trời cao sông rộng một màu bao la ». Nhưng bút pháp của mỗi tác giả một khác.

Nguyễn Du có thể tả Kiều khi nhảy vẫn còn luyến lưu, lưỡng lự; Nguyễn Đình Chiểu cũng có thể tả Nguyệt Nga nghĩ suy, cân nhắc, lưỡng lự giữa cái sống và cái chết; nhưng đối với Nguyễn Đình Chiểu, cân nhắc là cân nhắc trước khi nhảy, chứ khi đã nhảy thì thế tất phải *nhảy ngay!* Không thể nào nhảy trừ trừ được. Và lại không nhảy ngay, thì Kim Liên và năm chục thể nữ theo hầu biết được, cũng không dè cho nhảy nào. — Câu thơ không hay, đó là một việc khác).

Trở lại chuyện bức tượng, khi Nguyệt Nga được vớt lên, cũng vớt liền với bức tượng, nước sông không có thể rút ra trôi đi được; đến khi vào ở nhà Bùi Ông không ở được, bởi con là *Bùi Kiệm máu dê*, phải bỏ trốn ra đi thì cũng

*Dán trong vách phần một tờ,
Vai mang bức tượng kịp giờ ra đi.*

Đến lúc tái hợp cũng là nhờ bức tượng; Vân Tiên

*Hỏi rằng : — Bức ấy tượng chi,
Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình.*

Đó là bút pháp văn học cổ. Một nét đơn giản, nhưng lặp lại mãi, mà đúng chỗ, thì trở thành sự giản dị lớn lao, trở thành sự vĩ đại trong cái đơn giản. Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tạo điển hình này một cách thành công đặc biệt.

Lục Vân Tiên phổ biến tuyệt đối ở Nam-bộ, ra đến Liên khu Năm. Năm 1864, Ô-ba-rê (Aubaret) dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp. Năm 1885, Aben đê Misen (Abel des Michels) dịch ra thành thơ Pháp.

III

« Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này ».

« Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy ». Những lời của đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết năm 1963, nhân kỷ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, đã giúp cho tôi rất nhiều.

Nguyễn Đình Chiểu mù rồi, về đến quê nhà, thầy tú Chiểu dạy học, giỏi, nổi tiếng ông Đồ Chiểu. 1867, tại Sài-gòn, *Lục Vân Tiên* in ra lần đầu do tay một người Pháp là Jannô (Jeanneau) sao lục và chú thích. Khoảng 1883, một tên doanh nghiệp Pháp ở Bến-tre có đến thăm cụ, về viết trong báo Pháp ở Sài-gòn, nói đến tầm vóc cao lớn của cụ, người to khỏe, mái tóc hầy còn đen rất đẹp, chỉ điểm ít vệt tóc bạc. Cũng khoảng 1883, tên chủ tỉnh Bến-tre đến cầu cụ nhuận chính bản *Lục Vân Tiên*, nó hỏi han sức khỏe của cụ, nó tặng cụ một bản *Lục Vân Tiên* in chữ Nôm rất đẹp. Nó rất xảo quyệt, khi cụ cảm ơn nó theo lễ tục Việt-nam, thì nó bảo : nó còn ít tuổi, chỉ xin cụ đổi với nó với cương vị một bậc lão thành. Cụ khước từ tất cả các món tưởng lệ bằng tiền bạc ; khi cụ già, thêm điếc, báo Pháp muốn xin phụ cấp cho cụ, cụ trả lời, từ chối. Báo Pháp viết : « Ông sống trong một sự đủ ăn đáng quý, ở giữa những món đồ họ theo lời giáo huấn của ông, và ở giữa đồng bào tôn trọng ông ». Năm 1888, nghe tin vua Hàm Nghi chống Pháp bị bắt, cụ khóc và nhịn ăn uống mấy ngày rồi chết, thọ 66 tuổi. Ngày đưa ma cụ, cả một cánh đồng Ba-tri trắng xóa khăn tang. Nhưng ngày giỗ cụ, người ta đi thăm mộ cũng trắng cánh đồng. Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu rất trong sáng, rất đẹp ; tuy nhiên nghĩ đến lời của Thủ tướng, chúng ta nghĩ đến tác phẩm, đến văn, đến hiệu

quả có thật và lâu bền của hành động bằng ngòi bút của nhà chí sĩ.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ mù của nền văn học Việt-nam, một nhà thơ lớn, là cờ đầu của nền thơ văn yêu nước từ cuối thế kỷ XIX. Vinh dự cho nhà thơ mù ấy, là đặc biệt trọng trung cho sự sáng suốt của tâm lòng, của trí tuệ. Trong kịch *Vua Lia* của Sếchxpia, có Golôxtơ (Gloster), một triều thần có hai người con, ông ta có mắt nhưng mù. Ông ta mù vì không hiểu nổi ngay cả một chân lý rất đơn giản : như đứa con chính thống của mình Êtmun là tên phản bội, còn đứa con hoang của mình Êtga là người cao thượng. Mãi đến khi thực sự mất cả đôi mắt, Golôxtơ mới sáng mắt ra. Rõ ràng là Sếchxpia không tin vào mắt người ta ; và ông đã thể hiện điều đó qua hình tượng Golôxtơ. Rồi đến vua Lia cũng mù nốt, mặc dầu thị giác của ông ta dường như bình yên cả. Nghĩ đến vở kịch kiệt tác của Sếchxpia, rồi nghĩ đến đôi mắt mù của Nguyễn Đình Chiểu, ta cảm thấy từ nhà thơ mù ấy tỏa ánh sáng ra tràn ngập cả chúng ta. Ánh sáng yêu nước. Ánh sáng thường dân. Ánh sáng của Tổ quốc và nhân dân từ đôi mắt đau thương của nhà thơ miền Nam ấy chiếu vào chúng ta như ánh sáng ngôi sao Nam Tào !

1863 : triều đình Nguyễn cắt ba tỉnh miền Đông cho Pháp. Hồ Chiểu làm cố vấn cho Trương Định, bấy giờ đang khởi nghĩa đánh du kích ở Gò-công ; khu du kích, nhân dân lúc đó gọi là Khu Đám lá tối trời. Trương Định ba năm đương đầu với Pháp, trong một trận đánh bị thương, ông tự sát (1864). — Cụ Hồ Chiểu thường nhắc đến Khổng Tử viết kinh *Xuân-thu*, cảm cân nầy mực trong việc viết sử. Tôi nghĩ rằng : Khổng Tử đã từng viết bốn chữ nổi tiếng *Xuân Vương chính nguyệt* ; đáng lẽ chỉ đề « *Xuân, chính nguyệt* » đề trở ngày tháng, Khổng tử viết chen ngay một chữ *Vương* vào giữa, đề đề cao

vua chinh thống. Tôi muốn hiểu rằng: học đạo Nho, cụ Đồ Chiểu đã dùng bút pháp ấy đề đề cao Trương Định và Phan Tông; chức của hai liệt sĩ chưa phải là lớn, cụ Đồ Chiểu đã dụng ý chen chữ *Công* vào giữa họ và tên; Trương Công Định, Phan Công Tông; cũng như xã hội đang trọng quan, mà Phan Tông lúc ấy đánh Pháp bị triều đình Huế coi là nghịch thần, bị xâm lược Pháp gọi là giặc, thì Nguyễn Đình Chiểu cố ý viết:

Trạnh lòng trăm họ khóc quan Phan

Và lấy lại theo điệu thơ thập thủ liên hoàn:

Quan Phan thác trọn chữ trung thần...

Trương Định cũng được gọi là *quan* như vậy. Nhà thơ mù đã có những tiếng khóc vĩ đại.

*Nói ra thì nước mắt trào,
Tấm lòng ru thể biết bao giờ rồi!*

Ôi! Làm ra cơ ấy, tạo hóa ghét nhau chi!

Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi lụy mãi!

Những văn tế, những thơ yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đã được trích dẫn rất nhiều lần (trong bài này, tôi trích ít để bớt trùng lặp với những nhà bình luận khác). Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע* có vị trí của một áng văn lần đầu tiên nói về quần chúng tự mình đứng dậy đánh giặc ngoại xâm, «ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ»; hoàn toàn tự nguyện, cho nên «*nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình*»; đây là những đội quân du kích «*ngoài cật có một manh áo vải... trong tay cầm một ngọn tầm vông*».

Thơ điệu Trương Định thật là bi tráng:

*Trăm đăm mộ binh vầy lớn nhỏ,
Một gò cỏ lữ chống hóm mai.*

*Trên trại đồn điền hoa khóc chủ
Dưới vòm Bao-ngược sóng kêu quan.
Mây giăng Trường Cốc đường quân vắng,
Trăng xế Gò Rùa tiếng đầu tan (1).*

Sự thể nghe thời đã lắt đầu !

Sáu tỉnh cơ đồ nửa đã ngăn !

Nhưng cái chí của Trương Định là cái « chí dốc ra tay nâng vạc ngã », việc của Trương Định là cái việc « cảm nỗi nhà nghiêng lăm chống cột ». Bởi vậy,

*Vì nước tắm thân đã gửi, còn mất cũng cam.
Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào ngại.*

Bài Văn tế Trương Định ấy có những vẻ đối như :

*Núi đất nửa năm ngăn giặc,
Giáo tre ngàn dặm đánh Tây.*

Điếu Phan Tông :

Lòng giận ngàn thu đất nổi giày

Đất cũng thành cục nhô lên thành gò, vì cắn hận.

Trong lòng Nguyễn Đình Chiểu, thương với ghét cái lẫn nhau. Mượn *Hịch đánh chuột*, ông không phải ám chỉ, mà văn viết rất rõ chuột đây là lũ nào :

*Nay có con chuột
Lòng mọc xồm xoàm...*

*Lớn nhỏ răng đều bốn cái, ăn của người thềm tối
biết bao nhiêu ;*

*Vấn dài râu mọc hai chia, vắng mặt chủ hung hăng
đà lăm lúc.*

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ, cho nên phải đánh bằng hình tượng ; đã « ghét việc tầm phào — ghét cay, ghét

6

(1) *Đầu* : do hai chữ *điều đầu* : một dụng cụ bằng đồng, ban ngày dùng thổi cơm, ban đêm để gõ làm báo hiệu trống canh lúc đi tuần.

đáng, ghét vào tới tàm », thì phải dành cho thật ác; cái giống chuột bần tiện ấy, chúng nó đã sâu hiểm thì cục cút của chúng nó cũng nham hiểm, cũng nhọn hai đầu; cục cút của nó nhọn hai đầu, chính là hình ảnh của bản thân nó:

*Sâu hiểm bẩy tám lòng nghiệt thử, cục cút ra cũng
nhọn hai đầu;*

Nhưng mà cái lũ chuột nhà bay có đáng chi; lột da kết làm áo cừu, thì da mày chẳng được mấy tấc:

*Báu xót chi manh áo thử cừu, tấm da lột không đầy
ba tấc.*

Hè lên nè! vây đánh bọn chuột không cho một mống nào chạy thoát:

*Chớ để con nào sơ lậu, phải ra tay lấp lỗ tam bành;
Đừng cho chúng nó sảy ra, phải hết sức trừ đồ lục tặc!*

Cái châm biếm đả kích ấy, cụ Đồ Chiểu dùng để vẽ cảnh nước lụt lồm xồm giương cao thấy chó ngồi, dùng để họa thơ Tôn Thọ Tường, một thử chó ngồi cao nhất:

*Lung lay lòng sắt đã mang nơ,
Chẳng xét phạm mình, khéo nói vợ.
Người tri mắng lo danh chẳng chối,
Đưa ngu lường sợ tuổi không chờ...*

Người hiền biết thì chỉ lo một nỗi để lại tiếng tốt với nhân dân, còn đưa ngu thì chỉ sợ già mà không hưởng hết được bổng lộc, không đục khoét được nhân dân nhiều nhất. — Trong một bài khác, lại vạch mặt thẳng Tường ấy:

*Đến thế còn khoe đường đạo nghĩa,
Như vậy cũng gọi tiếng trâm anh.*

Nam-bộ vào tay thực dân Pháp, xã hội bắt đầu tư sản hóa, lấy kiếm lợi và hưởng lạc làm đầu:

*Người nay ăn ở khác bề,
Rượu dầm trong bụng, sắc kè bên thân.*

*No say rồi lửa dục hừng,
Đốt trong khí huyết, tình thần còn chi?*

Và Nguyễn Đình Chiểu có một câu lục bát giản dị như đếm mà tôi cho là sáng tạo :

*Trở xoi tình dục cho người,
Bảy mươi hai hổ, ba mươi sáu hằm.*

. . .

Viết đến đây mà tôi còn cứ tự hỏi mình: Nói như vậy đã hết chưa? Đã phân tích hết tại sao quần chúng yêu thơ Nguyễn Đình Chiểu chưa? Tôi thấy ở đây, mình phải vượt qua « dòi trông thật » của mình, phải dùng cái lỗ tai vô hình của mình hơn nữa. Thoang thoang vắng vắng bên tai tôi cái nhạc điệu thơ cụ Hồ Chiểu; có một cái gì đó, tinh tế lắm. Có nhạc điệu riêng của thơ Nguyễn Du, thơ Kiều; theo tôi, cũng có một nhạc điệu riêng của thơ Nguyễn Đình Chiểu, thơ Lục Vân Tiên. Phải có cái đó thì mới làm mê say người nói thơ Vân Tiên chứ, cái ngôn ngữ đó,

*Trước đèn xem truyện Tày mình,
Găm cười hai chữ nhân tình éo le.*

*Ai ơi lắng lặng mà nghe:
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.*

Đó là những câu thơ có nhạc điệu, có nhạc điệu cũng như :

*Mấy ai ở đặng hảo tâm,
Nắng hun giúp nón, mưa dầm giúp toi.*

Cũng như :

*Người đời như bóng phù du,
Sớm còn tối mất công phu lữ làng!*

Ồ kia! từ nhỏ tôi vẫn cứ tưởng hai câu thơ tôi thuộc lòng này là ca dao, giờ đọc lại, mới thấy nó nằm trong

Lục Vân Tiên, cầu trên ở đoạn Vân Tiên đã mù, nhờ ông chài đưa đến nhà cha vợ nhờ cứu giúp, thì ông chài bảo thế; cầu dưới ở đoạn Lục Ông đến thăm nhà Kiều Công, đưa tin Vân Tiên đã chết, Nguyệt Nga than khóc thì Lục Ông khuyên giải như vậy. — Hai câu này, cụ Đồ Chiểu lấy từ ca dao đưa vào sách viết, hay dàn chúng đã lấy từ sách viết ra làm ca dao? — Những câu hay của thơ *Lục Vân Tiên* mang nhạc điệu của ca dao, của giọng đọc thơ của bà ngoại tôi ở Bình-dịnh 80 tuổi cách đây 20 năm, nghĩa là đã ngót 100 năm rồi; tôi muốn nói hơn nữa: mang nhạc điệu của một số ca dao miền Nam; nhạc điệu thơ Nguyễn Đình Chiểu đã bàng bạc sẵn trong tâm hồn dân chúng miền Nam, nhưng, đây là sáng tạo: Nguyễn Đình Chiểu trên nền nhạc điệu dân gian ấy, đã tập trung lại, quyện vào với nhạc điệu của tâm hồn mình:

*Nực cười con tạo trở trnh,
Chữ duyên tráo chác, chữ tình lảng xao.*

Một nhạc điệu bùi ngùi; ở trong xã hội cũ, đầy đau khổ, đầy phụ bạc, phản trắc, sao không bùi ngùi cho được? Nhưng vẫn giữ được cái trong lành, cái lành mạnh; *Dầu lia ngó ý, còn vương tơ lòng*, dầu tan nát bởi đau đớn, nhưng sợi tơ nối vẫn là cái lạc quan của quần chúng, buồn nhưng không bi thảm, chẳng bế tắc, tin tưởng ở lối thoát mai sau, ở chính thẳng tà, tin tưởng ở mình, ở lòng mình:

*Tuy rằng ở cuộc tang thương,
Tấm lòng ngay thảo nào thương đời xây.*

(Ngư Tiểu y thuật)

Nhạc điệu thơ Nguyễn Đình Chiểu có một số câu phân bố các dấu huyền tạo nên một tâm tình ngậm ngùi... Đây là đoạn Tử Trục vào nhà Võ Công để thăm Vân Tiên, được báo tin bạn mình đã chết:

*Than rằng, chạnh nhớ linh xưa,
Nghĩa đã kết nghĩa, tình chưa phủ tình,
Trời sao nữ phụ tài lành,
Bảng vàng chưa thấy ngày xanh đã mòn.
Cùng nhau chưa đặng vuông tròn.
Người đã sớm thác, ta còn làm chi*

Các thanh trường bình không vang xa vào không gian như những tiếng không có dấu, mà dần xuống, vang vào tâm tình, ngân nga trong tâm tình.

Một số đoạn thơ thất ngôn Nguyễn Đình Chiểu, khi ngâm nghĩ, khi nghĩ ngợi, cũng có cái nhạc điệu các dấu huyền ấy :

*Thương ôi ! Người ngọc ở Bình Đông...
Hoa cỏ người người ngóng gió Đông*

Rõ nhất là trong mấy bài *Tự thuật* :

*Xe ngựa lao xao giữa cõi trần
Biết ai thiên tử, biết ai thần?*

(Tự thuật, I)

Rõ ra suy nghĩ lẫn với tâm tình :

*Chiều chiều lại nhớ đến chiều chiều,
Cám cảnh giang sơn biết bấy nhiêu...*

Câu thứ hai không dấu huyền làm nổi bật câu đầu bốn dấu huyền vào một tiếng *chiều* duy nhất, như trong câu ca dao miền Nam « Chiều chiều lại nhớ chiều chiều, Nhớ người dầy gắm khăn điều vắt vai ».

Nhưng tôi không tự hạn chế sự phân tích tìm hiểu của mình trong các dấu huyền ấy, sợ « cây đời mãi mãi xanh tươi » vượt qua sự đóng khung của tôi. Bây giờ tôi xin nói tổng hợp về nhạc điệu trữ tình ; câu thơ Nguyễn Đình Chiểu, tại sao người ta yêu nó chứ ? Cái ông tưởng là quá nôm na ấy có những đoạn nhạc thơ thật tâm tình ; đó là nhạc thơ *Lục Vân Tiên*, không

giống nhạc thơ *Kiều* chút nào hết. Đứng về nhạc thơ mà nói, có phải đây là cao độ của hơi thơ dân gian bình dân hay không? Tôi thấy khi đã rất mực thưởng thức nhạc điệu thơ trau chuốt của truyện *Kiều* rồi, thì phải cần được song song thưởng thức nhạc điệu những đoạn thơ hay nhất của *Lục Vân Tiên*: Sự bổ sung cho nhau ấy là lẽ hằng trong văn học. — Đây là đoạn Nguyệt Nga đã từ biệt Vân Tiên. Câu đầu không rõ nghĩa lắm, nhưng người ta vẫn hiểu, vẫn cảm hiểu, nó mòng lung man mác:

*Ai ai cũng ở trong trời,
Gặp nhau ta đã cạn lời thì thôi.*

Và tiếp theo:

*Vân Tiên từ giã phản hồi,
Nguyệt Nga than thở: — Tinh ôi là tinh!
Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Chữ ân chưa trả, chữ tình đã vương.
Nặng nề hai chữ uyên ương,
Dây sầu ai khéo vấn vương vào lòng.*

Tiếp theo, «*Vái cùng*» là lối nói của quần chúng miền Nam một trăm năm, ba bốn chục năm về trước, nó tạo một không khí thành khẩn, thiêng liêng:

*Vái cùng Nguyệt lão hồi ông,
Trăm năm cho vẹn chữ tòng mới an
Hữu tình chi bấy Ngưu lang,
Tấm lòng Chức nữ vì chàng mà nghiêng.*

Phải chăng thầy tú Chiêu khi còn thanh niên đã có kinh nghiệm được con gái thương mình trước, cho nên mới tả tâm tình Nguyệt Nga được sâu sắc như vậy. Tiếp theo câu lục bát nổi tiếng, trẻ con cũng thuộc, nó rất nên thơ:

*Thời thời em hồi Kim Liên,
 Đầy xe cho chị qua miền Hà-khê.
 Tiếp theo hai câu tưởng như là ca dao:
 Trãi qua dầu thổ đường dè,
 Chim kêu vườn hú từ bề nước non.*

Tiếp theo, trên kia nói vậy, nhưng *thời thời* thế nào được! Lại *vái trời*, vái một lần nữa, bởi tấm lòng thật là chân thành :

*Vái trời cho đặng vuông tròn,
 Trăm năm cho vẹn lòng son với chàng.*

Đến đây kết thúc cả đoạn. Nguyệt Nga đã về tới nhà cha mẹ.

Hàng ngàn, hàng vạn con trai, con gái miền Nam trước đây đã mượn thơ *Lục Vân Tiên* nói hộ tâm tình của mình. Tại sao? Tại vì mối tình mà Nguyễn Đình Chiểu diễn tả trong đó là rất sâu sắc. Nó như những làn sóng tiếp nhau vỗ mãi bên lòng Kiều Nguyệt Nga. Đêm ấy đã khuya, trống canh ba, dưới trăng, Nguyệt Nga vẽ tượng Vân Tiên.

*Than rằng : Lưu thủy cao sơn,
 Ngày nào nghe đặng tiếng đờn tri âm.
 Chừ tình càng tưởng càng thâm,
 Muốn pha khó lợt, muốn dầm khôn phai.
 Voi voi đất rộng trời dài,
 Hỡi ai nữ để cho ai đeo phiên.*

Nhắc đi nhắc lại, láy đi láy lại, đó là trạng thái tương tư. Nếu như Nguyễn Du tả Kim Trọng tương tư Thúy Kiều, thì Nguyễn Đình Chiểu tả Nguyệt Nga tương tư Vân Tiên :

*Trở vào bèn lấy bút nghiên,
 Đặt bàn hương án chúc nguyện thần linh.
 Lầu lầu một tấm lòng thành,
 Họa ra một bức tượng hình Vân Tiên.*

Tiếp theo, còn đóng chương lại bằng một câu mở ra :

*Than rằng : ngàn dặm sơn xuyên,
Chữ ân đề dụ, chữ duyên nhuộm sâu.*

Những tiếng miền Nam yêu thương của ta ! Các người đã vào trong thơ của Nguyễn Đình Chiểu một cách đàng hoàng, chính thống, thoải mái, theo lẽ tự nhiên ! Tôi tìm thấy lại tuổi nhỏ của tôi, *cha đàng ngoài, mẹ ở đàng trong*, cha tôi thầy đồ Nghệ, má tôi người Bình-định, tôi đẻ ra ở Bình-định, bập bẹ nói là nói tiếng miền Nam, học ở trường Qui-nhon, bắt đầu làm thơ : *Non xa khởi sự nhạt sương mờ*, ngoài Bắc nói *bắt đầu* chứ không nói *khởi sự* ; đó là tiếng dùng ở Liên khu Năm, bây giờ bạn nhà văn Nguyễn Văn Bồng, Tế Hanh của tôi vẫn còn dùng tiếng *khởi sự*. Nguyễn Đình Chiểu đã dùng nhiều tiếng miền Nam như thế ; bắt đầu từ cái ngòi bút :

*Học theo ngòi viết chí công,
Trong thi cho ngụ tấm lòng Xuân - thu.*

Như cho người ta thêm chảy nước miếng ra, là « *nhem thêm* » :

Nhem thêm cho sãi về dân, bỏ chùa.

Cần cù một cách vất vả, không nề khổ sở, là « *cùi dày* » :
Vườn dâu, đám ruộng cùi dày làm ăn.

Những đồ dùng bằng sắt để ẩm không lau chùi, bị gỉ, thì gọi là bị « *tét* », bị « *sét* ».

Mũi giáo Thi Toàn dùng để sét.

« *Thảo nào* » thành ra « *hèn chi, hèn gì* »

Hèn chi thầy dạy khoa trường còn xa.

Nhiều tiếng của miền Nam có sức diễn tả lớn. Thổi hơi, hà hơi, xì hơi, hít hơi, tóm lại thành « *thổi hà xì hít* », ý nói làm mọi cách lau chấu nhọc sức, mà không chính đáng cho nên vô bổ :

*Làm chi như họ Kiền, Tùng,
Thôi hà xì hit hơi nung luyệt hình.*

Tôi lại thấy trong văn cụ Hồ Chiểu chữ *chín muối* của miền Nam :

*Vi như dưa chín cuống rời.
Trái muối mới thấy bay hơi thơm lành
Thán tôi như thể trái muối trên cây.*

Quyển *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* do Nhà xuất bản Văn học in lần thứ hai (1971) không biết chép lại bản thảo nào, ai đã chữa lại tự bao giờ, mà hóa ra :

Phong Lai trở chẳng kịp tay,

Vời những bản cũ, chép là :

Phong Lai trở chẳng lập tay ;

trong Nam *lập* nghĩa là *kịp*: « anh đi mau quá tôi theo không lập »; đó là tiếng của cụ Hồ Chiểu. Phải in đúng như thế rồi chú thích, chứ tại sao lại tự tiện chữa đi ?

∴

Cao hơn từ ngữ, tôi muốn nói đến ngôn ngữ của Nguyễn Đình Chiểu. Một ngôn ngữ bình dân, thông dụng, chân thật, thực tế, có cái vị thơm, cái hương lành của nó, cái hương vị văn miền Nam.

Lục ông thấy bức tượng Lục Vân Tiên con mình :

Lục ông một buổi ngồi nhìn.

Gọi sự vật ra bằng tên của nó :

*Có người ở quận Phan-dương,
Họ Bùi tên Kiệm làm thường nghề văn.*

Tử Trục lo giúp cho Vân Tiên đề tang cho mẹ :

*Bây giờ kịp rước thợ may,
Sắm đồ tang phục nội ngày cho xong.*

Ông Quán khoe hàng :

Kìa là thuốc lá ướp ngâu.

thuốc lá ướp hoa ngâu, sản phẩm của đất nước Việt-nam, chứ không ở nước Tây-minh nào cả.

Đất nước ta dài 3.000 ki-lô-mét bờ biển, đường đi sao mà xa quá !

Tiên rằng: Con Bắc mẹ Nam,

Nước non vòi vọi đã cam lồi nghì.

Những truyện giai nhân tài tử viết nôm, cô gái nào đã dám bỏ cái chữ « chàng » kiểu cách xa lạ, ước lệ, khi gọi người yêu của mình ? Chỉ có cô Nguyệt Nga ở Sóc-trăng, Bến-tre, Bình-dịnh đã gọi người yêu của mình như trong đời thật : Anh,

Tiên rằng: — Nàng tinh thể nào?

Nàng rằng: Anh hãy về trào tâu lên.

Tại sao Nguyễn Đình Chiểu không viết « Tiên rằng: — Em tinh thể nào » ? Có lẽ nhà thơ muốn chỉ đổi một tiếng « chàng » mà thôi, còn tiếng « nàng » vẫn cứ để như cũ, dặng cho nổi bật tiếng Anh duy nhất.

Nhân vật Bùi Kiệm cũng được quần chúng trong Nam nhận mặt dễ dàng, như nhân vật Sở Khanh. Còn tên tướng giặc Cốt Đột thì trong Nam, tôi nhớ khi tôi còn nhỏ, mà tôi đã có lần mắng tôi là đồ « Cốt Đột » !

Đối với phong cảnh của đất nước, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu rất có linh, có nhiều lần lấy nhạc điệu của hồn mình phổ thêm vào phong cảnh :

Hữu tình thay ngọn gió đông,

Cành mai nở nhụy, lá tòng reo vang.

Nói bình thường thì là thông reo ; cái sáng tạo của hồn thơ là lá tòng reo vang, làm cho ngân nga như một dây đàn bầu.

Cảnh của Nguyễn Đình Chiểu không lọc bằng trí tuệ ; lọc bằng trí tuệ thì thêm sức khái quát, nhưng đề phòng « nghệ sĩ » quá hóa ra như trong tranh vẽ thủy mặc hay trên men sứ độc bình. Nguyễn Đình Chiểu đã đưa vào trong thơ cái ngồn ngộn của đất trời nhiệt đới, cái thiên nhiên rất mực phong phú của núi sông Việt - nam ta, có ong, có ve, có chim, có cá (cá cưỡi : dĩ nhiên là cá cưỡi không lên tiếng, những loại cá rộng miệng, phải chăng nhìn thấy chúng như ngậm miệng cưỡi ?) :

*Ra đi tách dấm bưng chĩnh,
Gió nam rày đã đổi xuân sang hè.
Lại xem dấm liễn đường hòe,
Tin ong ngợ ngác, tiếng ve vang giầy.
Vui xem nước non non này,
Nước xao sóng dợn, non vầy đá cao.
— Màn trời gấm trái biết bao,
Trên nhành chim nói, dưới ao cá cưỡi.*

Trong các tác phẩm của ông, có nhiều đoạn thiếu trau chuốt, chưa gia công đầy đủ, nhưng trong những đoạn thành công, Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn nhất của miền Nam, là một nhà thơ lớn Việt-nam.

*Vân Tiên đem Hòn Minh vào,
Nguyệt Nga đứng dậy miệng chào có duyên.*

Văn Nguyễn Đình Chiểu có cái duyên hồn nhiên, bộc trực, tự nhiên, làm cho người ta rất thương mến. Bây giờ thử nghĩ chỉ một nét : Vân Tiên gặp lại Nguyệt Nga, hai người nhận ra nhau, Vân Tiên mới biết nỗi Nguyệt Nga thủy chung chờ đợi mình, tay ôm bức tượng ; nghe nàng tỏ thật như vậy,

*Vân Tiên vội vã xuống quỳ vòng tay.
Thưa rằng : Nay gặp nàng đây,
Xin đền ba lạy, sẽ bày nguồn cơn.*

Quý xuống và vòng tay lại như trẻ con ! Nguyễn Đình Chiểu có cái tâm rất lớn, nên suốt đời vẫn giữ một lòng yêu đời trong sáng, một niềm tin tưởng không gì lay chuyển nổi, một sự hồn nhiên như mãi mãi vẫn ở tuổi mới vào đời.

Có cái tri để hiểu biết, có cái tâm để yêu thương và có cái tài để thực hiện. Văn chương Nguyễn Đình Chiểu có sự thống nhất ba mặt ấy.

Chúng ta hôm nay kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn, sinh ở Nam-bộ, miền Nam, trong lúc nhân dân ta đang ào ạt từ Bắc chí Nam tấn công mãnh liệt đều khắp vào Mỹ — nguy, quyết đến thắng lợi cuối cùng. Hồ Chủ tịch vĩ đại đã nói : « ... Chúng ta đang chiến đấu và chiến thắng một kẻ thù hung ác nhất thế giới. Trên đất nước ta đang diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa văn minh và bạo tàn ».

Vẻ vang thay Nguyễn Đình Chiểu, khi cuộc chiến đấu giữa chính với tà ấy mới bắt đầu trong những điều kiện nết sức khó khăn, khi đất nước bị rơi một phần, rồi tất cả vào tay giặc ngoại xâm, đã ngay lúc ấy giương cao ngọn cờ yêu nước, phục hồi Tổ quốc ; khi bọn cướp nước đang nghênh ngang tự đắc, nhà thơ vẫn không công nhận chúng nó chiến thắng :

Một trận gió đưa xiêu ngũ cổ,

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.

Cuộc chiến đấu trường kỳ hơn một trăm năm của dân ta vì độc lập tự do, luôn luôn có thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần động viên đặc lực. Trong những

lúc đen tối nhất, Nguyễn Đình Chiểu vẫn không hề mất tin tưởng:

*Sau trời Thúc Quý tan mây,
Sóng trong biển lặng mắt thầy sáng ra.*

Nhân dân ta khước trương những chiến công vang dội ở Trị — Thiên, Tây-nguyên, đồng bằng Khu V, miền Đông Nam-bộ, đồng bằng sông Cửu-long, hoàn thành ước mơ Nguyễn Đình Chiểu, Nam Bắc một lòng, quyết thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ để lại: « Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định phải thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà ».

Tháng 6—7 năm 1972

TỪ LÝ TƯỞNG NHÂN NGHĨA ĐẾN CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC

NGUYỄN ĐÌNH CHỜ

TÔI muốn nói đến con đường phát triển của văn chương Đồ Chiểu. Đây không phải là vấn đề hoàn toàn mới lạ đối với những người nghiên cứu Đồ Chiểu theo quan điểm mác-xít. Bài viết này có khác chăng là nó muốn vẽ lại cho đậm nét hơn con đường phát triển đó; và nhất là nó muốn nhìn sự phát triển đó trong mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa tư tưởng và nghệ thuật, một phương diện có ý nghĩa phương pháp luận mà dường như bấy lâu chưa được quan tâm đầy đủ.

..

Đồ Chiểu thuộc loại nhà văn mà cuộc đời luôn luôn gắn bó với vận mệnh của thời đại, của đất nước một cách có ý thức. Cái đẹp của văn chương Đồ Chiểu trước hết là cái đẹp của văn chương luôn luôn vươn lên ở độ cao tư tưởng và tình cảm của thời đại. Từ *Lục Vân Tiên* đến văn thơ chống Pháp, văn chương

Đồ Chiểu đã tiến từ lý tưởng nhân nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước chống ngoại xâm, chứng tỏ một sự phát triển thuận theo yêu cầu của lịch sử. Câu hỏi đặt ra là: tại sao lý tưởng nhân nghĩa có thể phát triển lên thành chủ nghĩa yêu nước? Trả lời câu hỏi này, trước hết là phải xét đến *tinh chất nhân dân trong nội dung nhân nghĩa của Lục Vân Tiên vì chính nó — chứ không phải toàn bộ nội dung nhân nghĩa — mới là nhân tố tích cực có đủ tư cách làm tiền đề cho sự phát triển.*

Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* cũng đấu tranh cho lý tưởng nhân nghĩa nhưng rõ là không nhằm củng cố địa vị thống trị của nhà Nguyễn đương thời. Điều ông nhe nhắm, ước mong, có phần chắc là một xã hội phong kiến lý tưởng xa xưa mà ông có thể hình dung qua sách vở, nhưng trước hết vẫn là hạnh phúc của nhân dân trong thời đại của ông. Lục Vân Tiên «ra sức anh hào», đánh cướp Phong Lai là để «cứu người cho khỏi lao đao buổi này», và về sau «lãnh cờ binh tặc phá thành Ô-quá» cũng là để bảo vệ cuộc sống yên vui của đất nước. Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Hớn Minh... thực hiện nhân nghĩa trước hết để bảo toàn đạo đức chân chính của nhân dân. Ông Quán binh loạn yều, ghét, cũng lấy quyền lợi của dân làm diềm xuất phát. Trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu cũng kêu gọi:

Trai thì trung hiếu làm đầu,

Gái thì tiết hạnh làm câu trau mình.

và ông đã xây dựng một hệ thống nhân vật thể hiện rạch ròi đạo đức trung hiếu, tiết hạnh. Nhưng căn cứ vào nội dung tác phẩm, nhất là vào hành động của các nhân vật chính thì quả là cảm hứng của nhà văn không tập trung nhiều vào chữ *trung* — mà ở chữ *hiếu*,

chữ *tiết* và chữ *nghĩa*. Ở phương diện này, *Lục Vân Tiên* có phần khác với *Nhị độ mai* là tác phẩm lấy việc đấu tranh cho một đạo *trung* chân chính làm cảm hứng chủ đạo. Mặt khác, *Lục Vân Tiên* cũng như hầu hết truyện nôm bình dân khác (*Lý công, Tống Trân — Cúc Hoa, Phạm Tải — Ngọc Hoa...*) đã để xảy ra mâu thuẫn giữa chữ *trung* và chữ *tiết*. Kiều Nguyệt Nga phải đi cống Phiền. Không đi, thì mất *trung*. Đi thì mất *tiết*, mất *nghĩa*. Khó xử vô cùng. Đờ Chiểu không dám chống lại chữ *trung* một cách kiên quyết như tác giả *Phạm Tải—Ngọc Hoa* mà muốn một sự dung hòa. Ông cho Kiều Nguyệt Nga suy nghĩ trước khi đi cống Phiền.

*Đến nay phận bạc là ta,
 Nguyệt cùng bức tượng trót đã chung thân.
 Tình phu phụ, nghĩa quân thần,
 Nghĩa xu cũng trọn, ơn gàn cũng nên.
 Nghĩa tình nặng cả hai bên,
 Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chông.
 Sao cho một thác thời xong,
 Lấy mình báo chúa, lấy lòng sự phu.*

Nhưng đó là chuyện của lý trí. Mà lý trí trong trường hợp này thì chưa phải là điều quan trọng. Quan trọng là tấm lòng. Cả Đờ Chiểu lẫn Kiều Nguyệt Nga đã dành tấm lòng cho việc «sự phu» (thờ chông). Theo quan niệm xưa, *tiết* tức là sự chung thủy đã trải qua thử thách lớn. Nguyệt Nga trên đường đi cống Phiền nhẩy xuống dòng nước tự vẫn, là biểu hiện cao nhất chữ *tiết* đó.

Chữ *trung* trong đạo đức phong kiến cũng đã được qui định thành nhiệm vụ chính trị cho kẻ sĩ là «tri quân trạch dân». *Trạch dân* là để *tri quân*. Muốn *tri quân* phải *trạch dân*. Trong thời kỳ giai cấp phong kiến còn có vai trò lịch sử, hai nhiệm vụ đó để có khả năng

kết hợp với nhau, nhưng khi mà giai cấp phong kiến đã hoàn toàn đối lập với nhân dân, khả năng kết hợp đó hầu như không còn nữa. Nếu còn, là hiện tượng cá biệt. Riêng trong lĩnh vực văn học lại khác. Từ thời Lê sơ về trước, giai cấp phong kiến Việt-nam còn biết dựa vào dân để xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập thì văn học phản ánh sự thống nhất, hài hòa giữa hai nhiệm vụ *tri quân* và *trạch dân* đã đành. Từ Lê mạt về sau, giai cấp phong kiến bắt đầu suy tàn và rồi phản động thì văn học tiến bộ vẫn tiếp tục xây dựng sự thống nhất, hài hòa đó. Có điều là trong trường hợp sau, sự thống nhất hài hòa không còn là hiện thực, mà chỉ có tính chất lãng mạn, gián tiếp phản ánh một thái độ phản ứng với hiện thực. Giá trị trực tiếp của nó là ở sự thể hiện một ước mơ chính đáng. *Lục Vân Tiên* là một ví dụ tiêu biểu. Câu chuyện *Lục Vân Tiên*, về cơ bản là *câu chuyện lý tưởng*. Về quan hệ giữa «tri quân» và «trạch dân», trên thực tế, nói chung có ba khả năng biểu hiện:

1. Có *tri quân* mà không *trạch dân*.
2. Vừa *tri quân* vừa *trạch dân*.
3. Lấy *trạch dân* làm gốc để *tri quân*.

Trường hợp thứ nhất kết quả thường dẫn đến tinh thần ngu trung và rồi *tri quân* cũng bất thành *tri quân*. Trường hợp thứ hai công tội đối với lịch sử nhiều khi lẫn lộn, cuộc đời của kẻ bề tôi dễ thường cũng gặp phải bi kịch. Riêng trường hợp thứ ba, kết quả sẽ là ích quốc lợi dân. Kẻ bề tôi có khả năng trở thành những nhân vật tích cực của lịch sử. *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu phản ánh trung thành nội dung của trường hợp thứ ba.

Ở đây, có một Sở vương. Nhưng làm vua mà để những người dân lương thiện như Kiều Nguyệt Nga

không dung phải lia cha lia mẹ, tan nát cả tình duyên, chỉ do một hành động trả thù bỉ ổi của tên thái sư; như Hôn Minh chỉ vì chính nghĩa mà «phải về nương náu từ bi ẩn mình», bỏ cả công danh sự nghiệp..., thì hẳn không phải là ông vua tốt — vua ra vua. Nhưng cuối tác phẩm, chính ông vua này lại tham gia định đoạt công lý, ủng hộ chính nghĩa. Sở vương lúc này là vị minh quân thực sự. Do đâu có sự thay đổi như thế? Chính là do kết quả «trạch dân» của Lục Văn Tiên. Chúng ta nói lấy «trạch dân» làm gốc rễ «tri quân» là như thế. Ở phương diện này, *Lục Văn Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu cùng luồng tư tưởng với nhiều truyện nôm bình dân trước đó (*Phạm Tải — Ngọc Hoa; Tống Trân — Cúc Hoa*).

Trong nội dung trung hiếu tiết nghĩa, còn có vấn đề quan hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, lý trí và tình cảm, một chiều và hai chiều, mà ở đây, thực tế cũng đã diễn ra sự tranh chấp giữa hai luồng tư tưởng: phong kiến và nhân dân, nhất là trong điều kiện giai cấp phong kiến đã trở thành phản động. Về chữ *trung*, lý thuyết nêu lên nhiệm vụ của dân đối với vua và phần nào là của vua đối với dân. Nhưng *thực tế* lại nghiêng về sự đòi hỏi phục thù tuyệt đối và mù quáng của dân đối với vua. Về chữ *hiếu*, lý thuyết cũng nói đến «phụ từ tử hiếu» nhưng *thực tế* lại nghiêng về sự đòi hỏi hy sinh tuyệt đối của con đối với cha mẹ. Về chữ *tiết*, lý thuyết vừa có chuyện «phu xướng phụ tùy», vừa có chuyện «tao khang chi thể bất khả hạ đường» (1), «tương kính như tân» (2), nhưng *thực tế*

(1) Ý: đối với người vợ lấy nhau lúc phải ăn tấm ăn cám; lúc phú quý không được bỏ đi.

(2) Ý: vợ chồng kính trọng nhau như kính trọng khách

cũng nghiêng về sự hy sinh đơn thuần của vợ cho chồng. Chữ *tiết* trong nghĩa tiết trinh không bao giờ đặt ra đối với người đàn ông, một khi mà tư tưởng « trai làm nên năm thê bảy thiếp » được thừa nhận là một điều hãnh diện. Về chữ *nghĩa*, nội dung phản ánh nhiều thứ quan hệ xã hội hơn, nhưng tình hình vẫn là như thế. Vẫn có chữ *nghĩa* theo quan điểm của phong kiến, có chữ *nghĩa* theo quan điểm của nhân dân.

Trong *Lục Vân Tiên*, nội dung trung hiếu tiết nghĩa là theo quan điểm nhân dân. Cũng có thể nói theo quan điểm từ phía bình dân. Chữ *trung* ở trên đã nói. Đây nói thêm chữ *hiếu*, chữ *tiết* và chữ *nghĩa*. *Hiếu* là một nét đạo đức rất đẹp của Vân Tiên. Nhưng quan hệ giữa cha con, mẹ con Vân Tiên không phải là quan hệ lý trí, một chiều mà là quan hệ tình cảm và hai chiều. Con thương yêu kính trọng cha mẹ. Cha mẹ nâng niu, thông cảm với con. Chữ *hiếu* trong *Lục Vân Tiên* rất xa lạ với chữ *hiếu* kiểu « Quách Cự chôn con » trong *Nhị thập tứ hiếu* của Lý Văn Phức, mà gần với chữ *hiếu* trong *Truyện Kiều*... Còn chữ *tiết*? Kiều Nguyệt Nga vì giữ tiết với Lục Vân Tiên mà trên đường đi cống Phiên đã quyết tâm tự vẫn. Nhưng điều đó không nói được gì lắm cho đạo đức phong kiến. Bởi lẽ, Vân Tiên trước khi là người được Nguyệt Nga gửi gắm nghĩa tình đã là ân nhân của Nguyệt Nga. Còn quan hệ giữa Lục Vân Tiên và Hỷ đồng đúng là quan hệ chủ tớ trong xã hội phong kiến. Hỷ đồng tiêu biểu cho cái *nghĩa* của tớ đối với thầy. Nhưng ở đây cũng khác. Hỷ đồng hy sinh tuyệt đối cho Vân Tiên. Mà Vân Tiên yêu thương trân trọng Hỷ đồng cũng không kém.

Cho nên nói « trung hiếu tiết nghĩa » trong *Lục Vân Tiên* có hàm một phần đạo đức phong kiến, nhưng bản chất sâu sắc của nó lại là ở chỗ phản ánh những quan

hệ tốt đẹp, những tình cảm cao thượng, nhân ái giữa những con người chân chính, đạo đức với nhau. Quan hệ đó, tình cảm đó về cơ bản, chỉ có thể có ở trong nhân dân lao động. Những quan hệ có tính chất nhân dân đó nằm trong bản chất nhân dân của tư tưởng nhân nghĩa, của tác phẩm *Lục Vân Tiên* nói chung. Và chính đó mới là yếu tố cơ bản làm tiền đề cho sự phát triển. Có điều, như trên đã nói, là bản chất nhân dân đó, trong điều kiện ý thức hệ thống trị thời đại là ý thức hệ phong kiến, đã không thể tự tạo ra một hình thái tồn tại riêng biệt. Phương thức sản xuất, hình thái xã hội có thay đổi thì hình thái tồn tại đó mới thay đổi được.

. . .

Văn thơ chống Pháp là giai đoạn sáng tác thứ hai và là bước phát triển cao trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Sự phát triển này có được một phần là do bản chất tốt đẹp sẵn có, do sự cố gắng vươn lên của tác giả, một phần là nhờ sức nâng đỡ của cuộc đấu tranh bất khuất của cả dân tộc nói chung, của nhân dân Nam-bộ bấy giờ nói riêng. Mà phần sau mới là cơ bản. Vì chính nó đã tạo cho văn học Nam-bộ một bước nhảy vọt, trong đó có *Đồ Chiểu*. Văn học yêu nước Nam-bộ trở thành ngọn cờ đầu của văn thơ yêu nước của cả nước trong thời kỳ chống ách thống trị của thực dân Pháp mà *Đồ Chiểu* là người cầm cờ đi trước.

Sự phát triển tư tưởng của *Đồ Chiểu* trong giai đoạn chống Pháp không hề đoạn tuyệt những nhân tố tích cực trong lý tưởng nhân nghĩa trước đó, nhưng cũng không lặp lại y nguyên. Ở đây, có kế thừa, có phát triển. Có liên tục, có gián đoạn. Nhưng khái niệm *hiền*

hiện vẫn là khái niệm vốn có. Trong văn thơ chống Pháp, Nguyễn Đình Chiểu không trở lại với đề tài « trung hiếu tiết nghĩa » nhưng vẫn nói đến « trung hiếu », « nhân nghĩa », nói đến đạo quân thần, nghĩa tôi con, nói đến « tri quân, trạch dân » :

*Làm người trung nghĩa đáng bia son,
Đừng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đền bồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.*

(*Thơ điều Phan Tông, IX*)

Rõ ràng nhân nghĩa, trung hiếu ở đây có nội dung mới, cao hơn so với *Lục Vân Tiên*. Nhân nghĩa không phải là đề xây dựng một xã hội phong kiến, dù đó là xã hội phong kiến lý tưởng, mà trước hết là chuyện chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước. Trung hiếu là đạo quân thần, nhưng trung hiếu trước hết phải lấy dân nước làm gốc. Quan hệ vua tôi, quan hệ gia đình chưa phải là hàng đầu. Hàng đầu là quan hệ dân nước, quan hệ xã hội. Thơ Đồ Chiểu đến đây càng nói nhiều đến « ơn đất nước », « nghĩa giúp đời ». Trước sau, trong suốt quá trình sáng tác, Đồ Chiểu vẫn chưa thoát ra khỏi tư tưởng tôn quân. Nhưng đến đây, trong tư tưởng Đồ Chiểu, lý tưởng tôn quân lâm vào tình trạng khủng hoảng — điều mà ở *Lục Vân Tiên*, hầu như chưa dặt ra. Giặc Pháp xâm lược nước ta bắt đầu từ Lục tỉnh, quê hương Đồ Chiểu. Nhân dân tan tác, nhà cửa của cải bị thiêu hủy. Theo lệ thường, khi có giặc là nhà vua phải lệnh cho quan quân tới dẹp giặc cứu dân. Nhưng chờ mãi mà lệnh vua và quan quân đâu chẳng thấy. Đồ Chiểu không thể không xót xa, thắc mắc. Mà thắc mắc là hàm sự nghi ngờ, thất vọng, oán trách, phê phán :

Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng?

Nỡ để dân đen mắc nạn này!

(Chạy Tây)

Việc Trương Định không chịu tuân lệnh Tự Đức để hàng giặc, trái lại, theo đề nghị của nhân dân, tiếp tục phát cao cờ kháng chiến, cũng đặt ra với những người như Đồ Chiểu một vấn đề: Lẽ phải thuộc về ai? Nhà vua hay Trương Định? — Trương Định. Đồ Chiểu đã trả lời như thế. Cho nên, ông ca ngợi Trương Định:

*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngăn
mấy dặm mã tiền;*

*Theo bụng dân, phải chịu tướng quân phù, gánh vác
một vai khốn ngoại.*

Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,

Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.

Ở trường hợp cụ thể này, Trương Định và Đồ Chiểu đã để đạo trung quân sang một bên. Và như thế, một dấu hiệu tách chữ *quân* ra khỏi chữ *quốc* không phải là không có trong điều kiện tư tưởng tôn quân chính thống vẫn ngự trị.

Năm 1867, Nam-bộ mất trọn về tay giặc Pháp. Sau đó, Bắc-kỳ dần dần cũng rơi vào tay giặc. Năm 1883, Tự Đức chết. Dục Đức. Hiệp Hòa, Kiến Phúc, trong hơn một năm lần lượt thay nhau làm vua như thay áo. Đồ Chiểu chắc là ngơ ngác buồn. Năm 1885, giặc Pháp tấn công kinh thành Huế. Hàm Nghi xuất bôn, truyền hịch Cần vương. Lý tưởng tôn quân tưởng có cơ thanh thoát. Nhưng chưa được bao lâu thì ông vua kháng chiến này cũng bị thực dân bắt đày đi biệt xứ. Một quái thai do giặc Pháp đẻ ra: Đồng Khánh lên ngôi. Cả dân tộc phỉ nhổ. Lý tưởng tôn quân lại càng rơi vào tình trạng khủng hoảng, bị đất, dờ mếu dờ khóc. Đồ Chiểu hoang mang và ngao ngán vô cùng:

*Xe ngựa lao xao giữa cõi trần,
Biết ai thiên tử biết ai thần.*

(Tự thuật)

Đạo vua tôi đối với Đờ Chiêu chỉ còn là « chút nghĩa cũ càng », luyến tiếc nhưng thất vọng :

*Đã cam chút phận dở dang,
« Tri quản » hai chữ mơ màng năm canh.*

*Nhớ thuở khóc lân treo bút đạo,
Mặc tình trời đất với quản vương.*

(Ngư Tiều y thuật văn đáp)

Lúc nào đó, nhà thơ có mơ ước một thánh đế :

*Chứng nào thánh đế ơn soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông.*

Ý chừng ông mơ một vị thánh đế xa xưa nào, may chỉ được tái sinh. Nhưng chuyện đó thì làm gì có nữa. Sự khủng hoảng trong tư tưởng tôn quân của Đờ Chiêu là một dấu hiệu sụp đổ của tư tưởng chính thống và trong chừng mực nhất định, nó trở thành một trong những điều kiện để đón nhận những tư tưởng tình cảm mới, trở thành dấu hiệu của sự tiến bộ.

Tư tưởng và tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn thứ hai đã vươn lên đỉnh cao của thời đại. *Lục Vân Tiên* so với yêu cầu và khả năng của cuộc sống, dù sao vẫn còn một khoảng cách. Xã hội Việt-nam nửa sau thế kỷ XVIII đã có Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu, và ngay trong thời kỳ Nguyễn Đình Chiểu sống cũng có Cao Bá Quát là những nho sĩ trước sự ba động lớn lao của lịch sử, nhân dân quật khởi như vũ bão, giai cấp phong kiến phân hóa mãnh liệt, đã vứt bỏ đạo « tri quản » thông thường mà quyết « xoay cơn khí số », cùng nồng dân khởi nghĩa lật đổ

triều đình phong kiến đương thời. Và như thế thì, cuộc sống dĩ nhiên là muốn văn học dựng lên những Nguyễn Danh Phương, những Nguyễn Hữu Cầu, những Cao Bá Quát đó hơn là những Lục Văn Tiên, những Vương Tử Trực... Văn thơ chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu hầu như xóa sạch hoàn toàn khoảng cách giữa cuộc sống và nghệ thuật. Cuộc sống cần phơi trần cái mâu thuẫn cơ bản của thời đại là mâu thuẫn giữa dân tộc ta và thực dân Pháp. Thơ Đồ Chiểu phơi trần mâu thuẫn đó. Cuộc sống cần tố cáo, kích động lòng căm thù đối với kẻ thù cướp nước và bán nước. Thơ văn Đồ Chiểu tố cáo, kích động lòng căm thù đó. Cuộc sống cần nói lên cảnh ngộ đau thương tang tóc của quần chúng, của dân tộc. Thơ văn Đồ Chiểu nói lên cảnh ngộ đau thương tang tóc đó. Cuộc sống cần ca ngợi biểu dương những người hy sinh anh dũng cứu nước. Thơ văn Đồ Chiểu biểu dương những người hy sinh anh dũng đó. Cuộc sống cần nuôi dưỡng niềm tin cho quần chúng trong lúc khó khăn thất bại tạm thời. Thơ văn Đồ Chiểu nuôi dưỡng niềm tin đó... Cuộc sống cần xây dựng « đạo người ». Thơ văn Đồ Chiểu tập trung xây dựng « đạo người ». Thơ văn Đồ Chiểu đã khai thác khả năng của cuộc sống và đáp ứng yêu cầu của cuộc sống ở mức độ xuất sắc nhất. Đặc biệt, với bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giục*, Nguyễn Đình Chiểu đã lập một thành tích đột xuất trong việc miêu tả, ngợi ca người nông dân nghĩa quân. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đặt bài *Văn tế* ngang hàng bài *Bình Ngô* và gọi đây là « khúc ca người anh hùng thất thế nhưng vẫn hiên ngang » (1). Nói riêng về mặt

(1) Phạm Văn Đồng: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*.

tư tưởng, bài Văn tế cũng đánh dấu một bước phát triển nhảy vọt của Nguyễn Đình Chiểu so với Lục Vân Tiên. Nó là đỉnh cao nhất trong quá trình tư tưởng của nhà văn. Trước và sau, không bằng nó. Ở đây tư tưởng nhân dân chiến thắng rục rỡ. Nhân dân, nói rõ hơn là người nông dân, bấy lâu thấp bé trong văn học, bây giờ có địa vị trung tâm trong văn học. Phải có một sự từ bỏ — dù chưa phải là tự giác — hệ tư tưởng phong kiến ở mức độ mãnh liệt mới có khả năng đón nhận tư tưởng nhân dân sâu sắc như thế, mới đủ sức dựng tượng người nông dân nghĩa quân lên sừng sững như thế! Nguyễn Trãi có tư tưởng thân dân rất lớn. Nguyễn Trãi từng viết :

Ăn lộc nhờ ơn kẻ cấy cày.

(Bảo kính cảnh giới, 19).

Làm lật thuyền mới biết dân [mạnh] như nước

(Phúc chu thủy tin dân do thủy)

(Quan hải)

Nhưng xã hội Việt-nam ở thế kỷ XV chưa cho phép ông ghi lại hình ảnh những người nông dân đã cùng ông tiến hành cuộc kháng chiến chống Minh mười năm thắng lợi. Nguyễn Du cũng mong mênh lòng nhân đạo, nhỏ bao nhiêu nước mắt cho những kiếp đời đau khổ, nhưng văn thơ Nguyễn Du vắng bóng hoàn toàn những người dân cày từng gây ra cơn bão táp cuối thế kỷ XVIII làm cho bọn vua chúa phong kiến một phen tan tác tơi bời. Chỉ có ai quen nói liều mới ghép bừa Quang Trung vào Từ Hải. Hoàng Lê nhất thống chí có miêu tả một phần phong trào Quang Trung. Quan điểm dân tộc và cảm quan hiện thực có lẫn át quan điểm chính thống của văn phái Ngô gia để tạo ra hình tượng Quang Trung có phần sáng khoái, nhưng dù sao thì quan điểm chính thống vẫn chi phối các tác giả không

ít. Quang Trung vẫn bị coi là nguy... Cho nên rõ là đến Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên, lịch sử văn học của dân tộc mới có được một sự tương xứng giữa phẩm chất người nông dân trong văn học với phẩm chất người nông dân ngoài đời. Tư tưởng tôn quân ở cuối bài Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע chỉ còn như một hạt bụi nhỏ, nhà văn vô tình dè bắm vào viên ngọc quý của mình mà thôi. Sau Nguyễn Đình Chiểu một thời gian rất lâu vẫn chưa có nhà văn nào tạo ra được thứ ngọc quý đó. Nhà nho chân chính Nguyễn Đình Chiểu, trong trường hợp này, đã trở thành nhà tư tưởng của nhân dân thực sự.

Ở Nguyễn Đình Chiểu, trong quá trình tiến lên của tư tưởng có quá trình phát triển của quan niệm anh hùng. Sáng tác Lục Vân Tiên, Đồ Chiểu muốn xây dựng Lục Vân Tiên và Hớn Minh là hai nhân vật anh hùng. Đồ Chiểu chưa có được cái táo bạo của Nguyễn Du trước đó, cả gan đưa một tên tướng giặc lên địa vị một anh hùng, mang trong mình nỗi khát khao «tháo cũi sổ lồng», niềm ước mơ công lý của quần chúng. Nhưng Đồ Chiểu lại có công đưa người anh hùng về gần hơn với quần chúng, với cuộc đời. Lục Vân Tiên, Hớn Minh chưa thoát khỏi quan niệm anh hùng cá nhân trong thời đại phong kiến. Đó đây vẫn có dáng dấp phi thường, nhưng Lục Vân Tiên và Hớn Minh không phải là loại người mà từ bộ râu, hàm răng... cho đến mọi việc làm, cái gì cũng siêu quần, cũng hoàn toàn phi thường, quần chúng chỉ đơn thuần là lực lượng thực hiện ý chí cá nhân và chiêm ngưỡng thành tích của cá nhân đó. Ở Lục Vân Tiên, Hớn Minh, cái dáng dấp chính yếu là những con người bình thường trong cuộc sống. Họ sống nhờ vào sự đùm bọc, dạy dỗ, cứu mang của mọi người: của bố mẹ, của thầy học, của bè bạn, của vợ chồng ông Ngự, của ông Tiều, của Hỷ đồng. Họ có những tình cảm

thông thường : tình thương cha , thương mẹ , tình bạn , lòng biết ơn thầy học , biết ơn những người ân nhân. Lục Vân Tiên có lúc né tránh chữ « tình ». Có người nghĩ đó là anh hùng « lên gân », nhưng không hẳn thế. Vân Tiên chỉ không muốn có chữ « tình » thuần túy của văn học tư sản sau này mà muốn có « nghĩa tình » ở mức độ cao nhất đó thôi. Tóm lại, Lục Vân Tiên và Hớn Minh được nhận là anh hùng chỉ vì họ đã sống theo lý tưởng nhân nghĩa, yêu ghét rạch ròi, không sợ gian nguy, không sợ cường quyền, dám hành động giúp đời cứu dân.

Một tính cách anh hùng như thế ở *Lục Vân Tiên* so với *Truyện Kiều* đã có nhiều khía cạnh chứng tỏ sự phát triển. Nhưng đến văn thơ chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu, nó còn phát triển cao hơn nhiều. Nói là một sự phát triển mới về chất lượng cũng không phải là quá. Trước hết, lý tưởng của anh hùng là lý tưởng đánh giặc cứu nước giành độc lập dân tộc. Mà anh hùng thì không cứ gì là các nho sĩ như Lục Vân Tiên, Hớn Minh. Ai anh dũng giết giặc cứu nước, người đó là anh hùng. Dù là Trương Định « ở hàng viên lữ », là Phan Tông « người ngọc ở Bình-đông ». Hay là người dân cày « chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng bộ ». Cũng nên thấy một điều là trong văn thơ chống Pháp, Nguyễn Đình Chiểu nhiệt liệt ca ngợi những bậc anh hùng như Trương Định, Phan Tông... thì trước hết tác giả vẫn nhìn họ với tư cách là những con người đánh giặc cứu nước, chứ chưa phải là người sĩ phu. Đây có phần khác nhau về quan điểm giai cấp của tác giả trong quá trình xây dựng, ghi chép các nhân vật anh hùng. Lục Vân Tiên, Hớn Minh là những mẫu người tác giả phải lần tìm trong sách vở, trong tưởng tượng ước mơ. Chứ Trương Định, Phan Tông..., những nghĩa sĩ Cần-giục, nghĩa sĩ Lục tỉnh, là những người thực. Xưa nay vẫn có

người đứng trước mắt anh hùng mà không thấy đó là anh hùng. Nguyễn Đình Chiểu không hề vương phải cái điều éo le đó. Mà những người anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu đến đây lại càng gắn bó sâu sắc với quần chúng. Quần chúng và anh hùng chung sức chung lòng giết giặc cứu nước. Quần chúng ca ngợi anh hùng. Mắt anh hùng, quần chúng xót xa thương khóc :

*Than ôi người ngọc ở Bình-đông,
Lớn nhỏ trong làng thủy mến trông!*

*Tranh lòng tướng sĩ thương quan tướng, nhắc
quan tướng chiu chít như gà.*

Nguyễn Đình Chiểu trong khi ca ngợi Trương Định đã thể hiện được mối quan hệ đẹp đẽ nhất giữa anh hùng và quần chúng. Quần chúng khuyến Trương Định đứng theo lệnh đầu hàng của Tự Đức, ở lại tiếp tục lãnh đạo kháng chiến. Trương Định nghe theo tiếng gọi chính nghĩa của quần chúng mà trở nên anh hùng trọn vẹn. Ở phương diện này, so sánh Trương Định với Từ Hải khoảng cách kể ra đã xa. Mà so riêng Trương Định với Lục Vân Tiên khoảng cách cũng rõ.

Nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu, những điều hạn chế của ông cũng không phải là điều khó thấy. Có những hạn chế tồn tại trong cả quá trình sáng tác. Đó là tư tưởng Nho giáo, chủ nghĩa tôn quân mà lịch sử chưa có tiền đề dễ vượt qua. Có những hạn chế có tính chất bộ phận, tính chất giai đoạn. Đó là sự giảm sút phần nào cái khí thế xông trận trong bộ phận văn thơ viết sau ngày Lục tỉnh Nam-kỳ bị mất hẳn cho giặc. Bài Văn tế nghĩa sĩ Lục tỉnh chẳng hạn. Cảm giận văn tràn trề. Nỗi xót thương vẫn chan chứa. Nhưng cái khí thế « sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, muôn kiếp nguyện được trả thù kia » của bài Văn tế nghĩa sĩ

Cần-giục trước đó, đã bị ản kin xuống. Rồi những ông Quán, ông Ngu, ông Tiều của *Lục Vân Tiên*, trong cao trào kháng chiến của Nam-hộ tự nhiên vắng mặt đi trong thơ ca Đò Chiếu. Chắc hẳn là họ đã hóa thân làm Trương Định, Phan Tông... Nhưng đến đây họ lại trở về trong tác phẩm cuối đời của nhà văn: *Ngu Tiều y thuật vấn đáp*. Có khác chăng là ông Ngu, ông Tiều bây giờ đang cố gắng làm người « thầy thuốc học thông; Thẻ theo trời đất một lòng hiếu sinh; Giúp người chẳng vụ tiếng danh; Chẳng màng của lợi chẳng ganh ghét tài ». Riêng Kỳ Nhân Sư thì vẫn sáng rực lên khi tiết bất khuất, tấm lòng son sắt đối với dân với nước, nhưng cũng không tránh khỏi có nỗi niềm bi kịch:

*Đã cam chứt phạm dử dang,
« Tri quân » hai chữ mơ màng năm canh.
Đã cam lỗi với thương sinh,
« Trạch dân » hai chữ luống doanh ở lòng.
Lại cam thẹn với non sông,
« Cứu thời » hai chữ luống trong thuở nào ?
Nói ra thì nước mắt trào,
Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi !*

Còn những người « dân áp », « dân làn » từng « ... đâm ngang... chém ngược, làm cho mã tà ma ni hồn kinh », từng « ... hò trước... ó sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ » thì nay: « Kể từ Thạch Tấn ở ngôi, U, Yên mấy quận cắt rời Khiết-đan » đã rơi vào cảnh « sinh dân nào xiết làm than » rồi.

Đúng là sức sống của thời đại đã nâng tư tưởng Nguyễn Đình Chiếu lên đỉnh cao. Và những khó khăn của thời đại ít nhiều cũng niu tư tưởng của ông dừng lại, thậm chí có chỗ thấp xuống tí chút. Nhưng đối với chúng ta ngày nay, những người đang đứng trên tuyến

đầu chống Mỹ, sự thật khắc nghiệt đó không may mắn làm giảm sút niềm kính trọng Nguyễn Đình Chiểu. Tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu vẫn là ngọn « Évorét » trong lịch sử văn học dân tộc nửa sau thế kỷ XIX.

∴

Con đường văn chương của Đồ Chiểu là con đường vinh quang. Nhớ lại cuộc đời của Đồ Chiểu, éo le chông chênh éo le ; nhớ lại thời đại Đồ Chiểu sống, đau thương lại lắm đau thương, càng thấy nó vinh quang kỳ lạ. Văn chương của ông cùng với bản lĩnh đạo đức tuyệt vời của ông đã đưa ông đi vào tương lai vĩnh viễn. Từ con đường văn chương của Đồ Chiểu, chúng ta học được không biết bao nhiêu điều quý báu về đạo lý làm người, về trách nhiệm, về nghề nghiệp của người cầm bút, về bản chất và chức năng của văn học. Dân tộc ta mãi mãi tự hào có Nguyễn Đình Chiểu. « Cách mạng càng tiến lên, càng đưa chúng ta về gần với Nguyễn Đình Chiểu ».

7-1972

CON ĐƯỜNG THƠ CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU

NGUYỄN HUỆ CHI

NHỮ tất cả mọi nhà thơ, nhà văn khác trong lịch sử văn học dân tộc, Nguyễn Đình Chiểu cũng luôn luôn đứng trước hai câu hỏi của hậu thế: ông đã sống thế nào? Và ông đã viết thế nào? Hai câu hỏi, gợi lên hình ảnh của hai con người có liên quan mật thiết với nhau: con người tác giả ở giữa cuộc đời và con người thi nhân ở trong tác phẩm. Nhưng nếu như trong văn học xưa nay có những trường hợp mà con người thi nhân đã góp phần làm sáng tỏ con người ngoài đời từng nhiều năm bị những thành kiến sai lầm bao phủ, chẳng hạn như đối với Cao Bá Quát, thì cũng có trường hợp chính con người ngoài đời lại có giá trị soi tỏ con người thi nhân vốn không khỏi một đời lúc bị người này hay người khác hiểu lầm. Đó là trường hợp của Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn Nam-bộ, cây bút xứng đáng mở đầu cho dòng văn học yêu nước cận đại Việt-nam.

Nói đến Nguyễn Đình Chiểu trước hết là nói đến một nhân cách vĩ đại; nói đến một con người mà toàn bộ cuộc đời gắn liền với vận mệnh sống còn của dân tộc ở

nửa cuối thế kỷ XIX ; nói đến một nhà thơ mà sống hay viết đều chỉ vì nghĩa lớn. Nhưng nói đến Nguyễn Đình Chiểu còn phải nói đến một người mà cảnh ngộ riêng không lấy gì làm may mắn, một người đã phải chịu tiếp liền những bi kịch trong suốt cuộc đời mình.

Hai hiện tượng tương chừng màu thuẫn : một Nguyễn Đình Chiểu bị tát mù từ 27 tuổi đời, và một Nguyễn Đình Chiểu hiên ngang đứng ở tuyến đầu cuộc chiến đấu chống giặc ? Sự thật là như vậy ! Khi lịch sử đặt ra những vấn đề cấp bách, khi tinh thần của đất nước đòi hỏi người ta phải vươn lên một tầm thước tương xứng, thì có những con người vụt lớn dậy, cùng với nhân dân ra sức gánh vác trách nhiệm lịch sử giao phó, và tự mình thay đổi hẳn số phận của mình. Đó chính là những « khoảng khắc lịch sử phi thường », trong đó, mọi giá trị cũ đều bị lật xáo lên, bị phê phán đến gốc, và những giá trị mới được khẳng định. Bản thân nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, cùng với hình tượng những nhân vật chống Pháp trong thơ văn ông, chính là nằm trong số những giá trị được hình thành từ cuộc đảo lộn lớn lao ấy.

Cuộc đời mù lòa của Nguyễn Đình Chiểu rất dễ khiến cho ông bị đặt ra ngoài rìa cuộc sống. Nhưng bất luận đời sống ghê lạnh với mình đến đâu, chưa bao giờ con người ấy chịu trở thành một người thừa. Bằng một chuỗi cố gắng liên tục, phi thường, Nguyễn Đình Chiểu đã vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt, để đi từ hết thắng lợi này đến thắng lợi kia, mà mỗi một thắng lợi là một cái đỉnh tư tưởng chói lọi hơn. Có thể nói, bài học quý giá trước tiên của đời ông và của sáng tác của ông, là ý thức nỗ lực, trong mọi tình cảnh khó khăn, giành lấy cho được một chỗ đứng ở giữa cuộc sống. Dĩ nhiên, không phải bất kỳ một chỗ đứng tầm thường nào, mà phải là cái vị trí tích cực, là nơi sóng gió nhất,

đòi hỏi hy sinh nhiều nhất. Lục Vân Tiên, Trương Công Định, Phan Công Tòng, Kỳ Nhân Sư (1)... hay chính tác giả, đều nhất trí với nhau ở một chỗ đứng nói trên. Ngay cả trong chừng mực mà cuộc sống quá tối tăm, tuyệt không còn một miếng đất nào để sống nữa, thì vẫn cứ có quyền, và vẫn phải bằng tiếng nói văn học, ước mơ có được chỗ đứng ấy.

Nguyễn Đình Chiểu quả đã làm đúng như một câu thơ của Nguyễn Trãi:

Khó vượt qua ngày, xin sống!

Và cũng đúng như một câu thơ của chính mình:

*Thấp cao vàng biết tuổi vàng,
Gặp khi lửa đỏ, màu càng thêm xuê.*

**Con đường đi đến truyện «Lục Vân Tiên»
hay là sự chiến thắng bi kịch cá nhân.**

Từ bao nhiêu năm nay, nhân dân ta vẫn gắn liền tên tuổi của Nguyễn Đình Chiểu với truyện *Lục Vân Tiên*. Điều đó có lý do của nó. Nếu có thể chia cuộc đời của nhà thơ thành hai giai đoạn: trước và sau biến cố chống thực dân xâm lược, thì *Lục Vân Tiên* là thành tựu rực rỡ nhất của giai đoạn đầu. Không thể xem toàn bộ sự nghiệp của nhà thơ chỉ có *Lục Vân Tiên*, vì ông còn cả một chặng đường lớn, với những sáng tạo liên tục và vẻ vang rất mực về sau. Nhưng cũng không thể không thấy ở *Lục Vân Tiên* một cái mốc quan trọng mà Nguyễn Đình Chiểu đã dốc vào đó nhiều tâm huyết, cả

(1) Đều là những nhân vật trong văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu.

những dấu ấn đậm nét của cá tính, và cả giấc mơ tuổi trẻ của mình. Về một phương diện khác, còn phải thấy rằng, truyện *Lục Vân Tiên* chính là kết quả của cuộc chiến đấu đầu tiên, cuộc chiến đấu chưa phải là gay go bậc nhất, nhưng cũng đã bộc lộ những phẩm chất anh dũng, can trường, trước sau như một, của Nguyễn Đình Chiểu.

Trọng tâm của cuộc chiến đấu đầu tiên này là sự vật lộn kiên trì giữa nhà thơ với số mệnh. Nguyễn Đình Chiểu thật sự bước vào những « cay chua » của đời kể từ khoảng 1848—1849, thời gian ông vào lều chiếu vào Kinh thi hội, rồi lại phải đột ngột bỏ thi về Gia-dịnh cư tang mẹ, và trên đường về, vì khóc thương quá nhiều, ông bị bệnh đau mắt nặng; khỏi bệnh thì:

Ôi thời con mắt đã vương lấy sầu!

1848 đến 1849! Đúng là một ngã ba đường đối với chàng trai đất Ba-tri. Nếu đi về phía nút đường này, ông đã chạm trán với công danh sự nghiệp. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu lại đi về phía nút đường kia, đi hẳn vào bóng tối của mù lòa, khổ đau! Còn ai không nghĩ rằng đây là một « bất hạnh »? Ấy vậy mà, kể cũng khá kỳ lạ: khi Nguyễn Đình Chiểu nhận lấy nỗi hăm hiu của đời sống thì cũng chính là ông đang bắt đầu một sự nghiệp vinh quang, bất hủ cho mình.

Đề giải thích về chỗ trái ngược lạ lùng của nhà thơ, có người đã trở lại cái câu mà dăm ba mươi năm về trước, người ta vẫn thường hay nhắc nhở: *anh hùng tạo thời thế và thời thế tạo anh hùng!*

Sự thật có lẽ giản dị hơn thế. Đứng trước tình cảnh bất ngờ đến cực độ đau đớn, đứng trước cái mâu thuẫn quyết liệt giữa một bên là ý chí, một bên là số phận:

*Trọn đời một tấm lòng son,
Chí lăm trả nợ nước non cho rồi.*

*Nào hay nước chảy hoa trôi,
Nào hay phận bạc như vôi thế này*

anh thanh niên Nguyễn Đình Chiểu dù có đau đớn đến mấy, tất cũng phải tìm một con đường thoát mà thôi. Sống thế nào? Tiếp tục lý tưởng thế nào? Những câu hỏi đã giằng xé tư tưởng anh, đặt anh trước hai khả năng phải trả lời dứt khoát: hoặc là mặc quách sự đời, bỏ đi tìm nơi giải khuây phiên muộn, hoặc là quyết chọn lấy một nghề nghiệp lương thiện, để vẫn không trở thành một kẻ sống lạc lõng ở sau mọi người.

Chỗ đáng quý đối với Nguyễn Đình Chiểu, chỗ chứng tỏ nghị lực lớn của ông, hơn thế nữa, chứng tỏ mỗi tình sâu nặng giữa ông với quần chúng, là cái thái độ hầu như không cần suy tính của nhà thơ: chọn ngay con đường thứ hai!

Tron đời một một tấm lòng son; Chi làm trả nợ nước non... nhưng vấn đề là trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu, không cứ gì phải « thành danh » thì mới trả được món « nợ nước non » này. Mà trái lại, bất kỳ công việc nào, dù sang dù hèn, cũng đều có thể « trả » một cách xứng đáng, miễn là nó giúp ích cho đời nhiều hay ít. Tuy từng nuôi những mơ ước cao xa, anh nho sinh họ Nguyễn quả vẫn có một đầu óc thiết thực. Anh hiểu *nước non* cụ thể là những người dân đang sống gần gũi, là cả cái xã hội Việt-nam đang sinh sôi nảy nở, khóc cười buồn giận ở ngay trước mắt mình. Hiểu được như thế nên anh mới không đến nỗi chết héo trong những mộng mị viễn vông — nhất là càng mù thì càng dễ mộng mị — để tự xác định lấy sự hiện diện của mình ở giữa đời sống. Chỉ một điều đó thôi cũng đủ thấy Nguyễn Đình Chiểu đã vượt khỏi quan niệm khur khur chấp nhất của Nho gia mà đạt tới một tư tưởng « quyền biến » đúng đắn và khỏe mạnh.

Đi sâu vào việc chọn nghề, sẽ còn thấy thêm tấm lòng và sự kiên trì lý tưởng của nhà thơ. Hoàn cảnh lúc ấy hẳn vẫn có thể tìm được những nghề nghiệp nhẹ nhàng hơn với một người mù, nếu Nguyễn Đình Chiểu muốn. Nhưng ông đã đương đầu với không phải chỉ một mà những hai nghề nghiệp vào loại cực nhọc là làm thầy thuốc và làm thầy giáo. Điều đáng ngạc nhiên hơn là cả hai nghề nghiệp này đều cần rất nhiều đến hai thứ giác quan mà Nguyễn thiếu hẳn: sáng mắt và sáng tai.

Vì sao có sự chọn lựa oái oăm trên đây? Phải chăng đó là một cách Nguyễn Đình Chiểu thách thức cao nhất với chính mình? Có lẽ! Chưa bao giờ cam tâm làm một kẻ tàn phế, Đồ Chiểu đã cố gắng vượt mình ở ngay cái chỗ ông biết ông kém hẳn mọi người. Và rõ ràng là ông đã toàn thắng. Bi kịch càng dồn đến nấc cao nhất, thì cuộc chiến đấu của nhà thơ lại càng giàu ý nghĩa. « *Tuy ngồi một chỗ suốt thông trăm đời* », con người thông minh và kiên trì ấy rốt cuộc đã « nhập tâm » được một khối lượng kiến thức thật là đáng sợ, một khối lượng kiến thức mà không phải thầy lang hay thầy đồ sáng mắt nào thời bấy giờ cũng có nổi :

*Nho, y, lý, bốc, đạo, đời,
Mấy mươi pho sách đều nơi bụng thầy.*

Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ, ở Nguyễn Đình Chiểu, vấn đề còn quan trọng hơn cả sự thách thức với bản thân là cái tinh thần nhân đạo tích cực của nhà thơ. Nguyễn Đình Chiểu đã chọn lựa cho mình cái nghề thầy giáo, vì từ chỗ đứng của một con người chân chính trong làng Nho, ông chỉ những mong muốn cho mọi người đều thông hiểu đạo nghĩa, đều « *nên thơ, nên thầy nhờ có học* » (Nguyễn Trãi). Nguyễn Đình Chiểu cũng lại đã trở thành một thầy thuốc giỏi, vì từ kinh

❧

nghiệm đau xót của chính mình, ông sớm biết lo làm sao cho tất cả mọi người, nhất là những người nghèo, đều được sống khỏe mạnh, sung sướng, không ai còn tật bệnh :

*Đưa ăn mày cũng trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc đành cho không.*

Quý bao nhiêu cái ý chí bền bỉ, quyết tâm chiến đấu với mình của Nguyễn Đình Chiểu thì càng quý bấy nhiêu mục đích, thái độ chọn nghề của ông. Nguyễn Đình Chiểu là người không hề đóng khung trong bi kịch cá nhân. Ngay từ phút đầu, cách giải quyết bi kịch của ông đã có chiều hướng tích cực : nó triển khai thành việc giải quyết bi kịch của rất nhiều con người cùng cảnh.

Nhưng, như thế đâu đã gọi là đủ ! Dạy học, làm thuốc, cũng chỉ là mới cứu giúp được một số người nào đó, ở trong một số vùng nhỏ hẹp nào đó mà thôi. Mà những đau khổ trong đời thì quá đỗi mênh mông ! Tối tăm, ngang trái, lừa lọc, phản trắc... cả cái xã hội phong kiến Việt-nam những năm cuối cùng của triều Nguyễn phản động ấy là một biển sóng đang cồn lên, lay động dữ dội, đang đòi hỏi những bậc « thức giả » phải gấp rút tỏ bày thái độ ;

*Sẵn bút đây ta tả,
Để ghi lại vài câu,
Cho nghìn vạn năm sau,
Biết tình cảnh cơ cực ;
Là cái đời Tự Đức !*

(Về Nghệ-Tĩnh)

Đứng về phía một người tri thức chân chính, thực tế cũng cho hay rằng : chỉ có một nỗi khổ lớn lao nhất là khi người ấy đã mất hết mọi năng lực để gắn bó với các vấn đề nóng hổi của thời đại. Một người bị tật mù có thể cố gắng vượt bậc để trở thành một ông đồ dạy học đáng kính hay một ông lang giỏi, nhưng liệu có thể

là người trực tiếp tham gia vào các vấn đề thời cuộc, có khả năng nhìn thấu vận mệnh của cả xã hội được không? Trên phương diện đó mà nói, quả tình nhà nho mù Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn đứng trước một bi kịch lớn, với một nỗi canh cánh trong lòng, không thể quay lưng với nỗi đau mà trước sau thế nào cũng phải tìm cách giải đáp.

Một lần nữa, ông lại quyết vượt lên trên mọi khó khăn để đi tới đích. Truyện *Lục Vân Tiên* là bằng chứng của cuộc vật lộn gian khổ mà cũng là một thành công hiển hách của ông. Không rõ từ lúc nào, câu chuyện hình thành hoàn chỉnh trong trí Đồ Chiểu. Nhưng chắc chắn quá trình thai nghén nó đòi hỏi một sự dồn nén tinh cảm, một sự nung nấu và tinh lọc suy nghĩ khá lâu dài. Khi mà những điều vô xé tâm can nhà thơ đã đến cái mức có kết lại, không chịu được nữa rồi, thì cứ thế mạch truyện sẽ tuôn ra dào dạt. Và từng đoạn, từng đoạn, bằng lối kể về truyền miệng, tác phẩm cứ lặng lẽ mà trở thành thân thuộc ở giữa đời sống.

Đối với chúng ta, bài học của truyện *Lục Vân Tiên* thật là nhiều vẻ. Có thể nghĩ đến những phong cách sống dứt khoát chính tà, quên mình vì nghĩa, như những trang anh hùng Hồn Minh, Lục Vân Tiên. Cũng có thể nghĩ đến những tấm lòng tuyệt đối chung thủy, kiên trinh như nàng Nguyệt Nga; những quan hệ bạn bè thâm thiết như chàng Tử Trục; những mối tình thầy trò khăng khít keo sơn như chú tiểu đồng. Lại cũng có thể nghĩ đến vai trò đặc biệt của quần chúng nhân dân mà Nguyễn Đình Chiểu đã hữu ý lồng vào những con người vô danh, những ông quán, ông ngư, lão bà, ông tiểu, cùng với cả những triết lý sống phong phú, súc tích do chính những con người ấy nói ra, những triết lý đã đong đặc thành tục ngữ, ca dao mà Nguyễn Đình Chiểu

chỉ có thể tiếp thu của quần chúng, rồi lại trả về cho quần chúng...

Bất kỳ bài học nào cũng thật dồi dào ý nghĩa. Dạy có điều, nếu xuất phát từ tâm sự tác giả, thì chủ đề lớn của truyện *Lục Vân Tiên* hẳn là cái phẩm chất kiên định, là tinh thần gạt phăng mọi trở lực để thực hiện lý tưởng, của hết thảy những con người trung trực, trên con đường đầy sóng gió phức tạp của cuộc đời. Nguyễn Đình Chiểu không hề bảo thủ như ai, chỉ cốt chứng minh trong truyện của mình cái hiện tượng « tuần hoàn » của cuộc sống, rằng người nghèo hèn thì vẫn cứ nghèo hèn, còn người phú quý, vinh hiển thì sau một phen ba đào, lại trở về phú quý, vinh hiển. Trái hẳn lại. Bản thân nhà thơ là một mẫu người đã vượt sóng gió, và trong quá trình đó, đã « vận động », « chuyển hóa » thành một con người khác. Ông muốn chứng minh chân lý ấy. Suốt từ đầu đến cuối câu chuyện, những nhân vật được ông mô tả với tấm lòng quý mến nhất, cũng là những con người đã trải qua những cuộc đấu tranh rất gian khổ với muôn ngàn bất trắc :

*Tiên rằng : chẳng xiết nói chi,
Thân này nào có khác gì cây trời.
Lệnh đênh gió dập sóng đời...*

Họ đã chiến thắng không phải vì « số may » trời phú cho, mà chủ yếu là nhờ cái gốc đạo đức rất sâu bền trong họ. Tất nhiên, cũng phải trải qua sóng gió thì con người họ mới càng được tôi luyện ; họ mới hiểu thêm « thể thái nhân tình », từ đó mới có cái bình tĩnh, chủ động của người nắm được quy luật, đồng thời cũng dần dần tích lũy thêm những tình cảm mới mẻ :

*Đã ba thứ tóc trên đầu
Gẫm trong sự thế thêm âu cho đời.*

Có thể nói, ngòi bút nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu đã biết dẫn dắt tác phẩm của mình theo lô-gích có thực của đời sống, chứ không cứng nhắc khuôn theo vài ba mệnh đề « trung hiếu », « tiết hạnh » mà ông nêu lên ở đoạn mở đầu. Người đọc, mới đọc đến những trang đầu truyện *Lục Vân Tiên* kể cũng hơi có một cảm giác gò gẫm khô khan. Nhưng rồi đi sâu vào câu chuyện thì cảm giác đó dần dần sẽ mất. Một vài câu giáo đầu về trung hiếu thực ra chỉ là cái luận đề đầu miệng, là cái thói quen giáo điều trong tư duy mà nhà nho ít ai tránh khỏi mà thôi. Chứ khi đã bước vào địa hạt của sự suy nghĩ bằng xúc cảm, sự suy nghĩ hình tượng, thì kinh nghiệm sống trực tiếp lại chi phối Nguyễn Đình Chiểu mạnh hơn là hệ thống tin điều nhà nho, mặc dù không phải hệ thống này không còn tác dụng gì.

Chính vì thế, trong toàn truyện *Lục Vân Tiên*, các loại nhân vật *trung* và *nịnh* hiện lên rất rõ nét, nhưng cũng ít có nhân vật nào đơn thuần là sự minh họa khô khan của *trung* hay *nịnh*. Ta bắt gặp được trong đó cả một thế giới đang thực sống. Và cái làm cho ta tách bạch được trắng hay đen giữa cái thế giới phức tạp ấy, không phải là một ít tiêu chuẩn đạo đức định sẵn, cứ đem áp dụng là trắng đen khắc nổi bật lên. Cái làm cho ta nhìn thấu ruột gan của các nhân vật, yêu và ghét đúng như quan niệm yêu và ghét của người viết, đó chính là sự bộc trực và chân thành của tình cảm mà Nguyễn Đình Chiểu dồn vào ngòi bút của mình. Hầu như mỗi nhân vật của ông đều chỉ trả lời một câu hỏi rất đơn giản : *có hay không có một đôi mắt sáng và một tấm lòng?* Đơn giản thế thôi mà đầy đủ tất cả. Mọi tính cách khác nhau, mọi phẩm chất đối lập, đều qua đó mà bộc lộ.

Đối với những nhân vật chính diện, Nguyễn Đình Chiểu đòi hỏi một đôi mắt thực sáng để tự họ không thoái chí

ngã lòng trên con đường đi của họ. Có sáng mắt thì mới không nhìn đời một cách quá giản đơn; mới hiểu đúng bản chất phức tạp của cuộc sống. Nhờ đó, mới chóng nhận ra hình ảnh cái bọn người gian ác; bất nhân bất nghĩa, đầy dẫy ra kia ở giữa cõi đời này. Đã là người chân chính mà không sáng mắt thì thế nào rồi cũng vấp vấp. Nhưng vấp vấp, trái lại, cũng là điều kiện để giúp cho người chân chính ngày càng sáng hơn những chân lý ở đời. Câu chuyện Lục Vân Tiên mất mù rồi lại sáng, đứng về một góc độ nào mà xét, cũng chính là tượng trưng cho quá trình *tối—sáng* có ý nghĩa nhận thức đó. Chàng đã ngờ nghếch nhận lầm Bùi Kiệm, Trịnh Hâm là bạn. Chàng lại cả tin ở lòng tốt của mẹ con Võ Thê Loan. Có thể nói, bên cạnh sự sáng suốt của một ông Quán, ông Ngự, Vân Tiên bấy giờ là người *chưa nhìn thấy gì cả*. Việc chàng bị mù âu cũng là dễ hiểu. Nhưng rồi, sau khi đã trải qua tất cả mọi ê chề đau đớn, đã hiểu mình hiểu người hơn bao giờ hết, Vân Tiên sẽ trở thành một người khác hẳn, một người nắm được bản chất sự vật và có bản lĩnh để sống thật vững vàng. *Cái mù vật chất giờ đây đã bị đánh lui bởi cái sáng tinh thần*. Cũng là tự nhiên khi nhà thơ cho chàng sáng mắt trở lại.

Và không phải chỉ một Lục Vân Tiên thôi đâu. Quá trình *tối—sáng* về nhận thức đã gần như tất yếu diễn ra với bao nhiêu người khác trong truyện: ông Ngự, ông Tiều, lão Quán... Họ đều đã phải trả những giá đắt để nhìn được đúng sự thực. Phải đến lúc mái đầu nhuộm bạc, thì những con người ấy mới biết xét mọi người mọi việc rõ như ban ngày, cũng như chọn được cho mình một cách sống ung dung thư thái:

*Sống trong cá lợi thành thoi,
Xem hai con mắt sáng ngời như châu.*

Nhưng cũng không phải hễ đã làm người châu chính thì rồi sẽ đi đến thái độ triết lý Lão Trang, đến đối thờ ơ với mọi sự, hoặc rốt cục chỉ biết chọn riêng một ngọn sông nào trong mà « lội » một mình. Có một đôi mắt sáng đã đành, lại phải có một tấm lòng rất mực ưu ái, tấm lòng « âu cho đời » không bao giờ nguội lạnh ; để mà căm ghét với những cảnh bất công, và thương xót, cứu maug những ai bị đập vùi, hoạn nạn ; để thực hiện cái lý tưởng « tri quân trách dân » với một nhiệt tình nồng nàn, trước sao sau vậy. Nói chung là đề gắn bó sâu nặng hơn nữa với cuộc sống xiết bao phức tạp nhưng cũng đáng sống lạ lùng : « người ở trong trần... Gặp khi lửa đỏ màu càng thêm xù ».

Một đôi mắt sáng, và một tấm lòng — ấy là hai điều kiện có tác dụng tương hỗ với nhau. Cũng dĩ nhiên thôi ! Thành ngữ của ta có câu « sáng mắt sáng lòng », ý muốn nói cả hai cái cùng phải sáng, không có cái kia thì khó có được cái này ! Trong truyện *Lục Vân Tiên*, đối lập với những nhân vật « sáng mắt sáng lòng » là một lũ những tên gian ác kiêu Trịnh Hâm, máu dê kiêu Bùi Kiệm, tham sắc tham tài kiêu mẹ con mụ Quỳnh Trang. Bọn chúng không phải chỉ thiếu một mà thiếu tất cả.

Vì không hề có một đôi mắt tinh tường để đánh giá sự vật nên bao giờ chúng cũng chỉ biết nhìn đời thông qua ý muốn chủ quan tham lam, ngu ngốc của chúng. Và chính là với những đôi mắt hạt đỗ, với cái cách « dòm trời » của « ếch nằm đáy giếng » :

Ếch nằm đáy giếng thấy bao lăm trời

nên khi vừa ngoi lên được một chút địa vị, cho dù nhỏ mọn, là cái bọn tiểu nhân này đã vội hoạnh hợ với người khác, tưởng mình cao sang hơn người về mọi phương diện ;

*Hàm rằng : lão quán nói nhang,
 Dầu cho trái việc cũng thẳng bán com.
 Gối rơm theo phận gối rơm,
 Có dầu ở thấp mà chòm lên cao.*

Mặt khác, vì không có chút ánh sáng le lói của một tấm lòng biết hướng về điều thiện, nên trong khi đang sống mù quáng với dục vọng cá nhân, bọn chúng lại không lúc nào có được một sự phản tỉnh tối thiểu, một chút gì như là sự tự răn, tự cảnh giác với mình. Và trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, cơ hồ đây cũng là nguyên nhân chính đề dẫn đến những « chạm trán » gây thảm kịch cho bao nhiêu con người lương thiện và tài năng. Chỉ một bài thơ của Văn Tiên đọc trong tửu quán, được ông Quán tán thưởng trước mặt Trịnh Hàm, cũng đủ khiến chàng làm nạn « đắm thuyền » do Hàm bày đặt. Chỉ một đôi mắt mù của chàng làm cản trở nhân duyên cô con gái cứng của một phú ông nọ, lập tức đã làm cho chàng gặp phải cái « rùi » :

Mới lên khỏi biển lại vào trong hang.

Hoặc chỉ một tấm lòng trung trinh của Nguyệt Nga đặt giữa cái bọn người xem phụ nữ như trò đùa, là số phận lênh đênh, chìm nổi của nàng đã được quyết định : hết dòng vai Chiêu Quân cống Hồ, lại lọt vào nhà Bùi Kiệm . . .

Cũng cần nói thêm là trong một hoàn cảnh có sóng gió dữ dội, khi mà tình thế đã diễn ra những bước gấp khúc, những chuyển biến mau lẹ, thì một sự không « sáng mắt sáng lòng » nhất định sẽ càng làm cho người ta lúng túng, mất hẳn phương hướng, không sao còn làm chủ được mình. Tất cả những nhân vật phản diện trong truyện *Lục Vân Tiên*, kể cả những tay sừng sỏ nhất, phút chốc trở thành những kẻ thiếu bản lĩnh nhất. Chúng xoay trở, lựa chiều đến mất cả tư cách, chua chát

hơn nữa, chúng tự biến mình thành tấu bị hài kịch của số phận. Chúng làm tất cả những gì có thể làm, miễn vớt vát được một chút thể diện, miễn không bị mọi người quên lãng, miễn niu lấy một chỗ đứng yên ổn, vững vàng. Như cái thái độ trơ trẽn « chuộc tội » của mẹ con mẹ Quỳnh Trang, những kẻ đã bội bạc Văn Tiên :

Trang rằng : con có hồng nhan,

Cho chàng thấy mặt, thời chàng ắt ưa.

Vi bằng còn nhớ tích xưa,

Mẹ con ta lại đồ thừa Vô công.

Lẽ tự nhiên, xu thế của câu chuyện không bao giờ dễ yên cho chúng. Một khi giông tố phủ phàng qua đi, đất trời trong lặng lại, khi những Văn Tiên, Hợp Minh... không rơi vào cái thế giới địa ngục tối tăm như ý muốn nham hiểm của chúng, mà lại hiện trở về, oai nghiêm, đĩnh đạc :

Võng điều, gươm bạc, long xanh

thì chính chúng chứ không phải ai khác, sẽ phải chuốc lấy số phận mà chúng từng bắt người khác chịu :

Trình Hâm về đến Hợp Giang,

Sóng thần nổi dậy, thuyền chàng chìm ngay.

Rõ ràng, vẫn dưới hình thức một mối quan hệ chính tả như trong hầu hết các truyện nôm, Nguyễn Đình Chiểu đã biết đem một màu sắc mới vào cho câu chuyện. Ông không một chiều tán dương cách nhìn đời cứng nhắc, bất biến. Ông tìm ra mối quan hệ hợp lý giữa cái phần có thể đứng yên và phần biến động, giữa yếu tố đối thay và yếu tố cần kiên định, ở ngoài xã hội cũng như trong mỗi con người. Nếu không biết dựa chắc vào nhân dân, nắm vững quy luật của đời sống hiện thực, thì khó lòng rút ra được một kết luận hợp lý hợp tình đến vậy.

Từ nhận xét trên, cũng phải đánh giá lại cho chính xác bài học đạo đức trong truyện *Lục Vân Tiên*. Tuy bề

ngoài có vẻ gò bó, những khái niệm « trung, hiếu, tiết, nghĩa » mà Nguyễn Đình Chiểu dùng hẳn đã là bảo thủ. Căn bản, chúng vẫn mang đậm nội dung tinh thần dân. Nguyễn Đình Chiểu đã cảm thụ và đã diễn đạt những khái niệm này dưới khía cạnh thông dụng nhất của chúng, được đạo lý quần chúng chấp nhận. Vẫn thông qua những lời những chữ tưởng như thuần túy Khổng Mạnh, nhà thơ đề cập đến vai trò của tình yêu, tình bạn, tình cha con, vợ chồng, lòng chung thủy, rộng hơn là nghĩa vụ làm người... Dù những câu thơ của ông có « sách vở » đến chừng nào thì những lời ông nói ra vẫn nhuần thấm một cái gì đó, nó phân biệt với những lời sáo rỗng. Đó là lập trường yêu ghét dứt khoát, minh bạch, ghét và yêu là chỗ dựa của nhau : « *Bởi chưng hay ghét cũng là hay thương* », và ghét hay yêu đều ở mức tốt độ nồng cháy : « *Ghét cay ghét đắng ghét vào tận tâm* » Hơn thế nữa, ở đâu và bao giờ, giá trị của cái ghét, cái yêu cũng được nhìn nhận một cách nhất quán, mà thái độ đối với dân phải là điểm quy tụ :

*Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
Đề dân đến nỗi sa hầm sầy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân luống chịu làm than muôn phần.
Ghét đời Ngũ bá phân vân,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhàn.
Ghét đời Thúc Quý phân băng,
Sớm đầu tối đánh lẳng những rối dân.*

Rất dễ hiểu vì sao tuy có những nhược điểm không nhỏ về nghệ thuật, tuy nội dung cũng còn vấn đề này vấn đề khác, truyện *Lục Vân Tiên* vẫn được nhiều thế hệ say mê đọc và truyền tụng. Quần chúng thực tình đã tìm thấy ở Nguyễn Đình Chiểu một người nói lên tiếng nói

tha thiết của mình. Bằng cuốn sách đầu tay còn nóng hổi những ước mơ lãng mạn nhưng cũng đã lắng đọng khá nhiều chân lý về sự sống đó, Nguyễn Đình Chiểu thực đã dành về cho mình cái vị trí cao và sáng rõ ở giữa cuộc đời. Nghị lực lớn và lòng yêu mến sâu sắc đối với con người đã biến Nguyễn Đình Chiểu thành nhà giáo và người thầy thuốc giỏi. Cảm quan nhạy bén về các vấn đề thời đại đã giúp ông vươn đến một nhà tư tưởng và nhà văn. Trên quá trình chiến thắng những cảnh ngộ bi đát của cá nhân, Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành một thành viên tích cực trong xã hội. Con đường ông đi thật vô cùng gian khổ, nhưng là con đường đúng.

**Con đường đi đến thơ văn yêu nước
hay là cuộc đấu tranh với bi kịch xã hội.**

Như đã nói ở phần đầu, truyện *Lục Vân Tiên* chỉ mới là cái mốc đánh dấu một nửa cuộc đời của nhà thơ lớn. Nửa cuộc đời tiếp theo, ông còn vươn đến những sáng tạo cực kỳ quan trọng, nhờ nó ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu sẽ sáng rõ hoàn toàn. Đó là hàng loạt thơ văn yêu nước mà từ những người sống đồng thời như Miên Thâm, nữ sĩ Mai Am... đến chúng ta ngày nay, đều có một cảm giác bưng bưng xúc động, rạo rức lạ thường mỗi lần đọc đến, và mỗi lần đọc về sau lại thấy thấm thía hơn, mới mẻ hơn lần vừa đọc.

Đành hay, giữa hai chặng đường sáng tạo của nhà thơ — chặng đường *Lục Vân Tiên* và chặng đường thơ văn yêu nước — vẫn có một nội dung tư tưởng thống nhất. Nguyễn Đình Chiểu trên hai chặng đường ấy vẫn là một con người tìm chân lý, kiên trì giành chỗ đứng ở giữa cuộc đời. Tuy vậy, nếu như vào thời kỳ trước, cuộc đấu tranh xã hội của ông chủ yếu cũng chỉ mới xuất phát từ tiền đề

của bi kịch một cá nhân, thì vào thời kỳ thứ hai, nó đã được bắt rễ thẳng từ một bi kịch xã hội sâu rộng.

Ngày 31 tháng 8 năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà-nẵng. Tiếng súng thực dân bỗng làm nổi bật lên trước mắt những vấn đề thật là nghiêm trọng của xã hội Việt-nam. Cái chết cái sống của toàn dân tộc hầu như đã đẩy lùi vào dĩ vãng tất cả những tình toán riêng, và có sức gắn chặt mọi người trong cùng một nỗi vui buồn, một tâm trạng, một niềm mong ước, đánh thức dậy những truyền thống quý báu, tinh thần căm thù giặc.

Kể từ phút đầu tiên ấy, nhà thơ mù Ba-tri đã hoàn toàn ngập vào giữa những vấn đề thời cuộc bộn bề một cách hết sức tự giác. Ông tuyệt không còn cái khoảng cách không vượt được của một người mù. Giặc Pháp đánh chiếm Gia-định và thế là tất cả quang cảnh « chạy giặc » của dân chúng hiện rõ mồn một trong thơ :

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
 Một bàn cờ thế phút sa tay.
 Bỏ nhà, lũ trẻ lơ xơ chạy,
 Mất ổ, bầy chim dáo dạt bay.
 Bến-nghé của tiền tan bọt nước,
 Đồng-nai tranh ngôi nhuộm màu mây.*

Và cả cái câu hỏi mà nhà thơ nghiền ngẫm nhiều nhất, cũng dựng lên đột ngột trong thơ :

*Hỡi trang đẹp loạn rày đàn vắng,
 Nờ đề dân đen mắc nợ này ?*

Câu hỏi đặt ra trong những ngày đầu của chiến tranh, cũng có ý nghĩa như là một phương hướng tư tưởng đã được Đồ Chiểu sớm nhận thức, đề rồi từ đây sẽ chỉ đạo toàn bộ hoạt động của ông. Cứu nước hay hàng giặc, vì dân hay phản dân, đó sẽ là những trọng tâm mà nhà thơ phải dồn hết tâm hồn và sức lực của

mình để đánh giá, nhận định, và tìm phương giải quyết.

Từng bước tấn công của thực dân Pháp cũng là từng bước diễn ra một cuộc thử thách lớn, một cuộc thử thách gian nan hơn bao giờ hết, trong đó, mọi tinh cách can đảm và hèn nhát, anh dũng hy sinh hay trơ tráo phản bội, tràn đầy tin tưởng hay bi quan thất bại... đều có dịp được phơi trần. Trong khi một Tôn Thọ Tường muối mặt nhận chức đốc phủ sứ của giặc thì bao nhiêu tấm gương bất khuất chói sáng lên! Trong khi một Phan Thanh Giản, một Lâm Duy Hiệp giọt ngấn giọt dài trao thành cho giặc thì bao nhiêu hành vi ngoan cường, dũng cảm tiếp nhau xuất hiện: từ đốc học Phạm Văn Nghị ở Nam-dịnh xa xôi mộ ngay một đoàn dân dũng vào Kinh xin triều đình cho cầm súng giết giặc, đến Trần Thiện Chính, một ông quan bị cách chức, đã bán hết gia sản của mình để ủng hộ công cuộc kháng chiến, rồi lại tự động lãnh đạo 300 dân quân xông ra Gành-rái cản bước tiến của quân thù. Từ cái hình ảnh của Nguyễn Trung Trực với câu nói sắt đá cất lên trước lúc chịu rơi đầu: « Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây », đến tư thế hiên ngang, ngạo nghễ trước cái chết của một thủ khoa Huế :

*Không hàng đầu tướng đành rơi xuống,
Cóc sọt! Quân thù đã khiếp rung!*

Không nói cũng rõ Nguyễn Đình Chiểu đã đứng về phía nào trong hai mặt đối lập triệt để của cái hiện thực đang diễn ra trước mắt ông. Nhiệm vụ chiến đấu của nhà thơ lập tức được xác định: ca ngợi, cổ vũ những con người yêu nước, và vạch trần, phê phán những kẻ đầu hàng. Như một viên tướng trên mặt trận tư tưởng, ngòi bút của Đồ Chiểu tung hoành ngang dọc với tất cả sự sáng khoái, hào hùng. Hàng loạt sáng tác đủ thể loại

của ông ra mắt rất kịp thời, vang động từ Nam đến Bắc: nào hịch, nào thư, văn tế, nào thơ ngâm vịnh, thơ trào phúng, thơ xúc cảnh, rồi cả truyện thơ v.v...

Con đường Nguyễn Đình Chiểu đi giờ đây thực đã sáng rõ và thẳng hơn xưa! Đây là con đường trực tiếp đi đến cái chân lý giản đơn mà chắc nịch. Nếu xưa kia làm thơ đối với ông chỉ mới được xếp ngang dạy học và làm thuốc, và trong con mắt của một số người, chưa hẳn nó đã có tác dụng thiết thực như làm thuốc và dạy học, thì lúc này, làm thơ gần đồng nhất với công cuộc cứu nước chống giặc. Mà cứu nước chống giặc, thì còn gì cần kíp, và cao quý cho bằng!

Lẽ dĩ nhiên, nói đến chống giặc trước hết là nói đến cầm súng cầm gươm. Không cầm súng cầm gươm thì cũng khó lòng nghĩ đến chuyện cầm bút hay làm gì khác. Ở nửa cuối thế kỷ XIX, không phải không có một số nhà thơ yêu nước chỉ tự giới hạn mình trong việc sáng tác đôi ba ạng thơ bài văn, mà không hề trực tiếp tham gia chiến đấu. Vốn mang tâm trạng yếu đuối và bất lực, họ đành chỉ biết khóc than, mong ước, một cách cũng khá... suông tinh, gói vào trong những vần thơ có thể là thống thiết, lâm ly, nhưng không có sức bật của một quyết tâm nên không có mấy ý nghĩa và tác dụng.

Nguyễn Đình Chiểu xa lạ với những kiểu người như thế! Nguyễn Đình Chiểu xông thẳng vào giữa dòng thời cuộc mà viết truyện, làm thơ. Ông không chủ trương biến hoạt động thực tiễn thành hoạt động thi ca, mà cố gắng đem hoạt động thi ca vào hoạt động thực tiễn. Lẫn lộn ông với những nhà thơ « thời thế » đương thời nói trên quả là một sai lầm lớn. Miên Thẩm ít hay nhiều đã phạm sai lầm này. Là một ông hoàng trong số những ông hoàng còn có chút liêm sỉ, suốt thời gian từ sau khi Pháp xâm lăng, nhà thơ « hoàng phái » đó vẫn

thường đắm mình trong một nỗi mặc cảm cá nhân, nó là chút tâm lý xấu hổ, là sự phủ nhận ngấm ngầm đối với cái địa vị yên ấm nhưng hèn yếu của mình. Và do đó, Miên Thâm đã cảm xúc thơ Nguyễn Đình Chiểu theo một cách riêng:

*Chi cánh thư sinh không bút trận,
Báo oán chi thử, diệp bi tai!*

(Thư sinh đánh giặc bằng cây bút,
Giúp nước ngàn này cũng đáng thương) (1).

Nhà thơ có dễ đã mượn Nguyễn Đình Chiểu để nói lên tâm sự u uẩn của mình chăng? Chứ Nguyễn Đình Chiểu đâu có là người tự ti, hay thất bại chủ nghĩa. Hơn ai hết, giữa lúc « xã tắc lâm nguy » này, Nguyễn Đình Chiểu nắm rất vững giá trị của cái công việc cầm bút mà ông đảm nhiệm. Đó là công việc đòi hỏi một khí thế, một sự vững vàng về tư tưởng, một công việc phải tả xung hữu đột, phải làm nhiệm vụ dẫn đường cho mọi người. Ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu tràn đầy sức mạnh, vì nó kết tinh những « đạo lý » của dân tộc đã được chấp nhận từ nghìn xưa; nó chói chang chính nghĩa:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!*

Vả lại, không những ngòi bút ấy luôn luôn ở giữa thực tiễn mà bản thân nhà sĩ phu Nguyễn Đình Chiểu cũng không tách rời hoạt động thực tiễn. Nguyễn Đình Chiểu vừa biết làm thơ lại vừa biết tham gia vào nhiều công việc cứu nước cụ thể. Ông sát cánh với các sĩ phu

(1) Theo bản dịch của cụ Lê Thước. Ở đây chúng tôi chỉ nói đến hai câu cuối bài thơ mà không dành giá toàn bài. Toàn bài của Miên Thâm thì vẫn toát lên một tinh thần cảm phục sâu sắc đối với Nguyễn Đình Chiểu.

tiền bộ trong phong trào « tị địa ». Ông trực tiếp góp ý kiến mưu lược cho nghĩa quân Trương Định. Ông tiến hành một chính sách bất hợp tác triệt để với chính quyền thực dân v.v... Có thể nói, với Nguyễn Đình Chiểu, một công việc nào đấy có đáng làm hay không tuyệt không phải vì nó có đem lại tiếng tăm hay không, mà trước hết, và duy nhất, chỉ vì nó có *hay không làm lợi cho dân cho nước*. Ông già mù có thể nhận lấy bất kỳ một nhiệm vụ cứu nước nào dù rất nhỏ nhặt, nhưng ông khó lòng chấp nhận cho những ai, trong tình hình sời bồng của Tổ quốc, lại đi lo những chuyện chỉ có lợi cho bản thân mình. Trong bức thư gửi cho người em là Nguyễn Đình Tự, nhà thơ nhấn đi nhấn lại nhiều lần rằng, khi mà những sự nghiệp lớn lao của dân tộc chưa ai lo xuể: « *Vả đang lúc sự đời bối rối, nào xiết lo nghiệp cả bàng khuông* »; khi mà « *đời sống của cả nước đang chịu muôn vàn o ép: « Bề ở ăn như cá núp trong nò, thân dùm đầu như én nằm trên gác* »; thì chỉ một việc như việc cưới vợ hai của em, cũng là việc ngông cuồng, nếu chưa nói là tội lỗi: « *Sung sướng chi mà chòng một vợ hai, giàu sang mấy mà quần đôi áo cặp* ».

Cho nên, để đánh giá đúng sự nghiệp văn học yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, có lẽ phải nói như lời nữ sĩ Mai Am:

*Quốc ngữ nhất thiên truyền bất hủ,
Tuyệt thánh quảng hán yểm khô hải.
(Quốc ngữ một thiên truyền mãi mãi,
Còn hơn xây mộ cát khô hải!)* (1)

Nếu cần phải so sánh thì có lẽ không có sự so sánh nào thâm thúy hơn hai câu thơ súc tích trên đây. Cái

(1) Bản dịch của cụ Lê Thước.

hình ảnh « xây mộ cất khô hài » nhắc chúng ta nhớ rằng cũng vào khoảng thời gian giặc Pháp đang ra sức cần xé sáu tỉnh Nam-kỳ, kẻ đóng vai chủ chốt trong việc chèo chống vận mệnh đất nước là Tự Đức đã có một chủ trương quái gở: khởi công xây dựng Khiêm lăng, hay còn gọi là Vạn-niên-cơ — ngôi mộ bền vững nghìn vạn năm của y — bất chấp dư luận phản đối sôi sục từ trong hoàng tộc đến ngoài nhân dân, tới mức ngay giữa Kinh thành cũng vụt nổ ra một cuộc khởi nghĩa táo bạo (1). Nhưng hình ảnh « xây mộ cất khô hài » còn mang một ý nghĩa tượng trưng sâu xa hơn cái nội dung cụ thể của mấy chữ ấy. Nói chung, đó là bất kỳ một việc gì chỉ nhằm xây dựng cho cá nhân mình một sự « bất tử », mà sự bất tử đó lại mâu thuẫn với toàn bộ sự nghiệp chung. Một cái thú đọc sách làm văn không dính gì đến thời cuộc nước sôi lửa bỏng; một hành động điềm nhiên lui về ở ẩn trước tiếng gọi cứu nước đang vang lên giục giã: « *Bớ các quan ơi! ... Bớ các làng ơi! ...* »; hay một thái độ « mũ ni che tai »,

(1) Năm 1866, phần ứt với việc xây Khiêm lăng, một nhóm sĩ phu và hoàng tộc đứng đầu là anh em Đoàn Trưng, Đoàn Trục, đã tổ chức khởi nghĩa lật Tự Đức ngay giữa Kinh thành, nhưng thất bại. Người ta thường gọi là khởi nghĩa Chày vôi. Cuộc khởi nghĩa này có dính liu chút ít đến Miên Thâm, anh ruột Mai Am. Chắc chắn là sự kiện xây Khiêm lăng đã tác động đến cả hai người, và trong tư tưởng, họ đều không tán thành Tự Đức. Chúng tôi có khuynh hướng tin rằng câu thơ của Mai Am được hình thành do ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của sự kiện xây lăng « Vạn-niên » này. Bởi lẽ đó, cũng có thể đoán hai bài thơ của Miên Thâm và Mai Am ra đời vào khoảng 1867; và bởi vì đó là những bài cảm xúc nhân đọc *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh* của Đồ Chiểu, chứ không phải *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giơ*, nên lại cũng có thể dự đoán bài *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh* được sáng tác vào khoảng này (nhớ Miên Thâm mất năm 1870). *

mặc cho bọn đầu hàng, bọn « hòa nghị » cứ tự do lộng hành v.v... Đó đều là những việc nhằm gìn giữ tính mạng của cá nhân mình. Nhưng trong khi làm những việc như thế thì oái oăm thay, cá nhân mình lại nhỏ bé hẳn đi; cá nhân mình không giá trị gì nữa, không còn « sống » nữa, mà chỉ còn một xác chết—một « khô hài ». Và rốt cuộc, những việc mình làm, không còn phải là bảo vệ sự sống của cá nhân mình, trái lại chỉ là đi xây một ngôi mồ cho cái « khô hài » của mình mà thôi.

Nguyễn Đình Chiểu đã đi tìm sự bất tử ở chính cái chỗ đối lập đến cùng với mọi kiểu « bất tử » thiên cận kia. Với ông, đó phải là sự bất tử của một « lưỡi gươm địch khai »; chi ít cũng là một « thiên quốc ngữ » gắn bó với vận mệnh của hàng vạn người dân, nói lên những chuyện sống chết làm cho mọi trái tim cùng thồn thức. Đó phải là cái ý thức phục vụ kịp thời những nhiệm vụ chính trị của dân tộc, là sự gắn bó keo sơn giữa người làm thơ và những con người thời đại.

Nhà triết học cổ đại Hy-lạp Polatông từng có nêu một phương châm sống: « *Thà làm người anh hùng để cho thi nhân ngợi ca, chứ không thêm làm thi nhân để ca ngợi anh hùng* ». Nguyễn Đình Chiểu đã hành động khác hẳn quan niệm ấy. Nhân cách vĩ đại, tư tưởng nhân dân nhuần nhuyễn, đức khiêm tốn của ông cũng đủ giúp ông hiểu, nếu chỉ bước vào đời với cái thái độ khăng khăng làm anh hùng cho người ta ca ngợi, thì e có khi không làm nên trò trống gì. Hưởng chi, Nguyễn Đình Chiểu lại là một người không dễ muốn làm ngay anh hùng mà được: một người mù! Bởi vậy, vô hình trung nhà thơ như đã đảo ngược lại mệnh đề của Polatông. Ông chỉ mong đem hết tài năng và nhiệt huyết của mình để truyền cho khắp mọi người đều biết về cuộc sống của những con người đang sống oanh liệt nhất.

Nhưng kể cũng thật lý thú : ngay khi Nguyễn Đình Chiểu mãi mê làm cái việc « ca ngợi » đó, thì chính là ông đang thực hiện nốt vế thứ nhất của mệnh đề Polatông mà bản thân ông cũng không ngờ tới. Trên quá trình dồn mọi tâm sức vào việc sáng tác những vần thơ bất hủ nói về những người anh hùng thời đại, nhằm qua đó thấm đến tận đáy lòng hết thảy mọi người, cũng có nghĩa là qua đó mà nhân lên gấp bội những con người anh hùng... nhà tri thức Nguyễn Đình Chiểu dù muốn hay không muốn cũng đã trở thành một chiến sĩ, cũng tự mình phải vật lộn với mình để tiến sát đến tầm cao của cái đối tượng mà mình miêu tả, cùng chia xẻ với họ mọi trạng thái tinh cảm cũng như mọi gian khổ, hy sinh.

Thật quả là, với cách suy nghĩ nhún nhường, đầy chất Á-đông, với một tâm hồn giản dị, Nguyễn Đình Chiểu đã đặt lại, đã bổ sung và hoàn chỉnh hơn nữa cái phương châm mà nhà triết gia Hy-lạp đã nêu ra trước ông hàng nghìn năm, và có lẽ ông chưa bao giờ được biết. Tưởng chừng vẫn rất nhẹ nhàng, điềm đạm, cụ già Nguyễn Đình Chiểu với khuôn mặt phương phi và nụ cười suốt đời hiền hậu, đã nói với chúng ta : hãy bắt đầu làm người anh hùng không phải từ cái « mộng » anh hùng của cá nhân anh, mà là từ chỗ cố gắng học tập và ca ngợi một cách nồng nhiệt nhất, những con người anh hùng đang thực sống ở giữa cõi đời này.

So với truyện *Lục Vân Tiên*, nhận thức về người anh hùng trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu có một bước chuyển biến rất dài. Nếu những chàng thanh niên họ Lục, họ Hồn xưa kia có những hành động vì nước vì dân rất quả cảm, nhưng vẫn chưa phải là người anh hùng xuất phát từ nhân dân, thì ngày nay, hình ảnh của một Trương Định, một Phan Tông đã thực sự

là hình ảnh người anh hùng từ dân mà ra, vì dân mà hành động ;

*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón
ngân mấy dặm mã tiền ;
Theo bệng dân phải chịu tướng quân phù, gánh
vác một vai khỏn ngoại.*

Giữa người anh hùng dò vói nhân dân thực đúng là một quan hệ « cá nước », « phụ tử » :

*Tránh lòng tướng sĩ thương quan tướng, nhắc
quan tướng chiu chít như gà !*

Hay :

*Than ôi người ngọc ở Bình-đông
Lớn nhỏ trong làng thủy mền trông !*

Và điều đáng ngạc nhiên nữa, là nếu xưa kia, những ông Quan, ông Ngự vô danh, hiện thân trực tiếp của đòng đảo quần chúng, chỉ mới là dăm bảy cái bóng thoáng qua, làm « người hộ vệ » trên con đường của những người anh hùng ấy, thì ngày nay, chính họ cũng lại đã hóa thân thành những người anh hùng thật sự, người anh hùng nòng dân đúng với tên gọi, những con người mà điều kiện để trở thành anh hùng chỉ là rất tối thiểu, và về hình thức thì tuyệt không thể sánh được với vẻ hào hoa của những kiều người anh hùng mã thượng trong quá khứ :

*Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao
tấu bầu ngói ;
Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm
dao tu nón gô.*

Nhưng họ lại có những phẩm chất mà chưa một người anh hùng quá khứ nào có rõ như vậy ; họ là một tập thể quần chúng bắt đầu tự giác trước nhiệm vụ lịch sử, là cái vàng sáng lạ báo hiệu cho kiều người anh hùng mới sau này :

« Chi nhọc quan quân giống trống kỳ trống giục, đập rào lượt tới coi giặc cũng như không : Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh ; Bọn hè trước lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ ».

Cái động lực cốt yếu đã tạo nên bước ngoặt ở những con người đó, đưa họ từ người nông dân chất phác đến người anh hùng hôm nay, không có gì khác hơn là sức mạnh truyền thống « cộng đồng » được nâng lên là về chất là lòng yêu nước đã thấm vào bản tính, thành thịt thành xương, như cái thói quen làm ruộng lâu đời của họ :

« Tiêng phong hạc phạp phòng hơn mấy tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ; Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan ; Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ ».

Không nghi ngờ gì nữa, hình ảnh người nông dân trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu là một phát hiện mới mẻ và có giá trị. Đó là con người vốn đã có từ rất lâu đời, nhưng cũng chỉ thật nổi bật lên vào giai đoạn lịch sử này, khi mà người anh hùng phong kiến đang tự nó rút khỏi vũ đài lịch sử. Dưới ngòi bút Đồ Chiểu, đó là con người « rất xưa, nhưng cũng rất mới ». Nhà thơ đã phải phấn đấu không biết mệt mỏi cho lý tưởng, đã phải bỏ cả đời mình để đi tìm con người ấy. Và lịch sử nửa cuối thế kỷ XIX cũng chỉ dành cho một mình ông. Cuộc kháng chiến cứu nước của cả dân tộc tiếp cho ông sức mạnh để vượt mọi trở lực, và ánh hào quang từ trên chỗ đứng mới này đã rọi vào tư tưởng, làm thay đổi một lần thứ hai hệ thống tin điều

Nho giáo ở nơi nhà chi sĩ, đưa nó đến cái nội dung nhân dân sâu sắc hơn hẳn ở *Lục Vân Tiên*. Mệnh đề *nhân nghĩa* đang chuyển dịch dần đến chỗ đồng nhất với mệnh đề *ái quốc* :

*Mến nghĩa bao đành làm phản nước,
Có nhân nào nữ phụ tình nhà.*

Và chuyển dịch đến chỗ đồng nhất với mệnh đề *ái quốc* cũng tức là đang chuẩn bị cho một bước tiến khác nữa: ly khai với mệnh đề *trung quân*. Nói cách khác, tư tưởng nhân dân đầy sinh lực của Nguyễn Đình Chiểu phát triển lên một mức cao hơn thì trước sau cũng phải đi đến một sự lựa chọn dứt khoát: thừa nhận hay là quay lưng với triều đình phong kiến đầu hàng. Nhà thơ đã sẵn sàng lựa chọn:

*Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay...*

∴

Những ngày cuối cùng của nhà thơ yêu nước vĩ đại Nguyễn Đình Chiểu là những ngày buồn. Từ năm 1886, sau khi Hàm Nghi bị bắt, cả nước đã rơi vào tay giặc. Nhà thơ không còn biết làm gì hơn ngoài cái tâm sự của một Kỳ Nhân Sư bỏ đi ở ẩn. Và trái ngược với nhân vật *Lục Vân Tiên* mắt đang mù bỗng trở lại sáng, cái ông Kỳ Nhân Sư ấy trong *Ngự Triều vãn đáp* lại tự mình xông cho mù mắt để khỏi nhìn thấy bóng giặc đang hoành hành :

*Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân;
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghĩ òng nghèo.*

Thực tế tàn nhẫn đã làm cho một ước mơ bị đảo lộn hẳn ngay trong một con người !

Nhưng đó chỉ là tình thế bất đắc dĩ, « *Thời vậy thời vậy thời cũng vậy* » mà thôi. Sự thực thì ông già mù vẫn nuôi một ước mơ không lúc nào không nung đốt tâm can :

*Sau trời Thúc Quý tan mây,
Sông trong bể lặng, mắt thầy sáng ra.*

Ước mơ đó làm cho lời thơ của ông bao giờ cũng thiết tha, xao xuyến, và người đọc ngày nay đọc lại, vẫn thấy bừng bừng tráng khí, như nhấp đúng vào « chén rượu đỏ lòng » mà lúc còn sống nhà thơ đã mời :

Chén rượu đỏ lòng xin cạn chén.

Và cũng nhờ tình cảm chân thành có một, nên những nhân vật của *Lục Vân Tiên*, của thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, từ trên dưới một trăm năm qua, ngày nay vẫn sống y nguyên trong cuộc đấu tranh trước mắt. Hình ảnh nàng Nguyệt Nga vai mang bức tượng Vân Tiên, vượt qua bao nhiêu chặng đường gian khổ để cuối cùng giành được hạnh phúc có gì gần gũi với người phụ nữ yêu nước miền Nam, hàng chục năm nay sống dưới ách cùm kẹp của Mỹ ngụy, vẫn mang trọn niềm chung thủy với chồng con, và luôn luôn đứng hàng đầu trong các cuộc đấu tranh bẻ gãy xích xiềng của chế độ Sài-gòn để chóng đến cái ngày Bắc Nam sum họp. Cái tập thể những chàng nghĩa sĩ Cần-giוע thật không khác mấy với hàng vạn quần chúng nông dân miền Nam đang đánh giặc bằng đủ mọi thứ vũ khí từ thô sơ đến hiện đại. Và hình ảnh Lục Vân Tiên :

*... đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ó.
Một mình lướt trận xông vào!*

thì tuy về hình thức có thể không còn hợp với những Văn Tiên của thế hệ chúng ta nữa, nhưng về nội dung, về cái mặt dứt khoát yêu ghét, vững vàng trước kẻ thù, thì hẳn vẫn còn là hình ảnh tiêu biểu của đồng đảo thanh niên Việt-nam, đang « lướt trận » như vũ bão để đánh sập những căn cứ cuối cùng của Mỹ-ngụy.

5-1972

THỦ BẢN VỀ NGUỒN GỐC TRUYỆN « LỤC VÂN TIÊN »

TRẦN NGHĨA

TRUYỆN *Lục Vân Tiên* đã đến với độc giả trong hơn một thế kỷ. Nhưng mãi đến ngày nay, vẫn chưa ai biết đích xác nguồn gốc cuốn truyện là gì, mặc dù câu *Trước đèn xem truyện Tây minh* cứ sờ sờ ra đó như một thách thức!

Không phải đến bây giờ, mà ngay từ hồi Nguyễn Đình Chiểu còn sống, người ta đã bắt đầu bàn cãi về vấn đề này rồi. Trần Nguyên Hanh cho rằng « Tây minh » là tên một tử sách của Tô Đông Pha đời Tống. *Truyện Tây minh* có nghĩa là một cuốn truyện lấy ra từ trong ấy (1). Aben đê Misen (Abel des Michels) thì hiểu theo một cách khác. Ông cho rằng « Tây minh » ở đây không phải là tên một tử sách, mà là tên một triều đại do Nguyễn Đình Chiểu tưởng tượng ra. Và *Truyện Tây minh*, có nghĩa là một câu chuyện xảy ra trong triều đại tưởng tượng đó (2).

(1) (2) Xem *Lục Vân Tiên ca diễn*, bản dịch ra tiếng Pháp của Aben đê Misen, xuất bản tại Pa-ri, 1883, tr. 2.

Ở đây có một điểm đáng chú ý là trong sách *Từ hải*, khi chú thích về hai chữ « Tây minh », không thấy đã động gì đến

Sở dĩ có hai kiểu giải thích không nhất trí trên, là do mỗi người đều căn cứ vào một lối viết khác nhau của chữ « minh » trong chữ Hán. Trần Nguyễn Hanh thi cho « minh » nghĩa là « khắc », còn Aben dè Misen thi cho « minh » nghĩa là « sáng ». Nhưng dù hiểu bằng cách nào chẳng nữa tại cuối cùng cả hai ông đều tự nhận rằng đó chẳng qua cũng chỉ là những điều phỏng đoán mà thôi, không lấy gì làm chắc ! (1).

Đến sau Trần Nguyễn Hanh và Aben dè Misen là Bajò. (E. Bajot). Khác với những người trên, Bajò quan niệm « Tây minh » là tên một cuốn truyện. Trong khi giới thiệu tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu, Bajò viết : « *Nhân khi nhàn rồi, Nguyễn Đình Chiểu có nhờ người ta đọc cho nghe một cuốn tiểu thuyết Trung-quốc tên là Truyện Tây minh. Vì thấy câu chuyện có nhiều đoạn giống với cuộc đời mình, nên Nguyễn Đình Chiểu đã mượn đề tài đó để sáng tác ra tập thơ Nôm, lấy tên là Lục Vân Tiên* » (2). Cách giải thích ấy tuy có vẻ dễ chấp nhận hơn cách giải thích của Trần Nguyễn Hanh hay Aben dè Misen, nhưng tựu trung vấn đề vẫn chưa được giải quyết, vì một lẽ rất dễ hiểu là chính Bajò cũng chưa tìm thấy một truyện « Tây minh » nào !

truyện « Tây minh » là tên một trong hai tủ sách Tô Đông Pha như Trần Nguyễn Hanh đã nói. Sách *Từ hải* chỉ chép : « Theo sách *Cận tư lục*, thi ở văn phòng Hoành Cừ (tên chữ của Trương Tải) có hai cửa sò, cửa bên phải đề hai chữ *Đình ngoan*, cửa bên trái đề hai chữ *Biếm ngu* (« Đình ngoan » có nghĩa là « sửa chữa cái ngốc », « Biếm ngu » có nghĩa là « răn bảo cái ngu »). Y Xuyên (tức Trích Di) thấy vậy, mới chữa hai chữ *Đình ngoan* thành *Tây minh*, và hai chữ *Biếm ngu* thành *Đông minh*.

(1) Xem *Lục Vân Tiên ca diễn*, đ.đ., tr. 2.

(2) *Histoire du Lục Vân Tiên*, bản dịch ra tiếng Pháp của Bajò, xuất bản tại Pa-ri, 1887, tr. 12

Gần đây, khi bàn về nguồn gốc truyện *Lục Vân Tiên*, Hoàng Ngọc Phách, Lê Trí Viễn và Vũ Đình Liên có nói : « *Cứ theo Nguyễn Đình Chiểu thì Lục Vân Tiên nguồn gốc ở một cuốn tiểu thuyết Trung-quốc nhan đề là Truyện Tây minh... Nhưng Truyện Tây minh thì đến nay vẫn chưa biết là có hay không vì những bảng kê tác phẩm trong các sách văn học sử Trung-quốc không thấy đâu nói đến. Cũng có thể là chẳng có cuốn Tây minh nào cả và cốt truyện Lục Vân Tiên là do tác giả dựa vào thân thế mình và những hiểu biết của mình về truyện Nôm của ta và các tiểu thuyết Trung-quốc mà sáng tạo ra » (1).*

Chúng tôi nghĩ nói gì thì nói, vấn đề cần yếu nhất vẫn là phải có thực tế để chứng minh.

Thực ra ở Trung-quốc không phải không có một cuốn « Tây minh » nào. Có đấy ! Lật sách *Từ hải* tìm hai chữ « Tây minh », chúng ta sẽ thấy ngay chú thích : « Tây minh là tên một quyển sách do một người đời Tống tên là Trương Tải soạn... » (2). Bàn về tính chất của sách đó, Chu Hy và Lã Tổ Khiêm trong *Cận tư lục* có viết : « Tây minh là một quyển sách giảng giải về đạo lý, nhằm phát huy những điều mà thánh nhân ngày trước chưa nói tới, cùng một công dụng như những bài bàn về tính thiện, dưỡng khí của Mạnh Tử » (3). Về nội dung sách đó, trong bộ *Trung-quốc thông sử giản biên* có tóm tắt như sau : « Người là con của trời đất. Hễ là người, thì đều là anh em ruột thịt của ta. Vạn vật, đều là bạn bè của ta. Vua là con trưởng của cha mẹ ta (trời đất). Bách quan là những con người giúp việc cho con trưởng (vua).

(1) *Lục Vân Tiên*, Hoàng. Ngọc Phách, Lê Trí Viễn, Vũ Đình Liên bình luận, hiệu đính, chú thích, Bộ Giáo dục xuất bản, Hà-nội, 1957, tr. 10.

(2) Xem từ điển *Từ hải*.

(3) Xem từ điển *Từ hải*.

Bởi vậy tất cả những người khốn khổ dưới gầm trời đều là anh em nghèo khó của ta, phải làm sao cho họ sung sướng» (1).

Nhưng qua đó, chúng ta thấy rằng «*Tây minh*» trước hết không phải là một «*cuốn truyện*» hay một «*cuốn tiểu thuyết*». «*Tây minh*» rõ ràng là một quyển sách thuộc phạm trù đạo đức, triết học. Giả như mở đầu truyện *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu viết: «*Trước đèn xem sách Tây minh*» chẳng hạn, thì chúng ta còn có thể giải thích là nhân đọc sách *Tây minh*, Nguyễn Đình Chiểu liên tưởng đến «*nhân tình có le*» đương thời mà viết nên tác phẩm *Lục Vân Tiên*... Đằng này lại không thế, «*Tây minh*» ở Nguyễn Đình Chiểu rõ ràng là một «*truyện*», một «*truyện*» như truyện *Lục Vân Tiên*...! Chúng tôi nghĩ ở Trung-quốc khó lòng có một «*Truyện Tây minh*» như thế, mà «*Truyện Tây minh*» chính do Nguyễn Đình Chiểu tưởng tượng ra. Nếu đi sâu vào nội dung tác phẩm, chúng ta sẽ thấy rõ điều đó.

Mới đọc *Lục Vân Tiên*, ai không bảo rằng đây là một câu chuyện xảy ra trên đất Trung-quốc! Quận Đông-thành, quê hương của chàng thư sinh họ Lục, nay vẫn còn là một vùng ở tỉnh An-huy. Và đây, quận Tây-xuyên, nơi Kim Liên đã «*đẩy xe cho chị qua miền Hà-khê*», nay là mạn Tây tỉnh Tứ-xuyên... Trường-an, Sóc-phương, Đồng-quan... cũng đều là những tên không xa lạ trên lãnh thổ Trung-quốc. Ngay cả nước Sở với cái triều đại Sở vương... cũng đã từng có trong lịch sử Trung-quốc.

(1) *Trung-quốc thông sử giản biên*, Hoa-đông nhân dân xuất bản, 1950, tr. 1.041.

Nhưng phải nhận rằng càng đi sâu vào câu chuyện, thì bên cạnh những cái « có thật » ấy, chúng ta lại còn thấy bao nhiêu cái « không có thật », bao nhiêu cái mà ở Trung-quốc rất khó lòng tìm thấy. Làm sao biết được Ô-mi, Hàn-giang, Loan-minh... là những quận huyện thuộc nơi nào? Làm sao định rõ được Thương-tòng, Ô-sào là những núi ở đâu? Nếu *Lục Vân Tiên* quả là một cuốn truyện bắt nguồn từ Trung-quốc, thì bên cạnh những địa danh có thật, hà tất phải thêm vào một số địa danh hư cấu? Có thể nói đây là một trường hợp rất ít thấy ở tiểu thuyết Trung-quốc.

Càng khó giải thích hơn, nếu chúng ta đặt những cuộc hành trình của một số nhân vật trong truyện lên bản đồ Trung-quốc. Cứ theo cốt truyện, thì Vân Tiên vốn người quận Đông-thành thuộc tỉnh An-huy. Chàng từ biệt thầy dạy về kinh đô Trường-an (nay thuộc Thiểm-tây) để thi hội. Trong lúc đó thì Nguyệt Nga vàng lệnh Kiều công từ Tây-xuyên sang Hà-kê (có lẽ không cách Tây-xuyên là mấy) để định bề « nghi gia ». Tây-xuyên và An-huy xa cách nghìn trùng, đường đi của Vân Tiên và Nguyệt Nga cũng thật là chênh lệch. Ấy thế mà không hiểu sao họ lại có thể gặp nhau, để chàng « tả đột hữu xung » cứu nàng thoát nạn!

Ngày đặt chân lên đất kinh đô, Vân Tiên bỗng nghe tin mẹ mất. Chàng hồi hã từ Trường-an trở về An-huy. Đường đi của chàng lẽ ra phải là đường sông hay đường bộ. Nhưng ở đây lại không thế, Vân Tiên đã về quê bằng đường biển:

Cánh buồm bao quản gió xiêu,

Ngàn trùng biển rộng, chín chiều ruột đau.

Người đọc sẽ phân vân tự hỏi: biển ở đâu đây? Từ Thiểm-tây về An-huy, làm sao lại có thể đi bằng đường biển?

Về sau này, khi Nguyệt Nga bị tên thái sư trong triều xúc xiêm, phải cống sang nước Ô-quá, chúng ta lại gặp một trường hợp tương tự như thế nữa. Ai Đồng-quan, nơi ranh giới giữa Hán (Trung-quốc) và Hồ (đây chỉ Ô-quá) vốn nằm trên địa phận Thiểm-tây. Từ Trường-an đến đó, rõ ràng là đi trên đất liền. Thế mà không hiểu sao trên bước đường dần xa cố quốc của Nguyệt Nga, người đọc vẫn thấy có mệnh mông biển cả, có sóng nước dạt dào :

Buồm trương, thuyền vội tách vờ,
Các quan đưa đón người người đứng trông.
Mười ngày đã tới ải Đồng,
Mệnh mông biển rộng, đùng đùng sóng xao.

Đó là những điểm khó giải thích khi chúng ta muốn theo dõi bước chân của một số nhân vật trong truyện. Nhưng những điều « nan giải » ở *Lục Vân Tiên* không phải chỉ có chừng ấy. Ngoài lĩnh vực không gian ra, nếu xét thêm về mặt thời gian, chúng ta vẫn thấy trong tác phẩm còn một số vấn đề nữa.

Vấn theo cốt truyện, thì Vân Tiên là một người nước Sở, một nước chỉ xuất hiện trong lịch sử Trung-quốc từ thời Chu đến thời Tấn. Thế mà Vân Tiên lại có thể cùng bạn là Hồn Minh đi dẹp giặc Ô-quá, một bộ tộc nhỏ mà mấy trăm năm sau, nghĩa là mãi đến thời Tam-quốc mới thấy xuất hiện ở miền Nam Trung-quốc (trong *Tam quốc chí* có chép chuyện Khổng Minh đi đánh Ô-quá).

Ông Quán trong câu chuyện cũng vậy. Khi cùng Vân Tiên, Tử Trục, Bùi Kiệm, Trịnh Hàm đàm đạo về việc đời, ông đã dẫn ra khá nhiều sự tích. Nào chuyện « Nghiêu Thuấn thuở xưa, khó ngăn Sào Phủ, khôn ngừa Hứa Do... », nào chuyện « Ghét đời Kiệt Tru mê đắm,

đề dân đến nỗi sa hầm sây hang... ». Một người ở nước Sở như ông mà nhắc đến những chuyện xảy ra từ thời Chiến-quốc trở về trước thì không có gì là lạ. Nhưng người đọc tránh sao khỏi ngỡ ngác khi thấy ông bắt đầu đề cập đến chuyện Gia Cát thời Tam-quốc, chuyện Hàn Dũ thời Đường, thậm chí cả đến chuyện Trần Đoàn thời Tống... Những chuyện mà bất cứ ai sống dưới triều Sở vương như ông đều chưa thể biết được!

Còn có thể nêu ra nhiều trường hợp không ăn khớp về không gian và thời gian như thế nữa. Giải thích như thế nào hiện tượng đó? Vì là hư cấu chăng? Vì là trình độ của người viết hạn chế chăng? — Chúng tôi nghĩ đều không phải. Đáng là không phải! Không ai phủ nhận khả năng hư cấu trong một tác phẩm văn học. Song những vấn đề chúng ta vừa phân tích trên rõ ràng không thuộc phạm vi hư cấu. Chỉ có thể nói đó là những sai lệch đến vô lý giữa thực tế trong truyện và thực tế ngoài xã hội, những sai lệch mà bất cứ một người Trung-quốc nào viết truyện về đất nước họ đều ít khi vấp phải. Điều ấy chứng tỏ rằng ở Trung-quốc vốn không có một *Truyện Tây minh* nào như vậy, càng không thể có một tác giả Trung-quốc nào viết ra một *Truyện Tây minh* như vậy.

Nhưng nói thế không có nghĩa là truyện *Lục Vân Tiên* của ta đã dựng lên bằng cách «lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia». Không, hoàn toàn không có nghĩa ấy! Những tên Đông-thành, Tây-xuyên, Trương-an, Sóc-phương, Sở vương, Ô-qua... sở dĩ tìm thấy ở Trung-quốc, chẳng qua là do tác giả tự ý lựa chọn, hoặc do sự trùng hợp ngẫu nhiên. Những tên ấy ít nhiều đều mang tính chất tượng trưng như một số tên khác trong truyện *Lục Vân Tiên*, một số tên mà bản thân nó đã «chạnh minh» rằng truyện *Lục Vân Tiên* không phải là tác phẩm của

Trung-quốc. Huyện Loan-minh, đất Ô-mi, núi Ô-sào, nguyên nhúng Cốt Đột... đều là những thí dụ khá cụ thể.

Đến đây, chúng ta có thể chắc chắn rằng mấy chữ «Truyện Tây minh» là do Nguyễn Đình Chiểu tự đặt, Truyện Lục Vân Tiên là do Nguyễn Đình Chiểu tự sáng tạo. Và nguồn gốc của tác phẩm có lẽ cũng chẳng phải tìm ở đâu xa, mà hãy quay về với thực tế Việt-nam thời Nguyễn Đình Chiểu với cả cuộc đời và tâm tư tình cảm của tác giả.

Thật vậy, đọc lên hai câu thơ sau — có thể nói là hai «hồi trống mở màn» cho truyện *Lục Vân Tiên* — mà sao bên tai ta cứ như vẳng nghe tiếng trống của thời đại :

*Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

Xã hội Việt-nam sau nhiều biến cố cuối Lê đầu Nguyễn mọi đạo lý cương thường của chế độ phong kiến trở nên rối bời bời. Nho giáo bất lực, lòng người ngờ ngác... Từ Gia Long cho đến Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, các triều vua nhà Nguyễn đấp đổi nhau chống đỡ lại ngôi nhà phong kiến vốn đã cột dò tường xiêu. Nhiều nhà Nho cũng cảm cảnh «chợ chiều sắp tan» ấy, phần thì lo cho đạo học suy vi, phần thì lo cho tiền đồ đen tối, đã bằng cách này hoặc cách khác đề cao «trung», «hiếu», «tiết», «nghĩa» để giáo dục người, nhưng cũng là đề động viên mình. Tiếp sau *Nhị độ mai*, *Nhị thập tứ hiếu*, phải chăng truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu cũng đã ra đời vì lý do như thế?

Nhưng truyện *Lục Vân Tiên* được viết ra, chắc chắn không phải chỉ vì lý do ấy. Ở truyện *Lục Vân Tiên*, chúng ta còn thấy phần lớn cuộc đời với hoài vọng cứu nước giúp dân của nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu.

Có người nói *Vân Tiên* là hiện thân của tác giả. Nhận định đó rất đáng chú ý. Cũng như Nguyễn Đình

Chiều, Vân Tiên theo đòi nghiên bút từ tấm bé. Nếu ở Nguyễn Đình Chiều, tinh thầy trò là một cái gì rất thiêng liêng — sau khi thầy dạy mất, Nguyễn Đình Chiều vẫn thường cúng giỗ thầy — thì ở Vân Tiên, tinh sư đệ cũng rất chân thành, sâu sắc. Chẳng thế mà sau ngày học đã thành tài, phải từ biệt thầy về kinh thi hội, bước chân chàng đã ngập ngừng vì vấn vương thương nhớ :

*Ra đi vừa rạo chán trời,
Ngùi ngùi nói lại nhớ nơi học đường.
Tiên rằng thiên các nhất phương,
Thầy đeo đoạn thắm, tớ vương mối sầu.*

Con đường trầy kính của chàng, con đường đầy sóng gió, hiểm nguy, sao cứ phẳng phất như con đường ghe bầu từ trong Nam ra Huế, con đường đi thi của Nguyễn Đình Chiều :

*Ra đi tách dăm bàng chùng,
Gió Nam rày đã đưa xuân qua hè.*

(Ngày đi)

*Cánh buồm bao quản gió xiêu,
Ngàn trùng biển rộng, chín chiều ruột đau.*

(Ngày về)

Rồi tiếp đến là chuyện bỏ thi về hộ tang mẹ, chuyện khóc mẹ đến nỗi hai mắt bị mù, chuyện một nhà phú hộ lật lọng không giữ lời hứa gả con gái cho..., tất cả là của Vân Tiên, nhưng cũng là của Nguyễn Đình Chiều. Hai mẫu đời, hai cảnh ngộ cứ theo nhau như bóng với hình, tuy hai mà một...

Có điều là mắt Nguyễn Đình Chiều đã mù không thể sáng lại được, bước đường công danh sự nghiệp cũng vì thế phải dở dang. Nhưng nếu trong cuộc đời thực

của mình, cái mù lòa đã bẻ gãy ước mơ, thì trong cuộc đời tưởng tượng, Nguyễn Đình Chiểu đã cho Vân Tiên sáng lại mắt, để đi thi, để đỗ trạng nguyên, để dẹp giặc trừ gian, cứu dân độ thế, để cùng người yêu chung thủy chấp lại mối tơ duyên... Có thể nói Vân Tiên đã tiếp tục thực hiện ước mơ của Nguyễn Đình Chiểu.

Tất cả những điều phân tích trên đây phải chăng là những nguyên nhân đã thôi thúc tác giả viết nên truyện *Lục Vân Tiên*, một truyện *Lục Vân Tiên* hoàn toàn do Nguyễn Đình Chiểu tự sáng tạo.

Câu « Trước đèn xem Truyện Tây minh » có lẽ nên hiểu là một lối viết của người xưa hơn là một câu nói trăm phần trăm đích thực. Cũng như Tào Tuyết Cần, tác giả bộ tiểu thuyết Hồng lâu mộng, đã từng nói tác phẩm của mình là viết theo cuốn Tình tăng lục, mà Tình tăng lục là chép từ Thạch đầu ký... Nhưng thực ra thì chẳng có một Tình tăng lục nào, mà cũng chẳng có một Thạch đầu ký nào !

Chúng tôi nghĩ rằng nếu cứ vin vào ba chữ *Truyện Tây minh* để cố tìm cho ra một tác phẩm nguồn gốc của truyện *Lục Vân Tiên*, thì biết đâu lại chẳng là đi loay hoay với một bài toán mà vốn nó không có đáp số, giải đến lúc nào xong !

∴

Tuy vậy, hai chữ « Tây minh » ở đây cũng không phải ngẫu nhiên mà có. Theo chúng tôi thì Nguyễn Đình Chiểu dùng hai chữ ấy là với một ý nghĩa riêng, có liên quan đến cảnh ngộ của một kiếp người mù lòa, long đong trong cuộc sống ba chìm bảy nổi...

Như trên kia đã từng dẫn, trong hai chữ « Tây minh », Trần Nguyễn Hành hiểu « minh » nghĩa là « khắc », viết

theo chữ Hán là 铭. Còn Aben dè Misen thì hiểu « minh » nghĩa là « sáng », viết theo chữ Hán là 明. Nhưng theo chúng tôi, thì « minh » nghĩa là « tăm tối », viết theo chữ Hán là 冥 (1). —

Với cách lý giải như thế, chúng ta có thể đi tìm ý nghĩa của hai chữ « Tây minh ». Trong bài *Nguyệt phú* của Tạ Trang người thời Nam Bắc triều (Trung-quốc) có câu : « *Tự nhược anh u Tây minh* », nghĩa là « Trông tiếp hoa nhược ở chốn Tây minh ». « Hoa nhược » ở đây chỉ « mặt trăng », và « Tây minh » ở đây theo sách *Từ hải* là chỉ « Muội cốc ».

Nhưng « Muội cốc » là gì ? Trong thiên *Nghiêu diên* của *Kinh thư* có câu : « *Phân mệnh Hòa Trọng trại tây, viết Muội cốc* », nghĩa là « vua Nghiêu sai Hòa Trọng đến ở phương Tây, nơi ấy gọi là Muội cốc ». Bên cạnh có, chú thích : « Phương Tây nơi mặt trời lặn gọi là *Muội minh chi cốc* (hang tối tăm), Cốc là đường hang mặt trời xuống. Mỗi khi mặt trời chui vào đấy, thì cả thiên hạ đều tăm tối, bởi vậy nên gọi nơi mặt trời lặn là *Muội cốc* (hay *Tây minh*) tức là *Hang tăm tối...* ».

Đến đây, chúng ta có thể hiểu câu phú của Tạ Trang ở trên kia là « Đem mặt trăng trông ở hang tăm tối » (để nối tiếp mặt trời soi sáng thế gian), và câu thơ « Trước đèn xem truyện Tây minh » ở tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu có thể hiểu là « đem ngọn đèn soi sáng nơi tăm tối », « đèn » đây là đèn « đạo lý », đèn « hiếu, trung, tiết, hạnh », và « nơi tăm tối » đây là cuộc sống đương thời.

(1) Trong các bản chữ nôm hiện còn, người ta đều viết « minh » nghĩa là « khắc ». Nhưng điều đó không quaу hệ, vì Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Lục Vân Tiên* trong khi hai mắt đã mù, phải đọc cho kẻ khác chép. Trong hoàn cảnh đó, chữ « minh » này rất có thể bị chép nhầm thành chữ « minh » kia.

cuộc sống « nhân tình éo le », cuộc sống đã dồn nhà thơ vào cảnh đui mù, và cũng chính vì đui mù mà trước mắt nhà thơ, nó chỉ còn là một cõi « Tây minh », một « hang tăm tối » !

Giữa lúc tuổi đời đang phơi phơi, đang tràn đầy hi vọng và ước mơ thì cái mù lòa bỗng dưng sầm sập tới. Có thể nói trong tâm hồn nhà thơ, sự mù lòa tăm tối đã trở thành một vết sẹo quá to, và rồi nó cứ đeo đuổi, ám ảnh bên mình như một món « nợ đời », một thứ « nghiệp chướng » không tài nào rẫy đi được. Chính vì vậy mà sau khi mù, Nguyễn Đình Chiểu đã lấy thêm hiệu là « *Hối Trai* » (ngồi nhà tối), và trong tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Chiểu hay nhắc nhiều đến cái đui, cái mù, cái tăm tối !

Trong truyện *Lục Vân Tiên*, nhân vật chính của Nguyễn Đình Chiểu đã từng là một anh chàng mù, và phải mất bao năm sống trong tăm tối mới thấy lại ánh sáng. Trong *Ngư Tiều vấn đáp*, Kỳ Nhân Sư cũng là một nhân vật mù, chỉ khác Vân Tiên ở chỗ là ông tự làm cho mình mù vì không muốn nhìn thấy cuộc đời ngang trái, không muốn thấy cảnh đất nước bị chia cắt và nhất là không muốn hợp tác với địch, nên ông đã tự xong hai mắt cho đui...

Người thi đang hăm hở trước cuộc sống, hai mắt bỗng đăm ra mù. Người thi bất mãn với cuộc sống, tự xong hai mắt cho đui... Tóm lại, dù thuộc nhiều loại hình khác nhau, nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu vẫn lắm duyên nợ với sự đui mù tăm tối. Đặc biệt ở bài *Du sĩ độc Nhân Sư thi* sau đây trong tác phẩm *Ngư Tiều vấn đáp*, có thể nói là cái đui mù tăm tối được tập trung biểu hiện với mức độ cao nhất :

Xe ngựa lao xao giữa cõi trần.
Biết ai thiên tử biết ai thần ?
Nhạc Thiền tiếng dứt khôn trông phụng ;
Sử Lỗ biên rồi khó thấy lân !
Khỏe mắt Hi, Di trời ngũ quý :
Một lòng Gia Cát đất tam phân.
Cống danh chi nữa, ăn rồi ngủ,
Mặc lượng cao dày xử với dân !

Chứng ấy dẫn chứng có lẽ đủ cho phép chúng ta dừng lại đây với kết luận : hai chữ « Tây minh » trong tác phẩm Lục Vân Tiên đã được Nguyễn Đình Chiểu dùng với một ngụ ý riêng, có liên quan đến cảnh ngộ của một kiếp người mù lòa, long đong trong cuộc sống bấp bênh nổi...

7-1963

LUỘC KHẢO VỀ HAI TÊN SÁCH
« TRUYỆN TÂY MINH » VÀ
« TRUYỆN TAM CÔNG »

HOÀNG GIẬT CẦU

NĂM nay (1972) là năm kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu (1822—1888), nhà thơ yêu nước lớn của Việt-nam. Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và Mặt trận giải phóng miền Nam Việt-nam đều cử hành lễ kỷ niệm trọng thể cuộc đời vẻ vang của nhà thơ; kêu gọi nhân dân kế thừa truyền thống tốt đẹp của nhà thơ, đoàn kết nhất trí để đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp vĩ đại là đánh đổ hoàn toàn tập đoàn Mỹ — nguy.

Sáng tác thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu có rất nhiều. Nhưng trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị, nhiều tác phẩm đã bị vùi dập, cấm đoán, nhất là thơ văn yêu nước chống Pháp, mai một càng nhiều. Chỉ có sau Cách mạng tháng Tám, những tác phẩm sáng ngời của Nguyễn Đình Chiểu mới được coi trọng và nghiên cứu nghiêm túc, mới khiến nhà thơ khôi phục lại địa vị cao cả vốn xứng đáng của mình.

Mấy năm nay, nhờ những cố gắng của những người làm công tác nghiên cứu văn học Việt-nam, công việc sưu tập, chỉnh lý, nghiên cứu, xuất bản những tác phẩm có liên quan đến Nguyễn Đình Chiểu đã đạt được nhiều thành tích lớn. Song đến nay, cũng còn một số vấn đề về mặt khảo đính vẫn chưa có kết luận nhất trí, phải chờ đợi nhiều người đi sâu tìm tòi hơn nữa.

Gần đây, một điều khiến cho giới nghiên cứu chú ý, tìm tòi là tên gọi và nội dung của hai cuốn sách khá xa lạ mà Nguyễn Đình Chiểu nhắc tới trong hai sáng tác quan trọng là *Lục Vân Tiên* và *Ngư Tiên y thuật vấn đáp* (gọi tắt là *Ngư Tiên vấn đáp*). Ở phần mở đầu của hai tác phẩm này, tác giả đều nói rõ ông sáng tác được nhờ có tác phẩm của người trước gọi ý.

Truyện thơ Việt-nam có thói quen truyền thống là mở đầu có vài lời dẫn, cũng như lối « vào chuyện », « mở đầu » của tiểu thuyết và chuyện kể Trung-quốc. Lời dẫn này đặt trước chính văn, có tác dụng dắt dẫn tới chính văn, hoặc khái quát chính văn, có mối liên hệ chặt chẽ, nội tại và hữu cơ đối với chính văn. Vì thế, nghiên cứu rành mạch những lời dẫn có tính chất mở đường, làm sáng nghĩa đó, là một mẫu chốt quan trọng trong việc tìm hiểu toàn bộ truyện thơ.

..

Truyện thơ *Lục Vân Tiên* có 2080 dòng, lời dẫn mở đầu như sau:

*Trước đèn xem tuyện Tây minh,
Gấm cười hai chữ nhân tình éo le.*

Ở đây cần nói là *Truyện Tây minh* có thể dịch thành 西明传 hoặc 西冥传. Chúng tôi cho rằng dịch như thế chỉ cốt lấy âm, không có nội dung cụ thể.

không có căn cứ thực sự và lại càng không đủ để nói rõ mối quan hệ giữa lời dẫn với toàn truyện. Dựa vào biểu hiện tư tưởng cụ thể trong tác phẩm, kết hợp với sự khảo sát toàn diện thế giới quan của tác giả, chúng tôi cho rằng *Truyện Tây minh* nên dịch là 西铭传 mà nói đơn giản là bài *Tây minh* 西铭 của Trương Tải nhà lý học đời Tống ở Trung-quốc.

Trương Tải (1020 — 1077) tự Tử Hậu, người trấn Hoành-cử, huyện My, tỉnh Thiểm-tây. Lúc bấy giờ, Tây Hạ hay sang quấy nhiễu vùng biên giới, nhà Tống đem quân chống cự, khi bại khi thắng. Do ảnh hưởng của thời cuộc, từ thuở niên thiếu, Trương Tải đã thích bàn về binh pháp. Năm 21 tuổi, ông từng dâng thư kiến nghị về việc binh lên Phạm Trọng Yêm, phó sứ coi việc chiêu phạt ở Thiểm-tây, kiêm tri huyện Diên-châu. Trọng Yêm cổ vũ ý chí đó, khuyến khích ông lập thân trong học thuật, chớ mong ông đi xa hơn nữa, và khích lệ ông nghiên cứu triết học Nho gia.

Trương Tải ôm ấp lý tưởng lớn lao là « lập tâm cho trời đất, lập cực cho sinh dân, nối tiếp môn học đã đứt đoạn của các bậc tiên thánh, mở đời thái bình đến vạn thế » (1) trong khi tiến hành công tác nghiên cứu. Niên hiệu Gia Hựu năm thứ hai đời Tống Nhân tông, Trương Tải đậu tiến sĩ, rồi được bổ nhiệm những chức như huyện lệnh Vân-nham, thư ký Viện Sùng văn... Chẳng bao lâu, ông thác bệnh xin từ chức, về nhà dạy học, người thời bấy giờ gọi ông là Hoành Cử tiên sinh. Ông và những nhà lý học nổi tiếng đương thời như Chu

(1) Xem *Hoành Cử học án* trong *Tống Nguyên học án*. Nguyên văn là: « Vị thiên địa lập tâm, vị sinh dân lập cực, vị tiên thánh kế tuyệt học, vị vạn thế khai thái bình ». Tạm dịch (ND). Những chú thích không ghi N.D. là của tác giả.

Đông Di (Liêm Khê), hai anh em Trình Hiệu, Trình Di ở Lạc-dương, Chu Hy ở Phúc-kiến, đều dựng lên những lá cờ riêng, và trở thành những bậc có uy quyền trong giới triết học. Vì ông là người ở Quan-trung nên học phái của ông được gọi là « Quan học » (1). Bốn học phái lớn Liêm, Lạc, Quan, Mân đã nổi tiếng một thời trong lịch sử triết học Trung-quốc.

Tây minh là một đoạn văn chủ chốt trong sách *Chinh móng*, một trước tác triết học của Trương Tải (2). Chu Hy chú giải cho đoạn văn này, tách riêng ra thành một bài và công nhận mốc cao nhất trong triết học của Trương Tải chính là bài *Tây minh*. Đương thời Trình Di khen bài này là trước tác quan trọng nhất của nhà nho sau sách *Mạnh Tử*. Còn so với bài *Nguyên đạo* của Hân Dũ thì có thể nói bài này là « tổ tông của *Nguyên đạo* » (3). Đó là vì lý tưởng nhà nho được phát huy trong *Nguyên đạo* còn xa mới đạt tới đỉnh cao như *Tây minh*. Chu Hy chú thích cho bài *Tây minh*, « lại nói kỹ về bài này, hết sức đi sâu phát triển, đặt ngang với *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*, *Ngũ kinh* ». Thế là vị trí của *Tây minh* càng cao, trở thành một trong những kinh điển quan trọng cho nhà nho đời sau nghiên cứu, học tập.

Hiển nhiên, Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho. Việc đi thi, dạy học, nghiên cứu kỹ binh lược, chí hướng bình sinh của ông, một phần nào đó khá giống Trương Tải. Còn nội dung những sáng tác chính của ông có thể nói là hoàn toàn nhất trí với tinh thần nhân, hiếu của nhà nho mà *Tây minh* đề xướng. Cho nên, *Tây minh* mà

(1) Quan-trung tức Thiểm-tây ngày nay.

(2) Xem *Tây minh tổng luận* trong *Quan Liêm tam thư*.

(3) Xem lời tựa của Vương Thực trong sách trên.

truyện *Lục Vân Tiên* nói đến trong mấy câu dẫn quyết không thể do tưởng tượng mà ra. Hiện nay, chúng ta chưa phát hiện được tác phẩm nào là truyện *Tây minh* (西明 hoặc 西冥) nên chỉ có thể là *Tây minh* 西铭 của Trương Tải và chúng ta có thể chứng minh đúng là như vậy được.

Và lại trong bài *Tây minh*, Trương Tải đã miêu tả một cách hình tượng một số nhân vật điển hình cho nhân, hiếu của nhà nho: «Ố chỉ tửu, Sùng bá tử chi cố dưỡng; dục anh tài, Dĩnh phong nhân chi tích loại» (Đại Vũ không uống rượu ngon, nuôi dưỡng được bản tính; Dĩnh Khảo Thúc bồi dưỡng anh tài, làm ơn cho bè bạn). Trong bài này còn có nhiều nhân vật tiêu biểu cho nhân, hiếu với cá tính khác nhau, làm mẫu mực học tập cho nhà nho như Ngũ Thuấn, Thân Sinh, Tăng Sâm, Doãn Bá Kỳ, v.v... Ở *Lục Vân Tiên*, những nhân vật chính diện được xây dựng với cả tấm lòng như ông Quán với lời bệch bạch lý tưởng của ông, đã chẳng khác những bậc thánh triết đời xưa mà *Tây minh* ca tụng chút nào. Ông Quán nói:

Thương là thương đức thánh nhân,

Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khuông.

Thương thầy Nhan Tử dở dang,

Ba mươi một tuổi, tách đàng công danh.

Thương ông Gi (Cát) tài lãnh,

Gặp con Hàn mạt đã đành phôi pha,

Thương thầy Đồng Tử cao xa,

Chỉ đà có chí, ngồi mà không ngồi.

Thương người Nguyễn Lượng ngồi ngồi.

Lỡ bề giúp nước, lại lui về cây.

Thương ông Hàn Dũ chẳng may,

Sớm dâng lời biếu, tối đày đi xa.

Thương thầy Liêm, Lạc đã ra,

Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân.
 Xem qua kinh sử mấy lần,
 Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương.

So sánh như vậy, chúng ta thấy rằng không phải ngẫu nhiên mà tác giả mượn lời ông Quán để trực tiếp nói lên những điều mà các « thầy Liêm, Lạc » hết sức ngưỡng mộ. Đồng thời chúng ta thấy ngay rằng mục đích sáng tác của *Lục Vân Tiên* và *Tây minh* là giống nhau. Sự xuất hiện những nhân vật chính diện trong *Lục Vân Tiên* thực ra là sự tái hiện và mở rộng những nhân vật trong bài *Tây minh* mà thôi. Nhân vật trong toàn truyện *Lục Vân Tiên* có lúc lên lúc xuống, song kết cục câu chuyện thì hoàn toàn phù hợp nhất trí với kết luận « phú quý, phúc trạch, tương hậu ngô chi sinh dã; bản tiện, ưu thích, dung ngọc nhữ vu thành dã. Tôn, ngô thuận sự; một, ngô ninh dã » (1) được nêu ra trong bài *Tây minh*.

Còn như gọi *Tây minh* là *Truyện Tây minh*, chẳng qua là xem *Tây minh* như « thánh kinh hiền truyện », chứ không hề có ý nghĩa gì khác (2).

(1) Đại ý nói rằng : giàu sang phúc trạch là giúp cho cuộc sống của ta ; nghèo hèn gian khổ là trời yêu mến ta, rèn luyện ta, giúp ta đạt được thành tựu. Khi còn sống, ta làm việc thuận theo chính nghĩa; nếu có chết đi, ta sẽ điềm nhiên thanh thân. Đây là tinh thần tích cực tiến thủ của nhà Nho.

(2) Chữ « truyện », theo cách dùng quen thuộc, có thể chỉ chung sách cổ, sách kinh điển, truyền thuyết, truyện ký đời xưa, v.v... Chẳng hạn :

Chương *Lương Huệ vương* trong sách *Mạnh Tử* :

« Vua Tề Tuyên vương hỏi rằng : Vườn của vua Văn vương vuông 70 dặm, có việc đó không? Mạnh Tử thưa : Trong truyện có nói như vậy ». Ở đây, « trong truyện có nói như vậy » có nghĩa là « trong sách cổ có ghi chép như vậy ».

(« truyện » chỉ sách cổ.

Lại như :

.

Từ những luận chứng nói trên, đến đây, không nghi ngờ gì nữa, chúng ta có thể nói dứt khoát rằng: *Tây minh* của Trương Tải thực sự là chỗ dựa cho Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Lực Văn Tiên*.

Scc

∴

Ngoài ra, trong lời dẫn bài thơ dài *Ngư Tiều vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu có nhắc tới tên một cuốn sách ít thấy khác :

Ngày nhàn xem Truyện Tam công

Thuong người hiền sĩ sinh không gặp thời (1).

Tác giả đã nói rõ động cơ sáng tác của mình: nhân *Truyện Tam công* gợi ý mà viết nên *Ngư Tiều vấn đáp* với 1.821 câu thơ. Vậy *Truyện Tam công* là một tác phẩm như thế nào?

Trước hết, chúng ta biết rằng Nguyễn Đình Chiểu, cũng như những nhà nho nổi tiếng khác trong lịch sử, « tinh thông kinh sử » là cơ sở duy nhất để họ nghiên cứu học thuật rồi đem thi thố với đời. Chịu sự hạn chế của điều kiện thời đại và của thế giới quan, trước tác

Liệt truyện Lý tướng quân trong *Sử ký*: « ? truyện nói rằng: người ngay thẳng thì không có lệnh vẫn làm; người không ngay thẳng, tuy có lệnh vẫn chẳng làm ». « Truyện » ở đây là Tư Mã Thiên trích trong thiên *Tứ Lộ*, sách *Luận ngữ*. « Truyện » chỉ sách kinh điển.

Nhà nho công nhận *Tây minh* ngang như *Luận ngữ*, gọi là *Truyện Tây minh*, như thế là hoàn toàn nọp với thói quen hành văn.

(1) Tác giả dịch là « hiền tài sinh hận bất đồng thời », nghĩa là « gian không được sinh cùng thời với người hiền tài ». Sau đây chúng tôi đề nguyên cách dịch đó của tác giả (ND).

của họ, việc làm của họ đều lấy thánh hiền đời xưa làm mẫu mực, đó là quy định tất nhiên.

Nguyễn Đình Chiểu còn yêu thích và hiểu biết sâu sắc về cuốn *Sử ký* của Tư Mã Thiên. Ông thường cho nhân vật trong tác phẩm dẫn chứng điển cố trong *Sử ký* để nói lên chí hướng của mình và phần nhiều là viện dẫn sự thực lịch sử để gửi gắm nỗi lòng của mình. Chẳng hạn : « Xem qua kinh sử mấy lần, nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương » (*Lục Vân Tiên*) ; « Nhạc Thiều tiếng dứt khôn trông phụng, sử Lỗ biên rồi khó thấy lân » (*Ngư Tiều vấn đáp*) ; « Ai rằng chân Lộc mẹ Ngu Thuấn, ta nhớ sông Tuy giải Hán Cao » (*Trời bão*) ; « Nỡ để dân đen chìm đắm mãi, này ông Hạ Vũ ở đâu ôi » (*Nước lụt*).... Những điển cố này vốn có ở những thiên *Ngũ đế bản kỷ*, *Hạng Vũ bản kỷ*... của sách *Sử ký*. Trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, ở nhiều chỗ, ta đều có thể thấy được dấu vết của việc dẫn chứng *Sử ký*.

Nguyễn Đình Chiểu thành thuộc *Sử ký* chẳng phải chỉ vì ông thích thưởng thức văn chương trác tuyệt thiên cổ ấy, mà quan trọng hơn là ông hết sức kính trọng và đồng tình với cảnh ngộ và trước tác của Tư Mã Thiên. Trong bài *Tự đề tựa*, Tư Mã Thiên nói : « Xưa Tây Bá bị tù ở Dữu-ly nên diễn giải *Chu dịch* ; Khổng Tử gặp nạn ở đất Trần, đất Thái nên viết *Xuân thu* ; Khuất Nguyên bị đày, viết *Ly tao* ; Tả Khâu Minh bị mù làm *Quốc ngữ* ; Tôn Tấn bị chặt chân thì bàn binh pháp ; Lã Bất Vi bị đày sang Thục thì đời truyền lại sách *Lã lãm* ; Hàn Phi bị tù ở Tần làm những thiên *Thuyết nan*, *Cổ phãn* ; ba trăm bài *Kinh thi* phần lớn đều do thánh hiền làm ra để giải bày nỗi phần uất. Những người ấy đều vì có những điều uất ức, không thực hiện được đường lối của mình, cho nên thuật lại việc đã qua để suy nghĩ

về việc sắp tới. Do đó bèn soạn thuật cho xong từ thời Đào Đường cho đến năm được làm thì dừng ».

Tư Mã Thiên viết *Sử ký* vì « trong lòng có những điều bất ực, không thực hiện được đường lối của m.nh », cho nên ông dốc hết tinh lực « làm ra để giải bày nỗi phân uất ».

Cảnh ngộ trong cả cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là : nước mất, nhà tan, mù lòa, lắm bệnh, lưu lạc gian truân... Không nghi ngờ gì nữa, tác phẩm của ông cũng viết ra vì « có những điều uất ực », « để giải bày nỗi phân uất ». Cho nên, ông đồng tình và kính trọng Tư Mã Thiên là điều hoàn toàn có thể hiểu được.

Ngoài ra, Nguyễn Đình Chiểu hay trích dẫn những nhân vật điển hình trong kinh sử và những luận điểm chính diện, kết hợp với chính trị và hiện thực xã hội rồi đi sâu phát triển bằng hình thức văn nghệ. Lối sáng tác *Lục Vân Tiên* là như vậy; cách viết *Ngư Tiều vãn đáp* cũng không ngoại lệ.

Dựa vào khuynh hướng sáng tác và thủ pháp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta hoàn toàn có thể tìm ở *Sử ký* nguồn gốc của *Truyện Tam công* mà lời dẫn trong *Ngư Tiều vãn đáp* nói đến.

Phần *Ấn bản kỷ* trong *Sử ký* chép : « Thang thắng Hạ... Thang bèn lên ngôi thiên tử, bình định trong nước... Tháng ba, vua Thang thân đến Đông-giao, tuyên cáo với các vua chư hầu rằng : Ngày xưa vua Vũ và ông Cao Dao vất vả mãi vì công việc bên ngoài, hai ông có công với dân nên dân mới được yên ổn. Phía đông khơi sông Trường-giang, phía bắc khơi sông Tể, phía tây khơi sông Hoàng-hà, phía nam khơi sông Hoài. Bốn con sông này tu sửa xong, muôn dân mới được ở yên. Hậu tặc gieo giống trồng trọt trăm thứ lúa. Ba ông đều có công với dân, vì thế các vua chư hầu mới được lập nên ».

Đây là đoạn ghi chép lịch sử nói về việc vua Thang nhà Thương lên ngôi thiên tử, diệt Hạ Kiệt, khuyên bả bề tôi phải học tập gương lập công vì dân của « tam công » thời Thuấn. Vua Thang nêu ra rằng thời đế Thuấn « từng dùng Vũ làm tư không, chỉnh đốn công việc trị thủy, khiến dân được an cư; dùng Khi làm chức hậu tể, gieo trồng trăm thứ lúa, khiến dân thoát khỏi đói rét; dùng Cao Dao làm chức sĩ, phát triển giáo hóa, quy định hình pháp, làm cho thiên hạ được yên, ngoại tộc sợ phục » (1). Vua Thang khuyến khích bề tôi học tập ba nhân vật vĩ đại đó. Vì vậy « tam công » thời Thuấn là thần tượng được sùng kính trong kinh điển nhà nho thời xưa, và đương nhiên cũng là những thánh hiền mà Nguyễn Đình Chiểu ngưỡng mộ.

Nhân xem *Truyện Tam công*, Nguyễn Đình Chiểu thở than mình « không được sinh cùng thời ». Rồi ông cặm cúi viết *Ngư Tiều vấn đáp*, gửi gắm tâm tình uất hận của ông. Ông dốc hết tinh cảm sời nổi ưu thời mãn thế, cứu giúp dân sinh vào tác phẩm của mình. Tác phẩm của ông được rất nhiều người truyền tụng, chẳng những được coi là sách giáo khoa về y thuật, mà quan trọng hơn là đã trở thành món ăn tinh thần cho nhân dân trong công cuộc chống xâm lược. Do đó, giá trị của tác phẩm không vì thời gian mà nhòa đi ánh sáng chói lọi.

Cuối cùng, tôi muốn nói về cách đặt tên sách *Ngư Tiều vấn đáp* (Nguyễn Đình Chiểu tuy có chêm vào giữa tên sách hai chữ « y thuật », ý nghĩa vì thế có khác đi chút ít, nhưng từ đầu chí cuối, ngư tiều vẫn là cốt lõi của toàn bộ cuốn sách).

Theo sách cổ của Trung-quốc ghi chép thì ngư, tiều đều là hình tượng được mọi người yêu mến và đồng

(1) Xem *Nghiêu điển* trong *Kinh thư*.

ting. Trong những thiên *Ngư phủ* của Trang Tử, *Dị bảo* trong *Lã thị xuân thu*, *Thang vấn* trong *Liệt Tử*, *Ngư phủ* của Khuất Nguyên, ông chài dưới ngòi bút của các tác giả thấy đều là những nhân vật có kiến thức hơn người, có phẩm chất cao đẹp: họ hoặc làm người ta tâm phục vì kiến thức nghị luận, hoặc cứu người ra khỏi bước nguy nan bằng nghĩa cử hào hiệp. Cùng với những Sở cuồng Tiệp Dur, Trường Thư, Kiệt Nich, ông già vác cuốc (1)..., được ghi chép trong *Luận ngữ*, họ là những nhân vật lý tưởng mà các nhà nho hậu thế hàm mộ và hay nhắc đến.

Đương nhiên, những ngư ông, tiều phu được miêu tả hết sức khoa trương đó không thể là người lao động sống về nghề bắt cá, kiếm củi. Họ chẳng qua được tác giả sáng tạo nên theo lý tưởng hoặc tuy có con người đó thật nhưng đã được tác giả tô vẽ cho đẹp thêm.

Thật ra những người được ghi chép vào kinh sử đó, phần nhiều là những người ôm ấp lý tưởng cao xa nhưng sống trong thời loạn nên không thực hiện được chí hướng. Họ nhìn thấy rõ mọi mặt của thời đại, nhưng lại không muốn bị cuốn vào cơn xoáy chính trị, bèn ẩn thân làm ngư, làm tiều, giả cuồng dại mà đùa với đời. « Cốt sao giữ trọn được tinh mạng trong thời loạn, không cần nổi tiếng, làm quan với chur hầu » (2) là cách trốn tránh hiện thực của họ. Cảnh « mặc áo vải thô ra khỏi đồng làng, rảo bước đuổi theo Hứa Do; rũ áo trên núi cao mấy nghìn thước, rửa chân ở dòng nước dài vạn dặm » (3) trong *Vịnh sử* của Tả Tư là cảnh cao ngạo trốn đời mà họ hướng tới.

(1) Hà điều trượng nhân (ND).

(2) Nguyên vấn là « Cầu toàn tinh mệnh vu loạn thế, bất cầu văn đạt vu chur hầu » (ND).

(3) Nguyên vấn là « Bị hạt xuất xương hạp, cao bộ truy Hứa Do, chấn y thiên nhãn cương, trạc túc vạn lý lưu » (ND).

Trong *Lời tựa* cho tập *Đào Uyên Minh*, Lương Tiều Thống có nói: « Tự khoe khoang, tự giới thiệu mình là việc làm không đẹp của nam và nữ, không ghen ghét, không cầu cạnh là dụng tâm của người sáng suốt, thông đạt. Cho nên thánh nhân giấu tài, hiền nhân trốn đời... » (1). Bởi vậy ông ta ngợi khen nhân cách cao khiết của ông ngư, ông tiều « vung mái chèo trên đầm nước trong, khoác áo cừu đi gánh củi » (2) và lấy làm giận vì « còn nhớ đến đức ấy, hận không được cùng thời ». Đó là tâm lý tiêu cực không có cách nào khác của sĩ đại phu đời xưa sống trong thời loạn.

Qua tay của nhà văn nhiều thời đại tô vẽ, hình tượng ngư tiều nghiêm nhiên là hóa thân của ẩn sĩ, và trở thành nhân vật định hình truyền thống. Trong văn học, đề tài này được kế thừa và vận dụng rộng rãi. Đời Tống có điệu từ *Ngư phủ lạc*, *Ngư gia ngạo*... ; tên đề các tập từ có *Tiêu ẩn từ* (của Mao Nghiên đời Tống), *Nguyệt hồ ngư xướng* (của Trần Doãn Bình đời Tống), *Tiêu ca* (của Chu Đôn Nho đời Tống)... ; tạp kịch đời Nguyên có *Ngư tiều ký* ; Bắc khúc có *Ngư gia ngạo* ; truyền kỳ đời Minh có *Ngư Tiêu ký* ; tạp kịch đời Minh có *Ngư Tiêu nhân thoại*, v.v... Trong lĩnh vực văn học dân gian, Xá khúc đời Thanh có *Ngư Tiêu vấn đáp*, *Ngư lạc thanh Khê*. Nói chung, tác phẩm tuy nhiều nhưng chẳng qua là kế thừa truyền thống đời xưa, không ra khỏi khuôn mẫu của người trước, rất ít có ý mới.

Ở Việt-nam, kể từ khi bắt đầu dùng chữ Hán trở đi, đã lấy đạo Nho làm tư tưởng chính thống, đồng thời

(1) Nguyên văn là « Phù tự huyếu tự môi giả, sĩ nữ chi sừ hành ; bất kỳ bất cầu giả, minh đạt chi dụng tâm. Thị dĩ thánh nhân thao quang, hiền nhân tị thế » (ND).

(2) Nguyên văn là « Cỗ tiếp thanh đàm, phi cầu phu tân » (ND).

cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Phật giáo. Ngay từ thế kỷ XII, bậc đại nho đời Trần là Chu Văn An đã có *Tiêu ẩn thi tập* (1), Phùng Thạc (đời Lê—ND.) có *Vong hải tập* (2) nói lên tinh thần truyền thống của đạo Nho, ca ngợi cuộc sống thiên nhiên ẩn dật. Sau đó, các tác giả nối tiếp nhau, làm thành dòng chính của văn học chữ Hán Việt-nam.

Nguyễn Đình Chiểu, được tôn là bậc thầy của đạo Nho, chính mắt đã trông thấy dị tộc xâm lăng, tổ quốc nguy vong mà nghĩa quân chống Pháp thì tan rã dần. Là một nhà thơ yêu nước, ông đã có ý thure gửi gắm những cảm thụ của cá nhân và nỗi buồn mất nước vào sáng tác thơ ca của mình, dùng những nhân vật định hình do nhà nho xây dựng nên và được các tác giả sau này sử dụng rộng rãi làm nhân vật chính để biểu hiện nỗi bi phẫn và hy vọng của ông. Chúng tôi cho rằng như thế là điều tất nhiên, không bất ngờ chút nào.

Ngoài ra chúng tôi còn thấy Nguyễn Đình Chiểu có sự thích thú đặc biệt đối với hình tượng ngư tiều truyền thống. Chứng cứ rõ ràng là ông đã cho họ xuất hiện trong cả hai tác phẩm lớn của mình.

Song le, tác phẩm văn học là sự phản ánh hiện thực khách quan. Hoàn cảnh thời đại khác nhau, mục đích sáng tác khác nhau thì tính cách nhân vật biểu hiện ra cũng khác nhau. So sánh hình tượng ngư tiều trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* sáng tác trước khi quân Pháp xâm lược với hình tượng ngư tiều trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* viết sau khi có phong trào chống Pháp xâm lược, chúng ta có thể thấy những điểm khác nhau. Nói đơn giản ra thì hình tượng ngư tiều trong *Lục Vân Tiên*

(1) (2) Xem *Việt-nam diển lịch khảo* của Trần Văn Giáp; Hoàng Giật Cầu dịch.

là rập khuôn, còn trong *Ngư Tiều vấn đáp* là sáng tạo ; ở tác phẩm trước là ẩn dật tiêu cực, ở tác phẩm sau là tích cực tiến thủ.

Bây giờ, chúng ta hãy xem cách miêu tả ngư tiều trong *Lược Vân Tiên*. Song trước hết chúng ta hãy nhìn lại một vài thi dụ trong sáng tác của Trung-quốc.

Điệu khúc *Hắc tất nỗ* của Bạch Vô Cữu đời Nguyên :

*Nhà tôi bèn bãi sóng Anh-vũ,
Chài như tôi đây chẳng biết chừ.
Ngủ no mưa khói Giang-nam,
Một lá thuyền theo sóng vỗ (1).*

Và điệu khúc *Ngư gia ngọ* khuyết danh đời Nguyên :
(*Vĩ thanh*) *Ông tiều từ biệt tôi về núi, từ biệt ông
tiều tôi lại sông. Mai sau mà có dịp trùng phùng, lại
mua rượu lại bắt cá sông. Xem sách cổ, tiêu dao thỏa
lòng. Hỏi rằng ai sai ai phải, hai chúng ta sẽ kể dần
dần (2).*

Chẳng cần nói thêm cũng biết tư tưởng trốn đời, ẩn dật tiêu cực biểu hiện ở hai khúc trên có trong rất nhiều tác phẩm của các thời đại.

Ngư tiều xuất hiện trong *Lược Vân Tiên* nhất trí với hình tượng truyền thống đó. Chẳng quản dài dòng, chúng

(1) Tạm dịch. Nguyên văn là :

*Nàng gia Anh vũ châu biên trú,
Thị cá bả thực tự ngư phủ.
Lãng hoa nhất điệp biên chu,
Thụy túc Giang-nam yên vũ. (ND)*

(2) Tạm dịch. Nguyên văn là :

(*Vĩ thanh*) «Tiều phu biệt ngã sơn trung khứ, ngã biệt tiều
phu thủy thượng cư. Lai nhật tương phùng cộng nhất xư, hoàn
đả hương lao hoàn thủ ngư. Tân đản tiêu dao khán cổ thư.
Vấn thập ma thù thị thù phi. Yêm lưỡng cá mạn mạn sở» (ND).

tôi lại xin trích dẫn hai khúc *Ngư Tiều vấn đáp* và *Ngư lạc thanh Khê* trong *Xá khúc*, một loại ca khúc dân gian lưu hành ở đời Thanh để thử so sánh với *Lục Vân Tiên*:

LỤC VÂN TIÊN

Ông rằng: «Lòng lão chẳng
 mᵛ,
 Dộc lòng nhân nghĩa há chờ
 trả ơn.
 Nước trong rửa ruột
 sạch trơn,
 Một câu danh lợi chỉ sồn
 lòng đây.
 Ray doi mai vịnh vui vầy,
 Ngày kia hứng gió, đêm này
 chơi trăng.
 Một mình thông thả làm ăn,
 Khỏe quơ chài kéo, một quãng
 câu dấm.
 Nghêu ngao nay chích mai
 dấm,
 Một bầu trời đất vui thăm
 ai hay.
 Kinh luân đã sẵn trong tay,
 Thung dung dưới thê, vui say
 trong đời.
 Thuyền nan một chiếc ở đời,
 Tắm mưa chải gió trông vờ
 Hàn-giang ».

XÁ KHÚC NGƯ LẠC
 THANH KHÊ

Một lá thuyền con, tùy ý
 ngao du,
 Khoác tời đội nón, nhàn sửa
 dây câu.
 Mây thướt cần câu mặt nước
 nhỏ.
 Khi xuân tới:
 Trong sóng hoa đào thu lưới tơ,
 Bên bãi đỗ nhược buộc thuyền
 câu.
 Khi thu sang:
 Buổi chiều thổi sáo bên Tam-
 hiệp,
 Đêm trăng câu cá ở Ngũ-hồ.
 Nêu ai muồn hỏi về sinh kê,
 Suốt ngày uồng rượu lại
 ngao du,
 Chẳng muồn lưu danh, chơi
 cho khắp bên bờ.
 Ngư ông tự ví với chim âu,
 Chơi trên sóng nước, cò là
 bạn bầu,
 Say ngủ trong mưa buổi hổi
 chồn đầu ngư,
 Núi sông phong cảnh, đôi
 mắt tận thâu,
 Có thể rằng:
 Phóng khoáng bờ Trường-
 giang, chỉ có ngư ông đợc
 tự do.

LỤC VÂN TIÊN

Tiêu rằng: «Lão vòn tay
 không,
 Một mình ngơ ngẩn non tòng
 hôm mai.
 Tâm lòng chẳng muốn của ai,
 Lánh nơi danh lợi chông gai
 cực lòng.
 Kia non, nọ nước thông dong,
 Trăng thanh gió mát, bạn cùng
 hươu nai.
 Công hầu phú quý mặc ai,
 Lộc rừng gánh vác hai vai
 tháng ngày.

XÁ KHÚC

NGƯ TIÊU VẤN ĐÁP

Hái củi trên núi, câu bờ
 sông Giang,
 Ngư ông, tiểu tử bảo nhau
 rằng :
 Núi thanh, sông đẹp, thú
 thiên nhiên,
 Tôi cùng ông suốt ngày hưởng
 thụ vô biên.
 Cảnh vô biên: tan chợ ban
 trưa, lưới phơi cửa tiền,
 Rượu say chênh choáng, đêm
 mây đồng tiền.
 Hoặc thả buớc mà du ngoạn,
 hoặc cưỡi gió mà chơi trăng,
 Tiểu vai gánh nặng, chặt củi
 mặc lòng,
 Quanh co lời núi, đường về
 thông dong.
 Hoặc tựa cây nghe suối chảy,
 hoặc tùy ý mà véo von.
 Đó chính là:
 Người đời chẳng biết thú ngư,
 tiểu,
 Phóng khoáng, phong lưu giữa
 nước non,,

Qua đoạn đối chiếu trên đây, chúng ta thấy lời ca của *Xá khúc tiêu cực*, có tư tưởng trốn tránh. Lời nói của ông Tiêu, ông Ngư trong *Lục Vân Tiên* cũng tiêu cực, cũng có tư tưởng lẫn trốn. Chúng ta không thể nói rằng Nguyễn Đình Chiểu chịu ảnh hưởng của *Xá khúc* mà nên nói rằng ông chưa vượt ra khỏi sự trói buộc của truyền thống. Bấy giờ nhà thơ chưa ý thức được phải đột phá quy định thường lệ, thay đổi bộ mặt của nhân vật để phục vụ chính trị tốt hơn nữa.

Bấy giờ chúng ta lại xem những điều biến đổi của nhà thơ biểu hiện trong *Ngư Tiêu y thuật vấn đáp*.

Giặc Pháp xâm lược, nghĩa quân nổi lên. Sau khi ném mùi khói lửa, tình cảm nhà thơ có những thay đổi lớn. Đúng lúc này, nhà thơ viết *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Hình tượng ngư, tiều dưới ngòi bút của nhà thơ đã có sự phát triển khác trước, cao hơn trước. Cố nhiên là khác với tư tưởng trốn tránh biểu hiện trong *Xá khúc* và cũng khác cả với hình tượng cao ngạo, đơn độc trong *Lục Vân Tiên*. Bằng thủ pháp nghệ thuật mới mẻ, tác giả đã phá tung hàng rào cũ, cho nhân vật có tinh thần tiến thủ tích cực, khiến cho nhân vật chính tuy gửi thân ngư, tiều, nhưng không quên hiện thực, có ý chí và hoài bão lớn lao, muốn làm lương y để cứu đời. Hơn nữa, những nhân vật ấy đã chẳng quản ngại gian khổ, khó khăn, đi tìm danh sư. Cuối cùng, nhờ Chu Đạo Dân giúp đỡ, hai người đã tiếp thu được y thuật tinh tế và đại nghĩa yêu nước của Kỳ Nhân Sư, một chí sĩ yêu nước. Hai người bèn trở về với đời, cứu giúp người, lập công với dân. Tác phẩm cuối đời này của Nguyễn Đình Chiểu khác rõ rệt so với những tác phẩm viết về ngư, tiều của các tác giả Trung-quốc đời xưa, và đã vượt ra khỏi phạm vi hình tượng truyền thống. Đồng thời, điều đó cũng chứng tỏ tác giả đã có tầm tư tưởng cao hơn, có mục đích chính trị rõ ràng, đúng đắn hơn, đi sâu vào thực tế hơn, nhìn thẳng vào hiện thực hơn.

Qua những luận chứng trên đây, có thể thấy rõ rằng « tam công » — những người mẫu mực có công với dân mà lời dẫn trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* nói tới, trước khi đi tới chính văn, đã được thể hiện ở hành động cụ thể của ông Ngư, ông Tiều. Tuy thời đại không cùng, việc làm của mỗi người khác nhau, nhưng sự lao động cần cù và sự nghiệp suốt đời cố gắng của họ thì tuy khác lối song cùng quy về một kết luận là « đều có công với dân ».

Nguồn gốc, ý nghĩa tên sách *Truyện Táy minh* và *Truyện Tam công* đại lược là như vậy.

Trước khi kết thúc bài viết này, cần nói rõ rằng :

Về mặt lịch sử, Trung-quốc và Việt-nam là hai nước thân thiết như chân với tay, như anh em một nhà ; về mặt văn hóa, hai nước có mối quan hệ sâu sắc, lâu đời. Và chúng ta cũng biết rằng văn học cổ điển Việt-nam— cụ thể là đến tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, tác giả đã biết cách tiếp thu những phần nào có thể tham khảo được trong văn học cổ điển Trung-quốc, rồi phát triển có tinh sáng tạo, làm phong phú thêm tinh tư tưởng và tinh nghệ thuật của tác phẩm, để phục vụ hiện thực xã hội đương thời. Đặc sắc nổi bật nhất và thành tựu ưu việt nhất của nền văn học đó là ở chỗ ấy.

Ngày nay, hơn ba mươi triệu nhân dân Việt-nam anh dũng, với ý chí anh hùng quyết chiến quyết thắng, đang tiến hành cuộc đấu tranh chính nghĩa chống Mỹ cứu nước với khí thế hừng hực núi sông và đã giành được hết thắng lợi to lớn này đến thắng lợi to lớn khác. Trong lúc này, việc kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của nhà thơ, phát huy truyền thống vẻ vang chống xâm lược, vì dân lập công của nhà thơ, có ý nghĩa rất sâu sắc. Mao Chủ tịch dạy chúng tôi rằng: «Bảy trăm triệu nhân dân Trung-quốc là hậu thuẫn vững chắc của nhân dân Việt-nam, lãnh thổ mệnh mông của Trung-quốc là hậu phương đáng tin cậy của nhân dân Việt-nam». Chúng tôi cùng chung niềm tin đoàn kết, chiến đấu thắng lợi với nhân dân Việt-nam trong dịp kỷ niệm ngày sinh của nhà thơ vĩ đại này.*

Viết xong ngày 27-2-1972

(PHẠM TỬ CHÂU dịch)

* Bài này do giáo sư Hoàng Giật Cầu (Trung-quốc), trực tiếp gửi tặng Viện Văn học vào cuối năm 1972, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu.

TRUYỆN THƠ «LỤC VÂN TIÊN»
VỚI VĂN HÓA DÂN GIAN

NGUYỄN QUANG VINH

NGAY từ khi mới ra đời, truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu đã gắn bó sâu sắc với đời sống tinh thần của nhân dân Việt-nam ta, đặc biệt là ở Nam-bộ và miền Nam Trung-bộ. Toàn bộ văn hóa thực tiễn phong phú trên các vùng quê yêu dấu nay đã và đang chứng thực điều đó. *Lục Vân Tiên* để lại nhiều dấu ấn trong hàng loạt hoạt động văn học nghệ thuật dân gian, như kể vè, hò hát, diễn tích, trong tư duy hình tượng, trong tâm lý, trong khẩu ngữ và trong cả hành vi đạo đức của nhân dân nữa. Vậy « bí quyết » nào đã làm cho tác phẩm của một nhà nho có thể có được một cuộc sống kết liền ruột thịt với nhân dân lao động đến mức trở nên một nhân tố tinh thần — xã hội kỳ diệu như thế?

Muốn tìm hiểu vấn đề này, phải nghiên cứu *Lục Vân Tiên* về tất cả các mặt, trước hết là nội dung tác phẩm. Nhưng nếu xét tới mối quan hệ giữa *Lục Vân Tiên* với đời sống văn hóa dân gian Việt-nam, thì sẽ có thể góp phần lý giải hiện tượng *Lục Vân Tiên* một cách khách

quan và có hiệu quả hơn; sẽ có thể rộng tay hơn để phân tích và cảm thụ truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* trên nhiều khía cạnh phong phú.

Cho đến nay, người ta vẫn chưa có đủ tài liệu để tái hiện một cách chính xác những chặng đường sáng tác, lưu truyền và hoàn thiện truyện thơ *Lục Vân Tiên*. Nhưng, nhiều dấu hiệu cho thấy cuộc « hành trình » từ những câu hát ban đầu trên miệng Đồ Chiểu tới một *Lục Vân Tiên* như giờ đây ta có dưới tay, là hết sức độc đáo.

Thiên truyện tình sử — cũng sĩ ấy đã nảy mầm và chín muồi dần trong trí của ông đồ mù, dưới mái trường làng ở Bình-vi (Gia-định), có lẽ là vào đầu những năm 50 của thế kỷ trước. Thoạt tiên là từng phiến đoạn được nhen nhóm, và rất có thể, những môn sinh của thầy Đồ Chiểu đã là những người lắng nghe, thưởng thức và thuộc lòng sớm nhất. Bản phác thảo của thiên trường ca đang lần lần mở cánh đò vốn rất khiêm nhường, chỉ muốn tự giới hạn đời sống trong tiêu gia đình thân ái của thầy trò Đồ Chiểu. Nguyễn Ngọc Chi, một tác giả ở Sóc-trăng (Nam-bộ), đã viết: « Mục đích cụ Đồ Chiểu làm ra quyển *Lục Vân Tiên* là để dạy người nhà và học trò cụ » (1). Rồi thì nhân có đám môn sinh, Đồ Chiểu cày một vài cây bút đáng tin cẩn nhất, ghi dùm lại cho thầy những vần thơ ấy và ngâm lên trong phòng « nghe sách » ở chợ Bình-vi. Trong khi Đồ Chiểu vẫn tiếp tục hoàn thiện tác phẩm của mình trong trí, thì những phiến đoạn phác thảo của thiên trường ca *Lục Vân Tiên* vẫn cứ được các học trò, các bè bạn ông — rồi sau đó cả quần chúng nữa — tiếp tục chuyền tay và

(1) Nguyễn Ngọc Chi: Một nhà thi sĩ trứ danh nước ta, cụ Nguyễn Đình Chiểu làm truyện « *Lục Vân Tiên* », Tạp chí Nam phong, số 76, 1923.

truyền miệng. *Lục Vân Tiên* chưa hề được chính thức tuyên bố là hoàn thiện. Cho đến khi một số học giả thực dân Pháp chuẩn bị xuất bản một cuốn *Lục Vân Tiên* mà họ thấy các di bản của nó đang tồn tại rất sinh động giữa cuộc sống tinh thần của nhân dân Nam-bộ, thì họ cũng vẫn không tìm thấy ở đâu một « cuốn » *Lục Vân Tiên* đích thực. Họ ghi nhận rằng tác phẩm đó « chưa bao giờ được in thành sách » và nhờ có từng đoạn chép tay rời rạc bằng chữ Nôm nên truyện thơ đó « mới được lưu truyền đến ngày nay (1864). Phải hỏi đến nhiều người bản xứ mới có thể sưu tập được năm, sáu bản chép tay ấy, rồi dựa vào đó mà xây dựng thành câu chuyện có đầu có đuôi » (1). Họ cũng không thể không thấy rằng: « Từ chỗ chỉ lưu hành trong phạm vi thân mật của nhà trường, truyện thơ ấy đã dần dần được truyền tụng từ gần đến xa, các làng trên xã dưới đều biết; và dân chúng ai ai cũng đều thuộc lòng » (2) (những chữ in nghiêng là do tác giả bài viết này nhấn mạnh). Như vậy, *Lục Vân Tiên* là một sáng tác thành văn nhưng đồng thời cũng có thể được coi như một tiêu thuyết xã hội — lịch sử bằng thơ truyền miệng. Vấn đề sẽ sáng tỏ nếu ta quan sát *Lục Vân Tiên* từ góc độ ấy và trên cái thế động ấy.

..

(1) G. Ôbaré: Lời nói đầu ở bản dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp in trên báo *Châu Á (Journal asiatique)*, loại thư 6, tập III, tháng giêng và hai, 1864. Bản dịch của Lê Xuân Ninh.

(2) O. Bagió: Tiêu sử Nguyễn Đình Chiểu, in ở đầu cuốn *Truyện trạng nguyên Lục Vân Tiên, phỏng dịch tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu ra văn vần Pháp*, Nxb. Salamen, Pari, 1887. Bản dịch của Lê Xuân Ninh.

Hàng thế kỷ trước khi *Lục Vân Tiên* ra đời ở miền Nam, trong đời sống văn học Việt-nam đã xuất hiện hàng loạt truyện thơ Nôm bình dân, như *Tống Trân — Cúc Hoa*, *Phạm Tải — Ngọc Hoa*, *Thạch Sanh*, *Nhị độ mai*, v.v... Trong thế suy vi của xã hội phong kiến Việt-nam, sức quật khởi của nhân dân lao động ngày càng tăng. Những yêu cầu rất trần thế của cách mạng nông dân đã tạo theo nó một luồng tư tưởng dân chủ và nhân đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Và về mặt văn hóa, từ lâu đã diễn ra một sự thâm nhập khá mạnh không gì ngăn giữ được của văn hóa dân gian vào trong văn học chính thống. Truyện Nôm bình dân chính là con đẻ của cuộc giao phối lịch sử tất yếu đó. Các nho sĩ bình dân là người đỡ đẻ cho những đứa con tinh thần này. Ở Đàng Ngoài, rơi tụ hội những truyền thống văn học dân tộc lâu đời, đã có thể xuất hiện sớm những truyện Nôm bình dân quen thuộc. Nhưng miền Nam từ thế kỷ XVII, về nhiều phương diện còn mang dáng dấp của một quá trình « khai phá ». Phải đợi đến Nguyễn Đình Chiểu mới thực hiện được sự kết hợp chín muồi giữa khả năng văn học bác học với văn hóa dân gian, để tạo nên *Lục Vân Tiên*, một truyện Nôm tiêu biểu đánh dấu sự thành tựu của văn học dân tộc trên miền đất này của Tổ quốc (1). *Lục Vân Tiên* đã đạt tới trình độ một tiêu thuyết xã hội — lịch sử bằng thơ, trong đó tác giả Nguyễn

(1) Cần thấy rằng *Thoại Khanh — Châu Tuấn* cũng là một truyện thơ Nôm bình dân rất được yêu chuộng và phổ biến ở miền Nam Trung-bộ và Nam-bộ, thậm chí có thể ra đời sớm hơn cả *Lục Vân Tiên*. Song, nếu phân tích nội dung và cơ cấu của tác phẩm nói trên, thì thấy khá rõ trong đó sự mô phỏng và lắp ghép của những đoạn cốt truyện và mô-típ của truyện thơ nôm *Phạm Công — Cúc Hoa*, *Tương Viên*, *Thạch Sanh*, đã phổ biến từ lâu ở miền Bắc. Phải đợi đến *Lục Vân Tiên*, chúng ta mới có một truyện nôm chín muồi và tiêu biểu của miền Nam.

Đình Chiểu đã vận dụng và phát huy được những khả năng phong phú của văn hóa dân gian. Khuôn dạng của truyện *Nôm Lục Vân Tiên* cho thấy không những một chất lượng mới mà còn là một ý thức mới trong việc sáng tác loại tự sự này. Tuy nhiên, từ cách dàn dựng cốt truyện, cách vận dụng các mô-típ truyện thống, cho tới cách kể chuyện trong truyện thơ *Nôm* này, vẫn còn in đậm dấu vết *truyện thống* tự sự và trữ tình dân gian.

Có người ở quận Đông-thành,

Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền.

Đó chính là niềm tin truyền thống của quần chúng vào sự việc mà mình sắp kể. Chàng Vân Tiên — và sau đó là nàng Nguyệt Nga — mặc dầu không còn mang tính phiếm chỉ nữa, nhưng số phận của họ vẫn được tô vẽ theo màu sắc cổ tích dân gian. Người nghe kể về *Lục Vân Tiên* có thể theo dõi cuộc đời của hai nhân vật trải cột dó từ một lai lịch tương tạc, cho tới mọi chặng đường thử thách gian nan, để cuối cùng lại sum họp sau nhiều thắng lợi dễ dàng và liên tục. Đó chính là kiểu kết cấu truyện thống của loại hình tự sự xã hội dân gian. Song, nói như thế không có nghĩa rằng *Lục Vân Tiên* chỉ là một truyện cổ tích kể bằng thơ. Với Nguyễn Đình Chiểu, văn học tự sự đã có một bước nhảy vọt quan trọng về chất lượng. Để có thể diễn đạt được cao độ tranh phức tạp và quyết liệt theo những yêu cầu dân chủ và cứu nước rất nóng bỏng của thời đại, loại hình tự sự dân gian truyền thống với khuôn dạng tương đối giản đơn tỏ ra không còn đủ sức nữa. Trong khuôn dạng cơ bản của truyện cổ tích (mà chúng ta còn nhận thấy dễ dàng), Nguyễn Đình Chiểu đã huy động một khối lượng nhân vật lớn hơn, đa dạng hơn, một hệ thống tình tiết dày đặc hơn, và những cung bậc tâm tư, tình cảm ít nhiều phức tạp hơn. Và đó chính là cái trạng thái

vừa tiếp nối, vừa dứt đoạn, rất biện chứng, mà Nguyễn Đình Chiểu đã thực hiện được trong truyện thơ Nôm rất giàu phong cách dân gian này của ông.

Cuộc phiêu lưu với những bất hạnh và may mắn, trắc trở và thành đạt, thất bại và chiến công của Vân Tiên và Nguyệt Nga, thực ra, chỉ là cái cớ để làm sáng rực lên những đạo lý lớn mà xu thế tư tưởng của nhân dân đương thời đòi hỏi phải được khẳng định. Một loạt nhân vật tích cực, vốn rất quen thuộc với các nhân vật bình dân trong cổ tích đã được Nguyễn Đình Chiểu cho tung ra trong những quãng không gian và thời gian khác nhau của câu chuyện. Hoài Thanh đã hé ra điều này, khi ông viết: « Nguyễn Đình Chiểu đã ném ra giữa cuộc đời cả một loạt nhân vật: Nguyệt Nga, Vân Tiên, Tiểu đồng, Hồn Minh, Tử Trục... có thể nói là cả một đạo quân bùng bùng khí thế, kiên quyết vì chính nghĩa mà chiến đấu và chiến thắng » (1). Những nhân vật chính diện trong *Lục Vân Tiên* là lời khẳng định bằng hình tượng cho lối sống và đạo lý thực tiễn của nhân dân, đồng thời là một cách phản ứng chống lại một xã hội phong kiến đang tan rã, vào lúc nạn ngoại xâm từ phương Tây tới đang mau chóng trở thành mối họa trực tiếp.

Những nhân vật chính diện trong *Lục Vân Tiên* luôn luôn giữ « lòng ngay » và ngang nhiên « đấu tranh không khoan nhượng chống mọi gian dối, bất công (của xã hội phong kiến suy tàn — N.Q.V.) và họ đã thắng » (2). Yêu

(1) Hoài Thanh: Lời tựa, in trong cuốn « Nguyễn Đình Chiểu » (của Vũ Đình Liên) Nxb. Văn hóa; Hà-nội; 1958; tr. 5.

(2) Phạm Văn Đồng: Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc, trong cuốn *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà-nội, 1969; tr. 16, 17. Xem thêm toàn văn in lại ở sách này.

Dân và yêu Nước là những tiếng gọi khẩn cấp nhất của lịch sử đương thời. Mất nước thì dân sẽ làm than, không có dân thì không giữ được nước. Cho nên những yêu cầu nhân đạo và dân chủ kết liền làm một với yêu cầu cứu nước. Tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu chính là hợp điểm của những yêu cầu có tinh thời đại đó, và, với *Lục Vân Tiên*, nhà thơ đã có thể nói to lên những yêu cầu đó một cách thiết tha, cảm động và dễ hiểu nhất. Tiêu chuẩn hàng đầu cho mọi tinh cảm yêu, ghét lúc này là quyền lợi cụ thể của nhân dân. Những kẻ đáng căm ghét nhất — «ghét cay ghét đắng ghét vào tận tâm» — là những kẻ làm cho dân «nhọc nhằn», «lầm than», «sa hằm sảy hang». Chàng nho sinh Vân Tiên thương dân, đánh tan kẻ cướp Phong Lai để cứu dân, cũng là trang dũng tướng Vân Tiên «tay cầm siêu bạc», chém đứt đầu tướng giặc Cốt Đột, cứu nước khỏi nạn xâm lăng. Chúng ta đã nói Nguyễn Đình Chiểu hoàn toàn có ý thức vận dụng truyền thống vì mục đích cao cả của thời đại ông, chính là vì vậy đó. Con giận lời đình của Vân Tiên trước đảng cướp Phong Lai, cũng như hành động quyết liệt và đầy nghĩa hiệp của Hồn Minh khi vật tên Đặng sinh dâm ác xuống «bể đi một giò», rồi lại tự trói mình đến trước cửa quan để tránh cho người khác khỏi bị bắt oan, (đề rồi sau đó lại vượt ngục và ẩn mình trong một ngôi chùa hẻo lánh) rất gần với cái cương trực và nghĩa hiệp của con người miền Nam chúng ta. Nó làm ta nhớ đến lưỡi dao nghĩa sĩ của chàng Lía xưa kia, cũng như cây gươm lấy đầu Trần Tử Ca của Quân Hồn ở Hóc-mòn sau này, mà ca về dân gian còn luôn luôn làm sống lại. Nhiều giáo điều của đạo Nho đã được quy phạm hóa nghiêm khắc như Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, dù có được nhắc đến nhiều lần trong khúc hát *Lục Vân Tiên*, thực sự cũng chưa phải là cái tinh chất của tác phẩm. Ân

sau những giáo điều truyền thống mà một nhà nho như Đồ Chiểu không thể không vận dụng làm những « dàn dào » lớn cho tác phẩm của mình, chúng ta vẫn thấy hiện lên trong sáng, tươi mát những tình cảm cộng đồng, tự nhiên giữa người và người, rất dễ tìm thấy trong đời sống nhân dân lao động Việt-nam. Chẳng hạn như, đằng sau bát cơm quả trứng mà chú tiểu đồng đi quyền giáo về được, đem « quẩy đơm » trên nắm mồ hoang mà chú tưởng nhầm là mộ Vân Tiên, chúng ta thấy rung lên một mối tình người dung dị mà đậm thắm, nhiều hơn là sự thực hiện một giáo điều cứng nhắc về quan hệ tử — thầy kiểu phong kiến.

Đáng chú ý là trong *Lục Vân Tiên* có nhiều nhân vật không có tên riêng, và bên cạnh đó nhiều lần đã xuất hiện những khối quần chúng bình dân — tuy chỉ thoáng qua, nhưng đầy ý nghĩa. Rõ ràng là những nhân vật phiếm chỉ như lão quán, ông ngư, ông tiểu, lão bà, tiểu đồng v.v... khá gần gũi với « những nhân vật không có tên riêng » của truyện cổ tích dân gian. Lối tư duy của truyện cổ tích xã hội gắn liền với việc hư cấu loại nhân vật chưa được cá thể hóa cao độ. « Hai anh em nhà kia », « người chồng », « người em út », « cô gái đẹp », thậm chí cho đến « nhà vua » nhiều khi cũng chỉ là một nhà vua phiếm chỉ (chứ chưa thể là vua nhà Lý, hay vua nước Sở, như trong cổ tích lịch sử hoặc ca về thời sự muộn hơn về sau). Hiện tượng này của văn hóa dân gian ở xứ nông nghiệp như nước ta là không có gì khó hiểu. Chẳng qua đó là dấu ấn của đời sống cộng đồng trong các làng, các chợ cổ, nơi mà người ta gọi nhau không phải bằng những tính danh của giấy khai sinh (mà xét cho cùng thì cũng làm gì có giấy khai sinh). Người ta quen gọi láng giềng với nhau cũng bằng chú bác, anh em, bà con như trong nhà trong họ, và ở miền Nam thì đó là những

« chú tư », « di bảy » v.v... Phải thấy rằng Nguyễn Đình Chiểu chẳng khó khăn gì khi muốn đặt cho vợ chồng ông ngư, tiều đồng hoặc lão bà mỗi người một tên riêng như trường hợp Hòn Minh, Tử Trục. Nhưng tác giả *Lục Vân Tiên* đã có cái lý của ông. Lão quán, ông ngư, ông tiều, lão bà, tiều đồng v.v..., là nằm trong số những nhân vật « binh dân » nhất trong xã hội *Lục Vân Tiên*. Họ dường như vừa chọt bứt ra khỏi một đám dòng quần chúng binh dân, để tham gia vào các sự kiện của những nhân vật chính trong *Lục Vân Tiên* vậy. Đằng sau họ, dường như vẫn luôn luôn thấp thoáng bóng dáng của những khối dòng, có cái tên chung là Dân (*Dân rằng: tiều tử là ai*), là « xóm giềng cô bác », là những người binh thường và đồng đảo từ « trong nhà cho tới láng giềng ». Dường như họ là tập thể những người binh dân, chân tay còn lấm láp bùn đất, bước từ các truyện cổ tích dân gian vào trong truyện Nôm binh dân của nhà nho binh dân Nguyễn Đình Chiểu. Chính họ sẽ là những người hành động, tỏ thái độ và phát ngôn bộc trực, rõ ràng, quyết liệt và có hiệu quả nhất cho những đạo lý sống của nhân dân, và thiết thực góp sức vào sự thắng lợi hoàn toàn của chính nghĩa.

Trong cuộc chiến đấu ấy, những nhân vật lý tưởng nhất của *Lục Vân Tiên* không khỏi có những giây phút hiềm nghèo, có lúc cả cái chết đến kề bên nữa. Nhưng theo niềm tin có tính chất truyền thống của tư duy dân gian, Nguyễn Đình Chiểu đã không ngại ngần viện đến những lực lượng phù trợ có tính chất thần kỳ. Giải pháp của truyện cổ tích và tín ngưỡng dân gian Việt-nam ấy đã lọt vào trong dòng tự sự *Lục Vân Tiên* một cách khá êm ái, và công chúng binh dân chấp nhận nó một cách hết sức dễ dàng. Các yếu tố thần kỳ (bao gồm nhân vật thần kỳ, con vật thần kỳ, đồ vật thần kỳ) đã xuất

hiện mười hai lần trong suốt cuộc hành trình phiêu giạt của Vân Tiên, của Nguyệt Nga (1). Nó đã thực sự tiếp sức, tiếp tay cho mỗi người trên các ngã đường sóng gió của họ. Các lực lượng thần kỳ cũng đã kết liên với nhau làm một, và kết liên với cuộc chiến đấu của các lực lượng chính nghĩa bao quanh hai nhân vật trung tâm ấy. Khi Vân Tiên bị tên phản bạn Trịnh Hâm đẩy xuống giữa vời thi giao long — một con vật thần kỳ — đã diu chàng vào trong bãi. Để rồi, chỉ lát sau, ông chài sẽ tiếp tay giao long mà vớt chàng lên

Hối con vầy lửa một giờ

Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.

Và Nguyệt Nga sau khi ôm bức hình Vân Tiên nhảy xuống dòng nước «dùng dùng sóng xao» ở ải Đồng trên đường tới nước Ô-quả, để giữ «một tấm lòng ngay» với người tình dẫu ân nghĩa, nàng cũng được «sóng thần đưa đẩy» vào bãi cát. Ở đây, Phật bà Quan âm sẽ tiếp tay cùng ngọn sóng thần, đưa cô «gái thảo ngay» vào vườn hoa nương náu, và dặn kiên nhẫn chờ ngày

(1) Mười hai lần các yếu tố thần kỳ xuất hiện để phù trợ Vân Tiên, Nguyệt Nga và trừng phạt các lực lượng hắc ám, gồm: 1— Tôn sư cho Vân Tiên hai đạo phù thần; 2— Ông Quán cho Vân Tiên ba hũ sơn thuốc thiêng để phòng thân; 3— Cọp cắn dây mở trời, công tiều đồng từ rừng sâu ra đường cái; 4— Giao long diu Vân Tiên từ giữa vời vào trong bãi; 5— Du thần qua hang Thương-tông, dắt Vân Tiên từ trong bãi ra chân núi; 6— Sóng thần diu Nguyệt Nga vào bãi cát; 7— Phật Quan âm đưa Nguyệt Nga vào vườn hoa nhà Bùi ông; 8— Phật bà mách bảo Lão bà đi tìm đón Nguyệt Nga vừa trốn khỏi nhà Bùi Kiệm; 9— Ông Tiên cho linh được để chữa Vân Tiên sáng mắt ra sau sáu năm mù lòa; 10— Vân Tiên đem máu chó thoa cờ, làm tan bầy yêu ma của Cốt Đốt; 11— Sóng thần làm chìm thuyền tên phản bội Trịnh Hâm; 12— Hai con cọp đón đường mẹ con Võ Thê Loan đưa bỏ hang Thương-tông trừng phạt.

Vợ chồng sao cũng sum vầy một nơi

Quan sát sự xuất hiện của các lực lượng thần kỳ đã phù trợ cho Văn Tiên và Nguyệt Nga, có thể thấy ở đây sự có mặt của hàng loạt tín ngưỡng dân gian ở miền Nam. Hoạt động của giao long, của sóng thần, của hồ cần dây cỏi trôi cứu tiều đồng, của hai con cọp đón đường cặp mẹ con Vô Thê Loan đi, v.v... có một cái gì rất gần gũi với những lời đồn đại trong dân gian Nam-bộ về những điềm báo ứng do thiên nhiên và các con vật thiêng như sấu, như cọp ở ven rừng và ven các sông rạch thực hiện. Bên cạnh Phật bà Quan âm của đạo Phật, có thể thấy những « hườn thuốc », « những đạo phù thần », những du thần của các đạo sĩ Đạo giáo, cùng ông tiên với thứ linh dược có thể chữa cho « mắt hiền sáng ra » sau sáu năm mù lòa tăm tối. Đây chính là hình ảnh sinh động của tinh hỗn hợp của tín ngưỡng dân gian Việt-nam. Tín ngưỡng dân gian Việt-nam không phải là những giáo lý biệt phái, cực đoan, được thanh lọc và chưng cất một cách nghiêm ngặt như ở một số dân tộc khác trên thế giới. Ở Việt-nam tồn tại một thể hỗn hợp, đan chéo nhau, thâm nhập lẫn nhau, song song tồn tại cùng nhau giữa những tín ngưỡng cổ ở địa phương với những tôn giáo ít nhiều có hệ thống nghiêm cách từ ngoài du nhập tới. Người nông dân Việt-nam xưa, có thể thành kính hát kể hạnh trước Phật đài, nhưng vẫn thành tâm đi xem bói, kính cần lập đàn tràng, thắp hương trước một ông bình vôi, hay vái lạy một hòn đá « bụt mọc ». Tuy nhiên, vấn đề ở đây lại không phải là một vấn đề thuần túy tín ngưỡng. Trong cách cảm nghĩ truyền thống của dân gian, những yếu tố kỳ diệu phù trợ cho quá trình thành đạt những mục đích cao cả, chẳng qua chỉ là sự biểu hiện thẩm mỹ một cách khúc xạ cho ý chí và niềm tin tưởng của nhân dân

vào sự tất thắng của lẽ phải. Chính nghĩa phải thắng và chỉ có thể thắng. Những người hiền là bất tử. Những kẻ ác sớm muộn nhất định sẽ bị trừng phạt. Chẳng phải « binh tiên được » đã chữa cho thân thể trạng nguyên Phạm Công bị vua Hung - nô chặt tay, khoét mắt, xẻ tai, đục răng có thể trở lại vẹn lành như cũ đó sao? (*Phạm Công — Cúc Hoa*). Và, chẳng phải chính là « thần hồ » đã cống nàng Thoại nương trinh tiết và hiếu thảo, cùng đưa con trứng nước của nàng về hang nuôi nấng cho đến ngày nổi oan được giải và niềm oan được đền đó sao? (*Truyện thơ Quý Ngọc*) (1). Có điều cần lưu ý là, ở trong truyện cổ tích thần kỳ, yếu tố thần linh, kỳ diệu nằm trong bản chất thẩm mỹ cơ bản của thể loại văn học đó. Song càng về sau, trong những thể tài ra đời muộn hơn, những yếu tố kỳ diệu tuy vẫn còn đóng góp ít nhiều vào giá trị thẩm mỹ của tác phẩm, nhưng không còn là một yếu tố cơ bản nằm trong bản chất thể loại nữa. Nó chỉ xuất hiện — tuy có thể nhiều lần — với ý nghĩa là một phương tiện văn học truyền thống còn chấp nhận được trong thời đại mà ý thức về hiện thực lịch sử của nhân dân chưa hoàn toàn là chủ đạo trong hư cấu văn học.

∴

Tác giả của truyện Nôm bình dân có cái sứ mệnh là làm sống lại những giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân trong một dạng tổng hợp hơn, dài hơi hơn là tất cả những gì mà bản thân sinh hoạt văn học dân gian đã tự mình thực hiện lấy. Nhờ có cuộc sống gắn bó ruột

(1) Vũ Ngọc Phan : *Tục ngữ và dân ca Việt-nam* (in lần thứ sáu); Nxb Sử học ; Hà-uội, 1963, tr. 450 — 451.

thịt với nhân dân, Nguyễn Đình Chiểu đã được lịch sử « giao » cho cái sứ mệnh vẻ vang ấy. Lăn lộn giữa cuộc sống « muối dưa hầm hút » cùng bà con cò bác trên những chặng đường chạy loạn, chữa bệnh, lưu lạc, từ Phú-xuân tới Đồng-nai..., cũng như gắn bó với đời sống văn hóa thôn dã trong những ngày làm ông thầy đồ ở làng, ông thầy lang ở xóm..., Nguyễn Đình Chiểu đã học được hàng nghìn « trang sách đời » trong cuộc sống văn hóa dân gian phong phú. Cho nên, tràn vào trong *Lục Vân Tiên* là hàng loạt triết lý thực tiễn, tâm lý, và ngôn ngữ dân gian Nam-bộ và miền Nam Trung-bộ. Triết lý và đạo đức nhân dân vốn vẫn sống rất bền dai, rất sinh động trong đời sống đạo đức thực tiễn và trong nền « văn hóa thực hành » của nhân dân. Trên một chừng mực nhất định, nó được « tổng kết » một cách tự phát trong cách tư duy và phô diễn dân gian, trong tục ngữ, thành ngữ, ca dao sống lưu chuyển trên dòng khẩu ngữ. Nguyễn Đình Chiểu đã dần dà lựa lọc, thâu thái cái vốn quý đó trực tiếp từ đám « dân ấp, dân lân » mà ông cùng chung sống trong chòm xóm. Và trong khi sáng tác, trau giũa *Lục Vân Tiên*, ông đã khéo léo lựa dòng cho nguồn suối dân gian trong mát đó ùa tràn vào trong tác phẩm của mình.

Đề diễn đạt nông nổi thăng trầm trong cuộc phiêu giạt của hai nhân vật chính, hàng chục thành ngữ dân gian về đề tài này đã ken dày vào giữa những vần thơ : *sao đời vật đổi ; màn trời chiếu đất ; sớm còn tới mắt ; phận bạc như vôi ; v.v...*

Chủ đề đạo đức trong *Lục Vân Tiên* đã khiến cho hàng loạt thành ngữ, tục ngữ, ca dao có ý nghĩa đạo đức vụt đến với Đồ Chiểu trong khi sáng tác. Có thể tìm thấy trong *Lục Vân Tiên* những khuôn tục ngữ như : *chùa rách Phật vàng ; nước có nguồn cây có cội ; sống sao*

thác vấy ; trọng nghĩa khinh tài ; chuông chẳng đánh sao kêu, đèn chẳng khêu sao rạng, v.v...

Trên một trình độ cao hơn, ca dao dân gian đã tham gia vào sự hình thành *Lục Vân Tiên* một cách rất độc đáo và thú vị.

Có những câu hát của dân gian đã lọt trọn vẹn vào trong truyện thơ :

*Lênh đênh một chiếc thuyền tình,
Muoi hai bến nước gửi mình vào đâu.*

Câu ca dao cũ đã tỏ ra hoàn toàn thích hợp khi được dùng để diễn tả trạng thái bơ vơ, bơ vạc của người con gái lúc chưa thể quyết bề nào, trong cuộc đời tình ái. Bùi Kiệm đã dùng câu ấy như một sự dựa dầy, đề dẫn tới cái « lập luận » của y về sự « vô lý » của Nguyệt Nga khi nàng cứ ngồi òm thờ bức tượng người tình xấu số. Và y tiếp luôn một câu ca dao cổ nữa, liền sát với câu trên :

*Ai từng mặc áo không bầu,
Ăn cơm không dưa, ăn trầu không cau ?
Nàng sao chẳng nghĩ trước sau...*

Trong một trường hợp khác, một câu ca dao đạo đức hết mực, đã được tác giả gài rất khéo vào lời một nhân vật phản diện : Võ Thề Loan. Ở những trường đoạn sau đó, càng ngày cái chất giả đạo đức trong câu nói của Thề Loan càng bày ra một cách trơ trẽn. Khi chia tay với Vân Tiên để chàng về kinh ứng thí, cô nàng đã dặn người yêu — hay đúng hơn — đã răn người yêu :

*Xin đừng tham đó bỏ đàng,
Chơi lê quên lựu, chơi trắng quên đèn.*

Câu ca dao lợi hại nói trên, càng về sau càng tỏ ra là chiếc « ngòi nổ chậm » mà cụ Hồ Chiêu đã gài vào « trái mìn » sẽ làm nổ tung cái tâm địa tráo trở của cả

nhà họ Võ ở những năm sau. Kể « tham đó bỏ đấng », « chơi lè quên lựu » nào có phải ai xa lạ !

Bên cạnh những câu ca dao cổ được sử dụng nguyên vẹn, trong *Lục Vân Tiên* có thể tìm thấy hàng loạt câu thơ, hoặc mang một mảnh của câu ca dao cổ, hoặc ít nhất cũng được tạo thành nhờ sự gợi ý của một câu ca dao cổ mà ta có thể dễ dàng tìm thấy bản gốc. Những văn liệu truyền thống, những mảnh câu ca cũ, những mô-típ cổ, những cảm hứng được gọi lên bởi một hình tượng, một từ ngữ hoặc một khuôn vần đã từng thuộc nhờ (nhưng còn ẩn náu đâu đó trong tiềm thức) đều đã được huy động và nhào nặn trong quá trình sáng tác của Đồ Chiểu. Và những sáng tạo mới mẻ sẽ ra đời, mà âm hưởng của nó thì lại là tiếng dội của một ngọn nguồn truyền thống nào đó, nhiều khi nhận ra ngay, nhưng cũng nhiều khi chỉ cảm nghe thấy, mà không sao nói cho tách bạch được.

*Ai ai cũng ở trong trời
Chinh chuyền, trặc nết chết thời cũng ma.*

Câu ca ấy, phải chăng có nguồn gốc từ câu ca dao cổ :

*Chinh chuyền chết cũng ra ma,
Lảng lơ chết cũng đem ra ngoài đồng?*

Khi Võ công nói với Vương Tử Trục rằng :

*Tới đây thì ở lại đây,
Cùng con gái lão sum vầy thất gia.*

thì chúng ta ngờ ngờ rằng một câu ca dao cổ của miền Nam đã đến với Nguyễn Đình Chiểu trong giây phút nấu nung vần thơ ấy :

*Gió đưa gió đẩy bóng trăng,
Ai đưa ai đẩy duyên nàng tới đây?*

*Tới đây thì phải ở đây,
Bao giờ bèn rẽ xanh cây hãy về.*

Sự tham gia của ca dao cổ vào tác phẩm *Lục Vân Tiên* còn đi tới một chiều sâu hơn. Trong khi nghiên cứu hình tượng Kiều Nguyệt Nga, nhiều nhà nghiên cứu đã lưu ý tới chi tiết bức hình Vân Tiên do nàng tự vẽ lấy bằng những nét rút từ trong trí nhớ, từ trong tình yêu và ân nghĩa. Trong những cuộc trao đổi ý kiến riêng, có nhà nghiên cứu đã nghĩ tới mối quan hệ giữa hình tượng nàng Nguyệt Nga vẽ và thờ bức hình chồng với một dạng nào đó của loại hình văn hóa cổ Champa hoặc Ấn-độ. Chúng tôi nghĩ rằng, có lẽ trước khi đi sâu vào giả thiết đó, hãy thử tìm bởi câu giải đáp cho vấn đề nêu ra từ một môi trường gần gũi và dễ thấy hơn. Giữa hàng trăm câu ca dao lưu hành trong đời sống tinh thần của nhân dân miền Nam, chúng tôi phát hiện thấy những câu rất quý sau đây :

*Lên non bẻ lá họa hình,
Họa cho thấy mặt kẻ tình nhớ thương.*

*Tượng linh dầu rách cũng thờ,
Lỡ thì chịu lỡ cũng chờ đợi anh.*

*Tượng linh dầu rách cũng thờ,
Lòng thương quản tử bao giờ cho quên.*

Những câu ca dao ấy nói nhiều lắm, gọi nhiều lắm! Đây có phải chính là một trong những ngọn nguồn cảm hứng của cụ Đồ Chiểu khi sáng tạo nên hình tượng Kiều Nguyệt Nga với bức tượng linh thiêng mà dào dạt tình người đó chăng ? (1). Cũng có

(1) Nên lưu ý thêm câu sau đây của Bài Kiệm hỏi nàng Nguyệt Nga :

*Tượng này sao giống Vân Tiên
Bấy lâu thờ có linh thiêng điều gì ?*

thê dè dặt mà nghĩ rằng bốn câu ca dao sau đã ra đời sau khi xuất hiện truyện *Lục Vân Tiên*. Nếu quả vậy, thì dù sao cũng còn cái dạng thô sơ, chất phác *bê là họa hình* của hai câu ca đầu tiên, đáng cho chúng ta tiếp tục suy ngẫm và tìm kiếm.

∴

Vinh quang thuộc về Nguyễn Đình Chiểu, khi mà, ngay từ trong tác phẩm đầu tay của mình, một khối lượng lớn tri thức văn hóa của nhân dân — vẫn tồn tại trong quá trình thực hành văn hóa hồn nhiên hằng ngày — đã được nhà văn huy động và nhào nặn, để làm nên một tiếng nói vang vọng của nhân dân trong một thời đại đầy biến động. Người bình dân Việt-nam, nhất là người dân Nam-bộ, đã lập tức say mê *Lục Vân Tiên* khi nó mới ra đời bằng con đường truyền miệng. Họ thường thức, ngâm ngợi, ca hát *Lục Vân Tiên* và cảm thấy soi vào trong đó mà gặp lại ngay chính mình. *Lục Vân Tiên* trở thành một tiếng hát tri kỷ của nhân dân. Bởi vì Đồ Chiểu đã nói hộ cho nhân dân, bằng tiếng nói và lối cảm nghĩ của chính họ, những điều họ đang ấp ủ, ước ao, tâm đắc. *Lục Vân Tiên* lập tức trở thành vũ khí cho những nghệ sĩ ca và dân gian, để họ chiến đấu trên những quảng trường bình dân cho những nguyện vọng dân chủ và nhân đạo của nhân dân. Tiếng hát anh-hùng của Vân Tiên, Hớn Minh... và ngọn gió tươi lành của tình người mà Nguyệt Nga, Tử Trục, Tiểu đồng, ông Quán, ông Chài... đem tới, có phần chắc là đã đưa lại cho công chúng bình dân cái cảm giác được giải phóng về phương diện tâm hồn. Mỗi chung tình của một nàng Nguyệt Nga, lối xử sự đầy nghĩa hiệp của một Vân Tiên, một Hớn Minh,

một Tử Trục... đã đem lại cho *Lục Vân Tiên* một âm điệu rất lạc quan, trong sáng. *Lục Vân Tiên*, đã thể hiện dưới một dạng rất dễ cảm thụ, những truyền thống đạo đức, truyền thống anh hùng, bất khuất đẹp đẽ và vững bền của người bình dân Việt-nam, của dân tộc Việt-nam. Chính vì thế, cho dù lịch sử đã đi rất nhanh, mà *Lục Vân Tiên* vẫn không hề bị lạc hậu. Bên cạnh tiếng súng cứu nước của Trương Định, tiếng hò la và ngọn tầm vông của nghĩa quân nhân dân Cần-giוע... tiếng ca về *Lục Vân Tiên* cũng vẫn là một cung đàn tranh đấu khoẻ khoắn, « thời sự », không hề lỗi nhịp!

Như thế, *Lục Vân Tiên* đi vào đời sống của nhân dân, sống cuộc sống sôi nổi và kỳ lạ của nó. Giờ thì đến lượt chính những hình tượng Vân Tiên, Nguyệt Nga, Bùi Kiệm v.v..., trở thành những hình tượng chính diện hay phản diện quen thuộc trong lối nói dân gian. Những hình tượng ấy tham gia một cách hết sức nhuần nhị và hồn hậu vào trong những câu hát dân gian mới ra đời sau *Lục Vân Tiên*. Từ tiếng hò mái nhì ở Quảng-trị, Thừa-thiên, từ tiếng hò bài chòi và tiếng hò ở miền Nam Trung-bộ, cho tới các điệu tứ đại cảnh, vọng cổ, hò chèo thuyền v.v..., của Nam-bộ, đều có thể tìm thấy những câu hát ý nhị, diễm như câu hát sau này:

*Con rắn hồ nó mở con rắn rồng,
Tiền kềm xĩa với tiền kềm, tiền đồng xĩa riêng;
Nguyệt Nga kết với Vân Tiên,*

Anh em Bùi Kiệm ngồi riêng ra ngoài.

Khi gót giày của quân xâm lược Pháp đã xéo đạp trên quê hương gấm vóc thì hình tượng Vân Tiên, Nguyệt Nga lại trở thành những tấm gương đầy ân ý của lực lượng nhân dân cứu nước. Trong lúc bọn phản bội đất nước, phản bội đồng bào đang làm những điều nhục nhã nhất trước cảnh « quốc phá gia

vong» thì khúc hát chung tình của một Nguyệt Nga hẳn không phải không chứa đầy ngụ ý :

*Lòng lại dấn lòng dầu non mòn biển cạn,
 Dạ lại dấn dạ dầu đá nát vàng nhòa ;
 Em đây quyết noi theo chị Nguyệt Nga,
 Mặc ai phỉnh dỗ, em chẳng sa lời nguyệt.*

(Hò mái nhì Trị — Thiên)

Quan sát mối quan hệ qua lại thâm thiết giữa *Lục Vân Tiên* với văn hóa dân gian chúng ta có thể thấy một cách sâu sắc: nhân dân đã đứng dậy, cất lên tiếng nói chất phác nhưng đồng dục của mình như thế nào, thông qua thiên tài của một người nghệ sĩ — người mà từ tâm hồn tới tài năng đều kết liền ruột thịt với nhân dân — trong một khúc quanh bi tráng của lịch sử. Ngôi sao văn học nhân dân Nguyễn Đình Chiểu thực đúng là « có ánh sáng khác thường » (1), cứ càng nhìn lâu, thì lại càng thấy sáng.

5-1972

(1) Phạm Văn Đồng, sách đã dẫn, tr. 9.

TỪ « LỤC VÂN TIÊN »

ĐẾN « DƯƠNG TỪ — HÀ MẬU »

NGUYỄN VĂN HOÀN

MỞ đầu *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đồng dạy kêu gọi :

*Hỡi ai lẳng lạng mà nghe,
Đũ ràn việc trước, lành dè thân sau.
Trai thời **trung hiếu** làm đầu,
Gái thời **tiết hạnh** là câu trau mình.*

Kết thúc *Dương Từ — Hà Mậu*, nhà thơ nhắn gửi mọi người một lời khuyên răn, bao hàm một tinh thần khẳng định dứt khoát :

*Cứ theo một đạo Nho ta,
Giữ câu **lễ nghĩa** muôn nhà yên vui.* (1).

(*Câu 1692*)

Được sáng tác tiếp sau *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ — Hà Mậu* cùng với *Lục Vân Tiên* là những tiếng kêu

(1) Các câu trích *Dương Từ — Hà Mậu* ở trong bài này đều dẫn theo bản sao lục của Phan Văn Hùm (Sai-gòn, *Tân Việt*, 1961) và ghi kèm theo số thứ tự của câu đầu tiên.

gọi bảo vệ đạo lý Khổng Mạnh — thực chất là kêu gọi bảo vệ đạo đức, bảo vệ chính nghĩa — giữa một xã hội phong kiến suy tàn, mà ngay cả trong đám nhà Nho không ít người đã ngã theo con đường hư ngụy :

*Nhiều người theo đạo Nho ta,
Tiếng đồn hay chữ vậy mà làm những !*

(Câu 1318)

Tuy nhiên do chỗ được sáng tác trên những bối cảnh lịch sử khác nhau (trước và sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam-bộ), có nội dung cụ thể khác nhau, hoàn cảnh phổ biến khác nhau, nên mỗi tác phẩm có một vận mệnh riêng, một đời sống riêng.

Lục Vân Tiên sớm được phổ biến rộng rãi trong đông đảo công chúng, trước tiên ở miền Nam, rồi sau đó nhanh chóng lan ra toàn quốc. Ngay từ những năm 70 — 80 của thế kỷ trước, khi Nguyễn Đình Chiểu còn sống, những người Pháp đặt chân lên đất Nam-bộ đã có thể chứng kiến quang cảnh « trên các ngã đường, nhiều người An-nam ngồi xồm xúm quanh một người nghèo khổ, ăn mặc rách rưới, thường là bị mù, để nghe kể chuyện *Lục Vân Tiên*, có khi đến hàng giờ mà không biết chán... » (1). Còn trường hợp *Dương Tử — Hà Mậu* thì có khác. Tác phẩm này đến tay độc giả đông đảo của toàn quốc theo một con đường quanh co khúc khuỷu hơn. Trước tiên nó được truyền miệng ở vùng Gia-định. Theo Phan Văn Hùm, « có lẽ tập thơ ấy làm thỏa thích người đồng thời với tác giả nó, cho nên nó vẫn được hoan nghênh, truyền tụng và dầu cho nó không có cái hân hạnh được xuất

(1) *Eng. Lajot : Histoire du Grand Lettré Lục Vân Tiên, Paris, Challamel-ainé, 1887.*

bản, vì lời lẽ nó xằng bạo...» (1). Sau đó trong một thời gian khá dài, tác phẩm đó hầu như bị thất truyền. Thực dân Pháp chỉ vờ vập với *Lục Văn Tiên*, phở biến *Lục Văn Tiên*, vì đối với nội dung «hiếu nghĩa» của *Lục Văn Tiên*, chúng còn có thể bóp méo, xuyên tạc và lợi dụng được, thậm chí cho đến những năm cuối đại chiến thứ II, chúng còn uốn nội dung *Lục Văn Tiên* theo khẩu hiệu «Cần lao — Gia đình — Tò quốc» của Pétanh; còn đối với *Dương Tử — Hà Mậu* là tác phẩm thẳng thừng lên án hành động lợi dụng tôn giáo để đi cướp nước, thẳng thừng lên án mọi tội ác lừa đảo, bóc lột, bất hiếu bất trung, «sâu dân một nước», tóm lại là lên án chính cái xã hội mà hồi đó các nhà «khai hóa» Đại Pháp đang xây dựng trên đất nước ta, thì chúng hoàn toàn bất lực, không thể nào vạy vẹo để xuyên tạc được. Chính vì vậy mà trong khi làm ra vẻ trân trọng Nguyễn Đình Chiểu và đề cao *Lục Văn Tiên*, thực dân Pháp cố tình làm cho mọi người lãng quên các tác phẩm khác của Nguyễn Đình Chiểu, trong đó có *Dương Tử — Hà Mậu*. Một số cụ già vùng Cần-giוע kể lại rằng: trong buổi đầu kháng chiến, bọn tay chân giặc Pháp rất ghét tập thơ này (2).

Mãi đến khoảng 1935 — 1936, *Dương Tử — Hà Mậu* mới được học giới biết đến. Người đầu tiên đem tác phẩm này ra «khai sinh» lại, là Mai Huỳnh Hoa, chặt ngoai của Nguyễn Đình Chiểu (3). Trong một bài báo

(1) Phan Văn Hùm: Nỗi lòng Đồ Chiểu, Editions Đỗ Phương Quế; 1938, trang 26.

(2) Theo Bảo Định Giang: Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu (bản in lần thứ hai), Nxb. Văn học, Hà-nội, 1971, tr. 19.

(3) Mai Huỳnh Hoa là cháu ngoai của người con gái thứ năm của Nguyễn Đình Chiểu, tên là Nguyễn Ngọc Khuê, bút danh Sương Nguyệt Anh, từng làm chủ bút tờ Nữ giới chung. Bà là người phụ nữ Việt-uam đầu tiên làm nghề viết báo.

trình bày tiểu sử nhà thơ, bà đã giới thiệu vắn tắt, nhưng khá chính xác về nội dung tác phẩm đó: « Tiên sinh còn có một bản *Dương Tử - Hà Mậu* đề bênh vực đạo Nho. Hà Mậu theo đạo Chúa, Dương Tử theo đạo Phật. Hai đảng nghi hoặc đạo mình, bèn nhờ một ông đạo sĩ tu tiên làm phép đưa đi Thiên-đàng, Tịnh-thổ. Đến đâu cũng không thấy gì cả. Khi xuống Âm-phủ thì thấy ông bà bị hành hình. Ý truyện quy kết về đạo Nho. Vì lời lẽ xằng bậy nên chưa xuất bản được » (1).

Tiếp theo Mai Huỳnh Hoa, Nguyễn Văn Nghĩa, người đã tìm ra bản gốc cuốn *Dương Tử - Hà Mậu*, lại giới thiệu thêm về tác phẩm đó trong một bài báo mang một đầu đề có nhiều ý vị phát hiện: *Tác phẩm của Đồ Chiểu trôi qua thời gian, một tác phẩm bị vùi lấp, nay mới thấy mặt trời* (2). Tiến thêm một bước, Nguyễn Văn Nghĩa cung cấp cho người đọc một đôi tia sáng chung quanh lai lịch và thời điểm sáng tác cuốn *Dương Tử - Hà Mậu*: « Khi cụ Đồ Chiểu mù, ở tại Tân-thuận-đông (3) tổng Dương-hòa-hạ trong hai, ba năm, nơi nhà ông bạn, ông Nhiều Cơ — Lê Quang Thịnh; ở đây muốn vui lòng ông bạn, luôn tiện đề bênh vực đạo Nho, cụ Đồ đọc quyển *Dương Tử - Hà Mậu* cho ông Nhiều Cơ chép ». Nguyễn Văn Nghĩa « nhờ có quen với người cháu ông bạn cụ Đồ nên được xem qua bản thảo quyển đó ». Đó là một bản chữ Nôm. Nguyễn Văn Nghĩa đã cho phiên âm ra Quốc ngữ và công bố nhiều đoạn trên báo *Mai* xuất bản ở Sài-gòn năm 1938 (4).

(1) *Mai Huỳnh Hoa*: Tiểu sử cụ Đồ Chiểu: Sài-gòn; tuần báo Tân văn số 27; ngày 16-2-1935.

(2) *Báo Mai*; Sài-gòn; số 35; ngày 31-10-1936.

(3) Tân-thuận-đông thuộc tỉnh Gia-dịnh (theo Monographie de la Province de Gia-dịnh).

(4) Năm 1943, Nguyễn Văn Nghĩa lại công bố thêm một số đoạn trên báo *Phóng sự*, cũng xuất bản ở Sài-gòn.

Như vậy là Dương Tử — Hà Mậu đã được sáng tác ở vùng Gia-dịnh — Cần-giוע, trong khoảng, thời gian thực dân Pháp đã bắt đầu gây hấn ở Nam-bộ, trước khi Cần-giוע thất thủ (1861) (1), và sau đó Nguyễn Đình Chiểu phải chạy đi Ba-tri (2).

Sau Nguyễn Văn Nghĩa đến lượt Phan Văn Hùm, chồng bà Mai Huỳnh Hoa, lại công bố thêm một số đoạn Dương Tử — Hà Mậu trong cuốn *Nỗi lòng Đồ Chiểu*, xuất bản năm 1938. Trước sau, người ta biết được tất cả non 500 câu, trong tổng số 3.448 câu của tác phẩm này (3) theo sự sao lục của Phan Văn Hùm. Nhưng cuốn sách của Phan Văn Hùm xuất bản chưa được bao lâu thì đã bị thực dân Pháp cấm lưu hành, còn những đoạn do Nguyễn Văn Nghĩa công bố thì chỉ mới được in báo, mà lại không phải là những tờ báo phát hành rộng rãi toàn quốc, nên việc phổ cập những

(1) Nguyễn Lộc viết: Dương Tử — Hà Mậu « viết ra từ trước khi Pháp xâm lược để dạy đạo Khổng cho học trò, lúc này (khi Nam-bộ đã bị Pháp chiếm — N.V.H. chú) cũng được sửa lại cho thích hợp với tình hình » (Xem Văn học Việt-nam nửa cuối thế kỷ XIX; Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà-nội, 1971, tr. 88). Ca Văn Thỉnh cũng cho biết như vậy nhưng chưa rõ căn cứ vào đâu.

(2) Chưa rõ đích xác là Nguyễn Đình Chiểu chạy đi Ba-tri năm nào. Theo Trương Vĩnh Ký, trong *Lục Văn Tiên*, Sài-gòn, 1887, thì đến năm 1877 Nguyễn Đình Chiểu mới dời xuống Bến-tre ở.

(3) Theo cách tính: mỗi câu « lục » là một câu; mỗi câu « bát » một câu. Nếu tính cả các câu đối, liên, văn tế, thơ ngâm vịnh xướng họa xen trong toàn truyện thì tổng số câu của Dương Tử — Hà Mậu là 3.715 câu dài hơn Lục Văn Tiên (2.080 câu, theo bản Vũ Đình Liên), dài hơn cả Truyện Kiều (3.254 câu, loại bản thường, hoặc 3.256 câu, loại bản kinh).

đoạn trích trên đây của cuốn *Dương Tử — Hà Mậu* cũng bị hạn chế. Tất nhiên, tình hình đó không ngăn cản việc một số câu trích từ *Dương Tử — Hà Mậu* như:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà!*

(Câu 1556)

được phổ biến rộng rãi trong công chúng và trở thành những câu thơ nổi tiếng của Nguyễn Đình Chiểu.

Lại phải đợi đến ngót hai mươi năm sau, trong một hoàn cảnh mà việc sưu tầm thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trở thành khó khăn hơn — hoàn cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt — những tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu nói chung, về tác phẩm *Dương Tử — Hà Mậu* nói riêng, dần dần mới được sưu tập và nghiên cứu một cách có hệ thống trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa của Tổ quốc. Nói cho đúng, chính hoàn cảnh khó khăn đó lại tạo ra một sức mạnh mới, tha thiết thúc giục giới nghiên cứu văn học nước ta nỗ lực tìm hiểu về Nguyễn Đình Chiểu, mong làm sống lại « người con vinh quang của dân tộc » (1) trong hàng ngũ những người anh hùng kháng chiến của thời đại mới. Vì theo đúng quyết tâm và khí phách của Nguyễn Đình Chiểu thì « sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muốn kiếp nguyện được trả thù kia » (*Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע*). Và cũng chính trên bối cảnh đất nước phải đương đầu với một kẻ thù xâm lược mới, hung ác, tàn bạo hơn, mà thơ văn Nguyễn Đình Chiểu lại phát huy mạnh mẽ ý nghĩa, giá trị của nó là lời ngợi ca truyền thống bất khuất, kiên quyết đánh giặc giữ nước, là lời biểu dương ý chí bảo vệ nền thống nhất

(1) Chữ dùng của đồng chí Phạm Văn Đồng trong bài Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc, Tạp chí văn học; tháng 7-1963. Xem toàn văn in lại trong sách này.

của đất nước. Chính trong hoàn cảnh đó mà những đoạn trích *Dương Từ — Hà Mậu* do Nguyễn Văn Nghĩa và Phan Văn Hùm công bố đã được miền Bắc trân trọng sưu tầm và chọn lọc để in vào bộ *Hợp tuyển thơ văn Việt-nam* (1) và tuyển tập *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (2). Tuy nhiên do chỗ chưa nắm được toàn bộ tác phẩm, thậm chí không rõ trật tự trên dưới của các đoạn trích, nên việc sử dụng và phân tích *Dương Từ — Hà Mậu* đã không tránh khỏi một số lầm lẫn, thiếu sót khá quan trọng.

Cuốn *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* có thể xem là một hợp tập đầu tiên về tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu. Ở đây, *Dương Từ — Hà Mậu* được trích in lại nhiều nhất, tất cả có 12 đoạn, nhưng việc cấu tạo sắp xếp trật tự giữa các đoạn lộn xộn, chắp vá hơn cả. Ở đây chỉ xin nêu lên một vài điểm quan trọng nhất. Chẳng hạn, đoạn trích 1, được đặt nhan đề *Dương Từ — Hà Mậu đi thi* và in lên đầu thì lại chính là một đoạn ở cuối truyện; ngược lại đoạn *Dương Từ xuất gia* được đặt xuống dưới cùng thì vốn lại là một đoạn ở đầu truyện (3). Ở cuối truyện, trái lại Dương Từ sẽ rất hối hận về việc « quy y lầm đường » của mình :

(1) Ở tập IV, phần trích thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, từ trang 22 đến trang 57; Nxb. Văn học; Hà-nội; 1963.

(2) *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*; Nxb. Văn học; in lần thứ nhất; Hà-nội; 1963; — in lần thứ 2; Hà-nội; 1971.

(3) Vũ Đình Liên cũng lầm khi viết: « Kết thúc truyện Dương Từ, Hà Mậu, Nguyễn Đình Chiểu đã để Dương Từ xuất gia » (Tập chí Văn học số 2: tháng 8-1963: tr. 79).

Năm 1971, khi cuốn *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* xuất bản lần thứ hai thì có đồng chí trong ban biên tập cuốn đó, đã được xem bản *Dương Từ — Hà Mậu* do Phan Văn Hùm sao lục, nhưng không hiểu tại sao lại không kịp thời sửa lại những lầm lẫn trên đây?

*Than rằng: Sự dĩ đảo đầu,
Biết khòn thời đã tóc râu hết rồi!*

(Câu 715)

Đoạn trích trên đây không phải là nói về việc Dương Từ, Hà Mậu đi thi mà chính là Dương Trán, Dương Bửu, hai con trai sinh đôi của Dương Từ đi thi. Nếu đọc kỹ ngay bản thân đoạn trích, trong đó có nhiều câu « *Trán rằng: ... Bửu rằng: ...* » thì đã cũng có thể nhận ra điều đó.

Việc nhà xuất bản Tàn Việt ở Sài-gòn, năm 1964, công bố bản *Dương Từ – Hà Mậu* do Phan Văn Hùm sao lục có thể xem là kết thúc cả một chặng đường dài gian khổ mà tác phẩm này đi đến với bạn đọc đông đảo. Đối với người nghiên cứu, văn bản này chưa phải đã hoàn toàn xóa hết mọi băn khoăn. Chính Phan Văn Hùm cũng thừa nhận: « Bên trong còn nhiều nơi bất ổn, chúng tôi chẳng hài lòng. Nhưng chưa có may nào thấy được bản khác để mong lấy số nhiều giảm bớt sai ngoa, nên chúng tôi phải tạm trình bản sao lục này dưới mắt xanh của thực giả » (1).

Bản của Phan Văn Hùm dựa trên bản quốc ngữ của Nguyễn Văn Nghĩa phiên âm theo bản Nôm của Nhiều Cơ và bản Nôm của Hồ Văn Lân ở Cần-giộc (Chợ Lớn) (2). Ở đây chúng tôi không có ý định nêu lên một số nhận xét về phương diện văn bản học liên quan đến tác phẩm này, cũng như chưa so sánh, đối chiếu giữa phần do Nguyễn Văn Nghĩa và Phan Văn Hùm công bố

(1) *Dương Từ – Hà Mậu*: đd., tr. 10 (Biên soạn).

(2) Trong cuốn *Nỗi lòng Đờ Chiêu*, Phan Văn Hùm đã cho biết: « Bên này vùng Cần-giộc ít ra cũng còn ba bản sao lại mà chúng tôi được xem thấy một, giấy bạch đã trở vàng, nét mực đã lu mờ ở mấy góc chỗ ngón tay từng mó để lật trang » (sách đã dẫn, tr. 27).

trước đây với bản do nhà Tân Việt mới xuất bản, mà chỉ nêu ra một nhận xét nhỏ có liên quan đến việc phân tích tác phẩm. Đó là trong bản *Dương Từ — Hà Mậu* mới được công bố, thỉnh thoảng lại có một số câu bị lược đi, chỗ ít thì một câu, chỗ nhiều đến 44 câu. Tổng cộng 151 câu bị lược. Rất dễ dàng nhận thấy rằng phần lớn các đoạn chỉ trích đạo Thiên chúa đã bị lược bỏ. Không hiểu việc lược đó là do người sao lục, do nhà xuất bản hay do cơ quan kiểm duyệt của ngụy quyền Sài Gòn làm? Trong lời nói đầu, người sao lục không nói gì đến việc lược đó. Phải chăng lý do của việc đó là vì «lời lẽ xằng bậy» của tác phẩm? Dù sao mặc lòng, nói đến *Dương Từ — Hà Mậu* không thể không sử dụng bản sao lục của Phan Văn Hùm. Vì một lẽ rất giản dị: đây là bản duy nhất. Vả chẳng những tài liệu chung quanh Nguyễn Đình Chiểu thì những điều công bố của những người có quan hệ gia đình với nhà thơ như Nguyễn Đình Chiêm, Mai Huỳnh Hoa, Phan Văn Hùm cần phải hết sức chú ý. Tất nhiên là với một thái độ có cân nhắc phê phán.

..

Cũng giống cách gọi tên tác phẩm ở *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ, Hà Mậu* là tên hai nhân vật chính trong truyện.

Hà Mậu, người đất Long-môn, Hậu Tấn, vốn năm đời theo đạo Thiên chúa, tuổi đã sáu mươi mà vẫn chưa có con. Bỗng một hôm vợ Hà Mậu chiêm bao thấy trăng sa trên mình, liền thụ thai. Nhưng thầy lang Châu Kỳ, vốn nổi tiếng về thuốc gia truyền, lại bắt Hà Mậu «mắc quỷ đầu thai». Nghe nói, vợ Hà Mậu, sợ hãi, chạy đến Châu Kỳ «bỏ đầu thai». Nhưng thầy lang lại bắt Hà Mậu «mắc quỷ đầu thai». Đến nơi thầy lang nói rằng rất tức bực pho

dang đánh cờ, hai bên có hai con hạc và Lý Tri Niên đứng hầu.

Nghe Hà Mậu hỏi việc bệnh tật, thuốc thang, hai ông lão cười ngặt :

*Khéo nghe thầy tục làm phơ nói quàng!
Liễu nương ghen đủ mười trượng,
Song sanh hai gái, Tuyết, Băng, trên đời...
(Câu 51)*

Nói xong, cười hạc bay đi.

Hà Mậu về đến nhà thì vợ sinh « hai gái nồn nà ». Đến ngày chẵn tháng, hai họ nội, ngoại họp lại đặt tên thì ông trưởng tộc liền bảo :

*Hài nhi gương mặt như trăng,
Đặt tên Xuân Tuyết, Thu Băng cho lành.
(Câu 108)*

Hà Mậu hết sức ngạc nhiên, thấy mọi điều Tiên dạy, dù lớn, dù nhỏ, thấy đều linh nghiệm. Do đó người tin đồ đạo Thiên chúa này lại càng băn khoăn về một điểm Tiên nói trong lần gặp trước :

*Vinh hoa có số ở trời,
Số người sau cũng đời đời mới nên!
Mấy lời ta nói chớ quên,
Đừng mong sau thác đứng lên Thiên-đàng!
Ông cha trước đã làm đàng,
Thời sau con cháu tính toán lẽ gì?
(Câu 53)*

Cũng trong lần gặp đó, Lý Tri Niên còn tiết lộ cho biết :

*... Chẳng giấu chi người,
Hai ông lão ấy thật người thiên công.
Phép hay biến hóa, thần thông,
Một ông Bắc đẩu, một ông Nam tào.*

*Hai ông giữ sỏ Thiên tào,
Mạng dân sanh tử đều vào trong tay.*

(Câu 60)

Hà Mậu lại đến nhờ Lý Tri Niên giúp cho lần nữa, nhưng Lý bảo tìm được Nam tào, Bắc đầu khó lắm, chỉ bằng đến chùa Linh-diệu núi Thiên-thai, tìm thầy « tiên trưởng » Lão Nhan mà hỏi, Hà Mậu nghe lời, liền khăn gói lên núi Thiên-thai.

Bấy giờ ở huyện Nam-khang có Dương Từ cũng « đã năm mươi mấy tuổi đầu » mà vẫn chưa có con. Hai vợ chồng ngày đêm « vái Phật, vái Trời », « ra ơn, làm phước », cuối cùng sinh đôi hai trai, đặt tên là Dương Trần, Dương Bửu. Sau khi đã có con nối dõi tông đường, Dương Từ bèn « xuất gia đầu Phật ». Ít lâu sau, Dương Từ xin hòa thượng Trần Kỷ cho đi vân du. Trên đường đi, Dương Từ gặp nhiều hạng người : từ hai cô gái hái dâu cho đến ông Ngư, ông Tiên, các ẩn sĩ, đạo sĩ... ai ai cũng chế nhạo, chỉ trích hành động « trốn trâu, trốn thuế, vô chùa » của mình. Một đêm vào ngủ nhờ trong chiếc miếu cỏ, lại chiêm bao thấy thần mắng cho một trận nên thân ! Sáng ra mới biết đó là miếu thờ Hàn Dũ !

Trong dạ người tin đồ đạo Phật lại càng lưỡng lự, phân vân :

*Nghĩ mình từ thuở xuất gia,
Tới nay kẻ đã đặng ba năm trường.
Người thời chê lỗi cương thường,
Thần thời bắt tội : lỗi đường hiếu trung.
Biết tu mấy kiếp cho xong !
Làm người rất thẹn đứng trong cõi người !*

(Câu 315)

Nhưng bàn lui tính tới mãi, cuối cùng Dương Tử vẫn quyết chí tìm về chùa Linh-diệu đi tu. Đến cửa động Thiên-thai thì đã thấy Hà Mậu ở đấy.

Gặp Lão Nhan, hai người cùng bày tỏ niềm băn khoăn nghi hoặc: không hiểu sau khi chết, hồn có được lên Thiên-đường như đạo Phật và đạo Thiên chúa đều dạy hay không. « Tiên trưởng » Lão Nhan nghĩ « nói cũng ồng lời », bèn viết tin bài, đốt bùa linh, cho uống kim đan, rồi làm phép « xuất hồn » cho hai người đi « du quan » Thiên-đường, Địa-ngục.

Đi khắp năm tầng trời: *Thanh thiên, Xích thiên, Bạch thiên, Hắc thiên, Trung thiên*, « thấy đều chẳng gặp quen mình là ai », Dương Tử — Hà Mậu liền hỏi « Hoàng cân lực sĩ »:

Rằng: Đi năm cửa Thiên-đàng,
Cớ chi không thấy Hòa-lan người nào?
Cũng không Phật tổ ra vào,
Hoặc là còn ở trời nào nữa chẳng?

(Câu 640)

« Hoàng cân lực sĩ » lại dẫn đi tiếp, lên *Hiền thiên, Củng thiên, Thương thiên* và sau hết đến *Huyền thiên*: « Ngọc Hoàng Đại đế thật là cõi đây »! Cũng may hôm đó Ngọc Hoàng « nhóm châu các cung » nên hai người được dịp điếm qua « những người châu chực nhà Trời ». Và vị đứng đầu các « tinh quân », có nghi vệ oai phong lẫm liệt, lại chẳng phải là ai xa lạ:

Ngồi trong kiệu ngọc, tàn vàng,
Một ông Không Tử dung nhan tốt lành.
Theo sau biết mấy thần linh,
Coi trong thẻ bạc đề danh Đại hiền.

(Câu 688)

Trong đám « thần linh » đó có cả Quan Công thường được thờ trong các chùa. Dương Từ mừng rỡ tưởng người của đạo mình, liền chạy theo thỉnh gọi, nhưng liền bị người theo hầu Quan Công gạt đi :

*Chùa ta chẳng phải đi tu,
Trong mình giữ vẹn tóc râu tốt lành.
Nói cho sãi rõ sự tình.
Nhằm coi Thần, Phật, hai hình khác nhau.*

(Câu 712)

Thất vọng, Dương Từ – Hà Mậu lại theo quỷ sứ dẫn đường, xuống xem Địa-ngục, ở đây « cảnh vật khác thi nhân gian ». Khắp nơi có bọn quỷ « Dạ xoa » « đầu trâu mặt ngựa » và bọn quỷ tốt :

*Xòm đầu, vắn cổ, dài tay
Xú tai, lồi mắt, mũi dài, răng to.*

(Câu 763)

chặn canh các cửa và chuyên việc hành hình các tội nhân. Qua suối Hoàng-tuyền đến Ác-cầu thôn, Dương Từ, Hà Mậu thấy một lũ vài mươi « thầy pháp » đang bị bầy chó dữ « nhai đầu ăn gan », qua Đào-san thấy thầy địa lý đang bị hành hình, qua Nại-hà-kiều thấy « một lũ trọc đầu » đang bị đẩy xuống cho « măng xà cẩu thây ».

Dương Từ khiếp sợ, muốn trở về nhưng không thể được, đành phải tiếp tục đi nốt cho trọn giờ đã ghi trong « tin bài ». Qua các ngục, thấy không biết bao loại người bị hành tội : bọn đồng bóng lừa người, bọn lang băm và bà mụ dốt làm người chết oan, bọn loạn luân, dâm bôn, bọn con bất hiếu, bọn cho vay nặng lãi, bọn trộm cướp giết người, bọn thơ lại và hoạn quan sâu dân một nước, bọn bày tội gian tà, bất trung... Khác với lúc lên Thiên-dương, ở đây Dương Từ, Hà Mậu lại gặp khá

hiều « người quen » : Châu Phan, chú ruột vị « danh y » Châu Kỳ, vì cắt lăm thuốc, hại oan mạng người, bị hành tội, rồi cho hóa kiếp làm dê ; hòa thượng Trần Kỳ của Dương Tử bị ném cho rắn ăn tươi rồi hóa làm trâu trong chín kiếp. Trước lúc bị hóa kiếp, Trần Kỳ còn kịp dặn với « sư đệ » Dương Tử :

*Người về xin gửi vài lời,
Nói cùng tăng sãi các nơi chùa chiền :
Trở về theo đạo thánh hiền,
Lo bề nhà cửa, chớ quên đi tu.*

Dưới Địa-ngục, Hà Mậu gặp cả ông nội mình là Hà Năng. Hai ông cháu chưa kịp hàn huyên ngành ngọn thì đã bị quỷ sứ lôi đi (1).

Dương Tử, Hà Mậu trở về Thiên-thai, dạo chơi tiên cảnh « mới gần nửa trăng » mà ở dưới trần thấm thoát đã mười lăm năm : Xuân Tuyết, Thu Băng « tuổi vừa hai bảy, vừa chùng đào yêu », sắp kết duyên với Dương Trần đã đổ Bông nhãn và Dương Bửu đã đổ Thám hoa.

Dương Tử, Hà Mậu trở về nhà, kể lại đầu đuôi mọi điều mắt thấy tai nghe ở khắp Thiên-dương, Địa-ngục. Các họ đạo « đều nguyện đốt kinh ». Nhà vua lại đòi hai người vào ban thưởng rồi « dụ xuống khắp nơi » :

Cấm theo đạo Phật, đạo Trời, chẳng nên.

(Câu 1688)

∴

Cũng giống như ở *Lục Vân Tiên*, dụng ý của Nguyễn Đình Chiểu khi viết *Dương Tử — Hà Mậu* là cốt để khẳng định, biểu dương đạo Nho :

(1) Trong bản sao lục của Phan Văn Hùm, đoạn Hà Năng dẫn dò Hà Mậu bị lược đi tất cả 18 câu. Đương nhiên đây là một đoạn chỉ trích đạo Thiên chúa.

Nay ta cứ gốc mà phân,
 Theo đường nhân nghĩa chỉ bằng đạo Nho,
 Trời sinh có một đạo Nho,
 Ngàn nghề muôn nghiệp đều lò ấy ra.

(Câu 1663)

Duy có điểm khác là trong *Lục Vân Tiên*, để bảo vệ đạo Nho, Nguyễn Đình Chiểu chỉ phải đấu tranh với những cảnh «nhân tình éo le» do lòng tham danh trục lợi của bọn quan lại, bọn giàu có trong một xã hội phong kiến suy tàn gây ra, còn ở đây, trong *Dương Từ — Hà Mậu*, mối đe dọa đối với đạo Nho đã trở thành nghiêm trọng hơn, phức tạp hơn. Bên cạnh những thói «làm nhăng» của ngay những tín đồ đạo Nho đã có nguy cơ do các đạo khác, trước hết là đạo Thiên chúa, mà Nguyễn Đình Chiểu gọi là «đạo Hòa-lan» hay «tả đạo». Nguy cơ đó sở dĩ nảy sinh là vì chủ nghĩa đế quốc đã từng bước gây hấn, xâm lược nước ta và để đạt mục đích đầy tội ác đó, chúng đã không từ một thủ đoạn thâm độc nào, kể cả thủ đoạn lợi dụng các tôn giáo. Cho nên không phải riêng đối với một tôn giáo mới du nhập mà chắc Nguyễn Đình Chiểu chưa am hiểu mấy về giáo lý là đạo Thiên chúa, mà ngay cả đối với một tôn giáo quen biết hơn là đạo Phật, Nguyễn Đình Chiểu cũng không phê phán về mặt giáo lý. Nói cho đúng, phê phán đạo Phật về giáo lý cũng không phải là một việc đơn giản. Các nhà nho Việt-nam và Trung-quốc, trước Nguyễn Đình Chiểu thường cũng chỉ phê phán sự sai về phương diện xã hội và đạo đức. Trong *Dương Từ — Hà Mậu*, Nguyễn Đình Chiểu cũng tiến hành một sự phê bình tương tự. Và dĩ nhiên là Nguyễn Đình Chiểu cũng chỉ biết nhận danh Nho giáo, chỉ dựa vào những nguyên tắc đạo lý, của Khổng Mạnh mà các nhà nho vẫn xem là «thiên

kinh địa nghĩa», để thực hành việc phê bình đó. Có điều là trong quan niệm Nho giáo của Nguyễn Đình Chiểu— như phần sau sẽ chứng minh — cũng có điểm khác.

Lời Hàn Dũ hiển linh, mắng Dương Tử có thể xem là tiêu biểu cho lập luận công kích của Nho giáo đối với Phật giáo:

*Tóc râu là dạng nam nhi,
Của cha mẹ đúc, can gì cao đi?
Tồ tiên chút đã đên chi,
Vừa hương bát nước, nào khi phụng thờ?
Áo cơm còn nợ sờ sờ;
Lá rau, con cá, ở nhờ đất vua.
Trốn xâu, trốn thuế, vô chùa,
Trong đời những sãi thời vua nhờ gì?
Vợ chồng sao bỏ nhau đi?
Lời nguyện dường ấy dám khi quỷ thần!
Ba giềng chẳng đặng một phần,
Như vầy cũng tiếng là thân con người!*

(Câu 291)

Lời phán xét của Diêm vương đối với các sư sãi lại nhấn mạnh đến mặt đạo đức và nhuộm nhiều màu sắc lý lẽ dàn gian:

*Bày đường nói kệ, nói kinh,
Mõ chuông cửa Phật rập rình ra vô.
Miệng thời niệm chữ nam mô,
Mắt xem găm ghé mấy cô đi chùa.
Áo cơm khỏi tốn tiền mua,
No lòng ấm cật lại đua thối xằng;
Tham cầu sắc dục ai bằng,
Lòng lang, dạ cáo lẳng nhặng trọn đời.
Khi buồn có vãi đồ chơi,
Khi vui vợ khách, cùng nơi thanh lâu,*

*Chẳng từ thịt chó, thịt trâu.
Trối thây giới cấm mặc dầu no say ;
Ngoài am giả chước ăn chay.
Trong liêu rượu thịt ngày ngày liền xơi.*

(Câu 827)

Bên cạnh những lý lẽ quen thuộc công kích trên đây, lập luận phê bình các tôn giáo của Nguyễn Đình Chiểu cũng có phần mới mẻ, khi xuất phát từ yêu cầu chính trị của việc chống giặc giữ nước, Nguyễn Đình Chiểu đã nâng vấn đề lên bình diện *dân tộc và tôn giáo*, hay nói cho cụ thể hơn, đã đặt vấn đề *trách nhiệm công dân* của tín đồ tôn giáo. Dưới hình thức trình bày kinh nghiệm lịch sử Trung-quốc, ở thời Tam đại, khi «Phật chưa bày hình», thì «dân an nước trị», từ đời Hán qua Thiên-trúc rước kinh Phật về, thì, trải qua Ngụy, Trần, Tề, Tống, quốc sự dân tình ngày một rối ren, Nguyễn Đình Chiểu viết:

*Bao nhiêu theo đạo Tây phương.
Phước lành chưa thấy, tai ương tới mình.
Trên thời nghiêng nước, nghiêng thành,
Dưới thời nhà cửa tan tành xiết bao!*

(Câu 479)

Cũng từ góc độ đó, Nguyễn Đình Chiểu phê bình Thiên chúa giáo, vạch rõ một sự thực hiện nhiên đang diễn ra trước mắt Nguyễn Đình Chiểu là thực dân Pháp đã lợi dụng Thiên chúa giáo, lợi dụng các giáo dân để ăn cướp nước ta:

*Dân mà mè đạo Tây rồi
Nước người muốn lấy mấy hồi phòng lo (1).*

(1) Dẫn theo *Nỗi lòng Đồ Chiểu*, tr. 26. Đáng chú ý là trong bản Phan Văn Hùm đoạn này cũng bị lược bỏ.

Khó mà có thể bác bỏ lời phê phán đó của Nguyễn Đình Chiểu. Thái độ đối với các tôn giáo của Nguyễn Đình Chiểu, kể cả thái độ thiên vị đạo Nho, chưa phải là một thái độ kỳ thị tôn giáo, cũng không giống cái tình trạng « đạo là pháo đài ... » mà linh mục Nguyễn Ngọc Lan đã phát hiện ra ở miền Nam hiện nay, do thủ đoạn chia rẽ tôn giáo của đế quốc Mỹ gây ra (1). Chính Nguyễn Đình Chiểu đã viết trong *Dương Tử — Hà Mậu* một ý kiến cởi mở :

*Sách ghi chữ « đạo » là « đường »,
Đường đi nào phải một phương hẹp hòi !*

Nguyễn Văn Trung, một trí thức công giáo ở Sài-gòn, cũng thừa nhận : « Thái độ của Nguyễn Đình Chiểu đối với Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo phản ánh thái độ chung của dân tộc trong lịch sử cũng như trong hiện tại. Thái độ đó nêu cao một chân lý : điều quan trọng hơn cả không phải là tôn giáo, học thuyết nói cái gì nhưng là những người rao giảng và theo đạo học thuyết đó làm lợi hay hại cho việc bảo vệ và phát huy dân tộc ; vì lòng yêu nước chính là tiêu chuẩn xác định giá trị, tình cảm và sự lựa chọn một thái độ đối với mọi tư tưởng, đạo lý, nhất là đối với những tư tưởng học thuyết mang từ bên ngoài vào » (2).

Độc giả ngày nay không còn đồng tình với Nguyễn Đình Chiểu về thái độ thiên vị đạo Nho. Những thế hệ

(1) Nguyễn Ngọc Lan viết trong *Đường hay pháo đài ?* (Nxb. Trình bày ; Sài-gòn ; 1969) : « Đạo là đường hay là lô cốt, pháo đài ? Một vấn đề đang ám ảnh chúng ta khi còn muốn chú ý đến chuyện tôn giáo » (tr. 13—14).

(2) Nguyễn Văn Trung : *Vài ý nghĩ về đạo giáo và dân tộc, nhân kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu* ; báo *Dân chủ mới* ; Sài-gòn ; số 371, 372 ngày 29-7-1971.

tiếp sau Nguyễn Đình Chiểu như Phan Bội Châu. Phan Chu Trinh sẽ dần dần nhận ra những nhược điểm của đạo Nho, và bên cạnh nhà yêu nước Phan Bội Châu xuất thân từ đạo Nho sẽ có mặt những người công giáo yêu nước như Mai Lão Bạng, Đậu Quang Lĩnh, nhưng ở thời Nguyễn Đình Chiểu thì khác. Đứng về phương diện ý thức hệ mà nói, lịch sử vẫn chưa đem lại cho Nguyễn Đình Chiểu cái gì mới ngoài đạo Nho. Rất dễ hiểu việc Nguyễn Đình Chiểu vẫn đặt niềm tin tưởng vào đạo Nho, đặt hy vọng cứu nước ở đạo Nho, một thứ đạo Nho « chân chính », đạo Nho gốc, đạo Nho nguyên thủy. Trước mắt ông, nếu như có một Tôn Thọ Tường thì lại có nhiều Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp ... Ngay cả đối với Phan Thanh Giản, nhà nho có trách nhiệm trực tiếp trong việc để mất sáu tỉnh Nam-bộ, Nguyễn Đình Chiểu vẫn tỏ tình thương cảm và kính phục :

*Non nước tan tành hệ bởi đâu ?
 Dầu dầu mây trắng cõi Ngao-châu.
 Ba triều công cán vài hàng sớ,
 Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu.*

Trong khi đó thì Tự Đức, đáng lẽ phải cùng triều đình Huế chịu trách nhiệm chính về việc mất nước, lại xuống dụ nghiêm khắc khiển trách Phan Thanh Giản là « kiêu mãn », « bất tài » và đổ mọi trách nhiệm lên đầu người quá cố (1). Là một nhà nho nghèo sống gần gũi

(1) Tự Đức : *Ngự chế văn tập* — « Chính Phan Thanh Giản tội trạng tình dữ Long, An, Hà nguyên lý đẳng viên các cách chức giao nghị dụ » (Tờ dụ vạch rõ tội trạng của Phan Thanh Giản cùng các viên quan cai trị mấy tỉnh Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên trước đây, đều cách chức và giao đình thần luận tội).

với nhân dân, có quan hệ mật thiết với phong trào kháng chiến Cần vương, tư tưởng chủ yếu của nhà nho Nguyễn Đình Chiểu vẫn là tư tưởng yêu nước, thương dân. Quan niệm « nhân nghĩa » của ông gắn với « nợ nước, tình nhà » :

Mến nghĩa : bao đành làm phận nước ?

Có nhân : nào nữa phụ tình nhà ?

(Câu 550)

Tuy ông thường nhắc đến vua, nhưng điều đó đã không ngăn cản ông ca ngợi hành động « nghịch thần » của Trương Định « chẳng nghe thiên tử chiếu... ». Cho nên trong thái độ khẳng định, ca ngợi đạo Nho của Nguyễn Đình Chiểu trước hết cần thấy động cơ chính đáng muốn tìm một phương thuốc cho đất nước đang nghiêng ngả :

Bốn phương mọi rợ luống tuồng.

Nay giành ải hồ, mai ruộng ải lang

Nơi nơi trộm cướp dấy loạn,

Lê dân hết sức, của tan chẳng còn !

(Câu 393)

Bằng cách đặt vấn đề lựa chọn giữa đạo Nho, đạo Phật và đạo Thiên chúa, vì mục đích cứu vãn đất nước, trong hoàn cảnh đế quốc, lợi dụng tôn giáo để xâm lược nước ta, *Dương Tử — Hà Mậu* đã đề cập đến một vấn đề thời sự nóng hổi của đất nước. Vấn đề Thiên chúa giáo cũng như vấn đề khoa học kỹ thuật và văn hóa phương Tây... là những vấn đề đã từng làm điên đầu Tự Đức và triều thần của y, và họ hoàn toàn bất lực không giải quyết nổi. Cách giải quyết của Nguyễn Đình Chiểu tất nhiên chưa có thể nói là thích đáng, nhưng chúng ta ghi nhận ở đây tấm lòng « ưu thời

mãn thế», dựa trên cơ sở «yêu nước thương dân» trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu.

Nhưng giá trị của *Dương Từ—Hà Mậu* không phải ở vấn đề tôn giáo. Bằng cách dựng ra bình ảnh Địa-ngục, Nguyễn Đình Chiểu đã vẽ ra hình ảnh xã hội thối nát đương thời và thống nhất tổ cáo xã hội đó.

Tất nhiên đây không phải là xã hội Trung-quốc đâu từ thời Hậu Tấn vu vơ, mà là xã hội Việt-nam dưới triều Nguyễn, xã hội Việt-nam thời Nguyễn Đình Chiểu. Đứng về phương diện này mà xét thì cảnh Thiên đường, Địa ngục trong *Dương Từ—Hà Mậu* đã bộc lộ một cách cụ thể lý tưởng xã hội của Nguyễn Đình Chiểu, những điều ông ghét, ông thương, những nỗi căm hờn và mong ước của ông. *Dương Từ—Hà Mậu* do đó là một bức tranh hiện thực, mãnh liệt phê phán cái xã hội nhiễu nhương thời Nguyễn Đình Chiểu, là bản cáo trạng xã hội đương thời. Trong bản cáo trạng này, «dân» và «nhà nghèo», một lần nữa, lại được bênh vực một cách chân thành thiết tha. Bên cạnh những tội ác phạm đến đạo đức phong hóa, đến kỷ cương lễ giáo Khổng—Mạnh, Nguyễn Đình Chiểu còn lên án cả bọn «tôi mình», bọn «sâu dân một nước» và cả bọn cho vay nặng lãi :

*Cho hay đặt nợ muốn phần,
Lợi trung gia lợi, khổ thân nhà nghèo.
Không tiền lại bắt về treo,
Khiến làm đầy tớ, ở theo việc nhà.*

(Câu 870)

Chúng ta thấy quan niệm Nho giáo của Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu dựa trên cơ sở nhân dân, lấy nhân dân làm điểm xuất phát, nhờ vậy mà những lời đề cao, thiên vị đạo Nho đã lỗi thời trong *Dương Từ—Hà Mậu*

sẽ được người đọc lắng nghe với ít nhiều khoan dung, độ lượng.

Đứng về phương thức biểu hiện thì cảnh Thiên-đường, Địa-ngục mà Nguyễn Đình Chiểu dựng lên không phải là không có ý vị nghệ thuật. Trong lịch sử văn học nước ta, sau Nguyễn Đình Chiểu, Tản Đà còn lên hầu trời đề bán văn chương và gắp gỡ các danh nhân cổ kim Đông Tây. Nhưng « Giác mộng con » đó nặng tính cách một cuộc phiếm du lãng mạn. *Dương Từ — Hà Mậu* của Nguyễn Đình Chiểu làm người ta liên tưởng đến *Hải kịch thần thánh* của Đặng Trơ, nhưng cảnh Thiên-đường, Địa ngục của Đặng Trơ là theo quan niệm của đạo Thiên chúa, còn Nguyễn Đình Chiểu thì dựa theo quan niệm Phật giáo dân gian. Nếu như Đặng Trơ là người đại biểu cuối cùng cho tư tưởng Thiên chúa giáo thì Nguyễn Đình Chiểu lại là người đại biểu cuối cùng cho hệ tư tưởng Nho giáo, nghĩa là, dù sao thì cũng đại biểu cho một cái gì sắp bị lịch sử vượt qua. Nhưng điều đó không ngăn cản Đặng Trơ trở thành nhà thi sĩ vĩ đại của nước Ý ở thế kỷ XIV, cũng như đã không ngăn cản Nguyễn Đình Chiểu trở thành người phát ngôn cho tinh thần yêu nước, cho ý thức dân tộc Việt-nam ở cuối thế kỷ XIX. Đề tài của Đặng Trơ là vấn đề giải phóng cá tính, mưu cầu hạnh phúc cho cá nhân, trái lại ở Nguyễn Đình Chiểu là vấn đề « quốc thái dân an », thiết thân với một xã hội loạn lạc vì nạn ngoại xâm đe dọa. Về phương diện văn học, công lao của Đặng Trơ là đưa tiếng Ý đi chiếm lĩnh lâu đài thơ ca, còn cái vĩ đại của Nguyễn Đình Chiểu lại là kế tục con đường Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương đã đi, chỉ ra cho công việc sáng tác văn học một triển vọng đầy hứa hẹn: đó là đưa tiếng Việt — tiếng Việt của quần chúng bình dân, tiếng Việt chân chất của những người « dân ấp, dân

lân » cần cù, bộc trực — vào văn học. Vì Nguyễn Đình Chiểu muốn nói thật, nói thẳng, nói trúng những điều cuộc sống đòi hỏi. Vì Nguyễn Đình Chiểu muốn cho người dân nào cũng có thể hiểu được mình, có thể thưởng thức được sáng tác của mình. Nếu như vì sinh kế thúc bách, họ không có thì giờ nghe cả toàn truyện, thì hãy tạm nghe tưng khúc một. Nguyễn Đình Chiểu vui lòng cất tác phẩm mình làm nhiều đoạn ngắn, có tình tiết tương đối hoàn chỉnh. *Dương Từ — Hà Mậu*, vẫn theo lối bố cục của *Lục Vân Tiên* :

- *Thứ này* đến thứ họ Dương (câu 69);
- *Thứ này* đến chuyện trên đời (câu 122);
- *Thứ này* tới chuyện Tấn vương (câu 1179).

Hoặc :

- *Lối này* tới lối Châu Kỳ (câu 1134);
- *Lối này* tới chuyện Tây-châu (câu 1433);
- *Lối này* tới cảnh người tiên (câu 1595).

Nguyễn Đình Chiểu không cầu kỳ, cầu nệ khi sử dụng cả cách chuyển mạch thật thà nhất, dễ hiểu nhất của người kể chuyện cổ tích :

*Họ Hà chuyện vẫn còn dài,
Đề nổi đầu bài nói chuyện họ Dương.*

(Câu 174)

Dương Từ — Hà Mậu cũng là một câu chuyện đề « kể », dễ nghe hơn là đề đọc một mình. Trong *Dương Từ — Hà Mậu* cũng không thiếu các nhân tố thần linh, kỳ diệu như ở *Lục Vân Tiên*. Ảnh hưởng văn học dân gian ở đây cũng rất rõ nét. Tóm lại, từ *Lục Vân Tiên* đến *Dương Từ — Hà Mậu* là sự tiếp tục nhất quán của một phong cách, một khuynh hướng, là sự phát triển tự nhiên của một tài năng sáng tạo trên một chặng

đường mới của lịch sử. Tiếp theo *Lục Vân Tiên*, tiếng kêu gọi bảo vệ đạo đức, bảo vệ chính nghĩa trong *Dương Từ — Hà Mậu* đã báo hiệu tiếng kêu gọi kháng chiến, kêu gọi bảo vệ đất nước trong giai đoạn sáng tác thứ hai của Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ Việt-nam vĩ đại của đất Đàng-nai đã hai lần trở thành « tiền tuyến » của Tổ quốc mà năm nay Tổ quốc đang chiến đấu và chiến thắng long trọng kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh.

5-1972

QUA « NGU TIÊU VẤN ĐÁP », TÌM HIỂU THẾ GIỚI QUAN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

BÙI THANH BA

GIỮA những ngày đen tối, Nam-kỳ đang rên xiết dưới gót giày quân xâm lược, ở một nơi hẻo lánh của Ba-tri bất khuất, trong một ngôi nhà lá lụp xụp dưới bóng dừa xanh, một cụ già trạc sáu mươi tuổi, vóc người cao lớn, mái tóc đen lưa thưa vài chòm bạc gương mặt khôi ngô, đôi mắt mù lòa mà lòng yêu nước luôn luôn sáng rực, hai tai điếc mà tâm hồn không điếc, với giọng nói sang sảng như tiếng chuông ngân (1), đồng dục đọc lên :

*Ngày nhàn xem truyện Tam công,
Thương người hiền sĩ sinh không gặp thời.*

Đó là hình ảnh Nguyễn Đình Chiểu, tác giả *Ngũ Tiêu vấn đáp* đồng thời cũng là hình ảnh nhân vật Nhân Sư trong truyện.

(1) Hình dáng mô tả đây là phỏng theo lời Misen Pôngsông và Piê (Pillet là hai người Pháp đã từng đến thăm Nguyễn Đình Chiểu và viết bài trên báo *L'Indépendant de Saïgon* tháng 11 năm 1883, lúc đó cụ đồ đã 61 tuổi.

★ *Ngư Tiều vấn đáp* kể chuyện hai người bạn ân sĩ là Mộng Thê Triều, làm nghề tiều phu, và Bào Tử Phục, làm nghề chài lưới, vì vợ con ốm đau, chết chóc, nên rủ nhau đi tìm Nhân Sư để học nghề thuốc. Nhân Sư là một danh y đồng thời cũng là một nhà yêu nước chân chính đã xông mù mắt để khỏi trông thấy cảnh nước mất nhà tan, và để từ chối chức « ngư y » mà quân xâm lược sắp ban cho ông. Để đi đến Đan-kỳ là nơi Nhân Sư ở, « Ngư » và « Tiều » đã phải trải qua nhiều chặng đường gay go như ải Nhân-xu, trường Âm-chất, am Bảo-dưỡng, v.v... tượng trưng cho con đường tu dưỡng của người thầy thuốc. Sau rốt bọn họ vẫn không gặp mặt Nhân Sư, chỉ được hai người đệ tử của Nhân Sư là Chu Đạo Dẫn và Đường Nhập Môn truyền dạy cho nghề làm thuốc và đạo đức làm người. Lúc trở về bọn họ đi lạc vào rừng và mơ màng thấy một toán quân dẫn năm người thầy pháp, lang băm, v.v..., đem ra xử án, theo sau là một đám oan hồn đang đầu đơn kiện cáo. Sáng ra, được một vị thần đưa đường, bọn họ về tới nhà và quyết tâm làm nghề thuốc để cứu dân độ thế. ✕

Ngư Tiều vấn đáp là tác phẩm cuối cùng của Nguyễn Đình Chiểu. Sau khi ông qua đời (năm 1888), tác phẩm này đã được lưu truyền trong nhân dân, ở hai tỉnh Běntre và Mỹ-tho, mãi đến năm 1952 mới được xuất bản lần đầu tiên.

Ngư Tiều vấn đáp ra đời vào lúc đất nước chúng ta đang ở trong tình trạng hết sức bi quan. Những cuộc khởi nghĩa lớn của Trương Định, Thủ khoa Huân, Thiên hộ Dương, đã lần lượt thất bại; bộ máy cai trị thực dân Pháp đã được thiết lập khắp nơi; nhân dân phải sống trong cảnh nước sôi lửa bỏng. Những người yêu nước tuy vẫn cảm thấy ngọn lửa căm hờn rực cháy

nơi lòng mình, và làn sóng uất hận trào sồi trong dân chúng, nhưng cũng phải tạm thời ôm tài giấu tiếng, làm tiểu, làm ngự, vì một lẽ giản đơn là gió Tây (1) đang thổi mạnh.

Nguyễn Đình Chiểu cũng là một trong những người « ôm tài, giấu tiếng » để chờ đợi thời cơ. Nhưng lòng yêu nước luôn luôn thúc giục, Nguyễn Đình Chiểu không thể bó tay trước cảnh nước nhà đang nghiêng ngửa. Nếu ông không cầm được vũ khí để chống quân thù, thì ông cũng cầm bút để cứu dân độ thế. Ông đã từng nói:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà!*

Với ý chí đấu tranh kiên cường và bất khuất đó, Nguyễn Đình Chiểu viết *Ngự Tiểu văn đáp* nhằm mục đích phổ biến Đông y để cứu dân trong cảnh lầm than nheo nhóc. Nhưng, cũng như Lỗ Tấn (2), Nguyễn Đình Chiểu nhận thấy chữa bệnh thân thể mà không chữa được bệnh tư tưởng thì cũng chưa có thể gọi là cứu người. Vì vậy, ngoài những kiến giải về y học được trình bày dưới hình thức văn nghệ, *Ngự Tiểu văn đáp* còn có phần đề cập đến đạo đức làm người và triết lý về đời người. Ông nói « Lương y chi tâm tức lương tướng dã; dụng dược chi pháp do dụng binh dã » (Lòng người lương y tức là lương tướng vậy; phép dùng thuốc cũng

(1) Gió Tây là danh từ mà Nguyễn Đình Chiểu thường dùng để chỉ thực dân Pháp.

(2) Lỗ Tấn đang theo đuổi ngành y ở Nhật thì một hôm được trông thấy trên màn ảnh cảnh tượng một người Trung Quốc bị người Nhật xử tử trong khi đó một số đồng người Trung Quốc khác đứng nhìn một cách thản nhiên. Đau lòng phần này « con người dù mạnh khỏe mà tư tưởng không tốt thì cũng chẳng ích gì », ông kiên quyết bỏ ngành y làm nghề viết văn để chữa bệnh tư tưởng cho con người.

là phép dụng binh vậy). Như vậy, theo ông, lương y phải đầu là người chỉ biết sử dụng hoàng liên hay cam thảo, chỉ biết trị bệnh nhưc đầu cảm mạo!

Viết *Ngư Tiều vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu đã đề lộ một thể giới quan tiến bộ mà chúng ta không thể tìm thấy ở các nhà thơ khác cùng thời đại với ông. Theo quan niệm của ông, trong vũ trụ có hai luồng hơi vận chuyển: hơi chính và hơi tà. Hơi chính trôi ra và hình thành ngũ nhạc (1) và tam quang (2). Ông viết:

*Thầy rằng: Trời đất xưa nay,
Khi vẫn vẫn có đổi xoay chính tà.
Xen mình hơi chính trôi ra,
Dưới là ngũ nhạc, trên là tam quang.*

Quan niệm của ông bắt nguồn từ bài *Chinh khí ca* của Văn Thiên Tường đời Tống. Theo Văn Thiên Tường thì trong trời đất có chinh khí; chinh khí là một khối nguyên thủy không hình, dần dần thể hiện thành muôn vật, dưới là núi sông, trên là mặt trời, mặt trăng và các tinh tú. Ở con người khi đó gọi là khí « hạo nhiên ». Một quan niệm như thế là tiến bộ, vì nó không gọi lên những ý nghĩ mê tín cho rằng trời đất và vạn vật là do thần linh hoặc thượng đế tạo ra.

Quan niệm của ông về bản chất của vạn vật trong vũ trụ càng rõ rệt hơn. Quan niệm đó bắt nguồn từ thuyết « Ngũ hành » là một học thuyết tiến bộ, có bao hàm nhiều nhân tố duy vật và biện chứng chất phác, đồng thời cũng là một học thuyết có truyền thống trong lịch sử triết học Trung-quốc. Theo thuyết « Ngũ hành » thì

(1) *Ngũ nhạc* là năm quả núi cao tiêu biểu cho đất nước Trung-hoa tức Hành-sơn Nam nhạc, Hoa sơn Tây nhạc, Trung-sơn Trung nhạc, Thái-sơn Đông nhạc và Hoàng-sơn Bắc nhạc.

(2) *Tam quang* là mặt trời, mặt trăng và tinh tú.

mọi vật trên đời đều do năm nguyên tố : kim (sắt), mộc (cây), thủy (nước), hỏa (lửa), thổ (đất) cấu tạo nên. Nguyễn Đình Chiểu viết :

*Trên thời mưa móc, gió mây,
Dưới thời non nước, cỏ cây muôn loài ;
Giữa thời nhà cửa đền đài,
Năm hành tóm việc ba tài (1) nhỏ to.
Vi dầu tạo hóa mấy lò,
Hóa công mấy thợ, một pho ngũ hành.*

Thuyết « Ngũ hành » xuất phát từ kinh nghiệm quan sát của nhân dân không những xác định bản chất của vạn vật là vật chất, mà còn đem lại cho chúng ta một khái niệm về « Ngũ hành tương khắc » và « Ngũ hành tương sinh » tức là khái niệm về mâu thuẫn và phát triển của sự vật. Về « Ngũ hành tương khắc », ông viết :

*Mộc khắc thổ hề, thổ khắc thủy,
Thủy khắc hỏa hề, hỏa khắc kim (kim),
Kim khắc mộc hề, ngũ tương khắc (2).*

« Ngũ hành tương sinh » là :

*Mộc sinh hỏa hề, hỏa sinh thổ,
Thổ sinh kim hề, kim sinh thủy,
Thủy sinh mộc hề, ngũ tương sinh (3).*

Đời Xuân-thu, Chiến-quốc, giai cấp thống trị thường lợi dụng thuyết « Ngũ hành » tương khắc và tương sinh như một thứ « quan điểm lịch sử » để hợp pháp hóa

(1) Ba tài : trời, đất và người.

(2) Mộc khắc thổ, ví như cây xâm chiếm đất. Thổ khắc thủy, như đất có thể lấp sông. Thủy khắc hỏa, như nước có thể dập tắt lửa. Hỏa khắc kim, như lửa đốt quặng. Kim khắc mộc, như búa chặt cây.

(3) Mộc sinh hỏa, như củi sinh lửa. Hỏa sinh thổ, như lửa sinh tro, sinh bụi. Thổ sinh kim, như đất sinh quặng. Kim sinh thủy như sắt nung ra nước. Thủy sinh mộc như nước tưới cây.

hành vi tranh quyền cướp nước và củng cố nền thống trị của chúng. Vì bọn học giả « Ngũ hành » cho rằng lịch sử loài người phát triển theo thứ tự của « Ngũ hành tương khắc » cho nên nhà Chu nói rằng mình thay thế cho nhà Ân là thực hiện quy luật « hỏa khắc kim », v.v... Nhưng sau đó, giai cấp địa chủ mới cũng căn cứ vào thuyết « Ngũ hành tương khắc » để kết luận rằng chế độ nhà Chu đã già cỗi, cần phải có một chế độ mới để thống nhất đất nước. Thế là « Ngũ hành » lại trở thành cơ sở lý luận của Tần Thủy Hoàng. Các nhà triết học của giai cấp thống trị đời Chiến-quốc như Tử Tư và Mạnh Tử thì tìm mọi cách để thần bí hóa thuyết « Ngũ hành », và che lấp ý nghĩa lịch sử của nó. Đến đời nhà Hán, Đồng Trọng Thư lại biến thuyết « Ngũ hành » thành một công cụ phục vụ cho đạo đức phong kiến. Theo Đồng Trọng Thư, « Ngũ hành » là nhân, nghĩa, lễ, trí, tin. Từ đó, trên lĩnh vực triết học và chính trị, thuyết « Ngũ hành » đã mất một phần ý nghĩa của nó. ♣

Viết *Ngư Tiều vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu đã trình bày thuyết « Ngũ hành » theo ý nghĩa đầu tiên. Nhưng vấn đề ở đây là phải tìm hiểu xem trước hoàn cảnh thực tế của nước ta đang bị thực dân Pháp xâm chiếm lúc bấy giờ, học thuyết « Ngũ hành » đã tác động vào tư tưởng và nhận thức của Nguyễn Đình Chiểu như thế nào. Điều rõ nhất là ông rất đề cao tác dụng của « Ngũ hành ». Ông viết:

Ai mà rõ lẽ ngũ hành,

Việc trong trời đất dữ lành trước hay.

Nói như thế là Nguyễn Đình Chiểu đã gián tiếp nhìn nhận « Ngũ hành » là một thứ kim chỉ nam để cho ông biết trước chiều hướng phát triển của sự vật. Nhưng trong thực tế, qua cặp kính « Ngũ hành », Nguyễn Đình Chiểu đã có nhận thức gì đối với thời cuộc? Ông thấy

rõ mâu thuẫn giữa nhân dân ta và thực dân Pháp là một thứ mâu thuẫn không thể điều hòa, do đó nhân dân ta phải đấu khổ. Ông viết :

*Trời Đông mà gió Tây qua,
Hai hơi ấm, mát chẳng hòa, đau dân.*

Nhưng dầu trong hoàn cảnh nào, ông vẫn tin tưởng cuộc đời sẽ xoay vần, và rốt cuộc chính nghĩa sẽ trở về với nhân dân ta. Vì vậy ông viết nốt :

*Nhớ câu « vạn bệnh hồi xuân »,
Đòi ngày lương đội Đông quân cứu đời.*

Lòng tin tưởng đó được củng cố thêm nhờ nhận thức tiến bộ của ông về quy luật mâu thuẫn và biến hóa của sự vật. Ông nói :

*Âm phản dương, dương phản âm,
Cang cực thời biến cử cảm lẽ thường.*

« Cang » là cái cứng rắn, cái đang tồn tại và phát triển, đến mức tột cùng, nó sẽ biến (1). Nếu áp dụng vào hoàn cảnh nước ta lúc đó thì « cang » là thế lực của thực dân Pháp. Nguyễn Đình Chiểu tin rằng thế lực ấy dầu ồ ạt đến đâu rồi cũng phải tàn rụi theo quy luật thiên nhiên, còn lực lượng của phe chính nghĩa tuy nhỏ bé nhưng sẽ thắng. Ông viết :

*Cho hay chỗ diệu hóa công,
Trong động có tĩnh (2) hết cùng lại thông.
Suy ra lẽ ấy cả đồng,*

(1) Theo Kinh dịch thì « cang nhu tương thời » (cứng mềm đẩy nhau). Cái cứng rắn phát triển đến cùng tột sẽ chuyển hóa thành mặt đối lập của nó, tức là cái mềm.

(2) Động là dương, tĩnh là âm; động là cang, tĩnh là nhu; động ở đây là kẻ địch, tĩnh là ta. Tĩnh đang ở vào thế yếu, nhưng nó sẽ tiến lên và đánh đổ cái động là thế mạnh. Như thế tức là « hết cùng lại thông ».

Vật tốt thời phản (1), vốn không tốt hoài.

Lẽ đâu cang hại đặng dai,

Đến khi cang cực, nghiêng vai chịu cần !

Thế giới quan Nguyễn Đình Chiểu có mặt tiến bộ nhất định của nó, nhưng đồng thời cũng có mặt lạc hậu do tư tưởng duy tâm gây ra. Khi nói về nguồn gốc con người, ông đã rơi vào thuyết « tiên thiên » huyền bí và « thái cực đồ » duy tâm của các nhà triết học đời Tống như Trần Đoàn, Chu Đôn Di, Thiệu Ung, v.v... *Ngư Tiều vấn đáp* của ông cũng có thể bắt nguồn từ *Ngư Tiều vấn đối* của Thiệu Ung, một quyển sách triết học trình bày dưới hình thức đối đáp giữa hai người : Ngư và Tiều.

Đi sâu vào nhân sinh quan của ông, chúng ta sẽ thấy mặt duy tâm đó tác hại không ít. Nhưng cái mà chúng ta cần đề cao là nhân tố duy vật trong tư tưởng ông. Chính nhờ những nhân tố đó mà ông có thể nhìn đời và sự vật một cách sáng suốt. Ông không chủ quan khinh địch, nhưng cũng không khuất phục trước sức mạnh quân thù. Ông luôn luôn tỉnh táo trước thời cuộc. Trong cơn bão táp của quê hương, ông vẫn nhìn thấy một ngày mai rực rỡ

Sau thời Thúc Quý tan mây,

Sòng trong bể lặng mắt thầy sáng ra.

Xin người lòng chớ sợ ngoa,

(1) « Hết cùng lại thông » và « vật tốt thời phản » đều là dịch nghĩa những câu « dĩ cực thái lai » và « vật cực tất phản » trong *Kinh dịch* dùng để phản ánh một số hiện tượng mâu thuẫn và biến hóa trong đời sống hằng ngày. Sách *Dịch truyện* đã phát huy những quan điểm đó và đề ra một số quy tắc về sự phát triển và biến hóa của sự vật, đưa ra thuyết « nhật tân » và cho rằng sự vật sinh trưởng và biến hóa không ngừng, nhưng luôn luôn hướng về cái mới (nhật tân chi vị thịnh đức, sinh sinh chi vị dịch).

Thế giới quan tiến bộ của ông càng thể hiện rõ rệt hơn trong thái độ của ông đối với vấn đề mê tín. Ông cực lực lên án những người dùng tà thuật để mê hoặc lòng dân. Ông bêu riếu một loạt đạo sĩ, nào là Trương Bưu đời Hán, nào là Triệu Quý Chân đời Đường, những người đã từng cho mình có thuật kêu mưa, hú gió, làm thành làm thần, để đi đến kết luận :

*Ấy đều đạo sĩ chước hay,
Đời nào suy yếu, chẳng may gặp chàng.
Gặp chàng ở nước, nước loạn,
Ở nhà, nhà bại, rõ ràng sách ghi.*

∴

Nguyễn Đình Chiểu là nhà Nho yêu nước, lại được vũ trang bằng một thế giới quan tiến bộ, nên ông thấy rõ cái phải và cái trái trong đạo Nho. Trong tác phẩm *Dương Tử—Hà Mậu*, ông đã tích cực bênh vực đạo Nho, coi đạo Nho là khuôn vàng thước ngọc để răn dạy người đời, nhưng đồng thời ông cũng phê phán các nhà Nho đời bại. Ông viết :

*Những người theo đạo Nho ta,
Tiếng đồn thì khá, thế mà lãng nhãng.*

Đến thời đại của « Ngự, Tiếu » đạo lý suy đồi vì nền văn minh trụy lạc của chế độ thực dân, ông không thể không thừa nhận sự sụp đổ của đạo Nho. Ông viết :

*Từ thuở Đông Chu xuống đến nay,
Đạo đời rậm rạp mấy ai hay.
Hạ, Thương đường cũ, qui bỏ lãp,
Văn vũ nền xưa, lúá trở đầy.*

Trên cơ sở hoang tàn đó, ông định xây dựng một nền đạo lý mới để cứu dân, giúp nước. Nền đạo lý này tập hợp phần tinh hoa trong đạo Nho (đạo nhà Chu) và tư

tướng tiến bộ của đời Nghiêu Thuấn. Nhân vật tượng trưng cho nền đạo lý đó là Nhân Sư, hiện thân của Nguyễn Đình Chiểu. Người phát ngôn cho nền đạo lý đó là Chu Đạo Dân (1) và Đường Nhập Môn (2). Nội dung chủ yếu của nó là khuyên con người nên làm lành và giúp đỡ lẫn nhau :

*Trọn mình noi nghĩa ở nhân,
Bo bo giữ việc ra ăn làm lành.*

Ông chủ trương làm nhân không cần người biết, làm phải không màng lợi danh :

*Giúp người chẳng vụ tiếng danh,
Chẳng màng của lợi chẳng ganh ghét tài.
Biết không, không biết mặc ai,
Chuyên nghề làm phải, chẳng nài thiệt hơn.*

Tư tưởng nhân đạo của ông lan tràn đến cả các giống chim muông :

*Phóng ngư, phóng hạc theo bầy,
Bắc cầu đưa kiến làm thầy quạ đau.*

Ông khuyên người giàu nên thương yêu người nghèo :

*Giàu thời bắt chước xưa hào,
Nợ lâu đốt khế, lúa vào đong ra.*

Hơn nữa, ông kêu gọi những người quyền quý ra sức giúp dân, minh oan cho dân, gỡ tội cho dân và đừng giết những người đã dầu hàng. Ông viết :

*Giàu thời bắt chước xưa minh,
Ăn từ rửa sạch tình hình dân oan.*

*Noi câu : « Xuất tội, hoạt hàng » (3),
Cứu tai muôn họ, dấy đảng lợi sinh.*

(1) *Chu Đạo Dân* có nghĩa là dẫn đường cho đạo nhà Chu.

(2) *Đường Nhập Môn* có nghĩa là vào cửa vua Nghiêu. Vua Nghiêu ở đất Đường nên đời sau gọi là Đường Nghiêu.

(3) *Xuất tội* : gỡ cho kẻ có tội. *Hoạt hàng* : đề cho kẻ dầu hàng được sống.

Chữ « nhân » của ông, xuất phát từ lòng yêu nước thương dân, có chỗ khác với chữ « nhân » của Khổng Tử. ✓ Như chúng ta đều biết, nội dung chữ « nhân » của Khổng Tử là « thương người ». Thiên *Nhan Uyên* trong *Luận ngữ* chép: « Phàn Trì hỏi nhân, Khổng Tử nói: thương người ». Nhưng việc thương người của Khổng Tử vẫn có tính giai cấp của nó. Chữ « người » của Khổng Tử không bao gồm « dân ». Suốt bộ *Luận ngữ* không có chỗ nào Khổng Tử đề cập đến hai chữ « thương dân ». Trái lại, thiên *Ung dã* chép rằng: « Tử Cống hỏi Khổng Tử: nếu có người ra ơn cho dân rất rộng và có thể giúp được mọi người thì thế nào? Có thể nói là nhân không? Khổng Tử đáp rằng: nếu được như thế sao chỉ gọi là nhân, hẳn là bậc thánh rồi, việc đó vua Nghiêu, vua Thuấn cũng khó làm được » (1). Lấy lời nói của Khổng Tử so sánh với bốn câu thơ trên đây của Nguyễn Đình Chiểu chúng ta sẽ thấy chữ « nhân » của ông không nằm trong khuôn khổ đạo Khổng, mà thuộc vào cái mà Khổng Tử nói « vua Nghiêu, vua Thuấn cũng khó làm được ». Chữ « nhân » của Khổng Tử ra đời trong xã hội nô lệ và phục vụ cho giai cấp thống trị đương thời. Lúc đó giá trị của « dân » chưa được đề cao. Người ta chỉ quan niệm « dân » sinh ra là để cho bề trên sai khiến. Thiên *Thái bá* (2) viết: « Dân, có thể làm cho họ theo con đường của ta, không thể làm cho họ biết đó là gì ».

Chữ « nhân » của Nguyễn Đình Chiểu ra đời trong cảnh tang tóc của quê hương, có mang màu sắc dân tộc và thời đại, vì thế nội dung của nó có ý nghĩa đoàn kết chống xâm lăng. Phạm vi của nó rộng rãi, bao gồm các

(1) Xem *Bản về Khổng Tử* của Quang Phong và Lâm Duật Thời, bản dịch của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 28.

(2) Cũng sách *Luận ngữ*.

tầng lớp người yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, nhưng đối tượng chính vẫn là những người bị áp bức. Nguyễn Đình Chiểu thương dân và tự đặt cho mình nhiệm vụ cứu lấy dân trong cơn nguy biến. Ông viết :

*Trời Đòng sùi sụt gió mưa Tây,
Đau ốm lòng dân cây có thầy.
Phương cũ vua tôi gin trước mắt,
Mạng nay, già trẻ gửi trong tay.*

Trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, nước với dân là một, không có nước không dân, cũng như không có dân không nước. Vì thương dân tha thiết, nên tình cảm yêu nước của ông cũng đạt dào như sóng biển. Nó toát ra từ câu thơ, từ dòng chữ, từ nét mực, và gieo rắc vào lòng người đọc một thứ u buồn man mác. Ông thương nước và thương từng gốc cây, từng ngọn cỏ của đất nước. Tim ông là một cây đàn trăm điệu, luôn luôn hòa nhịp với hơi thở của quê hương.

Nhưng cái đáng kính phục nhất ở Nhân Sư là tinh thần bất hợp tác cao cả của ông. Đôi mắt đã mù, bản thân lại sống trong vùng giặc như chim lồng cá chậu. Nhưng tinh thần bất hợp tác đó vẫn không bao giờ lay chuyển. Khi được tin giặc mời ông ra làm ngự y, Nhân Sư vội xông mù đôi mắt, không ăn hận lại còn tự hào với cảnh đui mù đó :

*Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi thấy kẻ thù quán thân.
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thù ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.*

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước vĩ đại của nhân dân ta. Ông đã có tâm hồn trong sạch lại được soi rọi bằng một thế giới quan tiến bộ, nên ranh giới giữa

bạn và thù được rạch ròi và dứt khoát trong tư tưởng ông. Cuộc đời của ông là một tấm gương trong trắng. Tinh thần yêu nước của ông rực rỡ như trăng sao. Lòng nhân đạo của ông dạt dào như biển cả.

Ông xa cách chúng ta ba phần tư thế kỷ, mà tiếng thơ yêu nước của ông vẫn ngân mãi trong lòng chúng ta. Ngày nay, bọn Mỹ — Diệm dã man và tàn bạo đã rải chất độc hóa học xuống quê hương và mồ mả ông. Nhưng dầu cho chúng có biến được cả vùng phi nhiêu của Tổ quốc thương yêu thành nơi hoang tàn giá lạnh, chúng cũng không thể tiêu diệt được tinh thần yêu nước của ông, tinh thần ấy còn sống mãi trong lòng người dân Nam-bộ đang vùng lên tiêu diệt kẻ thù.

**NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU
VÀ NHỮNG NGƯỜI CẦM BÚT
Ở CÁC THÀNH THỊ MIỀN NAM ***

THẠCH PHƯƠNG

CÁCH đây vừa tròn một năm (tháng 7-1971) ngụy quyền Sài-gòn đã tổ chức khá ồn ào cái gọi là « ngày giỗ thứ 83 thi sĩ Nguyễn Đình Chiểu từ trần ». Mai Thọ Truyền, « Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa » của ngụy quyền trực tiếp điều khiển việc tổ chức.

Tại sao ngụy quyền Sài-gòn, bọn người mà từ tư tưởng, quan niệm nhân sinh, đến đạo đức hoàn toàn đối lập với nhà thơ lớn của dân tộc như nước với lửa, bọn người đã vâng lệnh chủ Mỹ đang ra sức phá phách đến tận cùng những truyền thống đạo đức, văn hóa cổ truyền của dân tộc lại làm ra vẻ trân trọng những di sản tinh thần của ông cha ? Tại sao cái ngụy quyền đã và đang tiếp tục đầu độc học sinh, sinh viên miền Nam bằng

* Những tài liệu trích dẫn trong bài này căn cứ vào những bài đăng trên các báo, tạp chí xuất bản ở Sài-gòn trong tháng 7 và 8-1971 như: *Nghiên cứu văn học*, *Điện tín*, *Dân chủ mới*, *Tiền tuyến*, *Cấp tiến*, *Tiếng vang*.

những sách giáo khoa ca ngợi thơ văn của bọn bán nước Tôn Thọ Tường, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, bất chấp sự phản kháng của dư luận, giờ đây lại đi vận động đề cao một « thi nhân bất đắc chí » (1) ? Và tại sao cái bọn người mà năm 1966 đã ra tay đóng cửa nhà xuất bản *Đồ Chiểu*, một nhà xuất bản tiến bộ ở Sài-gòn, khùng hổ *Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc*, bắt bớ, giam cầm hàng loạt trí thức tiến bộ vì cái « tội » đã đi theo con đường của Nguyễn Đình Chiểu, nay lại hô hào người ta tưởng niệm ông ?

Thực ra điều ấy chẳng có gì là khó hiểu. Trong những năm gần đây, trước sự phá sản thảm hại của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, bộ mặt phản dân hại nước của bọn tay sai đã phơi bày quá lộ liễu, phương thức chống Cộng theo kiểu cực đoan cũ không còn hiệu nghiệm nữa, tởn thày Mỹ — nguy bên thay đổi chiến thuật. Trên lá cờ chống Cộng tả tơi của chúng, người ta thấy dính thêm những khẩu hiệu lừa bịp mới về « truyền thống », về « dân tộc », về « tình đồng loại, nghĩa đồng bào ». Tượng một số vị anh hùng dân tộc được dựng lên ở Sài-gòn, Tây-ninh, Tây-nguyên. Chúng tổ chức giỗ tổ Hùng vương hằng năm thật rầm rộ, lập dự án xây cất « đền Hùng » ở Bình-long, đưa tên đại tá Nguyễn Bình Thuận, tay đã từng vấy máu đồng bào miền Trung, đứng ra chỉ huy việc xây cất « phật đài » lớn ở chân đèo Hải-vân với tổn phí hàng trăm triệu đồng tiền miền Nam. Chúng còn « suy tôn » Trần Hưng Đạo và Lê Lợi thành những « thánh tổ hải quân » và « thánh tổ dân vệ, địa phương quân » để lừa bịp, kích động tinh thần hiếu sát, hiếu chiến của bọn này.

(1) Sách giáo khoa bậc trung học ở miền Nam, theo Đông Tùng.

Ở lĩnh vực văn nghệ cũng có những hiện tượng tương tự. Khi mà văn nghệ chống Cộng — khuynh hướng đóng vai trò xung kích trong việc đầu độc tư tưởng nhân dân — đi vào buổi « chợ chiều », những tiếng nói lừa bịp để che đậy, nguy trang cho chế độ thực dân kiểu mới theo một giọng điệu khác cũng bắt đầu xuất hiện như chủ trương « trở về nguồn », « trở về Mẹ Việt-nam với mái tranh nghèo », « trở về với tình thương cốt nhục », v.v... Việc tổ chức kỷ niệm rùm beng nhà thơ yêu nước lớn Nguyễn Đình Chiểu cũng nằm trong chủ trương « trở về » của chính sách văn hóa, văn nghệ nguy dân tộc đó, hay nói theo ngôn từ của các cây bút ở Sài-gòn là « văn hóa, văn nghệ mạo hóa ».

Cũng cần nhắc lại rằng năm 1962, Ngô Đình Nhu lúc bấy giờ là chủ tịch cái gọi là « mặt trận văn hóa quốc gia » cũng đã dấy lên một cuộc kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu khá lớn (1). Nhưng tình hình lúc bấy giờ so với ngày nay rất khác. Mười năm qua, đã có bao nhiêu biến chuyển ; miền Nam tuy vẫn còn nằm trong vòng thống trị của chủ nghĩa thực dân mới, nhưng thời thế đã đổi thay. Cách mạng đã chuyển từ thế thủ sang thế tấn công liên tục và mạnh mẽ. Phong trào đô thị bùng lên như đợt sóng dâng trào. Tinh thần dân tộc của tầng lớp trí thức thành thị tạm bị chiếm đang trên đà thức tỉnh. Nếu năm 1962, Diệm — Nhu có thể huy động được bọn bồi bút để xuyên tạc tư tưởng vĩ đại của Nguyễn Đình Chiểu nhằm phục vụ cho mưu đồ chính trị bán nước xấu xa của chúng, thì năm 1971, Mai Thọ Truyền đã không thể nào làm được điều đó. Những người trí thức thành thị miền Nam đã không chịu để cho bàn tay bọn phù thủy chính trị biến mình thành

(1) Xem Văn đàn số 37 - 38 - 39, Sài-gòn, 1962.

những con cừu non ngoan ngoãn nữa. Hơn thế, nếu có kẻ nào cố đấm ăn xôi, vì liềm mà đang tâm cầm bút xuyên tạc tư tưởng nhà thơ lớn của dân tộc, chắc sẽ không thể thoát khỏi búa rìu dư luận. Phạm Duy bị tri thức, sinh viên yêu nước và tiến bộ lột trần bộ mặt như nhớp trước ngày lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu không đầy ba tháng là một tấm gương tày liếp đối với những người cầm bút định bán rẻ lương tâm, làm điều vô sỉ (1). Phải chăng thực tế tình hình đó đã có tác động trong một chừng mực nhất định đến nội dung của những bài viết về Nguyễn Đình Chiểu ở Sài-gòn lần này? Có một điều tương đối rõ là không có người cầm bút nào xuyên tạc cuộc đời và tư tưởng của nhà thơ một cách lộ liễu trắng trợn như trước đây, hoặc dám lặp lại những luận điệu phản động như những luận điệu đang lưu hành trên các sách giáo khoa chính thức của Bộ giáo dục nguy quyền, kể cả những bài viết theo « com-măng » của « phủ văn hóa » nguy như *Nguyễn Đình Chiểu, chiến sĩ của Võ Văn Dũng* và *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn của miền Nam* của Bàn Bá Làn (Tập chí *Nghiên cứu văn học*, số 153, Sài-gòn, tháng 8-1971). Tất nhiên ở những bài báo ấy có chỗ này, chỗ khác còn mập mờ,

✠

(1) Làn sóng đấu tranh chống Phạm Duy, một tên bồi bút con cưng của Mỹ, nổ ra ở Sài-gòn vào cuối tháng 4-1971, khi người ta phát hiện hẳn nhận tiền Nguyễn Văn Thiệu đứng ra tổ chức « đại hội hippy » vào đầu tháng 5-1971 để đầu độc, Mỹ hóa thanh thiếu nhi. Báo chí Sài-gòn đã nhận xét rằng tri thức và sinh viên thành thị đã « đóng những chiếc đinh cuối cùng trên nắp quan tài cuộc đời nghệ thuật của Phạm Duy » bằng cái kết luận « Phạm Duy là một con người mang đầu rỗng (vì có đi theo kháng chiến chống Pháp), thân heo (vì đã dính-tê vào thành sống với bơ sữa Pháp), và đuôi chó (vì làm tay sai văn nghệ cho Mỹ). Xem *Phạm Duy đã chết như thế nào* (Nhà xuất bản Văn mới, Sài-gòn, 5-1971).

làm cho người đọc có thể hiểu bằng cách này cũng được, cách khác cũng được. Vả chẳng việc xuyên tạc tư tưởng yêu nước, thương dân, tinh thần kiên quyết chống xâm lăng của Nguyễn Đình Chiểu là một việc rất khó. Ngay quyền nghiên cứu về « tâm lý chiến » có thể nêu ra chiến bài « chống Cộng » và giả vờ nêu ngọn cờ « dân tộc ». Nhưng chúng chỉ dám nói một cách chung chung. Thủ đoạn « tâm lý chiến » dù là dân nhân hiệu Mỹ cũng rất bị hạn chế, bởi vì là tay sai đế quốc, rước Mỹ về giày má tổ thì gương sao nổi ngọn cờ « dân tộc » ! Do đó, ngay quyền tuy làm rùm beng, nhưng chỉ kêu gào một cách giả dối, rỗng tuếch, như mấy thằng cha bán thuốc giả ngoài chợ, bịp bợm người ta. Nhưng « gậy ông đập lưng ông », nhân dịp kỷ niệm, những nhà trí thức ít nhiều tiến bộ đã quật lại Mỹ, ngay.

Nhìn qua những bài nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu ở miền Nam lần này, từ những đề tài có tính chất tổng quát như *Đồ Chiểu, ngôi sao sáng trong văn thơ yêu nước*; *Con người toàn diện của Nguyễn Đình Chiểu* (của Nguyễn Duy Cần); *Nguyễn Đình Chiểu, chiến sĩ văn nghệ bình dân* (của Đông Tùng); hay những đề tài đi vào khía cạnh cụ thể như *Người phụ nữ trong Lục Vân Tiên* (của bà Ái Lan); *Bài học Đồ Chiểu* (của Thiếu Sơn); *Vài ý nghĩ về đạo giáo và dân tộc nhân kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu* (của Nguyễn Văn Trung); *Ba thời kỳ, ba nhận xét về Lục Vân Tiên* (của Vũ Bằng); *Theo gót Nguyễn Đình Chiểu đánh chuột* (của Long Điền), v.v..., người đọc có thể rút ra mấy nhận xét sau đây :

Một số không ít bài báo bàn chung chung, lặp lại những ý kiến cũ. Có bài nội dung không hơn những công trình nghiên cứu về nhà thơ từ mười, mười lăm năm về trước. Một số quan điểm lạc hậu, vẫn còn rơi rớt đây đó trong nhiều bài báo trong khi phân tích từ

tưởng, thể giới quan của Nguyễn Đình Chiểu. Mặt tích cực trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong toàn bộ sáng tác của ông vẫn chưa được các cây bút nghiên cứu đi sâu đánh giá đúng mức đã đành, mặt tiêu cực cũng chưa được phân tích, phê phán đầy đủ. Có tác giả đã gán ghép cho nhà thơ tư tưởng định mệnh, quan niệm về «trung, hiếu, tiết, nghĩa» theo ý nghĩa bảo thủ nhất của đạo Nho, hoặc qui kết tư tưởng nhân nghĩa của tác giả thành một thứ chủ nghĩa bác ái trừu tượng. Có tác giả đã căn cứ vào một vài câu thơ được trích dẫn một cách thiên lệch trong tác phẩm cuối đời của ông để rồi biến ông từ một con người có trái tim yêu nước thương dân nồng cháy, một con người hành động, thành một kẻ muốn «thoát tục», muốn «mai danh ẩn tích» (1) một cách tầm thường.

Tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu toát lên từ toàn bộ tác phẩm của ông là một tình cảm rất lớn, rất trong sáng, đôn hậu mà cũng rất nồng thắm. Cả hai mặt yêu, ghét đều đậm sâu, và cũng rất rạch ròi. Lòng yêu nước thương dân của ông dạt dào bao nhiêu, thì nỗi ghét cay, ghét đắng bọn «gian» các loại cũng kịch liệt bấy nhiêu. Thấy kẻ thù giày xéo quê hương, đốt nhà, giết dân, ông muốn ăn gan cắn cồ. Nhưng ông lại ra sức ca ngợi nhân dân lao động tay không lấm xả vào đánh giặc xâm lăng. Ông khâm phục biết mấy những anh hùng chống đế quốc như Trương Định, Phan Tôn. Tình cảm đó đâu phải là thứ tình cảm chung chung của một thứ chủ nghĩa nhân đạo trừu tượng như một số không ít những người nghiên cứu ở miền Nam gán ghép cho ông. Dường như các tác giả đều tránh né hai chữ căm thù khi phân tích thái độ yêu,

(1) Con người toàn diện Nguyễn Đình Chiểu: Nghiên cứu văn học, số 153, Sài-gòn, tháng 8-1971.

ghét của nhà thơ. Họ không thấy được hai mặt hữu cơ của một tình cảm chân chính: « *Bởi chung hay ghét cũng là hay thương* ». Do đó, có khi họ nói rất nhiều mà vẫn không sâu, không trúng. Tự giác hay không tự giác, lối đề cao thứ tình thương trừu tượng, chung chung đó đã rơi vào cái luận điệu của bè lũ tâm lý chiến của Mỹ—ngụy đang rêu rao trên cơ quan tuyên truyền của chúng. Đó là thứ tình thương bịp bợm, đánh lộn sông chính nghĩa với gian tà, yêu nước với bán nước, một thứ tình thương xóa nhòa ranh giới giữa thù, bạn, một thứ « đạo đức xa-lông » gian trá nhằm ru ngủ, mê hoặc những kẻ hèn nhát và bất lực.

Chúng tôi muốn nói đến một nhược điểm khác cũng khá phổ biến trong phương pháp nghiên cứu của một số tác giả miền Nam là sự tách rời nhà thơ ra khỏi hoàn cảnh lịch sử. Do đó, hoặc họ dễ rơi vào lối suy diễn máy móc, hoặc đi đến chỗ gán ghép cho nhà thơ những điều mà hoàn cảnh và thời đại của nhà thơ không cho phép.

Nếu những nhược điểm và những thiếu sót trên đây là những nét tương đối phổ biến trong khá nhiều bài viết đã hạn chế việc làm sáng tỏ « tâm hồn ái quốc ngời sáng như sao Ngưu, sao Đẩu » (1) của một nhà thơ lớn của miền Nam, thì nhiều nhà trí thức đứng đắn khác cũng đã tỏ ra có một thái độ nghiêm túc, khoa học. Những tác giả này đã biết gắn liền việc nghiên cứu nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu với những vấn đề sôi bỏng của đất nước, của dân tộc. Do đó, những bài viết của họ sinh động và mang ý nghĩa thiết thực. Đáng chú ý nhất là bài của Đông Tùng và Thiếu Sơn. Đông Tùng không những chỉ khẳng định cụ Nguyễn Đình Chiểu là « một chiến sĩ văn nghệ cách mạng bình dân », mà còn vạch trần việc xuyên tạc, lừa

(1) *Tạp chí Nghiên cứu văn học, Sài-gòn, số đã dẫn.*

bip của nguy quyền Sài-gòn từ thời Diệm — Nhu kéo dài cho đến nay. Đó là việc cho lưu hành những sách giáo khoa ở bậc trung học và đại học, trong đó đã đánh giá cụ Nguyễn Đình Chiểu « không phải là một chiến sĩ văn nghệ cách mạng, mà chỉ là một ông đồ nho có tinh thần yêu nước và hay thơ, một thi nhân bất đắc chí ». Tác giả đã liên hệ sự kiện đó với việc nguy quyền đề cao Tôn Thọ Tường, cho Tường là người « có tinh thần yêu nước, thục thời và biết tùy thời, dựa trên căn bản tri bì, tri kỷ », rằng « họ Tôn ra hợp tác với người Pháp chỉ cốt để bênh vực, che chở cho nhân dân khỏi bị chết chóc, đốt phá, v.v., ». Tác giả kết luận : « Cái biện pháp cứu nước cứu đời » ấy « đúng là lối lý luận un dúc của bọn bòi bút bù nhìn ... » (1). Và tác giả đặt câu hỏi : « Lịch sử Việt-nam từ tháng 8-1945 cho tới bây giờ là một giai đoạn sôi bồng ; tại sao người ta (nguy quyền Sài-gòn — T.P.) vẫn còn tìm cách bào chữa cho một nhân vật xấu xa đối với dân tộc như Tôn Thọ Tường ? ». Ở một đoạn khác, tác giả cho rằng điều ấy không có gì khó hiểu, « vì trong khi người Việt yêu nước đang băng mình ở nơi đèo heo hút gió, bung ruộng, ngàn sâu để theo đuổi đại cuộc kháng chiến chống giặc, thì lại có một số người ở lại nơi thành thị bơ sữa với giặc. Nếu được giặc tin dùng thì họ sẵn sàng, vì nhiều người trong bọn họ đã từng làm chuyện đó. Vậy tìm đủ lý do bào chữa cho Tôn Thọ Tường chính là để bào chữa cho họ vậy ». Lập luận của tác giả sắc bén, thái độ tác giả rõ ràng, minh bạch, không ỡm ờ, nước đôi như một số cây bút khác khi phân tích về Nguyễn Đình Chiểu với những từ ngữ chung chung « hàng triệu chiến sĩ quân sự lẫn văn hóa đang chiến đấu anh dũng một mất một còn », « các anh hùng liệt sĩ », v.v.,...

(1) Điện tín số ra ngày 20-7-1971.

(hiểu theo nghĩa người cách mạng, yêu nước chân chính cũng được, mà hiểu đây là họ đề cao bọn Việt gian, tay sai đang cầm súng địch chống lại nhân dân cũng được). *Người Việt yêu nước*, theo Đòng Tùng, là những người trước kia từng kháng chiến chống Pháp và nay đang tiếp tục chống Mỹ. Còn *bọn giặc* ở đây không ai khác là những tên cướp nước ta, dù là khoác áo thực dân cũ hay thực dân mới.

Tác giả không cần nói rõ chủ trương « kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu » của nguy quyền Sài-gòn là bịp bợm nhưng đem đối lập việc làm của « Bộ giáo dục » với cái hành động của « Phủ văn hóa » nguy quyền, rồi để cho người đọc tự rút ra kết luận. Đó cũng là một cách làm có ý nghĩa. Đòng Tùng còn đem so sánh cụ Nguyễn Đình Chiểu với hai bài thơ mà tác giả nói là của cụ Nguyễn Ái Quốc và nhà thơ Tố Hữu (1). Tác giả viết : « Cụ Nguyễn Ái Quốc và nhà thơ T.H. là những nhà cách mạng dân chủ hiện đại sáng tác văn nghệ bình dân, việc đó không lấy gì làm ngạc nhiên. Chỉ có cụ Nguyễn Đình Chiểu, trong đám nho sĩ xuất thân trong thời đại phong kiến mà lại là một chiến sĩ văn nghệ bình dân càng làm cho chúng ta kính phục cụ ».

Khác với Đòng Tùng, Thiếu Sơn kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu theo cách của ông. Nhân dịp này ông viết một loạt bài đăng trên tờ *Điện tín* và *Dân chủ mới* đề cập đến vai trò của người cầm bút, trong đó có bài *Bài học Đồ Chiểu* (2). Như tờ *Điện tín* số 21-7-1971 đã giới thiệu, những bài báo đó « có thể cởi mở được những trắc ẩn cả một thế hệ kháng chiến ». Tác giả đứng trên góc độ « con cháu của cụ Đồ Chiểu » để rút ra một bài

(1) Trong bài báo tác giả viết tắt là T.H.

(2) *Dân chủ mới*, số ra ngày 18 và 19, tháng 7-1971.

học chung, một thái độ sống đúng với ý nghĩa chân chính của nó. Tác giả cũng không ngần ngại « tự phê bình » rằng với tư cách người cầm bút đã có lúc ông « thấy mình thiếu can đảm ». « Đọc lại cuốn *Nỗi lòng Đồ Chiểu* của Phan văn Hùm tôi thấy người xưa để lại cho chúng tôi những bài học quý giá ». Thiếu Sơn nhắc lại việc gặp « giáo sư Ca văn Thịnh đi chung với giáo sư Phạm Thiều », « trong bộ đồ đen vai mang chiếc nớp... về hiên ngang bất khuất » ở chiến khu Nam-bộ thời kháng chiến chống Pháp rồi kết luận « các ông mới xứng đáng là con cháu cụ Đồ Chiểu ». Và có lẽ Thiếu Sơn là cây bút duy nhất dám dả kích thẳng vào cái trò « kỷ niệm » của nguy quyền. Ông viết: « Cũng một đối tượng, mà ngôn ngữ khác nhau, người yêu nước không giống kẻ bán nước (...). Hiện ta có nhiều kẻ ăn dơ nhưng vẫn làm màu, làm mè thương nước, yêu dân và thỉnh thoảng lại còn bày đặt những trò kỷ niệm này nọ để người ta tưởng rằng họ cũng trong sáng như tiền nhân ». Qua hình ảnh Tôn Thọ Tường, tác giả đã nêu lên một chân lý đơn giản nhưng bị người ta xuyên tạc: « Có bao giờ đầu giặc mà để cứu nước, giúp dân? », đồng thời ông kêu gọi « con nhà cầm bút » hãy cảnh giác đừng để người ta biến mình thành ngòi bút « chiêu hồi ».

Ở một mức độ khác, có người nhân bài học lịch sử về những mưu toan lợi dụng Nguyễn Đình Chiểu cho mục đích « duy trì chế độ thực dân phong kiến », để đưa ra một nguyên tắc nhằm phân biệt đâu là lời khen, chê thật, xuất phát từ lợi ích của dân tộc, đâu là lời khen, chê giả chỉ nhằm lợi dụng danh nghĩa nhà thơ để chống lại Tổ quốc và nhân dân (*Vài ý nghĩ về đạo giáo và dân tộc nhân kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*). Có người đặt vấn đề thực tế và cụ thể hơn bằng cách theo gót « người chiến sĩ của văn hóa dân tộc, của truyền thống bất khuất của

sĩ phu miền Nam» dùng ngòi bút chĩa vào bọn «Việt gian hợp tác với ngoại xâm, rước voi về giày mả tổ», bọn «cúi đầu khuất phục thực dân và ngoại bang... bán rẻ lương tâm cho ác quỷ», «bọn sớm đầu, tối đánh», v.v... Chúng là «loài chuột nhưng nhúc trong một xã hội đang bị lực lượng ngoại nhập thao túng» (*Theo gót Đờ Chiêu đả kích chuột*). Cũng có người nhân cơ hội này muốn nói lên con đường chuyển biến tư tưởng của mình từ quan niệm «nghệ thuật vị nghệ thuật» sang quan niệm «nghệ thuật vị nhân sinh» qua ảnh hưởng tác phẩm của cụ Nguyễn Đình Chiểu (*Ba thời kỳ, ba nhận xét về Lục Vân Tiên*). (Ở miền Bắc chúng ta vẫn đề quan hệ giữa nghệ thuật với đời sống coi như đã được giải quyết xong từ lâu về cơ bản, nhưng ở vùng tam bị chiếm miền Nam, vấn đề này lại còn đang là vấn đề thời sự trên các báo chí).

Xin nói thêm rằng những bài viết về Nguyễn Đình Chiểu trên báo chí Sài-gòn mà chúng tôi có dịp trích dẫn trên đây chưa phải là tiếng nói đầy đủ của giới nghiên cứu ở các đô thị tam bị chiếm miền Nam. Theo tạp chí *Nghiên cứu văn học* (1) thì có một số «trí thức, học giả... đã khước từ lời của Phủ văn hóa ân cần mời tham dự thuyết trình các đề tài liên quan đến cụ Đờ...». Và cũng theo tờ tạp chí này thì không phải các vị đó không có điều kiện, trái lại «khả năng có thừa, nhưng vì lý do này hay lẽ nọ» mà đã từ chối. Phải chăng đó cũng là thái độ của một số trí thức không muốn để mình bị nguy quyền lợi dụng? Nhưng với tài liệu trên đây, cộng với các công trình nghiên cứu mang tinh thần tiến bộ, dân chủ xuất hiện ngày càng nhiều trên báo chí miền Nam trong vài năm lại đây, chúng ta có lý do đề

(1) Số đã dẫn.

lạc quan về một xu thế tiến bộ tất yếu trong những người cầm bút ở các thành thị. « Mặt trận văn hóa chống xâm lăng » mà nòng cốt là những nhà văn, nhà báo, đang phát triển mạnh, bắt cháp những gong kim tán bạo của bộ máy kiểm duyệt và cảnh sát của Mỹ—ngụy. Nhiều nhà văn, nhà báo bị bắt. Hàng trăm tờ báo, tạp chí bị tịch thu, bị truy tố trước tòa án ngụy trong năm 1971. Đầu năm nay các nhà văn Thiếu Sơn, Lưu Nghi và nhiều người khác bị bắt. Võ Què, một người làm thơ trẻ bị đày đi Côn-đảo vì đã cho đăng trên báo chí một số bài thơ yêu nước của anh... Nhưng không vì thế mà những người cầm bút tiến bộ ở miền Nam chùn bước. Thực tế đó nói lên một điều: tiền bạc, mua chuộc, phỉnh phờ và mọi thủ đoạn tàn bạo khác không khuất phục được lương tri của những người trí thức tiến bộ và yêu nước. Hơn lúc nào hết, câu thơ bất hủ của cụ Đồ Chiểu « Đám mây thẳng gian bút chẳng tà » đang vang lên trên « mặt trận đường phố » chống Mỹ — ngụy như một lời hiệu triệu và ngày càng được đông đảo trí thức, sinh viên, học sinh và các tầng lớp quần chúng khác hưởng ứng mạnh mẽ.

MỞ RỘNG VIỆC NGHIÊN CỨU NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

VŨ ĐỨC PHÚC

MỘT nhà văn lớn thường được rất nhiều người nghiên cứu. Khi có dịp bàn về Nguyễn Đình Chiểu thì chúng ta ai chẳng muốn nói ra những ý nghĩ tha thiết của mình, nói cho có đầu có đuôi, cho hết nữa! Do đó không thể tránh khỏi tình trạng ý kiến trùng lặp.

Mặt khác, phải chăng chúng ta đã nghiên cứu đầy đủ về Nguyễn Đình Chiểu? Bao nhiêu tư liệu đã được phát hiện cả rồi ư? Hay là chúng ta mới chỉ bàn nhiều về một số khía cạnh, bỏ qua đi nhiều khía cạnh khác không kém quan trọng, gây ra tình trạng là nghiên cứu *vừa thừa quá lại vừa thiếu quá?*

Bởi vậy việc tìm hiểu xem vấn đề Nguyễn Đình Chiểu đã được nghiên cứu tới đâu, cần phải được nghiên cứu như thế nào, có ích lợi về hai phương diện: Nó sẽ gợi ra phương hướng mới để tìm tòi về nhà thơ; nó sẽ giúp chúng ta suy nghĩ về phương pháp nghiên cứu một tác giả,

lớn sao cho có nhiều hiệu quả khoa học nhất. Dưới đây chúng tôi chỉ có một vài suy nghĩ đề gợi ý mà thôi.

. . .

Căn cứ vào *Thư mục và tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu* in trong tập *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (Viện Văn học ; Nhà xuất bản Khoa học xã hội ; in lần thứ hai ; 1969) thì trước Cách mạng tháng Tám, có 24 bài báo và công trình viết về Nguyễn Đình Chiểu. Ngoài ra còn có nhiều tiểu luận, bài tựa, in trên đầu các tác phẩm của ông. Tất nhiên, chúng ta còn bỏ sót nhiều bài báo về Nguyễn Đình Chiểu, chưa ghi được vào *Thư mục* trên. Nhưng có phần chắc là những bài bị sót đó nếu có gì thật sự quan trọng thì cũng không ghê gớm lắm, vì không ai nhớ cả. Từ sau Cách mạng tháng Tám đến tháng 2-1967, *Thư mục* cũng ghi được 39 bài báo và tiểu luận về Nguyễn Đình Chiểu trên miền Bắc... Có thể nói, tất cả các công trình trên đều không phải là chuyên đề hoàn chỉnh về Nguyễn Đình Chiểu. Vấn đề đặt ra là muốn nghiên cứu toàn diện Đồ Chiểu, phải chú ý đến những mặt nào ; và đối với từng mặt một, thì còn gì phải nghiên cứu ?

Trước hết là việc *tim hiểu về mọi phương diện cuộc đời Đồ Chiểu*. Việc này không chỉ giúp ta đánh giá chung về con người của ông, mà còn giúp ta hiểu và đánh giá được các sáng tác của ông, một cách thấu đáo. Hơn nữa, Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là một nhà thơ mà còn là một thầy thuốc, một nhà giáo dục, tóm lại là một nhà tri thức nổi tiếng, cho nên *tim hiểu* tiểu sử của ông bao gồm cả việc nghiên cứu toàn bộ sự nghiệp của ông. Từ đó mới có đầy đủ tư liệu đi vào

ngiên cứu sâu sắc tác của ông và học tập ông một cách có kết quả nhất về các phương diện.

Căn cứ vào các công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu mà tôi đã được đọc, một điều rất đáng tiếc là tiểu sử của Nguyễn Đình Chiểu, cho đến nay *chưa được nghiên cứu bao nhiêu*. Công trình nghiên cứu tương đối — rất tương đối — có nhiều sự kiện nhất về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là bài của Phan Văn Hùm in trên đầu tập *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* (Tân Việt xuất bản; Sài-gòn; 1952). Nhưng trước Phan Văn Hùm, Mai Huỳnh Hoa đã ghi được khá nhiều sự kiện về nhà thơ (*Tiểu sử cụ Đồ Chiểu; Tân Văn; số 27; 16-2-1935; Sài-gòn*). Trước Cách mạng, có thể còn nhiều bài báo giúp ta hiểu sâu thêm về Nguyễn Đình Chiểu một ít, mà hiện nay chúng ta chưa tìm ra được, nhưng từ sau Cách mạng đến nay, sự hiểu biết về tiểu sử Đồ Chiểu không vượt quá những tài liệu Mai Huỳnh Hoa và Phan Văn Hùm đã cung cấp, là bao nhiêu.

Phan Văn Hùm nghiên cứu tiểu sử Đồ Chiểu, chủ yếu dựa vào Mai Huỳnh Hoa nhưng ông ta nói rằng đã dựa vào tập *Nguyễn chi thế phủ*, « và chép theo lời của ông Nguyễn Đình Chiêm đã thuật » cho nghe, ngoài ra cũng căn cứ vào một vài tài liệu khác, như tài liệu của Trương Vĩnh Ký in trên đầu truyện *Lục Vân Tiên* năm 1889. Những sự kiện Phan Văn Hùm tìm ra, nói chung là có thể tin được. Phan Văn Hùm đã kiểm tra lại những điều mà Nguyễn Đình Chiêm, con Nguyễn Đình Chiểu cung cấp, bác bỏ một vài ý kiến sai. Nhưng có những điểm trong bài của Phan Văn Hùm khiến người ta còn phải đánh dấu hỏi. Thi dụ Phan Văn Hùm nói về việc Đồ Chiểu dạy học: « Học trò thường có vài trăm người, ngồi ra hai hàng tả hữu, nghe giảng, mỗi ngày từ sáng sớm năm giờ rưỡi, cho đến mười giờ trưa ».

Có thể Đồ Chiểu dạy rất nhiều học trò, nhưng một lúc mà giảng cho « vài trăm người » nghe (nên nhờ là ông không thể có máy phóng thanh), lại giảng liên tục trong nhiều ngày và có thể là trong nhiều năm, thì đó là điều hơi quá sự thực.

Lại có những điều Mai Huỳnh Hoa đã nói nhưng Phan Văn Hùm thì viết lược đi, như việc tên chủ tỉnh Bến-tre mấy lần xin đến gặp Đồ Chiểu mãi sau mới được ông tiếp chuyện.

Ngoài bài nghiên cứu trên của Phan Văn Hùm, hiện nay chúng ta được biết thêm một ít chi tiết nữa như sự liên hệ giữa Đồ Chiểu và Trương Định, Phan Văn Trị... Nhưng muốn hiểu kỹ Đồ Chiểu, còn có những phương hướng sau đây cần phải khai thác :

Trước hết là sự nghiệp dạy học của ông. Việc này hầu như từ trước tới nay chưa ai nghiên cứu. Chắc hẳn Nguyễn Đình Chiểu không dạy cho người ta học để thi đỗ làm quan, nhưng hàng bao nhiêu người đã được ông dạy dỗ những gì, theo phương pháp nào, những học trò tiêu biểu của ông là ai? Muốn đánh giá đúng ảnh hưởng của Đồ Chiểu trong trí thức và nhân dân miền Nam, để học tập ông, thì không thể bỏ qua những vấn đề này.

Việc ông làm thuốc hầu như cũng không được ta nghiên cứu thấu đáo. Chỉ mới có một hai bài nói ít nhiều tới vấn đề này thông qua việc đọc cuốn *Nghị Tiểu văn đáp* của ông, như bài của Liêu Kỳ Lộc đăng trên tạp chí *Đông y* ; số 38 ; 7-1963.

Quan hệ giữa Nguyễn Đình Chiểu và Đốc binh Lê Trương Định, Phan Văn Trị như thế nào, việc này rất quan trọng, thế mà chúng ta chỉ mới biết một đôi nét ; vấn đề vẫn hầu như còn nguyên vẹn, nghĩa là chưa được khai thác bao nhiêu.

Gia đình Nguyễn Đình Chiểu, trong đó có những nhân vật đặc biệt như bà mẹ ông, người em ông đi theo Đốc binh Lê, con gái ông: bà Sương Nguyệt Anh, người sáng lập tờ báo phụ nữ đầu tiên ở Việt-nam, cũng được hiểu biết rất ít.

Ngoài ra, mọi sự kiện trong đời Nguyễn Đình Chiểu mới chỉ được biết một cách sơ lược. Do đó, chúng ta có thể khẳng định cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu chưa được nghiên cứu bao nhiêu. Phải chăng hiện nay đặt ra vấn đề này là quá muộn? Chúng tôi nghĩ rằng ta còn rất nhiều khả năng để tìm hiểu thấu đáo về tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu, thí dụ nghiên cứu các gia phả của họ Nguyễn hoặc của những họ có quan hệ với ông, tìm hiểu ông qua sách báo được xuất bản khi ông mới chết, sưu tầm và xác minh những truyền thuyết về ông còn lưu hành ở miền Nam, v.v... Hiện nay một số nhà tri thức lão thành như cụ Ca Văn Thỉnh còn nhớ rất nhiều về tiểu sử Đồ Chiểu nhưng chưa có dịp viết. Năm 1971, bọn nguy quyền ở miền Nam cũng giả vờ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu để nguy trang bằng một nước sơn dân tộc giả hiệu cho việc chúng làm tay sai đê tiện của giặc Mỹ, nhưng nhiều nhà tri thức miền Nam đã nhân đó « gây ông đập lưng ông », viết một số bài đề cao Nguyễn Đình Chiểu và các tri thức cách mạng nối chí Đồ Chiểu, đồng thời chống lại giặc Mỹ và tay sai. Có lẽ các nhà nghiên cứu văn học chân chính ở miền Nam hiện nay có nhiều khả năng tìm hiểu tại chỗ nhiều sự kiện về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu, đóng góp vào phong trào chung, kế thừa di sản lớn lao của Đồ Chiểu.

Trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, có lẽ *Lục Vân Tiên* là được nghiên cứu nhiều nhất từ xưa đến nay, nhưng nói cho thật đúng thì mọi người mới chú ý nhiều đến việc *phê bình* cuốn truyện hơn là nghiên cứu

phát hiện ra mọi tư liệu để có cơ sở phê bình, đánh giá một cách thật sâu sắc và xác đáng. Ngoài *Lục Vân Tiên* thì các tác phẩm khác nói chung mới chỉ được phê bình qua loa. Có cuốn như *Dương Từ — Hà Mậu* mới chỉ được bàn tới một cách rất sơ lược.

Thời gian sáng tác, quá trình sáng tác từng tác phẩm và quá trình sửa chữa, kể từ *Lục Vân Tiên* trở đi, chưa được nghiên cứu kỹ. *Lục Vân Tiên* đã được xác định là sáng tác trước khi Pháp xâm lược Việt-nam. Nhưng khi đế quốc Pháp xâm lược miền Nam, chúng ta thấy dấu hiệu là cuốn truyện đã được — nếu không phải Nguyễn Đình Chiểu thì là ai đó — sửa chữa, mục đích là để chống đế quốc. Như đoạn *Lục Vân Tiên* phá giặc Ô-qua, bản *Trương Vĩnh Ký* ghi hai câu thơ tả viên nguyên soái Ô-qua như sau :

*Lại thêm Cốt Đột nguyên nhung,
Mắt hùm râu đỏ tướng hung lạ lùng.*

Nhưng bản *Lục Vân Tiên* do Nghiêm Liên dịch ra tiếng Pháp, có in kèm theo bản tiếng Việt của nhà xuất bản Văn minh mà Nguyễn Văn Tố đánh giá là « một trong những bản tốt nhất », thì lại chữa bốn chữ « mắt hùm râu đỏ » thành « mắt thau tóc đỏ ». Chỉ chữa có hai chữ thôi mà đủ biến giặc Ô-qua thành đế quốc Pháp xâm lược và tự nhiên *Lục Vân Tiên* có cả một đoạn dài chống đế quốc! Chữa tài tình quá! Nhiều câu thơ vung về trong bản *Trương Vĩnh Ký* cũng đều được chữa lại trong bản Văn minh. Do đó, khi phê bình nghệ thuật làm thơ của Đờ Chiểu thì phải so sánh, đối chiếu nhiều di bản ; nếu không thì có khi *Trương Vĩnh Ký* ghi sai, nhưng ta lại chê Đờ Chiểu là viết vung. Tôi không dựa vào uy tín của Nguyễn Văn Tố để cho rằng bản Văn minh là tốt nhất. Nhưng tôi cũng không tán thành lắm việc lấy bản *Trương Vĩnh Ký* làm gốc, bởi lẽ khi Đờ Chiểu còn sống

thì ông cũng không cho rằng bản in nào tốt nhất, chứng cứ là năm 1883, viên chủ tỉnh Bến-tre là Misen Pông-sông (Michel Ponchon) đã đề nghị ông chỉnh lý lại *Lục Vân Tiên*, căn cứ theo « một bản in của người Tàu ». « rồi chỉ ra những câu thừa nên bỏ, những câu sai nên sửa và những câu bị bỏ đi nên thêm vào ». Nhưng nhà thơ đã không đủ sức khỏe và thì giờ làm việc đó nữa.

Việc căn cứ vào bản dịch ra tiếng Pháp của Ôbarê (Gabriel Aubaret) năm 1864, được coi là bản sớm nhất hiện còn, cũng gây ra nhiều hiểu lầm. Ôbarê tuyên bố *Lục Vân Tiên* « chưa bao giờ được in thành sách » và nhờ có nhiều đoạn chép tay rời rạc nên truyện thơ ấy « đến ngày nay mới còn truyền lại. Phải tìm hỏi nhiều người bản xứ mới có thể sưu tầm được năm sáu bản chép tay ấy, rồi dựa vào đó mà xây dựng thành câu chuyện có đầu, có đuôi ». Hiện nay nhiều nhà nghiên cứu *Lục Vân Tiên* vẫn căn cứ vào câu nói dựng đứng đó của Ôbarê để một là quy công cho Ôbarê đã xây dựng nên văn bản *Lục Vân Tiên*, hai là cho rằng *Lục Vân Tiên* đã là một « sáng tác dân gian » không còn là sáng tác hẳn hoi của Đồ Chiểu. Nhưng thực ra, ông « lãnh sự », « quan tư » kiêm « học giả » Ôbarê chỉ đối trá để bịp đời, trước hết là bịp các bạn đọc người Pháp. Đã từ lâu Nguyễn Văn Tố vạch mặt nạ ngài bằng một đoạn văn lịch sự mà dữ dội : « Chẳng phải là tôi chê trách gì công việc của hai nhà bác học về Đông phương học là G. Ôbarê và A. de Misen (Abel des Michels), nhưng xin phép được nhắc lại ở đây điều mà tôi đã nói ít ra là một lần, trên *Kỷ yếu của Hội Trí tri* : nhiệm vụ đầu tiên của một người dịch sách là chỉ ra bản in nào mình dịch theo. Quan tư Ôbarê hình như có trước mắt một bản in (*Lục Vân Tiên*) bằng chữ Nôm xuất bản ở Gia-định, và ông ta luôn luôn căn cứ vào bản Nôm ấy để mà dịch.

Ta có thể tán thành sự lựa chọn đó. Và một khi ông Ôbaré đã tự hạn chế mình, không tự cho phép mình khai thác những văn bản hoặc có vẻ chính xác hơn, hoặc dễ hiểu hơn, thì ông cũng có quyền không viết thêm những chú thích, những chú thích ấy nếu ở các trường hợp khác thì rất cần thiết. Đã vậy thì mất gì mà ông không chịu viết một dòng đề chỉ cho chúng ta rõ là ông đã dịch theo một bản in ở Gia-định? » (Tựa bản *Lục Vân Tiên* dịch ra tiếng Pháp của Nghiêm Liên; 1927). Do chỗ Ôbaré định bịp đời, không trung thực về học thuật, mà hiện nay khá nhiều người còn lầm lẫn. Rất đáng tiếc là nhà học giả Nguyễn Văn Tố đáng kính của chúng ta đã chết; không biết bản in Gia-định mà ông nói đó, có trước bản của Ôbaré, là thế nào, và căn cứ vào đâu mà ông cho rằng bản Văn minh là một trong những bản tốt nhất? Và cả bản in « của người Tàu » mà Pôngsông nói đó là bản nào?

Tôi chỉ dẫn một thí dụ để chứng tỏ rằng tìm hiểu kỹ quá trình sáng tác và sửa chữa các tác phẩm, nghiên cứu mọi dị bản, sẽ phát hiện ra rất nhiều điều lý thú về tư tưởng và nghệ thuật Đồ Chiểu. Nhưng chúng ta chưa làm việc đó bao nhiêu. Thời gian sáng tác các tác phẩm khác ngoài *Lục Vân Tiên*, nói chung mới được đoán phỏng, như sau khi Trương Định chết (8-1864) thì chúng ta đoán rằng Văn tế và 12 bài *Thơ điệu Trương Định* làm liền sau đó. Nhưng chưa có gì bảo đảm là 12 bài thơ ấy làm năm 1864.* *Ngư Tiều vấn đáp* được đoán là sáng tác vào năm 1877. Nhưng có chắc không? Dù Nguyễn Đình Chiểu làm thơ rất dễ dàng, nhưng viết được một quyển rất dài như *Ngư Tiều vấn đáp* chắc hẳn không phải chỉ cần một, hai năm mà xong. Dương Tử — Hà Mậu được Phan Văn Hùm cho là sáng tác đồng thời với *Lục Vân Tiên*,

mọi người hiện nay đều chấp nhận ý kiến đó. Tuy vậy *Dương Tử — Hà Mậu* có nhiều đoạn được viết với một lối văn có nhiều ngụ ý khác hẳn *Lục Vân Tiên*. Lối văn ấy thường được dùng để đối phó với bọn cầm quyền mà nhà thơ căm ghét. Ngoài ra có một số đoạn ý kiến rất gần gũi với *Ngư Tiều vấn đáp*, mà có phần chắc *Ngư Tiều vấn đáp* được sáng tác sau khi đế quốc chiếm được toàn bộ Nam-kỳ một thời gian. Chẳng hạn đoạn dưới đây trong *Dương Tử — Hà Mậu* :

*Nước thời chia bốn năm phần,
Can qua chẳng biết mấy lần đánh nhau.
Trong thời gian nịnh dục đầu,
Ngoài thời đua nịnh, đua cầu tham quan.*

ý gần giống với đoạn dưới đây trong *Ngư Tiều vấn đáp* :

*Thử coi trong cuộc nước non,
Bốn chia, năm xé, thon von đường nào.
Nhảy vòng phủ quý lao xao,
Sớm tôi, tối chúa, ra vào gờm nhau...
Thêm bày gian nịnh chen vai...*

Những câu tiếp sau hai đoạn trên đều có nhiều ý gần giống nhau. Có lẽ *Dương Tử — Hà Mậu* đã được Nguyễn Đình Chiểu sửa chữa khá nhiều để chống giặc xâm lược.

Do đó, thời gian và quá trình sáng tác, sửa chữa từng tác phẩm còn là một vấn đề cần phải nghiên cứu thật kỹ, mới có căn cứ khoa học để hiểu tư tưởng và nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu, theo quan điểm lịch sử, trong quá trình phát triển của nó một cách thật đúng đắn. Và trước hết cũng để hiểu kỹ được tác phẩm đã.

Về nguồn gốc từng tác phẩm thì từ *Lục Vân Tiên* trở đi, vấn đề cũng chỉ mới được bàn tới ít nhiều. Như

trước kia người ta đã cãi nhau không biết có phải *Lục Vân Tiên* được viết theo một cuốn truyện (tiểu thuyết) nào đó là *Tây minh* hay không. Trần Nghĩa đã viết một bài chứng minh Trung-quốc chỉ có một cuốn *Tây minh*, sách lý luận về nhân nghĩa, đạo đức, triết học của Trương Tải, không phải là tiểu thuyết, và *Lục Vân Tiên* hoàn toàn là sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu (*Tạp chí văn học*; số 1; 7-1963), không viết theo ai. Nhưng vấn đề như thế cũng mới chỉ được giải quyết một ít. Cái lô-gích của đoạn đầu trong *Lục Vân Tiên* có thể là: nhân đọc *Tây minh* (của Trương Tải), Nguyễn Đình Chiểu suy nghĩ về cuộc đời với nhân tình éo le, rồi từ đó viết ra, sáng tác ra *Lục Vân Tiên*... Có lẽ «truyện» theo Nguyễn Đình Chiểu không có nghĩa là «tiểu thuyết», mà là một thứ sách bàn về nghĩa lý của các «kinh»! Hai nữa, *Ngư Tiều vấn đáp* chứng tỏ Nguyễn Đình Chiểu có biết đến *Tây minh* của Trương Tải và có dẫn một câu trong *Tây minh*. Như vậy *Lục Vân Tiên* không viết theo một cuốn «tiểu thuyết» nào gọi là *Tây minh*, vấn đề ấy chắc đã sáng rõ. Nhưng nếu bàn về nguồn gốc *Lục Vân Tiên* thì không thể chỉ dừng lại ở đó mà phải thấy rằng Nguyễn Đình Chiểu cũng đã chịu ảnh hưởng của nhiều cuốn tiểu thuyết và sử Trung-quốc. Thí dụ ông thầy học Lục Vân Tiên giống như ông thầy dạy Tôn Tẫn, Bàng Quyên trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên và trong *Đông Chu liệt quốc*, có điều ở đây Nguyễn Đình Chiểu đã bỏ vai Bàng Quyên. Bộ ba Vân Tiên, Tử Trục, Hồn Minh làm ta nhớ đến bộ ba Lưu, Quan, Trương trong *Tam quốc chí*. Nhưng nếu Tử Trục có một nét gì đó giống Quan Vân Trường, thì đoạn Tử Trục mắng bố Võ Thê Loan lại làm chúng ta nhớ đến đoạn Triệu Vân mắng người định kết nghĩa anh em

với mình, lại muốn đem chị dâu góa chồng gả cho mình, nếu và Hôn Minh có một nét gì đó giống Trương Phi, thì Vân Tiên không phải là Lưu Bị mà lại có một nét gì đó bề ngoài giống như *Tam quốc chí*, đã tả Mã Siêu:

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ó.*

Và nếu không có các truyện và kịch về Chiêu Quân cống Hồ và có *Nhị độ mai* thì làm sao có chuyện Nguyệt Nga cống Phiến?... Ngoài ra nhiều vở tuồng cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến việc sáng tác *Lục Vân Tiên*. Tất nhiên bấy nhiêu ảnh hưởng tuyệt đối không làm giảm giá trị sáng tạo của *Lục Vân Tiên*, nhưng vẫn cần phải nghiên cứu để biết Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa văn học cũ một cách sáng tạo như thế nào. Bên cạnh ảnh hưởng của sách vở, còn phải kể đến ảnh hưởng nhiều mặt của văn học dân gian, và nhất là phải chú ý đến chỗ cuộc sống thực và nhiều sự kiện trong đời Nguyễn Đình Chiểu đã ùa vào *Lục Vân Tiên* như thế nào... Những vấn đề ấy chỉ mới được bàn qua. Do đó vấn đề nguồn gốc *Lục Vân Tiên* coi như chưa được đi sâu và giải quyết thấu đáo. Các tác phẩm khác lại càng chưa được nghiên cứu kỹ về mặt này.

Cuộc sống, hiện thực, ở những mảng và thời gian nào đó gắn bó thật chặt chẽ với nội dung phản ánh của tác phẩm, nếu được nghiên cứu một cách thấu đáo, có những sự kiện và con người cụ thể, có thật, làm dẫn chứng xác đáng, thì mới có căn cứ để hiểu sâu nội dung và hình thức các tác phẩm. Nhưng chỉ có một ít trường hợp mà các nhà nghiên cứu tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu có chú ý đến hiện thực để hiểu một tình tiết, chi tiết nào đó của sáng tác; như việc Nguyễn Đình Chiểu bị mù có liên quan đến việc ông

tả nhân vật Lục Vân Tiên bị mù, như một số chi tiết về Trương Định trong bài *Văn tế* và 12 bài *Thơ điệu Trương Định*, v.v... Ngoài ra, nhiều lúc chúng ta mới chỉ suy luận về hiện thực, về xã hội miền Nam, con người miền Nam một cách chung chung khi phân tích một nhân vật, một tác phẩm nào đó của Đồ Chiểu. Nghiên cứu tư tưởng của từng tác phẩm một, nhất là những tác phẩm dài, viết trong nhiều năm, hoặc tác phẩm đã sửa chữa nhiều lần, cũng không phải là một vấn đề đơn giản. Số phận của các tác phẩm vẫn chưa được nghiên cứu sâu. Ảnh hưởng của *Lục Vân Tiên* hết sức lớn lao, nhưng mới chỉ được nghiên cứu rất sơ lược, chung chung, với một vài hiện tượng về «nói Vân Tiên», v.v... Chúng ta cũng chưa mò tả được số phận bị đọa đày của nhiều sáng tác yêu nước mà trước Cách mạng, đế quốc ngán cản không cho xuất bản.

Chỉ sau khi phân tích và đánh giá cặn kẽ các mặt từng sáng tác một thì chúng ta mới có căn cứ khoa học để nghiên cứu tổng hợp toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, phân chia ra thành từng thời kỳ sáng tác. Nếu không làm được như thế thì không đầy đủ điều kiện chắc chắn để tìm hiểu quá trình phát triển của tư tưởng và nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu. Bởi lẽ, mỗi sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đều chưa được nghiên cứu sâu như trên chúng tôi đã nói, thậm chí có sáng tác bây giờ mới được bàn tới một cách sơ lược như *Dương Tử*—*Hà Mậu*, một tác phẩm rất quan trọng, cho nên việc phân chia các giai đoạn sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu mới làm được một cách hết sức đại khái. Lại cũng vì lẽ trên mà các bài nghiên cứu về

Nguyễn Đình Chiểu thường nghiên cứu chung chung về tư tưởng của ông theo lô-gích hình thức, coi tư tưởng ông gần như nhất thành bất biến. Thành quả nghiên cứu lớn về mặt này là đã nhấn mạnh một cách xác đáng đến tư tưởng nhân nghĩa, lòng yêu nước, yêu dân của Nguyễn Đình Chiểu, tư tưởng chống đế quốc và một phần nào chống phong kiến của ông. Những điểm ấy rất đúng. Nhưng trong mỗi thời kỳ sáng tác thi về mặt đồng đại, hệ thống tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu về nhân sinh quan, về kinh tế, chính trị, văn hóa, v.v..., là thế nào, cái gì là lõi cốt, là chủ yếu, chúng ta chưa chứng minh được một cách thật khoa học. Trải qua các giai đoạn sáng tác thi về mặt lịch đại, hệ thống tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu nói trên ở các mặt chính và thứ, đã trải qua một quá trình phát triển như thế nào, chúng ta cũng chưa nghiên cứu cho ra được. Nhiều nhà nghiên cứu coi *Lục Vân Tiên* là một giai đoạn sáng tác, còn nhiều sáng tác khác viết sau khi đế quốc xâm lược chỉ được nghiên cứu chung, coi như không có biến chuyển gì về tư tưởng yêu nước yêu dân cả, lúc nào Nguyễn Đình Chiểu cũng nghĩ như thế. Thế mà, ngay ở một tác phẩm được viết trong một thời gian dài, hoặc đã được sửa chữa, thì chúng ta cũng có thể thấy tư tưởng tác giả có thay đổi. Nói chung, *việc nghiên cứu tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu còn đang ở giai đoạn phân tích dần các mặt, chưa được tổng hợp một cách thật khoa học, việc nghiên cứu lại thiên về «tĩnh» hơn là «động».*

Nếu chỉ đi vào một tư tưởng chính trị như tư tưởng trung quân của ông, chúng ta cũng đã thấy nhiều biến chuyển rất đáng chú ý. Trong *Lục Vân Tiên*, có nhiều đoạn chứng tỏ Nguyễn Đình Chiểu tuy đề cao trung hiếu, nhưng vẫn đứng về phía nhân dân mà đả kích các

vua chúa tàn ác, như đoạn nhân vật ông Quán nói về hai lẽ ghét, thương. Nguyễn Đình Chiểu ghét nhất « ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm » là ghét các vua chúa tàn ác, hại dân. Có nhà nghiên cứu cho rằng Nguyễn Đình Chiểu muốn đả kích các vua triều Nguyễn như Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức... Nhưng nhân vật vua trong *Lục Vân Tiên* thì lại rất tốt, tư tưởng trung quân được đề cao. Và sau khi đế quốc xâm lược miền Nam, thì Nguyễn Đình Chiểu nhiều lúc lại tỏ ra vẫn rất tôn kính và còn hy vọng ít nhiều ở vua nhà Nguyễn :

*Người dễ muốn chi nường đất khách,
Trời đã khiến vậy mền vua ta...*

(Từ biệt cô nhân)

*Chùng nào Thành dễ ơn soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông...*

(Xúc cảnh : Ngự Tiêu vẫn đáp)

Như vậy mà cho rằng Nguyễn Đình Chiểu khi viết *Lục Vân Tiên* có ý đả kích các vua nhà Nguyễn thì thật thiếu căn cứ. Nhưng ông vẫn tôn trọng vua mà vẫn tán thành Trương Định, khi Trương Định chống lại lệnh triều đình, phát cờ khởi nghĩa đánh đế quốc xâm lược. Đôi lúc ông lại có ý oán vua. Đến một lúc nào đó (cần xác định) ông đã nhìn ra nguyên nhân của việc mất nước chính là do vua quan nhà Nguyễn và ông lên án bọn phong kiến, đế quốc một cách hùng hồn, danh thép :

*Thử coi trong cuộc nước non,
Bốn chia, năm xé, thon von đường nào.
Nhảy vòng phú quý lao xao,
Sớm tới, tối chừa, ra vào gờm nhau.
Muôn dân ép ráo mỡ dầu,
Ngày trau khi giới, tháng xâu điện, dài.*

*Thêm bầy gian nịnh chen vai,
Gây nên mọi rợ từ ngoài lẫn trong...*

(Ngư Tiều vãn đáp)

Nguyễn Đình Chiểu thường gọi đế quốc là « man di », « mọi rợ » rất tanh hôi, rất dã man, trong khi chúng vô ngược tự xưng là « văn minh », đi « khai hóa » cho các dân tộc lạc hậu.

Và khi làm một bài « thơ sấm » trong *Ngư Tiều vãn đáp* đề tỏ hy vọng về tương lai, ông đã nghĩ đến việc thay đổi triều đại :

*Năm quý đua cờ pháo ngựa qua,
Hai vua một gánh gửi vai bà...
Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng,
Bốn biển âu ca hiệp một nhà...*

Câu thứ hai của bài thơ « thơ sấm » có ý nói về diên tích bà mẹ Triệu Khuông Dã gánh hai con nhỏ sau đều làm vua, và Triệu Khuông Dã sáng lập ra nhà Tống. Điều ấy chứng tỏ Nguyễn Đình Chiểu tuy chưa thoát khỏi hệ ý thức phong kiến nhưng đã thay đổi ý kiến, hoàn toàn mất tin tưởng ở vua quan nhà Nguyễn, và hy vọng rằng có một triều đại mới nổi lên chống cả nhà Nguyễn lẫn đế quốc thì mới cứu được nước. Như thế là tư tưởng có biến chuyển ngay trong một tác phẩm dài, viết và sửa chữa trong nhiều năm.

Nhân tiện xin kể một chuyện vui về bài « thơ sấm » trên của Nguyễn Đình Chiểu. Có người tán là Nguyễn Đình Chiểu đã « tiên đoán » được rằng đến thời đại Hồ Chí Minh thì sẽ thống nhất được đất nước vì « nhật nguyệt vầy gương sáng » tức là chữ *Minh*. Đúng là do có Bác Hồ mà chúng ta sẽ thống nhất được Tổ quốc, đuổi được giặc Mỹ ; nhưng việc tán « thơ sấm » của Hồ Chiểu chẳng qua là câu chuyện nói cho vui. Chúng ta

nào phải các tin đồn của « sấm Trạng Trình » ! Thực ra thì Đồ Chiểu nhiều khi cũng thích trào phúng, nên làm bài thơ trên, gọi là « thơ sấm », và lại viết thêm rằng :

*Ý trong bài sấm sáu xa,
Ta từng phân giải chẳng ra lẽ gì . . .*

chẳng qua là đề tỏ bày hy vọng sẽ có một triều đại mới nổi lên đánh đuổi được đế quốc làm cho Nam-kỳ được giải phóng, nước được thống nhất, thế thôi !

Trên đây tôi chỉ dẫn sơ lược một thí dụ đề chứng tỏ việc tìm hiểu *quá trình phát triển* của hệ thống tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu về phần lõi cốt và về các mặt khác, rất quan trọng. Thí dụ ấy nói về tư tưởng trung quân, một khía cạnh nhỏ, không phải vấn đề lõi cốt, trong quan điểm chính trị của Đồ Chiểu. Việc tìm hiểu *hệ thống tư tưởng* của Đồ Chiểu cũng quan trọng không kém, không thể làm một cách tùy tiện như khi thì bắt đầu bằng cách nghiên cứu quan điểm Nho giáo của ông, khi thì xuất phát từ tư tưởng nhân nghĩa, khi thì xuất phát từ lòng yêu nước. Nói chung, phần chủ yếu trong hệ thống tư tưởng của một người là nhân sinh quan, quan điểm kinh tế, quan điểm chính trị. Các mặt khác chỉ là thứ yếu. Đồ Chiểu có rất nhiều ý kiến về kinh tế như quan niệm của ông về sĩ, nông, công, thương, về sưu thuế, về nhà giàu phải sẻ của cho nhà nghèo, nhưng cho đến nay tuyệt đối không có ai nghiên cứu phần rất quan trọng ấy trong tư tưởng ông cả. Tuy vậy công việc nghiên cứu thật sâu sắc tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu (cũng như nghiên cứu các mặt khác trong di sản văn hóa, văn học ông để lại) không thể tiến hành một cách vội vã, thiếu sự phân tích kỹ các mặt. Ông già đó buộc chúng ta phải suy nghĩ về biết bao nhiêu vấn đề về lịch sử xã hội, về văn học, văn hóa của dân tộc ta trong quá khứ, trong thế kỷ XIX và từ bấy đến nay ! Phân tích

chưa kỹ, chưa đủ rồi tổng kết vội vã, nhất định chỉ đề ra những bài hời hợt. Tất nhiên tôi không dám nói lời nhiều bài đã có, vừa ngắn gọn, vừa sâu sắc, nói ngay được những điều chính yếu về tác giả. Dù sao những bài đó không thể thay thế cho các công trình nghiên cứu khoa học được.

∴

Về nghệ thuật làm thơ, viết truyện của ông, chúng ta cũng còn nghiên cứu ít quá. Ông có nhiều nhược điểm về nghệ thuật (như tất cả các nhà văn lớn đều có nhược điểm này, khác) ai cũng rõ, nhưng chưa được phân tích sâu; mặt khác, ông lại có biết bao nhiêu đặc sắc trong nghệ thuật làm thơ, viết truyện khiến cho nhân dân hết sức thích thú. Thí dụ, thử hỏi trước Nguyễn Đình Chiểu, ta đã có một cuốn truyện thơ nào xây dựng được một nhân vật anh hùng có sức sống mãi như Lục Vân Tiên, không kể các truyện dân gian như *Ông Đổng*, *Thạch Sanh*? Nguyễn Đình Chiểu tả tình yêu thì hơi vụng, bằng sao được Nguyễn Du, có lẽ vì trong cuộc sống thực, ông không « xông xáo » như Nguyễn Du; nhưng ông tả lòng chung thủy sao mà thấm thía sâu xa đến thế! Lại có một cốt truyện nào hấp dẫn như *Lục Vân Tiên*? Ngay từ trang đầu, khi tả thầy trò Vân Tiên từ biệt nhau, Đồ Chiểu đã dẫn dắt các tình tiết một cách thật linh hoạt. Lối kể chuyện trong *Lục Vân Tiên* có rất nhiều sáng tạo khác với tất cả các truyện Nôm khác, kể cả *Truyện Kiều*. Nguyễn Đình Chiểu còn đổi mới cách viết truyện thơ như xen vào truyện thơ lục bát, các bài thơ luật, và các bài « thơ mới » bắt nguồn từ dân ca miền Nam chỉ gồm các câu « song thất » nối liền nhau chứ không có câu « lục bát »:

Nước vẫn quanh, bầy kinh rẽ bạn ;
Thấy anh hùng hoạn nạn khá thương.
Chiếc thuyền câu đầu đầu nên đó ;
Nước ly loạn giàu có màng chi.

(*Dương Tử - Hà Mậu*)

Lại có những đoạn thơ lục bát rất dài cố tình viết điệp vận chứng tỏ Nguyễn Đình Chiểu rất sành về âm điệu :

Bốn người họa xứng thơ rồi,
Thứ này Đạo Dẫn phản hồi Đông Thanh.
Dân rằng : Bến quán Đông Thanh,
Ngày mai đã đến giờ lành luyện đan !
Ta xin về chốn luyện đan,
Ngư, Tiều, người phải theo Đường Nhập Môn.
Hai người nay được Nhập Môn,
Theo nhau cho trọn một phần nho y.
Phần ta theo việc tiên y...

Nguyễn Đình Chiểu viết truyện thơ xã hội, truyện thơ triết học và cả truyện thơ khoa học nữa với một nghệ thuật cao. Đã có ông Trạng nào viết được như thế? Thơ Nguyễn Đình Chiểu rất ngọt ngào, giàu nhạc. Nguyễn Đình Chiểu còn là một nhà thơ trào phúng khi vì bọn đế quốc như lũ dè, khi lên án bọn lang băm trong nhiều cảnh xử án cuối truyện *Ngư Tiều vấn đáp*. Văn Nguyễn Đình Chiểu nhiều khi có những hình ảnh rất phong phú, gây xúc động thật mạnh, chỉ có thể thấy ở những thiên tài như Đấng :
*An-hà quán đang khi bạch trú, gió cây vụt thổi,
cát xoáy bay, con trời (1) dậy bên thành.*

(1) Cơn lố •

*Long tướng giang mỗi lúc hoàng hôn, khói nước
xông mù, lửa đóm nhoáng, binh ma chèo dưới vực.*

(Văn tề nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh)

Tôi chỉ dẫn một vài thí dụ nhỏ để chứng tỏ rằng chúng ta chưa tìm hiểu được bao nhiêu về quan điểm nghệ thuật và nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu, một nhà văn, nhà thơ có mặt yếu, nhưng rất độc đáo, không chịu « viết tống cổ thi », bắt chước ai, và lại có những sáng tạo thật lớn lao.

Tóm lại, từ xưa tới nay chúng ta mới tìm hiểu được rất ít về Nguyễn Đình Chiểu mà đã thấy ông là một nhà thơ yêu nước thật lớn, « một vì sao có ánh sáng khác thường » và « càng ngày càng thấy sáng ». Nếu chúng ta chịu tìm hiểu ông một cách có phương pháp, sẽ thấy được ngôi sao ấy sáng đến mức nào. « Nguyễn Đình Chiểu học » thực sự mới ở bước đầu. Chúng ta còn phải mất rất nhiều công phu nữa mới mong tiếp thu được hết cái gia tài văn học mà nhà thơ yêu quý để lại cho nhân dân ta.

5 - 1972

PHỤ LỤC

NHÂN BIỂU NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU *

NHÂM NGỌ (1822)

— Ngày 13 tháng 5 Nhâm ngọ, tức 1-7-1822, Nguyễn Đình Chiểu ra đời tại quê mẹ, làng Tân thời, tỉnh Gia-định, thuộc phạm vi thành phố Sài-gòn ngày nay.

Mẹ là Trương Thị Thiệt (sinh năm Canh-thân, 1800). Cha là Nguyễn Đình Huy (sinh năm Nhâm-tí, 1793), quê ở Thừa-thiên, làm thư lại trong dinh Tổng trấn Gia-định của tả quân Lê Văn Duyệt.

NHÂM THÌN (1832).

— Lê Văn Duyệt chết. Lợi dụng việc Minh Mệnh cấm tước Duyệt chủ trương duy trì và củng cố quyền hành địa phương của dinh Tổng trấn, bọn quan lại đến thay Duyệt là Tổng đốc Nguyễn Văn Quế và Bố chánh Bạch Xuân Nguyên liền dựng lên vụ án Lê Văn Duyệt mưu đồ làm phản. Con nuôi là Lê Văn Khôi cùng toàn bộ gia nhân Lê Văn Duyệt đều bị hạ ngục.

QUÝ TỊ (1833).

— Được các tù nhân và nhân dân địa phương hưởng ứng, Lê Văn Khôi nổi dậy, chiếm thành Phan-an (Sài-gòn), giết Tổng đốc Nguyễn Văn Quế và Bố chánh Bạch Xuân Nguyên, sau đó đánh lan ra Lục tỉnh (Nam-bộ).

* Do NGUYỄN VĂN HOÀN lập.

Năm 1834, Khôi bị bệnh chết. Năm 1835, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp dã man.

— Tháng 8 - 1833, anh vợ Lê Văn Khôi là *Nùng Văn Vân*, lãnh đạo các dân tộc thiểu số, nổi dậy ở Tuyên-quang, rồi đánh lan ra Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-son. Đến năm 1835, cuộc khởi nghĩa này cũng bị dập tắt.

— Khi cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi bùng nổ, thân sinh Nguyễn Đình Chiểu bỏ nhiệm sở, chạy về Huế nên bị cách chức. Nguyễn Đình Chiểu được đưa ra Huế học tập.

CANH TÍ (1840).

— Minh Mệnh chết, Thiệu Trị nối ngôi.

— Nguyễn Đình Chiểu từ Huế trở về Gia-định.

QUÍ MÃO (1843).

— Nguyễn Đình Chiểu đỗ Tú tài ở trường thi Hương Gia-định (21 tuổi).

Đỗ cử nhân cùng khoa có Đỗ Trình Thoại, người Gò-công, sau này làm tri huyện, rồi khởi nghĩa chống Pháp và bị giết.

KỶ DẬU (1849).

— Nguyễn Đình Chiểu đang ở Huế chờ khoa thi Kỷ dậu (1849) thì được tin mẹ đã mất ngày 15 tháng 11 năm Mậu thân (10-12-1849) và đã an táng tại phường Tân-triêm (nay là Cầu-kho, Sài-gòn). Nguyễn Đình Chiểu liền trở về quê, chịu tang. Dọc đường mắc bệnh nặng, rồi bị mù (27 tuổi).

CANH TUẬT (1850).

— Nguyễn Đình Chiểu về quê, đóng cửa cư tang, sau đó mở trường dạy học. Trong khoảng thời gian này, ông viết truyện *Lục Vân Tiên* (1)

GIÁP DẪN (1854).

— Nguyễn Đình Chiểu lấy Lê Thị Điền, chị ruột một người học trò của ông, làm vợ.

— Nhà thơ Cao Bá Quát khởi nghĩa ở Hà-dòng, Sơn-tây.

MẬU NGỌ (1858)

— Thủy quân Pháp và Tây-ban-nha gồm 14 chiến thuyền và 2.300 quân, do đô đốc thủy quân Rigôn dờ Jonuiy (Rigault de Genouilly) chỉ huy đánh chiếm Đà-nẵng, cửa ngõ của Kinh đô Huế.

— Triều Thanh (Trung-quốc) ký hòa ước Thiên-tân với Anh—Pháp.

KỶ MŨI (1859).

— Có bệnh dịch lớn. Quân Pháp do Rigôn dờ Jonuiy chỉ huy, từ Đà-nẵng vào, theo cửa biển Cần-giờ và sông Bến-nghé vào đánh chiếm thành Gia-định (18-2-1859).

— Nguyễn Đình Chiểu chạy về Thanh-ba, thuộc quận Cần-giộc, Chợ-lớn. Sáng tác truyện *Dương Từ - Hà Mậu*.

TÂN DẬU (1861).

— Quân Pháp do đô đốc Sácne (Charner) chỉ huy lần lượt đánh chiếm Chí-hòa, Mỹ-tho, Biên-hòa, Cần-giộc... Nguyễn Tri Phương bị thương, Đỗ Trình Thoại hy sinh ở Gò-công.

— Nguyễn Đình Chiểu làm bài *Văn tế Nghĩa sĩ Cần-giộc*, sau đó lánh về Ba-tri (Bến-tre).

(1) Thời điểm sáng tác của các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu hiện chưa được nghiên cứu đầy đủ. Ở đây thường ghi theo năm sớm nhất mà tác phẩm đó có thể ra đời.

NHÂM TUẤT (1862).

— Triều đình Huế ký hàng ước (5-6-1862) nhường ba tỉnh miền Đông Nam-bộ (Gia-định, Biên-hòa, Định-tường) cho Pháp, thừa nhận quyền tự do thông thương, tự do truyền đạo và bồi thường binh phí 20 triệu phò rãng trong 10 năm.

— Chống lệnh triều đình, Trương Định vẫn tiếp tục kháng chiến : chống cự với giặc ở vùng Gia-định, An-giang, Gò-công, dưới ngọn cờ *Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khi dân* (Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp bán nước, triều đình bỏ dân).

QUÍ HỢI (1863)

— Phái đoàn Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Dân qua Pháp (7-11-1863) thương lượng đề mong chuộc lại 3 tỉnh miền Đông.

— Em Nguyễn Đình Chiểu là Nguyễn Đình Huân theo Đốc binh Là đánh Pháp bị tử trận tại Cần-giוע.

GIÁP TÝ (1864)

— Trương Định bị một tên phản bội bắn, bị thương nặng; liền rút gươm tự sát (20-8-1864) tại Kiến-phước (Gò-công).

— Cao-miền buộc phải ký hòa ước thừa nhận sự bảo hộ của Pháp. Ở Trung-quốc cuộc khởi nghĩa Thái bình thiên quốc thất bại.

— Nguyễn Đình Chiểu làm bài *Văn tế* và 12 bài thơ *liên hoàn bát cú điệu Trương Định*.

— Ôbaré (G. Aubaret) dịch truyện *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp và đăng trên *Journal asiatique* ở Paris.

ẤT SỬU (1865)

— Phong trào tự động kháng chiến của các sĩ phu và nhân dân tiếp tục phát triển. Con trai của Trương Định

là Trương Quyền, nối chi cha, phối hợp với người Thượng và người Khơ-me, khởi nghĩa ở Tây-ninh, Nguyễn Hữu Huân, Võ Huy Dương, Phan Văn Đạt, Hồ Huân Nghiệp,.. tiếp tục duy trì các cuộc kháng chiến ở vùng Gia-định, Chợ-lớn, Gò-công, Tân-an, Chợ-gạo, Bình-dương, Đồng Tháp-mười.

— Duy Minh Thị ở Chợ lớn cho in bản *Lục Vân Tiên* bằng chữ Nôm, Tôn Thọ Tường trông nom việc khắc ván. Cũng nhà cư sĩ này, năm 1879, sẽ cho in một bản *Kiều Nôm*.

BÍNH DẪN (1866)

— Đoàn Trưng, Đoàn Trục lãnh đạo số dân phu xây lãn ; Vạn-niên cho Tự Đức, khởi nghĩa ở Huế.

ĐÌNH MÃO (1867)

— Ngày 20-6-1867, quân Pháp do La Grăngđiê (La Grandière) chỉ huy, đánh thành Vĩnh-long. Với tinh thần chiến bại, Kinh lược sứ ba tỉnh miền Tây là Phan Thanh Giản hạ lệnh nộp thành đề « tránh mọi sự đổ máu vô ích », sau đó uống thuốc độc tự tử.

— Ba tỉnh miền Tây bị mất. Một số sĩ phu yêu nước bỏ Lục tỉnh là đất đã bị giặc chiếm, dời ra Bình-thuận còn là đất của triều đình, Phan Tam, Phan Ngũ (tức Phan Liêm, Phan Tôn, nhân dân gọi là Cậu Ba, cậu Năm), con của Phan Thanh Giản, khởi nghĩa ở Bến-tre, Vĩnh-long, Sa-déc, Trà-vinh. Nguyễn Văn Lịch tức Nguyễn Trung Trục, xuất thân dân chài, khởi nghĩa ở Hòn-chông (Rạch-giá). Khi bị giặc bắt đưa ra hành hình, Nguyễn Trung Trục hiên ngang nói : « Bao giờ nước Nam hết cỏ thì mới hết người Nam đánh Tây ».

— Thực dân Pháp bắt đầu tổ chức việc cai trị ở Nam-kỳ, Dạy quốc ngữ và tiếng Pháp ở trường Thông ngôn Sài-gòn. Trương Vĩnh Ký viết *Mẹo tiếng Việt*.

— Nguyễn Trường Tộ dâng điều trần : nên phát triển nguồn lợi kinh tế và cầu ngoại viện để đánh Pháp lấy lại Nam-bộ,

— Phan Bội Châu sinh.

— Minh Trị lên cầm quyền ở Nhật-bản.

— Nguyễn Đình Chiểu làm thơ *Điếu Phan Thanh Giản* và làm bài *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*.

MẬU THÌN (1868)

— Thủ khoa Huân (Nguyễn Hữu Huân) lãnh đạo kháng chiến ở Mỹ-tho, bị giặc bắt, giết ở Cù lao Rồng.

— Phan Tông tử trận ở Bến-tre.

— Nguyễn Đình Chiểu làm *10 bài thơ điếu Phan Tông*.

TÂN MŨI (1871)

— Nhân dân tự nguyện võ trang chống Pháp ở Bà-điêm, Hóc-môn, Gò-vếp. Trận đánh 18 thôn Vườn-trầu nổi tiếng, hy sinh oanh liệt đến người cuối cùng.

— Phan Chu Trinh sinh, Nguyễn Trường Tộ mất, Nguyễn Khuyến đỗ Đình nguyên.

QUÝ DẬU (1873)

— Quân Pháp do Phrăngxi Gácniê (Francis Garnier) chỉ huy đánh chiếm Hà-nội lần thứ nhất.

— Nguyễn Tri Phương tuyệt thực chết.

— Jannô (G. Janneau) cho phiên âm truyện *Lục Vân Tiên* ra quốc ngữ và xuất bản ở Pari.

GIÁP TUẤT (1874)

— Phrăngxi Gácniê bị quân Cờ đen giết chết. Triều đình Huế ký hàng ước thừa nhận Nam-kỳ là thuộc địa của Pháp, mở các cửa Thi-nại, Hải-phòng, Hà-nội cho Pháp thông thương.

— Phong trào « Bình Tây sát Tả » sôi nổi ở Nghệ-Tĩnh. Trần Tấn, Đặng Như Mai khởi nghĩa.

— Tác phẩm *Ngư Tiều vấn đáp* có thể được hoàn thành trong khoảng thời gian này.

NHÂM NGỌ (1882)

— Quân Pháp do Hăngri Rivie (Henri Rivière) chỉ huy đánh chiếm Hà-nội lần thứ hai.

— Hoàng Diệu tuẫn tiết.

QUÝ MŨI (1883)

— Tự Đức chết. Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc lần lượt được lập rồi bị phế.

— Thực dân Pháp, mà những đại diện trực tiếp là nhà buôn Pié (Pillet) và tên chủ tỉnh Bèn-iré là Misen Pông sông (Michel Ponchon) lần lượt thân hành đến thăm, hòng dụ dỗ mua chuộc Nguyễn Đình Chiểu, nhưng nhà thơ dứt khoát chối từ.

— Bản dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp của Abel de Misen (Abel des Michels) xuất bản ở Pari.

GIÁP THÂN (1834)

— Hàm Nghi lên ngôi.

— Triều đình Huế ký hàng ước Pa-lơ-nốt (Pate-nôtre) thừa nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi nước Việt-nam.

ẤT DẬU (1885)

— Kinh đô Huế thất thủ. Hàm Nghi chạy ra Sơn phòng Quảng-trị, hạ chiếu Cần vương.

— Sĩ tử trường thi Hương Bình-định nghe tin nước mất liền phá trường bỏ thi. Nguyễn Thượng Hiền đỗ Hội nguyên ở Huế nhưng chưa kịp truyền lờ thi kinh thành thất thủ.

— Phan Đình Phùng khởi nghĩa. Phong trào Cần vương sôi nổi và lan rộng.

MẬU TÍ (1888)

— Hàm Nghi bị bắt và bị đày đi Anjêri (Algérie).

— **Nguyễn Đình Chiểu mất** ngày 24 tháng 5 năm Mậu tí (tức 3-7-1888) tại Ba-tri, tỉnh Bến-tre.

NHÂM DẦN (1963)

Đảng Lao động Việt-nam, Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam tổ chức Lễ kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất Nguyễn Đình Chiểu tại thủ đô Hà-nội và tại Cầu lạt bộ Ấp-bắc (vùng giải phóng miền Nam Việt-nam).

NHÂM TÝ (1972)

— Lễ kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu được tổ chức trọng thể tại thủ đô Hà-nội và tại vùng giải phóng miền Nam Việt-Nam.

THU MỤC VỀ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

TIỂU DẪN

1. Thư mục này nhằm mục đích tập hợp các tài liệu thư tịch viết về Nguyễn Đình Chiểu, đã được in và lưu hành rộng rãi, trong khoảng thời gian từ khi tác phẩm *Lục Vân Tiên* ra đời cho đến 1972, năm kỷ niệm lần thứ 150 năm sinh Nguyễn Đình Chiểu (1822—1972) và được sắp xếp thành 5 mục phân loại sau đây:

I. Thân thế Nguyễn Đình Chiểu.

II. Các bản in tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu:

- A. Các bản *Lục Vân Tiên* chữ Nôm
- B. Các bản *Lục Vân Tiên* quốc ngữ
- C. Các bản *Lục Vân Tiên* dịch ra Pháp văn
- D. Các tác phẩm khác và các hợp tập.

III. Các công trình nghiên cứu:

- A. Nghiên cứu *Lục Vân Tiên*
- B. Nghiên cứu về các tác phẩm khác (ngoài *Lục Vân Tiên*)
- C. Nghiên cứu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu.

IV. Những tác phẩm phỏng theo *Lục Vân Tiên*.

V. Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa kỷ niệm ngày sinh và ngày mất Nguyễn Đình Chiểu (1963 ; 1972).

Trong từng mục phân loại, các đơn vị thư mục sẽ được xếp theo trật tự A, B, C tên tác giả hoặc theo trật tự năm xuất bản.

2. Trong trường hợp năm được đầy đủ các yếu tố cụ thể về thư tịch, mỗi đơn vị thư mục sẽ được ghi chú như sau: tên tác giả, tên tài liệu, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, khổ sách (chiều cao cuốn sách), số trang; tiếp đó là vài lời giới thiệu tóm tắt về nội dung tài liệu (nếu xét thấy cần thiết).

— Về tên các tác gia Việt-nam, do chỗ khó xác định được hoàn toàn chính xác các thành phần họ kép, tên kép, chữ lót v.v... nên chúng tôi cứ ghi theo trật tự bình thường, chứ không đảo ngược tên lên trước họ.

Vi dụ: ghi: *Vũ Đình Liên* (viết hoa cả ba chữ), chứ không ghi: *Liên (Vũ Đình)*.

Và do đó, để cho nhất trí, tên các tác giả người nước ngoài, cũng không đảo ngược.

Vi dụ: đề nguyên: *Gabriel Aubaret*.

— « Tên tác giả » ở đây ghi theo họ, tên thật. Tự, biệt hiệu, bút danh được chú ở bên cạnh và đặt trong vòng đơn.

3. Tùy theo nội dung, có trường hợp một cuốn sách lại được *dăng ký* ở nhiều mục phân loại khác nhau.

Vi dụ: cuốn *Lục Vân Tiên ca diễn* của Abel des Michels, xuất bản năm 1883, gồm có nguyên bản chữ Nôm, phần phiên âm ra chữ quốc ngữ, phần dịch ra tiếng Pháp, sẽ được *dăng ký* ở cả ba tiểu mục A, B, C thuộc mục II (các đơn vị thư mục 18, 24, 53).

4. Toàn bộ các đơn vị thư mục này sẽ được đánh số *thứ tự* suốt từ trên xuống dưới. Tổng cộng là 264 đơn vị thư mục.

5. Kèm theo thư mục này có *Bản cước chú về các báo và tạp chí, Bản kê tên các tác gia* được dẫn.

6. Các chữ viết tắt trong *Thư mục* :

H. : Hà-nội

tr. : trang

TVKII : ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội

TVQG : ký hiệu Thư viện Quốc gia

TVVH : ký hiệu Thư viện Viện Văn học

x : xem

xb : xuất bản

Nxb : Nhà xuất bản

MVĐ : *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*

MSTL : *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*

Xây dựng bản *Thư mục* này chúng tôi dựa trực tiếp vào các sách, báo lưu trữ tại Thư viện Viện Văn học, Thư viện Quốc gia, Thư viện Khoa học xã hội, đồng thời có tham khảo các bản *Thư mục* sau đây :

1. *Những bản Lục Vân Tiên đã xuất bản* do K. V. đã dẫn trong *Nam-kỳ tuần báo*, số đặc biệt 26-6-1943 và *Tri tân* số 105 tháng 7-1943. Châu Hải Kỳ in lại trong *Giáo dục phổ thông* số 41, 1-7-1959 và Nguyễn Bá Thế trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, 1957.

2. *Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu* do Trần Nghĩa lập và in trong *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, 1964.

3. *A check list of the Vietnamese holdings of the Wason collection*, by Giok Po Oey, Cornell University Libraries, New York, 1971.

Có một số đơn vị thư mục, chúng tôi chưa nắm được đầy đủ các chi tiết về thư tịch; có một số báo, tạp chí kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu chúng tôi chưa biết được nội dung bài vở cụ thể. Chúng tôi mong rằng bản Thư mục chưa đầy đủ này sẽ giúp bạn đọc tra cứu được một số tài liệu chính về Nguyễn Đình Chiểu khi cần thiết, đồng thời sẽ là một cơ sở để cho bạn đọc tiện việc bổ sung, đính chính nhằm tiến tới có một thư mục đầy đủ hơn về Nguyễn Đình Chiểu.

NGUYỄN VĂN HOÀN

I. THÂN THÈ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

(xếp theo trật tự A, B, C tên tác giả)

1. Lê Thọ Xuân

— *Cụ Nguyễn Đình Chiểu*. Tạp chí *Đồng-nai* (Sài-gòn) số 23-24 đặc biệt chu niên, 1933.

2. Mai Huỳnh Hoa

— *Tiểu sử cụ Đồ Chiểu*. Báo *Tân văn* (Sài-gòn) số 27, 16-2-1935. In lại trong MSTL (H., 1965), tr. 42-50.

Mai Huỳnh Hoa là cháu ngoại của Nguyễn Đình Chiểu.

3. Ma Thất

— *Những giai thoại về cụ Đồ Chiểu*. Tạp chí *Văn học* (Sài-gòn) số 133, 1-8-1971, tr. 90-100.

4. Nguyễn Văn Hoàn

— *Niên biểu Nguyễn Đình Chiểu*. In trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước...*, H., Nxb. Khoa học xã hội, 1973.

5. Nguyễn Văn Hoàn

— *Tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu*. In trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước...*, H., Nxb. Khoa học xã hội, 1973.

6. Nguyễn Bá Thế

— *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn* (1822-1888) Sài-gòn, Tân Việt, 1957, 21 cm, 182 tr.

Phần thứ nhất, tr. 8-98, trình bày « Thân thế Nguyễn Đình Chiểu ». Tr. 8: in lại « Một trang gia phả họ Nguyễn Đình » (Xem thêm 151).

7. Nhất Tâm

— *Vài giai thoại về cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu*. Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

8. Phạm Văn Thực và Phan Tứ Lang

— *Từ cụ Nguyễn Đình Chiểu đến bà Sương Nguyệt Anh, tấm gương kiên trì và kiên trung của người phụ nữ Việt-nam giữa thời tao loạn*. Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962 (1)

9. Phan Văn Hùm

— *Nỗi lòng Đồ Chiểu*; Chợ-lớn, Edition Đỗ Phương Quế, 1938. Xem phần thứ I, tr. 11-50, trình bày « Nỗi lòng Đồ Chiểu » (tức Thân thế, tâm sự Nguyễn Đình Chiểu)

10. Phan Văn Hùm

— *Ngư Tiều văn đáp y thuật*, Sài-gòn, Tân Việt, 1952. Có phần viết về tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu (Xem thêm 60).

11. Thái Bạch

— *Nguyễn Đình Chiểu* (Phụ lục: Sương Nguyệt Anh). Sài-gòn, Sống mới, 1957, 19cm, 144 tr. (Tủ sách Tinh hoa Sống mới).

(1) Về Sương Nguyệt Anh, tham khảo thêm Nam Xuân Thọ, Sài-gòn, Tân Việt, 1957; Nguyễn văn Kiệt, *Văn hóa nguyệt san* số 48; Phạm Xuân Độ, *Văn hóa nguyệt san* số 24.

12. Trần Nghĩa

— *Niên biểu Nguyễn Đình Chiểu*. In trong MVD, tr.135-143 (Xem 218). Thục Uyên dựa theo và in lại trong Tạp chí Văn học (Sài-gòn) số 133, 1-8-1971, tr. 130-140.

13. Trần Nghĩa

— *Tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu*. Tuần báo Thống nhất (H.) số 314, 28-6-1963.

14. Vũ Ngọc Phan

— *Thân thế và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Kỷ yếu của Hội Khai tri tiến đức số 9 và 10-1943*. In lại trong MSTL. tr. 51-65.

15. Vũ Đình Liên

— *Nguyễn Đình Chiểu*. H., Nxb Văn Hóa, 1958, 19cm, 189 tr. Xem Thân thế Nguyễn Đình Chiểu (tr. 19-33); Một trang gia phả họ Nguyễn Đình Chiểu (tr. 181); Niên biểu Nguyễn Đình Chiểu (tr. 183-184).

16. Xuân Mỵ

— *Vài hàng tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu*. Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

II. CÁC BẢN IN TÁC PHẨM NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

(xếp theo trật tự năm xuất bản)

A. Các bản “Lục Vân Tiên” chữ Nôm

17. Lục Vân Tiên. Bản in do Duy Minh Thị sao lục, Tôn Thọ Tường trông nom in. Chợ Lớn, Hiệu sách Quảng Thạnh Nam, 1865.

18. Lục Vân Tiên ca diễn. Texte en caractères figuratifs. Transcription en caractères latins et traduction par Abel des Michels, Paris, Ernest Leroux, 1883.

(Forme le tome XIX des « Publications de l'École des langues orientales vivantes »). TVKH: 4°1.007

19. **Lục Văn Tiên**, H., Tự văn đường tàng bản. Thành Thái năm thứ 9 (1897).

20. **Lục Văn Tiên**, H., Liễu văn đường tàng bản, Khải Định thứ 6 (.921).

21. **Lục Văn Tiên** còn tích tân truyện, H., Tự văn đường tàng bản, Khải Định cửu niên (1924) 17cm, 53 tờ.

22. **Lục Văn Tiên**, H., Phúc văn đường (Sách không đề năm xuất bản).

B. Các bản « *Lục Văn Tiên* » quốc ngữ

23. **Lục Văn Tiên**, poème populaire annamite transcrit pour la première fois en caractères latins d'après les textes en caractères démotiques avec de nombreuses notes explicatives par G. JANNEAU. Ouvrage publié par ordre du Contre-Amiral Dupré Gouverneur et Commandant en Chef en Cochinchine.

Paris, Cha'lamel aîné, 1873, pp.103. TVKH: 8°3430 (2).

24. **Lục Văn Tiên** ca diển. Transcription en caractères latins par Abel des Michels, Paris, Ernest Leroux, 1883 (Xcm 18).

25. **Lục Văn Tiên** truyện, poèmes populaires annamites transcrits en quốc ngữ, précédés d'un résumé analytique du sujet de chacun par P.J.B. TRƯƠNG VĨNH KÝ.

Sàigòn, Imprimerie Aug. Bock, 1889, pp. 79, 4^e édition revue corrigée et augmentée de notes explicatives et historiques par P.J.B. TRƯƠNG VĨNH KÝ, Sàigòn, Claude et Cie, Imprimeurs Editeurs, 1897, pp. 100.

26. **Lục Văn Tiên**, bản cũ soạn lại và thêm hát Nam, hát Khách par *Đặng Lễ Nghi*, publié par Đinh Thái Sơn, Sài-gòn, Imprimerie Nam Tai, in lần thứ nhất, 1907, in-8, pp. 72.

+ Sài-gòn, Nguyễn Văn Của (Imprimerie de l'Union) 1919, 24cm, pp. 37.

Ngoài phần nguyên bản *Lục Văn Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, *Đặng Lễ Nghi* sáng tác thêm vào một số bài hát Nam, hát Khách và xướng họa giữa các nhân vật trong truyện (Xem lời giới thiệu và trích in trong MSTL, tr. 130—135. (Xem 219) TVKH: Q. 8°22).

27. **Lục Văn Tiên**, giải nghĩa par *Trần Vinh Quang*, publié par Trần Công Đống. Imprimerie Saigonnaise, 1908, 19cm, pp. 89.

28. **Lục Văn Tiên truyện**, Edité par Renoux, Sài-gòn, 1910, 24cm, pp. 33.

29. **Lục Văn Tiên**. Bản cũ soạn lại, Sài-gòn, Imp. J. Viêt, 1923, 24cm, pp. 64 ; III.

30. **Lục Văn Tiên truyện**. Hải-phòng, Imp. Văn Minh 1924. Edition Nguyễn Ngọc Xuân. Dépôt de vente — Librairie Ích-ký H., 15cm, pp. 96.

31. **Lục Văn Tiên truyện**. Kim Khuê ấn quán dịch và in — H., Kim Khuê, 1927, 16cm, pp. 96, III.

+ 2è édition, H., Kim Khuê ấn quán, 1929, 17cm, pp. 96.

32. **Lục Văn Tiên**. Sài-gòn, Nhà in Xưa nay, 1928.

33. **Lục Văn Tiên thơ**. Sài-gòn, Tin đức thư xã, 1929, 23cm, pp. 43, III. — 2è édition, Sài-gòn, Tin đức thư xã, 1931, 24cm, pp. 28. TVQG: M. 4576 (10).

34. Lục Văn Tiên

Sài-gòn, Nhà in Đông Pháp, 1930. TVQG : M. 6.155 (2)
M. 6.155 (3).

35. Lục Văn Tiên. *Đình Xuân Hội* dẫn giải, viết tại Huế, mùa xuân năm Bảo Đại thứ 5 (1950), H., Tân Dân xb. phát hành, 1943. TVVH : Vn 18.

36. Lục Văn Tiên. (Histoire de Lục Văn Tiên, conte en vers). Sài-gòn, Imprimerie Xưa nay, 1932, 24 cm, 28 pp. TVQG : M. 6.673 (15).

37. Thơ Lục Văn Tiên, Nguyễn Kim Đình, Sài-gòn, Nguyễn Đình Khương xb., Imprimerie Bảo Tồn, 1933, 24cm, pp. 26 III.

38. Thơ Lục Văn Tiên, chép ra quốc ngữ par Nguyễn Hào Vĩnh, Sài-gòn, Imprimerie Xưa nay, 1933.

+ Tái bản, Sài-gòn, Imprimerie Xưa nay, 1938, 24cm. 28tr. TVQG : M. 7.521, M. 7.522, M. 12.052.

39. Thơ Lục Văn Tiên.

Sài-gòn, Nhà in Xưa nay, 1937, TVQG : M. 10.449

40. Lục Văn Tiên, bản cũ soạn lại, Edité par Phạm Văn Thịnh, Sài-gòn, Bảo Tồn, 1931, 24cm, 28 tr.

+ Tái bản. Sài-gòn, Phạm Văn Thịnh. 1942, 23cm, 26tr. TVQG : M. 15.811, P. 15.176.

41. Lục Văn Tiên, Edité par Nhị Thiên Đường, Sài-gòn, 24cm, pp. 34 (không rõ năm xuất bản).

42. Lục Văn Tiên truyện, Edité par Long Quang, H., Rue du Coton, 15cm., pp. 97 (không rõ năm xb.).

43. Lục Văn Tiên, Trọng Phủ chú giải, Sài-gòn, Á-châu (không rõ năm xb.).

44. **Lục Văn Tiên**, H., Phúc Chi, 1950, 18 cm, 79 tr.

45. **Lục Văn Tiên**, H., Nhà in Ngà mai, 1950.

46. **Lục Văn Tiên**, sửa đúng theo bản của Trương Vĩnh Ký phát hành năm 1889, gồm 21 đoạn, 2.076 câu, Nguyễn Thanh Tâm chú thích, Sài-gòn, Tân Việt, 1951, 21cm, 162 tr.

+ In lần thứ tư, sửa chữa cần thận. Sài-gòn, Tân Việt, 1956, 21cm, 164tr. TVQG : M. 19.885.

47. **Lục Văn Tiên**. Xem văn I., Từ điển bách khoa Larousse thế kỷ XX.

48. **Lục Văn Tiên**, có phụ lục tiểu sử tác giả Nguyễn Đình Chiểu do Hoàng Văn Hà chủ thích, Sài-gòn, Á châu xb. 1951. TVQG : P. 29.791, P. 29.792.

49. **Lục Văn Tiên**. Hoàng Ngọc Phách, Lê Trí Viễn. Vũ Đình Liên bình luận, hiệu đính chủ thích, H., Bộ Giáo dục xb., 1957, 19cm, 132 tr. TVQG : VN 7027, VN 7028.

50. **Lục Văn Tiên**. H., Nxb. Phổ thông, 1957. In lần thứ 3, H. Nxb. Phổ thông, 1960, 19cm, 76 tr. TVQG : VN. 7.657⁽⁸⁾, VN. 14,039 VN. 14.040.

51. **Lục Văn Tiên**, H., Nxb. Bình dân, 1958. TVQG : VN. 8.017.

52. **Lục Văn Tiên**, Vũ Đình Liên, Nguyễn Sỹ Lâm khảo thích và giới thiệu. H., Nxb. Văn hóa, 1959, 19cm, 212 tr. (Phần giới thiệu 38 tr.) TVQG : VN 11.930. VN. 11.391. TVVH : VV. 785, VV. 10.6.

C. Các bản "Lục Văn Tiên" dịch ra Pháp văn

53. **Abel des Michels**

— **Lục Văn Tiên ca diễn**, bản dịch của Abel des Michels, Paris, Ernest Leroux, 1883 (xem 18).

54. E. Bajot.

— *Histoire du grand Lettré Louc Vian Tèien*, poème populaire annamite — Traduction libre en vers français par Eug. Bajot, chevalier de l'ordre Royal du Cambodge, Ouvrage subventionné par le Conseil colonial de la Cochinchine française dans sa séance du 28 décembre 1885.

+ Sài gòn, Rey et Curiol, 1886, pp. 16.

+ Paris, Challamel aîné, 1887, pp. XXIII+223.TVKH: 8°3.041.

55. G. Aubaret

— *Lục Vân Tiên*, poème populaire annamite traduit par Gabriel Aubaret, consul de France à Bangkok, Paris. Imprimerie Impériale, 1864, pp. 98.

— Extrait N° 1 de l'année 1864 du « Journal asiatique » (Aubaret, biết chữ Hán và tiếng Việt, sau làm giáo sư dạy chữ Hán ở trường Hậu bổ).

56. Nghiêm Liên

— *Lục Vân Tiên*, poème annamite traduit en français par Nghiêm Liên (Đỗ Đình Nghiêm et Ngô Vi Liên). Préface de Ứng Hòa. Illustrations de Nguyễn Đình Chi. H., Imp. Lê Văn Tân, 1927, 25cm, pp. 321, (Tirage à part du *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*, 1927). TVQG: M. 5.108, M. 12.521, M. 13.108.

57. Dương Quảng Hàm

— *Lục Vân Tiên*, Dương Quảng Hàm dịch ra tiếng Pháp, H., Alexandre de Rhodes xb, 1941.

(Dịch theo bản Nguyễn Xuân Sáng phiên âm, nhà xuất bản Văn ở H.).

TVQG: M. 16.651. M. 16.652.

58. **Lục Văn Tiên**, traduction en français, tome II, avec hors texte et culs de lampe de Mạnh Quỳnh, H., Alexandre de Rhodes, 1945.

TVQG : 18.009 (2).

D. Các tác phẩm khác và các hợp tập

59. **Nỗi lòng Đồ Chiểu**, Phan Văn Hùm biên soạn, Chợ lớn, Editions Đỗ Phương Quế, 1938.

Phần thứ II (tr. 51-116) : Trích lục tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, trong đó có nhiều tài liệu do con Nguyễn Đình Chiểu là Nguyễn Đình Chiêm sao lục.

60. **Ngư Tiều vấn đáp y thuật**, Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích, Nhượng Tống tặng bình bỗ chú, Sài-gòn, Tân Việt, 1952, 22 cm, 410 tr. TVKH : Q. 8°402; TVQG : W. 2.629.

61. **Ngư Tiều vấn đáp và thơ văn yêu nước khác**, Vũ Đình Liên, Lê Thuớc giới thiệu, trích giải, H., Nxb. Nghiên cứu, 1957, 19 cm, 115 tr. TVQG : VN. 6.883, VN 6.884, TVVH : VV. 53.

62. **Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn**, Nguyễn Bá Thế biên soạn, Sài-gòn, Tân Việt, 1957.

Phần thứ II (tr. 101-145) : sưu tập và chú giải thi văn của Nguyễn Đình Chiểu.

63. **Nguyễn Đình Chiểu**, Vũ Đình Liên biên soạn, H., Nxb. Văn hóa, 1960.

Phần phụ lục (tr. 125-180) in lại và chú giải một số văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu. TVQG : VN. 9.778, VN 9.779.

64. **Thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu**, Tuấn Lộ, Mai Trân, H., Nxb. Phổ thông, 1962,, 19cm, 56 tr.

Phần giới thiệu (tr. 5-22). Phần tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu (tr. 23-55).

Mai Trần tức Trần Thanh Mai. TVVH: VV. 4483, VV. 4 484.

65. Hợp tuyển thơ văn Việt-nam, tập IV, H., Nxb, Văn hóa, 1963, 24 cm, 831 tr.

Tr. 22-57 đăng tiểu sử và một số thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

66. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, H., Nxb. Văn học, in lần thứ nhất 1963, 19 cm, 522 tr.; In lần thứ 2, H., Nxb Văn học, 1971, 19 cm, 526 tr. Trong bản này, phần Tiểu luận nghiên cứu (tr. 9-28) do Bảo Định Giang viết, phần tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu (tr. 31-522) do Vũ Đình Liên và Nguyễn Sỹ Lâm sưu tập và chú thích.

Trừ Dương Tử — Hà Mậu và Ngự Tiểu vấn đáp chưa sưu tập được đầy đủ, các tác phẩm khác đều in lại toàn văn. Đây là cuốn sách tập hợp tương đối đầy đủ nhất các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

67. Dương Tử — Hà Mậu, Phan Văn Hùm sao lục và hiệu đính, Sài-gòn, Tân Việt, 1964, 21 cm, 168 tr.

III. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

(xếp theo trật tự A,B,C tên tác giả)

A. Nghiên cứu về "Lục Vân Tiên"

68. Ái Lan

— Người phụ nữ trong Lục Vân Tiên, Tạp chí Văn học (Sài-gòn) số 133, 1-8-1971, tr. 14-29.

69. Bằng Phong

— Luận đề Lục Vân Tiên, Sài-gòn, Nxb. Á châu, 1956, 21cm, 94 tr.

Loại sách giáo khoa vùng bị tạm chiếm miền Nam, gồm các đề tập làm văn về triết lý, luân lý văn chương của *Lục Vân Tiên*.

70. Báo « Courrier de Sài-gòn » ngày 20-7-1866 có bài phê bình bản dịch *Lục Vân Tiên* ra Pháp văn của G. Aubaret. Dẫn theo T.X. trong bài *Người Pháp đối với Lục Vân Tiên*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 39, 26-7-1972.

71. Bùi Giáng

— *Một vài nhận xét về Lục Vân Tiên, Chinh phụ ngâm, Quan âm Thị Kính*, Sài-gòn, Tân Việt, 1957, 20cm, 87 tr.

72. Châu Hải Kỳ

— *Kiều Nguyệt Nga (trong Lục Vân Tiên) là người Nam hay người Bắc?* Tạp chí Giáo dục phổ thông (Sài-gòn) số 41, 1-7-1959.

73. Dương Quảng Hàm

— *Ai sửa lại quyền « Lục Vân Tiên » của Nguyễn Đình Chiểu?* Tạp chí Tri tân (H.) số 105, 7-1943.

74. Đặng Trương

— *Xem vở Kiều Nguyệt Nga*, Báo Thời mới (H.) số 7-7-1963.

75. Hoàng Giật Cầu

— *Lược khảo về hai tên sách « truyện Tày mình » và « truyện Tam công »*. In trong Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước..., H., Nxb. Khoa học xã hội, 1973.

76. K. V.

— *Những bản « Lục Vân Tiên » đã xuất bản*, Tạp chí Tri tân (H.) số 105, 7-1943 và *Nam-kỳ tuần báo* (Sài-gòn) số đặc biệt, 26-6-1943.

77. Kiều Thanh Quế

— *Phê bình « Lục Vân Tiên dân giải » của Đình Xuân Hội*, Tạp chí Tri tân (H.), số 106 (5-8-1943). Xem thêm phần đính chính bài này ở số 109, tr. 7.

78. Lê Trí Viên

— *Lục Vân Tiên, một tác phẩm miền Nam*, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 61, 26-6-1964.

79. Lê Văn Siêu

— *Thế giới tiểu thuyết của Lục Vân Tiên*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

80. Lư Khê

— *Hội Alexandre de Rhodes sẽ dựa vào bản « Lục Vân Tiên » nào?* Tạp chí Tri tân (H.) số 155, 8-1944.

81. Nguyễn Khoa

— *Giá trị luận lý của Lục Vân Tiên*, Tạp chí Giáo dục phổ thông (Sài-gòn) số 55, 15-2-1960.

82. Nguyễn Mạnh Quân

— *Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu qua Lục Vân Tiên*, báo Độc lập (H.) số 5-7-1963.

83. Nguyễn Quang Vinh

— *Truyện thơ « Lục Vân Tiên » với văn hóa dân gian*, Tạp chí Văn học (H.) số 4, tháng 7 và 8-1972, tr. 55 — 65.

84. Nguyễn Văn Dân

— *Một số ý kiến về quyển « Lục Vân Tiên »* (do Vũ Đình Liên và Nguyễn Sỹ Lâm hiệu đính, chú thích), Tạp chí Văn học (H.) số 2-1963, tr. 55 — 62.

85. Nguyễn Văn Tố (Ứng Hòe)

— *Tựa bản Lục Vân Tiên* do Nghiêm Liên dịch ra tiếng Pháp. Nguyên bản bằng Pháp văn, in đầu cuốn *Lục Vân Tiên* traduit en français par Nghiêm Liên Imprimeur. Editeur Lê Văn Tân, H., 1927. Lê Xuân Ninh dịch ra Việt văn, in trong MSTL, tr. 31 — 35 (Xem 219).

86. Nhiều Chương

— *Tuồng Lục Vân Tiên*, Báo Tân văn (Sài-gòn), từ số 75 đến 87—1936.

87. Phạm Trường Thiên

— *Vấn đề tác giả và tác phẩm nơi Nguyễn Đĩnh Chiểu và «Lục Vân Tiên»*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37 — 38, 12 đến 25-7-1962.

88. T.X.

— *Người Pháp đối với «Lục Vân Tiên»*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 39, 26-7-1962. In lại trong MSTL, tr. 205-206 (Xem 219).

89. Trần Nghĩa.

— *Thử bàn về nguồn gốc truyện Lục Vân Tiên*, Tạp chí Văn học (H.) số 1,7-1963, tr. 46-52. In lại trong MVĐ, tr. 123 — 134 (Xem 218).

90. Trần Nghĩa

— *Nhìn lại việc sử dụng nội dung Lục Vân Tiên dưới thời Pháp thuộc*, Tạp chí Văn học (H.) 1-1965, tr. 57 — 65.

91. Trần Nghĩa (sưu tập)

— *Một số ca dao và dân ca có liên quan tới truyện Lục Vân Tiên*, in trong MSTL, tr. 120 — 129 (Xem 219).

92. Thanh Lăng

— *Lục Vân Tiên* (tr. 196 — 206) trong *Khởi thảo Văn học sử Việt-nam; Văn chương chữ Nôm*, H., Phong trào văn hóa xb., 1953, 21cm, 217 tr.

93. Thuận Phong

— *Bồn chất của truyện «Lục Vân Tiên»*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37 — 38, 12 đến 25-7-1962.

94. Thủy Dương

— *Tôi đọc «Lục Vân Tiên»*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37 — 38, 12 đến 25-7-1962.

95. Vi - ta

— *Mấy điểm so sánh về Vân Tiên và Thúy Kiều*. Báo Hạnh phúc (Sài-gòn).

In lại ở cuối cuốn *Lục Vân Tiên* do Đinh Xuân Hội dân giải, II., Tân dân xb., 1943 và trong cuốn MSTL, tr. 72 — 72 (Xem 219).

96. Vũ Bằng

— *Ba thời kỳ, ba nhận xét về «Lục Vân Tiên»*, Tạp chí Văn hóa nguyệt san, Loại mới (Sài-gòn), Tập XIII, Quyền XI, 11-1964, tr. 1507—1532.

97. Võ Tạng

— *Tim hiểu Đồ Chiểu qua Lục Vân Tiên*, Tạp chí Văn hóa nguyệt san, (Sài-gòn) Loại mới, Tập XIII; Quyền XI, 11 — 1964, tr. 1507 — 1532

B. Nghiên cứu về các tác phẩm khác (ngoài «Lục Vân Tiên»)**98. Bùi Thanh Ba**

— *Qua «Ngư Tiều vấn đáp», tìm hiểu thể giới quan Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn học (H.) số 1, 7 — 1963, tr. 38 — 45. In lại trong M V Đ. tr. 111 — 122 xem (218).

99. Bùi Thanh Ba

— *Hiện thực và trữ tình trong «Ngư Tiều vấn đáp»*, Tạp chí Tác phẩm mới (II.) số 20, tháng 7 và 8 — 1972, tr. 91 — 94.

100. Hoài Thanh

— *«Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע»*, một trong những bài văn hay nhất trong văn học Việt-nam, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 455, 30-6-1972, tr. 4.

101. Nguyễn Khoa

— *«Văn tế nghĩa sĩ Cần-giוע» của Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Giáo dục phổ thông (Sài-gòn) số 56, 1-3-1960.

102. Nguyễn Văn Hoàn

— *Từ « Lục Vân Tiên » đến « Dương Tử—Hà Mậu »*. Tạp chí Văn học (H.) số 4, 7 và 8 — 1972, tr. 66 — 78.

103. Nguyễn Văn Nghĩa

— *Tác phẩm của Đồ Chiểu trôi qua thời gian: Một tác phẩm bị vùi lấp, nay mới thấy mặt trời: Dương Tử—Hà Mậu*, báo Mai (Sài-gòn) số 35, 31-10-1936.

104. Phạm Văn Diêu

— *Việt-nam thi văn giảng bình, Sài-gòn, Tân Việt, 1960, 21cm, 607 tr., Tr. 198 — 199 giảng văn bài « Lâm người trung nghĩa đáng bia son » của Nguyễn Đình Chiểu.*

105. T. B.

— *Giá trị của « Ngự Tiều vấn đáp »*. Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 39, 26-7-1962. In lại trong MSTL, tr. 207 — 208 (Xem 219).

106. Vũ Đình Liên

— *Bước đầu tìm hiểu « Dương Tử — Hà Mậu » qua những tài liệu chúng ta hiện có*, Tạp chí Văn học (H.) số 2, 8-1972, tr. 76 — 84.

C. Nghiên cứu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu**107. Bảo Định Giang**

— *Nguyễn Đình Chiểu, một tấm gương yêu nước lớn, một nhà thơ lớn*, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 10, 5-7-1963. In lại trong MVD, tr. 61—72 (Xem 218).

108. Bảo Định Giang

— *Hình ảnh người chiến sĩ giết giặc, cứu nước chói ngời trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Báo Quân đội nhân dân (H.) số 4001, 1 — 7-1972, tr. 3.

109. Báo Định Giang

— Một ngòi bút lớn, một tấm gương lớn, Tạp chí Học tập (H.) số tháng 7 — 1972, tr. 69 — 75.

110. Bàn Bá Lan

— Nhận xét về những đặc điểm trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37—38, 12 đến 25-7-1962.

111. Bàn Bá Lan

— Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước lớn của miền Nam, Tạp chí Văn học (Sài-gòn) số 133, 1-8-71, tr. 59—74.

112. Bùi Thanh Ba

— Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước — cuộc đời và tác phẩm (Trung văn), Báo Tân Việt-Hoa (H.) số 30, tháng 7-1972.

113. Bùi Đăng Duy

— Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu và cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam-bộ (1860), Nội san Thông báo Triết học (H.) số 24-1972, tr. 38-64.

114. Bùi Khánh Đan

— Hoài niệm thi sĩ Nguyễn Đình Chiểu, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

115. Ca Văn Thịnh (Ngạc Xuyên)

— Diên văn đọc trong lễ viếng mộ Nguyễn Đình Chiểu tại Ba-tri, do các tri thức tỉnh Bến-tre tổ chức ngày 27-6-1943 ; Đại Việt tạp chí (Sài-gòn) số 19, 16-7-1943 ; Nguyễn Đình Chiểu, thân thể và thi văn, tr. 162-167 và MSTL, tr. 112-116 (xem 151 và 219).

116. Ca Văn Thịnh

— Truyền thống quật cường của Nam-bộ và Việt-nam với tinh thần đấu tranh của Nguyễn Đình Chiểu Tạp chí Văn học (H.) số 4, 7 và 8-1972, tr. 31 — 48.

117. Cao Huy Đình

— *Đồ Chiểu với sự chuyển mình của văn hóa dân tộc*, Tạp chí Văn học (H.) số 4, tháng 7 và 8-1972, tr. 49-54 và tr 85.

118. Chim Hải Yến

— *Theo Văn Tiên tìm Đồ Chiểu*, Diên văn đọc ở lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu do Hội Khuyến học Nam-kỳ tổ chức ngày 29-6-1943. In lại trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thể và thi văn*, tr. 172-173 và MSTL, tr 110-111 (Xem 151 và 219),

119. Chương Thâu

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà tri thức yêu nước chân chính*, Tạp chí Tổ quốc (H.) 7-1972, tr. 32-34.

120. Chương Thâu

— *Nguyễn Đình Chiểu qua một số báo chí Sài-gòn*, Nội san Thông báo Triết học (H.) số 24-1972, tr. 94-111.

121. Đào Văn Hội

— *Nam-kỳ danh nhân*, Sóc-trăng, Imprimerie Lý Công Uẩn, 1943. Trang 183 nói về Nguyễn Đình Chiểu.

122. Đặng Thai Mai

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước lớn của nhân dân Việt-nam* (Trung văn), Song nguyệt san Văn học bình luận (Bắc-kinh, Trung-quốc) số 5, 10-1963, Bản tiếng Việt in trong *Trên đường học tập và nghiên cứu*. tập II, II., Nxb. Văn học in lần 1, 1965, tr. 76-88.

123. Đặng Thúc Liêng

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, In trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thể và thi văn*, tr. 157 và MSTL, tr. 105, xem 151 và 219).

124. Đông Hồ

— Một quyển sách mới nên tán dương : « Nỗi lòng Đồ Chiểu ». Tuần báo Mai (Sài-gòn) số 50 và 51, 27-8 và 3-9-1938. Trích in trong MSTL tr. 90-99 (xem 219).

125. Đông Xuyên

— Vịnh Nguyễn Đình Chiểu, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

126. Gia Ninh

— Nhân đọc cuốn « Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu » : Nguyễn Đình Chiểu và truyền thống anh hùng của nhân dân miền Nam, Báo Nhân dân (H.) 3-8-1963.

127. Hà Huy Giáp

— Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn yêu nước chống xâm lăng, một tâm hồn vằng vặc nhân nghĩa, một tấm gương kiên trung và bất khuất, Tạp chí Văn học (H.) số 4, tháng 7 và 8-1972.

128. Hải Ngọ

— Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu, in trong Nguyễn Đình Chiểu, thân thể và thi văn, tr. 161 và MSTL, tr.909 (Xem 151 và 219)

129. Hoàng Tuệ

— Nhân dân tinh trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Tập san Đại học sư phạm (H.) số 2, 7-1955 tr. 33-44.

130. Hoàng Trọng Quý

— Đọc « Nỗi lòng Đồ Chiểu » của Phan Văn Hùm. Tạp chí Trong khuê phòng (chưa rõ các chi tiết về thư mục).

131. Hoài Nam

— Tâm sự tác giả « Lục Vân Tiên » qua mấy bài thơ, Báo Thanh niên Đông Pháp (Sài-gòn) số 42, 13-7-1944. In lại trong MSTL, tr. 76-78 (Xem 219).

132. Hoài Thanh

— Tựa cuốn *Nguyễn Đình Chiểu* của Vũ Đình Liên, H. Nxb. Văn hóa, 1958, tr. 5—7.

133. Hoëffel

— *Diễn văn đọc trong lễ viếng mộ Nguyễn Đình Chiểu tại Ba-tri ngày 27-6-1943*, In trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 168—171 và MSTL, tr. 117—119. (Xem 151 và 219).

Thời gian này, Hoëffel là thống đốc Nam-kỳ.

134. Hồng Minh

— *Hình ảnh người nghĩa quân trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu*, Báo Quân đội nhân dân (H.), 6-7-1963.

135. Huỳnh Hữu Vị

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 159 và MSTL, tr. 107 (Xem 151 và 219).

136. Huỳnh Nhật Hiền

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 158—159 và MSTL, tr.106 (Xem 151 và 219).

137. Kiêm Đạt

— *Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Giáo dục phổ thông (Sài-gòn) số 40, 15-6-1959.

138.

— *Kỷ yếu kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu* do Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa của chính quyền Sài-gòn xb. 1971, 142 tr.

139. Khuông Việt

— *Cuộc hội kiến Nguyễn Đình Chiểu và Michel Ponchon*, *Nam-kỳ tuần báo* (Sài-gòn), 26-6-1943, số đặc biệt về

Nguyễn Đình Chiểu. Dẫn theo cuốn *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 95—97 (Xem 151).

140. Long Phước

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 158 và MSTL, tr. 106 (Xem 151 và 219).

141. Lê Ngọc Chương

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 158 và MSTL, tr. 106 (Xem 151 và 219).

142. Lê Thuộc

— *Các thể hệ trước đối với nhà thơ dân tộc Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, tám gương yêu nước...*, H., Nxb. Khoa học xã hội, 1973.

143. Lê Thọ Xuân

— *Trả cho Đồ Chiểu*, tạp chí *Tri tân* (H.) số 96, 5-1943. In lại trong MSTL, tr. 66—69 (xem 219).

Cho rằng bài thơ « Non nước tan tành hệ bởi đâu ? » là của Đồ Chiểu.

144. Lê Thọ Xuân

— *Lại một bài thơ của Đồ Chiểu*, Tạp chí *Tri tân* (H.) số 141, 5-1944. In lại trong MSTL, tr. 85—89 (xem 219).

Cho rằng bài « Xe ngựa lao xao giữa cõi trần » là của Đồ Chiểu; trái lại Phan Khôi, trong *Chương Dân thi thoại* (Huế, 1930) tr. 16, lại cho là của Hoàng giáp Phạm Như Xương.

145. Lê Trí Viên

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ miền Nam*, báo *Độc lập* (H.) số 212 — 1956.

146. Liêu Kỳ Lộc

— *Kỷ niệm cụ Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ mù yêu nước, một chiến sĩ đạo đức nhân nghĩa, đồng thời là một y gia*, Tạp chí Đông y (H.), số 38, 7-1963.

147. M.N. (Sưu tầm)

— *Thăm lại di tích chiến trường Cần-giuộc xưa*, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 455, 30-6-1972, tr. 12. Xác định vị trí địa lý của chùa Tân-thạnh, sông Cần-giуộc, chợ Trường-binh nói đến trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giуộc*.

148. Michel Ponchon

— Báo *l'Indépendant de Sài-gòn*, 17-11-1883. Thuật lại cuộc đi thăm Nguyễn Đình Chiểu. Khuông Việt dịch ra Việt văn trong bài *Cuộc hội kiến Nguyễn Đình Chiểu và Michel Ponchon* (xem 139); Nguyễn Bá Thế dẫn trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn* (Xem 151).

149. Minh Đạo NBN

— *Mẫu chuyện văn thơ: một nén hương lòng*. Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37 — 38. 12 đến 25-7-1962.

150. Ngọc Cung

— *Nguyễn Đình Chiểu với nghệ thuật cải lương*, Tuần báo Thống nhất (H.) số 314, 28-6-1963.

151. Nguyễn Bá Thế

— *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, Sài-gòn, Tân Việt, Tủ sách «*Những mảnh gương*», in lần thứ nhất, 1957, 21cm, 182 tr.

Phần thứ I: Thân thế (tr. 8-98)

Phần thứ II: Thi văn (tr. 101 — 153)

Phụ lục: Diển văn của Ngạc Xuyên Ca Văn Thịnh, Thống đốc Hoëffel, Chim Hải Yến, Thư mục các bản Lục Vân Tiên đã xuất bản (tr. 157 — 180) TVKH: VVH.72.

152. Nguyễn Bá Thế

— *Tinh anh bất tử: Nguyễn Đình Chiểu, hiện thân của đạo đức, chính khí*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37—38, 12 đến 25-7-1962.

153. Nguyễn Bảo Tụng

— *Sưu tập bưu hoa Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn học (Sài-gòn) số 133, 1-8-1971.

154. Nguyễn Duy Căn (Thu Giang)

— *Thử nhìn con người toàn diện của Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn học (Sài-gòn) số 133, 1-8-1971, tr. 3—13.

155. Nguyễn Duy Diên

— *Luận đề về Nguyễn Đình Chiểu: tiểu sử, tư tưởng, văn thơ, phê bình*, Sài-gòn, Khai tri, in lần thứ I, 1960, 19cm, 115 tr.

156. Nguyễn Đình Chú

— *Từ lý tưởng nhân nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước*, In trong *Nguyễn Đình Chiểu, lăm gương yêu nước...* Nxb. Khoa học xã hội, (H.), 1973.

157. Nguyễn Đồng Chi

— *Thử xác định nguồn gốc và quá trình hình thành chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử (H.) số 145, 7 và 8-1972, tr. 23-36.

158. Nguyễn Đức Hiến và Chu Đăng Sơn

— *Luận đề về các thi sĩ miền Nam: Phan Thanh Giản, Huỳnh Mẫn Đạt, Học Lạc, Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa*. Sài-gòn, Thăng Long, in lần thứ 1, 1958, 11cm, 1958.

159. Nguyễn Đức Sự

— *Quan điểm triết học trong y học và chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu*, Nội san Thông báo triết học (H.) số 24- 1972, tr. 65-93.

160. Nguyễn Huệ Chi

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước lớn nửa cuối thế kỷ XIX*, Báo Tiền phong (H.), 3-7-1963.

161. Nguyễn Huệ Chi

— *Nguồn sức mạnh chủ yếu trong cuộc đời nhà thơ yêu nước lớn miền Nam Nguyễn Đình Chiểu*, Báo Thủ đô Hà-nội (H.), 3-7-1963.

162. Nguyễn Huệ Chi

— *Con đường thơ của Nguyễn Đình Chiểu, con đường không ngừng chiến đấu*, Tạp chí Văn nghệ quân đội (H.), số 7, tháng 7 — 1972, tr. 97-105.

163. Nguyễn Khánh Toàn

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà tri thức miền Nam yêu nước vĩ đại*, Tạp chí Văn học (H.) số 4, tháng 7 và 8-1972, tr. 15-19.

164. Nguyễn Khoa

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ ái quốc*, Tạp chí Văn hóa Á-châu (Sài-gòn) số 23 và 24, 2 và 3-1960. In lại trong MSTL, tr. 188-201 (Xem 219).

165. Nguyễn Khoa

— *Thảo luận về Nguyễn Đình Chiểu*, Sống Mới, Sài-gòn, 1960, 21cm, 191 tr.

166. Nguyễn Lộc

— *Văn học Việt-nam nửa cuối thế kỷ XIX* (H.), Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1971, 19cm, 297 tr. Giáo trình khoa Ngữ văn trường Đại học Tổng hợp Hà-nội; chương III (tr. 85-120) viết về Nguyễn Đình Chiểu.

167. Nguyễn Liêng Phong

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, In trong Điều cỡ hạ kim thi tập, tr. 103; Nguyễn Đình Chiểu, thán

thể và thi văn, tr. 157 (Xem 151); MSTL, tr. 105 (Xem 219).

168. Nguyễn Ngọc Chi

— *Một nhà thi sĩ trừ danh nước ta ; cụ Nguyễn Đình Chiểu làm ra chuyện « Lục Vân Tiên »*, Tạp chí Nam phong (H.) số 76, 10-1923. In lại trong MSTL, tr. 36-41. (Xem 219).

169. Nguyễn Nghiệp Hưng

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, In trong Nguyễn Đình Chiểu, thân thể và thi văn, tr. 159 và MSTL, tr. 107 (Xem 151 và 219).

170. Nguyễn Trung Hiếu

— *Cái nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu và tấm lòng, ý chí Việt-nam*, in trong Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước..., H., Nxb. Khoa học xã hội, 1973.

171. Nguyễn Từ Anh

— *Hoàn cảnh tạo thi nhân : Đồ Chiểu, một nhà thơ của đau khổ*, Báo Thanh niên Đông Pháp (Sài-gòn) số 42, 13-7-1944. Trích in trong MSTL, tr. 73-75 (Xem 219).

172. Nguyễn Văn Hoàn

— *Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu*. In trong Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước..., H., Nxb Khoa học xã hội, 1973.

173. Nguyễn Văn Nghe

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong Nguyễn Đình Chiểu, thân thể và thi văn, tr. 160 ; MSTL, tr. 107 (Xem 151 và 219).

174. Nguyễn Văn Thọ

— *Kính dâng hương hồn cụ Nguyễn Đình Chiểu, Văn Thiên Tường của Việt-nam : « Chính khí ca »* (Bản dịch

mới. Phiên âm chữ Hán), Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

175. Nguyễn Văn Thọ

— *Mù đôi mắt, sáng tâm linh, hay là: số mạng và vinh quang của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

176. Nguyễn Văn Trung

— *Vài ý nghĩ về Đạo giáo và Dân tộc nhân kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, Báo Dân chủ mới (Sài-gòn) số 371-372, 20-7-1971.

177. Nguyễn Xuân Phong

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 161; MSTL, tr. 108 (Xem 151 và 219).

178. N. Niculin

— *Nhà thơ thân yêu của miền Nam Việt-nam*. Tạp chí Văn học nước ngoài, Mátxcova (Liên-xô), số tháng 7-1972.

179. P. H. T.

— *Gặp những người nghệ sĩ sân khấu cải lương*, Tuần báo Thống nhất (H.) số 314, 28-6-1963.

180. Phạm Đình Khiêm

— *Nguyễn Đình Chiểu, hiện thân nỗi đau khổ của dân tộc trong cơn quốc biến*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

181. Phạm Đình Tân

— *Thông điệp của một thi nhân*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, đến 25-7-1962.

182. Phạm Thế Nga

— *Nguyễn Đình Chiểu trong Việt-nam văn học sử giản ước tàn biên*, tập II, tr. 472-479. Sài-gòn, Quốc học tùng thư, 1963.

183. Phan Côn và Lê Trí Viễn

— *Giáo trình lịch sử văn học Việt-nam*, tập IV (Nhiều tác giả) H., Nxb Giáo dục, in lần thứ 1, 1962, 19 cm, 340 tr. Giáo trình Khoa Văn trường Đại học sư phạm Hà-nội.

Chương III (tr. 47-74) về *Nguyễn Đình Chiểu*, do Phan Côn và Lê Trí Viễn viết,

184. Phan Khôi

— *Nguyễn Đình Chiểu, một nhà nho kiên chính miền Nam*, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 132, 8-8-1956, tr. 3 và số 134, 15-8-1956, tr. 3.

185. Phan Kim Thịnh

— *Đi thăm mộ một nhà thơ miền Nam: Nguyễn Đình Chiểu*. Tạp chí Văn học (Sài-gòn) số 133, 1-8-1971, tr. 101 — 129

186. Phan Văn Hùm

— *Nỗi lòng Đồ Chiểu*, Chợ lớn, Editions Đỗ Phương Quế, in lần thứ 1, 1938, 19 cm, 116 tr.

+ In lần thứ 2, Sài-gòn, Tân Việt, 1957, 19 cm, 109 tr.

Sách xuất bản nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu.

Phần thứ I (tr. 11-50) bản in lần thứ 1: *Nỗi lòng Đồ Chiểu*.

Phần thứ II (tr. 51-196): Trích lục văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu, TVKH : Vb.3063.

187. Phan Văn Hùm

— *Thêm một cái làm trong quyển «Chương Dân thi thoại»*, Tuần báo Tân văn (Sài-gòn) số 16, 25-4-1936.

188. Phan Văn Hùm

— *Một bài thi của Đồ Chiểu*. Tạp chí Tri tân (H.) số 135, 3-1944. In lại trong cuốn MSTL tr. 79-84.

189. Pillet

— Trong một bài báo năm 1883 có tả lại hình dáng Nguyễn Đình Chiểu. Chưa rõ xuất xứ. Ca Văn Thỉnh dẫn trong diễn văn kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu, năm 1943 (Xem 115).

190. T. X.

— *Thực dân Pháp đã toan mua chuộc cụ Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 39, 26-7-1962. In lại trong MSTL, tr. 202-204 (Xem 219).

191. Tạ Văn Ru

— *Luận đề về Nguyễn Đình Chiểu*, Sài-gòn, Tao đàn, 1960, 19 cm, 92 tr.

Dàn bài các đề luận dùng trong các kỳ thi Trung học ở Sài-gòn tạm bị chiếm.

192. *Tin kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu* do chính quyền Sài gòn tổ chức (7-1971). Tập san Văn (Sài-gòn) số 182, 15-7-1971, tr. 105.

193. Tịnh Đức

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*. In trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 160 và MSTL, tr. 108 (Xem 151 và 219).

194. Tò văn học Việt-nam trường Đại học sư phạm Hà-nội

— *Tư liệu tham khảo văn học Việt-nam, tập IV, giai đoạn 1858 — 1930*, Trường Đại học sư phạm Hà-nội xb. 1965, 26 cm, 318 tr.

Chương III (tr. 60 — 12) trích một số thơ văn Nguyễn Đình Chiểu và một số ý kiến bình luận về Nguyễn Đình Chiểu.

195. Tống Phúc Nho

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 161; MSTL, tr. 108 (Xem 151 và 219).

196. Trần Nghĩa

— *Nguyễn Đình Chiểu chống chia cắt đất nước*. Báo Văn hóa (H.) số 88, 5-7-1963.

197. Trần Nghĩa

— *Nhân truyện «Lục Vân Tiên»*, nói chuyện Nguyễn Đình Chiểu, báo Thời mới (H.), 3-7-1963.

198. Trần Nghĩa

— *Máy ý kiến về công tác văn bản nhân đọc cuốn «Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu»*, Tạp chí Văn học (H.) số 4, 7 và 8-1972, tr. 86 — 95 và tr. 102.

199. Trần Ngọc Thống

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn*, tr. 160 ; MSTL, tr. 107 108. (Xem 151 và 219).

200. Trần Thanh Mại

— *Nguyễn Đình Chiểu, một tấm gương nghị lực chói lòa, một tâm hồn bất khuất lắm liệt*, Tuần báo Thống nhất (H.), số 314, 28-6-1963.

201. Trần Thanh Mại

— *Nguyễn Đình Chiểu, lá cờ đầu của nền thơ văn yêu nước thời kỳ cận đại*, Tạp chí Văn học (H.) số 1, 7-1963, tr. 21-37. In lại trong MVD, tr. 73-98 (Xem 218).

202. Trần Tuấn Khải (Á Nam)

— *Bài ca truy niệm cụ Đồ Chiểu*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37 — 38, 12 đến 25-7-1962.

203. Trần Văn Giao (Vân Trinh)

— *Bên bóng người xưa*. Báo Mai (Sài-gòn), số Tết năm 1937, thuật lời ông Đốc phủ sứ Thái Hữu Võ, người Ba-tri, khen tài bốc thuốc của Nguyễn Đình Chiểu.

204. Trần Văn Giao

— *Đường xa không phải Ngò Lào, hãy đi Bến-nghé Chi-hòa thưởng xuân*. Báo Điện tín (Sài-gòn), Xuân 1940.

205. Trần Văn Giàu

— *Tình bạn trong văn chương của Nguyễn Đình Chiểu*. Tuần báo Thống nhất (H.) số 314, 28-6-1963.

206. Trần Văn Giàu

— *Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu?* Tạp chí Văn học (H.) số 1, 7-1963, tr. 11-20, In lại trong MVĐ, tr. 45-60 (Xem 218).

207. Trần Văn Giàu

— *Nhân nghĩa trong văn chương của Nguyễn Đình Chiểu*, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 10, 5-7-1963.

208. Trúc Hà

— *Bình phẩm về nhân cách Nguyễn Đình Chiểu*. Chưa rõ xuất xứ, in trong Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn, tr. 171-172 (Xem 151).

209. Tuần báo Nam - kỳ, 26 - 6 - 1943. Số đặc biệt về Nguyễn Đình Chiểu, có bài Nguyễn Đình Chiểu, y sĩ và nhiều bài khác. Chưa rõ các chi tiết cụ thể về thư mục. Dẫn theo Nguyễn Đình Chiểu, thân thế và thi văn, tr. 51.

210. Tuần báo *Hạnh phúc* số 52, 16-6-1943, số đặc biệt kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu. Chưa rõ các chi tiết cụ thể về thư mục.

211. Thạch Phương

— *Nguyễn Đình Chiểu và những người cầm bút ở các thành thị miền Nam*, Tạp chí Văn học (H.), số 4, 7 và 8-1972 tr, 96-102.

212. Thế Mạc

— *Giảng thơ Nguyễn Đình Chiểu trên quê hương kết nghĩa*, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 12, 19-7-1963.

213. Thiếu Sơn

— *Bài học Đồ Chiểu*, Báo Dân chủ mới (Sài-gòn) số 371, 19-7-1971,

214. Thuần Phong

— *Nguyễn Đình Chiểu*, Hiện đại số 8, tr. 2. Dẫn theo Phạm Thế Ngũ trong *Việt-nam văn học sử giản ước tân biên* tập II, Sài-gòn, Quốc học tùng thư, 1963, tr. 220.

215. Thuần Phong

— *Theo bóng Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37-38, 12 đến 25-7-1962.

216. Thượng Tân Thị

— *Thơ truy niệm Nguyễn Đình Chiểu*, In trong *Nguyễn Đình Chiểu, thân thể và thi văn*, tr. 171, MSTL tr. 109 (xem 151 và 219).

217. Văn Tân

— *Nguyễn Đình Chiểu, một nhà tri thức yêu nước nồng nàn, một nhà thơ lỗi lạc của dân tộc Việt-nam*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* (H.) số 143 ; 3 và 4-1972. tr. 1-10.

218. Viện văn học

— *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, viết tắt MVD., H., Nxb Khoa học, in lần thứ 1, 1964, 19cm, 156tr.

+ In lần thứ 2, H., Nxb Khoa học xã hội, 1969, 19cm. 156tr.

Kỷ yếu, xuất bản nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, 1963. Tập hợp các bài viết của Phạm Văn Đồng, Hoài Thanh, Trần Văn Giàu, Bảo Định Giang, Trần Thanh Mai, Vũ Đình Liên, Xuân Diệu, Bùi Thanh Ba, Trần Nghĩa.

219. Viện Văn học

— *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, H., Nxb Khoa học, 1965, 19cm, 210 tr.

In lại một số bài viết về Nguyễn Đình Chiểu dưới thời Pháp thuộc và ở miền Nam vùng đế quốc Mỹ tam chiếm. Tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu. Gọi tắt là *Một số tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu* và viết tắt là MSTL.

220. Việt Chung Từ

— *Hoài niệm cụ Đồ Chiểu*, Tạp chí Văn đàn (Sài-gòn) số 37 — 38, 12 đến 25 - 7 - 1962.

221. Việt Nhơn

— *Những chỗ sai sót của ông Hùm trong sách « Nỗi lòng Đồ Chiểu »*. Tuần báo Mai (Sài-gòn) số 53 17-9-1938. Trích in trong MSTL, tr. 100-104.

222. Vũ Đình Liên

— *Nguyễn Đình Chiểu, một nhà văn và một nhà ái quốc miền Nam*, báo *Tổ quốc* (H.) số 14, 5-7-1955.

223. Vũ Đình Liên

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước miền Nam*, H., Nxb. Minh đức — Thời đại, 1955, 16cm, 48tr. TVQG : VT. 2 (25), VT. 2 (26).

224. Vũ Đình Liên

— *Lược khảo lịch sử văn học Việt-nam*, Tập II (nhiều tác giả), H., Nxb. Xây dựng, 1957, 19cm, 338tr.

Chương VI, Phần V (tr.281-297) về *Nguyễn Đình Chiểu*, do Vũ Đình Liên viết.

225. Vũ Đình Liên

— *Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn nghệ (H.) số 14, 7 - 1958.

226. Vũ Đình Liên

— *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888)*, H., Nxb. Văn hóa, 1958, 19cm, 190tr. Tựa của Hoài Thanh. TVVH : VV.1835 ; VV.1836, TVQG : VN. 9778 ; VN.9779.

227. Vũ Đình Liên

— *Tưởng nhớ Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ tài kinh yêu*, Tuần báo *Thống nhất* (H.), số 314, 28-6-1963. In lại trong MVD. tr.99 — 102 (Xem 218).

228. Vũ Đình Liên

— *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ nhân dân, nhà thơ yêu nước lớn của dân tộc Việt-nam*, Báo Lao động (H.), 2-7-1963.

229. Vũ Đình Liên

— *Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam, giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX* (nhiều tác giả), H., Nxb Văn học, 1964, 19cm, 312tr.

Mục II (tr. 63—90) về *Nguyễn Đình Chiểu*, do Vũ Đình Liên viết.

230. Vũ Đình Liên

— Nguyễn Đình Chiểu với quan niệm trường kỳ kháng chiến, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 455, 30-6-1972, tr. 4.

231. Vũ Đình Liên

— Nguyễn Đình Chiểu, một ngọn cờ yêu nước chống thực dân Pháp nửa cuối thế kỷ XIX, Báo Cứu quốc (H.) số 3 — 596, 2-7-1972, tr. 10-11.

232. Vũ Đình Liên

— Từ nhân sinh quan đến thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu, Tạp chí Văn học (H.) số 4, 7 và 8-1972, tr. 79—85.

233. Vũ Đức Phúc

— Mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu, Tạp chí Văn học (H.) số 4, 7 và 8-1972, tr. 20—30.

234. Vũ Khiêu

— Thương và ghét ở Nguyễn Đình Chiểu, Báo Tiền phong (H.) 2237, 29-6-1972, tr. 3.

235. Vũ Khiêu

— Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu trong văn học Việt-nam, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 455, 30-6-1972, tr. 1 và tr. 6—7.

236. Vũ Khiêu

— Đòi mắt Đờ Chiểu, Tuần báo Thống nhất (H.), số 149, 30-6-1972, tr. 7.

237. Vũ Khiêu

— Nhân kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu; Người tri thức Việt-nam trước vận mệnh của dân tộc, Nội san Thông báo triết học (H.) số 24 — 1972, tr. 3 — 37.

238. Võ Văn Dung

— *Nguyễn Đình Chiểu, chiến sĩ*, Tạp chí Văn học (Sài-gòn) số 133, 1-8-1971, tr. 30—58.

239. Xuân Diệu

— *Kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, Tuần báo Văn nghệ (H.) số 79, 8-1955, tr. 7.

240. Xuân Diệu

— *Mấy cảm nghĩ về cụ Đồ Chiểu: Đám mây thằng gian bút chẳng tà*, Tuần báo Thống nhất (H.) số 314, 28-6-1963. In lại trong MVD tr. 103—110 (Xem 218).

IV. NHỮNG TÁC PHẨM PHÒNG THEO

« LỤC VÂN TIÊN »

(xếp theo trật tự A, B, C tên tác giả)

241. D.T.B. và C M

— *Vân Tiên nghiên thơ*

+ Sài-gòn, Xưa nay, 1929.

+ Sài-gòn, Xưa nay, 1931.

Mượn truyện *Lục Vân Tiên* để chống tệ nghiện thuốc phiện. Giới thiệu và trích in trong MSTL, tr. 144—145. (Xem 219). TVQG: P. 11. 139 (14); P. 11. 767 (9)

242. D.T.B. và D.T.S.

— *Đơn Bùi Kiệm kiện Võ Thái Loan*

Sài-gòn, Imp. de l'Union, 12-4-1915. In lại trong MSTL, tr. 157—164 (Xem 219). TVKH: Q. 8°57 (12)

243. Đặng Thanh Kim

— *Bài ca « Lục Vân Tiên »*. Mới đặt—Sáu thứ, Sài-gòn., Imprimerie—Librairie Huỳnh Kim Danh, 1913, In-8, 20 tr.

Trích in trong MSTL tr. 141 — 143 (Xem 219).

244. Hoành Sơn

— *Hậu Vân Tiên* (có hình, tiếp theo thơ «Lục Vân Tiên») Sài-gòn, Imprimerie Xưa nay, 1933. In lần thứ II, 1937; lần thứ III: 1939; lần thứ IV: 1939.

Giới thiệu và trích in trong MSTL, tr. 185 — 187. (Xem 219). TVQG: M.7.373; M.10.823; M.13.225; M.14.285.

245. Nguyễn Bá Thời

— *Hậu Vân Tiên*, Sài-gòn, Xưa nay, 1932. Tái bản: 1933. Giới thiệu và trích in trong MSTL, tr. 182 — 184. (Xem 219). TVQG: M.6.741 (5); M.7.372.

246. Nguyễn Công Quá

— *Thơ Vân Tiên cờ bạc*, Sài-gòn, 1914. Mục đích chỉ trích nạn cờ bạc. Giới thiệu và trích in trong MSTL, tr. 146 — 148. (Xem 219).

247. Nguyễn Văn Khoe

— *Vân Tiên cờ bạc*, Sài-gòn, Xưa nay, 1932. TVQG: P 14.047 (2)

248. Nguyễn Văn Sôi (Thanh Phong)

— *Trịnh Hâm tạp phú*, Publié par Võ Văn Mau, tư Mẫn Tiệp, Sài-gòn, Phát toán, Libraire — Imprimeur, 1913. Giới thiệu và trích in trong MSTL, tr. 149 — 152. Nội dung chỉ trích bọn thanh niên ăn chơi đàng điếm. (Xem 219). TVKH: Q.8^o3.829 (23).

249. Nguyễn Văn Tài

— *Đơn Nguyệt Nga kêu oan cho Bùi Kiệm*, Sài-gòn, Imp. J. Viêt, 2-1916. In lại trong MSTL, tr. 165 — 171. (Xem 219). TVKH: Q.8^o56 (17).

250. Nguyễn Văn Tròn

— *Thơ Bùi Kiệm dăm*. Sài-gòn, Imprimerie de L'Union, 1913. In lại trong MSTL, tr. 153 — 156. (Xem 219). TVKH: Q.8^o3.829 (27).

251. Tân (Soạn)

— *Vân Tiên cờ bạc*, Sadec, Imp. du Mékong, 1933.
TVQG : P. 15.196.

252. Trần Phong Sắc

— *Hậu Vân Tiên diễn ca*, Sài-gòn, J. Viêt, 1925. Tài bản 1928. Giới thiệu trong MSTL, tr. 178-181 (Xem 219)
TVQG : M. 4.164 (19); M. 5.593 (9).

253. V.C.

— *Lục Vân Tiên tuồng*, 1ère édition, Phú Vân Librairie. H. 1922. Trích in trong MSTL., tr. 172-177 (Xem 219).

254. Võ Kim Thám.

— *Lục Vân Tiên phú*, In lần thứ 1, Sài-gòn, Phát toán. Librairie — Imprimeur, 1910, in-8., pp. 23, giới thiệu trong MSTL., tr. 136-140 (xem 219). TVKH : Q.8°25 (16).

255. Vân Tiên cờ bạc, Sadec, Imp. Nguyễn Duy Minh 1935. TQVG : P. 17.028.

256. Vân Tiên đời nay (Vân Tiên moderne, conte en vers), Sài-gòn, Imp. Bảo tồn, 1936. TQVG : M. 9.635.

V. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
KỶ NIỆM NGÀY SINH VÀ NGÀY MẤT
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

(1963 ; 1972)

257. Chi thị của Thủ tướng Chính phủ về việc kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, Báo Nhân dân (H.) số 6641. 29-6-1972 tr. 1, Tạp chí Văn học (H.) số 4, tháng 7 và 8-1972, tr. 1.

258. Mít tinh trọng thề kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu. Báo Nhân dân (H.) số 6647, 5-7-1972, tr. 1; báo Quân đội nhân dân (H.) số 4006, 6-7-1972, tr. 1; báo Hà-nội mới (H.) số 1.381, 6-7-1972, tr. 1.

259. Hà Huy Giáp

— *Bài học sống, chiến đấu và sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu.* Diễn văn đọc tại cuộc mít tinh trọng thề kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, tổ chức tại Hà-nội, ngày 4-7-1972. Báo Nhân dân (H.) số 6647, 5-7-1972, tr. 3.

260. Hoài Thanh

— *Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn, một tấm gương chói ngời tinh thần bất khuất của dân tộc Việt-nam.* Diễn văn đọc trong buổi lễ kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu, tổ chức tại Hà-nội, ngày 4-7-1963.

Báo Nhân dân (H.) ngày 6-7-1963. In trong MVD, tr. 19-44 (Xem 218). In lại trong *Phê bình và tiểu luận*, tập II của Hoài Thanh, H., Nxb. Văn học, 1965, tr. 128-154.

261. Khải Vinh

— *Kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh nhà thơ yêu nước lớn Nguyễn Đình Chiểu.* Tuần báo Văn nghệ (H.) số 457, 14-7-1972, tr. 2 và tr. 15. Tường thuật lễ kỷ niệm.

262. Nguyễn Văn Hoàn

— *Những hoạt động kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu.* In trong Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước..., H., Nxb. Khoa học xã hội, 1973.

263. Phạm Văn Đồng

— *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc.* Tạp chí Văn học (H.) số 1, 7-1963, tr. 7-10

và tr. 125. In lại trong *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, cùng tác giả, H.. Nxb. Văn học, 1969, tr. 257-265 và trong MVD, tr.9-18 (Xem 218).

264. *Tọa đàm về Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí Văn học (H.) số 6-1963, tr. 102 (Mục : Sinh hoạt văn học). Trường thuật buổi tọa đàm do Viện Văn học tổ chức nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu, 1963.

...

BẢNG CƯỚC CHÚ VỀ CÁC BÁO VÀ TẠP CHÍ ĐƯỢC DẪN TRONG THƯ MỤC

Cứu quốc, Tuần báo của Mặt trận Tổ quốc Việt-Nam (H.)

Dân chủ mới, Tạp chí, Sài-gòn.

Đại học sư phạm, Tạp chí của trường Đại học sư phạm Hà-nội (H.)

Đại Việt tạp chí, Tạp chí, Sài-gòn.

Điện tín, báo, Sài-gòn.

Đông y, Tạp chí của Viện Đông y (H.).

Dồng-nai, Tạp chí, Sài-gòn.

Giáo dục phổ thông, tạp chí của Bộ Quốc gia giáo dục, thuộc chính quyền Sài-gòn.

Hà-nội mới, báo hằng ngày (H.).

Hạnh phúc, Tạp chí, Sài-gòn.

Lao động, cơ quan của Tổng công đoàn Việt-nam (H.).

Mai, báo, Sài-gòn.

Nam phong, Tạp chí xuất bản ở Hà-nội, dưới thời Pháp thuộc.

Nam-kỳ tuần báo, Tuần báo, Sài-gòn.

Nhân dân, báo hằng ngày, cơ quan trung ương của Đảng Lao động Việt-nam (H.).

Nghiên cứu lịch sử, Tạp chí của Viện Sử học, thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam (H.)

Quân đội nhân dân, báo hằng ngày của Quân đội nhân dân Việt-nam (H.).

Tân văn, Tạp chí, Sài-gòn.

Tiền phong, cơ quan của Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh (H.).

Tổ quốc, Tạp chí, cơ quan của Đảng xã hội Việt-nam (H.).

Tri tân, tạp chí xb. ở Hà-nội, dưới thời Pháp thuộc.

Trong Khuê phòng (?)

Thông nhất, Tuần báo văn hóa, xã hội, mỗi tuần ra hai kỳ (H.)

Thông báo triết học, Nội san của Viện Triết học, thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam (H.)

Thời mới, báo hằng ngày (H.)

Thủ đô Hà-nội, báo hằng ngày (H.)

Văn, Tạp san, Sài-gòn.

Văn đàn, Tạp chí, Sài-gòn.

Văn học, Tạp chí của Viện Văn học, thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam (H.)

Văn học, tạp chí, xuất bản ở Sài-gòn.

Văn học bình luận, Tạp chí, 2 tháng một kỳ, của Viện Nghiên cứu văn học Trung-quốc, Bắc-kinh.

Văn hóa, Tạp chí của Bộ Văn hóa (H.)

Văn hóa nguyệt san, Tạp chí cơ quan nghiên cứu Bộ Giáo dục chính quyền Sài-gòn.

Văn hóa Á-châu, Tạp chí của Hội nghiên cứu liên lạc văn hóa Á-châu, xuất bản ở Sài-gòn.

Văn nghệ, tuần báo, của Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt-nam (H.)

Văn nghệ quân đội, Tạp chí của Quân đội nhân dân Việt-nam (H.)

BẢNG KÊ TÊN CÁC TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NGHIÊN CỨU NGUYÊN ĐÌNH CHIỂU

(Chữ số ghi bên cạnh là số thứ tự của đơn vị thư mục có liên quan đến tác giả đó — Xem thư mục)

Á Nam	: Xem Trần Tuấn Khải
Ái Lan	: 68
Abel des Michels	: 18, 24, 53
Bằng Phong	: 69
Bàng Bà Lân	: 110, 111,
Bảo Định Giang	: 66, 107, 108, 109, 218
Bùi Đăng Duy	: 113
Bùi Khánh Đản	: 114
Bùi Giảng	: 71
Bùi Thanh Ba	: 98, 99, 112, 218
C.M.	: 241
Ca Văn Thỉnh	: 115, 116, 151, 189, 219
Cao Huy Đình	: 117
Châu Hải Kỳ	: 72
Chim Hải Yến	: 118, 151, 219
Chu Đăng Sơn	: 151
Chương Thuần	: 119, 120
Dương Quảng Hàm	: 57, 73
Duy Minh Thị	: 17
Dupré	: 23
D.T.B.	: 219, 241, 242
D.T.S.	: 242, 219
Đào Văn Hội	: 121
Đông Hồ	: 124, 219
Đông Xuyên	: 125
Đỗ Đình Nghiêm	: Xem Nghiêm Liên
Đặng Lễ Nghi	: 23

Đặng Trương	: 74
Đặng Thanh Kim	: 219, 243
Đặng Thai Mai	: 122
Đặng Thúc Liêng	: 123, 151, 219
Đình Xuân Hội	: 35, 77, 95
Eugène Balot	: 54
Gabriel Aubaret	: 55, 70
G. Janneau	: 23
Gia Ninh	: 126
Hà Huy Giáp	: 127, 259
Hải Ngộ	: 128, 151, 219
Hoài Nam	: 131, 219
Hoài Thanh	: 100, 132, 218, 260
Hoành Sơn	: 219, 244
Hoeffel	: 133, 151, 219
Hồng Minh	: 134
Hoàng Văn Hà	: 48
Hoàng Ngọc Phách	: 49
Hoàng Giật Cầu	: 75
Hoàng Tuệ	: 129
Hoàng Trọng Quý	: 130
Huỳnh Hữu Vị	: 135, 151, 219
Huỳnh Nhật Hiệu	: 136, 151, 219
K.V.	: 76
Kiều Thanh Qnế	: 77
Kiên Đạt	: 137
Khuông Việt	: 139, 148, 151
Khải Vinh	: 261
Long Phước	: 140, 151, 219
Lê Thọ Xuân	: 1, 134, 143, 219
Lê Trí Viễn	: 49, 78, 145, 183
Lê Văn Siêu	: 79
Lê Xuân Ninh	: 84

Lê Ngọc Chương	: 141, 151, 219
Lê Thuớc	: 61, 142
Liêu Kỳ Lặc	: 146
Lư Khê	: 80
Ma Thất	: 3
Mai Huỳnh Hoa	: 2
Mai Trân	: Xem Trần Thanh Mại
Mạnh Quỳnh	: 58
M.N.	: 147
Minh Đạo NBN	: 149
Michel Ponchon	: 139, 148, 151
NNB.	: Xem Minh Đạo
Ngọc Cung	: 150
Ngô Vi Liên	: Xem Nghiêm Liên
Nguyễn Bá Thời	: 245, 219
Nguyễn Bá Thế	: 6, 62, 151, 152
Nguyễn Bảo Tung	: 153
Nguyễn Cồng Quá	: 219, 246
Nguyễn Duy Cần	: 154
Nguyễn Duy Diễm	: 155
Nguyễn Đình Chiêm	: 59
Nguyễn Đình Cửu	: 156
Nguyễn Hồng Chi	: 157
Nguyễn Đức Hiến	: 158
Nguyễn Đức Sự	: 159
Nguyễn Hào Vĩnh	: 38
Nguyễn Huệ Chi	: 160, 161, 162
Nguyễn Kim Đỉnh	: 37
Nguyễn Khánh Toàn	: 163
Nguyễn Khoa	: 81, 101, 164, 165, 219
Nguyễn Lộc	: 166
Nguyễn Liên Phong	: 151, 167, 219
Nguyễn Ngọc Chi	: 168, 219

- Nguyễn Nghiệp Hưng : 169, 151, 219
Nguyễn Mạnh Quân : 82
Nguyễn Thanh Tâm : 46
Nguyễn Trung Hiếu : 170
Nguyễn Tử Anh : 171, 219
Nguyễn Quang Vinh : 83
Nguyễn Sỹ Lâm : 52, 66, 84
Nguyễn Văn Dần : 84
Nguyễn Văn Hoàn : 4, 102, 172, 262
Nguyễn Văn Khoe : 247
Nguyễn Văn Nghĩ : 103
Nguyễn Văn Nghè : 151, 173, 210
Nguyễn Văn Sỏi : 219, 248
Nguyễn Văn Tài : 219, 249
Nguyễn Văn Thọ : 174, 175
Nguyễn Văn Tố : 56, 84
Nguyễn Văn Tròn : 219, 250
Nguyễn Văn Trung : 176
Nguyễn Xuân Phong : 151, 177, 219
Nguyễn Xuân Sáng : 57
Nhất Tâm : 7
Nhượng Tống : 60
Nhiều Chương : 86
Nghiêm Liên : 56, 84
Niculin : 178
Phạm Đình Khiêm : 180
Phạm Đình Tàn : 181
Phạm Thế Ngũ : 182, 214
Phạm Văn Diêu : 104
Phạm Văn Đồng : 218, 263
Phạm Văn Thúc : 8
Phạm Trường Thiên : 87
Phan Côn : 183

- Phan Khôi : 144, 184
Phan Tử Lang : 8
Phan Kim Thịnh : 185
Phan Văn Hùm : 9, 10, 59, 60, 67, 186, 187, 188, 221
P.H.T. : 179
Pillet : 189
T.X. : 70, 88, 190
T.B. : 105
Tạ Văn Ru : 191
Tàn : 251
Tôn Thọ Tường : 17
Tống Phúc Nho : 151, 195, 219
Tịnh Đức : 151, 193, 219
Tuấn Lộ : 64
Trần Nghĩa : 12, 13, 89, 90, 91, 196, 197, 198
Trần Vinh Quang : 27
Trần Phong Sắc : 219, 252
Trần Ngọc Thống : 151, 199, 219
Trần Thanh Mại : 64, 200, 201, 218
Trần Tuấn Khải : 202
Trần Văn Giao : 203, 204
Trần Văn Giàu : 205, 206, 207, 208
Trọng Phủ : 43
Trúc Hà : 151, 208
Trương Vĩnh Ký : 25, 46
Thanh Lăng : 92
Thái Bạch : 11
Thạch Phương : 211
Thế Mạc : 212
Thiếu Sơn : 213
Thu Giang : xem Nguyễn Duy Cần
Thuyền Phong : 93, 214, 215

Thục Uyên	: 12
Thùy Dương	: 94
Thượng Tân Thị	: 216, 219, 251
Ứng Hòa	: Xem Nguyễn Văn Tố
V.C.	: 219, 253
Văn Tân	: 217
Vân Trình	: Xem Trần Văn Giao
Vi-ta	: 95
Việt Chung Tử	: 220
Việt Nhơn	: 219, 221
Vũ Bằng	: 96
Vũ Đình Liên	: 15, 49, 52, 61, 63, 66, 85, 106, 132, 218, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232
Vũ Đức Phúc	: 233
Vũ Khiêu	: 234, 235, 236, 237
Vũ Ngọc Phan	: 14, 219
Võ Văn Dung	238
Võ Lang	: 97
Võ Kim Thắm	: 219, 254
Xuân Diệu	: 239, 240
Xuân Mỹ	: 16

MỤC LỤC

Lời nói đầu

7

PHẦN THỨ NHẤT

KỶ NIỆM NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu. 13
- Tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu (NGUYỄN VĂN HOÀN soạn) 14
- PHẠM VĂN ĐỒNG: Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc. 23
- Bài học sống, chiến đấu và sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu (Diễn văn do đồng chí HÀ HUY GIÁP đọc trong lễ kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu). 33
- Những hoạt động kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu (NGUYỄN VĂN HOÀN). 49

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

- HÀ HUY GIÁP: Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn yêu nước, chồng xâm lăng, một tâm hồn vàng vạc nhân nghĩa, một tâm gương kiên trung và bất khuất. 65

- NGUYỄN KHÁNH TOÀN: Nguyễn Đình Chiểu, nhà trí thức miền Nam yêu nước vĩ đại. 87
- ĐẶNG THAI MAI: Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước lớn của nhân dân Việt-nam. 96
- HOÀI THANH: Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn, một tâm gương chói ngời tinh thần bất khuất của dân tộc Việt-nam. 105
- CA VĂN THỈNH: Truyền thống quật cường của Nam-bộ và Việt-nam với tinh thần đấu tranh của Nguyễn Đình Chiểu. 131
- TRẦN VĂN GIÀU: Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu? 164
- LÊ THUỐC: Các thể hệ trước với nhà thơ dân tộc Nguyễn Đình Chiểu. 181
- BẢO ĐỊNH GIANG: Một ngòi bút lớn, một tâm gương lớn. 185
- VŨ KHIÊU: Người trí thức Việt-nam trước vận mệnh của dân tộc. 200
- NGUYỄN ĐỒNG CHI: Nguồn gốc và quá trình hình thành chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu. 229
- NGUYỄN ĐỨC SỰ: Quan điểm triết học trong y học và chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu. 269
- BUI ĐẮNG DUY: Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu và cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam-bộ 297
- NGUYỄN TRUNG HIỀU: Cái nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu và tâm lòng, ý chí Việt nam. 324
- CAO HUY ĐỊNH: Đỗ Chiểu với sự chuyển mình của văn hóa dân tộc. 339
- VŨ ĐÌNH LIÊN: Từ nhân sinh quan đến thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu. 351

- **TRẦN THANH MẠI**: Nguyễn Đình Chiểu, lá cờ đầu của nền thơ văn yêu nước thời kỳ cận đại. 362
- **NGŨ LINH** (Liên-xô): Nhà thơ thân yêu của miền Nam Việt-nam. 390
- **XUÂN DIỆU**: Đọc lại thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. 397
- **NGUYỄN ĐÌNH CHÚ**: Từ lý tưởng nhân nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước. 439
- **NGUYỄN HUỆ CHI**: Con đường thơ của Nguyễn Đình Chiểu. 456
- **TRẦN NGHĨA**: Thử bàn về nguồn gốc truyện *Lục Vân Tiên*. 485
- **HOÀNG GIẬT CẦU** (Trung-quốc): Lược khảo về hai tên sách truyện *Tây minh* và truyện *Tam công*. 498
- **NGUYỄN QUANG VINH**: Truyện thơ *Lục Vân Tiên* với văn hóa dân gian. 516
- **NGUYỄN VĂN HOÀN**: Từ *Lục Vân Tiên* đến *Dương Từ — Hà Mậu*. 535
- **BÙI THANH BA**: Qua *Ngư Tiều và đáp*, tìm hiểu thế giới quan Nguyễn Đình Chiểu. 559
- **THẠCH PHƯƠNG**: Nguyễn Đình Chiểu và những người cầm bút ở các thành thị miền Nam. 572
- **VŨ ĐỨC PHÚC**: Mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu. 584

PHỤ LỤC

- **NGUYỄN VĂN HOÀN**: Niên biểu Nguyễn Đình Chiểu. 605
- **NGUYỄN VĂN HOÀN**: Thư mục về Nguyễn Đình Chiểu. 136